

Biểu mẫu 18

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY ĐÔ

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học
năm học 2017-2018

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại							
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		Cao đẳng sư phạm		Trung cấp sư phạm	
				Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học
	Tổng số								
1	Khối ngành I								
2	Khối ngành II					x	x	x	x
3	Khối ngành III		659	2581		x	x	x	x
4	Khối ngành IV					x	x	x	x
5	Khối ngành V			1148		x	x	x	x
6	Khối ngành VI			2487		x	x	x	x
7	Khối ngành VII			888		x	x	x	x

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
	Tổng số					
1	Khối ngành I					
2	Khối ngành II					
3	Khối ngành III	313			82	
4	Khối ngành IV					

5	Khối ngành V	76			58
6	Khối ngành VI	155			72
7	Khối ngành VII	116			73

(*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: ((SL SVTN có việc làm + SL SVTN đang học nâng cao)/tổng số SVTN được khảo sát)* 100

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Độc chất học	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản, cần thiết về các chất độc, tác dụng của chúng đối với cơ thể, cách phòng chống và chống lại tác động có hại của chúng cũng như xây dựng các phương pháp phân lập chất độc khỏi mẫu thử	3	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Cung cấp những kiến thức cơ bản về NCKH, cách chuẩn bị đề viết đề cương, các bước thực hiện một đề tài, phương pháp viết bài báo khoa học và trình bày một báo cáo NCKH hay luận văn tốt nghiệp ứng dụng trong ngành Dược	2	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
3.	Dược học cổ truyền	Cung cấp cho sinh viên kiến thức đại cương y học cổ truyền; phân tích và xây dựng 1 số phương thuốc cổ truyền; chế biến và bào chế được một số vị thuốc, loại thuốc cổ truyền.	2	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
4.	Dược lâm sàng 2	Cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về sử dụng thuốc nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động của Dược sĩ lâm sàng tại bệnh viện, giúp cho người dược sĩ thực sự trở thành người dược sĩ bên cạnh giường bệnh.	4	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	TT bệnh viện + Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
5.	Dược xã hội học	Môn học giới thiệu hệ thống tổ chức ngành Y tế Việt Nam và các quan điểm, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác Y tế, những nội dung cơ bản của chiến lược chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân và chiến lược phát triển ngành Dược trong giai đoạn hiện nay. Trình bày tổ chức của ngành Dược Việt Nam, chức năng, nhiệm vụ và vai trò của người	2	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Dược sĩ trong tình hình hiện nay.			
6.	Mỹ phẩm và thực phẩm chức năng	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng liên quan đến mỹ phẩm, thực phẩm chức năng bao gồm các vấn đề liên quan đến khái niệm, thành phần, phân loại, phân biệt các dạng bào chế, ứng dụng và kiểm tra quản lý.	3	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
7.	Dược lâm sàng và điều trị	Dược lâm sàng trong bệnh viện phục vụ cho sinh viên đã có những kiến thức cơ bản về dược lâm sàng đại cương và dược lâm sàng điều trị. Đặc biệt là kỹ năng giao tiếp với bệnh nhân trong việc hướng dẫn bệnh nhân sử dụng thuốc an toàn và hợp lý.	2	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
8.	Hướng dẫn sử dụng thuốc	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách nhận dạng một số loại thuốc thông dụng, hướng dẫn công dụng cách dùng, giúp sinh viên biết cách sử dụng cũng như tư vấn, cho bệnh nhân.	2	Học kỳ I. Năm học 2016-2019	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
9.	Tin học chuyên ngành dược	Cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát về SPSS và phần mềm ChemDraw. Phương pháp tổ chức điều tra, kỹ năng sử dụng và xử lý trên phần mềm SPSS để trình bày một báo cáo điều tra	3	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
10.	Kinh tế dược	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về: Kinh tế đại cương, vĩ mô, vi mô, kinh tế thị trường, kinh tế y tế, hợp đồng kinh tế. Quản trị, marketing dược. Các loại thuế, thống kê trong các hoạt động kinh tế dược.	2	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
11.	Pháp chế dược 1	Cung cấp các nội dung liên quan đến một số qui định về việc bảo quản thuốc, hóa chất, dụng cụ y tế, các qui định về lĩnh vực hành nghề dược. Học phần còn đề cập đến một số nội dung cơ bản của một số bộ luật cơ bản của Việt Nam như Luật Dân sự, Luật hình sự, Luật kinh tế.	2	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
12.	Dược lý 2	Giúp cho SV phân loại một số nhóm thuốc cơ bản, tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, liều lượng và cách dùng của một số thuốc: thuốc tác dụng trên hệ thần kinh thực vật, hệ thần kinh trung ương, thuốc giảm đau, thuốc tác	4	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%

		động trên hệ tiêu hóa, thuốc trị bệnh tim mạch.			
13.	Bào chế và sinh dược 2	Các kiến thức cơ bản về kỹ thuật điều chế và sinh dược học các dạng thuốc: nhũ tương, hỗn dịch, thuốc mỡ, thuốc phun mù, thuốc mỡ, thuốc đạn, thuốc bột, thuốc viên, thuốc nang... Tương kỵ, tương tác trong bào chế thuốc.	5	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
14.	Quản trị kinh doanh dược	Quản trị kinh doanh trong lĩnh vực dược là một môn học giúp cho việc đào tạo người cán bộ Dược có những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất trong lĩnh vực dược. Người học được trang bị không chỉ những kiến thức cơ bản về lý thuyết mà còn được thực hành các tình huống liên quan tới thực hành nghề nghiệp từ thực tế công việc	3	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
15.	Phương pháp nghiên cứu dược liệu	Sinh viên sẽ học các phương pháp chiết xuất dược liệu cổ điển và hiện đại, từ quy mô nhỏ tới quy mô công nghiệp. Các phương pháp phân lập các nhóm hoạt chất từ dược liệu bằng các kỹ thuật sắc ký cổ điển và hiện đại ở quy mô phân tích và định lượng.	3	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
16.	Điều dưỡng phòng mổ-hậu phẫu	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về quy định, quy chế liên quan đến phòng mổ; chức năng của điều dưỡng phòng mổ; y dụng cụ trang thiết bị của phòng mổ và có khả năng chăm sóc dược người bệnh sau mổ.	2	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
17.	Chăm sóc bệnh chuyên khoa hệ ngoại (tai mũi họng, mắt, răng hàm mặt)	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về triệu chứng, biến chứng, hướng điều trị và có khả năng chăm sóc các bệnh Mắt, Tai -Mũi-Họng, Răng hàm mặt thường gặp.	3	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
18.	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về sức khỏe tâm thần, và một số biểu hiện bệnh lý tâm thần, những khó khăn về tâm lý của người bệnh; lập kế hoạch và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân tâm thần.	2	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
19.	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	- Mô tả chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của trạm y tế cơ sở và chức trách nhiệm vụ của nhân viên trạm y tế - Quản lý chăm sóc sức khỏe ban	2	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%

		đầu (lập kế hoạch, theo dõi, giám sát, truyền thông giao tiếp với đồng nghiệp, làm việc nhóm, huy động cộng đồng). Giáo dục sức khỏe cho cộng đồng.			
20.	Nghiên cứu khoa học	Cung cấp cho sinh viên có kiến thức và kỹ năng thực hành cơ bản về cách chuẩn bị đề viết đề cương, phương pháp thực hiện một đề tài, cách viết bài báo khoa học và trình bày một báo cáo NCKH ứng dụng trong ngành Điều dưỡng. Giới thiệu những phương pháp truy cập thông tin, tài liệu từ thư viện, Internet...	2	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
21.	Hóa phân tích 2	SV nắm được nguyên lý và các bước tiến hành của các ứng dụng của các phương pháp quang phổ UV-VIS, hồng ngoại, huỳnh quang, hấp thụ nguyên tử, một số phương pháp sắc kí, một số phương pháp điện hóa (đo pH, chuẩn độ....). Các phương pháp xử lý mẫu.	4	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
22.	Tâm lý và đạo đức y dược	Cung cấp kiến thức cơ bản về tâm lý và tâm lý y học. Các nguyên lý cơ bản của đạo đức y học trong thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học dựa trên các quy định chung của Việt Nam và Quốc tế.	2	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
23.	Dược dịch tễ	Cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên tắc và nội dung chính của dịch tễ học và ứng dụng các nguyên tắc này trong chăm sóc sức khỏe; các chỉ số sức khỏe chủ yếu của cộng đồng, cách xác định yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh; mô tả và phân tích tình trạng sức khỏe của cộng đồng dân cư; phân tích đặc điểm dịch tễ của một số bệnh truyền nhiễm thường gặp trong cộng đồng.	2	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
24.	Môi trường	Cung cấp sinh viên những kiến thức về các yếu tố môi trường và ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đến sức khỏe; các yếu tố gây ô nhiễm môi trường và các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường. Vận dụng những kiến thức về sức khỏe môi trường vào việc chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người bệnh và cộng đồng. Nhận thức được trách nhiệm cá nhân	2	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%

		trong thực hành nghề nghiệp.			
25.	Hóa dược 1	Giúp cho sinh viên nắm được nguyên tắc điều chế, công thức cấu tạo, tính chất lý hóa chính để ứng dụng trong kiểm nghiệm, pha chế, bảo quản thuốc; định tính, thử tinh khiết, định lượng một số nguyên liệu dùng làm thuốc, mối liên quan giữa cấu trúc và tác dụng (nếu có) của một số thuốc chính trong các nhóm thuốc: tác dụng trên thần kinh trung ương, thần kinh ngoại biên, thuốc tim mạch, thuốc lợi tiểu, vitamin và các chất dinh dưỡng.	3	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
26.	Ký sinh trùng	Giúp cho SV nắm được đặc điểm cơ bản về hình dạng, cấu trúc, chu kỳ phát triển; mối quan hệ của ký sinh trùng với môi trường và cơ thể con người, khả năng và cơ chế gây bệnh; nguyên tắc phòng và chống ký sinh trùng gây bệnh; các phương pháp xét nghiệm để chẩn đoán. Vận dụng những kiến thức đã học vào việc học tập các môn học khác của ngành dược.	3	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
27.	Dược liệu 1	Cung cấp cho sinh viên kiến thức chung về nguồn gốc, đặc điểm, phân bố, thành phần hoá học chính, tác dụng sinh học của các nhóm hợp chất carbohydrat, glycosid trợ tim, saponin, anthraglycosid, flavonoid, coumarin, tannin có trong dược liệu. Sinh viên cũng được trang bị kiến thức về vi phẫu, phương pháp chiết xuất, định tính, định lượng các nhóm hợp chất trên.	4	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
28.	Pháp luật - Tổ chức Y tế	Cung cấp cho sinh viên cơ sở lý luận cơ bản của công tác y tế, nguyên tắc tổ chức, mô hình tổ chức, mạng lưới y tế Việt Nam và các giải pháp cơ bản của chương trình y tế quốc gia.	2	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
29.	Kỹ năng giao tiếp-Giáo dục sức khỏe	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về truyền thông và giao tiếp và có khả năng vận dụng kiến thức tối thiểu về giao tiếp trong hoạt động tư vấn sức khỏe cho người bệnh.	2	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
30.	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa 2	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về triệu chứng, tiến triển và biến chứng một số bệnh thuộc chuyên khoa hô hấp, nội tiết, bệnh tự miễn	4	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%

		và một số bệnh cấp cứu thường gặp và có khả năng chăm sóc người bệnh nội khoa hô hấp, nội tiết, bệnh tự miễn và một số bệnh cấp cứu thường gặp.			
31.	Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về bệnh học, đặc điểm giải phẫu, sinh lý của trẻ em để nhận định, đánh giá và chăm sóc bệnh nhi toàn diện....	3	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
32.	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa 2	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về nguyên nhân triệu chứng một số bệnh ngoại khoa niệu, thần kinh, chấn thương và có khả năng chăm sóc một số bệnh ngoại khoa niệu, thần kinh, chấn thương	3	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
33.	Phục hồi chức năng 1	Cung cấp kiến thức về sức khỏe, khuyết tật, tàn tật, tàn phế và các khái niệm về phục hồi chức năng và hình thức phục hồi chức năng và mục đích của vận động trị liệu. và mô tả được các hình thức vận động trị liệu thường được áp dụng.	3	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
34.	Y học cổ truyền 1	Cung cấp các kiến thức cơ bản cần thiết cho việc chăm sóc các bệnh theo y học cổ truyền và một số phương pháp nhận định người bệnh theo y học cổ truyền	2	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
35.	Kiểm soát nhiễm khuẩn	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về tổ chức kiểm soát nhiễm khuẩn ở bệnh viện và biện pháp phòng ngừa phơi nhiễm nghề nghiệp.	2	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
36.	Bào chế	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các dạng thuốc: khái niệm, ưu nhược điểm, tiêu chuẩn chất lượng và cách dùng để có thể giới thiệu, tư vấn cho người bệnh và thầy thuốc trong lựa chọn và sử dụng hợp lý, an toàn các dạng thuốc. Giúp người học làm quen với các kỹ năng bào chế và bào chế được một số dạng thuốc thông thường ở quy mô phòng thí nghiệm, vận dụng được những kiến thức đó vào thực tế sản xuất thuốc ở các nhà máy, cơ sở sản xuất thuốc.	5	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
37.	Dược lâm sàng	Giúp sinh viên có những kiến thức và kỹ năng cơ bản về sử dụng thuốc phù hợp với người bệnh đảm bảo an toàn, hợp lý và hiệu quả.	3	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%

38.	Kiểm nghiệm thuốc	Kiểm nghiệm là một khâu quan trọng trong hệ thống quản lý chất lượng toàn diện của dược phẩm. Kiểm nghiệm có mặt trong các công đoạn sản xuất (kiểm nghiệm nguyên liệu, bán thành phẩm và kiểm nghiệm thành phẩm) trong tồn trữ, lưu thông và phân phối thuốc. Các kỹ thuật được sử dụng trong kiểm nghiệm rất phong phú và đa dạng thuộc các lĩnh vực vật lý, hóa học, sinh học.	5	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
39.	Kinh tế dược	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về: Kinh tế đại cương, vĩ mô, vi mô, kinh tế thị trường, kinh tế y tế, hợp đồng kinh tế. Quản trị, marketing dược. Các loại thuế, thống kê trong các hoạt động kinh tế dược.	2	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
40.	Quản trị kinh doanh dược	Trang bị những kiến thức cơ bản về lý thuyết mà còn được thực hành các tình huống liên quan tới thực hành nghề nghiệp từ thực tế công việc. Qua đó người học có khả năng thích ứng được với nhiều tình huống công tác sau khi tốt nghiệp.	3	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
41.	Quản lý tồn trữ thuốc	Trang bị cho sinh viên về kiến thức và kỹ năng về tồn trữ và bảo quản thuốc và dụng cụ y tế.	2	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
42.	Chăm sóc bệnh chuyên khoa hệ nội (Da liễu, Lao)	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về triệu chứng, tiến triển, biến chứng và ó khả năng chăm sóc một số bệnh thường gặp thuộc chuyên khoa da liễu và lao.	2	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
43.	Chăm sóc bệnh chuyên khoa hệ ngoại (Mắt, TMH, RHM)	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về triệu chứng, biến chứng, hướng điều trị và có khả năng chăm sóc các bệnh Mắt, Tai -Mũi-Họng, Răng hàm mặt thường gặp.	2	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
44.	Điều dưỡng phòng mổ-hậu phẫu	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về quy định, quy chế liên quan đến phòng mổ; chức năng của điều dưỡng phòng mổ; y dụng cụ trang thiết bị của phòng mổ và có khả năng chăm sóc được người bệnh sau mổ.	2	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
45.	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về sức khỏe tâm thần, và một số biểu hiện bệnh lý tâm thần, những khó khăn về tâm lý của người bệnh; lập kế hoạch và thực hiện được kế	2	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%

		hoạch chăm sóc bệnh nhân tâm thần.			
46.	Chăm sóc sức khoẻ cộng đồng	Mô tả chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của trạm y tế cơ sở và chức trách nhiệm vụ của nhân viên trạm y tế - Quản lý chăm sóc sức khoẻ ban đầu (lập kế hoạch, theo dõi, giám sát, truyền thông giao tiếp với đồng nghiệp, làm việc nhóm, huy động cộng đồng). Giáo dục sức khoẻ cho cộng đồng.	2	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
47.	Chăm sóc sức khoẻ phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các dấu hiệu bình thường, bệnh lý trong thời kỳ thai nghén, chuyển dạ và sau đẻ; nguyên nhân, triệu chứng, tiến triển, biến chứng của một số bệnh thường gặp trong sản – phụ khoa và có khả năng thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng thường gặp khi chăm sóc phụ nữ trong giai đoạn trước- trong và sau đẻ	3	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
48.	Quản lý điều dưỡng	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về thống quản lý Điều dưỡng Việt nam, chức năng nhiệm vụ của các cấp trong ngành điều dưỡng và các nguyên tắc và kỹ năng quản lý điều dưỡng.	1	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
49.	Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, phương thức lây truyền, triệu chứng học, biến chứng và cách chăm sóc của các bệnh truyền nhiễm thường gặp.	2	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
50.	Tổ chức Y tế - Y đức	- Cung cấp cho sinh viên cơ sở lý luận cơ bản của công tác y tế, nguyên tắc tổ chức, mô hình tổ chức, mạng lưới y tế Việt Nam và các giải pháp cơ bản của chương trình y tế quốc gia.	2	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
51.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ngoài chương mở đầu giới thiệu về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập của môn học và chương I nghiên cứu về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh thì nội dung còn có 6 chương nghiên cứu về những tư tưởng của Người về các vấn đề cụ thể, cơ bản nhất của cách mạng Việt Nam	2	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%

52.	TOEIC 3	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe – Nói – Đọc – Viết và 3 kỹ năng phụ Ngữ pháp - Từ vựng – Phát âm giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi TOEIC quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản	4	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
53.	Giáo dục thể chất 3	Giúp cho sinh viên hoàn thiện một số động tác nâng cao trong bóng chuyền. Sinh viên có kiến thức về phương pháp trọng tài và có thể làm trọng tài trong các giải phong trào của đơn vị. Nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, ném biên. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe. Phát triển hoàn thiện kỹ thuật đập bóng cơ bản, hình thức thi đấu, khả năng tổ chức và điều hành trận đấu. Hiểu được một số luật cơ bản và phương pháp trọng tài.	1	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
54.	Hóa hữu cơ	Cung cấp những kiến thức cơ bản về cấu trúc, danh pháp, cơ chế phản ứng, tính chất lý học, tính chất hoá, học của hợp chất hydrocarbon, hợp chất đơn chức, đa chức, tạp chức, dị vòng, hợp chất thiên nhiên. Vận dụng, liên hệ được các kiến thức cơ bản trên vào trong đời sống và các môn học khác.	4	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
55.	Hóa lý dược	Cung cấp những kiến thức về các tính chất cơ bản của dung dịch điện ly, về các hệ phân tán thường được ứng dụng trong ngành Dược.	3	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
56.	Giải phẫu sinh lý 1	Cung cấp những kiến thức căn bản về hình thái vi thể của các cơ quan trong cơ thể, những quy luật hoạt động của cơ thể sống, những đặc điểm chức năng từng tế bào, cơ quan, hệ thống cơ quan trong cơ thể và sự điều hòa hoạt động của các cơ quan trong một cơ thể thống nhất, toàn vẹn.	2	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
57.	Môi trường	Cung cấp sinh viên những kiến thức về các yếu tố môi trường và ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đến sức khỏe; các yếu tố gây ô nhiễm môi trường và các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường.	2	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Vận dụng những kiến thức về sức khỏe môi trường vào việc chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người bệnh và cộng đồng. Nhận thức được trách nhiệm cá nhân trong thực hành nghề nghiệp.			
58.	Nhận thức được liệu	Sinh viên sẽ nhận thức được được liệu về mặt cảm quan và nắm được các kiến thức về tên Việt Nam, tên khoa học, bộ phận dùng, thành phần hóa học, công dụng và cách dùng của từng dược liệu.	1	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
59.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ngoài chương mở đầu giới thiệu về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập của môn học và chương I nghiên cứu về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh thì nội dung còn có 6 chương nghiên cứu về những tư tưởng của Người về các vấn đề cụ thể, cơ bản nhất của cách mạng Việt Nam	2	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
60.	Tin học căn bản	Cung cấp cho sinh viên khối kiến thức căn bản và các thuật ngữ cập nhật về môn TIN HỌC CĂN BẢN. Mục tiêu của học phần nhằm giúp sinh viên tiếp cận công nghệ thông tin và sử dụng thành thạo tin học văn phòng.	2	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
61.	Thực hành tin học căn bản	Qua những bài thực hành trên máy vi tính, sinh viên sẽ ôn lại lý thuyết đã được cung cấp. Sinh viên sẽ rèn luyện kỹ năng thao tác nhanh, chính xác các lĩnh vực đã được truyền đạt, thực hành các cách trình bày văn bản, thực hành các bài toán hoặc các vấn đề gắn với thực tiễn mà sinh viên sẽ giải quyết trong công việc văn phòng ở Công ty, Xí nghiệp hay Trường học... sau này.	2	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
62.	Giáo dục thể chất 3*	Giúp cho sinh viên hoàn thiện một số động tác nâng cao trong bóng chuyền. Sinh viên có kiến thức về phương pháp trọng tài và có thể làm trọng tài trong các giải phong trào của đơn vị. Nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tăng bóng, sút bóng, ném biên. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe. Phát triển hoàn thiện kỹ thuật đập	1	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%

		bóng cơ bản, hình thức thi đấu, khả năng tổ chức và điều hành trận đấu. Hiểu được một số luật cơ bản và phương pháp trọng tài.			
63.	Ký sinh trùng	Giúp cho SV nắm được đặc điểm cơ bản về hình dạng, cấu trúc, chu kỳ phát triển; mối quan hệ của ký sinh trùng với môi trường và cơ thể con người, khả năng và cơ chế gây bệnh; nguyên tắc phòng và chống ký sinh trùng gây bệnh; các phương pháp xét nghiệm để chẩn đoán. Vận dụng những kiến thức đã học vào việc học tập các môn học khác của ngành dược.	2	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
64.	Vi sinh	Cung cấp những kiến thức về phương pháp chẩn đoán, phòng bệnh, điều trị bệnh và tác nhân gây bệnh thuộc các loại vi sinh vật, bệnh lý học, khả năng lây lan, đặc biệt là cơ chế gây bệnh của các vi sinh vật, dịch tễ học của các bệnh nhiễm trùng.	3	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
65.	TOEIC 3	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe – Nói – Đọc – Viết và 3 kỹ năng phụ Ngữ pháp - Từ vựng – Phát âm giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi TOEIC quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản	4	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
66.	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về các quy luật hoạt động, các rối loạn chức năng của cơ thể bệnh trong từng người bệnh lý cụ thể, trong các quá trình bệnh lý điển hình và trong bệnh lý nói chung.	2	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
67.	Điều dưỡng cơ bản 1	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về quy tắc nghề nghiệp, luật pháp quốc gia, luật pháp địa phương và chính sách y tế khi cung cấp chăm sóc điều dưỡng, tuân theo các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp và các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản.	4	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
68.	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin 1	Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin học phần 1 là phần thứ nhất của môn học Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nội dung của môn học bao gồm 4 chương, nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự	2	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%

		nhân, xã hội và tư duy; xây dựng thể giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng.			
69.	TOEIC 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe – Nói – Đọc – Viết và 3 kỹ năng phụ Ngữ pháp - Từ vựng – Phát âm giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi TOEIC quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản.	4	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
70.	Sinh học di truyền	Biết được tế bào là gì và lịch sử phát hiện ra tế bào như thế nào. Thành phần hóa học và các đại phân tử tham gia cấu tạo tế bào, các tổ chức NST trong cơ thể sinh vật. Phân biệt được các dạng rối loạn di truyền ở người và một số bệnh di truyền liên quan đến NST. Làm cơ sở nền tảng cho việc học các môn học tiếp theo các ngành sức khỏe.	3	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
71.	Vật lý đại cương	Cung cấp các kiến thức về: sự biến đổi năng lượng của cơ thể; chuyển động trong cơ thể; dao động và sóng; điện và sự sống; ánh sáng và cơ thể sống; bức xạ ion hóa và cơ thể sống; ứng dụng một số kỹ thuật vật lý nguyên tử và hạt nhân vào y học.	2	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
72.	Giáo dục thể chất 1	Học phân môn cầu lông giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn cầu lông thế giới và Việt Nam. Nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật như di chuyển đơn bước và đa bước, kỹ thuật giao cầu trái tay, kỹ thuật phòng thủ cơ bản... Học phân môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, dâng bóng, sút bóng, chuyền bóng. Học phân môn bóng chuyền giúp cho sinh viên có khả năng nhận biết một số kỹ thuật cơ bản của bóng chuyền, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác để trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe.	1	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%

73.	Những nguyên lý cơ bản CN Mác-Lênin 1	Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin học phần 1 là phần thứ nhất của môn học Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nội dung của môn học bao gồm 4 chương, nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy; xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng.	2	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
74.	Toeic 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe – Nói – Đọc – Viết và 3 kỹ năng phụ Ngữ pháp - Từ vựng – Phát âm giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi TOEIC quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản.	4	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
75.	Giáo dục thể chất 1	Học phần môn cầu lông giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn cầu lông thế giới và Việt Nam. Nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật như di chuyển đơn bước và đa bước, kỹ thuật giao cầu trái tay, kỹ thuật phòng thủ cơ bản... Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, chuyền bóng. Học phần bóng chuyền giúp cho sinh viên có khả năng nhận biết một số kỹ thuật cơ bản của bóng chuyền, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác để trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe.	1	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
76.	Xác suất – Thống kê y học	Môn học bao gồm hai phần: Xác suất và Thống kê. Phần xác suất nhằm cung cấp kiến thức cơ bản bao gồm: xác suất cơ bản, công thức cộng xác suất, công thức nhân xác suất, công thức xác suất đầy đủ, công thức Bayes, công thức Bernoulli và xác suất trong chẩn đoán; Biến ngẫu nhiên và một số phân phối xác suất thông dụng. Phần thống kê giới thiệu các	2	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%

		phương pháp thu thập dữ liệu, các khái niệm và các tham số đặc trưng của tổng thể và mẫu; ước lượng và kiểm định các tham số của tổng thể.			
77.	Vật lý-lý sinh	Cung cấp các kiến thức về: sự biến đổi năng lượng của cơ thể; chuyển động trong cơ thể; dao động và sóng; điện và sự sống; ánh sáng và cơ thể sống; bức xạ ion hóa và cơ thể sống; ứng dụng một số kỹ thuật vật lý nguyên tử và hạt nhân vào y học.	2	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
78.	Sinh học và di truyền	Biết được tế bào là gì và lịch sử phát hiện ra tế bào như thế nào. Thành phần hóa học và các đại phân tử tham gia cấu tạo tế bào, các tổ chức NST trong cơ thể sinh vật. Phân biệt được các dạng rối loạn di truyền ở người và một số bệnh di truyền liên quan đến NST.	2	Học kỳ I. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
79.	Thực tế tốt nghiệp	Đào tạo người Dược sĩ Đại học có kiến thức, kỹ năng, thái độ tích cực để thực hiện các nhiệm vụ: sản xuất, kiểm tra chất lượng, đảm bảo chất lượng, bảo quản, phân phối thuốc. Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng tham gia vào hệ thống sản xuất tại nhà máy đạt chuẩn GMP-WHO.	8	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm tổng kết môn học = (điểm tại cơ sở + điểm số thực tập)/3,
80.	Khóa luận tốt nghiệp	Cung cấp cho sinh viên kiến thức và quy trình lựa chọn đề tài, ứng dụng vào thực tiễn để đề xuất các biện pháp và kiến nghị thuộc lĩnh vực chăm sóc.	4	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Đánh giá của hội đồng.
81.	Làm tiểu luận	Cung cấp cho sinh viên kiến thức và quy trình lựa chọn đề tài, ứng dụng vào thực tiễn để đề xuất các biện pháp và kiến nghị thuộc lĩnh vực chăm sóc.	4	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	(GV chấm 1+GV chấm 2)/2
82.	Độ ổn định của thuốc	Cung cấp cho sinh viên có kiến thức sâu hơn về các yếu tố ảnh hưởng đến độ ổn định của thuốc và các phương pháp xác định hạn dùng tuổi thọ của thuốc.	2	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
83.	Quản lý và cung ứng thuốc	Môn học nhằm trang bị cho sinh viên về kiến thức và kỹ năng về tồn trữ và bảo quản thuốc và dụng cụ y tế.	2	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
84.	Công nghệ sản xuất dược phẩm	Môn học giúp nghiên cứu, sản xuất một thuốc thông dụng như: viên nén, viên nang, viên bao phim ...	4	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%

		đạt tiêu chuẩn chất lượng. Năm được nguyên lý hoạt động của một số trang thiết bị thông dụng để sản xuất thuốc. Ngoài ra, công nghệ sản xuất dược phẩm giúp hiểu sâu hơn về hệ thống quản lý chất lượng, các GMP, ISO được áp dụng ở các xí nghiệp dược phẩm sản xuất thuốc, cơ sở kiểm tra chất lượng thuốc.			
85.	Dược lâm sàng 1	Cung cấp được những kiến thức cơ bản nhất về sử dụng thuốc nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động của Dược sĩ lâm sàng tại bệnh viện, giúp cho người dược sĩ thực sự trở thành người dược sĩ bên cạnh giường bệnh.	3	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
86.	Kiểm nghiệm dược phẩm	Kiểm nghiệm là một khâu quan trọng trong hệ thống quản lý chất lượng toàn diện của dược phẩm. Kiểm nghiệm có mặt trong các công đoạn sản xuất (kiểm nghiệm nguyên liệu, bán thành phẩm và kiểm nghiệm thành phẩm) trong tồn trữ, lưu thông và phân phối thuốc. Các kỹ thuật được sử dụng trong kiểm nghiệm rất phong phú và đa dạng thuộc các lĩnh vực vật lý, hóa học, sinh học	5	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
87.	Thực tế 1 (TT. Bệnh viện)	Đào tạo người dược sĩ có kiến thức, kỹ năng và thái độ tích cực để tham gia vào quản lý, phân phối thuốc, hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.	1	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm tổng kết môn học = (điểm tại cơ sở + điểm số thực tập)/3,
88.	Marketing dược	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về marketing, marketing dược như: các chính sách trong marketing, và giúp cho sinh viên có thể ứng dụng những chính sách đó trong hoạt động marketing dược phẩm.	3	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
89.	Pháp chế dược 2	Pháp chế dược 2 bao gồm các nội dung về bộ tiêu chuẩn thực hành tốt do Bộ Y tế ban hành: Thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP), Thực hành tốt kiểm nghiệm thuốc (GLP), Thực hành tốt bảo quản thuốc (GSP), Thực hành tốt phân phối thuốc (GDP), Thực hành tốt nhà thuốc (GPP), và những kiến thức chung về tình hình sản xuất, sử dụng và quản lý mỹ phẩm hiện nay của Việt Nam, Hiệp định về hệ thống hòa	2	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%

		hợp ASEAN trong quản lý mỹ phẩm, và GMP trong sản xuất mỹ phẩm.			
90.	Đảm bảo chất lượng thuốc	Học phân Đảm bảo chất lượng thuốc bao gồm các nội dung về bộ tiêu chuẩn thực hành tốt do Bộ Y tế ban hành: Thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP), Thực hành tốt kiểm nghiệm thuốc (GLP), Thực hành tốt bảo quản thuốc (GSP), Thực hành tốt phân phối thuốc (GDP), Thực hành tốt nhà thuốc (GPP) nhằm giúp cho sinh viên có những kiến thức cơ bản về các phương pháp chủ yếu trong công tác đảm bảo chất lượng thuốc từ sản xuất cho đến tay người sử dụng.	3	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
91.	Sản xuất thuốc từ dược liệu (hướng 2)	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng liên quan đến chiết xuất dược liệu, xử lý tạp, cô sấy để thu được, các chế phẩm trung gian phục vụ cho việc bào chế các dạng thuốc từ dược liệu.	2	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
92.	Thực tập tốt nghiệp	Giúp cho sinh viên tiếp cận các khoa lâm sàng một cách độc lập dựa trên các kiến thức đã được tích lũy, củng cố kiến thức lâm sàng và kỹ năng chăm sóc bệnh nhân sau khi tốt nghiệp.	4	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm trung bình thực tập theo hệ số* 0.4 + Điểm báo cáo thực tập * 0.6.
93.	Khóa luận tốt nghiệp	Cung cấp cho sinh viên kiến thức và quy trình lựa chọn đề tài, ứng dụng vào thực tiễn để đề xuất các biện pháp và kiến nghị thuộc lĩnh vực chăm sóc.	8	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Đánh giá của hội đồng.
94.	Tiểu luận tốt nghiệp	Cung cấp cho sinh viên kiến thức và quy trình lựa chọn đề tài, ứng dụng vào thực tiễn để đề xuất các biện pháp và kiến nghị thuộc lĩnh vực chăm sóc.	4	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	(GV chấm 1+GV chấm 2)/2
95.	Chăm sóc người bệnh cấp cứu & chăm sóc tích cực	- Cung cấp cho sinh viên kiến thức về biện pháp theo dõi đánh giá, đảm bảo chức năng cơ bản và các biện pháp chăm sóc hồi sức trong cấp cứu bệnh nhân.	2	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
96.	Chăm sóc sức khoẻ người cao tuổi	- Mô tả được những thay đổi về chức năng sinh lý và tâm lý ở đối tượng người cao tuổi và lập được kế hoạch chăm sóc phù hợp với các bệnh thường gặp ở người cao tuổi	2	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
97.	Bệnh học cơ sở	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và hướng điều	3	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%

		trị của một số bệnh lý thường gặp trên hệ tim mạch, nội tiết, hệ hô hấp, huyết học, vận động, tiêu hóa, ... Sinh viên sẽ được thực tập tại bệnh viện, tiếp xúc với bệnh nhân để củng cố cho phần lý thuyết đã học và biết cách phân tích một số kết quả cận lâm sàng cơ bản.			
98.	Dược liệu 2	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về nguồn gốc, đặc điểm, phân bố, công thức cấu tạo, tác dụng sinh học của các dược liệu chứa các nhóm hợp chất tinh dầu, nhựa, chất béo và alkaloid. Sinh viên cũng được trang bị kiến thức về thực hành vi phẫu, phương pháp chiết xuất dược liệu, định tính định lượng các nhóm hợp chất trên.	4	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
99.	Hóa dược 2	Sinh viên nắm các nguyên tắc điều chế, công thức cấu tạo, tính chất lý hóa chính để ứng dụng trong kiểm nghiệm, pha chế, bảo quản thuốc; định tính, thử tinh khiết, định lượng một số nguyên liệu dùng làm thuốc, mối liên quan giữa cấu trúc và tác dụng (nếu có) của một số thuốc chính trong các nhóm thuốc kháng histamin, hormon, kháng sinh, sulfamid, thuốc điều trị ung thư, thuốc điều trị lao và phong...	4	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
100.	Dược lý 1	Sinh viên nắm được các cơ chế tác dụng và yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc, những vấn đề cơ bản trong điều trị của thuốc. Phân loại một số nhóm thuốc cơ bản, tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, liều lượng và cách dùng của một số thuốc: thuốc tác dụng trên hệ thần kinh thực vật, hệ thần kinh trung ương, thuốc giảm đau, thuốc tác động trên hệ tiêu hóa, thuốc trị bệnh tim mạch.	3	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
101.	Bào chế và sinh dược 1	Sinh viên nắm các kiến thức cơ bản về kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc: dung dịch thuốc uống và dung dịch thuốc dùng ngoài, thuốc tiêm, thuốc nhỏ mắt, kỹ thuật chiết xuất và kỹ thuật bào chế cao thuốc, cồn thuốc, rượu thuốc, kỹ thuật xử lý điều chế các	4	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%

		loại nước sử dụng trong ngành dược.			
102	Quản lý tồn trữ thuốc	Trang bị cho sinh viên về kiến thức và kỹ năng về tồn trữ và bảo quản thuốc và dụng cụ y tế.	2	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
103	Phương pháp phân tích dụng cụ	Môn học bao gồm các kiến thức cơ bản các phương pháp phân tích dụng cụ (chiết tách, sắc ký, quang phổ, điện hóa,...) được sử dụng rộng rãi trong ngành Dược.	2	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
104	Chăm sóc sức khoẻ phụ nữ, bà mẹ và gia đình	- Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các dấu hiệu bình thường, bệnh lý trong thời kỳ thai nghén, chuyển dạ và sau đẻ; nguyên nhân, triệu chứng, tiến triển, biến chứng của một số bệnh thường gặp trong sản – phụ khoa và có khả năng thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng thường gặp khi chăm sóc phụ nữ trong giai đoạn trước- trong và sau đẻ	3	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
105	Quản lý điều dưỡng	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về thống quản lý Điều dưỡng Việt nam, chức năng nhiệm vụ của các cấp trong ngành điều dưỡng và các nguyên tắc và kỹ năng quản lý điều dưỡng.	2	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
106	Chăm sóc sức khoẻ người bệnh truyền nhiễm	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, phương thức lây truyền, triệu chứng học, biến chứng và cách chăm sóc của các bệnh truyền nhiễm thường gặp.	3	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
107	Dinh dưỡng - Tiết chế	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về dinh dưỡng và sức khoẻ, bệnh tật của con người và vai trò của dinh dưỡng trong điều trị.	2	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
108	Chăm sóc sức khoẻ trẻ em 2	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về bệnh học, đặc điểm giải phẫu, sinh lý của trẻ em để nhận định, đánh giá và chăm sóc bệnh nhi toàn diện....	2	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
109	Sức khoẻ môi trường	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về y học môi trường, khái niệm về vệ sinh bệnh viện và các biện pháp an toàn trong lao động.	2	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
110	Chăm sóc bệnh chuyên khoa hệ nội (Da liễu, lao)	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về triệu chứng, tiến triển, biến chứng và ó khả năng chăm sóc một số bệnh thường gặp thuộc chuyên	3	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%

		khoa da liễu và lao.			
111	Thực tập tốt nghiệp	Có kiến thức kỹ năng, thái độ tích cực để thực hiện các nhiệm vụ: bảo quản, phân phối, hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn, hợp lý. Tham gia vào công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu trong sự nghiệp chăm sóc sức khoẻ nhân dân.	4	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm tổng kết môn học = (điểm tại cơ sở + điểm số thực tập)/3,
112	Khóa luận tốt nghiệp	Cung cấp cho sinh viên kiến thức và quy trình lựa chọn đề tài, ứng dụng vào thực tiễn để đề xuất các biện pháp và kiến nghị thuộc lĩnh vực chăm sóc.	6	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	
113	Thực tế tốt nghiệp	Giúp cho sinh viên tiếp cận các khoa lâm sàng một cách độc lập dựa trên các kiến thức đã được tích lũy, củng cố kiến thức lâm sàng và kỹ năng chăm sóc bệnh nhân sau khi tốt nghiệp.	4	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm trung bình thực tập theo hệ số* 0.4 + Điểm báo cáo thực tập * 0.6
114	Khóa luận tốt nghiệp	Giúp sinh viên hình thành ý tưởng về vấn đề nghiên cứu, biết cách tổng hợp và vận dụng lý thuyết để giải quyết vấn đề trong thực tế. Giúp sinh viên hệ thống hóa các kiến thức, kỹ năng và vận dụng chúng trong đề tài khóa luận tốt nghiệp một cách có khoa học và sáng tạo.	6	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	GV chấm 1+GV chấm 2)/2
115	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam; Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); Đường lối công nghiệp hóa; Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; Đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; Đường lối đối ngoại.	3	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
116	Hóa phân tích 1	Phân tích định lượng bằng phép đo thể tích và đo khối lượng: phương pháp acid-base, tạo phức, oxy hóa-khử, kết tủa, khối lượng.	3	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40%

117	Hóa sinh	Nghiên cứu về cơ sở phân tử của sự sống, nghiên cứu các tính chất hóa học và chuyển hóa của chúng trong cơ thể sống như: glucid, lipid, acid amin, protein, hemoglobin và acid nucleic.	4	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm thi kết thúc học phần 60%
118 ₂	Giải phẫu sinh lý	Giới thiệu các kiến thức căn bản về hình thái vi thể của các cơ quan trong cơ thể, những quy luật hoạt động của cơ thể sống, những đặc điểm chức năng từng tế bào, cơ quan, hệ thống cơ quan trong cơ thể và sự điều hòa hoạt động của các cơ quan trong một cơ thể thống nhất, toàn vẹn. Trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về giải phẫu sinh lý, sự thích nghi của cơ thể với môi trường sống tự nhiên và xã hội, nhằm đảm bảo cơ thể hoạt động ổn định, tồn tại và phát triển một cách bình thường.	2	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
119	Vi sinh	Cung cấp những kiến thức về phương pháp chẩn đoán, phòng bệnh, điều trị bệnh và tác nhân gây bệnh thuộc các loại vi sinh vật, bệnh lý học, khả năng lây lan, đặc biệt là cơ chế gây bệnh của các vi sinh vật, dịch tễ học của các bệnh nhiễm trùng.	3	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
120	Tiếng anh chuyên ngành	Giúp sinh viên lĩnh hội được kiến thức cơ bản về từ vựng sử dụng trong chuyên ngành dược, những thông tin liên quan đến thuốc và toa thuốc; nhờ đó sinh viên có thể đọc các thông tin về thuốc, toa thuốc bằng tiếng Anh và có thể hướng dẫn về cách sử dụng thuốc cơ bản bằng tiếng Anh.	2	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
121	Đường lối cách mạng ĐCSVN	Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam; Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); Đường lối công nghiệp hóa; Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Đường lối	3	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%

		xây dựng hệ thống chính trị; Đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; Đường lối đối ngoại.			
122.	Tiếng Anh chuyên ngành	Giúp sinh viên lĩnh hội được kiến thức cơ bản về từ vựng sử dụng trong chuyên ngành dược, những thông tin liên quan đến thuốc và toa thuốc; nhờ đó sinh viên có thể đọc các thông tin về thuốc, toa thuốc bằng tiếng Anh và có thể hướng dẫn về cách sử dụng thuốc cơ bản bằng tiếng Anh.	2	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
123.	Mô phôi	- Mô tả được cấu tạo mô học, hình ảnh vi thể, siêu vi của các tế bào, các mô và các bộ phận chủ yếu của các cơ quan trong cơ thể bình thường.	2	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
124.	Tâm lý – Đạo đức Y học	- Cung cấp cho sinh viên kiến thức về tâm lý và tâm lý y học, mô hình niềm tin sức khỏe và mô hình nhận thức về bệnh tật của tâm lý học	2	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
125.	Điều dưỡng cơ bản 2	- Cung cấp cho sinh viên kiến thức về can thiệp điều dưỡng theo tiêu chuẩn thực hành đã được thừa nhận và có khả năng thực hiện kỹ thuật chăm sóc trên bệnh nhân.	4	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
126.	Dịch tễ học	- Cung cấp cho sinh viên kiến thức về chỉ số sức khỏe chủ yếu của cộng đồng và cách xác định những yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh.	2	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
127.	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa I	- Cung cấp cho sinh viên kiến thức về chứng, tiến triển và biến chứng một số bệnh thuộc chuyên khoa tim mạch, tiêu hóa, tiết niệu thường gặp.	3	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
128.	Điều dưỡng cơ bản 3 (THBV)	- Giúp cho sinh viên có khả năng giao tiếp hiệu quả để tạo lập mối liên hệ giữa bệnh nhân, người nhà họ và các nhân viên y tế khác nhằm đảm bảo chất lượng chăm sóc, thực hiện thành thạo kỹ thuật chăm sóc trên người. Thực hành thành thạo và khéo léo các thao tác chăm sóc người bệnh.	2	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
129.	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa I	- Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về vai trò của người điều dưỡng ngoại khoa, triệu chứng, bệnh học và cách chăm sóc của một số bệnh ngoại khoa tổng quát.	2	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
130.	Đường lối cách mạng ĐCSVN	Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, phương	3	Học kỳ II. Năm học	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc

		pháp nghiên cứu môn đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam; Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); Đường lối công nghiệp hóa; Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; Đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; Đường lối đối ngoại.		2017-2018	học phần 60%
131	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam; Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); Đường lối công nghiệp hóa; Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; Đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; Đường lối đối ngoại.	3	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
132	Dược lý	Giúp sinh viên có những kiến thức và kỹ năng cơ bản về sử dụng thuốc phù hợp với người bệnh đảm bảo an toàn, hợp lý và hiệu quả. Môn học gồm có hai phần: lý thuyết và thực hành.	4	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
133	Hóa dược	Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về công thức cấu tạo, nguyên tắc điều chế, các tính chất lý hoá, các phương pháp kiểm nghiệm và công dụng của các nhóm thuốc chính và các thuốc thông thường trong mỗi nhóm dùng trong phòng và điều trị bệnh.	3	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
134	Dược liệu	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về thu hái, chế biến bảo quản dược liệu, các phương pháp đánh giá dược liệu và nguồn gốc đặc	5	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%

		điểm, phân bố, thành phần hóa học chính, tác dụng của các dược liệu thuộc các nhóm: carbohydrat, glycosid trợ tim, saponin, anthraglycosid, flavonoid, coumarin, tanin, alkaloid... và các phương pháp định tính, định lượng các nhóm chất tự nhiên trên.			
135	Pháp chế dược	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống văn bản pháp quy của nhà nước và các văn bản pháp quy chủ yếu trong ngành dược. Thông qua môn học này, người học được trang bị những kiến thức và các tình huống thực tế liên quan tới thực hành nghề nghiệp. Qua đó người học có khả năng vận dụng và chấp hành tốt các quy định pháp lý khi hành nghề.	2	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
136	Marketing dược	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về marketing, marketing dược như: các chính sách trong marketing, và giúp cho sinh viên có thể ứng dụng của những chính sách đó trong hoạt động marketing dược phẩm.	3	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
137	Mỹ phẩm và thực phẩm chức năng	Học phần Mỹ phẩm và thực phẩm chức năng cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng liên quan đến mỹ phẩm, thực phẩm chức năng bao gồm các vấn đề liên quan đến khái niệm, thành phần, phân loại, phân biệt các dạng bào chế, ứng dụng và kiểm tra quản lý.	3	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
138	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin 2	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, học phần II là học phần bao gồm những nội dung cơ bản của phần Kinh tế Chính trị Mác - Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học. Nội dung của học phần là những quy luật kinh tế của xã hội, đặc biệt là những quy luật kinh tế của quá trình ra đời, phát triển, suy tàn của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và tất yếu sẽ dẫn tới sự ra đời, phát triển của phương thức sản xuất mới đưa xã hội loài người chuyển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản.	3	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
139	TOEIC 2	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe – Nói – Đọc – Viết và 3 kỹ	4	Học kỳ II. Năm học	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%

		năng phụ Ngữ pháp - Từ vựng - Phát âm giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi TOEIC quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản.		2017-2018	
140	Hóa đại cương vô cơ	Trình bày các khái niệm cơ bản như: thành phần cấu tạo nên vật chất: nguyên tử, phân tử, phân tử cấu trúc, thành phần các hợp chất và các kiểu liên kết hóa học, quá trình nhiệt động lực học, động học xảy ra trong phản ứng hóa học, khảo sát dung dịch, nồng độ dung dịch, điện hóa học, ứng dụng của hóa học và dòng điện. Giới thiệu đặc điểm, trạng thái, tính chất lý, hóa của một số các nguyên tố hóa học điển hình thuộc nhóm A và nhóm B.	3	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
141	Tin học căn bản	Cung cấp cho sinh viên khối kiến thức căn bản và các thuật ngữ cập nhật về môn TIN HỌC CĂN BẢN. Mục tiêu của học phần nhằm giúp sinh viên tiếp cận công nghệ thông tin và sử dụng thành thạo tin học văn phòng.	2	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
142	Thực hành tin học căn bản	Qua những bài thực hành trên máy vi tính, sinh viên sẽ ôn lại lý thuyết đã được cung cấp. Đồng thời, qua việc làm các bài thực hành sinh viên sẽ rèn luyện kỹ năng thao tác nhanh, chính xác các lĩnh vực đã được truyền đạt, thực hành các cách trình bày văn bản, thực hành các bài toán hoặc các vấn đề gần với thực tiễn mà sinh viên sẽ giải quyết trong công việc văn phòng ở Công ty, Xí nghiệp hay Trường học...sau này.	2	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
143	Xác suất thống kê y được	Môn học bao gồm hai phần: Xác suất và Thống kê. Phần xác suất nhằm cung cấp kiến thức cơ bản bao gồm: xác suất cơ bản, công thức cộng xác suất, công thức nhân xác suất, công thức xác suất đầy đủ, công thức Bayes, công thức Bernoulli và xác suất trong chẩn đoán; Biến ngẫu nhiên và một số phân phối xác suất thông dụng. Phần thống kê giới thiệu các phương pháp thu thập dữ liệu, các khái niệm và các tham số đặc trưng	3	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%

		của tổng thể và mẫu; ước lượng và kiểm định các tham số của tổng thể.			
144	Giáo dục thể chất 2	<p>Học phần môn cầu lông nâng cao giúp cho sinh viên giúp có thể thực hành một số kỹ thuật nâng cao trong môn cầu lông như: Đánh cầu thuận tay cao sâu, đập cầu. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện.</p> <p>Học phần bóng chuyền và nâng cao, giúp cho SV biết kỹ thuật di chuyển cơ bản trong môn bóng chuyền, kỹ năng phán đoán và đánh bóng chuẩn xác.</p> <p>Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Sinh viên sau khi học sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, nhận bóng, chụp bóng. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về chiến thuật thi đấu và luật thi đấu môn bóng đá.</p>	1	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
145	Thực vật dược	<p>Trình bày cấu trúc của tế bào thực vật, các khái niệm về mô, cấu tạo và phân loại các mô thực vật làm cơ sở cho sinh viên học giải phẫu cơ quan thực vật như rễ, thân, lá, cũng như phục vụ cho công tác kiểm nghiệm dược liệu sau này.</p> <p>Hướng dẫn sinh viên cách làm các tiêu bản vi học và tiêu bản thực vật, quan sát, nhận biết và vẽ các sơ đồ của các cơ quan của thực vật, làm cơ sở phục vụ cho môn học dược liệu ở những học kỳ sau.</p>	4	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
146	Thực hành dược khoa	Thực hành dược khoa sẽ hướng dẫn sinh viên các thao tác chuẩn trong việc sử dụng dụng cụ trong phòng thí nghiệm.	1	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
147	Những nguyên lý cơ bản CN Mác-Lênin 2	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, học phần II là học phần bao gồm những nội dung cơ bản của phần Kinh tế Chính trị Mác - Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học. Nội dung của học phần là	3	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%

		những quy luật kinh tế của xã hội, đặc biệt là những quy luật kinh tế của quá trình ra đời, phát triển, suy tàn của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và tất yếu sẽ dẫn tới sự ra đời, phát triển của phương thức sản xuất mới đưa xã hội loài người chuyển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản.			
148	Toeic 2	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe – Nói – Đọc – Viết và 3 kỹ năng phụ Ngữ pháp - Từ vựng – Phát âm giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi TOEIC quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản.	4	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
149	Giáo dục thể chất 2*	Học phần môn cầu lông nâng cao giúp cho sinh viên giúp có thể thực hành một số kỹ thuật nâng cao trong môn cầu lông như: Đánh cầu thuận tay cao sâu, đập cầu. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Học phần bóng chuyền và nâng cao, giúp cho SV biết kỹ thuật di chuyển cơ bản trong môn bóng chuyền, kỹ năng phán đoán và đánh bóng chuẩn xác. Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Sinh viên sau khi học sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, nhận bóng, chụp bóng. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về chiến thuật thi đấu và luật thi đấu môn bóng đá.	1	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
150	Giải phẫu	- Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về vị trí, hình thể ngoài, hình thể trong của các cơ quan trong cơ thể người và vận dụng được kiến thức giải phẫu vào lý giải các hiện tượng sinh lý tương ứng với các cơ quan và vào các môn học khác.	4	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%

151.	Sinh lý	- Cung cấp cho sinh viên kiến thức về chức năng hoạt động của các cơ quan và hệ thống cơ quan, mối quan hệ thống nhất giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường bên ngoài; giải thích một số rối loạn chức năng và ứng dụng để thực hiện tốt quy trình điều dưỡng.	3	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
152.	Hoá sinh	- Cung cấp cho sinh viên kiến thức về cấu trúc hóa học, cách phân loại, tính chất, vai trò, cơ chế tác dụng sinh học của các enzym (nhân hóa tố), diễn biến và ý nghĩa của quá trình sinh tổng hợp và thoái hóa của các chất, glucid, lipid, prtotid trong cơ thể.	3	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
153.	Dược lý	- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản chung về tác dụng của một số nhóm thuốc cơ bản và có sử dụng trong chuyên ngành; vận dụng được những hiểu biết về thuốc vào việc sử dụng thuốc an toàn cho người bệnh.	3	Học kỳ II. Năm học 2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
154.	Kinh tế vĩ mô	Cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về cách thức phân bổ nguồn lực khan hiếm ở góc độ tổng thể với chi phí cơ hội của toàn bộ nền kinh tế. Cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về nguyên lý vận hành của nền kinh tế ở góc độ vĩ mô thông qua việc phân tích một số biến số vĩ mô quan trọng như Tổng sản lượng, tăng trưởng, mức giá chung, mức nhân dụng, cán cân thanh toán... Cung cấp cho sinh viên kiến thức về các lựa chọn trong chính sách của chính phủ trong bối cảnh kinh tế ở Việt nam hiện nay.	3	14/8/2017 đến 25/11/2017	Bài tập cá nhân: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 20% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
155.	Tiếng Anh chuyên ngành 2	Cung cấp những kiến thức ở mức độ nâng cao về tiếng anh chuyên ngành kinh tế, những thuật ngữ, từ vựng chuyên ngành được sử dụng trong giao tiếp khi thương lượng, đàm phán hoặc xây dựng hợp đồng thương mại quốc tế.	2	14/8/2017 đến 25/11/2017	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
156.	Quản trị học	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về quản trị và	3	14/8/2017 đến	Bài tập cá nhân: 10%

		các kỹ năng mà nhà quản trị cần có để thực hiện tốt vai trò và các chức năng quản trị. Bên cạnh đó, nhận biết được môi trường hoạt động của tổ chức và phân biệt được môi trường vĩ mô và môi trường vi mô ảnh hưởng đến tổ chức; Nhận thức được tầm quan trọng của việc ra quyết định quản trị, các phương pháp có thể sử dụng và các phẩm chất mà nhà quản trị cần có để việc ra quyết định đạt hiệu quả cao nhất. Đồng Thời, nắm vững nội dung 4 chức năng cơ bản của quản trị là: hoạch định, tổ chức, thực hiện và kiểm tra.		25/11/2017	Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
157	Thuế	Học phân cung cấp những kiến thức về luật thuế, các thông tư về thuế, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, mức đánh thuế, biểu thuế thu nhập cá nhân, biểu thuế xuất nhập khẩu, các loại thuế khác....	2	14/8/2017 đến 25/11/2017	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
158	Quan hệ công chúng	Học phân giúp sinh viên hiểu rõ PR sẽ được đặt ở vị trí nào trong mối quan hệ liên quan với các lĩnh vực nghiên cứu và nghề nghiệp khác; Hiểu rõ những nguyên tắc và lý thuyết nền tảng của PR và tìm hiểu xem chúng đã được phát triển như thế nào; Hiểu rõ tầm quan trọng của truyền thông trong hoạt động PR, những kỹ năng cơ bản cần thiết khi giao tiếp với giới truyền thông và các công cụ của PR; Hiểu rõ hơn về các hoạt động PR thường được doanh nghiệp vận dụng.	2	14/8/2017 đến 25/11/2017	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
159	Nghiên cứu Marketing	Học phân giúp sinh viên nắm vững kiến thức về phương pháp nghiên cứu trong marketing và vận dụng được vào thực tế để triển khai nghiên cứu marketing trong thực tiễn doanh nghiệp.	3	14/8/2017 đến 25/11/2017	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
160	Kỹ năng chăm sóc khách hàng	Học phân giúp sinh viên nhận diện các cấp độ khách hàng; Hiểu rõ tầm quan trọng của việc chăm sóc khách hàng; Nắm vững cách thức và phương pháp để xác định nhu	2	14/8/2017 đến 25/11/2017	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10%

		câu, mong muốn và phản hồi từ khách hàng; Hiểu và tổ chức tốt hoạt động chăm khách hàng.			Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
161	Quản trị rủi ro	Học phân giúp sinh viên nhận thức rõ ràng hơn về quản trị rủi ro, có kiến thức và kỹ năng cần thiết để nhận dạng và phân tích rủi ro trong doanh nghiệp. Sinh viên cũng được trang bị kỹ năng phân tích định tính và định lượng để đánh giá rủi ro một cách cụ thể. Từ đó có thể xây dựng một chương trình kiểm soát rủi ro trong doanh nghiệp. Trong quá trình học tập sinh viên cũng được cung cấp các cơ hội để hoàn thiện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng trình bày, kỹ năng đọc và phân tích dữ liệu, đó là những kỹ năng thiết thực giúp người học hiệu quả hơn.	2	14/8/2017 đến 25/11/2017	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
162	Quản trị nguồn nhân lực	Học phân trang bị cho người học nắm vững kiến thức về quản trị nguồn nhân lực trong một tổ chức nói chung và doanh nghiệp nói riêng, cụ thể là hiểu rõ bản chất quản lý NNL trong doanh nghiệp và vai trò của chiến lược phát triển NNL trong thực hiện chiến lược kinh doanh; Nắm vững các phương pháp, kỹ năng phân tích công việc và ứng dụng hiệu quả công cụ này trong quản lý NNL; Biết cách thu hút và tuyển chọn nhân lực, đánh giá kết quả làm việc của nhân viên, lựa chọn chương trình đào tạo và phát triển NNL phù hợp; Nắm vững cơ sở và các hình thức trả lương. Trình tự xây dựng hệ thống trả công lao động; Phát triển kỹ năng tạo động lực làm việc cho nhân viên	3	14/8/2017 đến 25/11/2017	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
163	Phân tích định lượng trong kinh doanh	Học phân trang bị cho sinh viên kiến thức căn bản về định lượng trong kinh doanh cũng như trong nghiên cứu khoa học. Thông qua đó giúp sinh viên hiểu và vận dụng được các công cụ trong kinh tế lượng để phân tích, đánh giá dữ liệu sơ cấp. Nội dung học phần cung cấp những vấn đề về nhập liệu, ước lượng, kiểm định, và phân tích những nhân tố liên quan....Kiến	2	14/8/2017 đến 25/11/2017	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%

		thức học phần có liên quan chặt chẽ tới học phần phương pháp nghiên cứu khoa học.			
164	Nghệ thuật quảng cáo	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cốt lõi của khoa học về nghệ thuật quảng cáo; Quy trình thiết kế và truyền tải thông điệp quảng cáo, chiến lược quảng cáo. Sinh viên có khả năng lập kế hoạch quảng cáo và quản lý được các chương trình quảng cáo của doanh nghiệp một cách hiệu quả; tư vấn cho cơ quan chức năng trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về quảng cáo.	2	14/8/2017 đến 25/11/2017	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
165	Quản trị hành chính văn phòng	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về nghiệp vụ văn thư văn phòng; Công tác văn thư lưu trữ. Sinh viên ứng dụng thực hiện nghiệp vụ văn phòng cho các doanh nghiệp/tổ chức.	2	14/8/2017 đến 25/11/2017	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
166	Quản trị thương hiệu	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về thương hiệu và cách quản trị thương hiệu. Sinh viên vận dụng những kiến thức đó để xây dựng và tổ chức quản trị thương hiệu của doanh nghiệp.	2	14/8/2017 đến 25/11/2017	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
167	Tâm lý và hành vi khách hàng	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về đặc điểm tâm lý hành vi của khách hàng khi quyết định mua hàng, những thay đổi trong hành vi tiêu dùng của khách hàng đối với khách hàng là tổ chức và đối với khách hàng là cá nhân. Từ đó giúp sinh viên có cách nhìn thấu đáo hơn khi tiếp cận khách hàng.	2	14/8/2017 đến 25/11/2017	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
168	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về văn hóa doanh nghiệp và cách thức xây dựng bản sắc riêng cho văn hóa doanh nghiệp. Sinh viên vận dụng vào thực tế môi trường doanh nghiệp nhằm góp phần giải quyết các vấn đề liên quan đến đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội và văn hóa của doanh nghiệp.	2	14/8/2017 đến 25/11/2017	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
169	Quản trị Marketing	Học phần trang bị cho sinh viên tổng thể kiến thức về marketing và	3	14/8/2017 đến	Bài tập cá nhân: 10%

		tiền trình quản trị marketing trong doanh nghiệp. Xác định được cách thức hoạch định chiến lược marketing, kế hoạch marketing, chương trình marketing.		25/11/2017	Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
170.	Quản trị chiến lược	Học phần trang bị cho sinh viên tổng thể kiến thức về quản trị, chiến lược, quản trị chiến lược và mô hình quản trị chiến lược trong doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, sinh viên vận dụng giải quyết các tình huống thực tế trong doanh nghiệp.	3	14/8/2017 đến 25/11/2017	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
171.	Toán kinh tế	Sau khi học xong học phần về mặt lý thuyết, sinh viên phải nắm được phương pháp và kỹ năng xây dựng các mô hình toán kinh tế. Về mặt thực hành sinh viên có thể tự tổng hợp các số liệu kinh tế - kỹ thuật từ thực tiễn sản xuất, thiết lập mô hình toán và xây dựng kế hoạch sản xuất tối ưu nhất. Học phần giảng dạy cho sinh viên các ngành đại học kinh tế năm thứ 2, hệ đào tạo chính quy, cụ thể: Biết cách ứng dụng, lập mô hình bài toán quy hoạch tuyến tính và tìm ra những phương án sản xuất kinh doanh tối ưu trong điều kiện các nguồn lực sản xuất ngày càng khan hiếm; Biết cách ứng dụng bài toán vận tải trong bố trí công nhân sản xuất, điều tiết xe không tải.	3	14/8/2017 đến 25/11/2017	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
172.	Toán kinh tế	Sau khi học xong học phần về mặt lý thuyết, sinh viên phải nắm được phương pháp và kỹ năng xây dựng các mô hình toán kinh tế. Về mặt thực hành sinh viên có thể tự tổng hợp các số liệu kinh tế - kỹ thuật từ thực tiễn sản xuất, thiết lập mô hình toán và xây dựng kế hoạch sản xuất tối ưu nhất. Học phần giảng dạy cho sinh viên các ngành đại học kinh tế năm thứ 2, hệ đào tạo chính quy, cụ thể: Biết cách ứng dụng, lập mô hình bài toán quy hoạch tuyến tính và tìm ra những phương án sản xuất kinh doanh tối ưu trong điều kiện các nguồn lực sản xuất ngày càng khan hiếm; Biết cách ứng dụng bài toán vận tải trong bố trí	3	14/8/2017 đến 25/11/2017	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%

		công nhân sản xuất, điều tiết xe không tải.			
173	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	Sau khi học xong môn học này, những người tham gia sẽ có khả năng tốt hơn trong: Thảo luận những khái niệm về lãnh đạo và phát triển những khái niệm lãnh đạo của chính bản thân mình. Nhận ra những phong cách lãnh đạo khác nhau, sự giống và khác nhau của chúng, đồng thời đánh giá được bản thân trên cơ sở các phong cách lãnh đạo này. Phân tích bối cảnh của lãnh đạo để vận dụng những chiến lược gây ảnh hưởng hiệu quả trong công việc.	2	14/8/2017 đến 25/11/2017	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 30% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 60%
174	Quản trị kinh doanh nhà hàng	Sinh viên hiểu sâu về hoạt động bán hàng và quản trị bán hàng trong doanh nghiệp. Biết cách vận dụng, thiết kế, xây dựng kế hoạch bán hàng. Nắm vững các kỹ năng sử dụng trong hoạt động bán hàng. Quy trình quản trị bán hàng và qui trình đánh giá kết quả bán	2	14/8/2017 đến 25/11/2017	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 60%
175	Quản trị sản xuất	Về kiến thức Sau khi học xong học phần, sinh viên có được cái nhìn tổng quan và có hệ thống về quản trị sản xuất để họ có thể trợ giúp cho các nhà quản trị và chủ doanh nghiệp điều hành sản xuất kinh doanh tốt và hiệu quả hơn. Cụ thể: - Phân tích được khái niệm, mục tiêu và vai trò của quản trị sản xuất và tác nghiệp hiện đại; - Trình bày được những nội dung cơ bản của quản trị sản xuất và tác nghiệp; - Nêu và vận dụng được các phương pháp thực hiện từng hoạt động quản trị sản xuất và tác nghiệp vào thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh. Cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng về Quản trị sản xuất và các lý thuyết quản trị sản xuất ; Dự báo nhu cầu sản phẩm ; Hoạch định sản xuất ; Tổ chức sản xuất, Quản trị cung ứng nguyên vật liệu và Kiểm soát chất lượng sản phẩm.	2	14/8/2017 đến 25/11/2017	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
176	Kinh tế vi mô	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về cung cầu hàng hóa, giá	3	22/01/2018 đến	Bài tập cá nhân: 10%

		cả và sản lượng căng bằng hàng hóa trên thị trường. Cung cấp kiến thức về thị trường tự do cạnh tranh, thị trường hoàn hảo, thị trường độc quyền, các kiến thức về mức độ hữu dụng biên, doanh thu biên, chi phí biên.....Qua đó giúp sinh viên hiểu rõ hơn về môi trường kinh tế vi mô.		19/5/2018	Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
177	Nguyên lý Marketing	Học phần cung cấp kiến thức căn bản về Marketing; ý nghĩa, vai trò của Marketing trong hoạt động quản trị sản xuất kinh doanh. Từ đó, học viên vận dụng lập kế hoạch Marketing cho doanh nghiệp.	3	22/01/2018 đến 19/5/2018	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
178	Nguyên lý kế toán	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên lý kế toán như: các hình thức kế toán, cách ghi chép trong sổ sách kế toán, cách định khoản trong kế toán, cách tính toán giá thành sản phẩm và kết chuyển lãi lỗ trong kế toán.	3	22/01/2018 đến 19/5/2018	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
179	Thống kê kinh doanh	Học phần trang bị tổng thể kiến thức về xác suất và thống kê trong kinh doanh, vai trò ý nghĩa của hoạt động thống kê và tiến trình phân tích thống kê trong doanh nghiệp. Chương trình cũng đi sâu vào giới thiệu các dạng phân phối trong xác suất, các mô hình ước lượng, kiểm định và dự báo thường được sử dụng trong thống kê. Cách thức tổ chức, triển khai thu thập số liệu đưa vào phân tích thống kê.	3	22/01/2018 đến 19/5/2018	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
180	1. Học phần tốt nghiệp 1: Marketing tổng hợp	Học phần trang bị tổng thể kiến thức về marketing, vai trò, ý nghĩa của hoạt động marketing và tiến trình quản trị marketing trong doanh nghiệp. Chương trình cũng đi sâu tìm hiểu nhu cầu khách hàng và giải quyết các yêu cầu đối với việc hoạch định chiến lược marketing, kế hoạch marketing, chương trình marketing, cách thức tổ chức, triển khai hoạt động marketing và kiểm tra marketing.	2	23/4/2018 đến 02/6/2018	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
181	2. Học phần tốt nghiệp 2: Quản trị doanh nghiệp	Học phần trang bị kiến thức tổng quan về doanh nghiệp và quản trị doanh nghiệp; Phân tích các yếu tố	2	23/4/2018 đến 02/6/2018	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10%

	ngành	môi trường kinh doanh tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; Quản trị các hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, sinh viên vận dụng để giải quyết các tình huống thực tế của doanh nghiệp.			Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
182	Tuyển điểm du lịch	Giới thiệu cho người học các khái niệm về tuyển điểm du lịch, cung cấp các kiến thức chung điểm đến. Trang bị tổng thể kiến thức về tuyển điểm, nghiệp vụ tuyển điểm. Cách thức tổ chức, triển khai thực hiện thuyết minh ở điểm đến. Vận dụng kiến thức vào trong thực tế. Thực hiện nghiệp vụ thuyết minh dữ liệu, sự kiện ở các điểm đến theo chương trình tour.	2	25/12/2017 đến 16/4/2018	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
183	Tổ chức sự kiện	Hiểu được các vấn đề về quản lý tổ chức sự kiện; Nắm vững kiến thức chuyên môn nghiệp vụ của công tác tổ chức sự kiện từ trước, trong, và sau khi sự kiện diễn ra. Thiết kế một chương trình sự kiện. Vận hành chương trình và giải quyết các tình huống phát sinh trong sự kiện.	2	25/12/2017 đến 16/4/2018	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 60%
184	Tiếng Anh chuyên ngành 1	Cung cấp cho sinh viên các thuật ngữ Tiếng Anh trong kinh doanh cụ thể về nghề nghiệp, nhân sự, bán hàng, Marketing, thương mại quốc tế, xuất nhập khẩu. Cung cấp kiến thức về nghề nghiệp, nhân sự, bán hàng, Marketing, xuất nhập khẩu thông qua phần rèn luyện kỹ năng đọc hiểu. Sinh viên nắm bắt được bộ cục, cách trình bày các loại thư thương mại (thư giao dịch thông thường trong kinh doanh, thư chúc mừng, khiếu nại.....).	2	25/12/2017 đến 16/4/2018	Bài tập cá nhân: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 20% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
185	Thị trường tài chính	Cung cấp kiến thức về hoạt động của thị trường tài chính bao gồm thị trường tiền tệ và thị trường vốn, hiểu về cách thức hoạt động của thị trường chứng khoán Việt Nam	2	25/12/2017 đến 16/4/2018	Điểm giữa kỳ: 40% (chuyên cần, kiểm tra/tiểu luận nhóm) Thi cuối kỳ: 60% (trắc nghiệm)
186	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	Hiểu được các khái niệm về Đầu tư và Dự án đầu tư. Biết được ý nghĩa của việc lập dự án đầu tư. Những kiến thức lý thuyết về thẩm định dự án đầu tư. Các bước soạn thảo cho một dự án đầu tư. Nắm bắt tìm	3	25/12/2017 đến 16/4/2018	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 30% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 60%

		kiểm cơ hội để hình thành ý tưởng, phát thảo mô hình hoạt động kinh doanh trong tương lai. Biết được các bước soạn thảo dự án đầu tư và những nội dung cơ bản của việc soạn thảo dự án đầu tư cho những dự án kinh doanh vừa và nhỏ trong đời sống thực tế.			
187.	Kinh tế quốc tế	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về thương mại quốc tế, lợi thế cạnh tranh quốc gia, lợi thế so sánh khi tham gia thương mại quốc tế, thâm hụt thương mại, thặng dư thương mại quốc tế...Hiểu rõ về sự hình thành của các tổ chức thương mại quốc tế và lợi ích của một quốc gia khi tham gia thương mại quốc tế cũng như tham gia vào các tổ chức kinh tế trong khu vực và quốc tế.	2	25/12/2017 đến 16/4/2018	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
188.	Marketing du lịch	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về hoạt động Marketing trong môi trường kinh doanh du lịch; Cách thức tổ chức, triển khai hoạt động Marketing du lịch. Sinh viên vận dụng xây dựng kế hoạch Marketing du lịch cho doanh nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành.	2	25/12/2017 đến 16/4/2018	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
189.	Hành vi tổ chức	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về mô hình hành vi tổ chức với các biến phụ thuộc và biến độc lập; Các yếu tố liên quan đến cấp độ cá nhân ảnh hưởng đến hành vi trong tổ chức; Ảnh hưởng của các biến trong cấp độ nhóm như mô hình hành vi nhóm, truyền thông, lãnh đạo, quyền lực và mâu thuẫn đến kết quả công việc và sự hài lòng của nhóm; Tác động của cơ cấu tổ chức và văn hóa tổ chức đến những hành vi mà nhà quản trị quan tâm.	2	25/12/2017 đến 16/4/2018	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
190.	Hành vi tổ chức	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về mô hình hành vi tổ chức với các biến phụ thuộc và biến độc lập; Các yếu tố liên quan đến cấp độ cá nhân ảnh hưởng đến hành vi trong tổ chức; Ảnh hưởng của các biến trong cấp độ nhóm như mô hình hành	3	25/12/2017 đến 16/4/2018	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%

		vi nhóm, truyền thông, lãnh đạo, quyền lực và mâu thuẫn đến kết quả công việc và sự hài lòng của nhóm; Tác động của cơ cấu tổ chức và văn hóa tổ chức đến những hành vi mà nhà quản trị quan tâm.			
191	Nhượng quyền thương mại	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhượng quyền thương mại, các loại hình nhượng quyền thương mại, cũng như những đánh giá về những tồn tại, hạn chế của kinh doanh nhượng quyền thương mại tại Việt Nam.	2	25/12/2017 đến 16/4/2018	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
192	Thanh toán quốc tế	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức liên quan đến kinh doanh quốc tế như: quyền chọn mua, quyền chọn bán, hợp đồng thương mại quốc tế, quy đổi tỷ giá, các hình thức thanh toán trong thương mại quốc tế, phân tích phương thức L/C, Xây dựng một bộ chứng từ thanh toán quốc tế, thủ tục thông quan nhập hàng, cách thức lập một hối phiếu thu tiền khách hàng, quy trình thanh toán quốc tế....	2	25/12/2017 đến 16/4/2018	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
193	Quản trị chất lượng	Học phần giúp sinh viên nắm rõ các vấn đề cơ bản về chất lượng và quản lý chất lượng, các phương thức quản lý chất lượng được các doanh nghiệp Việt Nam vận dụng.	2	25/12/2017 đến 16/4/2018	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
194	Kiến tập thực hiện chuyên đề kinh doanh du lịch	Học phần giúp sinh viên nắm vững kiến thức về tuyến điểm, các kiến thức liên quan để thuyết minh dữ liệu văn hóa, lịch sử và xã hội liên quan đến điểm đến, kiến thức liên quan thiết kế, điều hành tour.	4	25/12/2017 đến 16/4/2018	Hoạt động trên lớp: 30% Báo cáo kết thúc học phần: 70%
195	Thương mại điện tử	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về thương mại điện tử: khái niệm, mô hình thương mại điện tử, các kỹ thuật ứng dụng CNTT trong thương mại điện tử, hiểu được sự khác nhau giữa thương mại điện tử và thương mại truyền thống, những lợi ích và rủi ro khi thực hiện thương mại	2	25/12/2017 đến 16/4/2018	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%

		điện tử, tìm hiểu các chiến lược xây dựng thương mại điện tử cho các mô hình tổ chức, doanh nghiệp khác nhau. Sinh viên nắm được các quy định, pháp luật trong giao dịch điện tử và vấn đề an ninh trong giao dịch TMDT.			
196.	Tâm lý và hành vi khách hàng	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về đặc điểm tâm lý hành vi của khách hàng khi quyết định mua hàng, những thay đổi trong hành vi tiêu dùng của khách hàng đối với khách hàng là tổ chức và đối với khách hàng là cá nhân. Từ đó giúp sinh viên có cách nhìn thấu đáo hơn khi tiếp cận khách hàng.	2	25/12/2017 đến 16/4/2018	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
197.	Quản trị bán hàng	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về hoạt động bán hàng và quản trị bán hàng trong doanh nghiệp; Các kỹ năng sử dụng trong hoạt động bán hàng; Quy trình quản trị bán hàng và qui trình đánh giá kết quả bán hàng. Trên cơ sở đó, sinh viên vận dụng thiết kế và xây dựng kế hoạch bán hàng cho doanh nghiệp	2	25/12/2017 đến 16/4/2018	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
198.	Chuyên đề quản trị kinh doanh	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về thực hiện chuyên đề, bao gồm: hình thức trình bày, cấu trúc, nội dung, cách ghi trích dẫn, tài liệu tham khảo.	4	25/12/2017 đến 16/4/2018	Điểm hình thức: 10% Điểm cấu trúc: 5% Điểm nội dung: 85%
199.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về các bước tiến hành thực hiện một công trình nghiên cứu khoa học bao gồm việc xây dựng đề cương chi tiết, thiết kế bản câu hỏi. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có kiến thức cơ bản để thực hiện niên luận năm 3 và viết Khóa luận tốt nghiệp.	2	25/12/2017 đến 16/4/2018	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
200.	Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế	Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vai trò của toàn cầu hoá, khu vực hoá và hội nhập kinh tế quốc tế đối với sự phát triển kinh tế của một quốc gia; vai trò cũng như tác động của các liên minh kinh tế quốc tế đến tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của các quốc gia; cách thức và điều kiện để các quốc gia tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế một cách hiệu quả	2	25/12/2017 đến 16/4/2018	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%

201	Địa lý du lịch	Nắm được những kiến thức cốt lõi, nền tảng về Địa lý du lịch Việt Nam. Định vị các khu vực, biết được đặc điểm vùng miền. Tài nguyên du lịch và các điểm đến tiêu biểu ở các khu vực và các vùng. Truyền đạt được địa lý du lịch các vùng miền của Việt Nam. Độc lập thu thập, xử lý các thông tin về địa lý du lịch trên lãnh thổ Việt Nam. Có hướng tìm hiểu, nghiên cứu về địa lý của Việt Nam sẽ có tác động thế nào đến du lịch.	2	25/12/2017 đến 16/4/2018	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 20% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 60%
202	Nghị vụ hướng dẫn du lịch	Người học nắm vững kiến thức về nghiệp vụ hướng dẫn, kỹ năng hướng dẫn và các kiến thức liên quan để tổ chức, thực hiện tour cho du khách. Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ đạt được; Trang bị tổng thể kiến thức về tuyến điểm, nghiệp vụ hướng dẫn; Cách thức tổ chức, triển khai thực hiện nghiệp vụ hướng dẫn.	2	25/12/2017 đến 16/4/2018	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
203	Quản trị kinh doanh lưu trú	Người học nắm vững kiến thức về quản trị kinh doanh trong lĩnh lưu trú và vận dụng được vào trong môi trường doanh nghiệp cụ thể như hoạch định, tổ chức, triển khai thực hiện và kiểm tra theo chức năng các hoạt động liên quan đến kinh doanh lưu trú nhằm hướng đến hoàn thành mục tiêu đặt ra trên cơ sở chiến lược, kế hoạch kinh doanh của đơn vị.	2	25/12/2017 đến 16/4/2018	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
204	Kế toán quản trị	Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ được trang bị kiến thức về thông tin và xử lý thông tin kế toán quản trị nhằm phục vụ cho việc ra các quyết định điều hành trong nội bộ doanh nghiệp như: Tổng quan về kế toán quản trị; Các phương pháp phân loại chi phí; Các phương pháp xác định chi phí và tính giá thành sản phẩm; Phân tích mối quan hệ giữa chi phí – sản lượng và lợi nhuận; Lập dự toán ngân sách.	2	25/12/2017 đến 16/4/2018	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
205	Nghị vụ lễ tân và tiền sảnh	Sinh viên cần nắm được những vấn đề cơ bản, tổng quát về bộ phận lễ tân khách sạn: cơ cấu tổ chức, vai trò, nhiệm vụ và qui trình phục vụ của bộ phận lễ tân trong mỗi quan	2	25/12/2017 đến 16/4/2018	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10%

		hệ với các bộ phận khác trong khách sạn. Những yêu cầu đối với một nhân viên lễ tân. Quy trình nhận đặt buồng khách sạn và các vấn đề phát sinh. Quy trình đón tiếp, phục vụ và làm thủ tục thanh toán, tiễn khách. Nắm được các phương pháp quản trị bộ phận lễ tân hiệu quả.			Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
206.	Luật du lịch	Sinh viên tổng quát về các Luật có liên quan, các luật hiện hành về ngành du lịch và các kỹ năng áp dụng luật vào ngành du lịch mà mình kinh doanh.	2	25/12/2017 đến 16/4/2018	Bài tập cá nhân: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 20% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
207.	Quản trị tài chính	Phân tích báo cáo tài chính, Hiệu quả hoạt động kinh doanh, dự báo và lên kế hoạch tài chính, phân tích các dự án để ra quyết định đầu tư dài hạn đến phân tích các nguồn tài trợ sẵn có để quyết định phương án huy động vốn. Năm căn bản về công cụ, thị trường, tổ chức tài chính và giới thiệu nguyên lý chiết khấu ngân lưu. Tập trung vào lý thuyết danh mục đầu tư, trong đó bao gồm các chủ đề về rủi ro và lợi nhuận, đa dạng hóa rủi ro và lý thuyết thị trường hiệu quả.			Bài tập cá nhân: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 20% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
208.	Đường lối cách mạng của đảng CSVN		3	25/12/2017 đến 16/4/2018	
209.	Giáo dục thể chất 1		1	11/9/2017 đến 23/12/2017	
210.	Giáo dục thể chất 2		1	22/01/2018 đến 19/5/2018	
211.	Giáo dục thể chất 3		1	14/8/2017 đến 25/11/2017	
212.	Luật kinh tế		2	22/01/2018 đến 19/5/2018	
213.	Những nguyên lý cơ bản của CN-ML 1		2	11/9/2017 đến 23/12/2017	

214.	Những nguyên lý cơ bản của CN-ML 2		3	22/01/2018 đến 19/5/2018	
215	Pháp luật đại cương		2	11/9/2017 đến 23/12/2017	
216.	Tiếng Anh định hướng TOEIC 1		4	11/9/2017 đến 23/12/2017	
217.	Tiếng Anh định hướng TOEIC 2		4	22/01/2018 đến 19/5/2018	
218.	Tiếng Anh định hướng TOEIC 3		4	14/8/2017 đến 25/11/2017	
219.	Tin học căn bản (lý thuyết)		2	11/9/2017 đến 23/12/2017	
220.	Toán cao cấp		4	11/9/2017 đến 23/12/2017	
221	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	14/8/2017 đến 25/11/2017	
222	Thực hành tin học căn bản		2	11/9/2017 đến 23/12/2017	
223	Ngữ pháp 1	- Học phần này giúp sinh viên ôn lại kiến thức cơ bản về cách sử dụng các từ loại trong tiếng Anh như danh từ, tính từ, trạng từ, đại từ .	02	HK1	Thi trắc nghiệm
224.	Đọc 1	- Sinh viên có năng lực đọc hiểu thành thạo các loại văn bản tiếng Anh, tăng vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kiến thức văn hoá ,xã hội của các nước trên thế giới.Sinh viên được trang bị những kiến thức về các lĩnh vực khác nhau trong cuộc sống như cuộc sống của sinh viên quốc tế, thời tiết, cấu trúc gia đình, thực phẩm, sự khác biệt giữa các	02	HK1	Thi trắc nghiệm

		nền văn hoá			
225.	Viết 1 (Đoạn văn)	- Học phần giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về việc viết câu chủ đề, viết các ý bổ sung để hoàn thành một đoạn văn theo chủ điểm yêu cầu; có đủ vốn từ vựng và ngữ pháp để thảo luận, phân tích và bình luận về các chủ đề trong từng chương.	02	HK1	Thi tự luận
226.	Ngữ âm TH 1	- Học phần giúp SV có khái niệm về bảng phiên âm âm vị (do tác giả Adrian UnderHill sắp xếp); Phân biệt và đọc được nguyên âm, nguyên âm đôi của tiếng Anh và biết cách nhấn từ; Nắm vững nguyên tắc và thực hành được việc nói âm; Nghe và thực hành được các ngữ điệu khác nhau; Nắm vững phương pháp và thực hành nhấn câu được; Có khả năng tự học, tự nghiên cứu tài liệu và tự quản lý thời gian	02	HK1	vấn đáp
227.	Nghe nói 1	Học phần trang bị cho SV kỹ năng phân biệt diễn ngôn trang trọng và diễn ngôn thân mật, hỏi lại thông tin khi không rõ, luyện tập rút gọn giới từ 'to', sử dụng được âm điệu trong câu hỏi đuôi, bắt chuyện và làm quen người mới, tự giới thiệu bản thân, chào tạm biệt; Trình bày sở thích và những điều bản thân không thích, sử dụng cách nhấn cho danh từ ghép, mô tả về thời gian,	03	HK1	Trắc nghiệm + vấn đáp

		đưa ra quan điểm và hỏi quan điểm của người khác; Giới thiệu về gia đình, mô tả tính cách, ngoại hình của ai đó, khen và đáp lại lời khen; Diễn đạt ngôn ngữ theo quá trình (thực hiện cái gì đó), mô tả hoạt động hằng ngày, phát ngôn một cách phù hợp với một phát ngôn trước đó; Hỏi và chỉ đường đến một nơi nào đó, mô tả về một nơi nào đó, đưa ra đề nghị và yêu cầu đưa ra đề nghị; Nói về giá cả, trả giá, nói về mức độ thường xuyên làm một việc gì đó, mô tả chi tiết sự vật hay hiện tượng nào đó; Mô tả về số lượng, trình bày về nhu cầu của bản thân hoặc của ai đó, nói về thức ăn, mô tả thức ăn và thói quen ăn uống của bản thân; Nói về những việc ở quá khứ, đưa sự kiện mới, cách phản ứng với những sự việc, nói về kế hoạch tương lai của bản thân			
228.	Ngữ pháp 2	Học phần này giúp sinh viên ôn lại kiến thức cơ bản về chia động từ (12 thì), sự hòa hợp chủ từ và động từ, phân biệt cách sử dụng gerund and to infinitive, câu bị động.	02	HK2	Thi trắc nghiệm
229.	Đọc 2	Sau khi hoàn thành học phần của Đọc 2, sinh viên có thể tích lũy được kiến thức và một số lượng lớn các từ vựng có liên quan đến các nền văn hoá của thế giới, sức khoẻ, vui chơi giải trí và các phương tiện vui chơi giải trí, cuộc	02	HK2	Thi trắc nghiệm

		sống xã hội, thể thao			
230.	Viết 2 (Các thể loại luận 1)	- Học phần giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về cách phát triển ý từ viết đoạn văn thành một bài luận với nhiều thể loại khác nhau như: argument (advantages and disadvantages), compare and contrast, descriptive, và narrative; Sinh viên có đủ vốn từ vựng và ngữ pháp để thảo luận, phân tích và bình luận về các chủ đề trong từng chương.	02	HK2	Tự luận
231.	Ngữ âm TH 2	- Học phần giúp SV có khái niệm về bảng phiên âm âm vị (do tác giả Adrian UnderHill sắp xếp); Phân biệt và đọc được nguyên âm, nguyên âm đôi của tiếng Anh và biết cách nhấn từ; Nắm vững nguyên tắc và thực hành được việc nói âm; Nghe và thực hành được các ngữ điệu khác nhau; Nắm vững phương pháp và thực hành nhấn câu được; Có khả năng tự học, tự nghiên cứu tài liệu và tự quản lý thời gian	02	HK2	Thi trắc nghiệm
232.	Nghe nói 2	Học phần giúp SV có kỹ năng bắt đầu và kết thúc một cuộc nói chuyện, hỏi ý kiến về ngoại hình và mô tả ngoại hình, nói và mô tả về tính cách, số lượng; kỹ năng chia sẻ và xin kinh nghiệm, nhắc nhở người khác về chuyện gì đó, hướng dẫn một chuỗi hành động (nấu ăn), mô tả nhà hàng, gọi món và nhận món gọi trong nhà hàng; bàn về các vấn đề sức khỏe, đưa ra lời	03	HK2	Thi trắc nghiệm

		khuyên, lời đề nghị, so sánh và lý giải; mô tả năng lực cá nhân, đưa ra đề nghị, diễn đạt sự cần thiết của việc gì đó, biện luận sự thiếu sót của một vấn đề thiết yếu nào đó, mô tả thuận lợi và bất lợi; trình bày về sở thích cá nhân, mời mọc và đáp lại lời mời của ai đó, xin lỗi và đáp lại lời xin lỗi; hỏi câu hỏi đôi, kể lại các sự kiện quá khứ, thể hiện sự cảm đoán, thể hiện sự vâng lời, hỏi và mô tả về giá cả, lịch trình; hỏi và mô tả thái độ, đưa ý kiến và xin ý kiến, đưa đề nghị và xin đề nghị, đưa cách sử dụng và hỏi cách sử dụng; hỏi và đưa ra quan điểm, đồng ý và phản bác quan điểm, mô tả trí tưởng tượng, mô tả chuỗi sự kiện			
233.	Ngữ pháp 3	Học phần này giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về các loại mệnh đề và câu trong tiếng Anh.	02	HK3	Thi trắc nghiệm
234.	Đọc 3	Học phần giúp Sinh viên đọc các bài báo trong tạp chí, bài văn hay trong các bài báo trên mạng để khám phá các chủ đề yêu thích khác nhau. Các chủ đề sẽ là Giáo dục và đời sống sinh viên (Chapter 1), Cuộc sống thành phố (Chapter 2), Thương mại và tiền bạc (Chapter 3), Công việc và nghề nghiệp (Chapter 4) và Các lối sống khác nhau trên thế giới (Chapter 5). Sinh viên sẽ tìm hiểu về các bài	02	HK3	Thi trắc nghiệm

		đọc khác nhau để tăng khả năng đọc lưu loát và sắp xếp các thông tin, ý tưởng. Sinh viên xây dựng cho mình từ vựng chuyên dụng và khả năng sử dụng chúng.			
235.	Viết 3 (Các thể loại luận 2)	Học phần Viết 3 trang bị cho sinh viên chuyên ngành Ngôn Ngữ Anh kiến thức về cách trình bày 1 bài luận trong tiếng Anh	02	HK3	Thi tự luận
236.	Ngữ âm TH 3	- Học phần giúp SV có khái niệm về bảng phiên âm âm vị (do tác giả Adrian UnderHill sắp xếp); Phân biệt và đọc được nguyên âm, nguyên âm đôi của tiếng Anh và biết cách nhấn từ; - Nắm vững nguyên tắc và thực hành được việc nói âm; Nghe và thực hành được các ngữ điệu khác nhau; Nắm vững phương pháp và thực hành nhấn câu được; Có khả năng tự học, tự nghiên cứu tài liệu và tự quản lý thời gian	02	HK3	vấn đáp
237.	Nghe nói 3	- Học phần giúp SV có khái niệm về bảng phiên âm âm vị (do tác giả Adrian UnderHill sắp xếp); phân biệt và đọc được nguyên âm, nguyên âm đôi của tiếng Anh và biết cách nhấn từ; nắm vững nguyên tắc và thực hành được việc nói âm; nghe và thực hành được các ngữ điệu khác nhau; nắm vững	03	HK3	Thi trắc nghiệm

		phương pháp và thực hành nhân câu đợc; có khả năng tự học, tự nghiên cứu tài liệu và tự quản lý thời gian			
238.	Kỹ năng mềm	Qua việc học tập và rèn luyện kỹ năng mềm HSSV sẽ hình thành nên những kiến thức, kỹ năng và thái độ như biết cách làm việc nhóm, hòa nhập vào tập thể và có tinh thần đồng đội; rèn luyện sự nhạy bén, sự tự tin, vững vàng trong giao tiếp; suy nghĩ lạc quan, tư duy tích cực và sáng tạo trong học tập cũng như công việc; phát huy tối đa điểm mạnh của bản thân từ đó có thể phát triển bản thân một cách nhanh nhất và tốt nhất; định hướng công việc của mình, biết cách soạn hồ sơ xin việc và trả lời các câu hỏi phỏng vấn của nhà tuyển dụng, từ đó HSSV có đủ khả năng và tự tin khi đi xin việc làm.	02	HK3	Bài thu hoạch
239.	Đọc 4	-Học phân giúp Sinh viên sẽ đọc các bài báo trong tạp chí, bài văn hay trong các bài báo trên mạng để khám phá các chủ đề yêu thích khác nhau. Các chủ đề sẽ là Những sự kết nối toàn cầu (Chapter 6) Ngôn ngữ và sự thông tin liên lạc (Chapter 7), Thị hiếu và sở thích (Chapter 8), Những đường ranh giới mới (Chapter 9) và Các nghi lễ (Chapter 10). -Sinh viên sẽ tìm hiểu về nền kinh tế, khoa học, nghi thức thông qua các bài đọc với cách trình bày cũng như hình vẽ giúp hiểu rõ hơn về bài học, đồng thời tạo dựng vốn từ qua	02	HK4	Thi trắc nghiệm

		<p>các lĩnh vực khác nhau.</p> <p>- Sinh viên xây dựng cho mình từ vựng chuyên dụng và khả năng sử dụng chúng trong các ngữ cảnh đa dạng.</p>			
240.	Viết 4 (Văn bản xã hội)	<p>Môn học này giúp sinh viên ngành NN Anh tìm hiểu các thể loại văn bản xã hội, thư thương mại, sơ yếu lý lịch, thư xin việc bằng tiếng Anh</p>	02		Thi tự luận
241.	Nghe nói 4	<p>- Học phần giúp SV có thể hỏi những kinh nghiệm quý báu, kể lại những sự kiện quan trọng, đưa ra đề nghị và đánh giá một đề nghị của ai đó; làm quen với những người mới, hỏi thăm về công việc của họ, đưa lời mời và từ chối một cách lịch sự, nói về những giả định không chính xác, thể hiện sự thiếu hiểu biết, thể hiện quan điểm cá nhân mà không làm tổn thương người khác; lời lại để làm rõ một vấn đề, làm rõ một vấn đề nào đó, lập luận, thể hiện sự đồng tình, nói về phong cách sống, đánh giá lối sống, thuyết phục và không đồng ý một cách lịch sự; hỏi và nói về tham vọng nghề nghiệp, hỏi câu hỏi phỏng vấn, mô tả điểm mạnh, yếu, đưa lời hướng dẫn một cách rõ ràng, lặp lại ý nào đó để chứng tỏ là đã hiểu vấn đề, làm báo cáo, đặt câu hỏi tiếp nối; hỏi và nói về sự sợ hãi, bàn về nguyên nhân của stress, đưa lời khuyên bằng kinh nghiệm bản thân, nói về ước</p>	03	HK4	Thi trắc nghiệm

		<p>mơ, hoài bão, nói về sở thích, nói về điều hối tiếc; kể chuyện phim, mô tả phản ứng về một bộ phim, nói về âm nhạc, tham gia bàn luận, bàn luận về xu hướng, chia sẻ thông tin đáng kinh ngạc, thể hiện sự ngạc nhiên; làm thủ tục lên máy bay, kiểm tra lại thông tin, thông báo tin xấu, xin giúp đỡ hoặc lời khuyên, so sánh đối chiếu những sự thay thế, đưa ra lý do cho các sự lựa chọn, mô tả sự khác biệt văn hóa, giải thích tại sao một việc gì đó có thể gây hiểu lầm; bàn luận về các sự kiện thể thao, thay đổi chủ đề, cắt ngang để làm rõ một điều gì đó, đưa bằng chứng, ví dụ để minh họa cho quan điểm.</p>			
242.	Viết 5 (Văn bản khoa học)	<p>Học phần Viết 5 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về việc viết một bài nghiên cứu khoa học.</p>	03	HK5	viết bài thu hoạch
243.	PPNC Khoa học	<p>- Học phần giúp SV hình thành đề tài nghiên cứu. Giới thiệu các phương pháp nghiên cứu và các bước tiến hành nghiên cứu; sau khi hoàn tất học phần. SV có thể thực hiện nghiên cứu</p>	03	HK6	viết bài thu hoạch
244.	Thực tế ngoài trường	<p>Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết thực tế , giúp sinh viên có những trải nghiệm cùng các bạn, vận dụng những kiến thức có được vào thực tế khi cần.</p> <p>- Giúp sinh viên có những hiểu biết</p>	01	HK5	Bài thu hoạch

		<p>thực tế về văn hóa và con người ở một số địa phương (đã được học trong học phần cơ sở văn hóa Việt Nam và tiếng Anh Du lịch).</p> <p>- Phát triển kỹ năng giao tiếp và thu thập thông tin. Vận dụng những kỹ năng có được từ học phần kỹ năng mềm về xử lý tình huống khi cần thiết.</p>			
245.	TA Du lịch	<p>- Học phần cung cấp cho SV những kiến thức về ngành Du lịch và những công việc liên quan đến du lịch; những địa danh du lịch trong và ngoài nước, hình thức tổ chức tour; các phương tiện di chuyển trong Du lịch, đặc biệt là đường hàng không; những công việc và những điều cần lưu ý khi làm việc tại khách sạn; những công việc và những điều cần lưu ý khi làm việc tại nhà hàng; văn hoá một số nơi trên thế giới và cách thức để có những chuyến đi an toàn và ít tốn kém.</p> <p>- Sau khi hoàn tất học phần, SV sẽ có những kỹ năng như viết CV và đơn xin việc, trả lời phỏng vấn xin việc; tư vấn tour; đặt và nhận đặt vé máy bay, xử lý tình huống tại sân bay; xử lý các tình huống có thể xảy ra tại khách sạn; phục vụ tại nhà hàng và xử lý các tình huống có thể xảy ra tại nhà hàng; chọn lọc cách cư xử phù hợp tại một số quốc gia có nền văn hoá khác.</p>	03	HK3	Thi vấn đáp

246	TA Thương mại	Học phần cung cấp cho SV nhiều kiến thức về lĩnh vực kinh doanh hơn và có khả năng giao tiếp tốt trong thương mại; những kiến thức cơ bản về những từ vựng và kỹ năng viết thư thương mại, những kỹ năng xử lý tình huống trong thương mại.	03	HK5	trắc nghiệm
247	Kỹ năng thuyết trình	- Học phần giúp SV nắm được các bước chuẩn bị và thực hiện một buổi thuyết trình hiệu quả; trang bị cho SV cần kỹ năng nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung cần giới thiệu và khả năng trình bài tốt.	03	HK5	vấn đáp
248	Nói trước công chúng	- Học phần giúp SV lĩnh hội những kỹ năng căn bản để chuẩn bị và trình bày một bài nói trước công chúng một cách có hiệu quả; nắm được các yêu cầu cần thiết để biên soạn được một bài nói trước công chúng theo những mục đích khác nhau; khắc phục được sự sợ hãi và rèn luyện sự tự tin để trình bày văn bản và đối mặt với những câu hỏi đặt ra chỉ một bài nói trước công chúng; sử dụng khả năng nói chuyện lưu loát của mình trong lĩnh vực nghề nghiệp khác nhau liên quan đến việc xuất hiện trước công chúng; sử dụng công nghệ thông tin và các phương tiện trực quan cho bài nói trước công chúng đạt hiệu quả; sử dụng tốt ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh) trong bài nói	03	HK7	vấn đáp

		trước công chúng			
249.	Dẫn luận NN	Giúp sinh viên lĩnh hội được kiến thức cơ bản về các ngành của ngôn ngữ học như Ngữ âm học, Âm vị học, Từ pháp học, Cú pháp học, Ngữ nghĩa học, Ngữ dụng học	03		Bài tập cá nhân + nhóm, kiểm tra TN+TL, thi TN+TL
250.	Từ pháp học	Môn học English Morphology đề cập tới khái niệm về từ, phân tích cấu tạo từ, và cách tạo từ mới trong ngôn ngữ Anh, các thành phần cấu tạo từ, và các cách phân tích cấu trúc từ theo các trường phái ngôn ngữ học hiện đại. Môn học giúp người học nắm được cơ bản về lý thuyết cấu tạo từ trong ngôn ngữ Anh. Người học biết cách phân tích từ và sử dụng từ tiếng Anh chuẩn xác.	02	HK6	Tự luận
251.	Cú pháp học 1	Giúp sinh viên phân biệt các loại từ, ngữ, câu cũng như phương pháp tạo cụm từ, mệnh đề, câu; các chức năng ngữ pháp của các đơn vị trong câu, mối quan hệ giữa các đơn vị trong câu, các vị trí mà các cụm từ có thể nắm giữ; các mẫu câu cơ bản; vẽ sơ đồ cấu trúc câu; xác định khả năng gây tối nghĩa của những cấu trúc câu mơ hồ	02		TN+TL
252.	Ngữ nghĩa học 1	Cung cấp kiến thức sâu về nghĩa của từ trong lĩnh vực ngôn ngữ	02	HK7	Tự luận
253.	Âm vị học	-Môn học giúp HV nắm được khái niệm âm vị, vai trò và tầm quan trọng của việc nghiên cứu âm vị	02	HK7	TN+TL

		cũng như vị thế của môn học trong biểu đồ nghiên cứu ngôn ngữ học; cấu trúc âm, cách sử dụng các bộ phận cơ thể để phát âm; hiểu được các đặc tính âm và các yếu tố dùng để miêu tả âm, cách phân biệt hai âm khác nhau. cũng như cách để nhận dạng những âm cùng nhóm, các thuộc tính của các phụ âm và nguyên âm của tiếng Anh, các nguyên tắc biến âm, nối âm, nhận biết được âm tiết, cách nhấn âm trong một từ, cụm từ và trong một câu			
254	Ngôn ngữ học đối chiếu	- Học phần giúp SV hiểu được đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp, ý nghĩa của việc nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ; cá bình diện, các khuynh hướng nghiên cứu; hiểu được những đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ học đối chiếu (Phân biệt với nghiên cứu miêu tả, ngôn ngữ học so sánh – lịch sử, ngữ vực học, loại hình học). Xác định được khách thể, đối tượng, mục đích nghiên cứu; hiểu được tính kế thừa (Ngôn ngữ học cấu trúc), tính bổ sung lý luận (cho ngôn ngữ học lý thuyết, cho loại hình học, phổ quát ngôn ngữ), tính phục vụ thực tiễn (dạy học ngoại ngữ, phiên dịch, soạn sách dạy tiếng, từ điển song ngữ...). Bổ sung cho các môn học lân cận: Ngôn ngữ học tâm lý, giao tiếp giao văn hóa, đất nước học;	03	HK7	Bài thu hoạch

		nắm được ý nghĩa tiếp cận đối chiếu đồng đại với ngôn ngữ cùng và khác loại hình. Vai trò của nó đối với học các ngoại ngữ, các ngôn ngữ dân tộc cũng như dạy tiếng Việt, ngôn ngữ các dân tộc cho người học. Gián tiếp giúp tránh sốc văn hóa trong giao tiếp với người nước ngoài.			
255.	Lý thuyết dịch	Cung cấp sinh viên những kiến thức cơ bản về dịch thuật, các loại hình dịch thuật, các bước trong tiến trình dịch, hình thức, ngữ nghĩa, một số lỗi thường gặp; làm tiền đề để sinh viên học các môn dịch thực hành, dịch nâng cao	03		Bài tập cá nhân + nhóm, kiểm tra TN+TL, thi TN+TL
256.	Dịch TH 1 (Cụm từ và câu)	-Học phần giới thiệu hai loại hình chủ yếu trong biên dịch: Dịch dựa vào hình thức, dịch dựa vào ngữ nghĩa; Các bước cần thiết khi thực hiện một bài dịch; Tìm ý chính của câu; Chọn lựa ý thích hợp; Kỹ thuật dịch liên quan đến từ vựng: Dịch các cụm từ không tương đương; dịch thành ngữ và các cách diễn đạt; dịch một số cụm từ liên quan đến thể, số và ngôi; Kỹ thuật dịch liên quan đến ngữ pháp: Dịch các câu không có chủ ngữ; dịch tựa đề bài báo; Tránh các lỗi sai về ngôn ngữ trong biên dịch: sử dụng sai từ vựng, sai ngữ cảnh, sai cấu trúc; Bốn mẫu câu cơ bản: câu đơn, câu kép, câu phức hợp, câu	03	HK5	Tự luận

		kép và phức hợp; Các loại mệnh đề danh từ, tính từ, trạng từ theo chủ đề: văn hoá, giáo dục, kinh tế, giải trí, khoa học thường thức; Văn phong và vốn từ loại đặc thù của các chủ đề khác nhau.			
257.	Dịch TH 2 (Văn bản)	Học phần cung cấp Kỹ thuật dịch liên quan đến các văn bản; Tránh các lỗi sai về ngôn ngữ trong biên dịch: sử dụng sai từ vựng, sai ngữ cảnh, sai cấu trúc; Dùng đúng từ chuyên môn; Đảm bảo tính chính xác bằng cách chọn từ và cấu trúc câu thích hợp; Đảm bảo về văn hóa khi dịch.	03	HK6	Tự luận
258.	Dịch TH 3 (nâng cao)	Học phần cung cấp Kỹ thuật dịch liên quan đến các văn bản; Tránh các lỗi sai về ngôn ngữ trong biên dịch: sử dụng sai từ vựng, sai ngữ cảnh, sai cấu trúc; Dùng đúng từ chuyên môn; Đảm bảo tính chính xác bằng cách chọn từ và cấu trúc câu thích hợp; Văn phong và vốn từ loại đặc thù của các chủ đề khác nhau; Đảm bảo về văn hóa khi dịch.	03	HK7	Tự luận
259.	Nghe dịch (Nghe và dịch các bản tin)	Học phần giúp cho người học ôn lại các kiến thức cơ bản về các loại hình nghe dịch, kỹ thuật nghe dịch và những sai lầm cần tránh khi dịch cụm từ và câu, thành ngữ	03	HK7	vấn đáp
260.	Dẫn luận văn chương	Môn học này giúp SV NN Anh nhận biết các thể loại văn chương, cách đọc và tóm tắt một phẩm văn	03		Thi tự luận

		chương bằng tiếng Anh			
261.	Văn học Anh	Môn học này giúp sinh viên ngành NN Anh tìm hiểu nền văn học Anh qua các thể kỷ, cách phân tích nhân vật	03		Thi tự luận
262.	Văn học Mỹ	Học phần giúp NH nắm vững kiến thức văn học Mỹ thông qua một số tác phẩm và phim ảnh chọn lọc, nhận biết được phong cách viết văn của nhiều tác giả; nâng cao khả năng cảm nhận và hiểu biết về bản sắc văn hóa ẩn chứa trong các tác phẩm văn học nước ngoài; hiểu và phân tích sâu sắc các nhân vật để xây dựng được quan điểm riêng và học làm người; xây dựng được tính cảm thụ văn học; đưa lý thuyết vào thực hành phân tích các thể loại tác phẩm được chọn lọc như tiểu thuyết, truyện ngắn, kịch, thơ	02	HK6	Thi tự luận
263.	VHXXH Anh	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nền văn hoá- văn học Anh qua việc tìm hiểu những vấn đề lớn chi phối đời sống văn hoá- xã hội. Sinh viên sẽ có cơ hội làm giàu thêm tri thức văn hoá – xã hội, đồng thời rèn luyện thêm khả năng cảm thụ văn hóa phong phú, với nhiều thành tựu có giá trị cao.	02	HK4	Tự luận
264.	VHXXH Mỹ	Học phần cung cấp những kiến thức về những điểm nổi bật trong lịch sử nước Mỹ; những biểu tượng của nước Mỹ; một số vị	02	HK4	Trắc nghiệm

		tổng thống có ảnh hưởng lớn đối với nước Mỹ; hệ thống chính trị của Mỹ; đất nước, con người và văn hoá của nước Mỹ; hệ thống giáo dục của Mỹ			
265	VHXH Úc	- Học phần cung cấp cho SV những kiến thức về văn hoá, xã hội, con người nước Úc, từ đó xây dựng cho mình từ vựng chuyên dụng và kiến thức về văn hóa, con người, cảnh quan và cuộc sống của nước Úc.	02	HK4	Trắc nghiệm+ Tự luận
266	Kỹ năng giao tiếp nâng cao (T.A)	- Học phần giúp SV biết cách thể hiện ý kiến và quan điểm cá nhân một cách lịch sự; những câu nói hay danh ngôn gắn gũi trong cuộc sống; cách thuyết phục người khác một cách hiệu quả; thảo luận tích cực để tìm ra hướng giải quyết cho một vấn đề ; xử lí tình huống khó xử hay gặp trong các mối quan hệ gia đình, bạn bè, đồng nghiệp; tranh luận thuyết phục và đóng vai để giải quyết tình huống	02	HKTN	Vấn đáp
267	Dịch TH nâng cao	Học phần giúp cho người học ôn lại các kiến thức cơ bản về các loại hình biên dịch, kỹ thuật biên dịch và những sai lầm cần tránh khi dịch các chủ đề chính trị, kinh tế, môi trường, du lịch và hội thoại nhằm trang bị cho người học vốn từ và kỹ năng cần thiết cho công việc dịch thuật thực tế. Ngoài ra cũng giúp học viên nắm vững những phương pháp dịch thuật; nắm bắt được kiến	02	HKTN	Thi tự luận

		thức lý thuyết ngôn ngữ làm nền tảng cho quá trình dịch; áp dụng kiến thức lý thuyết ngôn ngữ để có những bản dịch chất lượng cao hơn, chuẩn xác hơn về phương diện sử dụng ngôn ngữ.			
268.	Nghe dịch nâng cao (dịch đũa)	-Học phần giúp cho người học ôn lại các kiến thức cơ bản về các loại hình nghe dịch, kỹ thuật nghe dịch và những sai lầm cần tránh khi dịch cụm từ và câu, thành ngữ.	02	HKTN	vấn đáp
269.	Phong cách học	Học phần giúp Sinh viên học các kỹ thuật sử dụng ngôn ngữ ở mức độ đa phong cách. Sinh viên cũng tìm hiểu sự đa dạng trong lối hành văn của nhiều thể loại phong cách văn bản, những giá trị biểu đạt của các phương tiện từ ngữ (bao gồm từ và thành ngữ) của hệ thống một ngôn ngữ nhất định. Sinh viên được tiếp cận với những kiến thức về (a) Nghiên cứu hệ thống các phong cách ngôn ngữ (b). Nghiên cứu giá trị biểu đạt của các phương tiện ngôn ngữ (phương tiện ngữ âm, phương tiện từ vựng, phương tiện ngữ pháp) (c). Nghiên cứu giá trị biểu đạt của các cách thức tu từ (các biện pháp tu từ, phép tu từ).	02	HK TN	Tự luận
270.	Ngữ pháp chức năng hệ thống	Giúp sinh viên lĩnh hội được kiến thức chuyên sâu về ngữ pháp: các loại từ, ngữ, mệnh đề và câu; cấu trúc của các loại trên; cách phân tích hệ thống cấu trúc; và chức	02	HKTN	TN+TL

		năng của từng loại nhờ đó sinh viên có thể đọc hiểu, viết, sử dụng tiếng Anh hiệu quả hơn trong học tập, công việc; cũng như hỗ trợ sinh viên trong công tác dịch thuật, và phân tích ngôn ngữ nâng cao, phân tích tác phẩm văn chương			
271	Phân tích diễn ngôn	- Học phần giúp SV nắm được kiến thức về diễn ngôn từ đó ứng xử một cách thích hợp với những ngôn hành khi đàm thoại, biết cách sử dụng ngôn ngữ để có thể điều khiển hành động như mong muốn, đồng thời biết cách thích nghi với những khác biệt văn hóa giữa ngôn ngữ mẹ đẻ với ngôn ngữ mục đích	02	HKTN	Tự luận
272	Cú pháp 2	Là một môn học nâng cao, giúp sinh viên phân biệt sự khác nhau về mặt ngữ pháp, ngữ nghĩa giữa các thành tố cấu tạo nên ngữ, mệnh đề, cũng như phương pháp chuyển đổi cấu trúc câu để diễn đạt những sắc thái khác nhau trong giao tiếp	02	HKTN	Bài tập cá nhân + nhóm, kiểm tra TN+TL, thi TN+TL
273	Ngữ nghĩa 2	Cung cấp kiến thức sâu về nghĩa của từ trong lĩnh vực ngôn ngữ	02	HKTN	Kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ bằng hình thức tự luận
274	Những NL cơ bản của CN Mác – Lenin 1	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên nắm được một cách tương đối có hệ thống những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác Lênin.	2	HK1	- Điểm chuyên cần và quá trình: 40% - Thi viết: 60 %
275	Toeic 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe – Nói – Đọc – Viết và 3 kỹ năng phụ Ngữ pháp - Từ vựng – Phát âm giúp sinh viên làm quen	4	HK1	- Điểm chuyên cần và quá trình: 40% - Thi viết: 60 %

		với hình thức đề thi TOEIC quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản.			
276.	Giáo dục thể chất 1		1	HK1	
277.	Giáo dục quốc phòng		8	HK1	
278.	Pháp luật đại cương		2	HK1	
279.	Tin học căn bản		2	HK1	
280.	Thực tập tin học căn bản		2	HK1	
281.	Cơ sở văn hoá Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cần thiết cho việc hiểu về một nền văn hóa nói chung và văn hóa Việt Nam nói riêng. - Giúp cho sinh viên nhận thức đúng đắn về văn hoá, vai trò của văn hoá trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc cũng như đối với sự phát triển của quốc gia. 	2	HK1	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần và quá trình: 30% - Thi viết: 70 %
282.	Tâm lý học đại cương	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được những khái niệm cơ bản về tâm lí. - Hiểu và lí giải được con đường nhận thức thế giới khách quan của con người diễn ra như thế nào, con người đã sử dụng những hoạt động tâm lí nào để có những sáng tạo trong cuộc sống, lao động. - Hiểu rõ được những trạng thái cảm xúc đang diễn bên trong cơ thể con người, và sự vận hành của ý chí để con người có thể thực hiện được những “hoài bão” của bản thân. 	2	HK1	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần và quá trình: 30% - Thi viết: 70 %
283.	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin nhằm giúp cho SV xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng.	3	HK2	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần và quá trình: 40% - Thi viết: 60 %
284.	Toeic 2	Trang bị cho sinh viên những	4	HK2	- Điểm chuyên

		kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe – Nói – Đọc – Viết và 3 kỹ năng phụ Ngữ pháp - Từ vựng – Phát âm giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi TOEIC quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản.			cần và quá trình: 40% - Thi viết: 60 %
285	Giáo dục thể chất 2		1	HK2	
286	Lịch sử Việt Nam đại cương	Sinh viên phải nắm được lịch sử dựng nước và giữ nước, cuộc đấu tranh và bảo vệ tổ quốc của nhân dân ta một cách hệ thống theo tiến trình lịch sử. Các giai đoạn xây dựng đất nước và đấu tranh bảo vệ tổ quốc của các triều đại phong kiến Việt Nam	3	HK2	- Điểm chuyên cần và quá trình: 30% - Thi viết: 70 %
287	Phương pháp nghiên cứu – Duyệt lịch	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về nghiên cứu khoa học. Bắt đầu từ cách hình thành đề tài, lập kế hoạch nghiên cứu, tìm tài liệu tham khảo, cách trình bày đề tài khoa học ở seminar, hội nghị khoa học, cách viết một công trình khoa học (bài báo, luận văn, nghiệm thu đề tài ...), cách công bố công trình khoa học, cách tìm kiếm và trao đổi với các đồng nghiệp trên thế giới.	2	HK2	- Điểm chuyên cần và quá trình: 30% - Thi viết: 70 %
288	Nhập môn Khu vực học và Việt Nam học	Học phần giúp SV tiếp cận: Tổng quan về cách tiếp cận văn hóa khu vực và Việt Nam; Việt Nam học trong tương quan với các ngành khoa học khác; Việt Nam học trong tiến trình lịch sử; Cách người nước ngoài tiếp cận Việt Nam học.	2	HK2	- Điểm chuyên cần và quá trình: 30% - Thi viết: 70 %
289	Tiếng Việt thực hành	- Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về các lỗi về chính tả, lỗi dùng từ, lỗi về câu, dấu câu, ... - Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách sửa lỗi chính tả, lỗi dùng từ, lỗi về câu... - Cung cấp cho sinh viên kiến thức	2	HK2	- Điểm chuyên cần và quá trình: 50% - Thi viết: 50 %

		vẽ đoạn, văn bản; cách tạo lập đoạn văn và văn bản.			
290.	Xã hội học đại cương	- Hiểu được những kiến thức cơ bản cơ bản của xã hội học như: khái niệm, đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu của xã hội học, một số lý thuyết xã hội học cơ bản và những khái niệm xã hội học. - Vận dụng được kiến thức của môn học phục vụ cho công việc chuyên môn sau này.	2	HK2	- Điểm chuyên cần và quá trình: 30% - Thi viết: 70 %
291.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	- Sinh viên có thể trình bày khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh và những tư tưởng, luận điểm, quan điểm cơ bản diễn ra trong tiến trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; - Sinh viên có thể phân tích, giải thích về những nội dung tư tưởng, quan điểm cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh;	2	HK3	- Điểm chuyên cần và quá trình: 40% - Thi viết: 60 %
292.	Toeic 3	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe – Nói – Đọc – Viết và 3 kỹ năng phụ Ngữ pháp - Từ vựng – Phát âm giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi TOEIC quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản.	4	HK3	- Điểm chuyên cần và quá trình: 40% - Thi viết: 60 %
293.	Giáo dục thể chất 3		1	HK3	
294.	Lịch sử văn minh thế giới	Học phân cung cấp những kiến thức lý thuyết cơ bản về văn minh phương Đông và phương Tây. Biết vận dụng và lĩnh hội được kiến thức về các nền văn minh lớn trên thế giới. Sinh viên sau khi kết thúc môn học phải nắm được nguồn gốc và những thành tựu văn minh tiêu biểu của nhân loại.	2	HK3	- Điểm chuyên cần và quá trình: 30% - Thi viết: 70 %
295.	Địa lý tự nhiên Việt Nam	- Khái quát vị trí địa lý, các khái niệm về phạm vi lãnh thổ, phân tích tác động của vị trí địa lý đối với điều kiện tự nhiên của Việt Nam.	2	HK3	- Điểm chuyên cần và quá trình: 30% - Thi viết: 70 %

		- Khái quát chung về đặc điểm của tự nhiên Việt Nam, sự phân hóa đa dạng của tự nhiên và mối liên hệ tác động qua lại giữa các hợp phần tự nhiên: địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng, sinh vật			
296	Văn học Việt Nam đại cương	- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức đại cương và có hệ thống về văn học Việt Nam. Qua môn học, sinh viên có những kiến thức cần thiết về văn học sử phục vụ cho công việc của ngành du lịch; đồng thời có ý thức trân trọng, bảo vệ những giá trị văn hoá của dân tộc. - Đi sâu tìm hiểu về cuộc đời, sự nghiệp sáng tác và phong cách nghệ thuật của những tác gia tiêu biểu.	3	HK3	- Điểm chuyên cần và quá trình: 30% - Thi thực hành: 70 %
297	Tổng quan du lịch	- Nắm được các khái niệm cơ bản về du lịch như du lịch, loại hình du lịch, khách du lịch, tài nguyên du lịch... Vận dụng được các kiến thức này vào tìm hiểu thực tế phát triển du lịch ở Việt Nam và thế giới. - Phân tích được mối quan hệ giữa các yếu tố cơ bản trong hoạt động du lịch như khách du lịch, tài nguyên du lịch, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, thị trường du lịch và hoạt động kinh doanh du lịch.	2	HK3	- Điểm chuyên cần và quá trình: 30% - Thi viết: 70 %
298	Các vùng văn hoá Việt Nam	Nắm vững các khái niệm về văn hóa, vùng văn hóa, cách phân chia các vùng văn hóa, những khía cạnh đặc trưng của của một vùng văn hóa. Gắn đặc trưng văn hóa với hoạt động hướng dẫn du lịch.	2	HK3	- Điểm chuyên cần và quá trình: 30% - Thi viết: 70 %
299	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội.	3	HK4	- Điểm chuyên cần và quá trình: 40% - Thi viết: 60 %
300	Các dân tộc Việt Nam	Học phần Các dân tộc Việt Nam sẽ cung cấp những kiến	2	HK4	- Điểm chuyên cần và quá

		thức cơ bản về sự phân bố địa bàn cư trú và thành phần các dân tộc được phân chia theo ngữ hệ, theo nhóm trên lãnh thổ Việt Nam. Qua đó sinh viên có một cái nhìn khái quát về sự hình thành và phát triển của các dân tộc ở Việt Nam.			trình: 30% - Thi thực hành: 70 %
301	Tiếng Anh du lịch 1	<p>Sau khi hoàn tất học phần, SV có thể vận dụng từ vựng và kiến thức ngữ pháp của tiếng Anh cũng như kiến thức nền về Du lịch để :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày vai trò của ngành Du lịch đối với nền kinh tế và xã hội; - Mô tả công việc và khả năng làm việc trong ngành Du lịch và những nghề có liên quan đến Du lịch; - Viết CV ấn tượng, trả lời phỏng vấn khi xin việc ở một công ty Du lịch; - Xác định những loại hình Du lịch phổ biến ở Việt Nam và trên Thế giới; - Giới thiệu những điểm thu hút Du lịch ở Việt Nam và một số nơi trên Thế giới; - Tư vấn tour và ghi nhận đặt tour; - Xác định những phương tiện giao thông khác nhau được sử dụng trong Du lịch, đặc biệt là đường Hàng không; - Đặt và nhận đặt vé máy bay; - Thực hiện một số thủ tục ở sân bay; - Trình bày những thuận lợi và bất lợi của việc di chuyển bằng máy bay; - Trình bày về phương tiện giao thông yêu thích. 	3	HK4	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần và quá trình: 40% - Thi vấn đáp: 60 %
302	Hán Nôm	<p>Cung cấp cho sinh viên những nội dung khái quát về chữ Hán và chữ Nôm. Sinh viên nắm được những đặc</p>	2	HK4	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần và quá trình: 35% - Thi viết: 65 %

		điểm cơ bản của những loại văn bản Hán Nôm thường xuất hiện trong hoạt động du lịch như: tên gọi, hoành phi, câu đối...			
303	Địa lý du lịch Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cho sinh viên những thức cơ bản về du lịch, tài nguyên du lịch, tổ chức lãnh thổ du lịch. - Nắm được hiện trạng và định hướng phát triển du lịch Việt Nam 	2	HK4	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần và quá trình: 30% - Thi viết: 70 %
304	Địa lý kinh tế xã hội Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được những kiến thức về tài nguyên thiên nhiên đối với phát triển kinh tế xã hội Việt Nam, những vấn đề về địa lý dân cư như: qui mô dân số, biến động dân số, phân bố dân cư, ... - Hiểu được vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế Việt Nam. - Nắm được tình hình phát triển và phân bố của các ngành kinh tế Việt Nam 	3	HK4	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần và quá trình: 30% - Thi viết: 70 %
305	Văn hóa phương Đông	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được khái niệm cơ bản về văn hóa - Hiểu được lịch sử, điều kiện hình thành của nền văn hóa phương Đông. Nắm chắc kiến thức sự phân chia khu vực văn hóa ở khu vực phương Đông. 	2	HK4	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần và quá trình: 30% - Thi thực hành: 70 %
306	Văn hóa Việt Nam trong Đông Nam Á	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững quá trình nhận thức khu vực Đông Nam Á về: tên gọi, vị trí địa lý cùng với những đặc điểm tự nhiên và xã hội. Từ đó hiểu rõ về tính khu biệt của khu vực so với thế giới cũng như tính thống nhất về địa lý – lịch sử – văn hóa trong quá trình hình thành và phát triển của Đông Nam Á. - Phân tích được những đặc trưng của cơ tầng văn hóa Đông Nam Á, nhận thức được rõ ràng những yếu tố văn hóa (vật chất và tinh thần) Đông Nam Á có trong văn hóa Việt Nam. Khẳng định được vị thế của văn hóa Đông Nam Á trong khu vực và trên thế giới 	2	HK4	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần và quá trình: 30% - Thi viết thu hoạch: 70 %

307.	Tiếng Anh du lịch 2	<p>Sau khi hoàn tất học phần, SV có thể vận dụng từ vựng và kiến thức ngữ pháp của tiếng Anh cũng như kiến thức nền về Du lịch để :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày vai trò của ngành Du lịch đối với nền kinh tế và xã hội; - Mô tả công việc và khả năng làm việc trong ngành Du lịch và những nghề có liên quan đến Du lịch; - Viết CV ấn tượng, trả lời phỏng vấn khi xin việc ở một công ty Du lịch; - Xác định những loại hình Du lịch phổ biến ở Việt Nam và trên Thế giới; - Giới thiệu những điểm thu hút Du lịch ở Việt Nam và một số nơi trên Thế giới; - Tư vấn tour và ghi nhận đặt tour; - Xác định những phương tiện giao thông khác nhau được sử dụng trong Du lịch, đặc biệt là đường Hàng không; - Đặt và nhận đặt vé máy bay; - Thực hiện một số thủ tục ở sân bay; - Trình bày những thuận lợi và bất lợi của việc di chuyển bằng máy bay; - Trình bày về phương tiện giao thông yêu thích. 	3	HK5	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần và quá trình: 40% - Thi vấn đáp: 60%
308.	Du lịch văn hoá Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp những quan niệm, đặc trưng của Du lịch. Tìm hiểu về văn hóa du lịch từ đó phân biệt giữa du lịch văn hóa và văn hóa du lịch. - Tìm hiểu khái niệm và phân loại các nhóm tài nguyên du lịch văn hóa. Đi sâu vào phân tích tài nguyên du lịch nhân văn và tài nguyên du lịch xã hội. 	2	HK5	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần và quá trình: 30% - Thi thực hành: 70%
309.	Du lịch sinh thái	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được khái niệm, phân loại về 	2	HK5	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên

	Việt Nam	<p>Du lịch sinh thái, phân biệt loại hình DLST với Du lịch Thiên nhiên, đồng thời hiểu được những tài nguyên của Du lịch sinh thái. Từ đó nắm vững những yêu cầu và nguyên tắc cơ bản để phát triển DLST. Có chiến lược để phát triển bền vững DLST trong tương lai. Đặc biệt nắm được vai trò của các đối tượng khi tham gia hoạt động DLST</p> <p>- Nghiên cứu thực tế phát triển DLST ở Việt Nam để nắm vững những nội dung về tài nguyên cơ bản, tài nguyên đặc thù và văn hóa bản địa để khai thác phát triển hoạt động DLST. Đồng thời nắm vững được thực trạng (thuận lợi và khó khăn) khi phát triển DLST để từ đó biết khai thác và bảo vệ tài nguyên một cách hợp lý.</p>			<p>cần và quá trình: 30%</p> <p>- Thi viết: 70%</p>
310.	Kỹ năng thuyết minh du lịch	<p>Sau khi học xong học phần này, sinh viên trang bị được những kiến thức về thuyết minh du lịch như: nguyên tắc, phương pháp thuyết minh du lịch. Từ đó, sinh viên có thể ứng dụng để xây dựng một bài thuyết minh hoàn chỉnh và phân tích, đánh giá, tổng hợp các kỹ năng, phương pháp thuyết minh để thực hành các kỹ năng thuyết minh du lịch cho phù hợp.</p>	2	HK5	<p>- Điểm chuyên cần và quá trình: 40%</p> <p>- Thi viết: 60%</p>
311.	Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp	<p>Giúp Sinh viên nhận biết được những đặc điểm về tính cách, nhu cầu, sở thích cũng như những đặc trưng tâm lý của các nhóm du khách thuộc các quốc gia khác nhau. Có kỹ năng giao tiếp và cách</p>	2	HK5	<p>- Điểm chuyên cần và quá trình: 30%</p> <p>- Thi viết: 70%</p>

		xử lý tình huống trong phục vụ du lịch. Nhờ đó hoạt động hướng dẫn du lịch sẽ đạt được hiệu quả cao hơn.			
312.	Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được đặc điểm và vai trò của tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam. - Đánh giá thực trạng khai thác và bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam. - Đưa ra được định hướng và giải pháp khai thác, bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam theo hướng phát triển bền vững. 	2	HK5	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần và quá trình: 40% - Thi viết thu hoạch: 60%
313.	Nghịệp vụ hướng dẫn du lịch	<p>Học phần giúp SV biết được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vị trí của hoạt động hướng dẫn du lịch trong chu trình kinh doanh du lịch. - Những hiểu biết về nghề hướng dẫn viên (vai trò, nhiệm vụ, đặc điểm, yêu cầu, quy định...) - Quy trình và cách thức tổ chức hướng dẫn du lịch của hướng dẫn viên (chuẩn bị, tổ chức đoàn, hướng dẫn tham quan, tiễn khách, công tác kết thúc chuyến đi) - Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của hoạt động hướng dẫn du lịch. 	2	HK5	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần và quá trình: 30% - Thi thực hành: 70%
314.	Ngoại khóa nghịệp vụ hướng dẫn du lịch	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát thực tế, vận dụng những kiến thức lý thuyết đã học vào thực tế - Tổng hợp và vận dụng kiến thức về tour, tuyến du lịch từ Cần Thơ đến Nam Trung Bộ, Tây Nguyên ngược lại - Khái quát hệ thống các điểm du lịch tiêu biểu của miền Nam, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên 	2	HK5	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nội quy và viết nhật kí hành trình: 30% - Thi thực hành: 70%

		- Vận dụng nghiệp vụ hướng dẫn du lịch trong chuyến đi.			
315	Tôn giáo, tín ngưỡng Việt Nam	- Sinh viên nắm được kiến thức về khái niệm tôn giáo, những yếu tố cấu thành và chức năng của tôn giáo. Nắm được những hình thức tôn giáo trong lịch sử nhân loại, cũng như nắm và hiểu được chính sách của Nhà nước đối với các tôn giáo ở Việt Nam. - Nắm được khái niệm về tín ngưỡng, nhận biết được sự giống và khác nhau giữa tôn giáo, tín ngưỡng và mê tín dị đoan. Hiểu được những tín ngưỡng vẫn đang được duy trì và bảo tồn ở Việt Nam.	2	HK5	- Điểm chuyên cần và quá trình: 30% - Thi viết thu hoạch: 70%
316	Đặc điểm văn hoá ĐBSCL	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cần thiết cho việc hiểu về một nền văn hóa Việt Nam nói chung và văn hóa ĐBSCL nói riêng, từ đó có nhận thức đúng đắn về văn hoá, về vai trò của văn hoá trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc cũng như đối với sự phát triển của quốc gia.	2	HK6	- Điểm chuyên cần và quá trình: 30% - Thi viết: 70%
317	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	- Nắm vững kiến thức cơ bản về các tuyến điểm du lịch chính của Việt Nam: - Nắm vững các kiến thức văn hóa, xã hội, lịch sử, địa lý, tôn giáo... có liên quan đến các điểm du lịch của Việt Nam	3	HK6	- Điểm chuyên cần và quá trình: 30% - Thi viết: 70%
318	Địa danh du lịch Việt Nam	- Nắm được những kiến thức cơ bản về địa danh và đặc điểm địa danh Việt Nam. - Hiểu và vận dụng được cơ sở lí luận để tìm hiểu một số địa danh Việt Nam. - Vận dụng những kiến thức từ môn học phục vụ cho công việc giảng dạy sau này.	2	HK6	- Điểm chuyên cần và quá trình: 40% - Thi viết thu hoạch: 60%
319	Bản đồ du lịch và sử dụng bản đồ du lịch	- Hiểu và giải thích những khái niệm, thuật ngữ về bản đồ địa lí.	2	HK6	- Điểm chuyên cần và quá trình: 30%

		<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được những đặc điểm yêu cầu của bản đồ: cơ sở toán học, hệ thống kí hiệu và tổng quát hoá . - Nắm được đặc điểm bản đồ du lịch và cách phân loại. - Phân tích đọc hiểu nội dung và sử dụng bản đồ du lịch trong việc hướng dẫn du khách 			<ul style="list-style-type: none"> - Thi viết: 70%
320	Các dân tộc Việt Nam	Học phần Các dân tộc Việt Nam sẽ cung cấp những kiến thức cơ bản về sự phân bố địa bàn cư trú và thành phần các dân tộc được phân chia theo ngữ hệ, theo nhóm trên lãnh thổ Việt Nam. Qua đó sinh viên có một cái nhìn khái quát về sự hình thành và phát triển của các dân tộc ở Việt Nam.	2	HK6	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần và quá trình: 30% - Thi thực hành: 70%
321	Luật du lịch	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và biết được du lịch về phương diện pháp lý là gì, như thế nào là pháp luật du lịch, sự cần thiết phải có luật để điều chỉnh hoạt động du lịch, những cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý hoạt động du lịch. - Biết và xác định được người thực hiện hoạt động hướng dẫn du lịch là ai, điều kiện để được thực hiện hoạt động hướng dẫn du lịch cũng như xác định được quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật của chủ thể này. - Biết được vi phạm pháp luật hành chính trong lĩnh vực du lịch là gì, nguyên tắc, thẩm quyền, mức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực ra sao. 	2	HK6	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần và quá trình: 30% - Thi viết: 70%
322	Niên luận Việt Nam học – du lịch	Bước đầu cho SV nghiên cứu khoa học	2	HK6	Bài luận từ 20 đến 30 trang
323	Nghệ thuật truyền thống Việt Nam	Nắm vững khái niệm các khái niệm về nghệ thuật, loại hình nghệ thuật. Đặc biệt là các loại hình nghệ thuật ở Việt Nam	2	HK6	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần và quá trình: 30% - Thi thực hành: 70%
324	Di tích và thắng	Trình bày và phân tích được khái	2	HK6	- Điểm chuyên

	cảnh Việt Nam	<p>niệm và các tiêu chí phân loại di tích và thắng cảnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và phân loại được các di tích, có kiến thức về phân cấp di tích. - Khái quát được hệ thống di tích ở Việt Nam, các di sản thế giới và di tích quốc gia đặc biệt. - Hiểu và phân tích được giá trị của hệ thống di tích và thắng cảnh của Việt Nam cũng như vai trò và đặc điểm của loại hình du lịch gắn với hệ thống di tích và thắng cảnh. - Trình bày và phân tích mối quan hệ giữa bảo tồn di tích và thắng cảnh trong phát triển du lịch. 			<p>cần và quá trình: 30%</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thi thực hành: 70%
325	Lữ hành nội địa và quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững một số vấn đề chung về lữ hành và kinh doanh lữ hành. Phân biệt được kinh doanh lữ hành và kinh doanh du lịch. - Tìm hiểu một số vấn đề về doanh nghiệp lữ hành: khái niệm, điều kiện, phân loại, chức năng và nhiệm vụ, vai trò và cơ cấu tổ chức của một doanh nghiệp lữ hành. - Nắm vững và hiểu rõ về hoạt động kinh doanh lữ hành, biết được vị trí của nghiệp vụ hướng dẫn du lịch trong bộ máy của kinh doanh lữ hành. - Hiểu, nhớ rõ và thực hiện được những yêu cầu về thủ tục xuất nhập cảnh trong hoạt động lữ hành. 	2	HK7	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần và quá trình: 30% - Thi viết: 70%
326	Quy hoạch du lịch Việt Nam	<p>Học phần giúp SV: Hiểu đặc trưng của điểm du lịch, hiểu những vấn đề lý luận về quy hoạch du lịch, phân tích được đề án quy hoạch phát triển du lịch, có thể tham gia vào nhóm quy hoạch du lịch</p>	2	HK7	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần và quá trình: 30% - Thi viết thu hoạch: 70%
327	Thị trường du lịch	<p>Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ</p>	2	HK7	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần và quá

		bản vẽ thị trường du lịch như: marketing, phân phối, giá cả, chiêu thị trong du lịch,... Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các kiến thức liên quan đến tình hình thị trường du lịch trong nước và quốc tế. Ngoài ra, học phần này giúp cho sinh viên biết vận dụng những kiến thức đã học vào làm marketing sản phẩm du lịch, cơ sở lưu trú và điểm đến du lịch,...			trình: 30% - Thi viết: 70%
328.	Y tế du lịch	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được cách sử dụng một số loại thuốc và y cụ thông thường. - Trình bày được cách xử lý một số loại bệnh thường gặp. - Trình bày được cách sơ cứu những trường hợp tai nạn đột xuất khi thực hiện chương trình du lịch. - Sử dụng được một số loại thuốc và y cụ thông thường. - Xử lý được một số loại bệnh thông thường trong khi thực hiện chương trình du lịch - Xử lý được các tình huống tai nạn đột xuất khi thực hiện chương trình du lịch. 	2	HK7	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần và quá trình: 30% - Thi viết: 70%
329.	Thiết kế và điều hành tour du lịch	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được việc lên kế hoạch thiết kế sản phẩm du lịch hoàn thiện với chương trình và bảng giá cụ thể - Nắm bắt được quy trình điều hành một chương trình du lịch - Biết được các biểu mẫu đặt phòng và hồ sơ theo dõi của một chương trình du lịch thông thường. 	2	HK7	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần và quá trình: 30% - Thi thực hành: 70%
330.	Marketing du lịch	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững các khái niệm về Marketing và Marketing Du lịch, hiểu được từng bước để thực hiện Marketing Du lịch như thế nào?. - Biết phân biệt thành phần của sản phẩm du lịch, ứng dụng được các 	2	HK7	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần và quá trình: 30% - Thi thực hành: 70%

		<p>mô hình sản phẩm du lịch trong từng giai đoạn phát triển của hoạt động du lịch. Nắm vững và ứng dụng được các chiến lược đời sống sản phẩm du lịch.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu thị trường du lịch, phân khúc được từng loại thị trường, xác định được thị trường mục tiêu cho từng giai đoạn gắn với chiến lược của công ty du lịch. 			
331	Thực tế	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát thực tế, vận dụng những kiến thức lý thuyết đã học vào thực tế - Tổng hợp và vận dụng kiến thức về tour, tuyến du lịch từ Nam ra Bắc và ngược lại - Khái quát hệ thống các điểm du lịch tiêu biểu của Việt Nam - Vận dụng nghiệp vụ hướng dẫn du lịch trong chuyến đi. - Thiết kế được tour du lịch Xuyên Việt đến những điểm du lịch nổi tiếng của Việt Nam - Thực hành thuyết minh, hướng dẫn trên cung đường và tại các điểm du lịch. 	3	HK7	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nội quy và viết nhật kí hành trình: 30% - Thi thực hành: 70%
332	Du lịch cộng đồng Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm cơ bản về DLCĐ, các hình thức của DLCĐ, điều kiện phát triển, mục tiêu, định hướng cũng như tác động tiêu cực của DLCĐ; - Phân biệt và so sánh những loại hình kinh doanh của DLCĐ, các tác nhân chính trong phát triển DLCĐ chủ thể kinh doanh, thị trường mục tiêu của DLCĐ; - Vận dụng và thiết lập được các bước cần thiết để triển khai mô hình DLCĐ; 	2	HK7	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nội quy và viết nhật kí hành trình: 30% - Thi viết thu hoạch: 70%
333	Du lịch biển đảo Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày khái quát về biển đảo và ý nghĩa của biển đảo đối với phát triển kinh tế. 	2	HK7	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nội quy và viết nhật kí hành trình: 40%

		<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích các thế mạnh, hạn chế về biển đảo, du lịch biển đảo trong phát triển kinh tế xã hội. - Đánh giá những thực trạng của ngành du lịch biển đảo trong nền kinh tế. 			- Thi viết: 60%
334	Thực tập Tốt nghiệp	Thực tập nghiệp vụ chuyên môn	4	HK8	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu điểm của cơ quan: 60% - Viết báo cáo: 40%
335	Khoá luận tốt nghiệp	Làm bài nghiên cứu khoa học chuyên sâu	8	HK8	Bài luận từ 50 đến 70 trang
336	Tiểu luận tốt nghiệp	Làm bài nghiên cứu khoa học	4	HK8	Bài luận từ 30 đến 40 trang
337	Thủ tục hải quan và cước phí	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cho người học các vấn đề cơ bản liên quan đến Luật Hải quan, các công việc liên quan đến thủ tục khai báo, thông quan hải quan và cước phí trong vận tải. Các vấn đề cơ bản về xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh và thanh toán quốc tế. - Giúp người học vận dụng, tiếp cận, thực hiện khai báo và hoàn thành thủ tục thông quan hải quan và các dịch vụ thanh toán quốc tế trong điều kiện thực tế. 	2	HK8	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần và quá trình: 30% - Thi thực hành: 70%
338	Di sản với phát triển du lịch	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích vấn đề khai thác di sản văn hóa phục vụ phát triển du lịch. - Nêu được một số vấn đề về quản lý di sản văn hóa cũng như những nguyên tắc, những nội dung cơ bản của quản lý di sản văn hóa với phát triển du lịch. - Xác định và phân loại được di sản văn hóa, mô tả được di sản văn hóa. 	2	HK8	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần và quá trình: 30% - Thi viết thu hoạch: 70%
339	Giáo dục thể chất 1	Rèn luyện thể chất cho SV	1	HK1	TN
340	Giáo dục thể chất 2	Rèn luyện thể chất cho SV	1	HK2	TN
341	Giáo dục thể chất 3	Rèn luyện thể chất cho SV	1	HK3	Thi TN
342	Anh văn định	Củng cố kiến thức tiếng Anh cho	4	HK1	Thi TN+TL

	hướng Toieic 1	SV			
343	Anh văn định hướng Toieic 2	SV có thể sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp	4	HK2	Thi TN+TL
344	Anh văn định hướng Toieic 3	SV có thể giao tiếp bằng tiếng Anh	4	HK3	Thi TN+TL
345	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	Giúp SV nắm được những nguyên lý của Chủ nghĩa Mác - Lênin. Từ đó có thể áp dụng trong thực tiễn cuộc sống.	2	HK1	Bài thu hoạch
346	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác- Lênin 2	Giúp SV nắm được những nguyên lý của Chủ nghĩa Mác - Lênin. Từ đó có thể áp dụng trong thực tiễn cuộc sống.	3	HK2	Bài thu hoạch
347	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Giúp SV nắm được những tư tưởng của HCM. Từ đó có thể áp dụng trong thực tiễn cuộc sống.	2	HK3	Bài thu hoạch
348	Đường lối Cách mạng của ĐCSVN	Giúp SV hiểu được đường lối Cách mạng của ĐCSVN.	3	HK4	Bài thu hoạch
349	Tin học căn bản	Biết sử dụng Word, excel.	4	HK1	TN
350	Pháp luật đại cương	SV hiểu được những quy định cơ bản của văn bản VPPL và QPPL. Hiểu nguồn gốc của Nhà nước và sự ra đời của NN.	2	HK1	Thi TN+TL
351	Văn bản và lưu trữ đại cương	SV hiểu được thể thức của các loại văn bản hành chính và biết cách soạn chúng.	2	HK3	Thi TL
352	Xã hội học đại cương		2	HK2	Thi TN+TL
353	Thư viện học đại cương	Nhận thức sâu sắc về vai trò của thư viện trong xã hội hiện tại. Qua môn học, SV có những kiến thức cần thiết về công tác thư viện; đồng thời có ý thức trong việc tổ chức và bảo quản tài liệu thư viện	2	HK2	Thi TN+TL
354	Tâm lý học đại cương	- Hiểu được nguồn gốc nảy sinh, hình thành và phát triển tâm lý, ý thức. Nhận diện được các trạng thái tâm lý của con người. - Hiểu được các thuộc tính tâm lý tạo nên cấu trúc nhân cách. Nắm được các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành, phát triển nhân cách.	2	HK2	Thi TN+TL
355	Logic học đại cương	Cung cấp một số kiến thức logic căn bản nhằm nâng cao kỹ năng tư duy cho người học, giúp người học	2	HK2	Thi TN+TL

		tu duy nhanh, chính xác, lập luận chặt, chứng minh, bác bỏ một cách thuyết phục, trình bày tư tưởng ngắn gọn, khúc chiết, rõ ràng, mạch lạc,			
356.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Sau khi học xong môn học này, sinh viên có kĩ năng nhận biết, phân tích, đánh giá và nghiên cứu về một số vấn đề văn hoá cụ thể, từ đó rút ra những đặc trưng truyền thống văn hóa dân tộc. SV có ý thức giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.	2	HK1	Thi TL
357.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản nhất về NCKH. Biết cách hình thành đề tài, lập kế hoạch nghiên cứu, tìm tài liệu tham khảo, cách trình bày đề tài khoa học ở seminar, hội nghị khoa học, cách viết một công trình khoa học, bài báo, luận văn, nghiệm thu đề tài ...	2	HK2	Thi TL
358.	Mĩ học đại cương	Giúp sinh viên nhận thức được những quy luật cơ bản nhất của nghệ thuật và hiện thực đời sống, mối quan hệ giữa Chủ thể thẩm mĩ và Khách thể thẩm mĩ, nội dung và hình thức của nghệ thuật.	2	HK2	Thi TL
359.	Lí luận văn học 1	Cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản và có hệ thống về những nguyên lý về lý luận văn học. Có khả năng vận dụng những nguyên lý lý luận văn học vào những hiện tượng văn học cụ thể để khám phá và nhận thức được những đặc điểm và giá trị của tác phẩm văn chương.	2	HK3	Thi TL
360.	Lí luận văn học 2	Giúp cho SV nhận thức được tiến trình phát triển của các phương pháp sáng tác văn học thế giới ảnh hưởng đến văn học Việt Nam. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về khái niệm, đối tượng, chức năng, ý nghĩa của lí luận văn học.	2	HK4	Thi TL
361.	Lí luận văn học 3	Cung cấp cho sinh viên những kiến	2	HK5	Thi TL

		<p>thức cơ bản nhất về phân loại, đặc điểm của lí luận văn học.</p> <p>Giúp sinh viên nhận thức được từ hình thức để làm nổi bật nội dung của tác phẩm văn học. Từ đó, sinh viên thấy được ưu điểm và hạn chế văn học Việt Nam đối với sự phát triển của văn chương dân tộc.</p>			
362.	Tiếng Việt thực hành	<p>Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về các lỗi về chính tả, lỗi dùng từ, lỗi về câu, dấu câu, ...</p> <p>Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách sửa lỗi chính tả, lỗi dùng từ, lỗi về câu...</p>	2	HK1	Thi TN+TL
363.	Cơ sở ngôn ngữ học	<p>Các kỹ năng phân tích các hiện tượng ngôn ngữ ở mọi cấp độ: ngữ âm, từ vựng – ngữ nghĩa, ngữ pháp, loại hình...</p> <p>Các kỹ năng vận dụng những phương tiện ngôn ngữ vào việc phát triển ngữ năng và ngữ thi của quá trình thụ đắc tiếng mẹ đẻ như là ngôn ngữ thứ nhất.</p>	2	HK2	Thi TL
364.	Ngữ âm học tiếng Việt	<p>Người học nắm bắt được những khái niệm cơ bản nhất trong ngữ âm học, cơ chế sản sinh âm thanh lời nói và hệ thống phiên âm quốc tế IPA.</p> <p>Thực hành: SV có thể sử dụng hệ thống IPA và chương trình Praat trong việc miêu tả, nhận diện, phân tích các hiện tượng ngữ âm học cụ thể.</p>	2	HK3	Thi TL
365.	Từ vựng học tiếng Việt	<p>SV hiểu được bản chất của từ và các phương thức cấu tạo từ, ngữ và các loại ngữ.</p> <p>Thấy được tính đặc biệt của từ, nhất là ranh giới từ trong tiếng Việt; nắm vững các kiểu từ có trong tiếng Việt.</p> <p>Phân tích được nghĩa của từ; phân loại được vốn từ tiếng Việt thành các lớp theo nguồn gốc, theo phạm vi sử dụng...</p>	2	HK4	Thi TL
366.	Ngữ pháp học tiếng Việt 1	Nhận diện được các đơn vị từ loại tiếng TV.	2	HK5	Thi TL

		<p>Nắm được khái quát về hệ thống từ loại trong ngôn ngữ đặc biệt là trong tiếng Việt.</p> <p>Nắm được các từ loại cơ bản trong TV và sự chuyên loại của chúng.</p>			
367.	Ngữ pháp học tiếng Việt 2	<p>Giúp SV nắm được những khái niệm cơ bản của ngữ pháp học; nắm được tiêu chí phân loại, hệ thống từ loại, đặc điểm tiêu biểu của các từ loại tiếng Việt; nắm được khái niệm cụm từ, thành phần cấu tạo của các loại cụm từ tiếng Việt; nắm được cấu tạo ngữ pháp của câu tiếng Việt: các thành phần ngữ pháp, các kiểu cấu tạo ngữ pháp của câu, nâng cao nhận thức về ba bình diện của câu.</p>	2	HK5	Thi TL
368.	Phong cách học tiếng Việt	<p>Cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản và có hệ thống về phong cách học tiếng Việt. Vận dụng tốt những kiến thức ở các phân môn như: Ngữ âm, Từ vựng, Cú pháp,... vào thực tế nói và viết.</p> <p>Nắm được phương pháp diễn đạt của phong cách học, nắm được các quy luật và sự lựa chọn trong việc sử dụng ngôn ngữ nói chung.</p>	2	HK6	Thi TL
369.	Ngữ dụng học tiếng Việt	<p>Giúp SV nhận diện được các giá trị dụng học trong các diễn đạt ngôn từ để nâng cao kỹ năng hiểu tiếng Việt và thẩm các giá trị nghệ thuật ngôn từ trong các tác phẩm văn chương.</p> <p>Giúp sinh viên nâng cao trình độ sử dụng ngôn ngữ thông qua việc tăng cường ý thức về mối quan hệ giữa chủ thể phát ngôn với cách thức dụng ngữ.</p>	2	HK6	Thi TL
370.	Hán văn cơ sở	<p>Biết cách tra các loại tự điển chữ Hán (tra theo tổng số nét, tra theo bộ...) và hiểu kết cấu của những chữ Hán trong văn bản.</p> <p>Sinh viên có khả năng đọc, phân tích kết cấu cú pháp và minh giải những văn bản đơn giản.</p>	2	HK3	Thi TL

		Biết cách sử dụng phần mềm Hanosolf để phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu Hán Nôm.			
371.	Hán văn nâng cao	Cung cấp cho sinh viên có cái nhìn khái quát về văn bản Hán văn (Hán văn Trung Hoa và Hán văn Việt Nam). Sinh viên nắm được những đặc điểm cơ bản của Hán văn, nhận ra giá trị của chúng đồng thời nhận ra mối quan hệ chặt chẽ của hai bộ phận Hán văn Trung Hoa và Hán văn Việt Nam, đặc biệt thấy được tính kế thừa và bản sắc riêng của Hán văn Việt Nam.	2	HK4	Thi TL
372.	Chữ Nôm	Cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản của chữ Nôm như: lịch sử, đặc điểm, kết cấu và âm đọc chữ Nôm. SV nắm được những đặc điểm cơ bản của những văn bản Nôm thuộc các thể loại. Hiểu rõ những vấn đề ngữ văn Nôm như: từ cổ, điển cổ...	2	HK5	Thi TL
373.	Kỹ thuật quay video	Sau khi hoàn thành học phần SV lĩnh hội và tích lũy được những kiến thức về nhiếp ảnh và kỹ thuật quay phim. Ứng dụng kỹ thuật chụp ảnh, thực hiện kỹ thuật khung ảnh. Lĩnh hội được kiến thức khai thác những bức ảnh đời thường, ứng dụng hiệu quả cho công việc báo chí, truyền hình. Kiến thức về kỹ thuật quay phim căn bản.	2	HK6	Thi TL
374.	Thi pháp học	Cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản nhất về khái niệm, đối tượng, chức năng thi pháp học. Cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản nhất về cấu trúc, lược đồ phát triển của thi pháp học và lưu ý khi nghiên cứu thi pháp học văn học.	2	HK5	Thi TL
375.	Lịch sử văn minh thế giới	Học phân cung cấp những kiến thức lý thuyết cơ bản về văn minh phương Đông và phương Tây. Biết vận dụng và lĩnh hội được kiến thức	2	HK5	Thi TL

		về các nền văn minh lớn trên thế giới. SV sau khi kết thúc môn học phải nắm được nguồn gốc và những thành tựu văn minh tiêu biểu của nhân loại.			
376.	Văn học dân gian Việt Nam 1	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về khái niệm, và khái quát những đặc trưng cơ bản của Văn học dân gian Việt Nam. Giúp sinh viên nắm bắt kiến thức về các thể loại tự sự dân gian: Thần thoại, Sử thi, Truyền thuyết, Cổ tích, Truyện cười, Truyện Ngụ ngôn.	2	HK2	Thi TL
377.	Văn học dân gian Việt Nam 2	Cung cấp cho sinh viên kiến thức các loại hình văn học vắn của VHĐG như: tục ngữ, ca dao, câu đố, vè... Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nội dung và nghệ thuật của các thể loại: ca dao, tục ngữ, câu đố, vè.	2	HK3	Thi TL
378.	Văn học Việt Nam trung đại 1	Kiến thức cơ bản về tiến trình văn học trung đại Việt Nam như quan niệm sáng tác, phân kỳ các giai đoạn văn học, những đặc điểm cơ bản về nội dung và nghệ thuật. Kiến thức cơ bản về hoàn cảnh lịch sử, tình hình phát triển, đặc điểm và nội dung chủ yếu của các giai đoạn văn học từ TK kỷ X TK XVIII.	3	HK4	Thi TL
379.	Văn học Việt Nam trung đại 2	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XIX. Giúp sinh viên nhận thức được quá trình phát triển của văn học Việt Nam, những đóng góp chủ yếu và một số hạn chế của một số nhà văn, nhà thơ Việt Nam trong tiến trình phát triển của văn dân tộc.	3	HK5	Thi TL
380	Văn học Việt Nam trung đại 3	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức khái quát về hoàn cảnh lịch sử và tình hình văn học giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX. Từ đó nêu lên những nét đặc thù của văn học giai đoạn này so với các giai đoạn khác của văn học trung đại.	2	HK5	Thi TL

		Giúp cho sinh viên tìm hiểu những thành tựu về thể loại cùng một số tác giả và tác phẩm tiêu biểu của giai đoạn này với những đóng góp vào tiến trình phát triển của văn học nước nhà.			
381	Văn học Việt Nam hiện đại 1	<p>Cung cấp cho sinh viên những kiến thức có liên quan đến quá trình phát triển, đặc điểm nội dung và nghệ thuật của văn học Việt Nam giai đoạn giao thời từ năm 1900 đến 1930.</p> <p>Giúp cho sinh viên nắm được diện mạo, quá trình vận động, những nội dung chính và những thể loại chủ yếu của văn học giai đoạn này. Đồng thời hiểu được cái hay, cái đẹp của một số tác phẩm tiêu biểu.</p>	2	HK6	Thi TL
382	Văn học Việt Nam hiện đại 2	<p>Cung cấp cho sinh viên khối kiến thức chuyên ngành cơ bản và có hệ thống về văn học giai đoạn 1930 – 1945.</p> <p>Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng phân tích, đánh giá các hiện tượng văn học,... qua môn học này sinh viên có thể trang bị cho mình những mảng kiến thức cần thiết phục vụ cho công tác giảng dạy, thêm yêu văn hoá, văn học dân tộc.</p>	3	HK6	Thi TL
383	Văn học Việt Nam hiện đại 3	Tích lũy một cách chắc chắn, có hệ thống, kiến thức khái quát về văn học Nam hiện đại giai đoạn 1945 – 1975 (Bối cảnh lịch sử, Những thuận lợi và khó khăn đối với sự phát triển của văn học, Những chặng đường phát triển, Đặc điểm cơ bản, Thành tựu nổi bật ở các thể loại,...).	3	HK7	Thi TL
384	Văn học Việt Nam hiện đại 4	<p>Giúp sinh viên nắm bắt được những đặc điểm và sự phát triển của nền văn học Việt Nam từ 1975 đến nay, đặc biệt là từ sau thời kỳ đổi mới.</p> <p>Đi sâu tìm hiểu về cuộc đời, sự nghiệp sáng tác và phong cách nghệ thuật của những tác giả tiêu biểu.</p>	2	HK7	Thi TL
385	Văn học nước ngoài 1	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về thành tựu của ba	2	HK4	Thi TL

		thời kì lớn của văn học châu Âu - một nền văn học khu vực có ảnh hưởng lớn đến văn học thế giới và văn học VN.			
386.	Văn học nước ngoài 2	Giúp sinh viên hiểu sự hình thành và phát triển, những đặc trưng cơ bản của văn học châu Âu, đặc biệt là văn học Tây Âu – khu vực có nhiều thành tựu xuất sắc hơn cả.	2	HK5	Thi TL
387.	Văn học nước ngoài 3	Nâng cao khả năng cảm thụ văn học, biết vận dụng kiến thức văn học sử và lí luận văn học để nghiên cứu những vấn đề thuộc văn học châu Âu, so sánh và lí giải sự giao thoa tiếp biến của văn học châu Âu và VHVN.	2	HK6	Thi TL
388.	Phương pháp nghiên cứu văn học	Giúp sinh viên có khả năng phân tích, lí giải và đánh giá về một tác phẩm, một vấn đề về văn học. Sinh viên không chỉ có khả năng độc lập nghiên cứu khoa học, mà còn biết tham gia nghiên cứu khoa học theo nhóm và biết cách trình bày, phản biện những vấn đề văn học.	2	HK6	Thi TL
389.	Lịch sử phê bình văn học	Giúp SV nhận thức được quá trình phát triển của phê bình văn học Việt Nam và những đóng góp chủ yếu và một số hạn chế của phê bình văn học Việt Nam đối với sự phát triển của văn chương dân tộc.	2	HK7	Thi TL
390.	Ngôn ngữ văn chương	Cung cấp những kiến thức cơ bản về đặc trưng của ngôn ngữ văn chương về thể loại văn học trong mối liên hệ với chức năng ngôn ngữ là một phương tiện nghệ thuật thảm mĩ. Giúp sinh viên hiểu rõ những đặc trưng về phong cách tác giả và vai trò của yếu tố cá nhân trong việc thể hiện ngôn ngữ nói chung và ngôn ngữ văn chương nói riêng.	2	HK7	Thi TL
391.	Thực tế ngoài	Giúp SV có cơ hội áp dụng kiến	2	HK6	Bài thu hoạch

	trường – Văn	thức đã học vào thực tế. Tăng cường tính đoàn kết, tinh thần tự lập của SV.			
392	Niên luận 1 - Văn học	Bước đầu biết cách làm một bài nghiên cứu khoa học	2	HK4	
393	Niên luận 2- Văn học	Biết cách nghiên cứu khoa học, chuẩn bị cho việc làm Tiểu luận, KLTN.	2	HK5	
394	Các thể thơ Việt Nam	Cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, vai trò của thể thơ, một phương diện hình thức của tác phẩm thơ ca và sự phát triển của thể thơ trong tiến trình VH Việt VN. Những quy định cụ thể về quy cách sáng tác, cấu trúc âm điệu, vần luật,.. của một số thể thơ được sử dụng phổ biến trong văn học viết Việt Nam.	2	HK7	Bài thu hoạch
395	Các thể văn xuôi Việt Nam	Giúp cho sinh viên nhận thức đúng đắn về đặc điểm cấu trúc hình thức và chức năng, khả năng phản ánh của từng thể văn xuôi về phương diện nội dung.	2	HK6	Thi TL
396	Văn học một số nước châu Á	Có được cái nhìn hệ thống về văn học châu Á nói chung, từng nền văn học cụ thể như Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Đông Nam Á nói riêng.	2	HK6	Thi TL
397	Ngữ pháp văn bản	Sau khi học xong môn học này, sinh viên có kỹ năng nhận diện và phân tích văn bản: bố cục, cấu trúc, nội dung và nghệ thuật của văn bản.	2	HK8	Thi TL
398	Ngữ pháp chức năng	Cung cấp cho sinh viên nắm được trào lưu nghiên cứu ngữ pháp theo quan điểm chức năng luận, cụ thể là: tiền đề hình thành, tình hình nghiên cứu với những thành tựu nhất định... Sinh viên nắm được những đặc điểm cơ bản của câu tiếng Việt theo quan điểm ngữ pháp chức năng như: cấu trúc đề - thuyết của câu, các loại câu tiếng Việt theo cấu trúc đề - thuyết.	2	HK8	Thi TL
399	Thơ Hồ Chí Minh	Từ kiến thức đã lĩnh hội được, sinh viên có điều kiện thuận lợi hơn trong việc tiếp tục nghiên cứu thêm về những phương diện khác của thơ	2	HK8	Thi TL

		Hồ Chí Minh. Giúp sinh viên có khả năng phân tích, lí giải và đánh giá về những tác phẩm thơ của Hồ Chí Minh.			
400.	Truyện Ba Phi	Môn học bao gồm các kiến thức về quá trình phát triển mảnh đất Nam Bộ, cung cấp cho sinh viên những đặc điểm nội dung và nghệ thuật của truyện Ba Phi.	2	HK8	Thi TL
401.	Văn xuôi Quốc ngữ Nam Bộ	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về quá trình hình thành và phát triển văn xuôi Quốc ngữ Nam Bộ trong buổi bình minh của văn học Quốc ngữ. Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về đặc điểm của văn xuôi Quốc ngữ Nam Bộ. Cung cấp cho sinh viên những cơ sở để khẳng định đóng góp to lớn của văn học Nam bộ trong buổi đầu hình thành văn học hiện đại.	2	HK8	Thi TL
402.	Văn học Mỹ – Latinh	Cung cấp cho SV kiến thức cơ bản về thành tựu nổi bật của văn học Hoa Kỳ và văn học Mỹ La Tinh. Giúp SV hiểu được đặc điểm, diện mạo một số tác gia, tác phẩm tiêu biểu của văn học Hoa Kỳ và Mỹ La Tinh	2	HK8	Thi TL
403.	Văn học dân gian ĐBSCL	Nắm vững các chủ đề và đặc điểm thi pháp ca dao ĐBSCL, thấy được sắc thái riêng của ca dao ĐBSCL, vai trò của yếu tố truyền thống và những sáng tạo địa phương. Có khả năng phân tích và tổng hợp những đặc điểm của cao dao ĐBSCL, liên hệ so sánh với ca dao cổ truyền.	2	HK8	Thi TL
404.	Kĩ năng giao tiếp và hoạt động xã hội.	Sau khi học xong môn học này, sinh viên có kĩ năng (tập trung vào kỹ năng viết báo cáo, email, thu giao dịch), kỹ năng thuyết trình, kỹ năng thương lượng, giải quyết xung đột.	2	HK4	Thi TL
405.	Kĩ năng tác nghiệp phóng viên	Giúp cho sinh viên có kiến thức về cách lấy tin, phỏng vấn, làm phóng sự... Giúp SV cách thức trình bày bản	2	HK7	Bài thu hoạch

		tin.			
406.	Thể loại báo chí	Giúp cho sinh viên nắm và phân biệt được các thể loại báo chí. Giúp SV nắm bắt được kỹ năng viết một số thể loại báo chí có tần số sử dụng cao nhất trên hệ thống thông tấn – báo chí.	2	HK8	Thi TL
407.	Biên tập văn bản báo chí	Giúp SV nắm bắt được kỹ năng biên tập văn bản báo chí; nắm rõ mối quan hệ công việc giữa biên tập viên với BBT, các phòng ban phụ trách nội dung của tòa soạn và phóng viên...	2	HK7	Thi TL
408.	Nghiệp vụ thư kí văn phòng	Giúp cho SV có kỹ năng soạn thảo, lưu trữ văn bản. Nghiệp vụ làm thư kí văn phòng.	2	HK7	Thi TN + TL
409.	Đặc điểm văn hóa ĐBSCL	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cần thiết cho việc hiểu về một nền văn hóa Việt Nam nói chung và văn hóa ĐBSCL nói riêng, từ đó có nhận thức đúng đắn về văn hoá, về vai trò của văn hoá trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc cũng như đối với sự phát triển của quốc gia.	2	HK4	Thi diễn +TL
410.	Văn hóa ẩm thực người Việt	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về văn hóa ẩm thực nói chung, văn hóa ẩm thực của người Việt nói riêng; hiểu biết thêm về các giá trị văn hóa ẩm thực của người Việt trên 3 miền đất nước, tinh hoa văn hóa ẩm thực của mỗi vùng miền.	2	HK4	Thi diễn +TL
411.	Truyền thông và Tổ chức sự kiện	Giúp cho sinh viên nắm ý tưởng và tiến trình tổ chức sự kiện. Giúp SV cách thuyết phục đối tác với những ý tưởng của mình.	2	HK7	Bài thu hoạch
412.	Toán kinh tế	Sau khi học xong học phần về mặt lý thuyết, sinh viên phải nắm được phương pháp và kỹ năng xây dựng các mô hình toán kinh tế. Về mặt thực hành sinh viên có thể tự tổng hợp các số liệu kinh tế - kỹ thuật từ thực tiễn sản xuất, thiết lập mô hình toán và xây dựng kế hoạch sản xuất tối ưu nhất. Học phần giảng dạy cho sinh viên các ngành đại học kinh tế năm thứ 2, hệ đào tạo chính quy, cụ thể: Biết cách ứng dụng, lập	3	HK2 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%

		mô hình bài toán quy hoạch tuyến tính và tìm ra những phương án sản xuất kinh doanh tối ưu trong điều kiện các nguồn lực sản xuất ngày càng khan hiếm; Biết cách ứng dụng bài toán vận tải trong bố trí công nhân sản xuất, điều tiết xe không tải.			
413	Kinh tế vi mô	Trang bị cho học sinh kiến thức cơ bản về hoạt động của thị trường, luật cung cầu, làm nền tảng cho các môn học về chuyên ngành kế toán, tài chính, quản trị kinh doanh và kinh tế đối ngoại	3	HK2 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiế	- Điểm giữa kỳ: 40% (chuyên cần, kiểm tra/tiểu luận nhóm) - Thi cuối kỳ: 60% (tự luận)
414	Quản trị học căn bản	Học phần Quản trị học căn bản được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về quản trị. Nội dung của học phần sẽ giới thiệu các khái niệm về quản trị, những chức năng cơ bản của quản trị, những kỹ năng cần thiết của nhà quản trị. Học phần Quản trị học căn bản cũng đề cập đến lịch sử ra đời và phát triển của các học thuyết quản trị; Giới thiệu về các yếu tố môi trường hoạt động của một tổ chức. Thêm vào đó, học phần này cũng cung cấp cho người học kiến thức về quá trình thông đạt và quản trị thông tin. Một nội dung nữa của học phần là trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng trong việc làm quyết định quản trị.	3	HK2 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	- Điểm bài tập nhóm: 20% - Điểm kiểm tra giữa kỳ: 10% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
415	Marketing căn bản	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về Marketing; ý nghĩa, vai trò của Marketing trong hoạt động quản trị sản xuất kinh doanh. Từ đó, học viên vận dụng lập kế hoạch Marketing cho doanh nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành	2	HK2 Thời gian giảng dạy 30 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
416	Kinh tế quốc tế	Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế học quốc tế, nghiên cứu mối quan hệ kinh tế giữa các quốc gia thông qua việc trao đổi hàng hóa, dịch vụ, nguồn lực kinh tế và tài chính tiền tệ.	2	HK2 Thời gian giảng dạy 30 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	Bao gồm điểm đánh giá thành phần (điểm danh; kiểm tra giữa kỳ; bài tập nhóm) và điểm thi kết thúc học phần
417	Nguyên lý thống kê kinh tế	Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản liên quan đến thống kê; đồng thời vận dụng các phương pháp thống kê để phân tích	3	HK3 Thời gian giảng dạy 45 tiết.	Bao gồm điểm đánh giá thành phần (điểm danh; kiểm tra giữa kỳ; bài tập

		các đặc trưng của tổng thể nghiên cứu và xem xét mối quan hệ của chúng thông qua dữ liệu từ các quan sát được thu thập trong mẫu nghiên cứu.		Mỗi tuần 5 tiết	nhóm) và điểm thi kết thúc học phần
418	Kinh tế vĩ mô	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế học vĩ mô, nhằm giúp cho sinh viên thấy được bức tranh toàn cảnh của nền kinh tế và biết cách vận dụng lý thuyết để giải thích những vấn đề kinh tế vĩ mô mà thực tế đặt ra.	3	HK3 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	- Điểm chuyên cần: 10% - Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
419	Nguyên lý kế toán	Giúp Sv xác định được các đối tượng kế toán, hệ thống văn bản pháp quy liên quan, vận dụng các phương pháp kế toán giải quyết các nghiệp vụ kinh tế trong DN	3	HK3 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	Điểm chuyên cần 10%, giải quyết tình huống trên lớp 10%, kiểm tra giữa kỳ 10%, thi cuối kỳ 70%
420	Lý thuyết Tài chính	Giúp SV hiểu về các kiến thức cơ bản của Tài chính và Tín dụng Vận dụng và giải thích các hiện tượng kinh tế xảy ra trong thực tế	3	HK3 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	Điểm kiểm tra giữa kỳ: 10% Điểm bài tập nhóm: 20% Điểm thi cuối kỳ: 70%
421	Tiền tệ ngân hàng	Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về tiền tệ và hệ thống tiền tệ của một quốc gia, cung cấp cho sinh viên những thông tin cơ bản liên quan đến lạm phát cũng như những chính sách tiền tệ mà ngân hàng nhà nước có thể đưa ra để giải quyết các vấn đề kinh tế.	3	HK4 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	Đánh giá SV bao gồm: (Điểm chuyên cần, Thảo luận nhóm + Điểm kiểm tra giữa kỳ, Điểm thi kết thúc học phần)
422	Kinh tế lượng	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ứng dụng các kỹ thuật thống kê vào việc ước lượng, kiểm định và dự báo các mối quan hệ giữa các biến số kinh tế. Học phần còn giúp sinh viên xây dựng các mô hình kinh tế cho các nghiên cứu thực nghiệm trong kinh tế, chính sách và xã hội. Sinh viên còn có thể đọc và hiểu các bài báo nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm trong kinh tế.	3	HK4 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	Thi tự luận 75 phút. Tham dự trên 80% số tiết học phần. Bắt buộc dự thi.
423	Quản trị tài chính	Trang bị cho SV kiến thức tổng quát về quản trị tài chính doanh nghiệp; SV nắm được một số nội dung liên quan đến quản trị tài chính doanh nghiệp; Hiểu và biết vận dụng để ra các quyết định tài chính cơ bản theo mục tiêu doanh nghiệp	3	HK4 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	- Điểm bài tập nhóm (Báo cáo/ thuyết minh/... được nhóm xác nhận có tham gia) : 30% - Điểm thi kết thúc học phần (thi viết/ trắc nghiệm,...tham

					dự đủ từ 80% số tiết học) : 70%
424	Kế toán tài chính 1	Sv nắm được tổ chức công tác kế toán tại DN, công tác kế toán thực tế các phần hành: vốn bằng tiền, hàng tồn kho, lương và các khoản trích, tài sản cố định, các khoản đầu tư tài chính	3	HK4 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	Điểm chuyên cần 10%, giải quyết tình huống trên lớp 10%, kiểm tra giữa kỳ 10%, thi cuối kỳ 70%
425	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các phương pháp tiến hành một nghiên cứu một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Sinh viên sẽ được giới thiệu về các bước thực hiện một nghiên cứu, từ đặt vấn đề, tổng quan tài liệu, thu thập thông tin, cho đến hoàn thành và báo cáo đề án nghiên cứu. Sinh viên sẽ được giới thiệu về những thiết kế nghiên cứu khác nhau, về cách chọn mẫu, cách đo đạc, và cách thức tổ chức nghiên cứu để có thể tự mình áp dụng vào các đề án nghiên cứu của mình sau này.	3	HK4 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	Thi tự luận 60 phút. Tham dự trên 80% số tiết học phần. Bắt buộc dự thi.
426	Thuế và khai báo thuế	Giúp SV hiểu rõ nội dung các Luật thuế hiện hành và vận dụng vào tình hình thực tế của Doanh nghiệp để lập các báo cáo thuế, quyết toán thuế cho doanh nghiệp đúng qui định. Sử dụng thành thạo được các phần mềm khai thuế, quyết toán thuế của cơ quan thuế cung cấp.	3	HK4 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	- Điểm giữa kỳ: 30% (chuyên cần, kiểm tra/tiểu luận nhóm) - Thi cuối kỳ: 70% (tự luận)
427	Lý thuyết thẩm định giá	- Giúp cho sinh viên nắm được các kiến thức và nguyên tắc, cách tiếp cận thẩm định giá ứng dụng cho động sản và bất động sản. - Tạo kỹ năng tác nghiệp cần thiết cho người học, đáp ứng yêu cầu công việc thẩm định giá động sản, bất động sản trong nghiệp vụ tín dụng ngân hàng, cũng như trong các ngành nghề khác có liên quan.	2	HK4 Thời gian giảng dạy 30 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	Điểm bài tập nhóm (30%), Điểm thi kết thúc học phần (70%)
428	Thanh toán quốc tế	Sau khi nghiên cứu môn học này sẽ giúp cho sinh viên: - Có kiến thức về thị trường hối đoái và các nghiệp vụ giao dịch hối đoái. - Hiểu khái niệm, đặc điểm của hối phiếu, lệnh phiếu, séc, giấy chuyển tiền và thẻ ngân hàng. - Có kiến thức về thanh toán quốc tế: cơ sở hình thành và cơ sở pháp	3	HK5 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	- Điểm chuyên cần: 10% - Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%

		lý làm nền tảng cho hoạt động thanh toán quốc tế và những điều kiện thanh toán quốc tế trong hợp đồng ngoại thương. - Hiểu và ứng dụng được trong thực tế những phương tiện thanh toán quốc tế, kiểm tra và lập được bộ chứng từ thương mại sử dụng trong thanh toán quốc tế.			
429	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 1	Trang bị cho SV kiến thức tổng quát về hoạt động của ngân hàng thương mại SV nắm một số quy định, nội dung liên quan đến các nghiệp vụ huy động vốn và cho vay của ngân hàng thương mại; hiểu, vận dụng một số nghiệp vụ cho vay thông thường	3	HK5 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	- Điểm bài tập nhóm (Báo cáo/ thuyết minh/...được nhóm xác nhận có tham gia) : 30% - Điểm thi kết thúc học phần (thi viết/ trắc nghiệm,...tham dự đủ từ 80% số tiết học) : 70%
430	Tin học ứng dụng ngành TCNH	Môn học Tin học ứng dụng tài chính-ngân hàng trình bày tổng quan các ứng dụng cơ bản của tin học phục vụ cho khối ngành tài chính- ngân hàng. Sau khi kết thúc môn học, sinh viên sẽ có các kỹ năng về sử dụng các hàm Excel phục vụ cho công tác phân tích, thống kê các hệ thống thông tin tài chính - ngân hàng.	3	HK5 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	(1) Điểm chuyên cần: 10% (01 điểm) Số buổi học: 05 buổi lý thuyết (03 tiết/buổi) 06 buổi thực hành (04 tiết/buổi) 01 buổi thực hành (05 tiết/buổi) (2) Điểm bài tập thực hành: 20% (02 điểm) (3) Thi thực hành hết môn: 70% (07 điểm)
431	Kiểm toán 1	Mục đích cung cấp các kiến thức cơ bản về hoạt động kiểm toán độc lập nhằm phục vụ cho nội dung đào tạo ngành Kế toán ở bậc Đại học.	2	HK5 Thời gian giảng dạy 30 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	Điểm thi kết thúc học phần 70% , điểm giữa kỳ và bài tập nhóm 30%
432	Thị trường tài chính	Cung cấp kiến thức về hoạt động của thị trường tài chính bao gồm thị trường tiền tệ và thị trường vốn, hiểu về cách thức hoạt động của thị trường chứng khoán Việt Nam	3	HK5 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	- Điểm giữa kỳ: 40% (chuyên cần, kiểm tra/tiểu luận nhóm) - Thi cuối kỳ: 60% (trắc nghiệm)
433	Tài chính doanh nghiệp	Môn tài chính doanh nghiệp có vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, nhằm tăng doanh lợi, tăng giá trị doanh nghiệp và nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh	3	HK5 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	1) Điểm chuyên cần: Số tiết tham dự học/tổng số tiết \geq 90% (10% # 1 điểm) 2) Điểm bài tập

		<p>ngành trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Môn học tài chính doanh nghiệp, hệ thống hoá những vấn đề cơ bản và chuyên sâu về tài chính doanh nghiệp, nội dung của giáo trình cung cấp những kiến thức về giá trị tiền tệ theo thời gian, định giá chứng khoán, đầu tư tài sản dài hạn, cách sử dụng đòn bẩy tài chính,...</p>			<p>nhóm: Báo cáo tiểu luận nhóm (20% # 2 điểm) 3) Điểm thi kết thúc học phần: Thi viết (70% # 7 điểm)</p>
434.	Thẩm định giá	<p>- Giúp cho sinh viên nắm được các kiến thức và nguyên tắc, cách tiếp cận thẩm định giá ứng dụng cho động sản và bất động sản. - Tạo kỹ năng tác nghiệp cần thiết cho người học, đáp ứng yêu cầu công việc thẩm định giá động sản, bất động sản trong nghiệp vụ tín dụng ngân hàng, cũng như trong các ngành nghề khác có liên quan.</p>	3	<p>HK5 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết</p>	<p>Điểm bài tập nhóm (30%), Điểm thi kết thúc học phần (70%)</p>
435.	Kế toán tài chính 2	<p>Sv nắm được công tác kế toán thực tế các phần hành: các khoản thanh toán, quá trình tiêu thụ, quá trình xác định kết quả kinh doanh, vốn chủ sở hữu, lập báo cáo tài chính và pháp luật liên quan</p>	3	<p>HK5 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết</p>	<p>Điểm chuyên cần 10%, giải quyết tình huống trên lớp 10%, kiểm tra giữa kỳ 10%, thi cuối kỳ 70%</p>
436.	Kế toán ngân hàng	<p>Trang bị kiến thức cơ bản về công tác tổ chức, thực hiện nghiệp vụ kế toán trong ngân hàng, chủ yếu là tại các ngân hàng thương mại, cụ thể như: Tổ chức công tác kế toán trong hoạt động ngân hàng; Kế toán nghiệp vụ huy động vốn; Kế toán các nghiệp vụ cho vay; Kế toán các nghiệp vụ thanh toán không dùng tiền mặt; Kế toán thanh toán vốn giữa các ngân hàng; Kế toán TSCĐ và công cụ lao động; Kế toán các nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ; Kế toán chi phí, thu nhập, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.</p>	3	<p>HK6 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết</p>	<p>Đánh giá SV bao gồm: (Điểm chuyên cần, Thảo luận, Điểm kiểm tra giữa kỳ, Điểm thi kết thúc học phần)</p>
437.	Tài chính quốc tế	<p>Nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về các lý thuyết kinh điển trong tài chính quốc tế thể hiện mối quan hệ giữa lạm phát, lãi suất và tỷ giá; nghiên cứu dòng dịch chuyển các nguồn lực tài chính trên phạm vi toàn cầu thông qua việc tìm hiểu về thị trường ngoại hối; cán cân thanh toán quốc tế; các chính sách kinh tế mà các chính phủ có thể áp dụng để tác động đến dòng lưu</p>	3	<p>HK6 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết</p>	<p>Bao gồm điểm đánh giá thành phần (điểm danh; kiểm tra giữa kỳ; bài tập nhóm) và điểm thi kết thúc học phần</p>

		chuyên tài chính quốc tế.			
438	Tiếng Anh chuyên ngành TCNH	Cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản của lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng, giúp sinh viên xây dựng được vốn từ vựng tài chính thông qua các bài đọc hiểu trong giáo trình, các bài báo chuyên ngành sâu sắc. Bên cạnh đó, kỹ năng nghe nói của sinh viên cũng được cải thiện thông qua các bài nghe, các chủ đề thảo luận nhóm xoay quanh lĩnh vực tài chính và thương mại thông dụng. Sinh viên cũng sẽ vận dụng được những kiến thức đã học bằng các bài thuyết trình, nhập vai trước lớp với chủ đề tự chọn trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.	2	HK6 Thời gian giảng dạy 30 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	Thi trắc nghiệm 50 phút. Tham dự trên 80% số tiết học phần. Bắt buộc dự thi.
439	Phân tích và thẩm định dự án	Ngày nay các đơn vị (công lẫn tư) khi tiến hành một hoạt động nào đó đều cần phải lập kế hoạch, lập dự án. Trước nhiều dự án đề nghị, do nguồn lực giới hạn nên các đơn vị phải lựa chọn những dự án hiệu quả tối ưu đồng thời loại bỏ những dự án không đạt yêu cầu. Việc này, đòi hỏi phải dựa trên một số tiêu chí và cơ sở để phân tích và đánh giá. Môn học này nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về các tiêu chí phân tích và thẩm định dự án dưới góc độ quản lý doanh nghiệp và góc độ quản lý nhà nước, đủ khả năng phân tích, đánh giá tính khả thi của của dự án một cách toàn diện.	3	HK6 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	1) Điểm chuyên cần: Số tiết tham dự học/tổng số tiết \geq 90% (10% # 1 điểm) 2) Điểm bài tập nhóm: Báo cáo tiểu luận nhóm (20% # 2 điểm) 3) Điểm thi kết thúc học phần: Thi viết (70% # 7 điểm)
440	Thẩm định tín dụng ngân hàng	Trang bị cho SV kiến thức tổng quát về hoạt động thẩm định tín dụng của NHTM; SV nắm một số nội dung, quy định cụ thể liên quan đến các nghiệp vụ thẩm định tín dụng của NHTM; hiểu, vận dụng thẩm định một số nội dung cho vay thông thường.	3	HK6 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	- Điểm bài tập nhóm (Báo cáo/ thuyết minh/...được nhóm xác nhận có tham gia) : 30% - Điểm thi kết thúc học phần (thi viết/ trắc nghiệm,... tham dự đủ từ 80% số tiết học) : 70%
441	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 2	Trang bị cho SV kiến thức cơ bản và chuyên sâu; các nghiệp vụ kinh doanh khác của NHTM như: bảo lãnh, cho thuê tài chính, bao thanh toán, nghiệp vụ thanh toán qua ngân hàng, kinh doanh ngoại	3	HK6 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	- Điểm bài tập nhóm (Báo cáo/ thuyết minh/...được nhóm xác nhận có tham gia) : 30% - Điểm thi kết thúc

		tệ,...Hiệu, vận dụng một số nghiệp vụ kinh doanh khác của NHTM ngoài các nghiệp vụ thông thường như cho vay và huy động vốn.			học phần (thi viết/ trắc nghiệm,...tham dự đủ từ 80% số tiết học) : 70%
442	Quản trị ngân hàng thương mại	Trang bị cho SV kiến thức tổng quát về quản trị hoạt động của một NHTM; SV nắm một số nội dung quản trị ngân hàng ở các lĩnh vực như quản trị Vốn, Nợ, Tài sản, thanh khoản, tín dụng, lãi suất, tỷ giá và quản trị kết quả tài chính; Hiểu, vận dụng đưa ra một số quyết định thông thường về chiến lược kinh doanh của NHTM.	3	HK7 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	- Điểm bài tập nhóm (Báo cáo/ thuyết minh/...được nhóm xác nhận có tham gia) : 30% - Điểm thi kết thúc học phần (thi viết/ trắc nghiệm,...tham dự đủ từ 80% số tiết học) : 70%
443	Quản trị rủi ro tài chính	Cung cấp những kiến thức cơ bản về rủi ro tài chính và những công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả đứng trên góc độ doanh nghiệp và ngân hàng.	3	HK7 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	- Điểm giữa kỳ: 40% (chuyên cần, kiểm tra/tiểu luận nhóm) - Thi cuối kỳ: 60% (tự luận)
444	Đầu tư tài chính	Môn học Đầu tư tài chính giới thiệu những vấn đề chính hiện đang là mối quan tâm hàng đầu của tất cả các nhà đầu tư như cách thức đo lường rủi ro và mức sinh lời, định giá các công cụ tài chính, trên cơ sở đó xây dựng và quản lý danh mục đầu tư một cách tối ưu. Môn học giúp cho sinh viên nắm được những quy tắc cơ bản của việc phân tích, định giá và ra quyết định đầu tư với hai tài sản chính là trái phiếu và cổ phiếu phổ thông; từ góc độ từng tài sản riêng lẻ cũng như danh mục đầu tư.	3	HK7 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	1) Điểm chuyên cần: Số tiết tham dự học/tổng số tiết \geq 90% (10% # 1 điểm) 2) Điểm bài tập nhóm: Báo cáo tiểu luận nhóm (20% # 2 điểm) 3) Điểm thi kết thúc học phần: Thi viết (70% # 7 điểm)
445	Phân tích hoạt động kinh doanh	Giúp SV nắm được về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp Xác định những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nắm được về tình hình hoạt động kinh doanh của Ngân hàng thương mại.	3	HK7 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	Điểm kiểm tra giữa kỳ: 10% Điểm bài tập nhóm: 20% Điểm thi cuối kỳ: 70%
446	Marketing ngân hàng	Giúp cho sinh viên nắm được các kinh nghiệm sử dụng marketing trong hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại hiện nay tại Việt Nam. Kết nối các kiến thức chuyên ngành hỗ trợ tốt cho các môn học khác, các ngành nghề khác có liên quan.	2	HK7 Thời gian giảng dạy 30 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	Điểm bài tập nhóm (30%), Điểm thi kết thúc học phần (70%)

447	Toán kinh tế	Sau khi học xong học phần về mặt lý thuyết, sinh viên phải nắm được phương pháp và kỹ năng xây dựng các mô hình toán kinh tế. Về mặt thực hành sinh viên có thể tự tổng hợp các số liệu kinh tế - kỹ thuật từ thực tiễn sản xuất, thiết lập mô hình toán và xây dựng kế hoạch sản xuất tối ưu nhất. Học phần giảng dạy cho sinh viên các ngành đại học kinh tế năm thứ 2, hệ đào tạo chính quy, cụ thể: Biết cách ứng dụng, lập mô hình bài toán quy hoạch tuyến tính và tìm ra những phương án sản xuất kinh doanh tối ưu trong điều kiện các nguồn lực sản xuất ngày càng khan hiếm; Biết cách ứng dụng bài toán vận tải trong bố trí công nhân sản xuất, điều tiết xe không tải.	3	HK2 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
448	Kinh tế vi mô	Trang bị cho học sinh kiến thức cơ bản về hoạt động của thị trường, luật cung cầu, làm nền tảng cho các môn học về chuyên ngành kế toán, tài chính, quản trị kinh doanh và kinh tế đối ngoại	3	HK2 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	- Điểm giữa kỳ: 40% (chuyên cần, kiểm tra/tiểu luận nhóm) - Thi cuối kỳ: 60% (tự luận)
449	Quản trị học căn bản	Học phần Quản trị học căn bản được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về quản trị. Nội dung của học phần sẽ giới thiệu các khái niệm về quản trị, những chức năng cơ bản của quản trị, những kỹ năng cần thiết của nhà quản trị. Học phần Quản trị học căn bản cũng đề cập đến lịch sử ra đời và phát triển của các học thuyết quản trị; Giới thiệu về các yếu tố môi trường hoạt động của một tổ chức. Thêm vào đó, học phần này cũng cung cấp cho người học kiến thức về quá trình thông đạt và quản trị thông tin. Một nội dung nữa của học phần là trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng trong việc làm quyết định quản trị.	3	HK2 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	- Điểm bài tập nhóm: 20% - Điểm kiểm tra giữa kỳ: 10% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
450	Marketing căn bản	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về Marketing; ý nghĩa, vai trò của Marketing trong hoạt động quản trị sản xuất kinh doanh. Từ đó, học viên vận dụng lập kế hoạch Marketing cho doanh nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh	2	HK2 Thời gian giảng dạy 30 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60

		dịch vụ du lịch và lữ hành			phút: 70%
451	Thương mại điện tử	Học phân trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về thương mại điện tử: khái niệm, mô hình thương mại điện tử, các kỹ thuật ứng dụng CNTT trong thương mại điện tử, hiểu được sự khác nhau giữa thương mại điện tử và thương mại truyền thống, những lợi ích và rủi ro khi thực hiện thương mại điện tử, tìm hiểu các chiến lược xây dựng thương mại điện tử cho các mô hình tổ chức, doanh nghiệp khác nhau. Sinh viên nắm được các quy định, pháp luật trong giao dịch điện tử và vấn đề an ninh trong giao dịch TMĐT.	2	HK2 Thời gian giảng dạy 30 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	Bài tập cá nhân: 10% Báo cáo nhóm: 10% Kiểm tra giữa kỳ, cá nhân: 10% Thi kết thúc học phần, thi viết 60 phút: 70%
452	Nguyên lý thống kê kinh tế	Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản liên quan đến thống kê; đồng thời vận dụng các phương pháp thống kê để phân tích các đặc trưng của tổng thể nghiên cứu và xem xét mối quan hệ của chúng thông qua dữ liệu từ các quan sát được thu thập trong mẫu nghiên cứu.	3	HK3 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	Bao gồm điểm đánh giá thành phần (điểm danh; kiểm tra giữa kỳ; bài tập nhóm) và điểm thi kết thúc học phần
453	Kinh tế vĩ mô	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế học vĩ mô, nhằm giúp cho sinh viên thấy được bức tranh toàn cảnh của nền kinh tế và biết cách vận dụng lý thuyết để giải thích những vấn đề kinh tế vĩ mô mà thực tế đặt ra.	3	HK3 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	- Điểm chuyên cần: 10% - Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
454	Nguyên lý kế toán	Giúp Sv xác định được các đối tượng kế toán, hệ thống văn bản pháp quy liên quan, vận dụng các phương pháp kế toán giải quyết các nghiệp vụ kinh tế trong DN	3	HK3 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	Điểm chuyên cần 10%, giải quyết tình huống trên lớp 10%, kiểm tra giữa kỳ 10%, thi cuối kỳ 70%
455	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ, tín dụng, bảo hiểm, ngân sách nhà nước, tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính và các tổ chức trung gian, hệ thống ngân hàng trong nền kinh tế thị trường, lạm phát và chính sách tiền tệ, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế	3	HK3 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	Đánh giá SV bao gồm: (Điểm chuyên cần, Điểm kiểm tra giữa kỳ, Điểm thi kết thúc học phần)
456	Tổ chức công tác kế toán	Giúp Sv xác định được khâu tổ chức thu thập dữ liệu, chính sách kế toán, tổ chức chứng từ, sổ sách, báo cáo, bộ máy kế toán, phần mềm	2	HK3 Thời gian giảng dạy 30 tiết.	Điểm chuyên cần 10%, giải quyết tình huống trên lớp 10%, kiểm tra giữa

		kế toán và pháp luật về kế toán		Mỗi tuần 5 tiết	kỳ 10%, thi cuối kỳ 70%
457	Kinh tế quốc tế	Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế học quốc tế, nghiên cứu mối quan hệ kinh tế giữa các quốc gia thông qua việc trao đổi hàng hóa, dịch vụ, nguồn lực kinh tế và tài chính tiền tệ.	2	HK3 Thời gian giảng dạy 30 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	Bao gồm điểm đánh giá thành phần (điểm danh; kiểm tra giữa kỳ; bài tập nhóm) và điểm thi kết thúc học phần
458	Thanh toán quốc tế	Sau khi nghiên cứu môn học này sẽ giúp cho sinh viên: - Có kiến thức về thị trường hối đoái và các nghiệp vụ giao dịch hối đoái. - Hiểu khái niệm, đặc điểm của hối phiếu, lệnh phiếu, séc, giấy chuyển tiền và thẻ ngân hàng. - Có kiến thức về thanh toán quốc tế: cơ sở hình thành và cơ sở pháp lý làm nền tảng cho hoạt động thanh toán quốc tế và những điều kiện thanh toán quốc tế trong hợp đồng ngoại thương. - Hiểu và ứng dụng được trong thực tế những phương tiện thanh toán quốc tế, kiểm tra và lập được bộ chứng từ thương mại sử dụng trong thanh toán quốc tế.	3	HK3 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	- Điểm chuyên cần: 10% - Điểm kiểm tra giữa kỳ: 20% - Điểm thi kết thúc học phần: 70%
459	Kinh tế lượng	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ứng dụng các kỹ thuật thống kê vào việc ước lượng, kiểm định và dự báo các mối quan hệ giữa các biến số kinh tế. Học phần còn giúp sinh viên xây dựng các mô hình kinh tế cho các nghiên cứu thực nghiệm trong kinh tế, chính sách và xã hội. Sinh viên còn có thể đọc và hiểu các bài báo nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm trong kinh tế.	3	HK4 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	Thi tự luận 75 phút. Tham dự trên 80% số tiết học phần. Bắt buộc dự thi.
460	Kế toán tài chính 1	Sv nắm được tổ chức công tác kế toán tại DN, công tác kế toán thực tế các phần hành: vốn bằng tiền, hàng tồn kho, lương và các khoản trích, tài sản cố định, các khoản đầu tư tài chính	3	HK4 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	Điểm chuyên cần 10%, giải quyết tình huống trên lớp 10%, kiểm tra giữa kỳ 10%, thi cuối kỳ 70%
461	Thuế và thực hành khai báo thuế	Giúp SV hiểu rõ nội dung các Luật thuế hiện hành và vận dụng vào tình hình thực tế của Doanh nghiệp để lập các báo cáo thuế, quyết toán thuế cho doanh nghiệp đúng qui định.	3	HK4 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	- Điểm giữa kỳ: 30% (chuyên cần, kiểm tra/tiểu luận nhóm) - Thi cuối kỳ: 70% (tự luận)

		Sử dụng thành thạo được các phần mềm khai thuế, quyết toán thuế của cơ quan thuế cung cấp.			
462.	Quản trị tài chính	Trang bị cho SV kiến thức tổng quát về quản trị tài chính doanh nghiệp; SV nắm được một số nội dung liên quan đến quản trị tài chính doanh nghiệp; Hiểu và biết vận dụng để ra các quyết định tài chính cơ bản theo mục tiêu doanh nghiệp	3	HK4 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	- Điểm bài tập nhóm (Báo cáo/ thuyết minh/... được nhóm xác nhận có tham gia) : 30% - Điểm thi kết thúc học phần (thi viết/ trắc nghiệm,... tham dự đủ từ 80% số tiết học) : 70%
463.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các phương pháp tiến hành một nghiên cứu một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Sinh viên sẽ được giới thiệu về các bước thực hiện một nghiên cứu, từ đặt vấn đề, tổng quan tài liệu, thu thập thông tin, cho đến hoàn thành và báo cáo đề án nghiên cứu. Sinh viên sẽ được giới thiệu về những thiết kế nghiên cứu khác nhau, về cách chọn mẫu, cách đo đạc, và cách thức tổ chức nghiên cứu để có thể tự mình áp dụng vào các đề án nghiên cứu của mình sau này.	2	HK4 Thời gian giảng dạy 30 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	Thi tự luận 60 phút. Tham dự trên 80% số tiết học phần. Bắt buộc dự thi.
464.	Kế toán tài chính 2	Sv nắm được công tác kế toán thực tế các phần hành: các khoản thanh toán, quá trình tiêu thụ, quá trình xác định kết quả kinh doanh, vốn chủ sở hữu, lập báo cáo tài chính và pháp luật liên quan	3	HK5 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	Điểm chuyên cần 10%, giải quyết tình huống trên lớp 10%, kiểm tra giữa kỳ 10%, thi cuối kỳ 70%
465.	Tin học ứng dụng kế toán	Giúp SV hiểu cách ứng dụng tin học để thực hành hạch toán và lập sổ sách kế toán bằng excel. Vận dụng tin học không chỉ vào công tác kế toán mà còn cho các công tác văn phòng khác	3	HK5 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	Điểm kiểm tra giữa kỳ: 30% Điểm thi cuối kỳ: 70%
466.	Đạo đức ngành kế toán	Trang bị cho sinh viên kiến thức về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán và kiểm toán. Vai trò của đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động kế toán, kiểm toán trong các doanh nghiệp. Nêu lên một số hành vi phi đạo đức nghề nghiệp hiện nay.	2	HK5 Thời gian giảng dạy 30 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	Đánh giá SV bao gồm: (Điểm chuyên cần, Điểm kiểm tra giữa kỳ, Điểm thi kết thúc học phần, sinh viên tham gia làm bài báo cáo nhóm)
467	Hệ thống thông tin kế toán 1	Giúp SV hiểu về tổ chức phân tích, tổ chức xử lý, đánh giá và kiểm soát thông tin kế toán trong điều kiện xử lý thủ công hoặc đã tin học	3	HK5 Thời gian giảng dạy 45 tiết.	Điểm kiểm tra giữa kỳ: 10% Điểm bài tập nhóm: 20%

		hóa.		Mỗi tuần 5 tiết	Điểm thi cuối kỳ: 70%
468	Kế toán quốc tế	Trang bị cho SV kiến thức kế toán quốc tế theo các chuẩn mực kết toán hiện hành cũng như các trường phái kế toán khác với Việt Nam Nhìn nhận xu hướng hội tụ kế toán quốc tế. Áp dụng kiến thức để thực hiện hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong một số phần hành kế toán cụ thể.	3	HK5 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	Điểm kiểm tra giữa kỳ: 30% Điểm thi cuối kỳ: 70%
469	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 1	Trang bị cho SV kiến thức tổng quát về hoạt động của ngân hàng thương mại SV nắm một số quy định, nội dung liên quan đến các nghiệp vụ huy động vốn và cho vay của ngân hàng thương mại; hiểu, vận dụng một số nghiệp vụ cho vay thông thường	3	HK5 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	- Điểm bài tập nhóm (Báo cáo/ thuyết minh/...được nhóm xác nhận có tham gia) : 30% - Điểm thi kết thúc học phần (thi viết/ trắc nghiệm,...tham dự đủ từ 80% số tiết học) : 70%
470	Phân tích và thẩm định dự án	Ngày nay các đơn vị (công lẫn tư) khi tiến hành một hoạt động nào đó đều cần phải lập kế hoạch, lập dự án. Trước nhiều dự án đề nghị, do nguồn lực giới hạn nên các đơn vị phải lựa chọn những dự án hiệu quả tối ưu đồng thời loại bỏ những dự án không đạt yêu cầu. Việc này, đòi hỏi phải dựa trên một số tiêu chí và cơ sở để phân tích và đánh giá. Môn học này nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về các tiêu chí phân tích và thẩm định dự án dưới góc độ quản lý doanh nghiệp và góc độ quản lý nhà nước, đủ khả năng phân tích, đánh giá tính khả thi của của dự án một cách toàn diện.	3	HK5 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	1) Điểm chuyên cần: Số tiết tham dự học/tổng số tiết \geq 90% (10% # 1 điểm) 2) Điểm bài tập nhóm: Báo cáo tiểu luận nhóm (20% # 2 điểm) 3) Điểm thi kết thúc học phần: Thi viết (70% # 7 điểm)
471	Kế toán chi phí	SV nắm được quy trình kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành theo mô hình thực tế, mô hình định mức, mô hình ABC, cách lập và tổng hợp báo cáo chi phí, pháp luật kế toán liên quan.	3	HK6 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	Điểm chuyên cần 10%, giải quyết tình huống trên lớp 10%, kiểm tra giữa kỳ 10%, thi cuối kỳ 70%
472	Kiểm toán 1	Mục đích cung cấp các kiến thức cơ bản về hoạt động kiểm toán độc lập nhằm phục vụ cho nội dung đào tạo ngành Kế toán ở bậc Đại học.	3	HK6 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	Điểm thi kết thúc học phần 70% , điểm giữa kỳ và bài tập nhóm 30%

473	Hệ thống thông tin kế toán 2	Hiểu về tổ chức phân tích, tổ chức xử lý, đánh giá và kiểm soát thông tin kế toán trong điều kiện xử lý thủ công hoặc đã tin học hóa. Hiểu và thực hiện tốt công việc kế toán trong điều kiện doanh nghiệp sử dụng phần mềm kế toán. Thực hiện công tác của chuyên viên phân tích hệ thống trong các doanh nghiệp, thực hiện dịch vụ tư vấn, thiết kế và tin học hóa công tác kế toán, các doanh nghiệp sản xuất cung cấp phần mềm kế toán.	3	HK6 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	Điểm kiểm tra giữa kỳ: 30% Điểm thi cuối kỳ: 70%
474	Tài chính doanh nghiệp	Môn tài chính doanh nghiệp có vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, nhằm tăng doanh lợi, tăng giá trị doanh nghiệp và nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Môn học tài chính doanh nghiệp, hệ thống hoá những vấn đề cơ bản và chuyên sâu về tài chính doanh nghiệp, nội dung của giáo trình cung cấp những kiến thức về giá trị tiền tệ theo thời gian, định giá chứng khoán, đầu tư tài sản dài hạn, cách sử dụng đòn bẩy tài chính,...	3	HK6 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	1) Điểm chuyên cần: Số tiết tham dự học/tổng số tiết $\geq 90\%$ (10% # 1 điểm) 2) Điểm bài tập nhóm: Báo cáo tiểu luận nhóm (20% # 2 điểm) 3) Điểm thi kết thúc học phần: Thi viết (70% # 7 điểm)
475	Thị trường tài chính	Cung cấp kiến thức về hoạt động của thị trường tài chính bao gồm thị trường tiền tệ và thị trường vốn, hiểu về cách thức hoạt động của thị trường chứng khoán Việt Nam	3	HK6 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	- Điểm giữa kỳ: 40% (chuyên cần, kiểm tra/tiểu luận nhóm) - Thi cuối kỳ: 60% (trắc nghiệm)
476	Kế toán ngân hàng thương mại	Trang bị kiến thức cơ bản về công tác tổ chức, thực hiện nghiệp vụ kế toán trong ngân hàng, chủ yếu là tại các ngân hàng thương mại, cụ thể như: Tổ chức công tác kế toán trong hoạt động ngân hàng; Kế toán nghiệp vụ huy động vốn; Kế toán các nghiệp vụ cho vay; Kế toán các nghiệp vụ thanh toán không dùng tiền mặt; Kế toán thanh toán vốn giữa các ngân hàng; Kế toán TSCĐ và công cụ lao động; Kế toán các nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ; Kế toán chi phí, thu nhập, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.	3	HK6	Đánh giá SV bao gồm: (Điểm chuyên cần, Thảo luận, Điểm kiểm tra giữa kỳ, Điểm thi kết thúc học phần)
477	Kế toán doanh nghiệp dịch vụ	Giúp sinh viên hiểu được thương mại quốc tế là gì, hiểu được kinh	3	HK6 Thời gian	Điểm kiểm tra giữa kỳ: 30%

		doanh xuất nhập khẩu trực tiếp, kinh doanh xuất nhập khẩu uỷ thác trong doanh nghiệp là như thế nào, cơ sở hạch toán kế toán và kế toán các nghiệp vụ phát sinh liên quan. Giúp sinh viên hiểu được đặc điểm kế toán xây dựng cơ bản trong các doanh nghiệp xây lắp, phương pháp tính giá thành và phương pháp hạch toán kế toán		giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	Điểm thi cuối kỳ: 70%
478	Kế toán quản trị	SV nắm được kế toán quản trị tổng quan, ứng dụng các phương pháp phân loại chi phí và lập báo cáo, mô hình C-V-P, lập dự toán ngân sách, báo cáo bộ phận, ứng dụng thông tin thích hợp ra quyết định	3	HK7 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	Điểm chuyên cần 10%, giải quyết tình huống trên lớp 10%, kiểm tra giữa kỳ 10%, thi cuối kỳ 70%
479	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán	Cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản của lĩnh vực Kế toán, giúp sinh viên xây dựng được vốn từ vựng kế toán thông qua các bài đọc hiểu trong giáo trình, các bài báo chuyên ngành sâu tầm. Bên cạnh đó, kỹ năng nghe nói của sinh viên cũng được cải thiện thông qua các bài nghe, các chủ đề thảo luận nhóm xoay quanh kế toán. Sinh viên cũng sẽ vận dụng được những kiến thức đã học bằng các bài thuyết trình, nhập vai trước lớp với chủ đề tự chọn trong lĩnh vực Kế toán.	2	HK7 Thời gian giảng dạy 30 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	Điểm giữa kỳ: 30% Điểm cuối kỳ: 70%
480	Kế toán công	Giúp SV hiểu được đặc điểm, quy chế quản lý tài chính, tài sản áp dụng cho cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp. Hiểu được tổ chức công tác kế toán và công việc từng phần hành kế toán cụ thể	3	HK7 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	Điểm giữa kỳ: 30% Điểm cuối kỳ: 70%
481	Quản trị rủi ro tài chính	Cung cấp những kiến thức cơ bản về rủi ro tài chính và những công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả đứng trên góc độ doanh nghiệp và ngân hàng.	3	HK7 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	- Điểm giữa kỳ: 40% (chuyên cần, kiểm tra/tiểu luận nhóm) - Thi cuối kỳ: 60% (tự luận)
482	Kiểm toán 2	Mục đích cung cấp các kiến thức nâng cao về hoạt động kiểm toán độc lập, cũng như hiểu biết các dịch vụ của Doanh nghiệp kiểm toán, Kiểm toán nội bộ và KTNN nhằm phục vụ cho nội dung đào tạo ngành Kế toán ở bậc Đại học.	3	HK7 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	Điểm thi kết thúc học phần 70% , điểm giữa kỳ và bài tập nhóm 30%

483.	Phân tích hoạt động kinh doanh	Giúp SV hiểu các kiến thức cơ bản về các yếu tố trong đo lường tài chính, đọc được các BCTC và báo cáo quản trị nội bộ. Áp dụng các phép phân tích nền tảng và tầng sâu để có thêm thông tin ra quyết định.	3	HK7 Thời gian giảng dạy 45 tiết. Mỗi tuần 5 tiết	Điểm thi kết thúc học phần 70% , điểm giữa kỳ và bài tập nhóm 30%
NGÀNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN					
KHÓA 9					
484.	Phương pháp thí nghiệm, và nghiên cứu khoa học thủy sản	-Hình thành và phát triển tư duy khoa học, xây dựng giả thuyết nghiên cứu, tiến hành phương pháp thực nghiệm, đánh giá kết quả, thảo luận và trình bày kết quả nghiên cứu Xây dựng giả thuyết nghiên cứu, cách tiến hành bố trí thí nghiệm, đánh giá kết quả, thảo luận và trình bày kết quả nghiên cứu....	3	HKI	Điểm thực hành 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
485.	TT. Giáo trình chuyên môn sản xuất giống cá nước lợ	Biết được quy trình quản lý trại sản xuất giống tôm, cá nước lợ, mặn, lập kế hoạch sản xuất giống. Quy trình nuôi vỗ một số đối tượng tôm, cá nước lợ mặn. Quy trình kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thương phẩm một số loài tôm, cá nước lợ mặn. Một số giải pháp phòng và điều trị bệnh tôm, cá nước lợ mặn	6	HKI	Điểm chuyên cần 15% Điểm nhật ký 10% Điểm báo cáo kết thúc học phần 25% Điểm thi kết thúc học phần 50%
486.	Kinh tế thủy sản	Hiểu và vận dụng các khái niệm kinh tế và vận dụng được các công thức tính toán để tính hiệu quả kinh tế của một mô hình nuôi trồng thủy sản. Hiểu biết về nghiên cứu thị trường và quản lý rủi ro trong sản xuất kinh doanh thủy sản.	2	HKI	Điểm chuyên cần 5% Điểm bài tập nhóm 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ 15% Điểm thi kết thúc học phần 60%
487.	Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi cá biển	- Đặc điểm về môi trường sống, đặc điểm dinh dưỡng, và một số đặc điểm sinh học khác của các đối tượng cá biển thường gặp trong khu vực như: cá chẽm, cá bớp, cá chình, cá mú, cá măng, cá kèo,...	2	HKI	Điểm bài tập nhóm 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 60%

		<p>- Kỹ thuật nuôi vỗ thành thực, sản xuất giống nhân tạo, ương giống và nuôi các đối tượng cá biển thường gặp.</p> <p>- Thiết kế công trình sản xuất giống và nuôi các đối tượng cá biển thường gặp.</p>			
488	Quản lý dịch bệnh thủy sản	<p>Hiểu biết các khái niệm chung về bệnh trên tôm cá. Nguyên nhân gây bệnh trên tôm cá, đặc điểm và diễn biến của bệnh thủy sản. Nhận dạng được các bệnh thường gặp trên tôm. Phân loại được các bệnh thường gặp trên cá. Nắm được phương pháp chẩn đoán bệnh tôm cá. Biết cách phòng và trị bệnh tôm cá</p>	3	HKI	<p>Chuyên cần 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ 20%</p> <p>Thực hành 20%</p> <p>Thi kết thúc 50%</p>
489	Khuyến ngư và giao tiếp	<p>Sinh viên sẽ có những kỹ năng cơ bản về khuyến nông và giao tiếp. Tự thực hiện các nhiệm vụ của cán bộ khuyến nông như tổ chức tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật cũng như hướng dẫn nông dân thực hiện các biện pháp kỹ thuật trong nuôi cá. Đề xuất với các cấp chính quyền về việc tiếp nhận một hoặc một số biện pháp kỹ thuật tiên tiến để ứng dụng vào sản xuất.</p>	2	HKI	<p>Điểm chuyên cần 10%</p> <p>Điểm kiểm tra giữa kỳ 15%</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần 75%</p>
490	Kỹ thuật nuôi thủy sản nước ngọt	<p>Giúp sinh viên phân biệt rõ các khái niệm hình thức nuôi và nguyên lý cơ bản của kỹ thuật nuôi cá nước ngọt. Hiểu rõ tác dụng của biện pháp cải tạo ao đối với sinh trưởng của cá nuôi, nguyên lý và hiệu quả kinh tế khi thực hiện nuôi cá kết hợp cây lúa và nuôi cá trong các mô hình VACB, VAC, AC....</p>	2	HKI	<p>Điểm chuyên cần 10%</p> <p>Điểm bài tập 20%</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần 70%</p>
491	KHÓA 10				
492	Thực vật thủy sinh	<p>Xác định được đặc điểm để phân biệt thực vật phiêu sinh và thực vật bậc cao thủy sinh, các kiểu hình thái cơ bản, các nhóm thực vật phiêu sinh. Phân biệt được các hình thức sinh sản khác nhau, các phương thức dinh dưỡng. Xác</p>	2	HKI	<p>Điểm chuyên cần 5%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ 15%</p> <p>Điểm bài tập 20%</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần 60%</p>

		định được các dụng cụ cần thiết khi thu mẫu phiêu sinh thực vật ngoài thực địa. Xác định được các phương pháp thu mẫu định và thu mẫu định lượng. Biết cách phân tích mẫu định tính và phân tích mẫu định lượng			
493	Dinh dưỡng và thức ăn thủy sản	Hiểu rõ đặc điểm dinh dưỡng cơ bản của động vật thủy sản. Các phương pháp xác định và các yếu tố ảnh hưởng đến độ tiêu hóa thức ăn động vật thủy sản. biết cách chọn đánh giá nguyên liệu để chế biến thức ăn cho ĐVTS. Thiết lập được khẩu phần ăn, chế biến và bảo quản thức ăn. Đánh giá được chất lượng thức ăn.	3	HKI	Điểm chuyên cần 10% Điểm thực hành phòng thí nghiệm 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ 20% Điểm thi kết thúc học phần 50%
494	Quản lý chất lượng nước ao, nuôi thủy sản	Nắm vững đặc tính của môi trường nước, động thái và ý nghĩa sinh thái học của các yếu tố như vật lý, hoá học và sinh học của nước đối với đời sống của thủy sinh vật, Nắm vững quá trình tích lũy, quá trình phân hủy vật chất hữu cơ ở nền đáy thủy vực và ảnh hưởng của chúng đối với đời sống của thủy sinh vật. Hiểu rõ và giải thích được các quá trình chuyển hóa vật chất dinh dưỡng trong thủy vực. Hiểu rõ và giải thích được sự ô nhiễm nguồn nước và khả năng tự làm sạch của nguồn nước. Nắm vững kiến thức về phương pháp thu mẫu, phương pháp phân tích và đánh giá các yếu tố chất lượng nước	3	HKI	Điểm chuyên cần 5% Điểm báo cáo chuyên đề, bài tập nhóm 10% Điểm thực hành phòng thí nghiệm 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ 15% Điểm thi kết thúc học phần 60%
495	Công trình và thiết bị thủy sản	Kỹ thuật đo đạc, khảo sát cho một cơ sở sản xuất giống hay nuôi thủy sản. Lập kế hoạch, thiết kế một cơ sở sản xuất giống. Lập kế hoạch, thiết kế một cơ sở nuôi thủy sản. Chọn loại vật liệu, tính toán lượng vật liệu cần sử dụng trong các công trình thủy sản. Tự trang bị một số	2	HKI	Điểm bài tập nhóm 10% Kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 60%

		trang thiết bị cần thiết cho sản xuất giống hay nuôi thủy sản			
496	Vi sinh ứng dụng trong NTTS	Sinh viên nắm rõ lại các vấn đề có liên quan đến vi sinh vật trong thủy sản. Sinh viên hiểu được các khái niệm về vi sinh vật trong thủy sản. Sinh viên nắm được các phương pháp xác định vi sinh vật trong thủy sản. Sinh viên thực hành được các phương pháp phân lập vi sinh vật trong thủy sản.	3	HKI	Điểm chuyên cần 10% Điểm bài tập nhóm 20% Điểm thực hành phòng thí nghiệm 20% Điểm thi kết thúc học phần 50%
497	Sinh lý động vật thủy sản	Sinh viên nắm rõ các vấn đề có liên quan đến sinh lý động vật thủy sản. Sinh viên hiểu được các khái niệm về sinh lý của động vật thủy sản. Sinh viên nắm được các hệ thống sinh lý của động vật thủy sản. Sinh viên thực hành được các phương pháp cơ bản về nghiên cứu sinh lý của vật trong thủy sản.	2	HKI	Điểm chuyên cần 10% Điểm báo cáo chuyên đề, bài tập nhóm 20% Điểm thực hành phòng thí nghiệm 10% Điểm thi kết thúc học phần 60%
KHÓA 11					
498	Kỹ thuật nuôi thức ăn tự nhiên	Môn học giúp sinh viên nắm vững đặc điểm sinh học của một số đối tượng được sử dụng làm thức ăn cho ấu trùng động vật thủy sản như vi tảo, luân trùng, Artemia, Moina-Daphnia, trùn chỉ..., khả năng sử dụng của các đối tượng này vào trong các trại sản xuất giống thủy sản. Sinh viên có thể nắm bắt được các phương pháp nuôi ở Việt Nam và trên thế giới từ đó áp dụng theo yêu cầu của từng điều kiện cụ thể nhằm nâng cao năng suất và cung cấp đủ nguồn thức ăn cho trại giống thủy sản.	2	HKI	Điểm chuyên cần 10% Điểm bài tập nhóm 5% Kiểm tra giữa kỳ 15% Điểm thực hành 10% Điểm thi kết thúc học phần 70%
499	Động vật thủy sinh	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu trúc hình thái, dinh dưỡng, tiêu hóa, bài tiết, điều hòa. Áp suất thẩm thấu.... Xác định một số nhóm ngành động vật thủy sinh có lợi và có tiềm năng cần nghiên cứu phát triển và khả năng kiểm soát những nhóm ngành gây hại...	2	HKI	Điểm chuyên cần 5% Điểm bài tập nhóm 20% Điểm thực hành 25% Điểm thi kết thúc học phần 50%

500	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Sinh viên có thể trình bày khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh và những tư tưởng, luận điểm, quan điểm cơ bản diễn ra trong tiến trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Sinh viên có thể phân tích, giải thích về những nội dung tư tưởng, quan điểm cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh.	2	HKI	Điểm chuyên cần 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ 30%
501	Hóa phân tích ứng dụng thủy sản	Cung cấp kiến thức về phản ứng hóa học và chuẩn bị dung dịch (trong phòng thí nghiệm). Trang bị kiến thức về phương pháp thu và bảo quản mẫu môi trường nước trong ao nuôi thủy sản. Nguyên lý các phương pháp phân tích các yếu tố lý, hóa học của khoa học môi trường nước bao gồm phương pháp điện thế, phương pháp trọng lượng, phương pháp chuẩn độ, phương pháp so màu quang phổ. Cung cấp kiến thức về phương pháp đánh giá số liệu phân tích, đánh giá và bảo đảm chất lượng QA&QC cho phòng thí nghiệm. Trang bị cho sinh viên các kiến thức về an toàn phòng thí nghiệm.	2	HKI	Điểm chuyên cần 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ 20% Điểm thực hành 20% Điểm thi kết thúc học phần 50%
502	Tiếng Anh định hướng TOEIC 3	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe – Nói – Đọc – Viết và 3 kỹ năng phụ Ngữ pháp - Từ vựng – Phát âm giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi TOEIC quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản.	4	HKI	Điểm bài tập, điểm kiểm tra ở lớp 40% Điểm kết thúc học phần 60%
503	Sinh hóa B	Nắm được các kiến thức về các quá trình sinh hoá trong có thể sống, Biết được vai trò và chức năng của các đại phân tử trong sinh vật như carbohydrate, protein, lipid và enzyme. Vitamin.. Nắm được các biến đổi về mặt sinh hoá trong thủy sản. Biết được cơ bản các kỹ thuật ứng dụng trong	3	HKI	Điểm chuyên cần 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ 20% Điểm thực hành 20% Điểm thi kết thúc học phần 50%

		công nghệ sinh hoá			
504	Thủy sản đại cương	Giới thiệu tổng quát về tính chất môi trường sống, quy luật hoạt động sống của động vật thủy sinh và khả năng thích ứng của động vật thủy sinh trong môi trường. Giúp sinh viên phân biệt thuật ngữ về thức ăn sử dụng trong nghề nuôi trồng Thủy sản. Phân biệt được thành phần thức ăn, phổ thức ăn và vai trò của thức ăn trong nghề nuôi thủy sản. Cung cấp một số kiến thức cơ bản để phân biệt nguyên nhân gây bệnh, triệu chứng biểu hiện của bệnh và hiện trạng sử dụng thuốc, chế phẩm sinh hóa học dung chữa trị bệnh cho động vật thủy sản hiện nay ở Việt Nam.	2	HKI	Điểm chuyên cần 10% Điểm bài tập 20% Điểm thi kết thúc học phần 70%
505	Sinh học phân tử	Trình bày được thành phần và cấu trúc của DNA. Nắm được các quy trình ly trích DNA ở thực vật và ở động vật. Trình bày được: kỹ thuật DNA tái tổ hợp; kỹ thuật chuyển gen; kỹ thuật vi thao tác gen. Trình bày được kỹ thuật PCR, PCR - Real time; kỹ thuật AFLP; phương pháp giải trình tự gen. Nắm được ứng dụng của các kỹ thuật sinh học phân tử trong các lĩnh vực: nông nghiệp, y học...	2	HKI	Điểm chuyên cần 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ 20% Điểm thi kết thúc học phần 70%
506	Giáo dục thể chất 3 (cầu lông nâng cao 2)	Ôn lại GDTC 1 và GDTC 2 đã học và tập luyện kỹ thuật trên lưới (chặn cầu và bỏ nhớ cầu). Từ đó giúp Sinh viên tập luyện hoàn thiện các kỹ thuật đã học, đồng thời cho các em đấu tập để các em nắm rõ các luật thi đấu trong cầu lông, nhằm nâng cao sức khỏe cho bản thân đạt tiêu chuẩn về rèn luyện thân thể	1	HKI	Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
507	Giáo dục thể chất 3 (bóng đá nâng cao 2)	Giúp cho sinh viên có khả năng vận dụng thành thạo một số kỹ thuật cơ bản của bóng đá, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác đá trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân và có thể	1	HKI	Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm kết thúc học phần 70

		hướng dẫn người chưa biết cùng tham gia tập luyện.			
508	Giáo dục thể chất 3 (bóng chuyền nâng cao 2)	Giúp cho sinh viên hoàn thiện một số động tác nâng cao trong bóng chuyền. Sinh viên có kiến thức về phương pháp trọng tài và có thể làm trọng tài trong các giải phong trào của đơn vị.	1	HKI	Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm kết thúc học phần 70
KHÓA 12					
509	Những NLCB CN Mác-Lênin 1	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên nắm được một cách tương đối có hệ thống những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác-Lênin. Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (HP2), Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng; Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên	2	HKI	Chuyên cần 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 60%
510	Pháp luật đại cương	Học phần Pháp luật đại cương nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, thông qua học phần, người học cũng có thể vận dụng kiến thức nền tảng từ môn học vào trong thực tế cuộc sống và công việc sau này	2	HKI	Dự lớp 10% Kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
511	Tiếng Anh định hướng ToEIC 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe – Nói – Đọc – Viết và 3 kỹ năng phụ Ngữ pháp - Từ vựng – Phát âm giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi TOEIC quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản.	4	HKI	Điểm bài tập, điểm kiểm tra ở lớp 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
512	Sinh học ĐC	Biết được thành phần hóa học của tế bào, phân loại và nhận dạng tế bào. Nắm rõ cơ sở của sự trao đổi chất và năng lượng ở sinh vật, cơ	2	HKI	Điểm chuyên cần 10% Kiểm tra giữa kỳ 30%

		chế của sự vận chuyển các chất qua màng tế bào. Biết được tính chất hóa học của các loại môi trường như: ưu trương, nhược trương và đẳng trương. Nắm được các khái niệm về khuếch tán, thẩm thấu, co nguyên sinh, phản co nguyên sinh. Biết được: giai đoạn tạo giao tử, sự thụ tinh, sự phát triển phôi và hậu phôi, sự phát triển sau khi sinh và trưởng thành, giai đoạn già và chết ở động vật.			Điểm thi kết thúc học phần 60%
513	Giáo dục thể chất 1 (bóng đá cơ bản)	Giúp cho sinh viên có khả năng nhận biết một số kỹ thuật cơ bản của bóng đá, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác để trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân và có thể hướng dẫn người chưa biết cùng tham gia tập luyện.	1	HKI	Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
514	Giáo dục thể chất 1 (bóng chuyền cơ bản)	Giúp cho sinh viên có khả năng nhận biết một số kỹ thuật cơ bản của bóng chuyền, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác để trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân và có thể hướng dẫn người chưa biết cùng tham gia tập luyện.	1	HKI	Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
515	Giáo dục thể chất 1 (cầu lông cơ bản)	Giúp cho sinh viên bước đầu làm quen với môn cầu lông, nắm vững cơ sở lý luận ban đầu về các động tác di chuyển, giao cầu và đánh cầu thấp tay trong môn cầu lông. Từ đó giúp sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân đạt tiêu chuẩn về rèn luyện thân thể.	1	HKI	Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
516	Tin học căn bản	Cung cấp cho sinh viên khối kiến thức căn bản và các thuật ngữ cập nhật về môn TIN HỌC CĂN BẢN. Mục tiêu của học phần nhằm giúp sinh viên tiếp cận công nghệ thông	2	HKI	Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%

		tin và sử dụng thành thạo tin học văn phòng.			
517.	TT. Tin học căn bản	Qua những bài thực hành trên máy vi tính, sinh viên sẽ ôn lại lý thuyết đã được cung cấp. Đồng thời, qua việc làm các bài thực hành sinh viên sẽ rèn luyện kỹ năng thao tác nhanh, chính xác các lĩnh vực đã được truyền đạt, thực hành các cách trình bày văn bản, thực hành các bài toán hoặc các vấn đề gần với thực tiễn mà sinh viên sẽ giải quyết trong công việc văn phòng ở Công ty, Xí nghiệp hay Trường học...sau này.	2	HKI	Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
	KHÓA 9				
518.	Khóa luận TN	Phân tích hướng nghiên cứu và xác định được phương pháp nghiên cứu. Trình bày được một kết quả nghiên cứu khoa học rõ ràng với số liệu phân tích chính xác, có độ tin cậy. Đánh giá và giải thích được các kết quả, xác định tồn tại và biết cách đề xuất hướng giải quyết.	12	HKII	Điểm bảo vệ KLTN 100%
519.	Tiểu luận TN	- Vận dụng kiến thức phân tích hướng nghiên cứu và xác định phương pháp nghiên cứu (thí nghiệm, ứng dụng kỹ thuật) phù hợp. Lập kế hoạch triển khai công việc. Trình bày được kết quả nghiên cứu. Đánh giá và giải thích được kết quả và đề xuất hướng giải quyết.	8	HKII	Điểm TLTN 100%
520.	Tổng hợp kiến thức cơ sở NTTS	- Hiểu và nắm kiến thức tổng hợp về môi trường nước trong các hệ ao nuôi - Tổng hợp, phân tích, đánh giá môi trường nước dựa trên các yếu tố môi trường và các nhóm thủy sinh vật - Nhận dạng và nghiên cứu các đặc điểm sinh học, sinh thái của các loài cá.. - Có khả năng thuyết trình và kỹ năng làm việc nhóm...	2	HKII	Điểm chuyên cần 5% Điểm thực hiện chuyên đề 15% Điểm thi kết thúc học phần 80%

521	Tổng hợp kiến thức chuyên ngành NTTS	- Hiểu rõ hơn mối liên quan giữa đặc tính sinh học của loài thủy sản, các biện pháp kỹ thuật với chất lượng sản phẩm sinh dục, nguyên nhân gây ra bệnh và nguyên tắc phòng trị bệnh, nguyên lý hoạt động của các mô hình nuôi tôm, cá đơn và kết hợp với chăn nuôi, trồng trọt..	2	HKII	Thi kết thúc học phần 100%
KHÓA 10		-			
522	Kỹ thuật sản xuất giống cá nước ngọt	Cung cấp cho người học những biện pháp kỹ thuật có tính nguyên lý được sử dụng trong quy trình nuôi vỗ cá bố mẹ, kích thích cá sinh sản, ương ấp trứng và cá con	2	HKII	Điểm chuyên cần 10% Điểm bài tập 20% Điểm thi kết thúc học phần 70%
523	Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi giáp xác	- Đặc điểm sinh học, các qui trình sản xuất giống: tôm sú, tôm thẻ chân trắng, tôm càng xanh, cua biển... - Xây dựng các mô hình nuôi theo các tiêu chuẩn an toàn sinh học, thân thiện với môi trường....	3	HKII	Điểm bài tập nhóm 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc 60%
524	Di truyền và chọn giống thủy sản	Trình bày được các khái niệm về di truyền học; cơ chế xác định giới tính ở động vật thủy sản.. Xác định tần số alen và tần số kiểu gen. Nắm vững các phương pháp chọn giống cá	2	HKII	Chuyên cần 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ 20% Thi kết thúc 70%
525	Kỹ thuật nuôi cá cảnh và thủy đặc sản	Giúp cho sinh viên có kiến thức về đặc điểm sinh học, kỹ thuật nuôi, kỹ thuật sản xuất giống cũng như cách phòng và trị bệnh cho các loài thủy đặc sản có giá trị kinh tế như: baba, ếch đồng, lươn đồng, cá sấu, cá ngựa..và một số loài cá cảnh (cá rồng, cá chép nhật, cá ông tiên, cá la hán). Ngoài ra còn mở rộng áp dụng kiến thức với một số đối tượng có giá trị kinh tế khác.	2	HKII	Điểm kiểm tra giữa kỳ 20% Điểm bài tập nhóm 20% Điểm thi kết thúc học phần 60%
526	TT. Giáo trình chuyên môn sản xuất giống thủy sản nước ngọt (HK hè)	Giúp sinh viên biết được quy trình quản lý trại sản xuất giống cá, kế hoạch sản xuất giống các đối tượng cá nước ngọt. Hiểu cơ chế vận hành các trang thiết bị. Biện pháp kỹ thuật ương cá từ giai đoạn lên	6	HKII	Chuyên cần 15% Nhật ký 10% Báo cáo 25% Thi kết thúc 50%

		giống. Trình bày được quy trình sinh sản một số loài cá nước ngọt phổ biến. Quy trình kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thương phẩm một số loài cá trong mô hình nuôi phổ biến. Biết một số giải pháp phòng và điều trị bệnh trên cá			
527	Tiếng Anh chuyên ngành NTTS	Biết và nắm được các thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành về các lĩnh vực sinh học, sinh thái các đối tượng thủy sản, Biết và nắm được các thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành về các lĩnh vực kỹ thuật nuôi và quản lý môi trường nuôi các đối tượng thủy sản và các lĩnh vực liên quan đến thủy sản	4	HKII	Điểm chuyên cần 5% Điểm thực hiện bài tập nhóm 15% Điểm kiểm tra giữa kỳ 20% Điểm thi kết thúc học phần 50%
528	Thuốc và hóa chất thủy sản	Sinh viên hiểu được các vấn đề liên quan đến thuốc kháng sinh trong nuôi trồng thủy sản. Sinh viên nắm vững các vấn đề liên quan đến hóa chất trong nuôi trồng thủy sản.	2	HKII	Điểm chuyên cần 10% Điểm bài tập nhóm 20% Điểm thực hành 10% Điểm thi kết thúc 60%
529	Sinh lý động vật thủy sản	Sinh viên nắm rõ các vấn đề có liên quan đến sinh lý động vật thủy sản. Sinh viên hiểu được các khái niệm về sinh lý của động vật thủy sản. Sinh viên nắm được các hệ thống sinh lý của động vật thủy sản. Sinh viên thực hành được các phương pháp cơ bản về nghiên cứu sinh lý của vật trong thủy sản.	2	HKII	Điểm chuyên cần 10% Điểm báo cáo chuyên đề, bài tập nhóm 20% Điểm thực hành phòng thí nghiệm 10% Điểm thi kết thúc học phần 60%
530	TT. Giáo trình cơ sở thủy sản	Tạo điều kiện cho sv tiếp cận với thực tế nghiên cứu, củng cố những kiến thức cơ sở đã học. Rèn luyện kỹ năng thu và phân tích các yếu tố môi trường. rèn luyện khả năng thu và phân tích nguồn lợi. kỹ năng tổng hợp số liệu, nhận định kết quả và viết báo cáo khoa học.	6	HKII	Điểm chuyên cần 20% Điểm bài báo cáo file word 20% Điểm thi kết thúc học phần 60%
KHÓA 11					
531	Đường lối Đảng cộng sản VN	Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt	3	HKII	Điểm chuyên cần 10% Điểm kiểm tra giữa

		Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội. Cùng với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta			kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 60%
532.	Sinh thái thủy sinh vật	Hiểu được đặc điểm của thủy sinh vật cũng như vai trò, chức năng của thủy sinh vật sống trong nước. Hiểu được vai trò, chức năng cơ bản của quần thể thủy sinh vật và các quy luật phân bố, biến đổi của thủy sinh vật. Nắm được cấu trúc hệ sinh thái và chu kỳ biến đổi một số chất diễn ra trong nước. Nắm được vai trò của các bậc dinh dưỡng và các yếu tố có ảnh hưởng tới năng suất thủy vực.	2	HKII	Điểm chuyên cần 10% Điểm bài tập 20% Điểm thi kết thúc 70%
533.	Vi sinh ứng dụng trong nuôi trồng thủy sản	Sinh viên nắm rõ lại các vấn đề có liên quan đến vi sinh vật trong thủy sản. hiểu được các khái niệm về vi sinh vật trong thủy sản. các phương pháp xác định vi sinh vật trong thủy sản. thực hành được các phương pháp phân lập vi sinh vật trong thủy sản.	3	HKII	Điểm chuyên cần 10% Điểm thực hành 20% Bài tập nhóm 20% Điểm thi kết thúc học phần 50%
534.	Ngư loại học	Trình bày được các kiến thức cơ bản về hình thái giải phẫu cơ thể cá. Nêu được vai trò của các cơ quan trong cơ thể cá. Phân biệt được sự khác biệt của một cơ quan trên các loài khác nhau. Trình bày được các kiến thức về hệ thống phân loại và những đặc điểm, dấu hiệu dùng trong phân loại cá. Hiểu được thành phần các loài cá nước ngọt và nước lợ thường gặp ở ĐBSCL	2	HKII	Điểm chuyên cần 5% Điểm thực hành 20% Kiểm tra giữa kỳ 15% Điểm thi kết thúc học phần 60%
535.	Hình thái phân loại giáp xác nhuyễn thể	Hiểu rõ về về cấu tạo cơ thể giáp xác và nhuyễn thể; phân biệt được chức năng nhiệm vụ sinh học của các cơ quan trong cơ thể; có khả năng phân tích, đánh giá hoạt động	3	HKII	Điểm chuyên cần 5% Điểm thực hành 25% Bài tập nhóm 20%

		sông thông qua nghiên cứu hệ tiêu hóa, hô hấp, tuần hoàn, sinh sản, hệ thần kinh... Hiểu rõ các yếu tố ảnh hưởng đến sự phân bố của các loài giáp xác, nhuyễn thể có giá trị kinh tế và giúp người học có thể vận dụng và phát triển loài nuôi mới. Qua kiến thức đã học giúp sinh viên có cơ sở đánh giá, phân tích tổng hợp cho việc qui hoạch định hướng phát triển nghề nuôi và phục vụ công tác phát triển & bảo vệ nguồn lợi thủy sản.			Điểm thi kết thúc học phần 50%
536.	Thực vật thủy sinh	Xác định được đặc điểm để phân biệt thực vật phiêu sinh và thực vật bậc cao thủy sinh, các kiểu hình thái cơ bản, các nhóm thực vật phiêu sinh. Nắm được thành phần cấu tạo chung của phiêu sinh thực vật. Phân biệt được các hình thức sinh sản khác nhau, các phương thức dinh dưỡng. Xác định được các phương pháp thu mẫu định và thu mẫu định lượng. Biết cách phân tích mẫu định tính và phân tích mẫu định lượng	2	HKII	Điểm chuyên cần 5% Điểm thực hành 20% Kiểm tra giữa kỳ 15% Điểm thi kết thúc học phần 60%
537.	Phương pháp nghiên cứu sinh học cá	Phương pháp thu và xử lý mẫu. Phương pháp nghiên cứu hình thái cá. Phương pháp nghiên cứu mô học. Phương pháp nghiên cứu dinh dưỡng. Phương pháp nghiên cứu sinh học sinh sản. Phương pháp nghiên cứu tuổi và sinh trưởng	2	HKII	Điểm chuyên cần 5% Điểm bài tập nhóm 20% Kiểm tra giữa kỳ 15% Điểm thi kết thúc học phần 60%
538.	KHÓA 12				
539.	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe – Nói – Đọc – Viết và 3 kỹ năng phụ Ngữ pháp - Từ vựng – Phát âm giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi TOEIC quốc tế,	4	HKII	Điểm bài tập, kiểm tra trên lớp 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%

		có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản			
540	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin 2	Nắm được học thuyết giá trị của C. Mác. - Nắm được học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. - Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Những vấn đề chính trị – xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.- Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng của nó.	3	HKII	Chuyên cần 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 60%
541	Tiếng Việt thực hành	Sinh viên sẽ học một số vấn đề về chữ viết tiếng Việt và rèn luyện kỹ năng về chính tả, cách sửa những lỗi chính tả thường gặp, rèn luyện kỹ năng dùng từ, chữa các lỗi thông thường về dùng từ, câu và rèn luyện kỹ năng về câu, các lỗi thường gặp về dấu câu và câu, tạo lập và tiếp nhận đoạn văn, các phép liên kết, các lỗi thường gặp trong đoạn văn, tạo lập và tiếp nhận văn bản.	2	HKII	Dự lớp 5% Kiểm tra giữa kỳ 20% Điểm báo cáo 15% Điểm thi kết thúc học phần 60%
542	Di truyền học ĐC	Biết được đối tượng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu từng dạng di truyền khác nhau. Ý nghĩa của từng dạng di truyền và vận dụng vào một số trường hợp cụ thể giải quyết các vấn đề thực tế. Các thí nghiệm chứng minh ADN là vật chất di truyền, ADN sao chép theo nguyên tắc bán bảo toàn. Hiểu được mô hình xoắn kép của ADN từ đó hình thành các công thức để giải các bài tập di truyền phân tử	3	HKII	Điểm chuyên đề 10% Điểm thực hành 20% Kiểm tra giữa kỳ 10% Điểm thi kết thúc học phần 60%
543	Giáo dục thể chất 2 (cầu long nâng cao 1)	Giúp cho sinh viên có khả năng nhận biết một số kỹ thuật cơ bản của cầu lông, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác để trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân và có thể hướng dẫn người chưa biết cùng tham gia tập	1	HKII	Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%

		luyện.			
544	Giáo dục thể chất 2 (bóng chuyền nâng cao 1)	Giúp cho sinh viên có khả năng nhận biết một số kỹ thuật cơ bản của bóng chuyền, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác để trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân và có thể hướng dẫn người chưa biết cùng tham gia tập luyện.	1	HKII	Điểm kiểm tra giữa kỳ 30%
545	Giáo dục thể chất 2 (bóng đá nâng cao 1)	Giúp cho sinh viên có khả năng vận dụng thành thạo một số kỹ thuật cơ bản của bóng đá, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác để trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân và có thể hướng dẫn người chưa biết cùng tham gia tập luyện.	1	HKII	Điểm thi kết thúc học phần 70%
	NGÀNH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM				
	KHÓA 9				
546	Công nghệ chế biến thịt và sản phẩm thịt	Cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát về khoa học thịt, cách giết mổ và pha lóc thịt, nắm được quy trình sản xuất để tạo ra các nhóm sản phẩm thịt điển hình: sản phẩm nhũ tương, sản phẩm thịt xông khói, sản phẩm thịt ướp muối... có khả năng áp dụng các quy trình công nghệ vào điều kiện sản xuất thực tế tại các cơ sở sản xuất thực phẩm, kiểm tra, đánh giá, quản lý chất lượng thực phẩm.	2	HKI	Điểm chuyên cần 10% Điểm báo cáo chuyên đề 30% Điểm thi kết thúc học phần 60%
547	Công nghệ chế biến chè, cà phê, ca cao	Tìm hiểu về đặc điểm sinh thái của cây chè và quy trình chế biến chè, Tìm hiểu về đặc điểm sinh thái của cây cà phê và quy trình chế biến cà phê, Tìm hiểu về đặc điểm sinh thái của cây ca cao và quy trình chế biến các sản phẩm từ ca cao.	2	HKI	Điểm chuyên cần 10% Điểm thi tra giữa kỳ 30% Điểm thi cuối kỳ 60%
548	Công nghệ chế biến sữa và sản phẩm sữa	Biết rõ thành phần hóa học và các tính chất đặc trưng của sữa. Hiểu rõ các phương pháp đánh giá chất lượng sữa. Cơ chế của việc tiệt sữa	2	HKI	Điểm chuyên cần 10% Điểm bài tập nhóm 20%

		và chu kỳ tiết sữa của bò. Biết được các công đoạn sản xuất các sản phẩm từ sữa như sữa thanh trùng, tiệt trùng, cô đặc, sữa bột, bơ và pho mai. Xác định được mục đích và nguyên tắc của các công đoạn trong quá trình chế biến sữa.			Điểm thi kết thúc học phần 70%
549	Công nghệ chế biến đường và bánh kẹo	Biết được vai trò của đường và công nghệ sản xuất đường, các chỉ tiêu chất lượng trong phân loại đường thành phẩm, cách đánh giá độ chín của mía, ảnh hưởng của độ chín, kỹ thuật thu hoạch và bảo quản mía sau thu hoạch đến chất lượng mía nguyên liệu sử dụng cho chế biến đường... quá trình cô đặc nước mía, kỹ thuật nấu và kết tinh đường, các nguyên liệu chính và nguyên liệu phụ dùng trong công nghệ sản xuất bánh kẹo...	2	HKI	Điểm chuyên cần 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ 20% Điểm thi kết thúc học phần 70%
550	Công nghệ chế biến thủy hải sản	Trình bày được thành phần hóa học của thủy sản và các yếu tố ảnh hưởng đến các thành phần này. Phân biệt được khái niệm hệ vi sinh vật ở thủy sản khi thủy sản ướp hồng và hệ vi sinh vật gây ướp hồng ở thủy sản. Hiểu được sự cần thiết của lạnh đông trong duy trì và kéo dài thời hạn sử dụng của thủy - hải sản. Biết cách pha đầu nước mắm	2	HKI	Điểm chuyên cần 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ 20% Điểm thi kết thúc học phần 70%
551	Niên luận chuyên ngành CNTP	Có kiến thức tổng quan về hoạt động nghiên cứu và chế biến thực phẩm. Biết viết và trình bày một bài báo cáo khoa học	2	HKI	Báo cáo trước Hội đồng
552	TT. CNTP (Phòng Thí nghiệm)	Sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành đã học để thực hiện thực tế (chuẩn bị nguyên liệu, thao tác thực hành và vận hành máy móc thiết bị.	3	HKI	Điểm chuyên cần 10% Phúc trình thực tập 30% Điểm thi kết thúc học phần 60%
553	TT. Công nghệ thực phẩm (Nhà máy)	Sinh viên vận dụng các kiến thức chuyên ngành thực tế (ngũ cốc, rau quả, sữa, thủy sản, lên men...). Các quá trình và thiết bị ứng dụng trong bảo quản và chế biến thực phẩm. Kiến thức thực tế về chuẩn bị nguyên liệu, thao tác vận hành máy móc thiết bị qui mô công nghiệp	3	HKI	Báo cáo trước Hội đồng 100%

554	Nguyên lý bảo quản và chế biến thực phẩm	Sinh viên biết các nguyên nhân gây hư hỏng thực phẩm, các phương pháp bảo quản thực phẩm và các quá trình cơ bản trong chế biến thực phẩm. Phân tích và giải thích được nguyên nhân gây hư hỏng thực phẩm từ đó áp dụng các phương pháp bảo quản phù hợp nhất.	2	HKI	Điểm chuyên cần 10% Điểm báo cáo chuyên đề 30% Điểm thi kết thúc học phần 60%
555	Quản lý chất lượng và luật thực phẩm	Đảm bảo, kiểm soát, hoạch định, chính sách, mục tiêu, hệ thống chất lượng. Kế hoạch HACCP, đề ra biện pháp kiểm soát và thiết kế biểu mẫu kiểm soát các điểm CCP trong kế hoạch haccp. Các qui phạm pháp luật hiện hành trong quản lý chất lượng thủy sản.	2	HKI	Điểm chuyên cần 10% Điểm thực hành 20% Điểm kiểm tra 20% Điểm thi kết thúc học phần 50%
KHÓA 10					
556	Phương pháp NCKH-CNTP	Trang bị cho sinh viên những luận cứ căn bản khi viết về đề cương nghiên cứu khoa học, viết báo cáo khoa học và những phương pháp truy cập thông tin/tài liệu từ thư viện và máy tính thông qua các kho chứa dữ liệu hay trực tiếp trên internet, phục vụ làm khóa luận ra trường.	2	HKI	Dự lớp 10% Bài tập trên lớp 20% Điểm thi kết thúc học phần 70%
557	Phụ gia trong chế biến thực phẩm	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản và thực tế về vai trò của các loại hóa chất được sử dụng trong quá trình chế biến và bảo quản những sản phẩm thực phẩm, cũng như nguyên tắc sử dụng các loại hóa chất này.	2	HKI	Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
558	Bao bì thực phẩm	Khái niệm, lịch sử phát triển và xu hướng của bao bì thực phẩm. Mô tả các thành phần cấu tạo nên bao bì và phân loại bao bì. Chỉ ra những yêu cầu của bao bì thực phẩm. Các quy định về nội dung ghi nhãn trên bao bì thực phẩm.	2	HKI	Điểm chuyên cần 10% Điểm bài tập nhóm 30% Điểm thi kết thúc học phần 60%
559	Đánh giá cảm	Khái niệm, lịch sử hình thành và	2	HKI	Điểm chuyên cần

	quan thực phẩm	phát triển của đánh giá cảm quan thực phẩm. Phân tích cơ sở khoa học của đánh giá cảm quan bằng thị giác, khứu giác, xúc giác, vị giác và thính giác. Xác định mục đích, cách thực hiện và xử lý kết quả của một số phương pháp đánh giá cảm quan cơ bản. Mô tả các điều kiện cần thiết để tiến hành đánh giá cảm quan. Liệt kê các nguyên tắc thực hành đánh giá cảm quan tốt. Xác định ngưỡng của người thử và hội đồng thử			10% Điểm bài tập nhóm 20% Điểm thi kết thúc học phần 70%
560.	Kỹ thuật thực phẩm 2	Biết cách thiết lập thành dạng mô hình các bài toán thực tế trong lĩnh vực công nghệ hóa học và thực phẩm, từ đó đề ra cách giải quyết những vấn đề liên quan đến cân bằng vật chất và năng lượng cho hệ thống. Hiểu biết một cách chính xác về lý thuyết khuếch tán vật chất trong các quá trình chế biến. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức về các quá trình và thiết bị truyền khối được ứng dụng trong chế biến thực phẩm như chưng cất, trích ly, sấy, hấp thụ, hấp phụ	4	HKI	Điểm chuyên cần 10% Điểm thực hành 20% Điểm kiểm tra 20% Điểm thi kết thúc học phần 50%
KHÓA 11					
561.	Tiếng Anh định hướng TOEIC 3	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe – Nói – Đọc – Viết và 3 kỹ năng phụ Ngữ pháp - Từ vựng – Phát âm giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi TOEIC quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản.	4	HKI	Điểm bài tập, điểm kiểm tra ở lớp 40% Điểm kết thúc học phần 60%
562.	Sinh hóa B	Nắm được các kiến thức về các quá trình sinh hoá trong cơ thể sống. Biết được vai trò và chức năng của các đại phân tử trong sinh vật như carbohydrate, protein, lipid và enzyme. Vitamin.. Nắm được các biến đổi về mặt sinh hoá trong thực phẩm. Biết được cơ bản các kỹ thuật ứng dụng trong công nghệ sinh hoá	3	HKI	Điểm chuyên cần 10% Điểm thực hành 20% Điểm kiểm tra 20% Điểm thi kết thúc học phần 50%
563.	Giáo dục thể chất 3 (bóng đá)	Giúp cho sinh viên có khả năng vận dụng thành thạo một số kỹ thuật cơ	1	HKI	Điểm kiểm tra giữa kỳ 30%

	nâng cao 2)	bản của bóng đá, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác để trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân và có thể hướng dẫn người chưa biết cùng tham gia tập luyện.			Điểm kết thúc học phần 70%
564.	Giáo dục thể chất 3 (bóng chày nâng cao 2)	Giúp cho sinh viên hoàn thiện một số động tác nâng cao trong bóng chày. Sinh viên có kiến thức về phương pháp trọng tài và có thể làm trọng tài trong các giải phong trào của đơn vị.	1	HKI	Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm kết thúc học phần 70%
565.	Giáo dục thể chất 3 (cầu lông nâng cao 2)	Ôn lại GDTC 1 và GDTC 2 đã học và tập luyện kỹ thuật trên lưới (chặn cầu và bỏ nhỏ cầu). Từ đó giúp Sinh viên tập luyện hoàn thiện các kỹ thuật đã học, đồng thời cho các em đấu tập để các em nắm rõ các luật thi đấu trong cầu lông, nhằm nâng cao sức khỏe cho bản thân đạt tiêu chuẩn về rèn luyện thân thể.	1	HKI	Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm kết thúc học phần 70%
566.	Vi sinh học thực phẩm	Hiểu ý nghĩa, vai trò của VSV trong ngành sản xuất thực phẩm và trong đời sống xã hội, đặc biệt trong tương lai khi công nghệ sinh học càng phát triển. Cấu tạo và đặc điểm của vi sinh vật nhân sơ, nhân thực và vi rút. Biết được các loại VSV nào thường xuất hiện trong thực phẩm, đánh giá được các nguồn lây nhiễm chủ yếu trong quá trình chế biến, bảo quản và vận chuyển thực phẩm. Nắm vững vai trò và tác hại của một số nhóm VSV quan trọng thường xuất hiện trong 1 số loại thực phẩm thường gặp	3	HKI	Điểm chuyên cần 5% Điểm thực hành 20% Điểm quá trình 15% Điểm thi kết thúc học phần 60%
567.	Kỹ năng giao tiếp	Môn học giúp sinh viên nắm rõ các phương thức giao tiếp (ngôn ngữ và phi ngôn ngữ) phổ biến trong quá trình kinh doanh	2	HKI	Điểm bài tập nhóm 30% Điểm kết thúc học phần 70%
568.	Nhiệt kỹ thuật	Cung cấp cho sv cách nhìn tổng quan về đơn vị thứ nguyên, hiểu rõ về các tính chất của nước và sự	2	HKI	Điểm chuyên cần 10%

		chuyên pha, tính chất của không khí ẩm, sự cân bằng pha, các quá trình cơ bản liên quan đến các dạng năng lượng nhiệt cũng như các quá trình điều hòa không khí. Nguyên tắc hoạt động của các hệ thống sinh công trong nhà máy chế biến thực phẩm.			Điểm kiểm tra giữa kỳ 20% Điểm thi kết thúc học phần 70%
569	Hình họa vẽ kỹ thuật	- Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vẽ kỹ thuật, bồi dưỡng khả năng lập và đọc bản vẽ, đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học, có ý thức tổ chức kỷ luật, tính cẩn thận, kiên nhẫn của người làm công tác kỹ thuật. - Giúp cho sinh viên vận dụng được kiến thức của môn học trong đời sống và các môn khác.	2	HKI	Điểm chuyên cần 10% Điểm bài tập 30% Điểm thi kết thúc học phần 60%
570	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Sinh viên có thể trình bày khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh và những tư tưởng, luận điểm, quan điểm cơ bản diễn ra trong tiến trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Sinh viên có thể phân tích, giải thích về những nội dung tư tưởng, quan điểm cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh.	2	HKI	Điểm chuyên cần 10% Điểm kiểm tra 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
KHÓA 12					
571	Tiếng Anh định hướng Toeic 1	trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe – Nói – Đọc – Viết và 3 kỹ năng phụ Ngữ pháp - Từ vựng – Phát âm giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi TOEIC quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản.	4	HKI	Điểm bài tập, điểm kiểm tra ở lớp 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
572	Pháp luật đại cương	Học phần Pháp luật đại cương nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, thông qua học phần, người học cũng có thể vận dụng kiến thức nền tảng từ môn học vào trong thực tế cuộc sống và công việc sau này	2	HKI	Điểm chuyên cần 10% Kiểm tra giữa kỳ 20% Điểm kết thúc học phần 70%

573.	Toán cao cấp	sinh viên phải hiểu và giải thích được các khái niệm,	3	HKI	Chuyên cần 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 60%
574.	Cơ nhiệt đại cương	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Vật lý đại cương Phần Cơ, Nhiệt, làm cơ sở để sinh viên học các môn kỹ thuật. Các định luật bảo toàn đối với 7 đại lượng Vật lý cơ bản: năng lượng, 3 thành phần động lượng, 3 thành phần mômen động lượng. Biết vận dụng xét chuyển động phản lực, chuyển động trong trường hấp dẫn, chuyển động quay, chuyển động sóng. Biết vận dụng xét các quá trình biến đổi nhiệt cơ bản: đẳng tích, đẳng áp, đẳng nhiệt, đoạn nhiệt và ứng dụng trong động cơ nhiệt.	3	HKI	Chuyên cần 10% Điểm thực hành 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ 10% Điểm thi kết thúc học phần 60%
575.	Tin học căn bản	Cung cấp cho sinh viên khối kiến thức căn bản và các thuật ngữ cập nhật về môn tin học căn bản. Mục tiêu của học phần nhằm giúp sinh viên tiếp cận công nghệ thông tin và sử dụng thành thạo tin học văn phòng.	2	HKI	Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
576.	TT. Tin học căn bản	Qua những bài thực hành trên máy vi tính, sinh viên sẽ ôn lại lý thuyết đã được cung cấp. Đồng thời, qua việc làm các bài thực hành sinh viên sẽ rèn luyện kỹ năng thao tác nhanh, chính xác các lĩnh vực đã được truyền đạt, thực hành các cách trình bày văn bản, thực hành các bài toán hoặc các vấn đề gắn với thực tiễn mà sinh viên sẽ giải quyết trong công việc văn phòng ở Công ty, Xí nghiệp hay Trường học...sau này.	2	HKI	Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
577.	Những NLCB CN Mác-Lênin 1	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên nắm được một cách tương đối có hệ thống những nội dung cơ bản	2	HKI	Chuyên cần 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ 30%

		về thể giới quan và phương pháp luận của triết học Mác Lênin. Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (HP2), Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng; Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên			Điểm thi kết thúc học phần 60%
578	Giáo dục thể chất 1 (bóng đá)	Giúp cho sinh viên có khả năng nhận biết một số kỹ thuật cơ bản của bóng đá, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác để trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân và có thể hướng dẫn người chưa biết cùng tham gia tập luyện.	1	HKI	Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần
579	Giáo dục thể chất 1 (bóng chuyền cơ bản)	Giúp cho sinh viên có khả năng nhận biết một số kỹ thuật cơ bản của bóng chuyền, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác để trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân và có thể hướng dẫn người chưa biết cùng tham gia tập luyện.	1	HKI	Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
580	Giáo dục thể chất 1 (cầu lông cơ bản)	Giúp cho sinh viên bước đầu làm quen với môn cầu lông, nắm vững cơ sở lý luận ban đầu về các động tác di chuyển, giao cầu và đánh cầu thấp tay trong môn cầu lông. Từ đó giúp sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân đạt tiêu chuẩn về rèn luyện thân thể.	1	HKI	Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
KHÓA 9					
581	Khóa luận TN	Kiến thức tổng quan về hoạt động nghiên cứu và chế biến thực phẩm. Biết phân tích, xử lý số liệu. Viết và trình bày một bài báo cáo khoa học	12	HKII	Sinh viên nộp quyền đề tài và báo cáo trước Hội đồng
582	Tiểu luận TN	Có kiến thức tổng quan về hoạt động nghiên cứu và chế biến thực phẩm. Biết phân tích, xử lý số liệu.	8	HKII	Sinh viên nộp quyền đề tài và báo cáo trước Hội đồng

		Viết và trình bày một bài báo cáo khoa học			
583.	Tổng hợp kiến thức cơ sở CNTP	Học phần tổng hợp kiến thức cơ sở CNTP cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tính chất vật lý hóa học của protein, glucid, lipid, vitamin... đồng thời cung cấp kiến thức về các biến đổi sinh hoá và hóa học diễn ra trong quá trình chế biến và bảo quản thực phẩm	2	HKII	Điểm chuyên cần 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 60%
584.	Tổng hợp kiến thức chuyên ngành CNTP	Tổng quát về thực phẩm chức năng, phân loại. Những quy định chung về quản lý thực phẩm chức năng trên thị trường. Các loại thực phẩm chức năng có nguồn gốc khác nhau. Cung cấp kiến thức về những nguyên nhân gây ô nhiễm thực phẩm và ngộ độc thực phẩm...	2	HKII	Điểm chuyên cần 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 60%
KHÓA 10					
585.	Công nghệ sản xuất rượu bia và nước giải khát	Giúp sinh viên có cái nhìn tổng quát về thị trường thức uống hiện nay, nắm được khoa học về nguyên liệu sử dụng trong công nghệ sản xuất thức uống, hiểu rõ quy trình công nghệ và tiêu chuẩn sản phẩm các loại thức uống không cồn (nước uống đóng chai, nước giải khát, nước rau quả), thức uống có cồn (bia, rượu).	2	HKII	Điểm chuyên cần 10% Điểm thực hành 20% Điểm kiểm tra 20% Điểm thi kết thúc học phần 50%
586.	Công nghệ sau thu hoạch rau quả và ngũ cốc	Sinh viên có kiến thức thành phần hóa học, những biến đổi những tổn thất và biện pháp làm giảm tổn thất rau quả sau thu hoạch. Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng rau quả trong quá trình bảo quản. Tính chất vật lý của hạt và khối hạt ngũ cốc. Những hao hụt và biện pháp đánh giá hao hụt sau thu hoạch ngũ cốc	3	HKII	Điểm chuyên cần 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 60%
587.	Công nghệ chế biến sản phẩm đóng hộp	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản và thực tế về những công đoạn chung và cơ bản nhất của qui trình chế biến thực phẩm đóng hộp.	2	HKII	Điểm báo cáo chuyên đề 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
588.	Công nghệ lạnh thực phẩm	Các phương pháp bảo quản giúp	2	HKII	Điểm chuyên cần 10%

		kéo dài thời hạn sử dụng của nguyên liệu tươi và các sản phẩm chế biến, giá trị dinh dưỡng của thực phẩm khi được bảo quản lạnh. tính toán các tổn thất nhiệt và tổng lượng nhiệt cần tiêu hao để làm lạnh khối thực phẩm nhất định. Biết được ảnh hưởng của quá trình tan giá đến sự thay đổi chất lượng thực phẩm...			Điểm kiểm tra giữa kỳ 20% Điểm thi kết thúc học phần 70%
589	Chế biến lương thực	Cung cấp các kiến thức cơ bản về cấu tạo và thành phần hóa học của một số nguyên liệu lương thực dạng hạt và dạng củ phổ biến. Cấu tạo và thành phần hóa học của các nguyên liệu lương thực dạng hạt và dạng củ. Kỹ thuật sản xuất tinh bột từ nguyên liệu dạng củ và dạng hạt, sản xuất tinh bột biến tính, gia công nước nhiệt hạt lương thực, Quy trình sản xuất bánh mì. Quy trình sản 20xuất mì sợi và mì ăn liền. Biết vận dụng các kiến thức đã học vào quá trình chế biến thực tế.	2	HKII	Điểm chuyên cần 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 60%
590	Độc chất học thực phẩm	Sinh viên biết được vai trò của độc chất học trong thực phẩm, phân loại các chất độc, phân loại các dạng ngộ độc, cơ chế xâm nhập của chất độc vào cơ thể người. . Giải thích được mối quan hệ giữa liều lượng và sự đáp lại của chất độc...	2	HKII	Điểm chuyên cần 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ 20% Điểm thi kết thúc học phần 70%
591	Phát triển sản phẩm mới	Sinh viên có kiến thức các loại sản phẩm mới, mức độ mới của sản phẩm thực phẩm. Có kiến thức về xây dựng chiến lược phát triển sản phẩm mới. Hiểu được tầm quan trọng của việc nghiên cứu và phát triển trong giai đoạn cạnh tranh khốc liệt hiện nay để tồn tại và phát triển	2	HKII	Điểm chuyên cần 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ 20% Điểm thi kết thúc học phần 70%
	KHÓA 11				
592	Enzim thực phẩm	Môn học cung cấp cho sinh viên	2	HKII	Điểm chuyên cần

		<p>kiến thức bao quát về enzyme và các ứng dụng của enzyme trong công nghệ thực phẩm, những tiến bộ mới nhất trong công nghệ, các quy trình sản xuất và sử dụng các chế phẩm enzyme thương mại.</p> <p>- Giúp cho sinh viên vận dụng được kiến thức của môn học trong đời sống và các môn khác.</p>			<p>10%</p> <p>Điểm báo cáo chuyên đề, bài tập nhóm 30%</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần 60%</p>
593.	Niên luận kỹ thuật thực phẩm	Vận dụng những kiến thức về các quá trình truyền để tự tính toán, thiết kế các thiết bị sử dụng trong ngành công nghệ thực phẩm. biết tính cân bằng vật chất và năng lượng. Các thông số kỹ thuật của quá trình công nghệ dựa trên lý thuyết cơ học lưu chất. Tính toán quá trình truyền nhiệt, truyền khối. Biết vẽ kỹ thuật các thiết bị công nghệ chính dung trong chế biến thực phẩm.	2	HKII	<p>Điểm quá trình làm việc 30%</p> <p>Điểm bảo vệ 70%</p>
594.	Đường lối Đảng cộng sản VN	Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội. Cùng với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta	3	HKII	<p>Điểm chuyên cần 10%</p> <p>Điểm kiểm tra giữ kỳ 30%</p> <p>Điểm thi kết thúc học phân 70%</p>
595.	Kỹ thuật thực phẩm I	Trang bị cho sinh viên các kiến thức nền tảng về các quá trình biến đổi cơ học của vật liệu rời, của lưu chất cũng như quá trình truyền nhiệt xảy ra trong thực phẩm. Sinh viên cần đạt được: Nắm vững bản chất quy trình công nghệ. Biết tính toán và thiết kế quy trình công nghệ và các thiết bị trong quy trình	4	HKII	<p>Dự lớp 5%</p> <p>Điểm báo cáo, viết bài thu hoạch 25%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ 10%</p> <p>Thi kết thúc học phân 60%</p>

596.	Kỹ thuật thực phẩm 3	Trình bày được các khái niệm về công nghệ sinh học, kỹ thuật hóa sinh học và các ưu nhược điểm. Nắm được kiến thức cơ bản về động học của phản ứng enzyme và các yếu tố ảnh hưởng, Trình bày được kỹ thuật thu hồi các sản phẩm của phản ứng enzyme và quá trình lên men. Nắm được tác dụng của các tác nhân vật lý, hóa học trong việc kháng vi sinh vật.	2	HKII	Điểm chuyên cần 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 60%
597.	Thống kê phép thí nghiệm CNTP	Trang bị cho sinh viên hiểu rõ các khái niệm cơ bản sử dụng trong phương pháp thông kê, hiểu và vận dụng được các phương pháp phân tích số liệu như phân tích mô tả, phân tích biểu đồ, phân tích phương sai, phân tích hồi qui. Giúp sinh viên có biết cách bố trí thí nghiệm, phân tích và giải thích kết quả từ các thí nghiệm phục vụ cho luận văn tốt nghiệp và nghiên cứu khoa học.	2	HKII	Điểm chuyên cần 10% Điểm thực hành 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ 20% Điểm thi kết thúc học phần 50%
598.	Hóa học thực phẩm	Trang bị cho học viên các kiến thức cơ bản về thành phần cấu tạo nên thực phẩm: nước, protein, lipid, glucid, chất màu, ... cũng như những biến đổi của các thành phần này trong quá trình chế biến và bảo quản nông sản thực phẩm. Giải thích các hiện tượng xảy ra khi chế biến và bảo quản, từ đó sinh viên có khái niệm sáng tạo nên những qui trình mới hoặc xử lý các biến đổi xảy ra trong thực phẩm theo chiều hướng mà mình mong muốn	3	HKII	Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
599.	Anh văn chuyên ngành CNTP	Các kiến thức chuyên môn các lĩnh vực CNTP. Hiểu và sử dụng các từ vựng chuyên ngành về công nghệ thực phẩm. Kiến thức về dịch thuật và viết tóm tắt bằng tiếng Anh.	2	HKII	Điểm chuyên cần 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 60%
CNTP 12					
600.	Hóa học ĐC	Vận dụng tốt kiến thức về cơ sở lý thuyết hóa học để có thể tự đọc – hiểu tài liệu, tài liệu điện tử cho	2	HKII	Điểm chuyên cần 10%

		việc cập nhật kiến thức nâng cao trình độ, giải quyết được các tình huống nghề nghiệp có cơ sở khoa học, đáp ứng tốt trong nghề nghiệp, Vận dụng tốt kiến thức về cơ sở lý thuyết thực hành hóa học để có thể tự đọc – hiểu tài liệu, tài liệu điện tử cho việc cập nhật kiến thức nâng cao trình độ, giải quyết được các tình huống nghề nghiệp có cơ sở khoa học, đáp ứng tốt trong nghề nghiệp.			Điểm thực hành, thực nghiệm 20% Điểm bài tập nhóm 5% Điểm kiểm tra giữa kỳ 5% Điểm thi kết thúc học phần 60%
601.	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin 2	Nắm được học thuyết giá trị của C. Mác. - Nắm được học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. - Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Những vấn đề chính trị – xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.- Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng của nó.	3	HKII	Chuyên cần 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 60%
602.	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe – Nói – Đọc – Viết và 3 kỹ năng phụ Ngữ pháp - Từ vựng – Phát âm giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi TOEIC quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản	4	HKII	Điểm bài tập, kiểm tra trên lớp 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
603.	Hóa phân tích	Cung cấp kiến thức tổng quan về hóa phân tích ứng dụng trong nuôi trồng thủy sản, Trang bị kiến thức về phương pháp thu và bảo quản mẫu môi trường nước trong ao nuôi thủy sản. Nguyên lý các phương pháp phân tích các yếu tố lý, hóa học của khoa học môi trường nước bao gồm phương pháp điện thế, phương pháp trọng lượng, phương pháp chuẩn độ, phương pháp so màu quang phổ. Cung cấp kiến thức về phương pháp đánh giá số liệu	2	HKII	Điểm chuyên cần 10% Điểm thực hành 20% Điểm kiểm tra giữa kỳ 20% Điểm thi kết thúc học phần 50%

		phân tích, đánh giá và bảo đảm chất lượng QA&QC cho phòng thí nghiệm			
604.	Kinh tế học ĐC	Cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về kinh tế học như nguồn lực khan hiếm, chi phí cơ hội của các tác nhân kinh tế và của nền kinh tế trong việc ra quyết định. Cung cấp cho sinh viên kiến thức ở góc độ vĩ mô thông qua việc phân tích một số biến số vĩ mô quan trọng như Tổng sản lượng, tăng trưởng, mức giá chung, mức nhân dụng, cán cân thanh toán...các kiến thức về các lựa chọn trong chính sách của chính phủ trong bối cảnh kinh tế ở Việt nam hiện nay	1	HKII	Điểm chuyên cần 10% Điểm bài tập cá nhân 10% Điểm bài tập nhóm 10% Điểm thi kết thúc học phần 70%
605	Giáo dục thể chất 2 (cầu long nâng cao 1)	Giúp cho sinh viên có khả năng nhận biết một số kỹ thuật cơ bản của cầu lông, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác để trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân và có thể hướng dẫn người chưa biết cùng tham gia tập luyện.	1	HKII	Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm kết thúc học phần 70%
606	Giáo dục thể chất 2 (bóng chuyền nâng cao 1)	Giúp cho sinh viên có khả năng nhận biết một số kỹ thuật cơ bản của bóng chuyền, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác để trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân và có thể hướng dẫn người chưa biết cùng tham gia tập luyện.	1	HKII	Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm kết thúc học phần 70%
607	Giáo dục thể chất 2 (bóng đá nâng cao 1)	Giúp cho sinh viên có khả năng vận dụng thành thạo một số kỹ thuật cơ bản của bóng đá, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác để trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân và có thể hướng dẫn người chưa biết cùng tham gia tập luyện.	1	HKII	Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm kết thúc học phần 70%
	NGÀNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG				
608.	Quản lý tài nguyên thiên nhiên trên cơ sở	Quản lý tài nguyên trên cơ sở phát triển cộng đồng là môn học xuất phát từ nhu cầu phát triển kinh tế xã	2	HK1/2017-2018	Điểm bài tập nhóm thuyết trình 40% Điểm thi kết thúc

	cộng đồng	hội nhưng phải quan tâm đến bảo vệ môi trường và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên nhằm hướng tới chiến lược phát triển bền vững. Môn học giúp cho học viên về kiến thức về cộng đồng, các yếu tố phát triển cộng đồng và phương pháp phân tích tổng hợp về bảo tồn tài nguyên thiên nhiên trên dựa vào cộng đồng.			học phần 60%
609.	Quản lý môi trường nông nghiệp và nông thôn	Quản lý môi trường nông nghiệp và nông thôn trang bị kiến thức và phương pháp phân tích tổng hợp về vấn đề môi trường trong các lĩnh vực canh tác nông nghiệp, các giải pháp, biện pháp hiệu quả và đề xuất chính sách phù hợp trong quản lý môi trường nông nghiệp nông thôn Việt nam và trên thế giới.	3	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
610.	Quản lý lưu vực	Nội dung chính của học phần cung cấp cho người học phương pháp thiết kế thủy lực công trình và khôi phục sông ngòi với các điều kiện ràng buộc của tự nhiên và con người	2	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
611.	Giáo dục truyền thông môi trường	Học phần giáo dục truyền thông môi trường là môn học tập trung vào công tác bảo vệ môi trường, hạn chế và khắc phục ô nhiễm môi trường xuất phát từ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội. Thiết kế và xây dựng chương trình truyền thông môi trường bao gồm nguyên nhân tác động và hậu quả của ô nhiễm môi trường do hoạt động nông nghiệp, công nghiệp, và chọn các đối tượng truyền thông như học sinh phổ thông, nông dân và cư dân đô thị.	2	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
612.	Đánh giá tác động môi trường	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản nhận diện, phân tích, đánh giá và dự báo các ảnh hưởng đến môi trường của dự án, đồng thời đề xuất các giải pháp thích hợp để bảo vệ môi trường.	2	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
613.	Công nghệ sinh học môi trường	Môn học đề cập đến những khái niệm môi trường, ô nhiễm môi trường, công nghệ sinh học môi trường trong xử lý nước thải, chất thải rắn và khí thải. ứng dụng	3	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%

		chính của phục hồi sinh học nhằm cải thiện môi trường tiến đến phát triển bền vững.			
614.	Thực tập giáo trình	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức thực tế về các công trình xử lý nước cấp, nước thải sinh hoạt, công trình chôn lấp rác và xử lý chất thải rắn. Rèn luyện kỹ năng khảo sát, thu mẫu, đo đạc mẫu tại hiện trường, bảo quản mẫu.	5	HK1.2017-2018	Điểm bài tập nhóm 50% Điểm viết bài báo cáo 50%
	KHÓA 9				
615.	Quản lý tài nguyên rừng	Sinh viên được trang bị các kỹ năng về phân tích, đánh giá thể chế, chính sách quản lý tài nguyên rừng, từ đó có thể vận dụng vào việc quản lý và phát triển nguồn tài nguyên quý giá này trong quản lý môi trường bền vững.	2	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
616.	TT. Quản lý tài nguyên rừng	Học phần tổ chức cho sinh viên đi thực tế ngoài trường để củng cố các kiến thức đã được học trong phần lý thuyết.. Chuyên đi thực tế còn rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tiếp cận thực tế và thái độ tích cực đối với tài nguyên thiên nhiên.	2	HK1.2017-2018	Điểm làm việc nhóm 40% Điểm viết bài và báo cáo 60%
617.	Công nghệ xử lý nước thải	Môn học đề cập đến những vấn đề cơ bản về các nguyên lý của các qui trình xử lý nước thải bằng phương pháp lý học, hóa học và sinh học.	3	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
618.	TT. Công nghệ xử lý nước thải	Môn học hướng dẫn thực hành xử lý nước thải trên các thiết bị và hệ thống xử lý thực tế. phân tích, nhận xét và đánh giá hiệu quả của phương pháp các kỹ năng về phân tích mẫu để đánh giá chất lượng nước và vận hành hệ thống xử lý. Các nội dung thực tập về xử lý nước thải bao gồm: keo tụ có hỗ trợ (polymer), oxy hóa (ozon, fenton), tuyển nổi (áp lực), bùn hoạt tính (SBR, USBF).	1	HK1.2017-2018	Điểm viết bài báo cáo 60% Điểm thi kết thúc thực hành 20% Điểm tổ chức nhóm phòng thí nghiệm 20%
619.	An toàn lao động và vệ sinh môi trường công nghiệp	Môn học đề cập đến những khái niệm cơ bản liên quan đến an toàn lao động, bảo hộ lao động, vệ sinh cho môi trường công nghiệp; đi sâu vào vấn đề giữ gìn vệ sinh môi trường làm việc, biện pháp phòng	2	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%

		chông ô nhiễm, tai nạn trong lao động; một số kỹ thuật an toàn khi sử dụng thiết bị công nghiệp cũng như bệnh nghề nghiệp và một số vấn đề về Phòng cháy chữa cháy cũng như luật về an toàn, vệ sinh lao động trong sản xuất và đời sống			
620.	Tài nguyên thiên nhiên và môi trường	Tổng quan về môi trường và tài nguyên thiên nhiên các khái niệm về tài nguyên thiên nhiên Các vấn đề cần quan tâm hiện nay ảnh hưởng đến tài nguyên, các biện pháp quản lý và bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Bảo vệ và phát triển bền vững nguồn tài nguyên: thách thức và giải pháp bảo vệ và phát triển bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường .	2	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
621.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Giúp sinh viên hình thành và phát triển tư duy khoa học, xây dựng giả thuyết nghiên cứu, tiến hành phương pháp thực nghiệm, đánh giá kết quả, thảo luận và trình bày kết quả nghiên cứu.	2	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
622.	Kiến thức bản địa và thích ứng biến đổi khí hậu	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về biến đổi khí hậu. Các tác động của biến đổi khí hậu đến kinh tế, xã hội và môi trường. Các giải pháp thích ứng với thiên tai do tác động của biến đổi khí hậu.	2	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
623.	KHÓA 10				
624.	Vi sinh vật môi trường	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về vi sinh vật trong môi trường đất, nước, không khí. Nguyên tắc và phương pháp ứng dụng vi sinh vật trong xử lý ô nhiễm môi trường, kỹ thuật xử lý nước thải; quản lý và xử lý chất thải rắn; quản lý và tái sử dụng chất thải hữu cơ.	2	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
625.	TT. Vi sinh vật môi trường	Thực hành những kiến thức cơ bản về phương pháp thu, bảo quản mẫu, các bước cơ bản trong sử dụng thiết bị trong phòng thí nghiệm vi sinh, cách chuẩn bị các hóa chất dùng để	1	HK1.2017-2018	Điểm thực hành nhóm 30% Điểm kiểm tra 30% Điểm thi kết thúc 40%

		hiệu chỉnh máy đo, các bước tiến hành hiệu chỉnh máy, các bước vận hành, các bước bảo trì khắc phục các lỗi cơ bản của máy đo.			
626.	Thủy văn	Đại cương về sông ngòi và sự hình thành dòng chảy mặt và dòng chảy ngầm Phân tích các yếu tố khí tượng, mặt đệm và con người tác động đến sự hình thành dòng chảy trên sông Nghiên cứu về thủy triều và sự xâm nhập mặn vùng Đồng bằng Sông Cửu long; Đặc tính thủy văn vùng ảnh hưởng thủy triều ở vùng nghiên cứu Đồng bằng sông Cửu long.	2	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
627.	Tiếng anh định hướng TOEIC 3	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe – Nói – Đọc – Viết và 3 kỹ năng phụ Ngữ pháp - Từ vựng – Phát âm giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi TOEIC quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản.	4	HK1.2017-2018	Điểm bài tập 10% Điểm kiểm tra 30% Điểm thi kết thúc học phần 60%
628.	Hệ thống thông tin địa lý viễn thám	Trang bị cho sinh viên các nguyên lý cơ bản của GIS, GPS và Viễn thám, Lịch sử phát triển khoa học viễn thám, GPS và GIS. Các vấn đề chung về như bức xạ điện từ, năng lượng bức xạ mặt trời, sự biến đổi năng lượng bức xạ mặt trời trong môi trường khí quyển, đặc trưng phản xạ phổ của các đối tượng tự nhiên như đất, nước, thảm thực vật và các yếu tố ảnh hưởng đến đặc trưng phản xạ phổ của các đối tượng tự nhiên	2	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
629.	Khoa học môi trường	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về tài nguyên thiên nhiên và môi trường, sự hiểu biết một cách hệ thống, toàn diện về các thành phần môi trường và mối quan hệ giữa các thành phần môi trường	2	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
630.	Sinh thái môi trường	Nội dung học phần gồm có 6 chương; Tổng quan về sinh thái học môi trường; cơ sở sinh thái học; một số hệ sinh thái điển hình liên quan đến bảo vệ môi trường; chỉ thị sinh thái của môi trường; sinh	2	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%

		quyền và đa dạng sinh học; một số hệ quả sinh thái và ô nhiễm môi trường.			
631.	Pháp luật và chính sách môi trường	Trang bị kiến thức cơ bản cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các điều luật và một số văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác bảo vệ môi trường ở Việt Nam. Tổng hợp và thống nhất về tài nguyên và môi trường thông qua hệ thống pháp luật, chính sách, thể chế.	2	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
632.	Giáo dục thể chất 3	-Ôn lại GDTC 1 và GDTC 2 đã học và tập luyện kỹ thuật trên lưới (chặn cầu và bỏ nhỏ cầu). chuẩn về rèn luyện thân thể. -Giúp cho sinh viên hoàn thiện một số động tác nâng cao trong bóng chuyền. Sinh viên có kiến thức về phương pháp trọng tài và có thể làm trọng tài trong các giải phong trào của đơn vị. -Giúp cho sinh viên có khả năng vận dụng thành thạo một số kỹ thuật cơ bản của bóng đá, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác để trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân và có thể hướng dẫn người chưa biết cùng tham gia tập luyện.	1	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
KHÓA 11					
633.	Tiếng anh định hướng TOEIC 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe – Nói – Đọc – Viết và 3 kỹ năng phụ Ngữ pháp - Từ vựng – Phát âm giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi TOEIC quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản.	4	HK1.2017-2018	Điểm bài tập 10% Điểm kiểm tra 30% Điểm thi kết thúc học phần 60%
634.	Toán cao cấp	Học phần gồm 5 chương: Chương 1 Giới hạn – Liên tục của hàm một biến. Chương 2 Phép tính vi phân hàm một biến. Chương 3 Phép tính tích phân hàm một biến. Chương 4 Đạo hàm – vi phân hàm nhiều biến bao gồm các kiến thức về giới hạn, liên tục, đạo hàm riêng, đạo hàm	3	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%

		hàm hợp, đạo hàm hàm ẩn, cực trị và giá trị nhỏ nhất – lớn nhất. Chương 5 Phương trình vi phân bao gồm đại cương về phương trình vi phân, phương trình vi phân cấp một, cấp hai.			
635.	Sinh học đại cương	Giới thiệu về các thành phần hóa học của tế bào. Cấu trúc tế bào so hạch và chân hạch. Đặc điểm cơ bản của tế bào động vật và thực vật, sự trao đổi chất và năng lượng ở sinh vật. Các khái niệm về khuếch tán, thẩm thấu, cơ nguyên sinh và phân cơ nguyên sinh, hiểu được sự sinh sản và sự phát triển của thực vật bậc cao.	2	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
636.	TT.Sinh học đại cương	Giới thiệu về các thành phần hóa học của tế bào. Cấu trúc tế bào so hạch và chân hạch. Đặc điểm cơ bản của tế bào động vật và thực vật, sự trao đổi chất và năng lượng ở sinh vật. Các khái niệm về khuếch tán, thẩm thấu, cơ nguyên sinh và phân cơ nguyên sinh, hiểu được sự sinh sản và sự phát triển của thực vật bậc cao	1	HK1.2017-2018	Điểm chuyên cần 10% Bài thu hoạch 40% Thi kết thúc thực hành 50%
637.	Khoa học môi trường	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về tài nguyên thiên nhiên và môi trường, sự hiểu biết một cách hệ thống, toàn diện về các thành phần môi trường và mối quan hệ giữa các thành phần môi trường	2	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
638.	Tin học căn bản	Cung cấp cho sinh viên khối kiến thức căn bản và các thuật ngữ cập nhật về môn TIN HỌC CĂN BẢN. Mục tiêu của học phần nhằm giúp sinh viên tiếp cận công nghệ thông tin và sử dụng thành thạo tin học văn phòng.	2	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
639.	TT. Tin học căn bản	Qua những bài thực hành trên máy vi tính, sinh viên sẽ ôn lại lý thuyết đã được cung cấp. Đồng thời, qua việc làm các bài thực hành sinh viên sẽ rèn luyện kỹ năng thao tác nhanh, chính xác các lĩnh vực đã được truyền đạt, thực hành các cách trình bày văn bản, thực hành các bài toán hoặc các vấn đề gắn với thực	2	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%

		tiền mà sinh viên sẽ giải quyết trong công việc văn phòng ở Công ty, Xí nghiệp hay Trường học...sau này.			
640.	Giáo dục thể chất 1	<p>Giúp cho sinh viên bước đầu làm quen với môn cầu lông, nắm vững cơ sở lý luận ban đầu về các động tác di chuyển, giao cầu và đánh cầu thấp tay trong môn cầu lông.</p> <p>Giúp cho sinh viên có khả năng nhận biết một số kỹ thuật cơ bản của bóng chuyền, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác để trên cơ sở đó</p> <p>Giúp cho sinh viên có khả năng nhận biết một số kỹ thuật cơ bản của bóng đá, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác để sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân và có thể hướng dẫn người chưa biết cùng tham gia tập luyện.</p>	1	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
KHÓA 12					
641.	Quản lý đa dạng sinh học	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đa dạng sinh học, quá trình suy thoái đa dạng sinh học, những kiến thức cơ bản về công tác bảo tồn, đa dạng sinh học của Việt Nam, mối quan hệ giữa bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển bền vững.	2	HK2.2017-2018	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
642.	Tiếng anh chuyên ngành	Học phần cung cấp cho sinh viên sự hiểu biết về tài nguyên thiên nhiên và môi trường, một cách hệ thống, toàn diện về các thành phần môi trường và mối quan hệ giữa các thành phần môi trường. Các vấn đề tài nguyên và môi trường và đề xuất biện pháp để hạn chế ô nhiễm và phát triển môi trường bền vững.	3	HK2.2017-2018	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
643.	Phương pháp khảo sát hiện trạng môi trường và đánh giá số liệu	<p>Khảo sát và thu thập thông tin để đánh giá hiện trạng môi trường.</p> <p>Phân tích định tính và định lượng số liệu thu thập được nhằm giải thích số liệu một cách khoa học và tin cậy.</p>	2	HK2.2017-2018	Điểm bài tập 25% Điểm bài tập nhóm 25% Điểm thi kết thúc học phần 50%
644.	Quản lý tài nguyên môi	Khái lược về sự phát triển và trình độ phát triển của các quốc gia; Các	2	HK2.2017-2018	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc

	trường và phát triển bền vững	thách thức về môi trường, xã hội và sự phát triển; Phát triển bền vững: tiến trình, khái niệm, nội dung, mô hình và các nguyên tắc phát triển bền vững; Các tiêu chí đánh giá tính bền vững; Phát triển bền vững ở Việt Nam: Agenda 21 của Việt Nam; 5 năm phát triển bền vững: thành tựu và thách thức; Định hướng phát triển bền vững giai đoạn 2011-2020 và các chỉ tiêu đánh giá.			học phần 70%
645.	Quản lý chất lượng môi trường	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về việc xây dựng, tổ chức của một dự án đầu tư, đặc biệt là dự án môi trường. Vận dụng được các kiến thức và kỹ năng về QLDA để phân tích, xây dựng dự quản lý môi trường.	2	HK2.2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
646.	Quy hoạch môi trường	Trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản về quy hoạch môi trường, nội dung của một bản quy hoạch môi trường và một số công cụ, phương pháp sử dụng trong quy hoạch môi trường.	2	HK2.2017-2018	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
647.	Quan trắc và phân tích môi trường	Môn học sẽ cung cấp cho sinh viên những khái niệm và kiến thức cơ bản trong quan trắc và phân tích môi trường. Những yêu cầu, nguyên tắc cơ bản để thiết kế chương trình quan trắc và phân tích môi trường và những nguyên tắc cơ bản trong kiểm soát, đảm bảo chất lượng trong quan trắc và phân tích môi trường.	2	HK2.2017-2018	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
648.	TT. Quan trắc và phân tích môi trường	Môn học sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng trong khảo sát, phân tích vấn đề để xác định mục tiêu và xây dựng kế hoạch quan trắc môi trường cụ thể trong thực tế trường	2	HK2.2017-2018	Điểm chuyên cần 10% Điểm bài tập nhóm 40% Điểm thi thực hành 50%
	KHÓA 10				
649.	Quản lý tài nguyên rừng	Sinh viên được trang bị các kỹ năng về phân tích, đánh giá thể chế, chính sách quản lý tài nguyên rừng, từ đó có thể vận dụng vào việc quản lý và phát triển nguồn tài nguyên quý giá này trong quản lý môi trường bền vững.	2	HK2.2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%

650.	TT Quản lý tài nguyên rừng	Học phần tổ chức cho sinh viên đi thực tế ngoài trường để củng cố các kiến thức đã được học trong phần lý thuyết.. Chuyên đi thực tế còn rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tiếp cận thực tế và thái độ tích cực đối với tài nguyên thiên nhiên.	2	HK2.2017-2018	Điểm làm việc nhóm 40% Điểm viết bài và báo cáo 60%
651.	Quản lý tài nguyên nước	Học phần được thiết kế nhằm giúp người học có kiến thức về quá trình thủy văn trong tự nhiên, trong đó tập trung vào động thái tài nguyên nước trên hệ thống sông. công tác quản lý tài nguyên nước cũng được đề cập trong bài giảng, cũng như những nguyên nhân chính gây ô nhiễm nguồn nước, các chỉ tiêu ô nhiễm nước và một số phương pháp xử lý nước đơn giản.	2	HK2.2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
652.	Quản lý tài nguyên đất	Giúp sinh viên nắm bắt được sự liên quan giữa đất đai và sử dụng đất đai với các yếu tố tác động trong hệ thống sử dụng đất đai. Sự phân chia sử dụng đất đai trong các vùng có điều kiện tự nhiên khác nhau và các công cụ quản lý nguồn tài nguyên đất đai.	2	HK2.2017-2018	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
653.	Kinh tế tài nguyên môi trường	Môn học Kinh tế Môi trường trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế học trong lĩnh vực môi trường, tài nguyên, các quan điểm về phát triển bền vững, và các quy tắc ứng xử với môi trường, tài nguyên những tác động của hệ kinh tế đến môi trường, lý giải được các nguyên nhân kinh tế của ô nhiễm và suy thoái môi trường đề ra những biện pháp kinh tế nhằm làm chậm lại, chấm dứt hoặc đảo ngược tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường	2	HK2.2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
654.	Hóa học môi trường	Môn học hóa môi trường trang bị cho sinh viên kiến thức về các quá trình hóa học cơ bản xảy ra trong môi trường: đất - nước - không khí và ảnh hưởng của các hoạt động của con người đến các quá trình này. Các phản ứng quang hóa, phản ứng tạo phức trong đất, sự tồn lưu của dư lượng thuốc BVTV trong	2	HK2.2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%

		môi trường,...			
655.	TT. Hóa học môi trường	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức để xác định các thông số chất lượng môi trường cơ bản. Sinh viên được thực hành phương pháp thu và bảo quản mẫu tại hiện trường, đo đạc nhanh một số yếu tố chất lượng môi trường trực tiếp tại nơi lấy mẫu, thực hành đo đạc các thông số môi trường tại phòng thí nghiệm, tính toán các kết quả phân tích, so sánh đánh giá với các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.	2	HK2.2017-2018	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
656.	Sinh vật chỉ thị môi trường	Giúp sinh viên nắm vững vai trò, cấu trúc và chức năng của sinh vật chỉ thị trong hệ sinh thái, môi trường chúng đang sống. Từ đó giúp sinh viên nhận diện và xử lý ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí. Góp phần quản lý tốt môi trường ổn định và bền vững.	2	HK2.2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
657.	Quản lý chất thải rắn	Môn học cung cấp các kiến thức về quản lý tổng hợp chất thải rắn cho sinh viên. Ngoài ra môn học còn trình bày các qui trình xử lý chất thải rắn như thiêu huỷ, ép kiện, ủ phân compost, đốt hợp vệ sinh... các trang thiết bị sử dụng trong việc xử lý chất thải rắn, nguyên lý vận hành và tiêu chuẩn lựa chọn các trang thiết bị được trình bày chi tiết trong bài giảng.	2	HK2.2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
658.	Đường lối CM của ĐCSVN	Môn học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam; Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); Đường lối công nghiệp hóa; Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng	3	HK2.2017-2018	Điểm chuyên cần 10% Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 60%

		xã hội chủ nghĩa; Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; Đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; Đường lối đối ngoại			
	KHÓA 11				
659	Tiếng Việt thực hành	Bài 1, SV sẽ học một số vấn đề về chữ viết tiếng Việt và rèn luyện kỹ năng về chính tả, cách sửa những lỗi chính tả thường gặp. Bài 2, rèn luyện kỹ năng dùng từ, chữa các lỗi thông thường về dùng từ. Bài 3, câu và rèn luyện kỹ năng về câu, các lỗi thường gặp về dấu câu và câu. Bài 4, tạo lập và tiếp nhận đoạn văn, các phép liên kết, các lỗi thường gặp trong đoạn văn. Bài 5, tạo lập và tiếp nhận văn bản.	2	HK2.2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
660	Hóa học đại cương	Các khái niệm cơ bản như: thành phần cấu tạo nên vật chất: nguyên tử, phân tử, phân tử cấu trúc, thành phần các hợp chất và các kiểu liên kết hóa học, quá trình nhiệt động lực học, động học xảy ra trong phản ứng hóa học, khảo sát dung dịch, nồng độ dung dịch, điện hóa học, ứng dụng của hóa học và dòng điện. Giới thiệu đặc điểm, trạng thái, tính chất lý, hóa của một số các nguyên tố hóa học điển hình thuộc nhóm A và nhóm B. Các lý thuyết về kiến thức xử lý số liệu, cách thức sử dụng dụng cụ - hóa chất vô cơ. Các thí nghiệm kiểm chức và khám phá các vấn đề thực tiễn để đối chiếu với lý thuyết về hóa học cơ bản.	2	HK2.2017-2018	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
661	TT.Hóa học đại cương	Các thí nghiệm kiểm chức và khám phá các vấn đề thực tiễn để đối chiếu với lý thuyết về hóa học cơ bản Hiểu được các kiến thức chuyên ngành trong thực tập thực tế thí nghiệm phân tích. Vận dụng tốt kiến thức về cơ sở lý thuyết thực hành hóa học để có thể tự đọc – hiểu tài liệu, tài liệu điện tử cho việc cập nhật kiến thức nâng cao trình độ, giải quyết được các	1	HK2.2017-2018	Điểm bài tập nhóm 20% Điểm chuyên cần 20% Điểm thi thực hành 60%

		ình huống nghề nghiệp có cơ sở khoa học, đáp ứng tốt trong nghề nghiệp.			
662.	Những NLCB của CN Mác-Lênin 2	Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu môn tu tưởng Hồ Chí Minh và môn đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam và các môn khoa học pháp lý. Sự Hình thành và phát triển (một bước) năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội. Phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng...	3	HK2.2017-2018	Điểm chuyên cần 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 60%
663.	Luật môi trường	Trang bị kiến thức cơ bản cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các điều luật và một số văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác bảo vệ môi trường ở Việt Nam. Và thống nhất về tài nguyên và môi trường thông qua hệ thống pháp luật, chính sách, thể chế.	2	HK2.2017-2018	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
664.	Tiếng Anh định hướng TOEIC 2	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe – Nói – Đọc – Viết và 3 kỹ năng phụ Ngữ pháp - Từ vựng – Phát âm giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi TOEIC quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản.	4	HK2.2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
665.	Giáo dục thể chất 2	Giúp cho sinh viên có khả năng nhận biết một số kỹ thuật cơ bản của cầu lông, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác để trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân và có thể hướng dẫn người chưa biết cùng tham gia tập luyện.	1	HK2.2017-2018	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
666.	KHÓA 12				
667.	NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI				
668.	Hệ sinh thái đất ngập nước	Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về các khái niệm cơ bản	2	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%

		về hệ sinh thái đất ngập nước; phân biệt giữa hệ sinh thái ngập nước và các hệ sinh thái khác, hiểu được các tính chất thủy văn, địa - sinh - hoá học trong đất, tính đa dạng sinh học của đất ngập nước. Vấn đề phân loại đất ngập nước trên thế giới và ở Việt Nam, giới thiệu hệ thống phân loại đất ngập nước áp dụng cho Việt Nam. vai trò quan trọng của hệ sinh thái đất ngập nước trong việc duy trì, bảo vệ môi trường và đời sống của con người. Các đặc điểm cơ bản của đất ngập nước Việt Nam bao gồm sự phân bố, chức năng và giá trị, đa dạng sinh học, các đe dọa đến sự phát triển bền vững đất ngập nước Việt Nam.			
669.	Phân hạng và định giá đất	Cung cấp kiến thức cơ bản về công tác phân hạng đất; xác định giá đất, các phương pháp định giá đất	2	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
670.	Thanh tra và giải quyết tranh chấp đất đai	Sinh viên nắm được toàn bộ hệ thống thanh tra các cấp các ngành, các nguyên tắc cơ bản của công tác thanh tra và biết tổ chức các cuộc thanh tra đất đai, giải quyết tranh chấp đất đai ở các cấp.	3	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
671.	Nông nghiệp sạch và bền vững	Môn học nhằm trang bị cho sinh viên các vấn đề sản phẩm nông nghiệp sạch và quy trình sản xuất để đảm bảo được chất lượng của sản phẩm, bảo vệ môi trường	2	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
672.	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin địa chính	phân tích hệ thống thông tin chuyên ngành tài nguyên và môi trường theo mô hình thực thể kết hợp; Phương pháp chuyển đổi mô hình phân tích sang cơ sở dữ liệu quan hệ; Phương pháp thiết kế giao diện hệ thống.	2	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
673.	TT. Giáo trình	Qua chuyển thực tập sinh viên có sự đối chiếu giữa lý thuyết và thực tế để bổ sung hoàn thiện kiến thức có thể ứng dụng sau khi tốt nghiệp.	2	HK1.2017-2018	Điểm báo cáo nhóm 40% Viết báo cáo cá nhân 60%
674.	Rèn nghề Quản lý đất đai	Môn học giúp sinh viên tự ôn lại các kiến thức chuyên ngành như	2	HK1.2017-2018	Nhận xét của cơ quan thực tập 20% Viết bài báo cáo

		đăng ký đất đai, quy hoạch sử dụng đất, luật đất đai, đo đạc địa chính,...từ đó vận dụng các kiến thức trên vào xử lý công việc thực tế một cách hiệu quả, đồng thời nắm bắt được cơ cấu chức năng, nhiệm vụ tại cơ quan quản lý nhà nước về đất đai.			80%
	KHÓA 9				
675	Quản lý và phân tích thị trường nhà đất	Tổng quát về sự phát triển của thị trường bất động sản hiện nay trên thế giới và ở Việt Nam, phân tích xu hướng phát triển và mối quan hệ giữa cung cầu và giá cả trong thị trường bất động sản	2	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
676	Lưu trữ và quản lý hồ sơ địa chính	Công tác lưu trữ và bảo quản hồ sơ địa chính là bảo quản tài liệu không bị hư hỏng, đảm bảo nguyên vẹn là điều bắt buộc, ngoài ra việc cung cấp dữ liệu địa chính cho các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong việc đăng ký đất đai, thanh tra và giải quyết tranh chấp đất đai,...là hết sức cần thiết trong ngành quản lý đất đai	2	HK1.2017-2018	Điểm bài tập nhóm 25% Điểm thực hành 15% Điểm thi kết thúc học phần 70%
677	Anh văn chuyên ngành –QLDD	Trang bị cho sinh viên các thuật ngữ chuyên ngành về quản lý đất đai, giúp sinh viên hiểu biết các thuật ngữ chính thường sử dụng trong các tài liệu chuyên ngành, tạo tiền đề, giúp cho sinh viên có thể đọc hiểu, dịch được các tài liệu anh văn chuyên ngành.	2	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
678	Bạc màu và bảo vệ đất đai	Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức hiểu biết các tiến trình bạc màu đất, phân biệt các loại hình bạc màu đất khác nhau và biết đánh giá, quản lý tốt tài nguyên đất đai.	2	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
679	Viễn thám ứng dụng trong địa chính	Tìm hiểu về việc tăng cường chất lượng ảnh, nắn chỉnh hình học và tăng cường chất lượng ảnh, xử lý ảnh và đánh giá độ chính xác sau phân loại...Đặc biệt là sử dụng phần mềm ENVI. Phân loại các đối tượng trên ảnh và khảo sát thực địa đánh giá độ chính xác.	2	HK1.2017-2018	Điểm bài tập nhóm 25% Điểm giữa kỳ 25% Điểm thi kết thúc học phần 50%
680	Đo đạc địa chính	Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên về cách đo đạc mặt đất để xác định	2	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc

		hình dáng, kích thước Trái Đất, biểu diễn mặt đất thành bản đồ, đo đạc bố trí các công trình. Người học được trang bị các kiến thức cơ bản về trái đất, hệ tọa độ, độ cao.			học phần 60%
681.	TT. Đo đạc địa chính	Giúp cho sinh viên hiểu được nguyên lý đo góc, đo khoảng cách, đo cao và xử lý kết quả đo; Thành lập lưới khống chế tọa độ mặt phẳng và độ cao phục vụ đo đạc bản đồ địa chính; Các phương pháp đo vẽ thành lập bản đồ địa chính.	2	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc 60%
682.	Đánh giá đất	Giúp sinh viên nắm bắt được các đặc tính đất đai. Sự liên quan giữa đất đai và sử dụng đất đai với các yếu tố tác động trong hệ thống sử dụng đất đai	2	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
KHÓA 10					
683.	Địa chất	Học phần này cung cấp cho SV những kiến thức để có thể giải thích các hiện tượng trong tự nhiên có liên quan đến địa chất như tác dụng của dòng nước chảy trên mặt; tác dụng của biển hay tác dụng của không khí đối với đá và tinh khoáng.	2	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
684.	Thổ nhưỡng	Học phần cũng cung cấp kiến thức cho sinh viên liên quan đến phân loại và khảo sát lập bản đồ đất. khả năng tự phân tích và đánh giá các chỉ tiêu lý, hóa đất cơ bản cũng như nhận diện được một hình thái phẫu diện đất, trong đó tập trung nhận diện tầng phen và tầng sinh phen.	3	HK1.2017-2018	Điểm bài tập hóm 20% Điểm thực hành 20% Điểm thi kết thúc học phần 60%
685.	Tiếng Anh định hướng TOECI 3	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe – Nói – Đọc – Viết và 3 kỹ năng phụ Ngữ pháp - Từ vựng – Phát âm giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi TOEIC quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản.	4	HK1.2017-2018	Điểm bài tập 10% Điểm kiểm tra 30% Điểm thi kết thúc học phần 60%
686.	Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn	Hướng dẫn sinh viên thu thập số liệu từ nông dân/các mô hình sản xuất nông nghiệp và việc thiết lập mô hình toán học, một số vấn đề phát triển nông thôn liên quan đến phát triển kinh tế sản xuất và tiêu thụ nông sản.	2	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%

687	Phi nhiều đất	Môn học nhằm trang bị cho sinh viên các vấn đề cơ bản về dinh dưỡng trong đất có liên quan với cây trồng, chẩn đoán được hàm lượng chất dinh dưỡng trong đất cây thông qua các phương pháp phân tích đất-cây, hiểu được sự chuyển biến các chất dinh dưỡng trong đất, các biện pháp quản lý độ phì nhiêu đất và đặc điểm các loại phân bón thông dụng và phương pháp bón phân.	3	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
688	Giáo dục thể chất 3	-Ôn lại GDTC 1 và GDTC 2 đã học và tập luyện kỹ thuật trên lưới (chặn cầu và bỏ nhỏ cầu). chuẩn về rèn luyện thân thể. -Giúp cho sinh viên hoàn thiện một số động tác nâng cao trong bóng chuyền. Sinh viên có kiến thức về phương pháp trọng tài và có thể làm trọng tài trong các giải phong trào của đơn vị. -Giúp cho sinh viên có khả năng vận dụng thành thạo một số kỹ thuật cơ bản của bóng đá, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác để trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân và có thể hướng dẫn người chưa biết cùng tham gia tập luyện.	1	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
KHÓA 11					
689	Giáo dục thể chất 1	Giúp cho sinh viên bước đầu làm quen với môn cầu lông, nắm vững cơ sở lý luận ban đầu về các động tác di chuyển, giao cầu và đánh cầu thấp tay trong môn cầu lông. Giúp cho sinh viên có khả năng nhận biết một số kỹ thuật cơ bản của bóng chuyền, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác để trên cơ sở đó Giúp cho sinh viên có khả năng nhận biết một số kỹ thuật cơ bản của bóng đá, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác để sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân và có thể hướng dẫn người	1	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%

		chưa biết cùng tham gia tập luyện.			
690	Toán cao cấp	Học phần gồm 5 chương: Chương 1 Giới hạn – Liên tục của hàm một biến. Chương 2 Phép tính vi phân hàm một biến. Chương 3 Phép tính tích phân hàm một biến. Chương 4 Đạo hàm – vi phân hàm nhiều biến bao gồm các kiến thức về giới hạn, liên tục, đạo hàm riêng, đạo hàm hàm hợp, đạo hàm hàm ẩn, cực trị và giá trị nhỏ nhất – lớn nhất. Chương 5 Phương trình vi phân bao gồm đại cương về phương trình vi phân, phương trình vi phân cấp một, cấp hai.	3	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
691	Tin học căn bản	Cung cấp cho sinh viên khối kiến thức căn bản và các thuật ngữ cập nhật về môn TIN HỌC CĂN BẢN. Mục tiêu của học phần nhằm giúp sinh viên tiếp cận công nghệ thông tin và sử dụng thành thạo tin học văn phòng.	2	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
692	TT. Tin học căn bản	Qua những bài thực hành trên máy vi tính, sinh viên sẽ ôn lại lý thuyết đã được cung cấp. Đồng thời, qua việc làm các bài thực hành sinh viên sẽ rèn luyện kỹ năng thao tác nhanh, chính xác các lĩnh vực đã được truyền đạt, thực hành các cách trình bày văn bản, thực hành các bài toán hoặc các vấn đề gần với thực tiễn mà sinh viên sẽ giải quyết trong công việc văn phòng ở Công ty, Xí nghiệp hay Trường học...sau này.	2	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
693	Kinh tế học đại cương	Môn học Kinh tế học đại cương được tổ chức giảng dạy tập trung các nội dung căn bản sau: (1) các nguyên lý căn bản của cung cầu hàng hóa trong nền kinh tế thị trường, (2) các nguyên tắc tối ưu của người tiêu dùng và người sản xuất, (3) Môn học này cũng cung cấp cách thức vận hành của nền kinh tế trong các thị trường cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền, cạnh	2	HK1.2017-2018	Điểm chuyên cần 10% Điểm bài tập 10% Điểm bài tập nhóm 10% Điểm thi kết thúc học phần 70%

		tranh độc quyền, độc quyền nhóm (4) Ngoài ra, các vấn đề ở góc độ tổng thể cũng đưa ra nghiên cứu như Tăng trưởng trong Tổng sản lượng, Giá cả, việc làm, lãi suất, các chính sách ổn định của Chính phủ.			
694	Tiếng Anh định hướng TOEIC I	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe – Nói – Đọc – Viết và 3 kỹ năng phụ Ngữ pháp - Từ vựng – Phát âm giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi TOEIC quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản.	4	HK1.2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
KHÓA 12					
695	Quy hoạch phân bổ sử dụng đất	Trang bị cho sinh viên về phương pháp quy hoạch sử dụng đất đai, công cụ hỗ trợ cho quá trình lập quy hoạch sử dụng đất; giúp sinh viên nhận thức được các quan điểm quan trọng trong quy hoạch và sử dụng đất đai sự tham gia và vai trò của các chủ thể trong quy hoạch sử dụng đất đai. Những quy trình lập quy hoạch sử dụng đất đai bền vững.	3	HK2.2017-2018	Điểm bài tập nhóm 25% Điểm thực hành 15% Điểm thi kết thúc học phần 60%
696	Môi trường và sự phát triển đô thị	Học phần môi trường và phát triển đô thị được xây dựng nhằm cung cấp cho sinh viên có kiến thức tổng hợp về môi trường, các công cụ, phương pháp, kỹ thuật, tầm nhìn chiến lược trong quản lý môi trường trường đô thị và khu công nghiệp.	2	HK2.2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
697	Sinh thái môi trường và sự biến đổi khí hậu	Học phần bao gồm những khái niệm cơ bản về môi trường, sinh thái, cơ sở về khoa học khí hậu và thiên tai. Phân tích tình hình biến đổi khí hậu trên thế giới và Việt Nam, bao gồm các tác động, cách thích nghi và cách ứng phó.	2	HK2.2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
698	Pháp luật và thanh tra đất đai	Học phần gồm 3 chương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, một số thuật ngữ liên quan đến công tác thanh tra đất đai. Công tác giám sát, thanh tra đất đai và các bước cụ thể tiến hành một cuộc	2	HK2.2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%

		thanh tra			
699	Quy hoạch phát triển nông thôn và đô thị	Nội dung học phần cung cấp các kiến thức về việc phân tích chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, phân bố dân cư và lao động, cải tạo và phát triển mạng lưới cư dân, hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ môi trường để làm cơ sở để quy hoạch xây dựng phát triển đô thị và nông thôn. Những nội dung cơ bản có tính chất nguyên lí thiết kế quy hoạch xây dựng đô thị và sự phân hóa trong nông thôn, nguyên nhân và tình trạng nghèo đói ở nông thôn.	3	HK2.2017-2018	Điểm bài tập nhóm 25% Điểm thực hành 15% Điểm thi kết thúc học phần 60%
700	Quản lý đánh giá tác động môi trường	Hiện nay đánh giá tác động môi trường là khâu tất yếu phải có trong các thủ tục xét duyệt các dự án phát triển và quản lý các cơ sở sản xuất đang hoạt động. Môn học này hướng dẫn sinh viên nhận diện, phân tích, đánh giá và dự báo các ảnh hưởng đến môi trường của dự án, đồng thời đề xuất các giải pháp thích hợp để bảo vệ môi trường	2	HK2.2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
701	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu địa chính	Phần lý thuyết gồm các nội dung liên quan về hệ quản trị cơ sở dữ liệu; quản lý người dùng trên hệ quản trị SQL Server; phương pháp tổ chức dữ liệu quản lý hồ sơ địa chính trên SQL Server; lý thuyết về xuất nhập dữ liệu ViLIS qua mạng máy tính. Phần thực tập gồm 5 bài thực tập với 3 nội dung chính: (i) Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và quản lý người dùng trên SQL Server; (ii) Cài đặt, thiết lập cấu hình cho phần mềm quản lý hồ sơ địa chính ViLIS. (iii) Khai thác nâng cao cơ sở dữ liệu địa chính bằng các công cụ quản lý dữ liệu trực tiếp.	2	HK2.2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
KHÓA 10					
702	Hệ thống thông tin địa lý GIS	Trang bị cho các em các kiến thức về thành phần, các chức năng của một hệ thống thông tin địa lý (GIS),	2	HK2.2017-2018	Điểm bài tập nhóm 25% Điểm thực hành

		kỹ năng về xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu địa lý, các chức năng phân tích dữ liệu không gian cũng như phi không gian, quá trình xây dựng và biên tập bản đồ chuyên đề trên một phần mềm GIS phổ dụng, đồng thời giới thiệu một số ứng dụng của hệ thống thông tin địa lý trong quản lý Môi trường & TNTN, quản lý đất đai.			15% Điểm thi kết thúc học phần 60%
703	Luật đất đai	Môn học trang bị những kiến thức cơ bản về Luật đất đai, ở Việt Nam, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của luật đất đai, các nguyên tắc cơ bản của luật đất đai, quan hệ pháp luật đất đai, nguồn của luật đất đai. Chế độ quản lý nhà nước đối với đất đai như hệ thống cơ quan quản lý nhà nước đối với đất đai, nội dung quản lý nhà nước đối với đất đai, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, chế độ sử dụng đất, giải quyết tranh chấp đất đai.	3	HK2.2017-2018	Điểm bài tập nhóm 25% Điểm bài tập cá nhân 15% Điểm thi kết thúc học phần 60%
704	Viễn thám 1	Giới thiệu về lịch sử ngành viễn thám, tìm hiểu về nguyên tắc hoạt động của các vệ tinh viễn thám khác nhau, ứng dụng của viễn thám ở các lĩnh vực, phân biệt các loại ảnh viễn thám, phương pháp xây dựng chìa khóa giải đoán và giải đoán ảnh bằng mắt thường. Giải đoán ảnh trên địa bàn Thành phố Cần Thơ và điều tra thực tế về các đối tượng giải đoán được để hoàn thành bản đồ chuyên đề.	2	HK2.2017-2018	Điểm bài tập nhóm 25% Điểm thực hành 15% Điểm thi kết thúc học phần 60%
705	Quản lý nhà nước về đất đai	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về công tác quản lý hành chính nhà nước, quản lý nhà nước về đất đai; quá trình phát triển về công tác quản lý nhà nước về đất đai qua các thời kỳ. Hiểu và nắm vững 13 nội dung quản lý nhà nước về đất đai	2	HK2.2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
706	Biến đổi khí hậu và thích ứng	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về biến đổi khí hậu. Các tác động của biến đổi khí hậu đến kinh tế, xã hội và môi trường. Các giải pháp thích ứng với thiên tai do tác động của biến đổi khí hậu. Các kiến thức bản địa	2	HK2.2017-2018	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%

		trong thích ứng biến đổi khí hậu trên thế giới và ở Việt Nam.			
707	Kỹ thuật bản đồ địa chính	Trang bị cho các em các kiến thức về bản đồ, và cả phương pháp chung cho việc thành lập Bản đồ địa chính không thể thiếu trong quản lý đất đai, việc nắm được cơ sở toán học bản đồ địa chính, quy phạm thành lập bản đồ địa chính là hết sức cần thiết cho sinh viên ngành quản lý đất đai, đồng thời hướng dẫn việc chỉnh lý biến động thành lập hồ sơ thửa đất phục vụ cập nhật hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	3	HK2.2017-2018	Điểm bài tập nhóm 20% Điểm thực hành 20% Điểm thi kết thúc học phần 60%
708	Đánh giá đất	Trang bị cho sinh viên về phương pháp đánh giá khả năng thích nghi của đất đai, từ đó làm cơ sở cho sinh viên phân chia sử dụng đất đai trong thực tế Sự liên quan giữa đất đai và sử dụng đất đai với các yếu tố tác động trong hệ thống sử dụng đất đai.	2	HK2.2017-2018	Điểm bài tập nhóm 25% Điểm thực hành 15% Điểm thi kết thúc học phần 60%
709	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu địa chính	Phần lý thuyết gồm các nội dung liên quan về hệ quản trị cơ sở dữ liệu; quản lý người dùng trên hệ quản trị SQL Server; phương pháp tổ chức dữ liệu quản lý hồ sơ địa chính trên SQL Server; lý thuyết về xuất nhập dữ liệu ViLIS qua mạng máy tính. Phần thực tập gồm 5 bài thực tập với 3 nội dung chính: (i) Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và quản lý người dùng trên SQL Server; (ii) Cài đặt, thiết lập cấu hình cho phần mềm quản lý hồ sơ địa chính ViLIS. (iii) Khai thác nâng cao cơ sở dữ liệu địa chính bằng các công cụ quản lý dữ liệu trực tiếp.	2	HK2.2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
710	Đường lối CM của ĐCSVN	Môn học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam; Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và	3	HK2.2017-2018	Điểm chuyên cần 10% Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 60%

		<p>cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); Đường lối công nghiệp hóa; Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; Đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; Đường lối đối ngoại</p>			
	KHÓA 11				
711	Tiếng Việt thực hành	<p>Bài 1, SV sẽ học một số vấn đề về chữ viết tiếng Việt và rèn luyện kỹ năng về chính tả, cách sửa những lỗi chính tả thường gặp. Bài 2, rèn luyện kỹ năng dùng từ, chữa các lỗi thông thường về dùng từ. Bài 3, câu và rèn luyện kỹ năng về câu, các lỗi thường gặp về dấu câu và câu. Bài 4, tạo lập và tiếp nhận đoạn văn, các phép liên kết, các lỗi thường gặp trong đoạn văn. Bài 5, tạo lập và tiếp nhận văn bản.</p>	2	HK2.2017-2018	<p>Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%</p>
712	Hóa phân tích	<p>cung cấp cho sinh viên các phương pháp phân tích từ cổ điển đến các phương pháp hiện đại, cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các phản ứng hóa học, nồng độ dung dịch, phương pháp chuẩn bị nồng độ dung dịch trong phòng thí nghiệm. Phương pháp thu mẫu và bảo quản mẫu và nguyên lý vật lý, hóa học trong đất., khả năng phân tích số liệu phân tích đạt được, đánh giá được những tác động của sai số trong phân tích.</p>	3	HK2.2017-2018	<p>Điểm chuyên cần 20% Điểm thực hành 30% Điểm thi kết thúc học phần 50%</p>
713	Những NLCB của CN Mác-Lênin 2	<p>Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu môn tu tưởng Hồ Chí Minh và môn đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam và các môn khoa học pháp lý. Sự Hình thành và phát triển (một bước) năng lực thu thập thông tin, kỹ năng</p>	3	HK2.2017-2018	<p>Điểm chuyên cần 10% Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 60%</p>

		tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội. Phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng...			
714	Tiếng Anh định hướng TOEIC 2	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe – Nói – Đọc – Viết và 3 kỹ năng phụ Ngữ pháp – Từ vựng – Phát âm giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi TOEIC quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản.	4	HK2.2017-2018	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
715	Giáo dục thể chất 2	Giúp cho sinh viên có khả năng nhận biết một số kỹ thuật cơ bản của cầu lông, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác để trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân và có thể hướng dẫn người chưa biết cùng tham gia tập luyện.	1	HK2.2017-2018	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
	THỨ Y				
	KHÓA 12				
716	Giáo dục thể chất 1 (bóng đá cơ bản)	Giúp cho sinh viên có khả năng nhận biết một số kỹ thuật cơ bản của bóng đá, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác để trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân và có thể hướng dẫn người chưa biết cùng tham gia tập luyện.	1	HK1	Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
717	Giáo dục thể chất 1 (bóng chuyền cơ bản)	Giúp cho sinh viên có khả năng nhận biết một số kỹ thuật cơ bản của bóng chuyền, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác để trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân và có thể hướng dẫn người chưa biết cùng tham gia tập luyện.	1	HK1	Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
718	Giáo dục thể chất 1 (cầu lông cơ bản)	Giúp cho sinh viên bước đầu làm quen với môn cầu lông, nắm vững cơ sở lý luận ban đầu về các động tác di chuyển, giao cầu và đánh cầu thấp tay trong môn cầu lông. Từ đó	1	HK1	Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%

		giúp sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân đạt tiêu chuẩn về rèn luyện thân thể.			
719	Toán cao cấp	sinh viên phải hiểu và giải thích được các khái niệm.	3	HKI	Chuyên cần 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 60%
720	Tin học căn bản	Cung cấp cho sinh viên khối kiến thức căn bản và các thuật ngữ cập nhật về môn TIN HỌC CĂN BẢN. Mục tiêu của học phần nhằm giúp sinh viên tiếp cận công nghệ thông tin và sử dụng thành thạo tin học văn phòng.	2	HKI	Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
721	TT. Tin học căn bản	Qua những bài thực hành trên máy vi tính, sinh viên sẽ ôn lại lý thuyết đã được cung cấp. Đồng thời, qua việc làm các bài thực hành sinh viên sẽ rèn luyện kỹ năng thao tác nhanh, chính xác các lĩnh vực đã được truyền đạt, thực hành các cách trình bày văn bản, thực hành các bài toán hoặc các vấn đề gần với thực tiễn mà sinh viên sẽ giải quyết trong công việc văn phòng ở Công ty, Xí nghiệp hay Trường học...sau này.	2	HKI	Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
722	Sinh học ĐC	Biết được thành phần hóa học của tế bào, phân loại và nhận dạng tế bào. Nắm rõ cơ sở của sự trao đổi chất và năng lượng ở sinh vật, cơ chế của sự vận chuyển các chất qua màng tế bào. Biết được tính chất hóa học của các loại môi trường như: ưu trương, nhược trương và đẳng trương. Nắm được các khái niệm về khuếch tán, thẩm thấu, co nguyên sinh, phản co nguyên sinh. Biết được: giai đoạn tạo giao tử, sự thụ tinh, sự phát triển phôi và hậu	2	HKI	Điểm chuyên cần 10% Kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 60%

		phôi, sự phát triển sau khi sinh và trưởng thành, giai đoạn già và chết ở động vật.			
723.	Tiếng Anh định hướng Toeic 1	trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe – Nói – Đọc – Viết và 3 kỹ năng phụ Ngữ pháp - Từ vựng – Phát âm giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi TOEIC quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản.	4	HKI	Điểm bài tập, điểm kiểm tra ở lớp 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
724.	Những NLCB CN Mác-Lênin 1	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên nắm được một cách tương đối có hệ thống những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác Lênin. Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (HP2), Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng; Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên	2	HKI	Chuyên cần 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 60%
725.	Pháp luật đại cương	Học phần Pháp luật đại cương nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, thông qua học phần, người học cũng có thể vận dụng kiến thức nền tảng từ môn học vào trong thực tế cuộc sống và công việc sau này	2	HKI	Dự lớp 10% Kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
726.	Soạn thảo văn bản	Trang bị kiến thức lý luận và thực tiễn về văn bản quản lý hành chính và tài liệu lưu trữ , giúp sinh viên nhận thức rõ vai trò của văn bản hành chính và tài liệu lưu trữ đối với công tác quản lý và nghiên cứu khoa học. Giúp người học nắm vững phương pháp soạn thảo và quản lý khoa học các loại văn bản hành chính, biết cách lựa chọn, phân loại văn bản để lưu trữ ; biết cách tra tìm, sử dụng tài liệu lưu trữ	2	HKII	Dự lớp 5% Kiểm tra giữa kỳ 20% Báo cáo 15% Điểm thi kết thúc học phần 60%

		để có thể làm tốt công tác quản lý.			
727	Hóa học ĐC	Vận dụng tốt kiến thức về cơ sở lý thuyết hóa học để có thể tự đọc – hiểu tài liệu, tài liệu điện tử cho việc cập nhật kiến thức nâng cao trình độ, giải quyết được các tình huống nghề nghiệp có cơ sở khoa học, đáp ứng tốt trong nghề nghiệp, Vận dụng tốt kiến thức về cơ sở lý thuyết thực hành hóa học để có thể tự đọc – hiểu tài liệu, tài liệu điện tử cho việc cập nhật kiến thức nâng cao trình độ, giải quyết được các tình huống nghề nghiệp có cơ sở khoa học, đáp ứng tốt trong nghề nghiệp.	2	HKII	Điểm chuyên cần 10% Điểm thực hành, thực nghiệm 20% Điểm bài tập nhóm 5% Điểm kiểm tra giữa kỳ 5% Điểm thi kết thúc học phần 60%
728	Thực vật học	Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng: Mô tả, nhận diện được hình thái, cấu tạo thực vật; Ứng dụng: thực hiện các mẫu tiêu bản TV, nhận xét phân tích đánh giá mẫu...Phương hướng nghiên cứu, áp dụng vào thực tiễn; Tổng hợp được các thành tựu từ thực vật: trong cuộc sống, nông nghiệp, công nghiệp, thủ công mỹ nghệ, dược liệu. Từ đó có hướng sử dụng, khai thác và bảo vệ thực vật.	2	HKII	Điểm chuyên cần 10% Điểm đánh giá bộ phận 30% Điểm thi kết thúc môn học 60%
729	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin 2	Nắm được học thuyết giá trị của C. Mác. - Nắm được học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. - Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Những vấn đề chính trị – xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.- Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng của nó.	3	HKII	Chuyên cần 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 60%
730	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe – Nói – Đọc – Viết và 3 kỹ năng phụ Ngữ pháp - Từ vựng – Phát âm giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi TOEIC quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ	4	HKII	Điểm bài tập, kiểm tra trên lớp 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%

		bản			
731	Giáo dục thể chất 2 (cầu long nâng cao 1)	Giúp cho sinh viên có khả năng nhận biết một số kỹ thuật cơ bản của cầu lông, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác để trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân và có thể hướng dẫn người chưa biết cùng tham gia tập luyện.	1	HKII	Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm kết thúc học phần 70%
732	Giáo dục thể chất 2 (bóng chuyền nâng cao 1)	Giúp cho sinh viên có khả năng nhận biết một số kỹ thuật cơ bản của bóng chuyền, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác để trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân và có thể hướng dẫn người chưa biết cùng tham gia tập luyện.	1	HKII	Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm kết thúc học phần 70%
733	Giáo dục thể chất 2 (bóng đá nâng cao 1)	Giúp cho sinh viên có khả năng vận dụng thành thạo một số kỹ thuật cơ bản của bóng đá, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác để trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân và có thể hướng dẫn người chưa biết cùng tham gia tập luyện.	1	HKII	Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm kết thúc học phần 70%
734	Hóa hữu cơ	Vận dụng tốt kiến thức về cơ sở lý thuyết hóa học để có thể tự đọc – hiểu tài liệu, tài liệu điện tử cho việc cập nhật kiến thức nâng cao trình độ, giải quyết được các tình huống nghề nghiệp có cơ sở khoa học, đáp ứng tốt trong nghề nghiệp, Vận dụng tốt kiến thức về cơ sở lý thuyết thực hành hóa học để có thể tự đọc – hiểu tài liệu, tài liệu điện tử cho việc cập nhật kiến thức nâng cao trình độ, giải quyết được các tình huống nghề nghiệp có cơ sở khoa học, đáp ứng tốt trong nghề nghiệp.	2	HKII	Điểm chuyên cần 10% Điểm thực hành, thực nghiệm 20% Điểm bài tập nhóm 5% Điểm kiểm tra giữa kỳ 5% Điểm thi kết thúc học phần 60%
735	Xác suất - Thống kê	Hiểu các khái niệm về xác suất, biến ngẫu nhiên, qui luật phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên, tổng thể và mẫu. Hiểu về các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên và các tham số đặc trưng của mẫu.	3	HKII	Điểm bài tập hoặc điểm bài tập nhóm 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Hiểu các công thức tính xác suất. Hiểu bài toán ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê.			
736.	Sinh thái môi trường	Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng: Trình bày được vai trò của đất, rừng và nước đối với con người; Mô tả được những vấn đề về đất trung du miền núi ở Việt Nam; Phân biệt được thể nào là ô nhiễm đất, thoái hóa đất, những nguyên nhân nào gây ra và một số biện pháp sử dụng hợp lý tài nguyên đất ở Việt Nam; Nêu được chiến lược khôi phục và bảo vệ rừng trên thế giới, Việt Nam và những lưu ý khi sử dụng rừng của Việt Nam; Phân tích được những nguy cơ và thách thức đối với hệ sinh thái môi trường; Xác định được mối quan hệ qua lại giữa các sinh vật ở các bậc tổ chức sinh cảnh trong các hệ sinh thái; Áp dụng các nguyên lý sinh thái cơ bản trong quản lý, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên; Đề ra được định hướng, chiến lược về việc ứng phó với việc biến đổi khí hậu bằng cách bảo vệ môi trường - sinh thái; Khai thác tài nguyên một cách hợp lý và phát triển môi trường bền vững; Có ý thức trách nhiệm công dân, thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; Làm việc độc lập và theo nhóm có hiệu quả.	2	HKII	Chuyên cần 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 60%
737.	Cơ thể học	Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng: Mô tả được vị trí, hình thái và cấu tạo của các cơ quan, bộ máy trong cơ thể động vật; Phân tích được mối liên hệ giữa vị trí, hình thái, cấu tạo của các cơ quan trong cơ thể động vật; Xác định được vị trí của các cơ quan trong cơ thể vật nuôi;	2	HKII	Chuyên cần 10% Điểm kiểm tra giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Nhận biết được cấu tạo, hình thái của các cơ quan trong cơ thể vật nuôi; Có ý thức trách nhiệm công dân, thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; Làm việc độc lập và theo nhóm có hiệu quả.			
738	Triết học	Nâng cao khả năng vận dụng các nguyên lý cơ bản của Triết học Mác-Lenin vào nghiên cứu khoa học	3	3 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
739	Tiếng Anh chuyên ngành	Trang bị cho học viên các kiến thức và kỹ năng giao tiếp tiếng Anh, đọc tài liệu, đọc và soạn thư từ giao tiếp trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh	4	4 tuần	Điểm quá trình chiếm 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
740	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Trang bị cho học viên kiến thức, phương pháp luận, phương pháp thực hiện nghiên cứu khoa học trong kinh doanh, vận dụng và thực hiện được công tác nghiên cứu khoa học	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
741	Kinh tế học quản lý	Trang bị cho học viên kiến thức tổng quan về hoạt động của thị trường, luật cung cầu trong hoạt động kinh doanh cấu doanh nghiệp	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
742	Luật kinh doanh quốc tế	Trang bị cho học viên những kiến thức liên quan đến hoạt động trong thương mại quốc tế, luật lệ áp dụng, hướng giải quyết tranh chấp và các thông lệ quốc tế	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
743	Phân tích định lượng trong kinh doanh	Trang bị cho học viên có năng lực phân tích dữ liệu nghiên cứu với phần mềm SPSS nhằm phục vụ cho việc phân tích và diễn giải kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực kinh doanh và ứng dụng thực hiện luận văn thạc sĩ	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
744	Quản trị tài chính	Giúp học viên có đủ kiến thức tiếp cận và đánh giá tình hình tài chính của một tổ chức đồng thời trang bị những phương pháp lập kế hoạch tài chính; các kiến thức về tài trợ vốn và phương pháp đánh giá các cơ hội đầu tư	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
745	Kế toán quản trị	Giúp học viên hệ thống được nội dung các loại chi phí trong doanh nghiệp, từ đó có khả năng tổ chức thông tin kế toán quản trị trong một tổ chức kinh tế nhằm cung cấp thông tin để điều hành, quản lý, ra quyết định kinh doanh ngắn hạn và dài hạn	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
746	Quản trị nguồn nhân lực	Giúp học viên nắm vững các phương pháp, kỹ năng phân tích công việc và ứng dụng hiệu quả công cụ này trong quản lý nguồn nhân lực; biết cách thu hút và tuyển chọn nhân lực, đánh giá kết quả làm việc của nhân viên, lựa chọn chương trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực phù hợp; nắm vững cơ sở và các hình thức trả lương, trình tự xây dựng hệ thống trả lương lao động; phát triển kỹ năng tạo động lực làm việc cho nhân viên.	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
747	Quản trị marketing	Giúp học viên hiểu được tầm quan trọng của marketing, vai trò của marketing đối với sự phát triển kinh tế; vận dụng và thực hiện được công tác hoạch định quản trị	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%

		marketing trong doanh nghiệp; đảm nhận các công việc liên quan đến thực thi chức năng, nhiệm vụ của nhà quản trị marketing trong doanh nghiệp; xác lập và quản trị nhu cầu khách hàng; hình thành và phát triển khả năng làm việc nhóm; giải thích quy trình quản trị marketing; trình bày marketing vĩ mô và vi mô.			
748	Quản trị chiến lược	Giúp học viên nắm vững các khái niệm chiến lược và quản lý chiến lược; lập được một chiến lược cụ thể trong hoạt động kinh doanh; tổ chức thực hiện chiến lược; quản lý, kiểm soát và điều chỉnh chiến lược cụ thể; phân tích tác động môi trường bên trong và bên ngoài doanh nghiệp, các mô hình chiến lược ứng dụng trên thực tế.	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
749	Quản trị rủi ro	Giúp học viên có nhận định khái quát về rủi ro, trang bị các kỹ thuật phân tích định tính và định lượng để đánh giá rủi ro một cách cụ thể; tiếp cận một số nội dung tiền đề của quản trị rủi ro, từ đó có thể xây dựng chương trình kiểm soát và tài trợ rủi ro cho doanh nghiệp.	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
750	Quản trị chất lượng	Quản trị chất lượng đã trở thành một hoạt động không thể thiếu đối với sự phát triển của các tổ chức thông qua việc tập trung vào hiệu quả của hệ thống quản lý và sự thỏa mãn của khách hàng. Môn học cung cấp cho học viên những kiến thức căn bản về quản trị chất lượng và vai trò của nó đối với sự phát triển bền vững của các tổ chức. Học viên có cơ hội tiếp cận các cách thức quản trị chất lượng hiệu quả tại các doanh nghiệp Việt Nam và các quốc gia khác trên thế giới. Thông qua khóa học, học viên có nhiều cơ hội để thảo luận, nhận dạng những vấn đề về quản trị chất lượng tại tổ chức của mình, được chia sẻ những kiến thức và kinh nghiệm về quản trị chất lượng, từ đó giúp học viên có khả năng vận dụng các kiến thức của môn học để giải quyết các vấn đề quản trị chất lượng cũng như định hướng triển khai hệ thống quản lý chất lượng thích hợp tại tổ chức mình.	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
751	Văn hóa doanh nghiệp và Đạo đức kinh doanh	Trang bị kiến thức về văn hóa tổ chức, văn hóa doanh nghiệp, các vấn đề đạo đức trong văn hóa doanh nghiệp; có kỹ năng xây dựng và triển khai văn hóa doanh nghiệp trong một tổ chức	3	3 tuần	Điểm quá trình chiếm 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
752	Hành vi tổ chức	Trang bị những kiến thức chung về hành vi tổ chức để phân tích, giải thích các vấn đề liên quan đến hành vi con người trong bối cảnh tổ chức và những ảnh hưởng của hành vi đến việc thực hiện nhiệm vụ	2		Điểm quá trình chiếm 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
753	Quản trị sản xuất dịch vụ		2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
754	Quản trị sự thay đổi	Học viên có kiến thức và kỹ năng nhằm tiếp cận mang tính chiến lược đối với quản trị sự thay đổi, các kiểu chương trình thay đổi vai trò của nguồn nhân lực trong quá	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%

		trình thực hiện thay đổi, tìm đối tác chiến lược trong hành động, xây dựng kế hoạch thay đổi và các bước thực hiện sự thay đổi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện thay đổi			
755	Quản trị thương hiệu	Giúp học viên nắm vững kiến thức về thương hiệu, có kỹ năng thiết kế và xây dựng kế hoạch quảng bá thương hiệu	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
756	Triết học	Nâng cao khả năng vận dụng các nguyên lý cơ bản của Triết học Mác-Lenin vào nghiên cứu khoa học	3	3 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
757	Tiếng Anh chuyên ngành	Trang bị cho học viên các kiến thức và kỹ năng giao tiếp tiếng Anh, đọc tài liệu, đọc và soạn thư từ giao tiếp trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh	4	4 tuần	Điểm quá trình chiếm 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
758	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Trang bị cho học viên kiến thức, phương pháp luận, phương pháp thực hiện nghiên cứu khoa học trong kinh doanh, vận dụng và thực hiện được công tác nghiên cứu khoa học	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
759	Kinh tế học quản lý	Trang bị cho học viên kiến thức tổng quan về hoạt động của thị trường, luật cung cầu trong hoạt động kinh doanh cầu doanh nghiệp	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
760	Luật kinh doanh quốc tế	Trang bị cho học viên những kiến thức liên quan đến hoạt động trong thương mại quốc tế, luật lệ áp dụng, hướng giải quyết tranh chấp và các thống lệ quốc tế	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
761	Phân tích định lượng trong kinh doanh	Trang bị cho học viên có năng lực phân tích dữ liệu nghiên cứu với phần mềm SPSS nhằm phục vụ cho việc phân tích và diễn giải kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực kinh doanh và ứng dụng thực hiện luận văn thạc sĩ	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
762	Quản trị tài chính	Giúp học viên có đủ kiến thức tiếp cận và đánh giá tình hình tài chính của một tổ chức đồng thời trang bị những phương pháp lập kế hoạch tài chính; các kiến thức về tài trợ vốn và phương pháp đánh giá các cơ hội đầu tư	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
763	Kế toán quản trị	Giúp học viên hệ thống được nội dung các loại chi phí trong doanh nghiệp, từ đó có khả năng tổ chức thông tin kế toán quản trị trong một tổ chức kinh tế nhằm cung cấp thông tin để điều hành, quản lý, ra quyết định kinh doanh ngắn hạn và dài hạn	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
764	Quản trị nguồn nhân lực	Giúp học viên nắm vững các phương pháp, kỹ năng phân tích công việc và ứng dụng hiệu quả công cụ này trong quản lý nguồn nhân lực; biết cách thu hút và tuyển chọn nhân lực, đánh giá kết quả làm việc của nhân viên, lựa chọn chương trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực phù hợp; nắm vững cơ sở và các hình thức trả lương, trình tự xây dựng hệ thống trả lương lao động; phát triển kỹ năng tạo động lực làm việc cho nhân viên.	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
765	Quản trị marketing	Giúp học viên hiểu được tầm quan trọng của marketing, vai trò của marketing đối với sự phát triển kinh tế; vận dụng và thực hiện được công tác hoạch định quản trị marketing trong doanh nghiệp; đảm nhận các công việc liên quan đến thực thi chức	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%

		năng, nhiệm vụ của nhà quản trị marketing trong doanh nghiệp; xác lập và quản trị nhu cầu khách hàng; hình thành và phát triển khả năng làm việc nhóm; giải thích quy trình quản trị marketing; trình bày marketing vĩ mô và vi mô.			
766	Quản trị chiến lược	Giúp học viên nắm vững các khái niệm chiến lược và quản lý chiến lược; lập được một chiến lược cụ thể trong hoạt động kinh doanh; tổ chức thực hiện chiến lược; quản lý, kiểm soát và điều chỉnh chiến lược cụ thể; phân tích tác động môi trường bên trong và bên ngoài doanh nghiệp, các mô hình chiến lược ứng dụng trên thực tế.	3	3 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
767	Quản trị rủi ro	Giúp học viên có được những kiến thức và kỹ năng cần thiết để nhận dạng và phân tích các rủi ro cho doanh nghiệp, từ đó có thể xây dựng chương trình kiểm soát và tài trợ rủi ro cho doanh nghiệp	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
768	Quản trị chất lượng	Giúp học viên nhận biết những vấn đề căn bản về chất lượng và quản lý chất lượng; cách thức xây dựng và áp dụng mô hình quản lý chất lượng theo TQM, 6 Sigma, ISO 9000	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
769	Đạo đức kinh doanh	Cung cấp cho học viên kiến thức tổng quan về đạo đức kinh doanh (các chuẩn mực đạo đức kinh doanh, xây dựng đạo đức kinh doanh); về văn hóa doanh nghiệp (biểu hiện và các dạng văn hóa doanh nghiệp, nhân tố tạo lập văn hóa doanh nghiệp, xây dựng văn hóa doanh nghiệp và văn hóa trong các hoạt động kinh doanh)	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
770	Quản trị sản xuất dịch vụ		2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
771	Quản trị kinh doanh quốc tế	Cung cấp cho học viên kiến thức về các lý thuyết thương mại quốc tế, phân tích các chính sách thương mại và khả năng vận dụng vào trong nghiên cứu chính sách phát triển thương mại quốc tế	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
772	Hành vi tổ chức	Trang bị những kiến thức chung về hành vi tổ chức để phân tích, giải thích các vấn đề liên quan đến hành vi con người trong bối cảnh tổ chức và những ảnh hưởng của hành vi đến việc thực hiện nhiệm vụ	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
773	Xử lý dữ liệu phần mềm SPSS	Hướng dẫn cho học viên thực hành phân tích dữ liệu nghiên cứu với phần mềm SPSS nhằm phục vụ cho việc phân tích và diễn giải kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực kinh doanh và ứng dụng thực hiện luận văn thạc sĩ	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
774	Quản trị chuỗi cung ứng và Logistic	Hiểu được các hoạt động chuỗi cung ứng và logistics để áp dụng trong thực tiễn; tiếp cận các kỹ thuật, xây dựng hệ thống quản trị chuỗi cung ứng và logistics; đảm nhận và thực hiện hiệu quả các công việc liên quan đến quản trị chuỗi cung ứng và logistics; đánh giá hiệu quả hoạt động chuỗi cung ứng; xây dựng và phát triển các hệ thống chuỗi cung ứng	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
775	Quản trị dự án		2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 40%, điểm thi kết thúc

					học phần 60%
776	Quản trị sự thay đổi	Học viên có kiến thức và kỹ năng nhằm tiếp cận mang tính chiến lược đối với quản trị sự thay đổi, các kiểu chương trình thay đổi vai trò của nguồn nhân lực trong quá trình thực hiện thay đổi, tìm đối tác chiến lược trong hành động, xây dựng kế hoạch thay đổi và các bước thực hiện sự thay đổi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện thay đổi	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
777	Quản trị ngân hàng hiện đại	Giúp học viên nắm được các nguyên lý, quy trình, ý nghĩa và trách nhiệm quản trị rủi ro trong các tình huống khác nhau xảy ra trong hoạt động ngân hàng; nắm bắt được các kỹ thuật quản trị ngân hàng ở các lĩnh vực (quản trị vốn, nợ, tài sản, thanh khoản, tín dụng, đầu tư, kết quả hoạt động kinh doanh, tổ chức, nguồn nhân lực và marketing ngân hàng); giới thiệu cho học viên một số mô hình quản trị rủi ro như mô hình ALM, mô hình quản trị rủi ro đơn lẻ, mô hình xếp hạng tín dụng, mô hình RAROC; giúp học viên có thể dự đoán những vấn đề về rủi ro mà họ có thể gặp phải trong công việc, hiểu và ứng dụng được các phương pháp, cách thức quản trị rủi ro để từ đó có thể tự tin giải quyết các tình huống đó.	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
778	Văn hóa doanh nghiệp	Trang bị kiến thức về văn hóa tổ chức, văn hóa doanh nghiệp, các vấn đề đạo đức trong văn hóa doanh nghiệp; có kỹ năng xây dựng và triển khai văn hóa doanh nghiệp trong một tổ chức	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
779	Triết học	Nâng cao khả năng vận dụng các nguyên lý cơ bản của Triết học Mác-Lenin vào nghiên cứu khoa học	3	3 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
780	Tiếng Anh chuyên ngành	Trang bị cho học viên các kiến thức và kỹ năng giao tiếp tiếng Anh, đọc tài liệu, đọc và soạn thư từ giao tiếp trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh	4	4 tuần	Điểm quá trình chiếm 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
781	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Trang bị cho học viên kiến thức, phương pháp luận, phương pháp thực hiện nghiên cứu khoa học trong kinh doanh, vận dụng và thực hiện được công tác nghiên cứu khoa học	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
782	Kinh tế học quản lý	Trang bị cho học viên kiến thức tổng quan về hoạt động của thị trường, luật cung cầu trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
783	Luật kinh doanh quốc tế	Trang bị cho học viên những kiến thức liên quan đến hoạt động trong thương mại quốc tế, luật lệ áp dụng, hướng giải quyết tranh chấp và các thông lệ quốc tế	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
784	Phân tích định lượng trong kinh doanh	Trang bị cho học viên có năng lực phân tích dữ liệu nghiên cứu với phần mềm SPSS nhằm phục vụ cho việc phân tích và diễn giải kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực kinh doanh và ứng dụng thực hiện luận văn thạc sĩ	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
785	Quản trị tài chính	Giúp học viên có đủ kiến thức tiếp cận và đánh giá tình hình tài chính của một tổ chức đồng thời trang bị những phương pháp lập kế hoạch tài chính; các kiến thức	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%

		về tài trợ vốn và phương pháp đánh giá các cơ hội đầu tư			
786	Kế toán quản trị	Giúp học viên hệ thống được nội dung các loại chi phí trong doanh nghiệp, từ đó có khả năng tổ chức thông tin kế toán quản trị trong một tổ chức kinh tế nhằm cung cấp thông tin để điều hành, quản lý, ra quyết định kinh doanh ngắn hạn và dài hạn	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
787	Quản trị nguồn nhân lực	Giúp học viên nắm vững các phương pháp, kỹ năng phân tích công việc và ứng dụng hiệu quả công cụ này trong quản lý nguồn nhân lực; biết cách thu hút và tuyển chọn nhân viên, đánh giá kết quả làm việc của nhân viên, lựa chọn chương trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực phù hợp; nắm vững cơ sở và các hình thức trả lương, trình tự xây dựng hệ thống trả lương lao động; phát triển kỹ năng tạo động lực làm việc cho nhân viên.	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
788	Quản trị marketing	Giúp học viên hiểu được tầm quan trọng của marketing, vai trò của marketing đối với sự phát triển kinh tế; vận dụng và thực hiện được công tác hoạch định quản trị marketing trong doanh nghiệp; đảm nhận các công việc liên quan đến thực thi chức năng, nhiệm vụ của nhà quản trị marketing trong doanh nghiệp; xác lập và quản trị nhu cầu khách hàng; hình thành và phát triển khả năng làm việc nhóm; giải thích quy trình quản trị marketing; trình bày marketing vĩ mô và vi mô.	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
789	Quản trị chiến lược	Giúp học viên nắm vững các khái niệm chiến lược và quản lý chiến lược; lập được một chiến lược cụ thể trong hoạt động kinh doanh; tổ chức thực hiện chiến lược; quản lý, kiểm soát và điều chỉnh chiến lược cụ thể; phân tích tác động môi trường bên trong và bên ngoài doanh nghiệp, các mô hình chiến lược ứng dụng trên thực tế.	3	3 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
790	Quản trị rủi ro	Giúp học viên có được những kiến thức và kỹ năng cần thiết để nhận dạng và phân tích các rủi ro cho doanh nghiệp, từ đó có thể xây dựng chương trình kiểm soát và tài trợ rủi ro cho doanh nghiệp	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
791	Quản trị chất lượng	Giúp học viên nhận biết những vấn đề cần bàn về chất lượng và quản lý chất lượng; cách thức xây dựng và áp dụng mô hình quản lý chất lượng theo TQM, 6 Sigma, ISO 9000	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
792	Đạo đức kinh doanh	Cung cấp cho học viên kiến thức tổng quan về đạo đức kinh doanh (các chuẩn mực đạo đức kinh doanh, xây dựng đạo đức kinh doanh); về văn hóa doanh nghiệp (biểu hiện và các dạng văn hóa doanh nghiệp, nhân tố tạo lập văn hóa doanh nghiệp, xây dựng văn hóa doanh nghiệp và văn hóa trong các hoạt động kinh doanh)	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
793	Quản trị sản xuất dịch vụ		2	2 tuần	
794	Quản trị kinh doanh quốc tế	Cung cấp cho học viên kiến thức về các lý thuyết thương mại quốc tế, phân tích các chính sách thương mại và khả năng vận	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%

		dụng vào trong nghiên cứu chính sách phát triển thương mại quốc tế			
795	Hành vi tổ chức	Trang bị những kiến thức chung về hành vi tổ chức để phân tích, giải thích các vấn đề liên quan đến hành vi con người trong bối cảnh tổ chức và những ảnh hưởng của hành vi đến việc thực hiện nhiệm vụ	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
796	Xử lý dữ liệu phần mềm SPSS	Hướng dẫn cho học viên thực hành phân tích dữ liệu nghiên cứu với phần mềm SPSS nhằm phục vụ cho việc phân tích và diễn giải kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực kinh doanh và ứng dụng thực hiện luận văn thạc sĩ	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
797	Quản trị chuỗi cung ứng và Logistic	Hiểu được các hoạt động chuỗi cung ứng và logistics để áp dụng trong thực tiễn; tiếp cận các kỹ thuật, xây dựng hệ thống quản trị chuỗi cung ứng và logistics; đảm nhận và thực hiện hiệu quả các công việc liên quan đến quản trị chuỗi cung ứng và logistics; đánh giá hiệu quả hoạt động chuỗi cung ứng; xây dựng và phát triển các hệ thống chuỗi cung ứng	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
798	Quản trị dự án		2	2 tuần	
799	Quản trị sự thay đổi	Học viên có kiến thức và kỹ năng nhằm tiếp cận mang tính chiến lược đối với quản trị sự thay đổi, các kiểu chương trình thay đổi vai trò của nguồn nhân lực trong quá trình thực hiện thay đổi, tìm đối tác chiến lược trong hành động, xây dựng kế hoạch thay đổi và các bước thực hiện sự thay đổi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện thay đổi	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
800	Nghiên cứu marketing	Học viên vận dụng được công tác nghiên cứu marketing trong thực tiễn kinh doanh của doanh nghiệp	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
801	Văn hóa doanh nghiệp	Trang bị kiến thức về văn hóa tổ chức, văn hóa doanh nghiệp, các vấn đề đạo đức trong văn hóa doanh nghiệp; có kỹ năng xây dựng và triển khai văn hóa doanh nghiệp trong một tổ chức	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
802	Triết học	Nâng cao khả năng vận dụng các nguyên lý cơ bản của Triết học Mác-Lenin vào nghiên cứu khoa học	3	3 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
803	Tiếng Anh chuyên ngành	Trang bị cho học viên kiến thức và kỹ năng giao tiếp tiếng Anh, đọc tài liệu, đọc và soạn thư từ giao tiếp trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh	3	3 tuần	Điểm quá trình chiếm 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
804	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Trang bị cho học viên kiến thức, phương pháp luận, phương pháp thực hiện nghiên cứu khoa học trong kinh doanh, vận dụng và thực hiện được công tác nghiên cứu khoa học	3	3 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
805	Kinh tế học quản lý	Trang bị cho học viên kiến thức tổng quan về hoạt động của thị trường, luật cung cầu trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
806	Luật kinh doanh quốc tế	Trang bị cho học viên những kiến thức liên quan đến hoạt động trong thương mại quốc tế, luật lệ áp dụng, hướng giải quyết tranh chấp và các thông lệ quốc tế	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
807	Phân tích định lượng trong kinh doanh	Trang bị cho học viên có năng lực phân tích dữ liệu nghiên cứu với phần mềm	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 40%, điểm thi kết thúc

		SPSS nhằm phục vụ cho việc phân tích và diễn giải kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực kinh doanh và ứng dụng thực hiện luận văn thạc sĩ			học phần 60%
808	Quản trị tài chính	Giúp học viên có đủ kiến thức tiếp cận và đánh giá tình hình tài chính của một tổ chức đồng thời trang bị những phương pháp lập kế hoạch tài chính; các kiến thức về tài trợ vốn và phương pháp đánh giá các cơ hội đầu tư	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
809	Kế toán quản trị	Giúp học viên hệ thống được nội dung các loại chi phí trong doanh nghiệp, từ đó có khả năng tổ chức thông tin kế toán quản trị trong một tổ chức kinh tế nhằm cung cấp thông tin để điều hành, quản lý, ra quyết định kinh doanh ngắn hạn và dài hạn	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
810	Quản trị nguồn nhân lực	Giúp học viên nắm vững các phương pháp, kỹ năng phân tích công việc và ứng dụng hiệu quả công cụ này trong quản lý nguồn nhân lực; biết cách thu hút và tuyển chọn nhân viên, đánh giá kết quả làm việc của nhân viên, lựa chọn chương trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực phù hợp; nắm vững cơ sở và các hình thức trả lương, trình tự xây dựng hệ thống trả lương lao động; phát triển kỹ năng tạo động lực làm việc cho nhân viên.	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
811	Quản trị marketing	Giúp học viên hiểu được tầm quan trọng của marketing, vai trò của marketing đối với sự phát triển kinh tế; vận dụng và thực hiện được công tác hoạch định quản trị marketing trong doanh nghiệp; đảm nhận các công việc liên quan đến thực thi chức năng, nhiệm vụ của nhà quản trị marketing trong doanh nghiệp; xác lập và quản trị nhu cầu khách hàng; hình thành và phát triển khả năng làm việc nhóm; giải thích quy trình quản trị marketing; trình bày marketing vĩ mô và vi mô.	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
812	Quản trị chiến lược	Giúp học viên nắm vững các khái niệm chiến lược và quản lý chiến lược; lập được một chiến lược cụ thể trong hoạt động kinh doanh; tổ chức thực hiện chiến lược; quản lý, kiểm soát và điều chỉnh chiến lược cụ thể; phân tích tác động môi trường bên trong và bên ngoài doanh nghiệp, các mô hình chiến lược ứng dụng trên thực tế.	3	3 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
813	Quản trị rủi ro	Giúp học viên có được những kiến thức và kỹ năng cần thiết để nhận dạng và phân tích các rủi ro cho doanh nghiệp, từ đó có thể xây dựng chương trình kiểm soát và tài trợ rủi ro cho doanh nghiệp	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
814	Quản trị chất lượng	Giúp học viên nhận biết những vấn đề căn bản về chất lượng và quản lý chất lượng; cách thức xây dựng và áp dụng mô hình quản lý chất lượng theo TQM, 6 Sigma, ISO 9000	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
815	Đạo đức kinh doanh	Cung cấp cho học viên kiến thức tổng quan về đạo đức kinh doanh (các chuẩn mực đạo đức kinh doanh, xây dựng đạo đức kinh doanh); về văn hóa doanh nghiệp (biểu hiện và các dạng văn hóa doanh nghiệp,	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%

		nhân tố tạo lập văn hóa doanh nghiệp, xây dựng văn hóa doanh nghiệp và văn hóa trong các hoạt động kinh doanh)			
816	Quản trị sản xuất dịch vụ		2	2 tuần	
817	Quản trị kinh doanh quốc tế	Cung cấp cho học viên kiến thức về các lý thuyết thương mại quốc tế, phân tích các chính sách thương mại và khả năng vận dụng vào trong nghiên cứu chính sách phát triển thương mại quốc tế	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
818	Hành vi tổ chức	Trang bị những kiến thức chung về hành vi tổ chức để phân tích, giải thích các vấn đề liên quan đến hành vi con người trong bối cảnh tổ chức và những ảnh hưởng của hành vi đến việc thực hiện nhiệm vụ	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
819	Xử lý dữ liệu phần mềm SPSS	Hướng dẫn cho học viên thực hành phân tích dữ liệu nghiên cứu với phần mềm SPSS nhằm phục vụ cho việc phân tích và diễn giải kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực kinh doanh và ứng dụng thực hiện luận văn thạc sĩ	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
820	Quản trị chuỗi cung ứng và Logistic	Hiểu được các hoạt động chuỗi cung ứng và logistics để áp dụng trong thực tiễn; tiếp cận các kỹ thuật, xây dựng hệ thống quản trị chuỗi cung ứng và logistics; đảm nhận và thực hiện hiệu quả các công việc liên quan đến quản trị chuỗi cung ứng và logistics; đánh giá hiệu quả hoạt động chuỗi cung ứng; xây dựng và phát triển các hệ thống chuỗi cung ứng	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
821	Quản trị dự án		2	2 tuần	
822	Quản trị sự thay đổi	Học viên có kiến thức và kỹ năng nhằm tiếp cận mang tính chiến lược đối với quản trị sự thay đổi, các kiểu chương trình thay đổi vai trò của nguồn nhân lực trong quá trình thực hiện thay đổi, tìm đối tác chiến lược trong hành động, xây dựng kế hoạch thay đổi và các bước thực hiện sự thay đổi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện thay đổi	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
823	Nghiên cứu marketing	Học viên vận dụng được công tác nghiên cứu marketing trong thực tiễn kinh doanh của doanh nghiệp	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
824	Văn hóa doanh nghiệp	Trang bị kiến thức về văn hóa tổ chức, văn hóa doanh nghiệp, các vấn đề đạo đức trong văn hóa doanh nghiệp; có kỹ năng xây dựng và triển khai văn hóa doanh nghiệp trong một tổ chức	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
825	Triết học	Nâng cao khả năng vận dụng các nguyên lý cơ bản của Triết học Mác-Lenin vào nghiên cứu khoa học	3	3 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
826	Tiếng Anh chuyên ngành	Trang bị cho học viên các kiến thức và kỹ năng giao tiếp tiếng Anh, đọc tài liệu, đọc và soạn thư từ giao tiếp trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng	3	3 tuần	Điểm quá trình chiếm 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
827	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Cung cấp cho học viên các bước để viết luận văn thạc sĩ, trang bị kiến thức về bản chất của quá trình nghiên cứu, các bước thiết kế nghiên cứu, cách thức xử lý số liệu, khả năng thuyết trình báo cáo khoa học	3	3 tuần	Điểm quá trình chiếm 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%

828	Kinh tế học vi mô	Học viên có được những kỹ năng phân tích, có sự am hiểu về các nguyên tắc kinh tế và có thể áp dụng những nguyên tắc này để cải thiện phân tích và đánh giá cũng như xây dựng các chính sách công cộng	3	3 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
829	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính	Vận dụng các lý luận chuyên sâu về tài chính tiền tệ để phân tích và xây dựng chính sách, cơ chế tài chính, nâng cao khả năng dự báo, phân tích và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực hoạt động khác nhau của tài chính tiền tệ	3	3 tuần	Điểm quá trình chiếm 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
830	Tài chính công	Hiểu và nắm vững các kiến thức hiện đại trong lĩnh vực tài chính công; nâng cao kỹ năng phân tích chính sách công, đánh giá tác động chính sách công đến hiệu quả phân bổ, công bằng xã hội và ổn định kinh tế	3	3 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
831	Kinh tế học vĩ mô	Học viên có được những kỹ năng phân tích và ứng dụng các lý thuyết kinh tế vĩ mô ở trình độ nâng cao, kỹ năng cần thiết cho việc phân tích các tình huống kinh tế vĩ mô trong bối cảnh toàn cầu hóa	3	3 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
832	Phương pháp định lượng cho chuyên ngành tài chính	Học viên có thể đánh giá chuỗi thời gian và các tính chất phân phối của dữ liệu tài chính, thiết lập mô hình về mối quan hệ giữa rủi ro và lợi nhuận của tài sản tài chính, thực hiện phân tích quản trị rủi ro tài chính	3	3 tuần	Điểm quá trình chiếm 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
833	Quản trị ngân hàng thương mại	Giúp học viên nắm được các nguyên lý, quy trình, ý nghĩa và trách nhiệm quản trị rủi ro trong các tình huống khác nhau xảy ra trong hoạt động ngân hàng; nắm bắt được các kỹ thuật quản trị ngân hàng ở các lĩnh vực (quản trị vốn, nợ, tài sản, thanh khoản, tín dụng, đầu tư, kết quả hoạt động kinh doanh, tổ chức, nguồn nhân lực và marketing ngân hàng); giới thiệu cho học viên một số mô hình quản trị rủi ro như mô hình ALM, mô hình quản trị rủi ro đơn lẻ, mô hình xếp hạng tín dụng, mô hình RAROC; giúp học viên có thể dự đoán những vấn đề về rủi ro mà họ có thể gặp phải trong công việc, hiểu và ứng dụng được các phương pháp, cách thức quản trị rủi ro để từ đó có thể tự tin giải quyết các tình huống đó.	3	3 tuần	Điểm quá trình chiếm 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
834	Tài chính quốc tế	Giúp học viên có kiến thức cơ bản và nâng cao về môi trường hoạt động của các công ty đa quốc gia, môi trường tài chính quốc tế; kiến thức về thị trường tài chính quốc tế; các lý thuyết cân bằng trên thị trường tài chính quốc tế; nâng cao phương pháp luận và lý luận để giúp học viên có thể vận dụng lý thuyết để độc lập xử lý các vấn đề thực tiễn liên quan đến các hoạt động tài chính quốc tế ở Việt Nam và trên thế giới.	3	3 tuần	Điểm quá trình chiếm 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
835	Tài chính doanh nghiệp	Giúp học viên có kiến thức nâng cao về tài chính công ty cũng như các chính sách chi trả cổ tức, quản lý tài chính công ty với cấu trúc vốn tối ưu; học viên có cơ hội đi sâu phân tích tài chính của các công ty, từ đó dự báo và lập kế hoạch tài chính, thực	3	3 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%

		hành định giá công ty, rút ra những kinh nghiệm cho thực tiễn. Với những lý thuyết, mô hình mới trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp, học viên sẽ có các công cụ mới trong quyết định cấu trúc vốn và định giá công ty.			
836.	Phân tích tài chính	Vận dụng kiến thức để phân tích được tình hình tài chính của các tập đoàn kinh tế nhằm phục vụ cho công tác quản lý cũng như đưa ra các quyết định chiến lược về tài chính ở các tập đoàn kinh tế, công ty đa quốc gia	3	3 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
837.	Quản trị rủi ro	Môn học giúp người học hiểu các loại rủi ro, nguồn gốc phát sinh rủi ro, tầm quan trọng, lợi ích của quản trị rủi ro và thực hành quản trị rủi ro tài chính. Để thực hiện mục đích này, người học cần học cách nhận diện rủi ro, đo lường rủi ro bằng các công cụ định tính và định lượng, đánh giá các tác động của rủi ro tài chính để đưa các chiến lược kiểm soát, phòng ngừa và điều chỉnh các loại rủi ro tài chính một cách có hiệu quả.	3	3 tuần	Điểm quá trình chiếm 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
838.	Thị trường giao sau và quyền chọn	Nắm bắt những kiến thức nền tảng về các công cụ phái sinh như quyền mua cổ phần và chứng quyền, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai và hợp đồng quyền chọn về chứng khoán. Định giá các công cụ chứng khoán phái sinh với nhiều phương pháp khác nhau để có thể đưa ra các quyết định đầu tư hiệu quả	3	3 tuần	Điểm quá trình chiếm 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
839.	Tài chính công ty đa quốc gia	Kiến thức nâng cao về tài chính công ty cũng như các chính sách chi trả cổ tức, quản lý tài chính công ty với vốn cấu trúc vốn tối ưu; các quyết định đầu tư, tài trợ và các chính sách phân phối sẽ được đặt trong bối cảnh một công ty hoạt động quốc tế trong môi trường toàn cầu hóa	3	3 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
840.	Định giá công ty	Học viên nắm được những nguyên lý cũng như các công cụ kỹ thuật để tính toán và xác định giá trị của công ty	3	3 tuần	Điểm quá trình chiếm 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
841.	Phân tích đầu tư và quản trị danh mục đầu tư	Hiểu về quy trình đầu tư chứng khoán, ý nghĩa của phân tích chứng khoán, các phương pháp phân tích và quan điểm đầu tư; hiểu về phân tích cổ phiếu và phân tích trái phiếu; hiểu về môi trường đầu tư, tài sản, tài chính, danh mục đầu tư, chính sách đầu tư, quy trình xây dựng và quản lý danh mục đầu tư; hiểu về lý thuyết danh mục đầu tư và mô hình Markowitz, phân tích và đánh giá lợi nhuận và rủi ro của từng chứng khoán riêng lẻ cũng như của danh mục đầu tư; xây dựng danh mục đầu tư tối ưu và ứng dụng vào quản trị DMĐT cho nhà đầu tư cá nhân và tổ chức; hiểu về lý thuyết thị trường hiệu quả và các phương pháp kiểm chứng giả thuyết thị trường hiệu quả; đánh giá ảnh hưởng của thị trường hiệu quả lên quá trình định giá và vận dụng trong quản lý DMĐT	3	3 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
842.	Triết học	Nâng cao khả năng vận dụng các nguyên lý cơ bản của Triết học Mác-Lenin vào	3	3 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc

		nghiên cứu khoa học			học phần 50%
843	Tiếng Anh chuyên ngành	Nâng cao kỹ năng giao tiếp và kiến thức tiếng Anh trong lĩnh vực kế toán	3	3 tuần	Điểm quá trình chiếm 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
844	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Trang bị kiến thức, kỹ năng, phương pháp nghiên cứu cho học viên thực hiện các đề tài nghiên cứu kinh tế và kế toán. Bổ sung và cung cấp phương pháp làm các tiểu luận, các chuyên đề, luận văn cao học	3	3 tuần	Điểm quá trình chiếm 60%, điểm thi kết thúc học phần 40%
845	Kinh tế lượng và thống kê kinh doanh	Trang bị cho học viên kỹ năng vận dụng lý thuyết kinh tế lượng vào thực tiễn thông qua các ví dụ minh họa thuộc chuyên ngành kế toán	3	3 tuần	Điểm quá trình chiếm 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
846	Phân tích định lượng chuyên ngành kế toán	Sử dụng tương đối thành thạo phần mềm phân tích định lượng như EViews, SPSS, STATA	3	3 tuần	Điểm quá trình chiếm 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
847	Lý thuyết kế toán	học viên có thể trình bày những vấn đề cơ bản của lý thuyết kế toán và sử dụng chúng trong việc phân tích, đánh giá các chuẩn mực kế toán hiện hành	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
848	Tổ chức công tác kế toán		2	2 tuần	
849	Luật kinh doanh quốc tế	Trang bị cho học viên những kiến thức liên quan đến hoạt động trong thương mại quốc tế, luật lệ áp dụng, hướng giải quyết tranh chấp và các thông lệ quốc tế	2	2 tuần	Điểm quá trình chiếm 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
850	Kế toán tài chính nâng cao	Học viên có thể xử lý các vấn đề về soạn lập, trình bày, điều chỉnh và công bố thông tin báo cáo tài chính tổng hợp của doanh nghiệp và kiến thức cơ bản về báo cáo tài chính hợp nhất của tập đoàn	3	3 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
851	Kế toán quản trị nâng cao	Học viên có thể vận dụng kiến thức về kế toán quản trị để giải quyết các tình huống về kế toán quản trị thực tế phát sinh tại các doanh nghiệp	3	3 tuần	Điểm quá trình chiếm 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
852	Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao	Phát triển các kiến thức chuyên sâu về kiểm toán độc lập và những hoạt động kiểm toán khác trong nền kinh tế thị trường	3	3 tuần	Điểm quá trình chiếm 40%, điểm thi kết thúc học phần 60%
853	Hợp nhất báo cáo tài chính		3	3 tuần	
854	Hệ thống thông tin kế toán	Học viên nắm vững kiến thức về vai trò và ảnh hưởng của công nghệ thông tin trong hoạt động kế toán	3	3 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
855	Thuế và phân tích chính sách thuế	Hiểu rõ tác động của thuế trong mọi lĩnh vực, phân tích gánh nặng thuế, phân tích lợi ích, chi phí khi sử dụng công cụ thuế, đề xuất hoàn thiện chính sách thuế nói chung và từng chính sách cụ thể	3	3 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
856	Tài chính doanh nghiệp	Giúp học viên có kiến thức nâng cao về tài chính công ty cũng như các chính sách chi trả cổ tức, quản lý tài chính công ty với cấu trúc vốn tối ưu; học viên có cơ hội đi sâu phân tích tài chính của các công ty, từ đó dự báo và lập kế hoạch tài chính, thực hành định giá công ty, rút ra những kinh nghiệm cho thực tiễn. Với những lý thuyết, mô hình mới trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp, học viên sẽ có các công cụ mới trong quyết định cấu trúc vốn và định giá công ty.	3	3 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%

857.	Kiểm toán nội bộ	Học viên nắm được quy trình kiểm toán: kiểm toán hoạt động, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán các khoản mục trên các báo cáo tài chính	3	3 tuần	Điểm quá trình chiếm 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
858.	Hệ thống kiểm soát nội bộ	Học viên nắm được việc xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ, nhận diện rủi ro, đưa ra các hoạt động kiểm soát, xây dựng quy trình kiểm soát	3	3 tuần	Điểm quá trình chiếm 30%, điểm thi kết thúc học phần 70%
859.	Kế toán quốc tế	Xử lý kế toán một số vấn đề đặc thù nhu chuyên đổi tỷ giá hối đoái hay kế toán lạm phát liên quan đến việc lập báo cáo tài chính tại các công ty đa quốc gia. Hiểu và vận dụng các vấn đề về thuế và chuyển giá	3	3 tuần	Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc học phần 50%
860.	Luật Ngân hàng	Nắm bắt những kiến thức lý luận về lĩnh vực ngân hàng cũng như các quy định của pháp luật về quản lý nhà nước về tiền tệ, các quy định của pháp luật về hoạt động ngân hàng. Vận dụng kiến thức để giải quyết các công việc như phụ trách lĩnh vực pháp chế tại các tổ chức tín dụng, tư vấn pháp lý đối với các hoạt động liên quan đến lĩnh vực ngân hàng, thực hiện các công việc có liên quan đến hoạt động ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật.	3	Từ ngày 14/8 - đến ngày 26/9	TL
861.	Luật Tư pháp	Nắm được kiến thức lý luận và quy định của pháp luật về công nhận và thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài, quyết định của trọng tài nước ngoài. Xây dựng được hệ thống các căn cứ pháp lý, các lập luận tìm và lựa chọn luận cứ giải quyết các vấn đề pháp lý cụ thể.	3	Từ ngày 17/8 - đến ngày 06/10	TL
862.	Luật So sánh	Nhận biết và giải thích về những chế định pháp luật đặc thù trong các hệ thống pháp luật điển hình của các truyền thống pháp luật chủ đạo. Hình thành kỹ năng tìm kiếm, thu thập, tổng hợp và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau liên quan đến nghiên cứu khoa học pháp lý chuyên ngành một cách nghiêm túc và khoa học.	2	Từ ngày 14/8 - đến ngày 26/9	TL
863.	Pháp luật về Thương mại điện tử	Nắm được một số quy định, pháp luật trong giao dịch điện tử và vấn đề an ninh trong giao dịch TMĐT. Có khả năng đọc hiểu các kiến thức mở rộng của học phần trong nghiên cứu các vấn đề chuyên sâu.	2	Từ ngày 14/8 - đến ngày 19/9	TL
864.	Phương pháp	Có kiến thức để tham khảo tài liệu.	2	Từ ngày	TL

	NCKH	bổ trí thí nghiệm và thu thập thông tin, viết báo cáo khoa học và đề tài tốt nghiệp, phương pháp trình bày báo cáo khoa học. Khai thác các tài liệu trong thư viện, trên mạng internet, trong đĩa CDROM, cũng như cách thiết lập cơ sở dữ liệu cho cá nhân trong quá trình làm công tác nghiên cứu khoa học cũng như trong giảng dạy.		14/8 - đến ngày 19/10	
865.	Tiểu luận/Khóa luận tốt nghiệp	Thực hành kỹ năng nghiên cứu khoa học với những kiến thức đã được tiếp cận từ chương trình đào tạo.	10		TL
866.	Pháp luật về xuất nhập khẩu (Tự chọn)	Hiểu và nắm được một số khái niệm cơ bản trong hoạt động xuất nhập khẩu; các phương pháp nghiên cứu cơ bản trong khoa học pháp lý về hoạt động xuất nhập khẩu; Nắm được nội dung cơ bản của các văn bản pháp luật hiện hành điều chỉnh trong hoạt động xuất nhập khẩu;	2		TL
867.	Luật đầu tư (Tự chọn)	Hình thành và phát triển kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích đánh giá và suy luận để giải quyết tình huống cụ thể liên quan tới quy trình, thủ tục đầu tư triển khai dự án đầu tư của các chủ thể tham gia hoạt động đầu tư.	2		TL
868.	Luật Thuế quốc tế	Giúp sinh viên có kiến thức pháp luật đối với vấn đề cơ bản, khái quát, và phổ biến về thuế và xu hướng cải cách thuế trên thế giới hiện nay cũng như nội dung một số sắc thuế chủ yếu của các nước. Từ đó hình thành được các kỹ năng phân tích các chính sách thuế.	3	Từ ngày 14/8 - đến ngày 26/9.	TL
869.	Luật Đất đai	Cung cấp và định hướng cho sinh viên những kiến thức cơ bản mang tính lý luận về Luật đất đai, về đặc thù trong chế độ sở hữu toàn dân đối với đất đai ở Việt Nam chi phối việc quản lý và sử dụng đất đai và thể hiện cụ thể của nó trong các quy phạm pháp luật đất đai. Đồng thời, trang bị cho sinh viên những kỹ năng đọc, hiểu, kỹ năng phân tích, đánh giá các quy định của pháp luật đất đai để vận dụng giải quyết các tình huống thực tế về quản lý và sử dụng đất.	3	Từ ngày 15/8 - đến ngày 05/10	TL

870.	Luật Hôn nhân và gia đình	Cung cấp và định hướng cho sinh viên những kiến thức pháp lý về khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của Luật hôn nhân và gia đình; những quy định pháp luật về quan hệ hôn nhân và gia đình; nắm được sự phát triển của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; tìm hiểu về các chế định cụ thể của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam như: kết hôn, hủy hôn trái pháp luật; quan hệ pháp luật giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ với con và các thành viên khác trong gia đình; quan hệ cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình; chấm dứt hôn nhân. Đồng thời hình thành khả năng phân tích, bình luận, đánh giá được các quy định pháp luật hôn nhân gia đình và có thể vận dụng để giải quyết các tình huống phát sinh thực tế liên quan đến những quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình.	2	Từ ngày 16/8 - đến ngày 21/9	TN
871.	Luật Dân sự	Giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng được những kiến thức cơ bản về pháp luật dân sự Việt Nam, quan hệ pháp luật dân sự; về chủ thể của pháp luật dân sự; về giao dịch dân sự; về đại diện; về thời hạn, thời hiệu; về vấn đề tài sản, quyền sở hữu, hình thức sở hữu, bảo vệ quyền sở hữu; và về vấn đề chung của thừa kế, thừa kế theo di chúc và thừa kế theo pháp luật. Từ đó hình thành khả năng phân tích, đánh giá các vấn đề lý luận trong pháp luật dân sự để giải quyết các vấn đề thực tiễn.	3	Từ ngày 17/8 - đến ngày 22/9	TL
872.	Luật Hình sự	Giúp cho sinh viên có khả năng nhận biết một số kỹ thuật cơ bản của bơi lội, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác để trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân và có thể hướng dẫn người chưa biết cùng tham gia tập luyện.	3	Từ ngày 15/8 - đến ngày 27/9	TL
873.	Luật Tố tụng dân sự	Giúp sinh viên nắm vững các chế định cơ bản về pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam như thành phần, địa vị pháp lý của các chủ thể trong tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án trong giải quyết	3	Từ ngày 17/8 - đến ngày 22/9	TL

		vụ việc dân sự, đặc điểm của chứng cứ, các loại chứng cứ; khái niệm chứng minh, đối tượng chứng minh, phương tiện chứng minh và các hoạt động chứng minh trong tố tụng dân sự và trình tự, thủ tục giải quyết các vụ án dân sự tại Tòa án theo các thủ tục sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm. Từ đó phát triển kỹ năng nghiên cứu khoa học pháp lý về luật tố tụng dân sự và kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng.			
874.	Luật Thương mại 2	Giúp sinh viên nhận thức và nghiên cứu về các hoạt động thương mại và phân biệt được từng loại hoạt động thương mại, tính chất luật định phát sinh từ hoạt động thương mại như: mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ thương mại, xúc tiến thương mại, trung gian thương mại và các hoạt động thương mại khác. Đồng thời nắm vững các hình thức và nguyên tắc áp dụng chế tài thương mại trong hoạt động thương mại từ đó vận dụng giải quyết tranh chấp trong thương mại trong thực tiễn.	2	Từ ngày 14/8 - đến ngày 12/9	TL
875.	Anh văn chuyên ngành	Giúp sinh viên hiểu và sử dụng được các thuật ngữ tiếng Anh trong các lĩnh vực pháp luật, đặc biệt là lĩnh vực pháp luật kinh doanh thương mại. Từ đó có thể đọc hiểu được các văn bản, tài liệu pháp lý bằng tiếng Anh và soạn thảo một số tài liệu pháp lý kinh doanh thương mại cơ bản bằng tiếng Anh như: hợp đồng kinh doanh thương mại, thư giao dịch kinh doanh, thư khiếu nại trong kinh doanh thương mại.	3	Từ ngày 25/12- đến ngày 21/01	TN
876.	Công pháp quốc tế	Học phân giúp sinh viên hình thành những kiến thức chung về Luật Quốc tế như nguồn luật, chủ thể, các nguyên tắc; Lãnh thổ và biên giới quốc gia; Luật Điều ước quốc tế; pháp luật về ngoại giao và lãnh sự; về hàng không dân dụng; và về Biển quốc tế. Từ đó, sinh viên có thể phân tích, đánh giá các vấn đề mang tính thời sự quốc tế nói chung và chủ quyền quốc gia Việt Nam	3	Từ ngày 16/12 - đến ngày 13/01	TL

		nói riêng trong tình hình hiện nay.			
877.	Pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực thương mại	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về pháp luật liên quan đến quản lý nhà nước trong hoạt động thương mại từ kiến thức nền tảng như nguyên tắc điều chỉnh, đối tượng, chủ thể và các quy phạm pháp luật cụ thể để điều tiết các hoạt động thương mại bằng các biện pháp hành chính. Từ đó giúp sinh viên hình thành kỹ năng vận dụng các hình thức và phương pháp quản lý hành chính để quản lý tốt các hoạt động thương mại.	3	Từ ngày 25/12 - đến ngày 13/01	TL
878.	Luật Tài chính	Học phần giúp sinh viên hình thành những kiến thức trong những quy định của pháp luật về tài chính, về cơ chế lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước, cơ chế thanh tra tài chính cũng như phương thức xử lý vi phạm trong lĩnh vực ngân sách nhà nước; các sắc thuế hiện hành và những tranh chấp trong quá trình thu thuế. Từ đó giúp sinh viên có khả năng phân tích các chính sách thuế và nghiên cứu hoàn thiện pháp luật về thuế.	3	Từ ngày 25/12 - đến ngày 25/01	TL
879.	Luật Tố tụng hình sự	Giúp cho sinh viên nghiên cứu và nắm bắt được những quy định của pháp luật về quy trình, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án vụ án hình sự. Từ đó rèn luyện cho sinh viên khả năng tự duy sáng tạo, độc lập trong việc tiếp thu, nghiên cứu những quy phạm thực định về giải quyết vụ án, kỹ năng đánh giá chứng cứ, kỹ năng buộc tội đối với một số vụ án hình sự, Kỹ năng tranh luận tại phiên tòa giả định.	2	Từ ngày 28/12 - đến ngày 29/01	TL
880.	Thương mại quốc tế	Giúp sinh viên nghiên cứu và nắm bắt được những kiến thức cơ bản về thương mại Quốc tế và Luật Thương mại Quốc tế như: lý thuyết thương mại quốc tế, xu hướng của hoạt động thương mại trong giai đoạn hiện nay; các thiết chế điều chỉnh hoạt động thương mại toàn cầu; quan hệ Hợp đồng theo CISG 1980 và các nguyên tắc của Unidroit về hợp đồng thương mại quốc tế; phương thức giải quyết	3	Từ ngày 25/12 - đến ngày 13/01	TL

		tranh chấp thường gặp trong hoạt động thương mại quốc tế (theo cơ chế của WTO, tòa án, trọng tài...). Từ đó sinh viên có khả năng đọc, hiểu và biết cách khai thác những văn bản pháp luật về lĩnh vực Thương mại Quốc tế và Luật Thương mại Quốc tế và vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tiễn công việc và cuộc sống.			
881.	Giáo dục thể chất 2	Giúp cho sinh viên có khả năng nhận biết một số kỹ thuật cơ bản của bơi lội, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác để trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân và có thể hướng dẫn người chưa biết cùng tham gia tập luyện.	1	Từ ngày 17/8 - đến ngày 12/10	VĐ
882.	Luật Hình sự	Giúp sinh viên xác định được các hành vi vi phạm pháp luật hình sự là Tội phạm. Biết cách định tội và quyết định hình phạt đối với các hành vi phạm tội. Xác định được chủ thể tội phạm. Vận dụng các kiến thức vào giải quyết các vụ án cụ thể.	3	Từ ngày 18/8 - đến ngày 17/11	TL
883.	Luật Hành chính	Người học biết được những kiến thức cơ bản về lí luận và thực tiễn quản lí hành chính nhà nước và pháp luật về quản lí hành chính nhà nước như địa vị pháp lí của các chủ thể trong quan hệ pháp luật hành chính; thủ tục hành chính, quyết định hành chính; vi phạm hành chính và xử lí vi phạm hành chính; các biện pháp đảm bảo thực hiện pháp luật trong quản lí hành chính nhà nước. hiểu được mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện hoạt động quản lí hành chính nhà nước; được trang bị những kiến thức cần thiết để vận dụng pháp luật về quản lí hành chính nhà nước vào thực tiễn. Người học có khả năng đọc, hiểu và biết cách khai thác những văn bản pháp luật về quản lí hành chính nhà nước; Có khả năng vận dụng pháp luật vào thực tiễn quản lí hành chính nhà nước; Biết cách bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp trong quản lí hành chính nhà nước; Có	3	Từ ngày 14/8 - đến ngày 30/8	TL

		khả năng đưa ra chính kiến, nhận xét của cá nhân về các hoạt động quản lí hành chính nhà nước đang diễn ra trên thực tế và những ý kiến đề xuất để khắc phục những hạn chế, yếu kém đang tồn tại. Có ý thức tôn trọng pháp luật, đặc biệt là tôn trọng các quyết định của chủ thể có thẩm quyền trong quản lí hành chính nhà nước; Có quan điểm đúng về nền hành chính ở Việt Nam hiện nay; Tích cực đấu tranh bảo vệ công lí; Nghiêm túc, khách quan trong nghiên cứu khoa học và đánh giá các vấn đề lí luận, thực tiễn quản lí hành chính nhà nước; Có ý thức vận dụng các kiến thức và pháp luật đã học trong cuộc sống và công tác.			
884.	Luật Dân sự I	Giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng được những kiến thức cơ bản về pháp luật dân sự Việt Nam, quan hệ pháp luật dân sự; về chủ thể của pháp luật dân sự; về giao dịch dân sự; về đại diện; về thời hạn, thời hiệu; về vấn đề tài sản, quyền sở hữu, hình thức sở hữu, bảo vệ quyền sở hữu; và về vấn đề chung của thừa kế, thừa kế theo di chúc và thừa kế theo pháp luật. Từ đó hình thành khả năng phân tích, đánh giá các vấn đề lí luận trong pháp luật dân sự để giải quyết các vấn đề thực tiễn.	3	Từ ngày 17/8 - đến ngày 08/9	TL
885.	Kỹ thuật đàm phán và soạn thảo hợp đồng (Tự chọn)	Biết được các kiến thức lí luận về đàm phán và soạn thảo hợp đồng; Tổng hợp các quy định của pháp luật về hợp đồng và áp dụng vào thực tế quá trình soạn thảo, đàm phán hợp đồng; Nắm được các kỹ thuật soạn thảo các loại hợp đồng dân sự, thương mại phát sinh trong cuộc sống hoặc trong hoạt động của cơ quan, tổ chức nơi làm việc. Nắm vững kỹ năng rà soát, xem xét các loại hợp đồng dân sự, thương mại phổ biến trong hoạt động kinh doanh của cơ quan, tổ chức. Về kỹ năng cứng: giúp sinh viên hình thành kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng giải quyết vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình đàm phán và	2	Từ ngày 14/8 - đến ngày 30/8	TL

		soạn thảo hợp đồng, có khả năng tư vấn pháp luật về quá trình đàm phán và soạn thảo hợp đồng và để bảo vệ tốt quyền lợi của các bên khi tham gia quan hệ hợp đồng; Về kỹ năng mềm: Thành thạo một số kỹ năng tìm kiếm và sử dụng các quy định của pháp luật về hợp đồng để giải quyết những tình huống cơ bản, điển hình; phát triển kỹ năng lập luận, tư duy để bình luận, đánh giá các điều khoản cơ bản của hợp đồng để hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của việc soạn thảo hợp đồng dân sự, thương mại.			
886.	Tâm lý học tư pháp	Sinh viên biết được đối tượng và phương pháp nghiên cứu của môn học, biết được hoạt động nhận thức trong hoạt động tư pháp. Đặc điểm tâm lý của hoạt động điều tra. Đặc điểm tâm lý trong hoạt động xét xử, hoạt động trong xét xử, điều tra, bào chữa trong hoạt động xét xử. Có được thái độ và hành động chuẩn mực trong hoạt động tư pháp.	2	Từ ngày 14/8 - đến ngày 30/8	TL
887.	Thương mại 1	Biết được một cách khái quát về thương nhân và các hoạt động thương mại. Phân biệt được từng loại hình doanh nghiệp với những đặc điểm pháp lý khác nhau, biết nhận diện ưu điểm hạn chế của từng loại hình doanh nghiệp. Hiểu biết về việc thành lập tổ chức và giải thể doanh nghiệp. Biết được cách tổ chức quản lý hoạt động của các loại hình doanh nghiệp phù hợp với quy định pháp luật nhằm đạt mục tiêu lợi nhuận. Hiểu biết về cách thức góp vốn và xử lý vốn trong hoạt động thương mại của từng loại hình doanh nghiệp. Có ý thức trong quản lý kinh doanh nhằm hạn chế rủi ro dẫn đến tình trạng phá sản. Biết cách vận dụng các quy định pháp luật về phá sản nhằm tránh những thiệt hại nặng nề khi ở trong tình trạng phá sản.	2	Từ ngày 14/8 - đến ngày 12/9	TL
888.	Dân sự 2	Giúp sinh viên nghiên cứu và vận dụng được những kiến thức cơ bản về pháp luật dân sự Việt Nam, liên	3	Từ ngày 25/12 - đến ngày 09/02	TL

		quan đến các vấn đề pháp lý về nghĩa vụ, bảo đảm nghĩa vụ và bồi thường thiệt hại. Từ đó hình thành khả năng phân tích, đánh giá các vấn đề lý luận trong pháp luật dân sự để giải quyết các vấn đề thực tiễn.			
889.	Tổ tụng hình sự	Giúp cho sinh viên nghiên cứu và nắm bắt được những quy định của pháp luật về quy trình, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án vụ án hình sự. Từ đó rèn luyện cho sinh viên khả năng tự duy sáng tạo, độc lập trong việc tiếp thu, nghiên cứu những quy phạm thực định về giải quyết vụ án, kỹ năng đánh giá chứng cứ, kỹ năng buộc tội đối với một số vụ án hình sự, Kỹ năng tranh luận tại phiên tòa giả định.	3	Từ ngày 16/12 - đến ngày 13/01	TL
890.	Luật Hôn nhân và gia đình	Cung cấp và định hướng cho sinh viên những kiến thức pháp lý về khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của Luật hôn nhân và gia đình; những quy định pháp luật về quan hệ hôn nhân và gia đình; nắm được sự phát triển của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; tìm hiểu về các chế định cụ thể của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam như: kết hôn, hủy hôn trái pháp luật; quan hệ pháp luật giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ với con và các thành viên khác trong gia đình; quan hệ cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình; chấm dứt hôn nhân. Đồng thời hình thành khả năng phân tích, bình luận, đánh giá được các quy định pháp luật hôn nhân gia đình và có thể vận dụng để giải quyết các tình huống phát sinh thực tế liên quan đến những quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình.	3	Từ ngày 25/12 - đến ngày 13/01	TL
891.	Luật Đất đai	Cung cấp và định hướng cho sinh viên những kiến thức cơ bản mang tính lý luận về Luật đất đai, về đặc thù trong chế độ sở hữu toàn dân đối với đất đai ở Việt Nam chi phối việc quản lý và sử dụng đất đai và thể hiện cụ thể của nó trong các quy phạm pháp luật đất đai. Đồng thời, trang bị cho sinh viên những kỹ	3	Từ ngày 26/12 - đến ngày 29/03	TL

		năng đọc, hiểu, kỹ năng phân tích, đánh giá các quy định của pháp luật đất đai để vận dụng giải quyết các tình huống thực tế về quản lý và sử dụng đất.			
892	Giáo dục thể chất 1	Nhằm trang bị những kiến thức chuyên môn cho sinh viên cùng những kỹ năng cơ bản trong quá trình tập luyện và thi đấu các môn chạy và nhảy cao trong chuyên ngành điền kinh đảm bảo cho người học đáp ứng chuyên môn. Đồng thời nhằm tăng cường sức khỏe cho người tập, giúp họ phát triển cân đối toàn diện, chuẩn bị thể lực cho hoạt động lao động sản xuất và bảo vệ tổ quốc.	1	Từ ngày 16/8 - đến ngày 18/10	VĐ
893	Kinh tế vi mô	Nắm được nội dung cơ bản của môn Kinh tế học vi mô – một bộ phận của kinh tế học. Cụ thể: Nắm được lý thuyết lựa chọn kinh tế, ảnh hưởng của quy luật khan hiếm và mô hình kinh tế đến việc lựa chọn kinh tế. Nắm được lý thuyết cung cầu. Nắm được lý thuyết về hành vi của người tiêu dùng. Nắm được lý thuyết về hành vi của người sản xuất. Nắm được lý thuyết về cạnh tranh và độc quyền. Nắm được lý thuyết về thị trường yếu tố sản xuất. Nắm được lý thuyết về vai trò của chính phủ. Nắm được sự phân tích ảnh hưởng của các yếu tố đến sự cân bằng của thị trường.	3	Từ ngày 16/8 - đến ngày 30/8	TN
894	Những NLCB của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	Học phân nhằm trang bị cho sinh viên nắm được một cách tương đối có hệ thống những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác Lênin. Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (HP2), Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng; Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên.	3	Từ ngày 14/8 - đến ngày 12/9	TL
895	Tiếng Anh định hướng Toiec 1	Sinh viên giao tiếp tiếng Anh ở trình độ sơ cấp thấp: Biết nghe nói những chủ đề thiết thân hàng ngày	4	Từ ngày 21/8 - đến ngày 20/10	TN

		như: hỏi đường, hỏi giá tiền, thời gian. Biết đọc viết những văn bản ngắn và đơn giản như: nội dung bưu thiếp, e-mail thăm hỏi. Bắt đầu có ý thức so sánh văn hoá Việt – Anh, so sánh 2 ngôn ngữ và nhận ra khác biệt, từ đó hiểu rõ hơn về văn hoá và tiếng mẹ đẻ của mình.			
896.	Tin học căn bản	Cung cấp cho sinh viên khối kiến thức căn bản và các thuật ngữ cập nhật về môn TIN HỌC CĂN BẢN. Mục tiêu của học phần nhằm giúp sinh viên tiếp cận công nghệ thông tin và sử dụng thành thạo tin học văn phòng.	2	Từ ngày 21/8 - đến ngày 22/9	TN
897.	Thống kê xã hội học	Cung cấp một số kiến thức cơ bản nhất về xác suất, thống kê và các thuật ngữ thống kê nhằm giúp người học phân tích thông tin, sắp xếp thu thập dữ liệu; cách thức trình bày bảng số liệu, cách đọc bảng số liệu, các phương pháp về thống kê mô tả như: các hệ số biểu thị mức độ tập trung của biến số, các hệ số biểu thị xu hướng phân tán của biến số. Các phương pháp thống kê suy diễn để phân tích các dữ liệu thu thập được từ các cuộc điều tra như Ước lượng các tham số tổng thể; Kiểm định giả thuyết về mối quan hệ giữa hai biến (Kiểm định Khi-bình phương);...	2	Từ ngày 22/8 - đến ngày 17/10	TL
898.	Giáo dục thể chất 2	Giúp cho sinh viên có khả năng nhận biết một số kỹ thuật cơ bản của bơi lội, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác để trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân và có thể hướng dẫn người chưa biết cùng tham gia tập luyện.	1		VĐ
899.	Kinh tế vĩ mô	Nắm được nội dung cơ bản của môn Kinh tế học vĩ mô – một bộ phận của kinh tế học. Cụ thể: - Nắm được những vấn đề chung về kinh tế học vĩ mô - Nắm được lý thuyết về tổng sản phẩm quốc dân và thu nhập quốc dân. - Nắm được lý thuyết về tổng cầu và chính sách tài khóa - Nắm được lý thuyết về tiền tệ và chính sách tiền tệ	3	Từ ngày 28/12 - đến ngày 30/3	TN

		<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được lý thuyết về tổng cung và chu kỳ kinh doanh - Nắm được lý thuyết về lạm phát và thất nghiệp - Nắm được lý thuyết về kinh tế vĩ mô của nền kinh tế mở. 			
900.	Những NLCB của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	<p>Nắm được nội dung cơ bản học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác – Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Cụ thể: Nắm được học thuyết giá trị của C. Mác. Nắm được học thuyết giá trị thặng dư của C. Mác. Nắm được học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Nắm được nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội. Cụ thể: Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Những vấn đề chính trị – xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng của nó. Môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin nhằm giúp cho SV xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng.</p>	3		TN
901.	Tiếng Anh định hướng Toiec 2	<p>Sinh viên giao tiếp tiếng Anh ở trình độ sơ cấp thấp: Biết nghe nói những chủ đề thiết thân hàng ngày như: hỏi đường, hỏi giá tiền, thời gian. Biết đọc viết những văn bản ngắn và đơn giản như: nội dung bưu thiếp, e-mail thăm hỏi. Bắt đầu có ý thức so sánh văn hoá Việt – Anh, so sánh 2 ngôn ngữ và nhận ra khác biệt, từ đó hiểu rõ hơn về văn hoá và tiếng mẹ đẻ của mình. Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu bản chất của hiện tượng kinh tế, tính quy luật và xu hướng vận động của các hiện tượng và quy luật của kinh tế thị trường.</p> <p>Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu môn kinh tế vĩ mô, kinh tế học phát triển</p>	4		TL

		và một số môn kinh tế khác. Hình thành và phát triển (một bước) năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề kinh tế vi mô. Phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng.			
902.	Lịch sử Nhà nước và Pháp luật Việt Nam	Người học nắm vững kiến thức về lịch sử và pháp luật của nước Việt Nam làm nền tảng cho các môn học pháp luật khác trong khối kiến thức đào tạo cử nhân Luật kinh tế.	2	Từ ngày 27/12 - đến ngày 18/01	TN
903.	Lý luận Nhà nước và pháp luật	Người học nắm vững kiến thức về lịch sử và pháp luật của nước Việt Nam làm nền tảng cho các môn học pháp luật khác trong khối kiến thức đào tạo cử nhân Luật kinh tế.	4	Từ ngày 25/12 - đến ngày 24/01	TL

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1.	Hóa Đại cương vô cơ	Đã nghiệm thu chờ xuất bản	
2.	Thực vật dược	2017	
3.	Hóa hữu cơ	Đã nghiệm thu chờ xuất bản	
4.	Vi sinh vật y học	Đã nghiệm thu chờ xuất bản	
5.	Bệnh học cơ sở	Đã nghiệm thu chờ xuất bản	
6.	Kiểm nghiệm dược phẩm	2017	
7.	Dược lý 1	Đã nghiệm thu chờ xuất bản	
8.	Dược lâm sàng 1	Đã nghiệm thu chờ xuất bản	
9.	Dược lâm sàng 2	Đã nghiệm thu chờ xuất bản	
10.	Hóa dược 1	Đã nghiệm thu chờ xuất bản	
11.	Sinh học di truyền	Đã nghiệm thu chờ xuất bản	

12.	Sức khỏe môi trường	Đã nghiệm thu chờ xuất bản	
13.	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1	Đã nghiệm thu chờ xuất bản	
14.	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 2	Đã nghiệm thu chờ xuất bản	
15.	Điều dưỡng chuyên khoa hệ nội	Đã nghiệm thu chờ xuất bản	
16.	Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại	Đã nghiệm thu chờ xuất bản	
17.	Hóa sinh (CĐ)	Đã nghiệm thu chờ xuất bản	
18.	Dược liệu học (CĐ)	Đã nghiệm thu chờ xuất bản	
19.	Dược liệu học (ĐH Dược liên thông)	2017	
20.	Lý thuyết Bào chế - sinh dược học 1		Đã đăng lý biên soạn
21.	Thực hành Bào chế - sinh dược học 1		Đã đăng lý biên soạn
22.	Thực hành Bào chế - sinh dược học 2		Đã đăng lý biên soạn
23.	Thực tập Hóa Đại cương – vô cơ		Đã đăng lý biên soạn
24.	Hóa phân tích 2		Đã đăng lý biên soạn
25.	Sinh lý bệnh – miễn dịch		Đã đăng lý biên soạn
26.	GT Khí cụ điện	2015	
27.	BG Khí cụ điện	2015	
28.	Kỹ thuật siêu cao tần	2015	
29.	Thiết kế hệ thống điện	2015	
30.	Điện tử công suất	2013	
31.	Tập BG Điện tử công suất	2015	
32.	BG Kỹ thuật điện (bậc ĐH)	2015	
33.	GT Kỹ thuật điện	2008	
34.	Kỹ thuật Video	2015	
35.	Tập BG TT.Kỹ thuật Video	2015	
36.	Sách Kỹ thuật audio - video	2003	
37.	Kỹ thuật Video	2015	
38.	Tài liệu TT.Kỹ thuật Video	2015	
39.	Sách Nguyên lý chuyển đổi analog-digital	2003	
40.	Mạch điện tử Analog (hệ ĐH)	2015	

41.	Tập BG Thực hành Mạch điện tử Analog (hệ ĐH)	2015	
42.	Sách GT Kỹ thuật audio - video	2010	
43.	Tập BG Kỹ thuật Audio (hệ ĐH)	2015	
44.	Tập BG TT Kỹ thuật Audio (hệ ĐH)	2015	
45.	Kỹ thuật audio	2015	
46.	Tập BG Kỹ thuật vi xử lý	2015	
47.	Tập BG Trường điện tử(hệ ĐH)	2015	
48.	Tập BG Cơ sở viễn thông	2015	
49.	Truyền dữ liệu	2015	
50.	Tập BG Hàm phức (hệ ĐH)	2015	
51.	Sách GT hệ quản trị CSDL	2014	
52.	Hệ cơ sở dữ liệu tập 1	2008	
53.	Tập BG Hệ cơ sở dữ liệu (ĐH)	2015	
54.	Tập BG Hệ cơ sở dữ liệu (CĐ)	2015	
55.	Lý thuyết xếp hàng (ĐH)	2015	
56.	Hệ điều hành (CĐ)	2015	
57.	Hệ điều hành (ĐH)	2015	
58.	GT hệ điều hành	2015	
59.	Sách Lý thuyết BT BG quy hoạch tuyến tính tối ưu hóa	2008	
60.	Tập BT quy hoạch tuyến tính (hệ ĐH)		
61.	Phân tích và thiết kế thuật toán (hệ ĐH)	2015	
62.	Phân tích và thiết kế thuật toán (hệ ĐH)	2013	
63.	Toán rời rạc 2 (CĐ)	2015	
64.	Toán rời rạc 2 (ĐH)	2015	
65.	Toán rời rạc 1 (ĐH)	2015	
66.	Toán rời rạc 1 (CĐ)	2015	
67.	TT cấu trúc dữ liệu	2013	
68.	Cấu trúc dữ liệu (data structures)	2012	
69.	Cấu trúc dữ liệu (ĐH)	2015	
70.	Thiết kế cài đặt mạng máy tính (ĐH)	2015	
71.	Thiết kế cài đặt mạng máy tính (CĐ)	2015	
72.	Thiết kế cài đặt mạng máy tính (trung cấp)	2015	

73.	BG môn học nhập môn công nghệ phần mềm		
74.	Open source- phát triển phần mềm mã nguồn mở		
75.	Sách Trí tuệ nhân tạo	1998	
76.	BG Trí tuệ nhân tạo	2015	
77.	GT phân tích thiết kế hệ thống thông tin	2012	
78.	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin (ĐH)	2015	
79.	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin (CD)	2015	
80.	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin (trung cấp)	2015	
81.	BG nhập môn công nghệ phần mềm		
82.	Kỹ thuật đồ họa	2003	
83.	Kỹ thuật đồ họa (ĐH)	2015	
84.	Kỹ thuật đồ họa (CD)	2015	
85.	Mạng máy tính (ĐH)	2015	
86.	Mạng máy tính (CD)	2015	
87.	Mạng máy tính (trung cấp)	2015	
88.	Trình biên dịch	2015	
89.	Chương trình dịch	2015	
90.	TL tham khảo môn xử lý ảnh		
91.	Xử lý ảnh (ĐH)	2015	
92.	GT Lý thuyết thông tin		
93.	Lý thuyết thông tin (ĐH)	2015	
94.	Internet (ĐH)	2015	
95.	BG Internet (ĐH)	2012	
96.	BG Pháp luật chuyên ngành CNTT	2014	
97.	TL tham khảo về văn bản pháp luật về CNTT	2014	
98.	An toàn và bảo mật thông tin (ĐH)	2015	
99.	Tập BG tin học căn bản	2015	
100.	GT hướng dẫn thực hành môn Tin học căn bản	2015	
101.	GT tin học căn bản	2015	
102.	BG lập trình web		
103.	Tập BG Thiết kế và lập trình web (ĐH)	2015	

104.	Tập BG Thiết kế và lập trình web (CĐ)	2015	
105.	Lập Trình căn bản (ĐH)	2015	
106.	Lập Trình căn bản (CĐ)	2015	
107.	GT lập trình hệ thống Tviện	2008	
108.	GT TH lập trình hệ thống	2008	
109.	BG ngôn ngữ hệ thống	2009	
110.	BG môn học quản lý dự án tin học		
111.	Tập BG môn học quản lý dự án tin học	2015	
112.	BG ngôn ngữ lập trình	2010	
113.	Ngôn ngữ lập trình	2013	
114.	GT tin học lý thuyết	2003	
115.	Tập BG tin học lý thuyết (ĐH)	2015	
116.	Tập BG lập trình hướng đối tượng C++ (hệ ĐH)	2015	
117.	Tập BG lập trình hướng đối tượng C++ (hệ CĐ)	2015	
118.	Lập trình hướng đối tượng C++	2003	
119.	BG Lập trình truyền thông	2012	
120.	Tập BG hệ quản trị CSDL oracle (ĐH)	2015	
121.	Tập BG hệ quản trị CSDL oracle (CĐ)	2015	
122.	GT phân tích hệ thống hướng đối tượng	2013	
123.	Tập BG phân tích hệ thống hướng đối tượng (ĐH)	2015	
124.	Tập BG phân tích hệ thống hướng đối tượng (CĐ)	2015	
125.	Tập BG tiếng Anh chuyên ngành (ĐH)	2015	
126.	Tập BG tiếng Anh chuyên ngành (CĐ)	2015	
127.	Tập BG hệ thống cung cấp điện (ĐH)	2015	
128.	Tập BG autocad	2015	
129.	Tập BG linh kiện điện tử	2015	
130.	linh kiện điện tử	2015	
131.	Tập BG thông tin số - điện thoại số (hệ ĐH)	2015	
132.	Gt lý thuyết mạch		
133.	Tập BG lý thuyết mạch (ĐH)	2015	

134.	Sách Đo lường và điều khiển bằng máy tính	1997	
135.	Tập BG Kỹ thuật đo	2015	
136.	Kỹ thuật đo	2015	
137.	Kỹ thuật đo	2009	
138.	Lý thuyết điều khiển tự động	2005	
139.	Tập BG lý thuyết điều khiển tự động hệ tuyến tính		
140.	Sách GT điện tử công nghiệp	2007	
141.	Tập BG điện tử công nghiệp (hệ ĐH)	2015	
142.	Sách Hướng dẫn tự học , cài đặt hoàn chỉnh và sử dụng máy vi tính		
143.	Sách Hướng dẫn tự học , cài đặt hoàn chỉnh và sử dụng máy vi tính (Q.1)	2005	
144.	Kiến trúc máy tính (bậc Đại học)	2015	
145.	Kiến trúc máy tính (bậc Đại học)	2015	
146.	Tập BG Lập trình căn bản điện tử (ĐH)	2015	
147.	Hệ thống viễn thông	2015	
148.	Sách Modern electronic communication	1987	
149.	Anh văn chuyên ngành điện tử (ĐH)	2015	
150.	BG Điện tử nhập môn	2009	
151.	Cơ sở kỹ thuật		
152.	Tập BG truyền động điện (ĐH)	2015	
153.	Tập BG mạch số (ĐH)		
154.	Tập BG TT. mạch số (ĐH)		
155.	GT mạch số	2015	
156.	GT TT. mạch số	2015	
157.	Sách Mạch số	2004	
158.	Sách Thủy lực và nhiệt động công trình	2011	
159.	Thủy lực và nhiệt động công trình	2011	
160.	Sách Cơ học kết cấu tập 1 hệ tĩnh định	2006	
161.	Sách Cơ học kết cấu tập 2 hệ siêu tĩnh	2006	
162.	Sách BT cơ học kết cấu	2010	
163.	Tập BG cơ học kết cấu (trung cấp)	2015	

164.	Tập BG cơ học kết cấu (ĐH)	2015	
165.	Tập BG cơ học kết cấu (CĐ)	2015	
166.	Tập BG lý thuyết tín hiệu (ĐH)	2015	
167.	Tập BG kỹ thuật điện xây dựng (ĐH)		
168.	Tập BG kỹ thuật điện xây dựng (CĐ)		
169.	Sách Thủy văn nước dưới đất	2002	
170.	Tập BG thủy văn công trình (ĐH)	2015	
171.	Tập BG thủy văn công trình (CĐ)	2015	
172.	BG địa chất thủy văn	2010	
173.	BG môn học tin học trong địa chất thủy văn ứng dụng	2012	
174.	Tập BG kỹ thuật thi công (ĐH)	2015	
175.	Tập BG kỹ thuật thi công (CĐ)	2015	
176.	Tập BG địa chất công trình(ĐH)		
177.	Tập BG địa chất công trình(CĐ)		
178.	Tập BG PP nghiên cứu và viết báo cáo khoa học (ĐH)	2014	
179.	Kết cấu thép nhà công nghiệp (kết cấu thép 2) (ĐH)	2015	
180.	Sách Thiết kế kết cấu thép nhà công nghiệp		
181.	Sách Kết cấu thép công trình dân dụng và công nghiệp	2006	
182.	Tập BG nền móng công trình (ĐH)		
183.	Tập BG nền móng công trình (CĐ)		
184.	Tập BG Anh văn chuyên ngành xây dựng	2015	
185.	Tập BG Kết cấu bê tông cơ sở (ĐH)	2015	
186.	Tập BG Kết cấu bê tông cơ sở (CĐ)	2015	
187.	Tập BG Kết cấu bê tông cơ sở (TC)	2015	
188.	Sách Giáo trình Kết cấu bê tông cốt thép - Tập 1: Cấu kiện cơ bản	2001	
189.	Tập BG sức bền vật liệu (CĐ)	2015	
190.	BG sức bền vật liệu (ĐH)	2015	
191.	Giáo trình sức bền vật liệu		
192.	BG Kết cấu thép 2 (Kết cấu thép nhà công nghiệp) (ĐH)		
193.	Tập BG kết cấu gỗ (ĐH)	2015	
194.	Tập BG kết cấu gỗ (CĐ)	2015	

195.	Tập BG Vật liệu xây dựng (ĐH)	2015	
196.	Tập BG Vật liệu xây dựng (CĐ)	2015	
197.	Tập BG Vật liệu xây dựng (TC)	2015	
198.	Giáo trình quy hoạch đô thị	2005	
199.	Bài giảng quy hoạch đô thị	2015	
200.	BG kết cấu thép (ĐH)	2015	
201.	BG kết cấu thép (CĐ)	2015	
202.	BG tin học ứng dụng kỹ thuật 1 (AUTOCAD) (ĐH)	2015	
203.	BG tin học ứng dụng kỹ thuật 1 (AUTOCAD) (CĐ)	2015	
204.	BG tin học ứng dụng kỹ thuật 1 (AUTOCAD) (TC)	2015	
205.	BG AUTOCAD 2007	2010	
206.	BG tin học ứng dụng SAP 2000 V.9	2015	
207.	Tập BG tin học ứng dụng SAP 2000 (ĐH)	2015	
208.	BG thực tập trắc địa đại cương	2014	
209.	Tập BG trắc địa đại cương (ĐH)	2015	
210.	Tập BG trắc địa đại cương (CĐ)	2015	
211.	Tập BG thực tập trắc địa đại cương (ĐH)	2015	
212.	Tập BG thực tập trắc địa đại cương (CĐ)	2015	
213.	Tập BG cơ học đất (ĐH)	2015	
214.	Tập BG cơ học đất (CĐ)	2015	
215.	BG cơ học lý thuyết (ĐH)	2015	
216.	Tập BG luật xây dựng (ĐH)	2015	
217.	Tập BG luật xây dựng (CĐ)	2015	
218.	Tập BG luật xây dựng (TC)	2015	
219.	Sách Kinh tế xây dựng	2010	
220.	Tập BG kinh tế xây dựng	2015	
221.	Tập BG kiến trúc công trình	2015	
222.	Tập BG bê tông cấu kiện đặc biệt		
223.	Tập BG bê tông công trình dân dụng	2015	
224.	Tập BG quản lý dự án xây dựng	2014	
225.	BG hình học và vẽ kỹ thuật xây dựng (ĐH)	2015	
226.	BG hình học và vẽ kỹ thuật xây dựng	2015	

	(CD)		
227.	Sách Bài tập vẽ kỹ thuật xây dựng - Tập 1	2008	
228.	Sách Bài tập vẽ kỹ thuật xây dựng - Tập 2	2009	
229.	BG địa chất thủy văn ứng dụng	2008	
230.	Giáo trình cấp thoát nước	2009	
231.	Sách Cấp thoát nước	2010	
232.	Tập BG cấp thoát nước và XLNT	2014	
233.	Cấp thoát nước	2007	
234.	BG kết cấu gạch đá	2014	
235.	Tập BG kết cấu gạch đá (ĐH)		
236.	Tập BG kết cấu gạch đá (CD)		
237.	BG kết cấu gỗ		
238.	Tập BG nhà nhiều tầng	2014	
239.	Sách Nhà cao tầng bê tông - cốt thép	2012	
240.	Sách Xây dựng đê đập, đắp nền tuyên dân cư trên đất yếu ở ĐBSCL	2002	
241.	Tập BG công trình thủy	2015	
242.	Sách Công trình giao thông - Phần 1: thiết kế đường ô tô	2003	
243.	Tập BG công trình giao thông	2015	
244.	Tập BG máy xây dựng (ĐH)	2015	
245.	Tập BG máy xây dựng (CD)	2015	
246.	Sách Máy và thiết bị xây dựng	2013	
247.	Tập BG tổ chức thi công (ĐH)	2015	
248.	Tập BG tổ chức thi công (CD)	2015	
249.	Tập BG tổ chức thi công (TC)	2015	
250.	Giáo trình kỹ thuật xung		
251.	Tập BG kỹ thuật xung	2015	
252.	Tập BG thực hành mạch điện tử kỹ thuật xung	2015	
253.	Tập BG công trình trên đất yếu (ĐH)	2015	
254.	Tập BG công trình trên đất yếu (CD)	2015	
255.	Tập BG xử lý tín hiệu số	2015	
256.	Tập BG điều khiển logic lập trình	2015	
257.	Tập BG Anten và truyền sóng	2015	
258.	Truyền sóng và anten		

259.	Tập BG vật liệu kỹ thuật điện	2015	
260.	Tập BG kỹ thuật cao áp	2015	
261.	Giáo trình kỹ thuật cao áp	2015	
262.	Giáo trình kỹ thuật cao áp	2015	
263.	Văn hóa Phương Đông	2017	
264.	Du lịch văn hóa Việt Nam	2016	
265.	Tổng quan du lịch	2016	
266.	Địa lí du lịch Việt Nam	2016	
267.	Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam	2016	
268.	Du lịch sinh thái Việt Nam	2016	
269.	Tâm lí du khách và nghệ thuật giao tiếp	2016	
270.	Văn hóa VN trong Đông Nam Á	2016	
271.	Các vùng văn hóa Việt Nam		Dự kiến 2019
272.	Văn học dân gian Việt Nam	2015	Lí luận văn học 1
273.	Văn học dân gian Việt Nam 2	2015	Ngữ dụng học
274.	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2016	
275.	Đặc điểm văn hóa ĐBSCL	2016	
276.	Lí luận văn học 2	2015	
277.	Lí luận văn học 3	2015	
278.	Văn học VN hiện đại 4	2016	
279.	Mĩ học đại cương	2015	
280.	Ngữ âm tiếng Việt	2015	
281.	Hán văn nâng cao	2015	
282.	Chữ Nôm	2016	
283.	Hành vi tổ chức	2017	năm 2015-2016
284.	Vì sinh đại cương		
285.	Sinh học đại cương		
286.	Sinh thái thủy sinh vật	2017	
287.	Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt		
288.	Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi giáp xác		
289.	Quản lí chất lượng nước ao nuôi thủy sản		
290.	Dinh dưỡng và thức ăn thủy sản		

291.	Đánh giá cảm quan thực phẩm		
292.	Hóa học thực phẩm		
293.	Vi sinh thực phẩm		2019
294.	Phương pháp nghiên cứu khoa học		2019
295.	Thủy sản đại cương		2019
296.	Vi sinh ứng dụng trong nuôi trồng thủy sản		2019
297.	Di truyền và chọn giống thủy sản		2019
298.	Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi cá biển		2019
299.	Môi trường và tài nguyên thiên nhiên		2019
300.	An toàn lao động và vệ sinh môi trường công nghiệp		2019
301.	Công nghệ chế biến thủy – hải sản		2019
302.	Quản lý chất lượng và luật thực phẩm		2019
303.	Nguyên lý bảo quản và chế biến thực phẩm		2019
304.	Công nghệ chế biến chè, cà phê, ca cao		2019
305.	Nông nghiệp sạch và bền vững		2019
306.	Kỹ thuật bản đồ địa chính		2019
307.	Ngư loại học		2019
308.	Bệnh truyền nhiễm gia súc, gia cầm		2019
309.	Sinh lý vật nuôi		2019
310.	Kỹ thuật nuôi thủy đặc sản và cá cảnh		2019
311.	Giáo trình thị trường chứng khoán	2009	Môn luật chứng khoán soạn bài giảng điện tử và tập bài tập tháng 3/2019
312.	Tiên trình hội nhập thị trường chứng khoán Việt Nam vào thị trường chứng khoán Asean đến năm 2020	2013	
313.	Phân tích chứng khoán bài tập và bài giải	2009	
314.	Giáo trình một số hợp đồng đặc thù trong lĩnh vực thương mại và kỹ năng đàm phán soạn thảo	2012	
315.	Những Biện Pháp Phòng Chống Rủi Ro Khi Soạn Thảo, Ký Kết Hợp Đồng – Tuyển Chọn, Tham Khảo Các Mẫu Hợp Đồng Thường Dùng	2017	

316.	Tìm Hiểu Kinh Nghiệm Soạn Thảo Và Xử Lý Tranh Chấp Khi Thực Hiện Hợp Đồng	2016	
317.	Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam	2012	
318.	Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam	2009	
319.	Luật Hôn Nhân Và Gia Đình (Được Quốc Hội Thông Qua Khóa XIII) & Các Văn Bản Hướng Dẫn Công Tác Hoạt Động Vì Sự Tiến Bộ Của Phụ Nữ Và Bảo Vệ Chăm Sóc Trẻ Em	2015	
320.	Giáo trình bảo hiểm	2008	
321.	Pháp luật về hoạt động bảo hiểm tiền gửi ở VN hiện nay	2013	
322.	Bảo hiểm và giám định hàng hóa xuất nhập khẩu	2008	
323.	Giáo trình quản trị xuất nhập khẩu	2016	Môn Luật xuất nhập khẩu dự kiến soạn tài liệu tham khảo 2019
324.	Pháp luật về xuất nhập khẩu, NXB Tư pháp	2009	
325.	Hanh toán & tín dụng xuất nhập khẩu	2009	
326.	Giáo trình Luật Lao động	2015	Môn luật lao động soạn Tập bài giảng môn luật lao động tháng 5/2019 Tổng hợp tài liệu môn Luật lao động tháng 9/2019
327.	Pháp luật về giải quyết tranh chấp lao động tập thể-Kinh nghiệm của một số nước đối với VN	2011	
328.	Pháp luật về quyền quản lý lao động của người sử dụng lao động ở VN	2016	
329.	Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam	2005	Môn luật hình sự dự kiến soạn Giáo trình Luật hình sự năm 2019
330.	Luật Hình sự Việt Nam (phần chung)	2012	
331.	Luật Hình sự Việt Nam (phần riêng)	2012	
332.	Giáo trình Luật Tố tụng Hình sự Việt Nam	2015	Môn Luật Tố tụng hình sự dự kiến soạn tài liệu tham khảo Luật tố tụng hình sự Việt Nam năm 2020
333.	Những điểm mới của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015	2016	
334.	Chế định chứng cứ trong luật tố tụng hình sự Việt Nam	2013	
335.	Giáo trình tư pháp quốc tế	2013	Môn Tư pháp quốc tế dự kiến soạn tài liệu tham khảo năm 2021

336.	Tư pháp quốc tế Việt Nam	2010	
337.	Tư pháp quốc tế	2017	
338.	Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật	2012	
339.	Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật	2016	
340.	Kỹ thuật soạn thảo và quản lý văn bản	2011	
341.	Lý luận về Nhà nước và Pháp luật Quyền 1-2	2015	Môn lí luận nhà nước và pháp luật dự kiến soạn tài liệu tham khảo năm 2020
342.	Lý luận nhà nước và pháp luật	2009	
343.	Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật	2017	
344.	Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam	2017	Môn Luật Hiến pháp dự kiến soạn tài liệu tham khảo năm 2019
345.	Bình luận các Điều Hiến pháp 2013	2016	
346.	Bình luận khoa học Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam	2016	
347.	Giáo trình Luật hành chính Việt Nam	2010	
348.	Luật Hành chính Việt Nam – Những vấn đề cơ bản, câu hỏi và tình huống	2011	
349.	Bình luận khoa học Luật xử lý vi phạm hành chính, tập 1,2	2014	
350.	Giáo trình Quản lý thuế		
351.	Cẩm nang pháp luật về thuế nhà thầu nước ngoài và hiệp định tránh đánh thuế hai lần	2014	
352.	Giáo trình thuế và hệ thống thuế ở Việt Nam		
353.	Giáo trình pháp luật về thương mại hàng hoá và dịch vụ	2012	Môn Luật thương mại dự kiến soạn tài liệu tham khảo năm 2019
354.	Chế định về trách nhiệm sản phẩm trong pháp luật Việt Nam	2013	
355.	Pháp luật về đấu giá hàng hóa trong thương mại Việt Nam	2013	
356.	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	2016	
357.	Luật Doanh nghiệp Việt Nam, Tình huống – Dẫn giải – Bình luận	2016	
358.	Giáo trình Luật tổ tụng dân sự	2017	Môn luật Tố tụng dân sự dự kiến soạn tài liệu tham khảo năm 2021
359.	Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự và chỉ dẫn áp dụng PL tố tụng dân sự	2013	

360.	Bình luận khoa học những điểm mới của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015	2016	
361.	Giáo trình luật thương mại quốc tế	2016	Môn luật thương mại quốc tế dự kiến soạn tài liệu tham khảo năm 2020
362.	TT một số điều ước -giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế	2013	
363.	Giáo trình Luật thương mại quốc tế (Phần 1, 2)	2015	
364.	Giáo trình Luật Dân sự (Tập 1,2)	2017	Môn luật dân sự soạn tài liệu tham khảo năm 2020
365.	Bình luận khoa học Bộ luật dân sự của nước CHXHCN Việt Nam	2015	
366.	Bình luận những điểm mới của Bộ luật dân sự 2015	2016	
367.	Những vấn đề cần biết về Luật Đầu tư năm 2014	2017	Môn Luật đầu tư soạn tài liệu tham khảo năm 2020
368.	Giáo trình luật Đầu tư quốc tế	2017	
369.	Giáo trình luật đầu tư	2009	
370.	Quản trị ngân hàng thương mại hiện đại	2012	
371.	Giáo trình ngân hàng	2015	
372.	HTVB Pháp luật ngân hàng	2014	
373.	Giáo trình Luật Đất đai	2016	Môn luật đất đai dự kiến soạn tài liệu tham khảo năm 2019
374.	Giáo trình Luật Đất đai	2016	
375.	Luật Đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành	2017	
376.	Nguyễn Văn Hòa		
377.	Giải quyết tranh chấp thương mại WTO/ PGS. TS Mai Hồng Quý, TS. Đỗ Văn Đại	2010	
378.	Tìm hiểu luật WTO qua một số vụ kiện về chống bán phá giá	2013	
379.	Quyền con người và WTO	2014	
380.	Tìm hiểu luật WTO qua một số vụ kiện về trợ cấp	2014	
381.	Giáo trình pháp luật về cạnh tranh và giải quyết tranh chấp thương mại	2012	Môn luật cạnh tranh soạn Giáo trình luật cạnh tranh năm 2019
382.	Pháp luật cạnh tranh chuyên giao công nghệ và Hiệp định TRIP/ Nguyễn Thanh Tú	2010	
383.	Cẩm nang tra cứu pháp luật về cạnh tranh	2016	
384.	Giáo trình luật môi trường	2013	

385.	Trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với hành vi làm ô nhiễm môi trường ở Việt Nam hiện nay	2016	
386.	Giáo trình luật môi trường	2007	
387.	Giáo trình luật sở hữu trí tuệ	2015	
388.	Tình huống luật Sở hữu trí tuệ	2016	
389.	Quyên tác giả: đường hội nhập không trải hoa hồng	2017	
390.	Phương pháp, quy trình và kỹ thuật nghiên cứu cơ bản trong khoa học pháp lý	2016	
391.	Giáo trình phương pháp và kỹ năng nghiên cứu khoa học	2016	
392.	Giáo trình kỹ năng nghiên cứu và lập luận	2013	
393.	Giáo trình Kinh tế phát triển	2005	
394.	Phương pháp xử lý tình huống và nội dung cơ bản trong hoạt động quản lý hành chính	2014	
395.	Cẩm nang pháp luật về hợp đồng điện tử	2006	Môn Pháp luật về thương mại điện tử soạn giáo trình năm 2019
396.	Thương mại điện tử	2011	
397.	Tìm hiểu các quy định pháp luật về bán hàng qua mạng internet	2016	
398.	Luật mẫu của UNCITRAL về thương mại điện tử 1996		
399.	English for Lawyer	2001	
400.	Hoàn thiện tiếng Anh chuyên ngành Luật	2004	
401.	C.Paul Verghese	2003	
402.	Giáo trình lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới	2014	
403.	Các bảng hiến pháp làm nên lịch sử	2012	
404.	Lịch sử thế giới Trung đại	2014	
405.	Giáo trình lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	2013	
406.	Đại việt sử ký toàn thư	2013	
407.	Xã Hội Việt Nam Thời Pháp Thuộc	2016	
408.	Giáo trình Luật So Sánh	2009	
409.	Hiến Pháp Việt Nam Qua Các Thời Kỳ	2017	
410.	Luật 101: Mọi Điều Bạn Cần Biết Về Pháp Luật Hoa Kỳ	2014	
411.	Giáo trình luật ngân sách nhà	2014	Môn Luật ngân sách soạn

	nước/ĐHLHN		Tài liệu tham khảo năm 2019
412.	Tài chính công và phân tích chính sách thuế	2009	
413.	Giáo trình luật thuế	2016	
414.	Giáo trình công pháp quốc tế -Phần I, II	2013	
415.	Văn bản luật quốc tế - Một số vấn đề cơ bản của luật quốc tế	2013	
416.	Quyền con người trong luật quốc tế và pháp luật Việt Nam	2014	
417.	Đăng ký bất động sản - Những vấn đề lý luận và thực tiễn	2011	
418.	Những vấn đề pháp lý về thị trường quyền sử dụng đất	2016	
419.	Chính sách phát triển thị trường bất động sản ở Việt Nam NXB Chính trị quốc gia - Sự thật	2015	
420.	Từ điển luật học	2006	
421.	Đề hoàn thành tốt luận văn ngành luật	2016	

E. Công khai thông tin về đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1.	Tiến sĩ				
2.	Thạc sĩ				
3.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh trong điều trị viêm phổi trẻ em tại Khoa nhi tại Bệnh viện Đa khoa Cái Nước.	Trần Thị Hồng	Bùi Tùng Hiệp	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh trong điều trị viêm phổi trẻ em tại Khoa nhi tại Bệnh viện Đa khoa Cái Nước.
4.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc giảm đau, kháng viêm NSAIDS điều trị các bệnh viêm xương - khớp tại khoa nội tim mạch bệnh viện Đa khoa Trung Ương.	Nguyễn Tiến Thành	Bùi Tùng Hiệp	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc giảm đau, kháng viêm NSAIDS điều trị các bệnh viêm xương - khớp tại khoa nội tim mạch bệnh viện Đa khoa Trung Ương.
5.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc Metformin trên bệnh nhân điều trị đái tháo đường tuýp 2 tại trung tâm y tế Thị Xã Ngã Năm.	Phạm Ngọc Như Mai	Bùi Tùng Hiệp	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc Metformin trên bệnh nhân điều trị đái tháo đường tuýp 2 tại trung tâm y tế Thị Xã Ngã Năm.
6.	Đại học	Khảo sát tình hình sử	Nguyễn Ngọc	Bùi Tùng	Khảo sát tình hình sử

		dụng và hiệu quả điều trị của nhóm thuốc ức chế men chuyển trong điều trị tăng huyết áp tại bệnh viện ĐKTW Cần Thơ	Bích Hà	Hiệp	dụng và hiệu quả điều trị của nhóm thuốc ức chế men chuyển trong điều trị tăng huyết áp tại bệnh viện ĐKTW Cần Thơ
7.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh nhóm beta – lactam trong điều trị nhiễm trùng tiểu tại khoa ngoại niệu BV ĐKTW Cần Thơ	Lê Thanh Nghị	Bùi Tùng Hiệp	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh nhóm beta – lactam trong điều trị nhiễm trùng tiểu tại khoa ngoại niệu BV ĐKTW Cần Thơ
8.	Đại học	Bệnh đái tháo đường và hiệu quả điều trị của thuốc dùng cho bệnh nhân đái tháo đường typ 2 tại bệnh viện đa khoa thành phố Cà Mau, năm 2017	Nguyễn Thị Cẩm Linh	Bùi Tùng Hiệp	Bệnh đái tháo đường và hiệu quả điều trị của thuốc dùng cho bệnh nhân đái tháo đường typ 2 tại bệnh viện đa khoa thành phố Cà Mau, năm 2017
9.	Đại học	Định lượng acetylcystein trong dược phẩm	Huỳnh Thanh Duy	Đinh Thị Thanh Loan	Định lượng acetylcystein trong dược phẩm
10.	Đại học	Định lượng ampicilin trong dược phẩm	Hồ Minh Cảnh	Đinh Thị Thanh Loan	Định lượng ampicilin trong dược phẩm
11.	Đại học	Chiết xuất và thu cao phân đoạn từ rễ cây Đinh lăng (Polyscias fruticosa (L.) Harms).	Nguyễn Văn Vạn	Đỗ Văn Mai	Chiết xuất và thu cao phân đoạn từ rễ cây Đinh lăng (Polyscias fruticosa (L.) Harms).
12.	Đại học	Chiết xuất và thu cao phân đoạn từ lá cây Đinh lăng (Polyscias fruticosa (L.) Harms).	Từ Thanh Toàn	Đỗ Văn Mai	Chiết xuất và thu cao phân đoạn từ lá cây Đinh lăng (Polyscias fruticosa (L.) Harms).
13.	Đại học	Xác định tỷ lệ tương tác trong đơn thuốc tại khoa hô hấp ở bệnh viện đa khoa trung ương TPCT	Cam Cẩm Giang	Giang Thị Thu Hồng	Xác định tỷ lệ tương tác trong đơn thuốc tại khoa hô hấp ở bệnh viện đa khoa trung ương TPCT
14.	Đại học	Xác định tỷ lệ tương tác trong đơn thuốc tại khoa tiêu hóa ở bệnh viện đa khoa trung ương TPCT	Võ Thị Hải Cơ	Giang Thị Thu Hồng	Xác định tỷ lệ tương tác trong đơn thuốc tại khoa tiêu hóa ở bệnh viện đa khoa trung ương TPCT
15.	Đại học	Xác định tỷ lệ tương tác trong đơn thuốc tại khoa nội tim mạch ở bệnh viện đa khoa trung ương TPCT	Võ Thị Thúy Ngân	Giang Thị Thu Hồng	Xác định tỷ lệ tương tác trong đơn thuốc tại khoa nội tim mạch ở bệnh viện đa khoa trung ương TPCT
16.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh trong điều trị nhiễm trùng huyết tại khoa nhiễm bệnh viện Đa Khoa Trung Ương Cần Thơ	Nguy Tuấn Phát	Lê Phú Nguyên Thảo	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh trong điều trị nhiễm trùng huyết tại khoa nhiễm bệnh viện Đa Khoa Trung Ương Cần Thơ

17.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh trong điều trị bệnh viêm xoang tại khoa tai mũi họng bệnh viện Đa Khoa Trung Ương Cần Thơ	Phan Thuý Tiên	Lê Phú Nguyên Thảo	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh trong điều trị bệnh viêm xoang tại khoa tai mũi họng bệnh viện Đa Khoa Trung Ương Cần Thơ
18.	Đại học	Khảo sát thực trạng và phân tích tình hình quản lý, cấp phát thuốc nội trú tại bệnh viện Đa Khoa Huyện Phú Tân AG năm 2018	Nguyễn Thị Bảo Ngân	Lương Thanh Long	Khảo sát thực trạng và phân tích tình hình quản lý, cấp phát thuốc nội trú tại bệnh viện Đa Khoa Huyện Phú Tân AG năm 2018
19.	Đại học	Khảo sát việc chấp hành luật Dược và các quy chế dược trong hệ thống bán lẻ thuốc trên địa bàn phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ theo thông tư số 46/2011/TT-BYT của Bộ Y Tế	Nguyễn Trọng Tín	Lưu Hoàng Minh Khoa	Khảo sát việc chấp hành luật Dược và các quy chế dược trong hệ thống bán lẻ thuốc trên địa bàn phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ theo thông tư số 46/2011/TT-BYT của Bộ Y Tế
20.	Đại học	Khảo sát tình hình bán lẻ thuốc trên địa bàn xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, năm 2018	Nguyễn Thị Mỹ Thương	Lưu Hoàng Minh Khoa	Khảo sát tình hình bán lẻ thuốc trên địa bàn xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, năm 2018
21.	Đại học	Khảo sát thực trạng thực hiện nguyên tắc, tiêu chuẩn "Thực hành tốt nhà thuốc, GPP" tại huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, năm 2018	Nguyễn Bình Phương Tri	Lưu Hoàng Minh Khoa	Khảo sát thực trạng thực hiện nguyên tắc, tiêu chuẩn "Thực hành tốt nhà thuốc, GPP" tại huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, năm 2018
22.	Đại học	Khảo sát thực trạng thực hiện nguyên tắc, tiêu chuẩn "Thực hành tốt nhà thuốc, GPP" tại thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, năm 2018	Bùi Nguyễn Hạnh Nhân	Lưu Hoàng Minh Khoa	Khảo sát thực trạng thực hiện nguyên tắc, tiêu chuẩn "Thực hành tốt nhà thuốc, GPP" tại thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, năm 2018
23.	Đại học	Khảo sát thực trạng thực hiện nguyên tắc, tiêu chuẩn "Thực hành tốt nhà thuốc, GPP" tại xã Tân Phong, tỉnh Bạc Liêu, năm 2018	Nguyễn Ngọc Phụng	Lưu Hoàng Minh Khoa	Khảo sát thực trạng thực hiện nguyên tắc, tiêu chuẩn "Thực hành tốt nhà thuốc, GPP" tại xã Tân Phong, tỉnh Bạc Liêu, năm 2018
24.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh tại khoa ngoại chấn thương BVĐK tỉnh Hậu Giang, năm 2018	Trần Nguyễn Thị Diễm Kiều	Lưu Hoàng Minh Khoa	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh tại khoa ngoại chấn thương BVĐK tỉnh Hậu Giang, năm 2018
25.	Đại học	Khảo sát thực trạng thực hiện nguyên tắc, tiêu	Phan Ngọc Xuân	Lưu Hoàng Minh Khoa	Khảo sát thực trạng thực hiện nguyên tắc,

		chuẩn "Thực hành tốt nhà thuốc, GPP" trên địa bàn phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp			tiêu chuẩn "Thực hành tốt nhà thuốc, GPP" trên địa bàn phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
26.	Đại học	Khảo sát việc sử dụng kháng sinh của tân sinh viên (K12) khoa Dược-Điều dưỡng , Trường Đại Học Tây Đô	Huỳnh Trúc Vy	Nguyễn Chí Toàn	Khảo sát việc sử dụng kháng sinh của tân sinh viên (K12) khoa Dược-Điều dưỡng , Trường Đại Học Tây Đô
27.	Đại học	Nghiên cứu về hệ thống sắc ký lỏng khối phổ LCMSMS, ứng dụng trong việc phân tích mẫu ở Khoa Dược -Điều Dưỡng ĐH TÂY ĐÔ	Đặng Vương Triều	Nguyễn Chí Toàn	Nghiên cứu về hệ thống sắc ký lỏng khối phổ LCMSMS, ứng dụng trong việc phân tích mẫu ở Khoa Dược -Điều Dưỡng ĐH TÂY ĐÔ
28.	Đại học	Khảo sát việc sử dụng thuốc trong điều trị thoái hóa khớp ở khoa Đông Y, BV 121 Thành phố Cần Thơ	Kiều Thị Phương Anh	Nguyễn Chí Toàn	Khảo sát việc sử dụng thuốc trong điều trị thoái hóa khớp ở khoa Đông Y, BV 121 Thành phố Cần Thơ
29.	Đại học	Khảo sát việc sử dụng kháng sinh trong điều trị ngoại trú ở Trung Tâm Y tế Huyện Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang	Bùi Thị Ngọc Mai	Nguyễn Chí Toàn	Khảo sát việc sử dụng kháng sinh trong điều trị ngoại trú ở Trung Tâm Y tế Huyện Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang
30.	Đại học	Xây dựng qui trình kiểm định các thiết bị phân tích ở Khoa Dược - Điều Dưỡng , Trường Đại Học Tây Đô	Trần Phi Hoàng	Nguyễn Chí Toàn	Xây dựng qui trình kiểm định các thiết bị phân tích ở Khoa Dược - Điều Dưỡng , Trường Đại Học Tây Đô
31.	Đại học	Khảo sát việc sử dụng kháng sinh trong điều trị ngoại trú ở trung tâm y tế huyện tam Bình, Tỉnh Vĩnh long	Đặng Thị Minh Hiền	Nguyễn Chí Toàn	Khảo sát việc sử dụng kháng sinh trong điều trị ngoại trú ở trung tâm y tế huyện tam Bình, Tỉnh Vĩnh long
32.	Đại học	Khảo sát việc sử dụng kháng sinh nhóm cephalosporin ở Khoa Tai - Mũi - Họng, Bệnh viện Đa Khoa Hoàng Tuấn, Tỉnh Sóc Trăng	Nguyễn Huỳnh Nghiêm	Nguyễn Chí Toàn	Khảo sát việc sử dụng kháng sinh nhóm cephalosporin ở Khoa Tai - Mũi - Họng, Bệnh viện Đa Khoa Hoàng Tuấn, Tỉnh Sóc Trăng
33.	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự bền vững của Nhũ Tương	Đinh Thị Mỹ Anh	Nguyễn Hiếu Trung	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự bền vững của Nhũ Tương
34.	Đại học	Nghiên cứu tổng quan các dạng thuốc có chứa hoạt chất Cloramphenicol	Nguyễn Tuyết Nhi	Nguyễn Hiếu Trung	Nghiên cứu tổng quan các dạng thuốc có chứa hoạt chất Cloramphenicol
35.	Đại học	Nghiên cứu tổng quan	Hồng Thanh	Nguyễn	Nghiên cứu tổng quan

		các chất bảo quản trong bào chế dung dịch thuốc	Trường	Hiếu Trung	các chất bảo quản trong bào chế dung dịch thuốc
36.	Đại học	Nghiên cứu tổng quan các dạng bào chế thuốc viên nang Mềm	Nguyễn An Ngọc Thảo	Nguyễn Hiếu Trung	Nghiên cứu tổng quan các dạng bào chế thuốc viên nang Mềm
37.	Đại học	Nghiên cứu tổng quan các dạng thuốc có chứa hoạt chất Clopheniramin	Thái Bình Thanh	Nguyễn Hiếu Trung	Nghiên cứu tổng quan các dạng thuốc có chứa hoạt chất Clopheniramin
38.	Đại học	Tổng quan các chất sát khuẩn dùng trong bào chế thuốc Tra mắt	Nguyễn Minh Tâm	Nguyễn Hiếu Trung	Tổng quan các chất sát khuẩn dùng trong bào chế thuốc Tra mắt
39.	Đại học	Nghiên cứu tổng quan các dung môi và tá dược dùng trong bào chế thuốc Tiêm	Lê Thị Tuyết Sang	Nguyễn Hiếu Trung	Nghiên cứu tổng quan các dung môi và tá dược dùng trong bào chế thuốc Tiêm
40.	Đại học	Nghiên cứu tổng quan các phương pháp kiểm nghiệm thuốc Nano	Nguyễn Lý Phương Quyên	Nguyễn Hiếu Trung	Nghiên cứu tổng quan các phương pháp kiểm nghiệm thuốc Nano
41.	Đại học	Nghiên cứu tổng quan các phương pháp bào chế Nano Piroxicam	Nguyễn Thị Kim Ngọc Yến	Nguyễn Hiếu Trung	Nghiên cứu tổng quan các phương pháp bào chế Nano Piroxicam
42.	Đại học	Nghiên cứu tổng quan các dạng bào chế thuốc phóng thích kéo dài	Nguyễn Bá Đạt	Nguyễn Hiếu Trung	Nghiên cứu tổng quan các dạng bào chế thuốc phóng thích kéo dài
43.	Đại học	Nghiên cứu tổng quan các chế phẩm nguồn gốc thảo dược hỗ trợ chức năng Gan	Nguyễn Hoàng Ái Trân	Nguyễn Hiếu Trung	Nghiên cứu tổng quan các chế phẩm nguồn gốc thảo dược hỗ trợ chức năng Gan
44.	Đại học	Nghiên cứu tổng quan các phương pháp bào chế Liposome	Trần Quốc Quang	Nguyễn Hiếu Trung	Nghiên cứu tổng quan các phương pháp bào chế Liposome
45.	Đại học	Nghiên cứu chế tạo than hoạt tính từ bã cà phê trung nguyên và khảo sát khả năng hấp phụ màu hữu cơ	Tô Thị Hồng Kim	Nguyễn Minh Kha	Nghiên cứu chế tạo than hoạt tính từ bã cà phê trung nguyên và khảo sát khả năng hấp phụ màu hữu cơ
46.	Đại học	Nghiên cứu chế tạo than hoạt tính từ gạo dứa và khảo sát khả năng hấp phụ chất điện giải đơn thành phần	Nguyễn Phước Thanh Toàn	Nguyễn Minh Kha	Nghiên cứu chế tạo than hoạt tính từ gạo dứa và khảo sát khả năng hấp phụ chất điện giải đơn thành phần
47.	Đại học	Nghiên cứu chế tạo than hoạt tính từ bã cà phê Trung Nguyên và khảo sát khả năng hấp phụ chất điện giải đa thành phần	Nguyễn Chí Lil	Nguyễn Minh Kha	Nghiên cứu chế tạo than hoạt tính từ bã cà phê Trung Nguyên và khảo sát khả năng hấp phụ chất điện giải đa thành phần
48.	Đại học	Nghiên cứu chế tạo than hoạt tính từ bã cà phê Trung Nguyên và khảo	Huỳnh Ngọc	Nguyễn Minh Kha	Nghiên cứu chế tạo than hoạt tính từ bã cà phê Trung Nguyên và khảo

		sát một số tính chất hóa lý ảnh hưởng đến khả năng hấp phụ			sát một số tính chất hóa lý ảnh hưởng đến khả năng hấp phụ
49.	Đại học	Nghiên cứu chế tạo than hoạt tính từ bã cà phê Trung Nguyên và khảo sát khả năng hấp phụ màu vô cơ	Nguyễn Văn Thanh	Nguyễn Minh Kha	Nghiên cứu chế tạo than hoạt tính từ bã cà phê Trung Nguyên và khảo sát khả năng hấp phụ màu vô cơ
50.	Đại học	Nghiên cứu chế tạo than hoạt tính từ gạo dứa và khảo sát khả năng hấp phụ chất điện giải đa thành phần	Nguyễn Hoàng Khải	Nguyễn Minh Kha	Nghiên cứu chế tạo than hoạt tính từ gạo dứa và khảo sát khả năng hấp phụ chất điện giải đa thành phần
51.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc trong điều trị bệnh tăng huyết áp tại trung tâm y tế huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Cao Thị Yến Ly	Nguyễn Thanh Huy	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc trong điều trị bệnh tăng huyết áp tại trung tâm y tế huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng
52.	Đại học	Khảo sát tình hình bán lẻ thuốc tại các nhà thuốc đạt chuẩn GPP trên địa bàn thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long, 2018	Lâm Thị Hằng Ni	Nguyễn Thanh Huy	Khảo sát tình hình bán lẻ thuốc tại các nhà thuốc đạt chuẩn GPP trên địa bàn thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long, 2018
53.	Đại học	Khảo sát thực trạng thực hiện nguyên tắc tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc GPP trên địa bàn huyện Bình Minh, Vĩnh Long, năm 2018	Nguyễn Bích Tuyền	Nguyễn Thanh Huy	Khảo sát thực trạng thực hiện nguyên tắc tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc GPP trên địa bàn huyện Bình Minh, Vĩnh Long, năm 2018
54.	Đại học	So sánh công dụng, thành phần hóa học các loại Nấm Linh chi ở Việt Nam	Trần Nhật Tính	Nguyễn Thị Thúy Lan	So sánh công dụng, thành phần hóa học các loại Nấm Linh chi ở Việt Nam
55.	Đại học	Tổng quan các dạng sản phẩm chứa nấm Linh chi	Phan Thị Thúy Phượng	Nguyễn Thị Thúy Lan	Tổng quan các dạng sản phẩm chứa nấm Linh chi
56.	Đại học	Nghiên cứu phương pháp điện di mao quản trong phân tích dược liệu.	Trần Nhật Minh	Phạm Thành Trọng	Nghiên cứu phương pháp điện di mao quản trong phân tích dược liệu.
57.	Đại học	Phương pháp chiết xuất và phân lập trong xác định thành phần cây Mật gấu (Vernonia amygdalina Del)	Nguyễn Phúc Vinh	Phạm Thành Trọng	Phương pháp chiết xuất và phân lập trong xác định thành phần cây Mật gấu (Vernonia amygdalina Del)
58.	Đại học	Khảo sát công nghệ đóng gói bao bì thuốc tiêm truyền	Nguyễn Xuân Khiêm	Thái Thị Kim Tươi	Khảo sát công nghệ đóng gói bao bì thuốc tiêm truyền
59.	Đại học	Khảo sát tình hình bán	Trần Xuân An	Trần Quang	Khảo sát tình hình bán

		lê thuốc của một số nhà thuốc trên địa bàn xã Đại Ngãi, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, 2018		Trí	lê thuốc của một số nhà thuốc trên địa bàn xã Đại Ngãi, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, 2018
60.	Đại học	Khảo sát tình hình bán lẻ thuốc của một số nhà thuốc đạt chuẩn GPP trên địa bàn TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, 2018.	Trần Thị Hằng Nga	Trần Quang Trí	Khảo sát tình hình bán lẻ thuốc của một số nhà thuốc đạt chuẩn GPP trên địa bàn TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, 2018.
61.	Đại học	Phân tích thực trạng thực hiện nguyên tắc, tiêu chuẩn "Thực hành tốt nhà thuốc, GPP" tại Sóc Trăng, năm 2018	Nguyễn Thị Huỳnh Giao	Trần Quang Trí	Phân tích thực trạng thực hiện nguyên tắc, tiêu chuẩn "Thực hành tốt nhà thuốc, GPP" tại Sóc Trăng, năm 2018
62.	Đại học	Khảo sát việc chấp hành Luật Dược và qui chế dược trong các cơ sở bán lẻ thuốc trên địa bàn xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre	Phạm Minh Hiền	Trần Quang Trí	Khảo sát việc chấp hành Luật Dược và qui chế dược trong các cơ sở bán lẻ thuốc trên địa bàn xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre
63.	Đại học	Phân tích thực trạng thực hiện nguyên tắc, tiêu chuẩn "Thực hành tốt nhà thuốc, GPP" tại phường 4, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Võ Thụy Trân Châu	Trần Quang Trí	Phân tích thực trạng thực hiện nguyên tắc, tiêu chuẩn "Thực hành tốt nhà thuốc, GPP" tại phường 4, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
64.	Đại học	Xây dựng bộ sưu tập DL chữa cảm sốt, sốt rét	Phạm Minh Đoàn	Vũ Thị Bình	Xây dựng bộ sưu tập DL chữa cảm sốt, sốt rét
65.	Đại học	Xây dựng bộ sưu tập DL có tác dụng giảm đau chữa thấp khớp	Hà Ngọc Lâm	Vũ Thị Bình	Xây dựng bộ sưu tập DL có tác dụng giảm đau chữa thấp khớp
66.	Đại học	Xây dựng bộ sưu tập DL có tác dụng kích thích tiêu hóa, trị tiêu chảy	Bùi Quang Huy	Vũ Thị Bình	Xây dựng bộ sưu tập DL có tác dụng kích thích tiêu hóa, trị tiêu chảy
67.	Đại học	Khảo sát chi phí điều trị của bệnh đái tháo đường typ 2 trong điều trị ngoại trú tại bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ năm 2018	Nguyễn Thị Thu Hương	Vũ Thị Thảo Ly	Khảo sát chi phí điều trị của bệnh đái tháo đường typ 2 trong điều trị ngoại trú tại bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ năm 2018
68.	Đại học	Khảo sát thực trạng duy trì các nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc của các nhà thuốc đạt GPP trên địa bàn huyện Tân Phú Thạnh, Hậu Giang năm 2018	Nguyễn Thái Bảo	Vũ Thị Thảo Ly	Khảo sát thực trạng duy trì các nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc của các nhà thuốc đạt GPP trên địa bàn huyện Tân Phú Thạnh, Hậu Giang năm 2018

69.	Đại học	Khảo sát thực trạng thực hiện thực hành tốt phân phối tại công ty YTECO CN Cần Thơ và đánh giá sự hài lòng của khách hàng về dịch vụ phân phối từ công ty	Nguyễn Thị Vân Anh	Phạm Đoàn Vi	Khảo sát thực trạng thực hiện thực hành tốt phân phối tại công ty YTECO CN Cần Thơ và đánh giá sự hài lòng của khách hàng về dịch vụ phân phối từ công ty
70.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh đái tháo đường type 2 tại khoa nội tiết bệnh viện đa khoa trung ương Cần Thơ	Hà Ngọc Mỹ Diễm	Lâm Thị Thu Quyên	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh đái tháo đường type 2 tại khoa nội tiết bệnh viện đa khoa trung ương Cần Thơ
71.	Đại học	Khảo sát khả năng ức chế dung nạp đường và nồng độ gây độc trên chuột nhắt của cao chiết từ lá xoài	Nguyễn Hoàng Huynh	Dương Thị Bích	Khảo sát khả năng ức chế dung nạp đường và nồng độ gây độc trên chuột nhắt của cao chiết từ lá xoài
72.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh trong điều trị viêm phổi tại khoa Nội hô hấp – Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ	Võ Yến Khoa	Lê Phú Nguyên Thảo	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh trong điều trị viêm phổi tại khoa Nội hô hấp – Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ
73.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc trên bệnh nhân đái tháo đường typ 2 tại khoa nội tiết bệnh viện Đa Khoa Trung Ương Cần Thơ từ 10/2017 đến 4/2018	Trần Thị Ngọc Linh	Bùi Tùng Hiệp	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc trên bệnh nhân đái tháo đường typ 2 tại khoa nội tiết bệnh viện Đa Khoa Trung Ương Cần Thơ từ 10/2017 đến 4/2018
74.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh điều trị ngoại trú tại bệnh viện Nhi Đồng TP. Cần Thơ từ 10/2017 - 03/2018	Nguyễn Thị Trúc Linh	Phạm Đoàn Vi	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh điều trị ngoại trú tại bệnh viện Nhi Đồng TP. Cần Thơ từ 10/2017 - 03/2018
75.	Đại học	Tổng hợp và thiết lập tạp chất a diclofenac làm chuẩn tạp	Huỳnh Ngọc Mai	Nguyễn Phước Định	Tổng hợp và thiết lập tạp chất a diclofenac làm chuẩn tạp
76.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị viêm loét dạ dày tá tràng tại khoa Nội tiêu hóa - Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ	Huỳnh Diễm Mi	Lê Phú Nguyên Thảo	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị viêm loét dạ dày tá tràng tại khoa Nội tiêu hóa - Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ
77.	Đại học	Khảo sát thực trạng và phân tích tình hình quản lý, cấp phát thuốc nội trú tại bệnh viện Vĩnh Thuận - Kiên Giang năm 2018	Lê Trần Diễm My	Lương Thanh Long	Khảo sát thực trạng và phân tích tình hình quản lý, cấp phát thuốc nội trú tại bệnh viện Vĩnh Thuận - Kiên Giang năm 2018

78.	Đại học	Khảo sát thực trạng thực hiện thực hành tốt phân phối tại công ty Dược phẩm Savi CN Cần Thơ và đánh giá sự hài lòng của khách hàng về dịch vụ phân phối từ công ty	Huỳnh Nguyễn Vy Quân	Lương Thanh Long	Khảo sát thực trạng thực hiện thực hành tốt phân phối tại công ty Dược phẩm Savi CN Cần Thơ và đánh giá sự hài lòng của khách hàng về dịch vụ phân phối từ công ty
79.	Đại học	Nghiên cứu bào chế chế phẩm dạng bột hòa tan hỗ trợ điều trị các bệnh về tim mạch từ nấm Linh chi và Cà phê	Nguyễn Thị Anh Thu	Nguyễn Thị Thúy Lan	Nghiên cứu bào chế chế phẩm dạng bột hòa tan hỗ trợ điều trị các bệnh về tim mạch từ nấm Linh chi và Cà phê
80.	Đại học	Bước đầu đánh giá lối sống và sự hiểu biết về bệnh cho bệnh nhân đái tháo đường tại khoa tim mạch - nội tiết bệnh viện Quân Y 121 Thành phố Cần Thơ.	Nguyễn Lê Anh Thu	Dương Phước An	Bước đầu đánh giá lối sống và sự hiểu biết về bệnh cho bệnh nhân đái tháo đường tại khoa tim mạch - nội tiết bệnh viện Quân Y 121 Thành phố Cần Thơ.
81.	Đại học	Nghiên cứu chế tạo than hoạt tính từ gạo dứa, khảo sát khả năng hấp phụ và ứng dụng lọc bỏ chất điện ly ra khỏi mẫu nước sinh hoạt bằng phương pháp lưu dẫn qua cột nhồi.	Phan Tây Thi	Nguyễn Minh Kha	Nghiên cứu chế tạo than hoạt tính từ gạo dứa, khảo sát khả năng hấp phụ và ứng dụng lọc bỏ chất điện ly ra khỏi mẫu nước sinh hoạt bằng phương pháp lưu dẫn qua cột nhồi.
82.	Đại học	Bước đầu đánh giá hiệu quả điều trị bệnh nhân Đái tháo đường tại Trung tâm Y tế Ngã Bảy	Lê Trần Anh Trâm	Bùi Tùng Hiệp	Bước đầu đánh giá hiệu quả điều trị bệnh nhân Đái tháo đường tại Trung tâm Y tế Ngã Bảy
83.	Đại học	Khảo sát thực trạng và phân tích tình hình quản lý, cấp phát thuốc nội trú tại bệnh viện Nhi Đồng TP. Cần Thơ năm 2018	Nguyễn Thị Trinh	Phạm Đoàn Vi	Khảo sát thực trạng và phân tích tình hình quản lý, cấp phát thuốc nội trú tại bệnh viện Nhi Đồng TP. Cần Thơ năm 2018
84.	Đại học	Nghiên cứu chế tạo than hoạt tính từ bã cà phê trung nguyên, khảo sát khả năng hấp phụ và khả năng lọc bỏ chất điện ly ra khỏi mẫu nước sinh hoạt từ nguồn nước máy tại quận Cái Răng - Cần Thơ	Trần Thị Nguyệt Trứ	Nguyễn Minh Kha	Nghiên cứu chế tạo than hoạt tính từ bã cà phê trung nguyên, khảo sát khả năng hấp phụ và khả năng lọc bỏ chất điện ly ra khỏi mẫu nước sinh hoạt từ nguồn nước máy tại quận Cái Răng - Cần Thơ
85.	Đại học	Khảo sát tình hình kê đơn kháng sinh điều trị ngoại trú tại bệnh viện Châu Phú AG từ	Hứa Ngọc Tuyền	Lương Thanh Long	Khảo sát tình hình kê đơn kháng sinh điều trị ngoại trú tại bệnh viện Châu Phú AG từ

		10/2017 - 03/2018			10/2017 - 03/2018
86.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc trong điều trị bệnh tăng huyết áp tại khoa tim mạch Bệnh viện Đa khoa Trung Ương Cần Thơ.	Lê Thị Kim Yến	Bùi Tùng Hiệp	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc trong điều trị bệnh tăng huyết áp tại khoa tim mạch Bệnh viện Đa khoa Trung Ương Cần Thơ.
87.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh tại khoa Nội hô hấp bệnh viện Nhi Đồng TP. Cần Thơ từ 10/2017 - 03/2018	Nguyễn Thị Kim Yến	Phạm Đoàn Vi	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh tại khoa Nội hô hấp bệnh viện Nhi Đồng TP. Cần Thơ từ 10/2017 - 03/2018
88.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh điều trị ngoại trú tại bệnh viện Đa Khoa TP. Long Xuyên từ 10/2017 - 03/2018	Lương Phương Oanh	Phạm Đoàn Vi	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh điều trị ngoại trú tại bệnh viện Đa Khoa TP. Long Xuyên từ 10/2017 - 03/2018
89.	Đại học	Khảo sát sự lựa chọn nhà thuốc khi mua thuốc tại các nhà thuốc đạt chuẩn GPP trên địa bàn huyện Cù Chi, Thành phố HCM, 2018	Nguyễn Thị Kim Linh	Trần Quang Trí	Khảo sát sự lựa chọn nhà thuốc khi mua thuốc tại các nhà thuốc đạt chuẩn GPP trên địa bàn huyện Cù Chi, Thành phố HCM, 2018
90.	Đại học	Khảo sát khả năng hạ đường huyết trên chuột nhắt của cao chiết từ lá xoài	Nguyễn Hồ Minh Như	Dương Thị Bích	Khảo sát khả năng hạ đường huyết trên chuột nhắt của cao chiết từ lá xoài
91.	Đại học	Khảo sát các yếu tố của nhà thuốc ảnh hưởng đến sự lựa chọn của khách hàng trên địa bàn quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ năm 2018	Huỳnh Thị Ngọc Thảo	Lương Thanh Long	Khảo sát các yếu tố của nhà thuốc ảnh hưởng đến sự lựa chọn của khách hàng trên địa bàn quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ năm 2018
92.	Đại học	Nghiên cứu phân lập hợp chất chính trong phân đoạn diethyl ether từ lá cây Đinh lăng (<i>Polyscias fruticosa</i> (L.) Harms) trồng tại An Giang	Nguyễn Thị Mộng Trâm	Đỗ Văn Mãi	Nghiên cứu phân lập hợp chất chính trong phân đoạn diethyl ether từ lá cây Đinh lăng (<i>Polyscias fruticosa</i> (L.) Harms) trồng tại An Giang
93.	Đại học	Nghiên cứu phân lập hợp chất chính trong phân đoạn n-butanol từ lá cây Đinh lăng (<i>Polyscias fruticosa</i> (L.) Harms) trồng tại An Giang	Trần Minh Thờ	Đỗ Văn Mãi	Nghiên cứu phân lập hợp chất chính trong phân đoạn n-butanol từ lá cây Đinh lăng (<i>Polyscias fruticosa</i> (L.) Harms) trồng tại An Giang
94.	Đại học	Nghiên cứu phân lập hợp chất chính trong phân đoạn ethyl acetat	Nguyễn Thị Phương Oanh	Đỗ Văn Mãi	Nghiên cứu phân lập hợp chất chính trong phân đoạn ethyl acetat

		từ rễ cây Đinh lăng (Polyscias fruticosa (L.) Harms) trồng tại Cần Thơ			từ rễ cây Đinh lăng (Polyscias fruticosa (L.) Harms) trồng tại Cần Thơ
95.	Đại học	Nghiên cứu phân lập hợp chất chính trong phân đoạn ethyl acetat từ lá cây Đinh lăng (Polyscias fruticosa (L.) Harms) trồng tại Cần Thơ	Nguyễn Kiều Diễm	Đỗ Văn Mãi	Nghiên cứu phân lập hợp chất chính trong phân đoạn ethyl acetat từ lá cây Đinh lăng (Polyscias fruticosa (L.) Harms) trồng tại Cần Thơ
96.	Đại học	Nghiên cứu phân lập hợp chất chính trong phân đoạn n-butanol từ lá cây Đinh lăng (Polyscias fruticosa (L.) Harms) trồng tại Cần Thơ	Trần Trọng Nghĩa	Đỗ Văn Mãi	Nghiên cứu phân lập hợp chất chính trong phân đoạn n-butanol từ lá cây Đinh lăng (Polyscias fruticosa (L.) Harms) trồng tại Cần Thơ
97.	Đại học	Nghiên cứu phân lập hợp chất chính trong phân đoạn ethyl acetat từ rễ cây Đinh lăng (Polyscias fruticosa (L.) Harms) trồng tại An Giang	Nguyễn Thị Trang	Đỗ Văn Mãi	Nghiên cứu phân lập hợp chất chính trong phân đoạn ethyl acetat từ rễ cây Đinh lăng (Polyscias fruticosa (L.) Harms) trồng tại An Giang
98.	Đại học	Nghiên cứu phân lập hợp chất chính trong phân đoạn diethyl ether từ lá cây Đinh lăng (Polyscias fruticosa (L.) Harms) trồng tại Cần Thơ	Khuu Quốc Duẩn	Đỗ Văn Mãi	Nghiên cứu phân lập hợp chất chính trong phân đoạn diethyl ether từ lá cây Đinh lăng (Polyscias fruticosa (L.) Harms) trồng tại Cần Thơ
99.	Đại học	Nghiên cứu phân lập hợp chất chính trong phân đoạn n-butanol từ lá cây Đinh lăng (Polyscias fruticosa (L.) Harms) trồng tại Đồng Tháp.	Mai Yến Nhi	Đỗ Văn Mãi	Nghiên cứu phân lập hợp chất chính trong phân đoạn n-butanol từ lá cây Đinh lăng (Polyscias fruticosa (L.) Harms) trồng tại Đồng Tháp.
100.	Đại học	Vai trò của corticoid trong các sản phẩm bôi và những hậu quả khi lạm dụng các sản phẩm trên	Tô Thoại Duy	Dương Thị Bích	Vai trò của corticoid trong các sản phẩm bôi và những hậu quả khi lạm dụng các sản phẩm trên
101.	Đại học	Thành phần hóa học và những công dụng chữa bệnh của lá xoài thuộc chi Mangifera	Hồ Thị Ngọc Oanh	Dương Thị Bích	Thành phần hóa học và những công dụng chữa bệnh của lá xoài thuộc chi Mangifera
102.	Đại học	Đặc tính sinh học và những ứng dụng trong dược và mỹ phẩm của lô hội (Aloe vera)	Liêu Thái Trân	Dương Thị Bích	Đặc tính sinh học và những ứng dụng trong dược và mỹ phẩm của lô hội (Aloe vera)

103.	Đại học	Những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng gel lô hội (Aloe vera) trong giai đoạn chiết	Nguyễn Võ Thảo Vy	Dương Thị Bích	Những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng gel lô hội (Aloe vera) trong giai đoạn chiết
104.	Đại học	Những ứng dụng của acid lactic trong dược và mỹ phẩm	Nguyễn Quốc Trạng	Dương Thị Bích	Những ứng dụng của acid lactic trong dược và mỹ phẩm
105.	Đại học	Tổng quan tài liệu về thành phần hóa thực vật và các hoạt tính sinh học của dược liệu Câu kỷ tử (Lycium sinense Mill., Solanaceae).	Đặng Nguyễn Hoàng Thành	Huỳnh Ngọc Trung Dung	Tổng quan tài liệu về thành phần hóa thực vật và các hoạt tính sinh học của dược liệu Câu kỷ tử (Lycium sinense Mill., Solanaceae).
106.	Đại học	Tổng quan về hoạt tính sinh học của cây Cần sa (Cannabis)	Trương Quang Vinh	Huỳnh Ngọc Trung Dung	Tổng quan về hoạt tính sinh học của cây Cần sa (Cannabis)
107.	Đại học	Tổng quan tài liệu về thành phần hóa thực vật định hướng tác dụng chống oxy hóa	Nguyễn Hữu Lộc	Huỳnh Ngọc Trung Dung	Tổng quan tài liệu về thành phần hóa thực vật định hướng tác dụng chống oxy hóa
108.	Đại học	Tổng quan tài liệu về thành phần hóa thực vật và các hoạt tính sinh học của dược liệu Ngò gai (Eryngium foetidum, Apiaceae).	Phan Đào Quế Sơn	Huỳnh Ngọc Trung Dung	Tổng quan tài liệu về thành phần hóa thực vật và các hoạt tính sinh học của dược liệu Ngò gai (Eryngium foetidum, Apiaceae).
109.	Đại học	Tổng quan tài liệu về thành phần hóa thực vật và các hoạt tính sinh học của dược liệu Quế vị (Limnophilarugosa (Roth) Merr., Scrophulariaceae)	Nguyễn Kim Khánh	Huỳnh Ngọc Trung Dung	Tổng quan tài liệu về thành phần hóa thực vật và các hoạt tính sinh học của dược liệu Quế vị (Limnophilarugosa (Roth) Merr., Scrophulariaceae)
110.	Đại học	Những biến chứng, chế độ dinh dưỡng và điều trị bằng thuốc trên bệnh nhân đái tháo đường type 2	Lê Thị Phương	Lâm Thị Thu Quyên	Những biến chứng, chế độ dinh dưỡng và điều trị bằng thuốc trên bệnh nhân đái tháo đường type 2
111.	Đại học	Vấn đề tương tác thuốc trong sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp	Nguyễn Thị Tú Quyên	Lâm Thị Thu Quyên	Vấn đề tương tác thuốc trong sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp
112.	Đại học	Nghiên cứu tổng quan các loại tá dược dùng trong bào chế viên Nén	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Nguyễn Hiếu Trung	Nghiên cứu tổng quan các loại tá dược dùng trong bào chế viên Nén
113.	Đại học	Xây dựng quy trình định lượng thuốc nitenpyram bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến.	Đỗ Trần Hải Vy	Nguyễn Phước Định	Xây dựng quy trình định lượng thuốc nitenpyram bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến.
114.	Đại học	Xây dựng quy trình định lượng thuốc metalaxyl	Phan Thảo Nguyên	Nguyễn Phước Định	Xây dựng quy trình định lượng thuốc

		M bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến.			metalaxyl M bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến.
115.	Đại học	Xây dựng quy trình định lượng thuốc buprofezin bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến.	Trần Mạnh Tâm	Nguyễn Phước Định	Xây dựng quy trình định lượng thuốc buprofezin bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến.
116.	Đại học	Xây dựng quy trình định lượng thuốc chlothianidin bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến.	Trần Thị Loan	Nguyễn Phước Định	Xây dựng quy trình định lượng thuốc chlothianidin bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến.
117.	Đại học	Xây dựng quy trình định lượng thuốc flusilazol bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến.	Lương Phát Tài	Nguyễn Phước Định	Xây dựng quy trình định lượng thuốc flusilazol bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến.
118.	Đại học	Xây dựng quy trình định lượng thuốc imidacloprid bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến.	Phạm Vũ Kha	Nguyễn Phước Định	Xây dựng quy trình định lượng thuốc imidacloprid bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến.
119.	Đại học	Xây dựng quy trình định lượng Mangostin trong quả măng cụt.	Ngô Thị Cẩm Tiên	Nguyễn Phước Định	Xây dựng quy trình định lượng Mangostin trong quả măng cụt.
120.	Đại học	Xây dựng quy trình định lượng Ni trong một số mẫu nguyên liệu thuốc bằng phương pháp chiết đo quang	Nguyễn Thanh Vũ	Nguyễn Phước Định	Xây dựng quy trình định lượng Ni trong một số mẫu nguyên liệu thuốc bằng phương pháp chiết đo quang
121.	Đại học	Xây dựng quy trình định lượng thuốc oxamyl bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến.	Ngô Thị Tú Trang	Nguyễn Phước Định	Xây dựng quy trình định lượng thuốc oxamyl bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến.
122.	Đại học	Xây dựng quy trình định lượng thuốc azoxystrobin bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến.	Nguyễn Kinh Kha	Nguyễn Phước Định	Xây dựng quy trình định lượng thuốc azoxystrobin bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến.
123.	Đại học	Xây dựng quy trình định lượng thuốc fipronil bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến.	Nguyễn Hoàng Minh	Nguyễn Phước Định	Xây dựng quy trình định lượng thuốc fipronil bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến.
124.	Đại học	Xây dựng quy trình định lượng thuốc acephate bằng phương pháp UV - VIS	Hồ Thị Mỹ Tuyên	Nguyễn Phước Định	Xây dựng quy trình định lượng thuốc acephate bằng phương pháp UV - VIS
125.	Đại học	Xây dựng quy trình định	Lê Văn Hậu	Nguyễn	Xây dựng quy trình

		lượng thuốc acetamidrid bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến.		Phước Định	định lượng thuốc acetamidrid bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến.
126.	Đại học	Xây dựng quy trình định lượng thuốc trifloxystrobin bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến.	Trương Thị Bảo Xuyên	Nguyễn Phước Định	Xây dựng quy trình định lượng thuốc trifloxystrobin bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến.
127.	Đại học	Xây dựng quy trình định lượng cobalt trong một số mẫu nguyên liệu thuốc bằng phương pháp chiết đo quang	Nguyễn Kỳ Anh	Nguyễn Phước Định	Xây dựng quy trình định lượng cobalt trong một số mẫu nguyên liệu thuốc bằng phương pháp chiết đo quang
128.	Đại học	Xây dựng quy trình định lượng crom trong một số mẫu nguyên liệu thuốc bằng phương pháp chiết đo quang	Huỳnh Tấn Đạt	Nguyễn Phước Định	Xây dựng quy trình định lượng crom trong một số mẫu nguyên liệu thuốc bằng phương pháp chiết đo quang
129.	Đại học	Xây dựng quy trình định lượng thuốc cyproconazole bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến.	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	Nguyễn Phước Định	Xây dựng quy trình định lượng thuốc cyproconazole bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến.
130.	Đại học	Xây dựng quy trình định lượng cadimi trong một số mẫu nguyên liệu thuốc bằng phương pháp chiết đo quang	Lê Tấn Phát	Nguyễn Phước Định	Xây dựng quy trình định lượng cadimi trong một số mẫu nguyên liệu thuốc bằng phương pháp chiết đo quang
131.	Đại học	Xây dựng quy trình định lượng thuốc dimethomorph bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến.	Châu Hoàng Bảo	Nguyễn Phước Định	Xây dựng quy trình định lượng thuốc dimethomorph bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến.
132.	Đại học	Xây dựng quy trình định lượng thuốc pymetrozin bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến.	Trần Thúy Vy	Nguyễn Phước Định	Xây dựng quy trình định lượng thuốc pymetrozin bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến.
133.	Đại học	Xây dựng quy trình định lượng tạp a diclofenac bằng phương pháp hplc	Huỳnh Trọng Nguyễn	Nguyễn Phước Định	Xây dựng quy trình định lượng tạp a diclofenac bằng phương pháp hplc
134.	Đại học	Xây dựng quy trình định lượng thuốc spirotetramat bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến.	Trần Thúy Diễm	Nguyễn Phước Định	Xây dựng quy trình định lượng thuốc spirotetramat bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến.
135.	Đại học	Hiệu quả xua muỗi (Aedes và Anopheles) bằng cách xông hỗn hợp	Trần Thị Kiều Ngân	Nguyễn Văn Bá	Hiệu quả xua muỗi (Aedes và Anopheles) bằng cách xông hỗn hợp

		tinh dầu sả (Cintronella) và Tràm gió (Cajeput oil)			tinh dầu sả (Cintronella) và Tràm gió (Cajeput oil)
136.	Đại học	Hiệu quả xua muỗi (Aedes và Anopheles) bằng cách xông tâm tinh dầu sả (Cintronella) và Tràm gió (Cajeput oil)	Nguyễn Thị Ngọc Châu	Nguyễn Văn Bá	Hiệu quả xua muỗi (Aedes và Anopheles) bằng cách xông tâm tinh dầu sả (Cintronella) và Tràm gió (Cajeput oil)
137.	Đại học	Chiết xuất tinh dầu sả bằng phương pháp cất kéo hơi nước	Ngô Nguyễn Thúy Hằng	Nguyễn Văn Bá	Chiết xuất tinh dầu sả bằng phương pháp cất kéo hơi nước
138.	Đại học	Chiết xuất tinh dầu tràm bằng phương pháp cất kéo hơi nước	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	Nguyễn Văn Bá	Chiết xuất tinh dầu tràm bằng phương pháp cất kéo hơi nước
139.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh trong điều trị nội trú tại TT Y Tế huyện Châu Thành tỉnh Đồng Tháp giai đoạn từ 10/2017-03/2018	Hồ Thanh Lý	Phạm Đoàn Vi	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh trong điều trị nội trú tại TT Y Tế huyện Châu Thành tỉnh Đồng Tháp giai đoạn từ 10/2017-03/2018
140.	Đại học	Khảo sát tình hình kê đơn kháng sinh điều trị ngoại trú tại bệnh viện Phụng Hiệp -Hậu Giang từ 10/2017 - 03/2018	Trần Trà Mi	Phạm Đoàn Vi	Khảo sát tình hình kê đơn kháng sinh điều trị ngoại trú tại bệnh viện Phụng Hiệp -Hậu Giang từ 10/2017 - 03/2018
141.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh trong điều trị nội trú tại BV Trần Văn Thời Cà Mau giai đoạn 2017 - 2018	Phan Thị Hồng Thi	Phạm Đoàn Vi	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh trong điều trị nội trú tại BV Trần Văn Thời Cà Mau giai đoạn 2017 - 2018
142.	Đại học	Khảo sát kỹ năng bán thuốc điều trị cảm cúm của nhân viên bán thuốc tại các nhà thuốc trên địa bàn huyện Gò Quao tỉnh Kiên Giang	Nguyễn Thị Như Huỳnh	Phạm Đoàn Vi	Khảo sát kỹ năng bán thuốc điều trị cảm cúm của nhân viên bán thuốc tại các nhà thuốc trên địa bàn huyện Gò Quao tỉnh Kiên Giang
143.	Đại học	Khảo sát đặc điểm thực vật học và thành phần hoá học của cây Xích đồng (Clerodendrum japonicum Thunb.)	Nguyễn Lê Yến Nhi	Phạm Thành Trọng	Khảo sát đặc điểm thực vật học và thành phần hoá học của cây Xích đồng nam (Clerodendrum japonicum Thunb.)
144.	Đại học	Khảo sát đặc điểm thực vật học và thành phần hoá học của cây Tầm bóp (Physalis angulata L.)	Dương Quốc Cường	Phạm Thành Trọng	Khảo sát đặc điểm thực vật học và thành phần hoá học của cây Tầm bóp (Physalis angulata L.)
145.	Đại học	Khảo sát đặc điểm thực vật học và thành phần	Trương Nguyễn	Phạm Thành Trọng	Khảo sát đặc điểm thực vật học và thành phần

		hoá học của cây Mật gấu (Vernonia amygdalinaDel)	Phuong Tuyên		hoá học của cây Mật gấu (Vernonia amygdalinaDel)
146.	Đại học	Phân tích, bình luận bệnh hội chứng vành cấp kèm tăng huyết áp trên bệnh nhân hội chứng vành cấp kèm tăng huyết áp đang điều trị tại BV Đa khoa TW Cần thơ	Trần Liên Ngọc Anh	Quách Thị Thu Hằng	Phân tích, bình luận bệnh hội chứng vành cấp kèm tăng huyết áp trên bệnh nhân hội chứng vành cấp kèm tăng huyết áp đang điều trị tại BV Đa khoa TW Cần thơ
147.	Đại học	Xác định tác dụng của thuốc trong điều trị bệnh nhiễm trùng huyết từ đường tiết niệu trên bệnh nhân nhiễm trùng huyết từ đường tiết niệu điều trị tại BV Đa khoa TW Cần Thơ	Lý Huyền Trinh	Quách Thị Thu Hằng	Xác định tác dụng của thuốc trong điều trị bệnh nhiễm trùng huyết từ đường tiết niệu trên bệnh nhân nhiễm trùng huyết từ đường tiết niệu điều trị tại BV Đa khoa TW Cần Thơ
148.	Đại học	Xây dựng quy trình định lượng Hg trong một số mẫu nguyên liệu thuốc bằng phương pháp chiết đo quang	Nguyễn Quang Kiệt	Nguyễn Phước Định	Xây dựng quy trình định lượng Hg trong một số mẫu nguyên liệu thuốc bằng phương pháp chiết đo quang
149.	Đại học	Phân tích, bình luận bệnh đau thắt ngực không ổn định kèm nhồi máu cơ tim trên bệnh nhân đau thắt ngực không ổn định kèm nhồi máu cơ tim đang điều trị tại BV Đa khoa TW Cần thơ	Nguyễn Thị Ngọc Linh	Quách Thị Thu Hằng	Phân tích, bình luận bệnh đau thắt ngực không ổn định kèm nhồi máu cơ tim trên bệnh nhân đau thắt ngực không ổn định kèm nhồi máu cơ tim đang điều trị tại BV Đa khoa TW Cần thơ
150.	Đại học	Phân tích, bình luận bệnh án thiếu máu cơ tim cục bộ kèm tăng huyết áp trên bệnh nhân thiếu máu cơ tim cục bộ kèm tăng huyết áp đang điều trị tại BV Đa khoa TW Cần thơ	Lê Ngô Cẩm Nguyên	Quách Thị Thu Hằng	Phân tích, bình luận bệnh án thiếu máu cơ tim cục bộ kèm tăng huyết áp trên bệnh nhân thiếu máu cơ tim cục bộ kèm tăng huyết áp đang điều trị tại BV Đa khoa TW Cần thơ
151.	Đại học	Xây dựng quy trình định lượng chì trong một số mẫu nguyên liệu thuốc bằng phương pháp chiết đo quang	Trịnh Phước Hải	Nguyễn Phước Định	Xây dựng quy trình định lượng chì trong một số mẫu nguyên liệu thuốc bằng phương pháp chiết đo quang
152.	Đại học	Phân tích, bình luận bệnh án nhồi máu cơ tim cấp kèm tăng huyết áp trên bệnh nhân nhồi máu cơ tim cấp kèm tăng huyết áp đang điều trị	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	Quách Thị Thu Hằng	Phân tích, bình luận bệnh án nhồi máu cơ tim cấp kèm tăng huyết áp trên bệnh nhân nhồi máu cơ tim cấp kèm tăng huyết áp đang điều trị

		tại BV Đa khoa TW Cần thơ			trị tại BV Đa khoa TW Cần thơ
153.	Đại học	Xây dựng quy trình định lượng thuốc pyriproxifen bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến.	Tân Tuyết Mai	Nguyễn Phước Định	Xây dựng quy trình định lượng thuốc pyriproxifen bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến.
154.	Đại học	Phân tích, bình luận bệnh án suy tim độ III kèm tăng huyết áp trên bệnh nhân suy tim độ III kèm tăng huyết áp đang điều trị tại BV Đa khoa TW Cần Thơ	Huỳnh Trần Sơn	Quách Thị Thu Hằng	Phân tích, bình luận bệnh án suy tim độ III kèm tăng huyết áp trên bệnh nhân suy tim độ III kèm tăng huyết áp đang điều trị tại BV Đa khoa TW Cần Thơ
155.	Đại học	Phân tích, bình luận bệnh án tăng huyết áp kèm viêm dạ dày trên bệnh nhân tăng huyết áp kèm viêm dạ dày đang điều trị tại BV Đa khoa TW Cần thơ	Lê Thanh Thoại	Quách Thị Thu Hằng	Phân tích, bình luận bệnh án tăng huyết áp kèm viêm dạ dày trên bệnh nhân tăng huyết áp kèm viêm dạ dày đang điều trị tại BV Đa khoa TW Cần thơ
156.	Đại học	Phân tích, bình luận bệnh án nhồi máu não – Suy hô hấp trên bệnh nhân nhồi máu não – Suy hô hấp đang điều trị tại BV Đa khoa TW Cần thơ	Nguyễn Văn Thái	Quách Thị Thu Hằng	Phân tích, bình luận bệnh án nhồi máu não – Suy hô hấp trên bệnh nhân nhồi máu não – Suy hô hấp đang điều trị tại BV Đa khoa TW Cần thơ
157.	Đại học	Khảo sát thực trạng hoạt động phân phối thuốc theo nguyên tắc "Thực hành tốt phân phối thuốc, GDP" của công ty dược Vimedimex, năm 2018	Phan Thị Kim Anh	Trần Quang Trí	Khảo sát thực trạng hoạt động phân phối thuốc theo nguyên tắc "Thực hành tốt phân phối thuốc, GDP" của công ty dược Vimedimex, năm 2018
158.	Đại học	Đề cương nghiên cứu bào chế viên nén amlodipin 5mg	Lư Quang Cường	Võ Phước Hải	Đề cương nghiên cứu bào chế viên nén amlodipin 5mg
159.	Đại học	Khảo sát đặc điểm vi học và tác dụng chống oxy hóa của cây Dây vác (<i>Cayratia trifolia</i>)	Lê Kim Huyền	Đỗ Văn Mãi Thiều Văn Đường	Khảo sát đặc điểm vi học và tác dụng chống oxy hóa của cây Dây vác (<i>Cayratia trifolia</i>)
160.	Đại học	Khảo sát tương tác thuốc trong điều trị nội trú tại khoa cơ xương khớp bệnh viện đa khoa thành phố Cần Thơ	Võ Thị Thảo Ngân	Lâm Thị Thu Quyên	Khảo sát tương tác thuốc trong điều trị nội trú tại khoa cơ xương khớp bệnh viện đa khoa thành phố Cần Thơ
161.	Đại học	Nghiên cứu phân lập hợp chất chính trong phân đoạn ethyl acetat từ lá cây Đinh lăng (<i>Polyscias fruticosa</i> (L.)	Đỗ Thị Phương	Trần Công Luận Đỗ Văn Mãi	Nghiên cứu phân lập hợp chất chính trong phân đoạn ethyl acetat từ lá cây Đinh lăng (<i>Polyscias fruticosa</i> (L.)

		Harms) trồng tại An Giang			Harms) trồng tại An Giang
162.	Đại học	Tình hình sử dụng kháng sinh trong điều trị nhiễm khuẩn đường tiết niệu tại bệnh viện Đa khoa Thành phố Cần Thơ, Bệnh viện Đa khoa Trung Ương Cần Thơ và Bệnh viện Trường ĐHY Dược Cần thơ	Mã Tú Quyên	Nguyễn Thị Thúy Lan	Tình hình sử dụng kháng sinh trong điều trị nhiễm khuẩn đường tiết niệu tại bệnh viện Đa khoa Thành phố Cần Thơ, Bệnh viện Đa khoa Trung Ương Cần Thơ và Bệnh viện Trường ĐHY Dược Cần thơ
163.	Đại học	Khảo sát sơ bộ thành phần hóa thực vật và thử hoạt tính sinh học của cao chiết từ rau Quế vị.	Lý Thị Ngọc Thu	Huỳnh Ngọc Trung Dung	Khảo sát sơ bộ thành phần hóa thực vật và thử hoạt tính sinh học của cao chiết từ rau Quế vị.
164.	Đại học	Khảo sát hàm lượng Dexamethaxon trong một số chế phẩm ở Thành phố Cần Thơ bằng phương pháp UV - VIS.	Lê Xuân Trang	Nguyễn Phước Định	Khảo sát hàm lượng Dexamethaxon trong một số chế phẩm ở Thành phố Cần Thơ bằng phương pháp UV - VIS.
165.	Đại học	Tổng hợp và thiết lập tạp chất tinidazol làm chuẩn tạp	Đặng Ngọc Bích	Nguyễn Phước Định	Tổng hợp và thiết lập tạp chất tinidazol làm chuẩn tạp
166.	Đại học	Khảo sát hiệu quả điều trị bệnh đái tháo đường của bệnh nhân ngoại trú năm 2017 tại trung tâm y tế huyện Châu Thành.	Nguyễn Lê Thảo Chi	Bùi Tùng Hiệp	Khảo sát hiệu quả điều trị bệnh đái tháo đường của bệnh nhân ngoại trú năm 2017 tại trung tâm y tế huyện Châu Thành.
167.	Đại học	Khảo sát thực trạng bệnh tăng huyết áp và rối loạn chuyển hóa ở người tăng huyết áp tại trung tâm y tế huyện Châu Thành năm 2017.	Bùi Thị Diễm Hương	Bùi Tùng Hiệp	Khảo sát thực trạng bệnh tăng huyết áp và rối loạn chuyển hóa ở người tăng huyết áp tại trung tâm y tế huyện Châu Thành năm 2017.
168.	Đại học	Bệnh đái tháo đường và hiệu quả điều trị của thuốc dùng cho bệnh nhân đái tháo đường typ 2 tại bệnh viện đa khoa thành phố Cà Mau, năm 2017	Trần Thị Cẩm Linh	Bùi Tùng Hiệp	Bệnh đái tháo đường và hiệu quả điều trị của thuốc dùng cho bệnh nhân đái tháo đường typ 2 tại bệnh viện đa khoa thành phố Cà Mau, năm 2017
169.	Đại học	Khảo sát việc sử dụng thuốc trong điều trị hen phế quản tại khoa nội tiết - hô hấp bệnh viện Đa khoa Cái Nước năm 2017.	Lê Thị Kiều Yến	Bùi Tùng Hiệp	Khảo sát việc sử dụng thuốc trong điều trị hen phế quản tại khoa nội tiết - hô hấp bệnh viện Đa khoa Cái Nước năm 2017.
170.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng của Meloxicam	Nguyễn Thị Y Riêng	Bùi Tùng Hiệp	Khảo sát tình hình sử dụng của Meloxicam

		cho bệnh nhân viêm thấp khớp điều trị ngoại trú trung tâm y tế huyện Tháp Mười 6 tháng cuối năm 2017.			cho bệnh nhân viêm thấp khớp điều trị ngoại trú trung tâm y tế huyện Tháp Mười 6 tháng cuối năm 2017.
171.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh trầm cảm của bệnh nhân ngoại trú tại bệnh viện Tâm thần Cần Thơ năm 2017.	Trần Thị Hoàng Phương	Bùi Tùng Hiệp	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh trầm cảm của bệnh nhân ngoại trú tại bệnh viện Tâm thần Cần Thơ năm 2017.
172.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc huyết áp trong điều trị ngoại trú tại bệnh viện Đa khoa huyện Cao Lãnh năm 2017.	Trương Thị Phương Anh	Bùi Tùng Hiệp	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc huyết áp trong điều trị ngoại trú tại bệnh viện Đa khoa huyện Cao Lãnh năm 2017.
173.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc trong điều trị viêm loét dạ dày - tá tràng tại khoa nội trung tâm y tế thị xã Long Mỹ 6 tháng cuối năm 2017.	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	Bùi Tùng Hiệp	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc trong điều trị viêm loét dạ dày - tá tràng tại khoa nội trung tâm y tế thị xã Long Mỹ 6 tháng cuối năm 2017.
174.	Đại học	Nghiên cứu tình hình sử dụng Corticoid đối với bệnh nhân ngoại trú tại khoa khám bệnh của trung tâm y tế Long Phú năm 2018.	Hà Mai Quỳnh	Bùi Tùng Hiệp	Nghiên cứu tình hình sử dụng Corticoid đối với bệnh nhân ngoại trú tại khoa khám bệnh của trung tâm y tế Long Phú năm 2018.
175.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp của bệnh nhân ngoại trú tại Bệnh viện Đa khoa Tp Cần Thơ năm 2018.	Lê Thị Kiều Hân	Bùi Tùng Hiệp	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp của bệnh nhân ngoại trú tại Bệnh viện Đa khoa Tp Cần Thơ năm 2018.
176.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc Cinnarazin 25mg cho bệnh nhân viêm đường hô hấp trên điều trị ngoại trú tại trung tâm y tế huyện Tháp Mười trong 6 tháng cuối năm 2017.	Trần Kim Thảo	Bùi Tùng Hiệp	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc Cinnarazin 25mg cho bệnh nhân viêm đường hô hấp trên điều trị ngoại trú tại trung tâm y tế huyện Tháp Mười trong 6 tháng cuối năm 2017.
177.	Đại học	Anh hưởng phương pháp chiết đến chất lượng gel lô hội (Aloe vera)	Lê Thị Ngọc Dung	Dương Thị Bích	Anh hưởng phương pháp chiết đến chất lượng gel lô hội (Aloe vera)
178.	Đại học	Thành phần hóa học và những công dụng chữa bệnh của dưa hấu (Citrullus lanatus)	Tôn Văn Giàu	Dương Thị Bích	Thành phần hóa học và những công dụng chữa bệnh của dưa hấu (Citrullus lanatus)

179.	Đại học	Thành phần hóa học và đặc tính dược liệu của cây vọt gai <i>Opuntia dillenii</i> (Ker Gawl.) Haw.	Mã Quốc Tươi	Dương Thị Bích	Thành phần hóa học và đặc tính dược liệu của cây vọt gai <i>Opuntia dillenii</i> (Ker Gawl.) Haw.
180.	Đại học	Đặc tính sinh học và thành phần hóa học của một số thực vật có khả năng kháng ung thư.	Nguyễn Mỹ An	Huỳnh Ngọc Trung Dung	Đặc tính sinh học và thành phần hóa học của một số thực vật có khả năng kháng ung thư.
181.	Đại học	Tổng quan tài liệu về thành phần hóa thực vật và các hoạt tính sinh học của dược liệu Khoai lang (<i>Ipomoea babatas</i> , Convolvulaceae)	Trần Kiều Anh	Huỳnh Ngọc Trung Dung	Tổng quan tài liệu về thành phần hóa thực vật và các hoạt tính sinh học của dược liệu Khoai lang (<i>Ipomoea babatas</i> , Convolvulaceae)
182.	Đại học	Sinh tổng hợp hợp chất thứ cấp ở <i>Gastrodia elata</i> cộng sinh với nấm <i>Armillaria</i>	Nguyễn Thị Trúc Linh	Huỳnh Ngọc Trung Dung	Sinh tổng hợp hợp chất thứ cấp ở <i>Gastrodia elata</i> cộng sinh với nấm <i>Armillaria</i>
183.	Đại học	Khảo sát thành phần hóa thực vật và hoạt tính kháng oxy hóa của dược liệu cải đất	Trương Thị Thủy Mi	Huỳnh Ngọc Trung Dung	Khảo sát thành phần hóa thực vật và hoạt tính kháng oxy hóa của dược liệu cải đất
184.	Đại học	Tổng quan tài liệu về thành phần hóa thực vật và các hoạt tính sinh học của dược liệu quả Sung (<i>Ficus racemosa</i> , Moraceae).	Trần Quang Kim Quý	Huỳnh Ngọc Trung Dung	Tổng quan tài liệu về thành phần hóa thực vật và các hoạt tính sinh học của dược liệu quả Sung (<i>Ficus racemosa</i> , Moraceae).
185.	Đại học	Tổng quan tài liệu về thành phần hóa thực vật và các hoạt tính sinh học của dược liệu Đu đủ (<i>Carica papaya</i> L., Caricaceae).	Nguyễn Ái Thanh	Huỳnh Ngọc Trung Dung	Tổng quan tài liệu về thành phần hóa thực vật và các hoạt tính sinh học của dược liệu Đu đủ (<i>Carica papaya</i> L., Caricaceae).
186.	Đại học	Tổng quan tài liệu về thành phần hóa thực vật và các hoạt tính sinh học của dược liệu Sâm đất (<i>Talinum paniculatum</i> (Jacq.) Gaertn)	Phạm Trung Hiếu	Huỳnh Ngọc Trung Dung	Tổng quan tài liệu về thành phần hóa thực vật và các hoạt tính sinh học của dược liệu Sâm đất (<i>Talinum paniculatum</i> (Jacq.) Gaertn)
187.	Đại học	Tổng quan tài liệu về thành phần hóa thực vật và các hoạt tính sinh học của dược liệu Gừng (<i>Zingiber officinale</i> L., Zingiberaceae).	Võ Ngọc Hân	Huỳnh Ngọc Trung Dung	Tổng quan tài liệu về thành phần hóa thực vật và các hoạt tính sinh học của dược liệu Gừng (<i>Zingiber officinale</i> L., Zingiberaceae).
188.	Đại học	Tổng quan tài liệu về thành phần hóa thực vật và các hoạt tính sinh học	Ngô Thụy Tường Vi	Huỳnh Ngọc Trung Dung	Tổng quan tài liệu về thành phần hóa thực vật và các hoạt tính sinh học

		của dược vỏ Mãng cụt (<i>Garcinia mangostana</i> L., Clusiaceae).			học của dược vỏ Mãng cụt (<i>Garcinia</i> <i>mangostana</i> L., Clusiaceae).
189.	Đại học	Tổng quan tài liệu về thành phần hóa thực vật và các hoạt tính sinh học của dược liệu Diếp cá (<i>Houttuynia cordata</i> Thunb., Saururaceae)	Lê Bảo Trâm	Huỳnh Ngọc Trung Dung	Tổng quan tài liệu về thành phần hóa thực vật và các hoạt tính sinh học của dược liệu Diếp cá (<i>Houttuynia cordata</i> Thunb., Saururaceae)
190.	Đại học	Lược khảo tài liệu về các phương pháp nghiên cứu kháng oxy hóa và kháng ung thư.	Phạm Thị Mỹ Lệ	Huỳnh Ngọc Trung Dung	Lược khảo tài liệu về các phương pháp nghiên cứu kháng oxy hóa và kháng ung thư.
191.	Đại học	Tổng quan tài liệu về thành phần hóa thực vật và các hoạt tính sinh học của dược liệu Chùm ngây (<i>Moringa oleifera.</i> , Moringaceae)	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Huỳnh Ngọc Trung Dung	Tổng quan tài liệu về thành phần hóa thực vật và các hoạt tính sinh học của dược liệu Chùm ngây (<i>Moringa oleifera.</i> , Moringaceae)
192.	Đại học	Tổng quan về hoạt tính sinh học của nấm <i>Armillaria</i>	Nguyễn Bạch Kim Sang	Huỳnh Ngọc Trung Dung	Tổng quan về hoạt tính sinh học của nấm <i>Armillaria</i>
193.	Đại học	Bệnh trào ngược dạ dày thực quản và việc sử dụng thuốc điều trị	Trần Quang Sum	Lâm Thị Thu Quyên	Bệnh trào ngược dạ dày thực quản và việc sử dụng thuốc điều trị
194.	Đại học	Bệnh gout và việc sử dụng thuốc điều trị	Hoàng Minh Tú	Lâm Thị Thu Quyên	Bệnh gout và việc sử dụng thuốc điều trị
195.	Đại học	Vấn đề sử dụng thuốc trong điều trị bệnh tăng huyết áp	Nguyễn Ngọc Tuyết Xinh	Lâm Thị Thu Quyên	Vấn đề sử dụng thuốc trong điều trị bệnh tăng huyết áp
196.	Đại học	Hen phế quản và vấn đề sử dụng thuốc trong điều trị hen phế quản ở trẻ em.	Phạm Thanh Phương	Lâm Thị Thu Quyên	Hen phế quản và vấn đề sử dụng thuốc trong điều trị hen phế quản ở trẻ em.
197.	Đại học	Định lượng thuốc nhỏ mắt chloramphenicol bằng PP Quang phổ	Nguyễn Ngọc Thanh Thanh	Lưu Thảo Phúc Trường	Định lượng thuốc nhỏ mắt chloramphenicol bằng PP Quang phổ
198.	Đại học	Định lượng viên nén methyl prednisolon bằng PP Quang phổ	Nguyễn Thành Long	Lưu Thảo Phúc Trường	Định lượng viên nén methyl prednisolon bằng PP Quang phổ
199.	Đại học	Định lượng viên nang berberin bằng PP Quang phổ	Nguyễn Thị Thúy Quyên	Lưu Thảo Phúc Trường	Định lượng viên nang berberin bằng PP Quang phổ
200.	Đại học	Định lượng viên nang cloramphenicol bằng PP Quang phổ	Lý Thái Dương	Lưu Thảo Phúc Trường	Định lượng viên nang cloramphenicol bằng PP Quang phổ
201.	Đại học	Định lượng viên nén atenolol bằng PP Quang phổ	Huỳnh Thị Thu Hiền	Lưu Thảo Phúc Trường	Định lượng viên nén atenolol bằng PP Quang phổ
202.	Đại học	Định lượng acid	Nguyễn	Lưu Thảo	Định lượng acid

		salicylic trong thuốc mỡ benzosalyl bằng PP Quang phổ	Hoàng Lê Hiếu	Phúc Trường	salicylic trong thuốc mỡ benzosalyl bằng PP Quang phổ
203.	Đại học	Định lượng sulphiride bằng PP Quang phổ	Lê Thanh Trung	Lưu Thảo Phúc Trường	Định lượng sulphiride bằng PP Quang phổ
204.	Đại học	Định lượng viên nang amoxicillin bằng PP Quang phổ	Trần Nam Đế	Lưu Thảo Phúc Trường	Định lượng viên nang amoxicillin bằng PP Quang phổ
205.	Đại học	Định lượng viên nang cephalixin bằng PP Quang phổ	Lâm Thị Bích Dung	Lưu Thảo Phúc Trường	Định lượng viên nang cephalixin bằng PP Quang phổ
206.	Đại học	Định lượng viên nén meloxicam bằng PP Quang phổ	Trần Giang	Lưu Thảo Phúc Trường	Định lượng viên nén meloxicam bằng PP Quang phổ
207.	Đại học	Định lượng viên nén amoxicillin bằng PP Quang phổ	Lê Tâm Anh Quân	Lưu Thảo Phúc Trường	Định lượng viên nén amoxicillin bằng PP Quang phổ
208.	Đại học	Khảo sát khả năng ức chế Staphylococcus aureus và Staphylococcus epidemidis của vi khuẩn acid lactic phân lập từ các sản phẩm sữa	Đặng Nhật Linh	Nghị Ngô Lan Vi	Khảo sát khả năng ức chế Staphylococcus aureus và Staphylococcus epidemidis của vi khuẩn acid lactic phân lập từ các sản phẩm sữa
209.	Đại học	Khảo sát khả năng ức chế Escherichia coli và Salmonella của vi khuẩn acid lactic phân lập từ rau quả muối chua	Lê Huỳnh Hân	Nghị Ngô Lan Vi	Khảo sát khả năng ức chế Escherichia coli và Salmonella của vi khuẩn acid lactic phân lập từ rau quả muối chua
210.	Đại học	Chăm sóc Dược cho bệnh nhân đái tháo đường ở khu chung cư Seaview TP. Vũng Tàu	Trần Thị Bảo Ngọc	Nguyễn Chí Toàn	Chăm sóc Dược cho bệnh nhân đái tháo đường ở khu chung cư Seaview TP. Vũng Tàu
211.	Đại học	Khảo sát việc sử dụng kháng nấm trên lâm sàng ở bệnh viện Đại Học Y Dược Cần Thơ	Lê Nguyễn Hải Ngọc	Nguyễn Chí Toàn	Khảo sát việc sử dụng kháng nấm trên lâm sàng ở bệnh viện Đại Học Y Dược Cần Thơ
212.	Đại học	Khảo sát việc thử nghiệm độ hòa tan của thuốc, đánh giá tương đương độ hòa tan INVITRO viên nén bao phim cefuroxim 500mg	Đỗ Nguyễn Kim Nhung	Nguyễn Chí Toàn	Khảo sát việc thử nghiệm độ hòa tan của thuốc, đánh giá tương đương độ hòa tan INVITRO viên nén bao phim cefuroxim 500mg
213.	Đại học	Nghiên cứu tổng quan các tá dược dùng trong bào chế thuốc Mỡ	Trần Hải Phương	Nguyễn Hiếu Trung	Nghiên cứu tổng quan các tá dược dùng trong bào chế thuốc Mỡ
214.	Đại học	Nghiên cứu tổng quan phương pháp bào chế viên nén nổi Curcumin	Nguyễn Cao Hồng Ngân	Nguyễn Hiếu Trung	Nghiên cứu tổng quan phương pháp bào chế viên nén nổi Curcumin

215.	Đại học	Nghiên cứu tổng quan các phương pháp kiểm nghiệm dạng thuốc Liposome	Cao Huỳnh Trung	Nguyễn Hiếu Trung	Nghiên cứu tổng quan các phương pháp kiểm nghiệm dạng thuốc Liposome
216.	Đại học	Định tính, định lượng citral trong tinh dầu Sả chanh (Cymbopogon citratus, Poaceae)	Huỳnh Hoa Tiên	Nguyễn Hữu Phúc	Định tính, định lượng citral trong tinh dầu Sả chanh (Cymbopogon citratus, Poaceae)
217.	Đại học	Khảo sát hệ dung môi trong quá trình chiết xuất chất chống oxy hóa lutein trong hoa cúc vạn Thọ	Nguyễn Cao Phi Hồ	Nguyễn Kim Đông	Khảo sát hệ dung môi trong quá trình chiết xuất chất chống oxy hóa lutein trong hoa cúc vạn Thọ
218.	Đại học	Khảo sát hàm lượng Cd trong cây đinh lăng ở Cần Thơ bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử (AAS)	Huỳnh Thị Hồng Đào	Nguyễn Kim Đông	Khảo sát hàm lượng Cd trong cây đinh lăng ở Cần Thơ bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử (AAS)
219.	Đại học	Nghiên cứu chế tạo than hoạt tính từ gạo dừa và khảo sát một số tính chất hóa lý ảnh hưởng đến khả năng hấp phụ	Nguyễn Minh Nhựt	Nguyễn Minh Kha	Nghiên cứu chế tạo than hoạt tính từ gạo dừa và khảo sát một số tính chất hóa lý ảnh hưởng đến khả năng hấp phụ
220.	Đại học	Xây dựng quy trình định lượng thuốc propiconazol bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến.	Nguyễn Tài Linh	Nguyễn Phước Định	Xây dựng quy trình định lượng thuốc propiconazol bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến.
221.	Đại học	Xây dựng quy trình định lượng thuốc cartap bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến.	Dương Thị Như Quỳnh	Nguyễn Phước Định	Xây dựng quy trình định lượng thuốc cartap bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến.
222.	Đại học	Xây dựng quy trình định lượng thuốc carbendazim bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến.	Trần Thanh Tú	Nguyễn Phước Định	Xây dựng quy trình định lượng thuốc carbendazim bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến.
223.	Đại học	Tình trạng sử dụng thuốc Corticoid ở bệnh viện huyện Ngọc Hiển, năm 2017	Nguyễn Như Tâm	Nguyễn Phương Toại	Tình trạng sử dụng thuốc Corticoid ở bệnh viện huyện Ngọc Hiển, năm 2017
224.	Đại học	Khảo sát đặc điểm bệnh đái tháo đường trên bệnh nhân nội trú ở bệnh viện Đa khoa Thành phố Cần Thơ.	Trương Ngọc Diễm	Nguyễn Phương Toại	Khảo sát đặc điểm bệnh đái tháo đường trên bệnh nhân nội trú ở bệnh viện Đa khoa Thành phố Cần Thơ.
225.	Đại học	Khảo sát kinh tế dược của nhà thuốc trong và ngoài bệnh viện huyện Phụng Hiệp, năm 2018	Đoàn Minh Tâm	Nguyễn Phương Toại	Khảo sát kinh tế dược của nhà thuốc trong và ngoài bệnh viện huyện Phụng Hiệp, năm 2018

226.	Đại học	Khảo sát chế độ điều trị của bệnh nhân tăng huyết áp tại trạm y tế xã Ninh Hòa, Hồng Dân, Bạc Liêu, 2018	Ngô Xuân Bách	Nguyễn Phương Toại	Khảo sát chế độ điều trị của bệnh nhân tăng huyết áp tại trạm y tế xã Ninh Hòa, Hồng Dân, Bạc Liêu, 2018
227.	Đại học	Khảo sát thực trạng tham gia bảo hiểm y tế ở sinh viên dược khóa 8 đại học Tây Đô năm 2017	Bùi Thị Mỹ Huyền	Nguyễn Phương Toại	Khảo sát thực trạng tham gia bảo hiểm y tế ở sinh viên dược khóa 8 đại học Tây Đô năm 2017
228.	Đại học	Khảo sát kiến thức thái độ hành vi của bà mẹ có trẻ dưới 1 tuổi tiêm chủng tại trạm y tế phường thuộc Quận Cái Răng thành phố Cần Thơ năm 2018.	Nguyễn Thị Minh Châu	Nguyễn Phương Toại	Khảo sát kiến thức thái độ hành vi của bà mẹ có trẻ dưới 1 tuổi tiêm chủng tại trạm y tế phường thuộc Quận Cái Răng thành phố Cần Thơ năm 2018.
229.	Đại học	Khảo sát KAP trong phòng chống SXH của người dân phường An Hòa, Rạch Giá, Kiên Giang, năm 2018	Dương Huỳnh Hiếu	Nguyễn Phương Toại	Khảo sát KAP trong phòng chống SXH của người dân phường An Hòa, Rạch Giá, Kiên Giang, năm 2018
230.	Đại học	Khảo sát chế độ điều trị ngoại trú của bệnh nhân đái tháo đường tại bệnh viện Tân Châu, An Giang, năm 2018	Trình Thị Ngọc Hiền	Nguyễn Phương Toại	Khảo sát chế độ điều trị ngoại trú của bệnh nhân đái tháo đường tại bệnh viện Tân Châu, An Giang, năm 2018
231.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc giảm đau, kháng viêm không steroid trong điều trị bệnh tại bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định, năm 2018	Lê Trần Chí Nghĩa	Nguyễn Thanh Huy	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc giảm đau, kháng viêm không steroid trong điều trị bệnh tại bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định, năm 2018
232.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc huyết áp trong điều trị bệnh tại bệnh viện đa khoa Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, 2018	Trần Tin Phong	Nguyễn Thanh Huy	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc huyết áp trong điều trị bệnh tại bệnh viện đa khoa Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, 2018
233.	Đại học	Khảo sát sự lựa chọn nhà thuốc khi mua thuốc tại các nhà thuốc đạt chuẩn GPP trên địa bàn thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, 2018	Ngươn Khánh Dương	Nguyễn Thanh Huy	Khảo sát sự lựa chọn nhà thuốc khi mua thuốc tại các nhà thuốc đạt chuẩn GPP trên địa bàn thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, 2018
234.	Đại học	Quản lý cung ứng thuốc của nhà thuốc Công Thắng – Phường TP Cần Thơ	Phạm Đình Tài	Nguyễn Thị Thúy Lan	Quản lý cung ứng thuốc của nhà thuốc Công Thắng – Phường TP Cần Thơ
235.	Đại học	Khảo sát tình trạng sử dụng thuốc ngoại và	Phan Phước Hưng	Nguyễn Thị Thúy Lan	Khảo sát tình trạng sử dụng thuốc ngoại và

		thuốc nội khu vực thành phố cần thơ			thuốc nội khu vực thành phố cần thơ
236.	Đại học	Khảo sát cơ quan sinh dưỡng của thực vật	Nguyễn Thị Cao Sang	Trì Kim Ngọc	Khảo sát cơ quan sinh dưỡng của thực vật
237.	Đại học	Khảo sát các loại mô thực vật	Nguyễn Ngọc Quyền	Trì Kim Ngọc	Khảo sát các loại mô thực vật
238.	Đại học	Khảo sát cơ quan sinh sản của thực vật	Nguyễn Hạnh Kiều	Trì Kim Ngọc	Khảo sát cơ quan sinh sản của thực vật
239.	Đại học	Đề cương nghiên cứu bào chế viên nén paracetamol sủi 500 mg	Lê Phê Lê	Võ Phước Hải	Đề cương nghiên cứu bào chế viên nén paracetamol sủi 500 mg
240.	Đại học	Xây dựng bộ sưu tập DL có tác dụng an thần gây ngủ	Nguyễn Thị Huỳnh Ngân	Vũ Thị Bình	Xây dựng bộ sưu tập DL có tác dụng an thần gây ngủ
241.	Đại học	Xây dựng bộ sưu tập DL có tác dụng nhuận tràng, tẩy	Hồ Thị Bảo Trân	Vũ Thị Bình	Xây dựng bộ sưu tập DL có tác dụng nhuận tràng, tẩy
242.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng nhóm thuốc Corticoid trên bệnh nhân điều trị nội trú tại Bệnh viện Đa Khoa khu vực Đầm Dơi	Trịnh Nhựt Duy	Bùi Tùng Hiệp	Khảo sát tình hình sử dụng nhóm thuốc Corticoid trên bệnh nhân điều trị nội trú tại Bệnh viện Đa Khoa khu vực Đầm Dơi
243.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp tại khoa tim mạch bệnh viện đa khoa Thành Phố Cần Thơ năm 2018	Trần Thanh Huy	Nguyễn Phương Toại	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp tại khoa tim mạch bệnh viện đa khoa Thành Phố Cần Thơ năm 2018
244.	Đại học	Xây dựng phương pháp định lượng Ciproloflxacin trong thuốc nhỏ mắt bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)	Từ Hữu Khoa	Nguyễn Kim Đông	Xây dựng phương pháp định lượng Ciproloflxacin trong thuốc nhỏ mắt bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)
245.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh đái tháo đường type 2 tại bệnh viện Đa khoa Tp Cần Thơ từ tháng 3/2017 - 3/2018.	Nhan Khánh Linh	Bùi Tùng Hiệp	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh đái tháo đường type 2 tại bệnh viện Đa khoa Tp Cần Thơ từ tháng 3/2017 - 3/2018.
246.	Đại học	Khảo sát sự hiểu biết của người dân về sử dụng kháng sinh tại xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, Gò Quao, Kiên Giang, năm 2018	Trương Chí Nguyễn	Nguyễn Phương Toại Nguyễn Phú Quý	Khảo sát sự hiểu biết của người dân về sử dụng kháng sinh tại xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, Gò Quao, Kiên Giang, năm 2018
247.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị tăng	Nguyễn Tân Thịnh	Lâm Thị Thu Quyên	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị tăng

		huyết áp tại Khoa Tim mạch bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ			huyết áp tại Khoa Tim mạch bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ
248.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc trong điều trị bệnh trầm cảm tại bệnh viện tâm thần Cần Thơ năm 2017	Nguyễn Bảo Trân	Bùi Tùng Hiệp	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc trong điều trị bệnh trầm cảm tại bệnh viện tâm thần Cần Thơ năm 2017
249.	Đại học	Đánh giá chi phí và những hiệu quả mang lại khi xét nghiệm chức năng gan và thận trên đối tượng bệnh nhân mắc bệnh Đái tháo đường mạn tính điều trị nội trú tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Vĩnh Long.	Lê Ngọc Loan Trúc	Dương Phước An	Đánh giá chi phí và những hiệu quả mang lại khi xét nghiệm chức năng gan và thận trên đối tượng bệnh nhân mắc bệnh Đái tháo đường mạn tính điều trị nội trú tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Vĩnh Long.
250.	Đại học	Khảo sát việc sử dụng thuốc ức chế bơm proton trong bệnh viêm loét dạ dày tại bệnh viện đa khoa thành phố Cần Thơ năm 2017.	Võ Thị Linh Phụng	Bùi Tùng Hiệp	Khảo sát việc sử dụng thuốc ức chế bơm proton trong bệnh viêm loét dạ dày tại bệnh viện đa khoa thành phố Cần Thơ năm 2017.
251.	Đại học	Đặc điểm cận lâm sàng và lâm sàng của viêm gan do virus B mạn và một số thuốc điều trị tại bệnh viện 121	Nguyễn Việt Toàn	Bùi Tùng Hiệp	Đặc điểm cận lâm sàng và lâm sàng của viêm gan do virus B mạn và một số thuốc điều trị tại bệnh viện 121
252.	Đại học	Khảo sát tình trạng viêm gan virus B mạn và một số thuốc điều trị tại bệnh viện 121 Thành phố Cần Thơ.	Trần Văn Đệ	Bùi Tùng Hiệp	Khảo sát tình trạng viêm gan virus B mạn và một số thuốc điều trị tại bệnh viện 121 Thành phố Cần Thơ.
253.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc bệnh viêm khớp dạng thấp ở bệnh viện bệnh viện 121 thành phố Cần Thơ	Nguyễn Phú Tân	Bùi Tùng Hiệp	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc bệnh viêm khớp dạng thấp ở bệnh viện bệnh viện 121 thành phố Cần Thơ
254.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh nhóm Quinolon tại bệnh viện Tim Mạch Thành Phố Cần Thơ.	Lê Phước Sung	Bùi Tùng Hiệp	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh nhóm Quinolon tại bệnh viện Tim Mạch Thành Phố Cần Thơ.
255.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc kháng sinh trong điều trị bệnh viêm phổi ở trẻ em tại bệnh viện bệnh viện Nhi Đồng thành phố Cần Thơ	Thái Thanh Trường	Bùi Tùng Hiệp	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc kháng sinh trong điều trị bệnh viêm phổi ở trẻ em tại bệnh viện bệnh viện Nhi Đồng thành phố Cần Thơ

256.	Đại học	Khảo sát điều trị bệnh tăng huyết áp bằng việc sử dụng thuốc thuộc nhóm lợi tiểu quai tại bệnh viện đa khoa thành phố Cần Thơ	Đặng Toàn Khoa	Bùi Tùng Hiệp	Khảo sát điều trị bệnh tăng huyết áp bằng việc sử dụng thuốc thuộc nhóm lợi tiểu quai tại bệnh viện đa khoa thành phố Cần Thơ
257.	Đại học	Khảo sát hiệu quả điều trị trên bệnh nhân đái tháo đường type 2 tại bệnh viện đa khoa thị xã Giá Rai	Nguyễn Bình Khang	Bùi Tùng Hiệp	Khảo sát hiệu quả điều trị trên bệnh nhân đái tháo đường type 2 tại bệnh viện đa khoa thị xã Giá Rai
258.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc ức chế men chuyển trên bệnh nhân tăng huyết áp tại bệnh viện Đa Khoa thành phố Cần Thơ	Nguyễn Lý Minh Tú	Bùi Tùng Hiệp	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc ức chế men chuyển trên bệnh nhân tăng huyết áp tại bệnh viện Đa Khoa thành phố Cần Thơ
259.	Đại học	Khảo sát tình hình tăng huyết áp ở người cao tuổi tại bệnh viện đa khoa Bình Minh, Vĩnh Long.	Châu Minh Hiệp	Bùi Tùng Hiệp	Khảo sát tình hình tăng huyết áp ở người cao tuổi tại bệnh viện đa khoa Bình Minh, Vĩnh Long.
260.	Đại học	Khảo sát những thành phẩm có chứa Đinh lăng trên thị trường tại Tỉnh Bến Tre.	Lê Dương Thị Mỹ Ngân	Đỗ Văn Mãi	Khảo sát những thành phẩm có chứa Đinh lăng trên thị trường tại Tỉnh Bến Tre.
261.	Đại học	Bước đầu nghiên cứu phân lập các hợp chất trong phân đoạn n-butanol từ lá cây Đinh lăng (<i>Polyscias fruticosa</i> (L.) Harms) trồng tại An Giang.	Phạm Nhựt Minh	Đỗ Văn Mãi	Bước đầu nghiên cứu phân lập các hợp chất trong phân đoạn n-butanol từ lá cây Đinh lăng (<i>Polyscias fruticosa</i> (L.) Harms) trồng tại An Giang.
262.	Đại học	Bước đầu nghiên cứu phân lập các hợp chất trong phân đoạn diethyl ether từ rễ cây Đinh lăng (<i>Polyscias fruticosa</i> (L.) Harms) trồng tại Cần Thơ.	Trần Quốc Bách	Đỗ Văn Mãi	Bước đầu nghiên cứu phân lập các hợp chất trong phân đoạn diethyl ether từ rễ cây Đinh lăng (<i>Polyscias fruticosa</i> (L.) Harms) trồng tại Cần Thơ.
263.	Đại học	Bước đầu nghiên cứu phân lập các hợp chất trong phân đoạn n-butanol từ rễ cây Đinh lăng (<i>Polyscias fruticosa</i> (L.) Harms) trồng tại An Giang	Phan Đàm Việt Anh	Đỗ Văn Mãi	Bước đầu nghiên cứu phân lập các hợp chất trong phân đoạn n-butanol từ rễ cây Đinh lăng (<i>Polyscias fruticosa</i> (L.) Harms) trồng tại An Giang
264.	Đại học	Tảo xoắn Spirulina và những ứng dụng trong dược và mỹ phẩm	Lê Thị Kiều Ni	Dương Thị Bích	Tảo xoắn Spirulina và những ứng dụng trong dược và mỹ phẩm
265.	Đại học	Đặc tính sinh học và thành phần hóa học của	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Dương Thị Bích	Đặc tính sinh học và thành phần hóa học của

		một số thực vật có khả năng kháng khuẩn			một số thực vật có khả năng kháng khuẩn
266.	Đại học	Đặc tính sinh học và thành phần hóa học của một số thực vật có khả năng giảm cholesterol trong máu và gan	Trần Ngọc Khỏe	Dương Thị Bích	Đặc tính sinh học và thành phần hóa học của một số thực vật có khả năng giảm cholesterol trong máu và gan
267.	Đại học	Đặc tính sinh học và thành phần hóa học của một số thực vật có khả năng kháng viêm	Lâm Trần Dũng Nhân	Dương Thị Bích	Đặc tính sinh học và thành phần hóa học của một số thực vật có khả năng kháng viêm
268.	Đại học	Thực trạng kháng thuốc kháng sinh của nhóm vi khuẩn Gram âm	Nguyễn Thị Ngọc Chiêu	Dương Thị Bích	Thực trạng kháng thuốc kháng sinh của nhóm vi khuẩn Gram âm
269.	Đại học	Phân tích tình hình sử dụng kháng sinh dự phòng trong phẫu thuật tại Bệnh viện đa khoa TP Cần Thơ	Tiêu Văn Thịnh	Giang Thị Thu Hồng	Phân tích tình hình sử dụng kháng sinh dự phòng trong phẫu thuật tại Bệnh viện đa khoa TP Cần Thơ
270.	Đại học	Dược lâm sàng trong bệnh lý Tiêu Chảy Cấp ở trẻ em hiện nay	Nguyễn Thị Hoàng Quyên	Giang Thị Thu Hồng	Dược lâm sàng trong bệnh lý Tiêu Chảy Cấp ở trẻ em hiện nay
271.	Đại học	Phân tích tình hình sử dụng thuốc loét dạ dày tá tràng ở khoa Nội Tiêu Hóa bệnh viện ĐKTP Cần Thơ	Nguyễn Thủy Tuyên	Giang Thị Thu Hồng	Phân tích tình hình sử dụng thuốc loét dạ dày tá tràng ở khoa Nội Tiêu Hóa bệnh viện ĐKTP Cần Thơ
272.	Đại học	Phân tích tình hình sử dụng thuốc ức chế bơm proton khoa Nội Tiêu Hóa tại bệnh viện ĐKTP Cần Thơ	Lý Hoàng Nam	Giang Thị Thu Hồng	Phân tích tình hình sử dụng thuốc ức chế bơm proton khoa Nội Tiêu Hóa tại bệnh viện ĐKTP Cần Thơ
273.	Đại học	Tổng quan tài liệu về thành phần hóa thực vật và các hoạt tính sinh học của dược liệu Trúng cá (<i>Muntingia calabura</i> L., Muntingiaceae).	Lê Phúc Bình	Huỳnh Ngọc Trung Dung	Tổng quan tài liệu về thành phần hóa thực vật và các hoạt tính sinh học của dược liệu Trúng cá (<i>Muntingia calabura</i> L., Muntingiaceae).
274.	Đại học	Tổng quan tài liệu về thành phần hóa thực vật và các hoạt tính sinh học của dược liệu Ngò om (<i>Limnophila aromatica</i> , Apiaceae)	Nguyễn Thanh Tâm	Huỳnh Ngọc Trung Dung	Tổng quan tài liệu về thành phần hóa thực vật và các hoạt tính sinh học của dược liệu Ngò om (<i>Limnophila aromatica</i> , Apiaceae)
275.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng nhóm thuốc chẹn kênh calci trong điều trị bệnh tăng huyết áp khoa nội tim mạch bệnh viện Đa khoa Cần Thơ	Đặng Thị Thùy Trang	Lê Phú Nguyễn Thảo	Khảo sát tình hình sử dụng nhóm thuốc chẹn kênh calci trong điều trị bệnh tăng huyết áp khoa nội tim mạch bệnh viện Đa khoa Cần Thơ

276.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc trong điều trị rối loạn lipid máu khoa Nội tim mạch bệnh viện Đa khoa Cần Thơ	Vương Tô Minh	Lê Phú Nguyên Thảo	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc trong điều trị rối loạn lipid máu khoa Nội tim mạch bệnh viện Đa khoa Cần Thơ
277.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc trong điều trị suy tim tại khoa nội tim mạch bệnh viện Đa khoa Thành phố Cần Thơ.	Nguyễn Thị Thủy Linh	Lê Phú Nguyên Thảo	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc trong điều trị suy tim tại khoa nội tim mạch bệnh viện Đa khoa Thành phố Cần Thơ.
278.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc ức chế beta-adrenergic trong điều trị bệnh tim mạch tại khoa Nội tim mạch bệnh viện Đa khoa Cần Thơ	Trần Phương Đông	Lê Phú Nguyên Thảo	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc ức chế beta-adrenergic trong điều trị bệnh tim mạch tại khoa Nội tim mạch bệnh viện Đa khoa Cần Thơ
279.	Đại học	Khảo sát thực trạng thực hiện nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc GPP của một số nhà thuốc tại địa bàn Q.Cái Răng, TP. Cần Thơ, 2018	Nguyễn Phước Thiện	Lưu Hoàng Minh Khoa	Khảo sát thực trạng thực hiện nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc GPP của một số nhà thuốc tại địa bàn Q.Cái Răng, TP. Cần Thơ, 2018
280.	Đại học	Khảo sát vi phẫu và thành phần hóa học cây Lạc tiên (Passiflora foetida, Passifloraceae)	Trần Quang Vinh	Nguyễn Hữu Phúc	Khảo sát vi phẫu và thành phần hóa học cây Lạc tiên (Passiflora foetida, Passifloraceae)
281.	Đại học	Khảo sát một số bột dược liệu và tinh bột thường gặp bằng kính hiển vi	Tân Giám Hòa	Nguyễn Hữu Phúc	Khảo sát một số bột dược liệu và tinh bột thường gặp bằng kính hiển vi
282.	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của phương pháp và thời gian chiết xuất polyphenol trong dược liệu Đinh Hương	Trịnh Thị Ngọc Yến	Nguyễn Kim Đông	Khảo sát ảnh hưởng của phương pháp và thời gian chiết xuất polyphenol trong dược liệu Đinh Hương
283.	Đại học	Khảo sát hoạt tính chống oxy hóa của polyphenol chiết xuất từ dược liệu Đinh Hương.	Trương Thị Thủy Dương	Nguyễn Kim Đông	Khảo sát hoạt tính chống oxy hóa của polyphenol chiết xuất từ dược liệu Đinh Hương.
284.	Đại học	Khảo sát hệ dung môi trong quá trình chiết xuất polyphenol từ dược liệu Đinh Hương.	Trương Thiện Thân	Nguyễn Kim Đông	Khảo sát hệ dung môi trong quá trình chiết xuất polyphenol từ dược liệu Đinh Hương.
285.	Đại học	Nghiên cứu chế tạo than hoạt tính từ gạo dừa và khảo sát khả năng hấp phụ màu hữu cơ	Chuong Thị Tuyết Trinh	Nguyễn Minh Kha	Nghiên cứu chế tạo than hoạt tính từ gạo dừa và khảo sát khả năng hấp phụ màu hữu cơ
286.	Đại học	Khảo sát khám phá	Trần Qui	Nguyễn Phú	Khảo sát khám phá

		thuốc: Tối ưu hóa tiếp cận với đích tác động và đưa thuốc ra thị trường	Phương	Quý	thuốc: Tối ưu hóa tiếp cận với đích tác động và đưa thuốc ra thị trường
287.	Đại học	Khảo sát khám phá thuốc: Tìm chất dẫn đầu và tối ưu hóa tương tác với đích tác động	Lê Minh Phú	Nguyễn Phú Quý	Khảo sát khám phá thuốc: Tìm chất dẫn đầu và tối ưu hóa tương tác với đích tác động
288.	Đại học	Xây dựng quy trình định lượng thuốc tricyclazol bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến.	Lê Thị Trúc Linh	Nguyễn Phước Định	Xây dựng quy trình định lượng thuốc tricyclazol bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến.
289.	Đại học	Tìm hiểu một số chế phẩm thuốc kháng histamin H1 trên địa bàn thành phố Cần Thơ và các tương tác thuốc thường gặp	Võ Lê Ngọc Thảo	Nguyễn Phương Thảo	Tìm hiểu một số chế phẩm thuốc kháng histamin H1 trên địa bàn thành phố Cần Thơ và các tương tác thuốc thường gặp
290.	Đại học	Tìm hiểu một số chế phẩm trị hen trên địa bàn thành phố Cần Thơ và các tương tác thuốc thường gặp	Nguyễn Hồ Nguyên	Nguyễn Phương Thảo	Tìm hiểu một số chế phẩm trị hen trên địa bàn thành phố Cần Thơ và các tương tác thuốc thường gặp
291.	Đại học	Khảo sát thực trạng thực hiện nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc GPP của một số nhà thuốc tại địa bàn phường Tân An, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ, 2018	Nguyễn Thị Trúc Quyên	Nguyễn Thanh Huy	Khảo sát thực trạng thực hiện nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc GPP của một số nhà thuốc tại địa bàn phường Tân An, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ, 2018
292.	Đại học	Khảo sát chi phí điều trị bệnh rối loạn lipid máu tại bệnh viện đa khoa Kiên Giang, năm 2018	Huỳnh Minh Trí	Nguyễn Thanh Huy	Khảo sát chi phí điều trị bệnh rối loạn lipid máu tại bệnh viện đa khoa Kiên Giang, năm 2018
293.	Đại học	Khảo sát chi phí điều trị bệnh loãng xương tại bệnh viện đa khoa tỉnh Tiền Giang, năm 2018	Trần Minh Bảo Ngân	Nguyễn Thanh Huy	Khảo sát chi phí điều trị bệnh loãng xương tại bệnh viện đa khoa tỉnh Tiền Giang, năm 2018
294.	Đại học	So sánh đặc điểm của viên nén và viên nang cứng	Lâm Hoàng Khánh	Nguyễn Thị Thúy Lan	So sánh đặc điểm của viên nén và viên nang cứng
295.	Đại học	Khảo sát kỹ năng bán thuốc điều trị cảm cúm của nhân viên bán thuốc tại các nhà thuốc trên địa bàn thành phố Cần Thơ	Dương Thanh Nhã	Phạm Đoàn Vi	Khảo sát kỹ năng bán thuốc điều trị cảm cúm của nhân viên bán thuốc tại các nhà thuốc trên địa bàn thành phố Cần Thơ
296.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh trong điều trị ngoại trú tại bv	Lê Thanh Hoàng	Phạm Đoàn Vi	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh trong điều trị ngoại trú tại bv

		ĐK TP Pleiku từ 01/2018-03/2018			ĐK TP Pleiku từ 01/2018-03/2018
297.	Đại học	Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh viêm dạ dày trên bệnh nhân viêm dạ dày đang điều trị tại bệnh viện đa khoa thành phố Cần thơ	Trần Thị Trà Trâm	Quách Thị Thu Hằng	Phân tích sử dụng thuốc trong điều trị bệnh viêm dạ dày trên bệnh nhân viêm dạ dày đang điều trị tại bệnh viện đa khoa thành phố Cần thơ
298.	Đại học	Phân tích, sử dụng thuốc trong nhồi máu cơ tim, suy tim cấp 3 trên bệnh nhân nhồi máu cơ tim, suy tim cấp 3 đang điều trị tại BV Đa khoa TP Cần thơ	Trần Anh Khoa	Quách Thị Thu Hằng	Phân tích, sử dụng thuốc trong nhồi máu cơ tim, suy tim cấp 3 trên bệnh nhân nhồi máu cơ tim, suy tim cấp 3 đang điều trị tại BV Đa khoa TP Cần thơ
299.	Đại học	Nghiên cứu tổng quan các phương pháp bào chế nano doxorubicin	Vũ Phước Hải	Trâm Hạnh Dung	Nghiên cứu tổng quan các phương pháp bào chế nano doxorubicin
300.	Đại học	Khảo sát chi phí điều trị và hiệu quả bệnh đái tháo đường type II tại bệnh viện đa khoa thành phố Cần Thơ 2018	Trương Ngọc Nhi	Trần Quang Trí	Khảo sát chi phí điều trị và hiệu quả bệnh đái tháo đường type II tại bệnh viện đa khoa thành phố Cần Thơ 2018
301.	Đại học	Khảo sát thực trạng thực hiện nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc GPP của một số nhà thuốc tại địa bàn phường Thường Thạnh, quận Cái Răng, TP. Cần Thơ, 2018	Nguyễn Thị Kiều Phương	Trần Quang Trí	Khảo sát thực trạng thực hiện nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc GPP của một số nhà thuốc tại địa bàn phường Thường Thạnh, quận Cái Răng, TP. Cần Thơ, 2018
302.	Đại học	Khảo sát tình hình bán lẻ thuốc tại một số nhà thuốc đạt chuẩn GPP trên địa bàn Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ, 2018	Lưu Thị Ngọc Mai	Trần Quang Trí	Khảo sát tình hình bán lẻ thuốc tại một số nhà thuốc đạt chuẩn GPP trên địa bàn Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ, 2018
303.	Đại học	Khảo sát thực trạng thực hiện nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc GPP của một số nhà thuốc tại địa bàn phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ, 2018	Võ Thị Cẩm Nhung	Trần Quang Trí	Khảo sát thực trạng thực hiện nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc GPP của một số nhà thuốc tại địa bàn phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ, 2018
304.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh trong điều trị đợt cấp bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD) tại Khoa Nội tổng hợp bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ	Nguyễn Thị Kiều Phương	Võ Huỳnh Như	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh trong điều trị đợt cấp bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD) tại Khoa Nội tổng hợp bệnh viện Đa khoa thành phố Cần

		từ tháng 3/2018 đến tháng 4/2018.			Thơ từ tháng 3/2018 đến tháng 4/2018.
305.	Đại học	Khảo sát về nhận thức tự ý sử dụng kháng sinh và các yếu tố liên quan của sinh viên trường Đại Học Tây Đô.	Lê Ngọc Nga	Võ Huỳnh Như	Khảo sát về nhận thức tự ý sử dụng kháng sinh và các yếu tố liên quan của sinh viên trường Đại Học Tây Đô.
306.	Đại học	Khảo sát tình trạng sử dụng thuốc điều trị đái tháo đường ở bệnh nhân ngoại trú bệnh viện Cà Mau năm 2018.	Nguyễn Thị Trúc Đào	Võ Huỳnh Như	Khảo sát tình trạng sử dụng thuốc điều trị đái tháo đường ở bệnh nhân ngoại trú bệnh viện Cà Mau năm 2018.
307.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc kháng sinh trong bệnh nhân điều trị bệnh viêm loét dạ dày tá tràng tại khoa Nội tiêu hóa Bệnh viện Đa Khoa TP Cần Thơ năm 2018.	Phạm Huyền Trân	Võ Huỳnh Như	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc kháng sinh trong bệnh nhân điều trị bệnh viêm loét dạ dày tá tràng tại khoa Nội tiêu hóa Bệnh viện Đa Khoa TP Cần Thơ năm 2018.
308.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh viêm loét dạ dày tá tràng tại khoa nội tiêu hoá bệnh viện Đa khoa Thành phố Cần Thơ năm 2018.	Nguyễn Trương Phát	Võ Huỳnh Như	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh viêm loét dạ dày tá tràng tại khoa nội tiêu hoá bệnh viện Đa khoa Thành phố Cần Thơ năm 2018.
309.	Đại học	Khảo sát tình trạng sử dụng thuốc điều trị bệnh đái tháo đường tại khoa nội tiết, bệnh viện đa khoa thành phố Cần Thơ năm 2018.	Lý Thị Cẩm Linh	Võ Huỳnh Như	Khảo sát tình trạng sử dụng thuốc điều trị bệnh đái tháo đường tại khoa nội tiết, bệnh viện đa khoa thành phố Cần Thơ năm 2018.
310.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp tại Trung tâm Y tế Phụng Hiệp, Hậu Giang.	Trần Minh Hoàng	Võ Huỳnh Như	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp tại Trung tâm Y tế Phụng Hiệp, Hậu Giang.
311.	Đại học	Đề cương nghiên cứu bào chế viên nén vitamin C 100mg	Di Yến Nhi	Võ Phước Hải	Đề cương nghiên cứu bào chế viên nén vitamin C 100mg
312.	Đại học	Khảo sát thực trạng duy trì các nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc của các nhà thuốc đạt GPP trên địa bàn thành phố Vũng Tàu năm 2018	Trần Thị Hương Duyên	Vũ Thị Thảo Ly	Khảo sát thực trạng duy trì các nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc của các nhà thuốc đạt GPP trên địa bàn thành phố Vũng Tàu năm 2018
313.	Đại học	Khảo sát chi phí điều trị của bệnh đái tháo đường typ 2 trong điều trị ngoại trú tại bệnh viện đa khoa Vạn Phúc 1	Huỳnh Trọng Yên Duyên	Vũ Thị Thảo Ly	Khảo sát chi phí điều trị của bệnh đái tháo đường typ 2 trong điều trị ngoại trú tại bệnh viện đa khoa Vạn Phúc

		Năm 2018			1 Năm 2018
314.	Đại học	Khảo sát thực trạng kinh doanh thực phẩm chức năng tại các nhà thuốc trên địa bàn thị trấn Phú Hòa, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang năm 2018	Trần Thị Mỹ Linh	Vũ Thị Thảo Ly	Khảo sát thực trạng kinh doanh thực phẩm chức năng tại các nhà thuốc trên địa bàn thị trấn Phú Hòa, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang năm 2018
315.	Đại học	Khảo sát chi phí điều trị của bệnh đái tháo đường typ 2 trong điều trị ngoại trú tại bệnh viện Đa Khoa Trung Ương Cần Thơ năm 2018	Nguyễn Trung Hiếu	Vũ Thị Thảo Ly	Khảo sát chi phí điều trị của bệnh đái tháo đường typ 2 trong điều trị ngoại trú tại bệnh viện Đa Khoa Trung Ương Cần Thơ năm 2018
316.	Đại học	Khảo sát thực trạng duy trì các nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc của các nhà thuốc đạt GPP trên địa bàn quận Cái Răng năm 2018	Phan Quốc Trí	Vũ Thị Thảo Ly	Khảo sát thực trạng duy trì các nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc của các nhà thuốc đạt GPP trên địa bàn quận Cái Răng năm 2018
317.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp tại khoa Nội tim mạch tại bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ từ tháng 4/2017 đến tháng 3/2018	Nguyễn Việt Đăng	Bùi Tùng Hiệp	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp tại khoa Nội tim mạch tại bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ từ tháng 4/2017 đến tháng 3/2018
318.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc YHCT tại bệnh viện Y học cổ truyền Thành phố Cần Thơ năm 2017	Huỳnh Thị Trà Giang	Nguyễn Ngọc Chương	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc YHCT tại bệnh viện Y học cổ truyền Thành phố Cần Thơ năm 2017
319.	Đại học	Khảo sát sơ bộ thành phần hóa thực vật và thử hoạt tính sinh học của cao chiết từ cây xương Vọt Gai (<i>Opuntia dillenii</i>)	Nguyễn Thị Thùy Trang	Dương Thị Bích	Khảo sát sơ bộ thành phần hóa thực vật và thử hoạt tính sinh học của cao chiết từ cây xương Vọt Gai (<i>Opuntia dillenii</i>)
320.	Đại học	Phân lập và tuyển chọn những dòng vi khuẩn lactic có khả năng sản sinh acid lactic cao	Trần Thị Kiều Trinh	Dương Thị Bích	Phân lập và tuyển chọn những dòng vi khuẩn lactic có khả năng sản sinh acid lactic cao
321.	Đại học	Khảo sát sự ức chế enzym alpha-glucosidase của cao chiết từ hoa cao trắng	Phạm Thị Thanh Trúc	Dương Thị Bích	Khảo sát sự ức chế enzym alpha-glucosidase của cao chiết từ hoa cao trắng
322.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng và hiệu quả điều trị của insulin trong điều trị đái tháo đường tại	Nguyễn Thế Vinh	Bùi Tùng Hiệp	Khảo sát tình hình sử dụng và hiệu quả điều trị của insulin trong điều trị đái tháo đường tại

		bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ năm 2017			tại bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ năm 2017
323.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc ức chế bơm proton cho bệnh nhân điều trị loét dạ dày – tá tràng ở bệnh viện Đa Khoa Tp Cần Thơ năm 2017	Ngô Thị Bảo Xuyên	Bùi Tùng Hiệp	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc ức chế bơm proton cho bệnh nhân điều trị loét dạ dày – tá tràng ở bệnh viện Đa Khoa Tp Cần Thơ năm 2017
324.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc trong điều trị bệnh Rối loạn lipid máu tại bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ năm 2017	Trịnh Mỹ Ý	Bùi Tùng Hiệp	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc trong điều trị bệnh Rối loạn lipid máu tại bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ năm 2017
325.	Đại học	Khảo sát khả năng ức chế dung nạp đường và nồng độ gầy độc trên chuột của cao chiết từ hoa cao trắng	Lý Mỹ Yến	Dương Thị Bích	Khảo sát khả năng ức chế dung nạp đường và nồng độ gầy độc trên chuột của cao chiết từ hoa cao trắng
326.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc chống tăng huyết áp tại khoa Nội tim mạch Bệnh viện Trung Vương Thành phố Hồ Chí Minh năm 2017	Trần Thị Ngọc Biển	Bùi Tùng Hiệp	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc chống tăng huyết áp tại khoa Nội tim mạch Bệnh viện Trung Vương Thành phố Hồ Chí Minh năm 2017
327.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị viêm loét dạ dày – tá tràng tại khoa nội tiêu hóa bệnh viện Trung Vương Thành phố Hồ Chí Minh năm 2017	Nguyễn Hoàng Tuấn	Bùi Tùng Hiệp	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị viêm loét dạ dày – tá tràng tại khoa nội tiêu hóa bệnh viện Trung Vương Thành phố Hồ Chí Minh năm 2017
328.	Đại học	Khảo sát đặc điểm vi học và phân tích sơ bộ thành phần hóa học của cây Dây vác (Cayratia trifolia)	Đỗ Trọng Hiếu	Đỗ Văn Mãi	Khảo sát đặc điểm vi học và phân tích sơ bộ thành phần hóa học của cây Dây vác (Cayratia trifolia)
329.	Đại học	Nghiên cứu phân lập hợp chất chính trong phân đoạn n-butanol từ rễ cây Đinh lăng (Polyscias fruticosa (L.) Harms) trồng tại Hậu Giang	Nguyễn Đoàn Thảo Vân	Đỗ Văn Mãi	Nghiên cứu phân lập hợp chất chính trong phân đoạn n-butanol từ rễ cây Đinh lăng (Polyscias fruticosa (L.) Harms) trồng tại Hậu Giang
330.	Đại học	Nghiên cứu phân lập hợp chất chính trong phân đoạn n-butanol từ rễ cây Đinh lăng (Polyscias fruticosa (L.)	Danh Hà Thu Thảo	Đỗ Văn Mãi	Nghiên cứu phân lập hợp chất chính trong phân đoạn n-butanol từ rễ cây Đinh lăng (Polyscias fruticosa (L.)

		Harms) trồng tại Cần Thơ			Harms) trồng tại Cần Thơ
331.	Đại học	Tóm tắt qui trình sản xuất acid lactic đạt chuẩn dược phẩm	Bùi Thị Ngọc Hân	Dương Thị Bích	Tóm tắt qui trình sản xuất acid lactic đạt chuẩn dược phẩm
332.	Đại học	Tìm hiểu qui trình sản xuất chế phẩm probiotic	Nguyễn Thúy Huỳnh	Dương Thị Bích	Tìm hiểu qui trình sản xuất chế phẩm probiotic
333.	Đại học	Vai trò của tác dụng dùng trong chế phẩm sinh học probiotic	Nguyễn Trung Hiếu	Dương Thị Bích	Vai trò của tác dụng dùng trong chế phẩm sinh học probiotic
334.	Đại học	Vai trò và những ảnh hưởng của một số tá dược phổ biến được dùng trong mỹ phẩm	Trần Tấn Đạt	Dương Thị Bích	Vai trò và những ảnh hưởng của một số tá dược phổ biến được dùng trong mỹ phẩm
335.	Đại học	Những dược liệu có khả năng làm hạ huyết áp	Lê Tuấn Anh	Dương Thị Bích	Những dược liệu có khả năng làm hạ huyết áp
336.	Đại học	Những dược liệu có khả năng làm hạ đường huyết	Trần Nguyễn Vinh Quang	Dương Thị Bích	Những dược liệu có khả năng làm hạ đường huyết
337.	Đại học	Thực trạng kháng thuốc kháng sinh của vi khuẩn Gram dương	Võ Duy Tân	Dương Thị Bích	Thực trạng kháng thuốc kháng sinh của vi khuẩn Gram dương
338.	Đại học	Phân tích tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh tay chân miệng độ 2a trong khoa nhiễm bệnh viện Nhi đồng TP Cần Thơ	Nguyễn Tài Hậu	Giang Thị Thu Hồng	Phân tích tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh tay chân miệng độ 2a trong khoa nhiễm bệnh viện Nhi đồng TP Cần Thơ
339.	Đại học	Phân tích tình hình sử dụng thuốc kháng sinh trong khoa tiêu hóa tại Bệnh viện nhi đồng Cần Thơ	Trần Hoàng Sanh	Giang Thị Thu Hồng	Phân tích tình hình sử dụng thuốc kháng sinh trong khoa tiêu hóa tại Bệnh viện nhi đồng Cần Thơ
340.	Đại học	Tổng quan tài liệu về thành phần hóa thực vật và các hoạt tính sinh học của dược liệu Luối hồ (Sansevieria trifasciata, Sansevieria)	Lê Tuyết Nhung	Huỳnh Ngọc Trung Dung	Tổng quan tài liệu về thành phần hóa thực vật và các hoạt tính sinh học của dược liệu Luối hồ (Sansevieria trifasciata, Sansevieria)
341.	Đại học	Khảo sát tình hình bán thuốc kháng viêm Glucocorticoid tại các nhà thuốc trên địa bàn Q. Cái Răng và Bình Thủy, TP. Cần Thơ năm 2018	Nguyễn Tấn Thiện	Lương Thanh Long	Khảo sát tình hình bán thuốc kháng viêm Glucocorticoid tại các nhà thuốc trên địa bàn Q. Cái Răng và Bình Thủy, TP. Cần Thơ năm 2018
342.	Đại học	Khảo sát tình hình kê đơn kháng sinh điều trị ngoại trú BHYT tại BV Nhi Đồng Cần Thơ 10/2017 - 03/2018	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Lương Thanh Long	Khảo sát tình hình kê đơn kháng sinh điều trị ngoại trú BHYT tại BV Nhi Đồng Cần Thơ 10/2017 - 03/2018

343.	Đại học	Khảo sát tình hình bán thuốc kháng viêm Glucocorticoid tại các nhà thuốc trên địa bàn Q. Ô Môn, Thới Lai, TP. Cần Thơ năm 2018	Nguyễn Phát Đạt	Lương Thanh Long	Khảo sát tình hình bán thuốc kháng viêm Glucocorticoid tại các nhà thuốc trên địa bàn Q. Ô Môn, Thới Lai, TP. Cần Thơ năm 2018
344.	Đại học	Chiết xuất và định tính tinh dầu vỏ Bưởi bằng sắc ký lớp mỏng	Huỳnh Tiểu My	Nguyễn Hữu Phúc	Chiết xuất và định tính tinh dầu vỏ Bưởi bằng sắc ký lớp mỏng
345.	Đại học	Chiết xuất và định tính tinh dầu vỏ Cam bằng sắc ký lớp mỏng	Đỗ Anh Tuấn	Nguyễn Hữu Phúc	Chiết xuất và định tính tinh dầu vỏ Cam bằng sắc ký lớp mỏng
346.	Đại học	Nghiên cứu chế tạo than hoạt tính từ bã cà phê Trung Nguyên và khảo sát khả năng hấp phụ chất điện giải đơn thành phần	Võ Thị Hà Anh	Nguyễn Minh Kha	Nghiên cứu chế tạo than hoạt tính từ bã cà phê Trung Nguyên và khảo sát khả năng hấp phụ chất điện giải đơn thành phần
347.	Đại học	Khảo sát hoạt tính kháng oxi hóa của tinh dầu lá chanh (<i>Citrus aurantifolia</i>)	Châu Phương Thủy Tiên	Nguyễn Ngọc Yến	Khảo sát hoạt tính kháng oxi hóa của tinh dầu lá chanh (<i>Citrus aurantifolia</i>)
348.	Đại học	Khảo sát điều kiện trích ly và thành phần hóa học của tinh dầu lá chanh (<i>Citrus aurantifolia</i>)	Võ Thị Hạnh Duyên	Nguyễn Ngọc Yến	Khảo sát điều kiện trích ly và thành phần hóa học của tinh dầu lá chanh (<i>Citrus aurantifolia</i>)
349.	Đại học	Khảo sát điều kiện trích ly và thành phần hóa học của tinh dầu lá húng quế (<i>Ocimum basilic L. var. basilicum</i>)	Nguyễn Ngọc Huyền Trân	Nguyễn Ngọc Yến	Khảo sát điều kiện trích ly và thành phần hóa học của tinh dầu lá húng quế (<i>Ocimum basilic L. var. basilicum</i>)
350.	Đại học	Khảo sát hoạt tính kháng oxi hóa của tinh dầu lá húng quế (<i>Ocimum basilic L. var. basilicum</i>)	Võ Hồng Châu	Nguyễn Ngọc Yến	Khảo sát hoạt tính kháng oxi hóa của tinh dầu lá húng quế (<i>Ocimum basilic L. var. basilicum</i>)
351.	Đại học	Xây dựng quy trình định lượng thuốc difenoconazol bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến.	Trần Phan Khánh	Nguyễn Phước Định	Xây dựng quy trình định lượng thuốc difenoconazol bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến.
352.	Đại học	Tìm hiểu một số chế phẩm thuốc kháng sinh nhóm beta lactam trên địa bàn thành phố Cần Thơ và các tương tác thuốc thường gặp	Nguyễn Sơn Tùng	Nguyễn Phương Thảo	Tìm hiểu một số chế phẩm thuốc kháng sinh nhóm beta lactam trên địa bàn thành phố Cần Thơ và các tương tác thuốc thường gặp
353.	Đại học	Tìm hiểu một số chế phẩm thuốc lợi tiểu trên địa bàn thành phố Cần	Trần Hà Ái Thi	Nguyễn Phương Thảo	Tìm hiểu một số chế phẩm thuốc lợi tiểu trên địa bàn thành phố Cần

		Thơ và các tương tác thuốc thường gặp			Thơ và các tương tác thuốc thường gặp
354.	Đại học	Tìm hiểu một số chế phẩm thuốc trị loét dạ dày tá tràng trên địa bàn thành phố Cần Thơ và các tương tác thuốc thường gặp	Lê Quốc Vinh	Nguyễn Phương Thảo	Tìm hiểu một số chế phẩm thuốc trị loét dạ dày tá tràng trên địa bàn thành phố Cần Thơ và các tương tác thuốc thường gặp
355.	Đại học	Tìm hiểu một số chế phẩm thuốc trị ho trên địa bàn thành phố Cần Thơ và các tương tác thuốc thường gặp	Nguyễn Hoàng Tâm	Nguyễn Phương Thảo	Tìm hiểu một số chế phẩm thuốc trị ho trên địa bàn thành phố Cần Thơ và các tương tác thuốc thường gặp
356.	Đại học	Tìm hiểu một số chế phẩm thuốc kháng sinh nhóm macrolid và nhóm quinolon trên địa bàn thành phố Cần Thơ và các tương tác thuốc thường gặp	Vương Bảo Duy	Nguyễn Phương Thảo	Tìm hiểu một số chế phẩm thuốc kháng sinh nhóm macrolid và nhóm quinolon trên địa bàn thành phố Cần Thơ và các tương tác thuốc thường gặp
357.	Đại học	Tìm hiểu một số chế phẩm thuốc kháng nấm trên địa bàn thành phố Cần Thơ và các tương tác thuốc thường gặp	Nguyễn Hùng Khâm	Nguyễn Phương Thảo	Tìm hiểu một số chế phẩm thuốc kháng nấm trên địa bàn thành phố Cần Thơ và các tương tác thuốc thường gặp
358.	Đại học	Tìm hiểu một số chế phẩm thuốc trị rối loạn lipid máu trên địa bàn thành phố Cần Thơ và các tương tác thuốc thường gặp	Phạm Kiêm Trinh	Nguyễn Phương Thảo	Tìm hiểu một số chế phẩm thuốc trị rối loạn lipid máu trên địa bàn thành phố Cần Thơ và các tương tác thuốc thường gặp
359.	Đại học	“Tình hình thực hiện GPP tại một số nhà thuốc đăng hoạt động tại địa bàn phường Phú Thứ – Q. Cái Răng, thành phố Cần Thơ năm 2017”	Nguyễn Lê Phong Vũ Thảo	Nguyễn Thị Thúy Lan	“Tình hình thực hiện GPP tại một số nhà thuốc đăng hoạt động tại địa bàn phường Phú Thứ – Q. Cái Răng, thành phố Cần Thơ năm 2017”
360.	Đại học	Nghiên cứu bào chế viên nén có tác dụng kéo dài	Nguyễn Phương Thảo My	Nguyễn Thị Thúy Lan	Nghiên cứu bào chế viên nén có tác dụng kéo dài
361.	Đại học	Khảo sát thực trạng và phân tích tình hình quản lý, cấp phát thuốc nội trú tại bệnh viện đa khoa Trà Vinh năm 2018	Bùi Ngọc Bảo Trân	Phạm Đoàn Vi	Khảo sát thực trạng và phân tích tình hình quản lý, cấp phát thuốc nội trú tại bệnh viện đa khoa Trà Vinh năm 2018
362.	Đại học	Phân tích, bình luận bệnh án viêm phổi không phân loại trên bệnh nhân viêm phổi không phân loại đang	Trần Hữu Nghĩa	Quách Thị Thu Hằng	Phân tích, bình luận bệnh án viêm phổi không phân loại trên bệnh nhân viêm phổi không phân loại đang

		điều trị tại BV Nhi Đồng TP Cần Thơ			điều trị tại BV Nhi Đồng TP Cần Thơ
363.	Đại học	Tổng quan hồ sơ thủ tục xây dựng nhà thuốc đạt tiêu chuẩn GPP theo luật dược 2016	Trần Ngọc Bảo Trân	Trần Quang Trí	Tổng quan hồ sơ thủ tục xây dựng nhà thuốc đạt tiêu chuẩn GPP theo luật dược 2016
364.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh tại khoa nội tiêu hóa bệnh viện Nhi Đồng, Cần Thơ năm 2018	Châu Long	Trần Quang Trí	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh tại khoa nội tiêu hóa bệnh viện Nhi Đồng, Cần Thơ năm 2018
365.	Đại học	Khảo sát tình hình bán lẻ thuốc tại một số nhà thuốc đạt chuẩn GPP trên địa bàn huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	Nguyễn Quốc Chiến	Trần Quang Trí	Khảo sát tình hình bán lẻ thuốc tại một số nhà thuốc đạt chuẩn GPP trên địa bàn huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang
366.	Đại học	Khảo sát thực trạng thực hiện nguyên tắc tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc GPP của một số nhà thuốc tại địa bàn P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ năm 2018	Lâm Tố Tố	Trần Quang Trí	Khảo sát thực trạng thực hiện nguyên tắc tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc GPP của một số nhà thuốc tại địa bàn P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ năm 2018
367.	Đại học	Khảo sát hoạt tính chống oxy hóa của cao lá Cà na (<i>Elaeocarpus hygrophilus</i> Kurz, <i>Elaeocarpaceae</i>)	Nguyễn Thị Thảo	Tri Kim Ngọc	Khảo sát hoạt tính chống oxy hóa của cao lá Cà na (<i>Elaeocarpus hygrophilus</i> Kurz, <i>Elaeocarpaceae</i>)
368.	Đại học	Tiêu chuẩn hóa dược liệu Cà na (<i>Elaeocarpus hygrophilus</i> Kurz, <i>Elaeocarpaceae</i>)	Trương Phước Toàn	Tri Kim Ngọc	Tiêu chuẩn hóa dược liệu Cà na (<i>Elaeocarpus hygrophilus</i> Kurz, <i>Elaeocarpaceae</i>)
369.	Đại học	Đề cương nghiên cứu bào chế viên nén aspirin 100mg	Huỳnh Thị Kim Ngân	Võ Phước Hải	Đề cương nghiên cứu bào chế viên nén aspirin 100mg
370.	Đại học	Đề cương nghiên cứu bào chế viên nén clopheniramin 4 mg	Vũ Thị Thanh Thủy	Võ Phước Hải	Đề cương nghiên cứu bào chế viên nén clopheniramin 4 mg
371.	Đại học	Đề cương nghiên cứu bào chế viên nén calcium + vitamin D	Phạm Thị Thảo Nguyên	Võ Phước Hải	Đề cương nghiên cứu bào chế viên nén calcium + vitamin D
372.	Đại học	Đề cương nghiên cứu bào chế viên nén calcium sủi 500 mg	Triệu Thanh Toàn	Võ Phước Hải	Đề cương nghiên cứu bào chế viên nén calcium sủi 500 mg
373.	Đại học	Đề cương nghiên cứu bào chế viên nén amlodipin 5mg	Đình Thanh Thiên Ngọc	Võ Phước Hải	Đề cương nghiên cứu bào chế viên nén amlodipin 5mg
374.	Đại học	Đề cương nghiên cứu bào chế viên nén amoxicillin + acid	Lê Thị Yến Nhi	Võ Phước Hải	Đề cương nghiên cứu bào chế viên nén amoxicillin + acid

		clavulanic			clavulanic
375.	Đại học	Đề cương nghiên cứu bào chế viên nén azithromycin 250mg	Lương Minh Hiếu	Võ Phước Hải	Đề cương nghiên cứu bào chế viên nén azithromycin 250mg
376.	Đại học	Đề cương nghiên cứu bào chế viên nén bromhexin 8mg	Trần Thị Trúc Duyên	Võ Phước Hải	Đề cương nghiên cứu bào chế viên nén bromhexin 8mg
377.	Đại học	Đề cương nghiên cứu bào chế viên nén cefixim 100mg	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Võ Phước Hải	Đề cương nghiên cứu bào chế viên nén cefixim 100mg
378.	Đại học	Đề cương nghiên cứu bào chế viên nén cetirizin 10mg	Lý Trí Huy	Võ Phước Hải	Đề cương nghiên cứu bào chế viên nén cetirizin 10mg
379.	Đại học	Đề cương nghiên cứu bào chế viên nén diclofenac 50mg	Nguyễn Chúc Linh	Võ Phước Hải	Đề cương nghiên cứu bào chế viên nén diclofenac 50mg
380.	Đại học	Đề cương nghiên cứu bào chế viên nén erythromycin 250mg	Lê Nguyễn Thảo Nguyên	Võ Phước Hải	Đề cương nghiên cứu bào chế viên nén erythromycin 250mg
381.	Đại học	Đề cương nghiên cứu bào chế viên nén furosemid 40 mg	Trương Duy Đăng	Võ Phước Hải	Đề cương nghiên cứu bào chế viên nén furosemid 40 mg
382.	Đại học	Đề cương nghiên cứu bào chế viên nén ibuprofen 400mg	Đỗ Hồng Thái	Võ Phước Hải	Đề cương nghiên cứu bào chế viên nén ibuprofen 400mg
383.	Đại học	Khảo sát thực trạng duy trì các nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc của các nhà thuốc đạt GPP trên địa bàn thành phố Trà Vinh năm 2018	Nguyễn Hoàng Châu	Vũ Thị Thảo Ly	Khảo sát thực trạng duy trì các nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc của các nhà thuốc đạt GPP trên địa bàn thành phố Trà Vinh năm 2018
384.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc chống tăng huyết áp tại khoa Nội tim mạch Bệnh viện Trung Vương từ tháng 10/2017 đến tháng 4/2018	Lưu Văn Hùng	Bùi Tùng Hiệp	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc chống tăng huyết áp tại khoa Nội tim mạch Bệnh viện Trung Vương từ tháng 10/2017 đến tháng 4/2018
385.	Đại học	Nghiên cứu phân lập hợp chất chính trong phân đoạn diethyl ether từ rễ cây Đinh lăng (<i>Polyscias fruticosa</i> (L.) Harms) trồng tại An Giang	Lê Thị Mai Lý	Trần Công Luận Đỗ Văn Mãi	Nghiên cứu phân lập hợp chất chính trong phân đoạn diethyl ether từ rễ cây Đinh lăng (<i>Polyscias fruticosa</i> (L.) Harms) trồng tại An Giang
386.	Đại học	Nghiên cứu chế tạo than hoạt tính từ bã cà phê trung nguyên, khảo sát khả năng hấp phụ ion Fe (II) và Al (III) từ các	Trần Nguyễn Nga Mi	Nguyễn Minh Kha	Nghiên cứu chế tạo than hoạt tính từ bã cà phê trung nguyên, khảo sát khả năng hấp phụ ion Fe (II) và Al (III) từ các

		mẫu mô phỏng nước sinh hoạt phân lập.			mẫu mô phỏng nước sinh hoạt phân lập.
387.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị viêm loét dạ dày – tá tràng tại khoa nội tiêu hóa bệnh viện Trung Vương Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 11/2017 đến tháng 3/2018	Trần Thị Mỹ Ngân	Bùi Tùng Hiệp	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị viêm loét dạ dày – tá tràng tại khoa nội tiêu hóa bệnh viện Trung Vương Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 11/2017 đến tháng 3/2018
388.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh trong điều trị nội trú tại bệnh viện Nhi đồng Cần Thơ năm 2018	La Thị Huỳnh Như	Bùi Tùng Hiệp	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh trong điều trị nội trú tại bệnh viện Nhi đồng Cần Thơ năm 2018
389.	Đại học	So sánh hiệu quả điều trị thiếu máu trên bệnh nhân suy thận giữa 2 phương pháp: phương pháp chạy thận nhân tạo và phương pháp thẩm phân phúc mạc (lọc màng bụng)	Tiêu Phúc Hữu	Bùi Tùng Hiệp	So sánh hiệu quả điều trị thiếu máu trên bệnh nhân suy thận giữa 2 phương pháp: phương pháp chạy thận nhân tạo và phương pháp thẩm phân phúc mạc (lọc màng bụng)
390.	Đại học	Khảo sát khả năng ức chế Escherichia coli và Salmonella của vi khuẩn acid lactic phân lập từ sản phẩm bột men tiêu hóa trên thị trường.	Lê Thị Kiều Phương	Nghị Ngô Lan Vi	Khảo sát khả năng ức chế Escherichia coli và Salmonella của vi khuẩn acid lactic phân lập từ sản phẩm bột men tiêu hóa trên thị trường.
391.	Đại học	Nghiên cứu xây dựng nhà thuốc đạt chuẩn gpp theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.	Lưu Gia Hân	Đoàn Thanh Trúc	Nghiên cứu xây dựng nhà thuốc đạt chuẩn gpp theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.
392.	Đại học	Khảo sát thực trạng dùng thuốc chữa viêm loét dạ dày tá tràng tại nhà thuốc đạt chuẩn GPP Thu Vân, An Giang.	Trác Cẩm Tú	Giang Thị Thu Hồng	Khảo sát thực trạng dùng thuốc chữa viêm loét dạ dày tá tràng tại nhà thuốc đạt chuẩn GPP Thu Vân, An Giang.
393.	Đại học	Tổng quan tài liệu về thành phần hóa thực vật và các hoạt tính sinh học của dược liệu Chôm chôm (Nephelium lappaceum, Sapindaceae).	Nguyễn Duy Bình	Huỳnh Ngọc Trung Dung	Tổng quan tài liệu về thành phần hóa thực vật và các hoạt tính sinh học của dược liệu Chôm chôm (Nephelium lappaceum, Sapindaceae).
394.	Đại học	Tổng quan tài liệu về thành phần hóa thực vật và các hoạt tính sinh học	Phan Thị Khôi	Huỳnh Ngọc Trung Dung	Tổng quan tài liệu về thành phần hóa thực vật và các hoạt tính sinh học

		của dược liệu quả Bơ (Persea americana, Lauraceae).			học của dược liệu quả Bơ (Persea americana, Lauraceae).
395.	Đại học	Bệnh Tăng Huyết Áp và việc sử dụng thuốc điều trị	Phạm Ngọc Minh Hoàng	Lâm Thị Thu Quyên	Bệnh Tăng Huyết Áp và việc sử dụng thuốc điều trị
396.	Đại học	Bệnh Đái Tháo Đường type 2 và việc sử dụng thuốc điều trị	Phan Ngọc Thanh Phương	Lâm Thị Thu Quyên	Bệnh Đái Tháo Đường type 2 và việc sử dụng thuốc điều trị
397.	Đại học	Bệnh viêm Gan và việc sử dụng thuốc điều trị	Ngô Phương Hồng	Lâm Thị Thu Quyên	Bệnh viêm Gan và việc sử dụng thuốc điều trị
398.	Đại học	Bệnh Mạch Vành và việc sử dụng thuốc điều trị	Đặng Tú Quyên	Lâm Thị Thu Quyên	Bệnh Mạch Vành và việc sử dụng thuốc điều trị
399.	Đại học	Sử dụng kháng sinh cephalosporin thế hệ thứ 3 trong điều trị bệnh viêm phổi.	Võ Thị Nhơn Ái	Lê Phú Nguyên Thảo	Sử dụng kháng sinh cephalosporin thế hệ thứ 3 trong điều trị bệnh viêm phổi.
400.	Đại học	Những lưu ý khi sử dụng thuốc kháng sinh cho phụ nữ mang thai	Võ Ngọc Lam Uyên	Lê Phú Nguyên Thảo	Những lưu ý khi sử dụng thuốc kháng sinh cho phụ nữ mang thai
401.	Đại học	Tìm hiểu về độc tính trên gan của kháng sinh nhóm macrolid	Nguyễn Đỗ Bảo Ngọc	Lê Phú Nguyên Thảo	Tìm hiểu về độc tính trên gan của kháng sinh nhóm macrolid
402.	Đại học	Tìm hiểu về bệnh mụn rộp môi do siêu vi	Nguyễn Thị Trâm Anh	Lê Phú Nguyên Thảo	Tìm hiểu về bệnh mụn rộp môi do siêu vi
403.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh đái tháo đường type 2 trên bệnh nhân ngoại trú tại phòng khám bệnh viện đa khoa tỉnh An Giang, năm 2018	Dương Thảo Nhi	Lưu Hoàng Minh Khoa	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh đái tháo đường type 2 trên bệnh nhân ngoại trú tại phòng khám bệnh viện đa khoa tỉnh An Giang, năm 2018
404.	Đại học	Khảo sát thời gian và chi phí khám bệnh BHYT tại bệnh viện đa khoa tỉnh An Giang, năm 2017	Lê Thị Trúc Linh	Lưu Hoàng Minh Khoa	Khảo sát thời gian và chi phí khám bệnh BHYT tại bệnh viện đa khoa tỉnh An Giang, năm 2017
405.	Đại học	Khảo sát khả năng ức chế Staphylococcus aureus và Staphylococcus epidemiscua vi khuẩn acid lactic phân lập từ rau quả muối chua.	Huỳnh Thị Diễm	Nghị Ngô Lan Vi	Khảo sát khả năng ức chế Staphylococcus aureus và Staphylococcus epidemiscua vi khuẩn acid lactic phân lập từ rau quả muối chua.
406.	Đại học	Khảo sát khả năng ức chế Escherichia coli và Salmonella của vi khuẩn acid lactic phân lập từ các sản phẩm sữa.	Dương Đức Tín	Nghị Ngô Lan Vi	Khảo sát khả năng ức chế Escherichia coli và Salmonella của vi khuẩn acid lactic phân lập từ các sản phẩm sữa.

407.	Đại học	Khảo sát hệ dung môi trong quá trình chiết xuất hợp chất saponin từ rau đắng biển.	Khuu Thiên Phúc	Nguyễn Kim Đông	Khảo sát hệ dung môi trong quá trình chiết xuất hợp chất saponin từ rau đắng biển.
408.	Đại học	Khảo sát hoạt tính chống oxy hóa của saponin chiết xuất từ rau đắng biển.	Phạm Văn Kha	Nguyễn Kim Đông	Khảo sát hoạt tính chống oxy hóa của saponin chiết xuất từ rau đắng biển.
409.	Đại học	Khảo sát phương pháp tẩy màu cho sản phẩm saponin chiết xuất từ rau đắng biển.	Huỳnh Phan Nhật Khánh	Nguyễn Kim Đông	Khảo sát phương pháp tẩy màu cho sản phẩm saponin chiết xuất từ rau đắng biển.
410.	Đại học	Khảo sát phương pháp tinh sạch hợp chất saponin từ rau đắng biển.	Nguyễn Thanh Hùng	Nguyễn Kim Đông	Khảo sát phương pháp tinh sạch hợp chất saponin từ rau đắng biển.
411.	Đại học	Khảo sát khả năng ức chế Staphylococcus aureus và Staphylococcus epidemidiscủa vi khuẩn acid lactic phân lập từ sản phẩm bột men tiêu hóa trên thị trường.	Nguyễn Huỳnh Như Ý	Nghị Ngô Lan Vi	Khảo sát khả năng ức chế Staphylococcus aureus và Staphylococcus epidemidiscủa vi khuẩn acid lactic phân lập từ sản phẩm bột men tiêu hóa trên thị trường.
412.	Đại học	Khảo sát hoạt tính kháng oxi hóa của tinh dầu củ gừng (<i>Zingiber officinale</i> Rosc)	Đỗ Minh Quang Thịnh	Nguyễn Ngọc Yến	Khảo sát hoạt tính kháng oxi hóa của tinh dầu củ gừng (<i>Zingiber officinale</i> Rosc)
413.	Đại học	Khảo sát hoạt tính kháng vi khuẩn <i>Bacillus subtilis</i> và <i>Salmonella typhimurium</i> của tinh dầu củ gừng (<i>Zingiber officinale</i> Rosc)	Nguyễn Tuấn Anh	Nguyễn Ngọc Yến	Khảo sát hoạt tính kháng vi khuẩn <i>Bacillus subtilis</i> và <i>Salmonella typhimurium</i> của tinh dầu củ gừng (<i>Zingiber officinale</i> Rosc)
414.	Đại học	Khảo sát hoạt tính kháng vi khuẩn <i>Staphylococcus aureus</i> và <i>Escherichia coli</i> của tinh dầu củ nghệ (<i>Curcuma longa</i> L.)	Nguyễn Thị Như Huỳnh	Nguyễn Ngọc Yến	Khảo sát hoạt tính kháng vi khuẩn <i>Staphylococcus aureus</i> và <i>Escherichia coli</i> của tinh dầu củ nghệ (<i>Curcuma longa</i> L.)
415.	Đại học	Khảo sát hoạt tính kháng vi khuẩn <i>Staphylococcus aureus</i> và <i>Escherichia coli</i> của tinh dầu lá trầu không (<i>Piper betle</i> L. Piperaceae)	Nguyễn Thế Hải	Nguyễn Ngọc Yến	Khảo sát hoạt tính kháng vi khuẩn <i>Staphylococcus aureus</i> và <i>Escherichia coli</i> của tinh dầu lá trầu không (<i>Piper betle</i> L. Piperaceae)
416.	Đại học	Khảo sát điều kiện trích ly và thành phần hóa học của tinh dầu củ gừng (<i>Zingiber officinale</i>)	Mã Thanh Việt	Nguyễn Ngọc Yến	Khảo sát điều kiện trích ly và thành phần hóa học của tinh dầu củ gừng (<i>Zingiber</i>)

		Rosc)			officinale Rosc)
417.	Đại học	Khảo sát hoạt tính kháng oxi hóa của tinh dầu củ nghệ (<i>Curcuma longa</i> L.)	Lê Thị Mỹ Huyền	Nguyễn Ngọc Yến	Khảo sát hoạt tính kháng oxi hóa của tinh dầu củ nghệ (<i>Curcuma longa</i> L.)
418.	Đại học	Khảo sát hoạt tính kháng vi khuẩn <i>Staphylococcus aureus</i> và <i>Escherichia coli</i> của tinh dầu củ gừng (<i>Zingiber officinale</i> Rosc)	Dương Tuấn Kiệt	Nguyễn Ngọc Yến	Khảo sát hoạt tính kháng vi khuẩn <i>Staphylococcus aureus</i> và <i>Escherichia coli</i> của tinh dầu củ gừng (<i>Zingiber officinale</i> Rosc)
419.	Đại học	Khảo sát điều kiện trích ly và thành phần hóa học của tinh dầu củ nghệ (<i>Curcuma longa</i> L.)	Nguyễn Thị Kim Pha	Nguyễn Ngọc Yến	Khảo sát điều kiện trích ly và thành phần hóa học của tinh dầu củ nghệ (<i>Curcuma longa</i> L.)
420.	Đại học	Khảo sát hoạt tính kháng oxi hóa của tinh dầu lá trà không (<i>Piper betle</i> L. Piperaceae)	Nguyễn Đình Cường	Nguyễn Ngọc Yến	Khảo sát hoạt tính kháng oxi hóa của tinh dầu lá trà không (<i>Piper betle</i> L. Piperaceae)
421.	Đại học	Khảo sát điều kiện trích ly và thành phần hóa học của tinh dầu lá trà gió (<i>Melaleuca cajuputi</i> Powell)	Đinh Lê Khánh Hậu	Nguyễn Ngọc Yến	Khảo sát điều kiện trích ly và thành phần hóa học của tinh dầu lá trà gió (<i>Melaleuca cajuputi</i> Powell)
422.	Đại học	Khảo sát hoạt tính kháng vi khuẩn <i>Bacillus subtilis</i> và <i>Salmonella typhimurium</i> của tinh dầu củ nghệ (<i>Curcuma longa</i> L.)	Châu Kiều Oanh	Nguyễn Ngọc Yến	Khảo sát hoạt tính kháng vi khuẩn <i>Bacillus subtilis</i> và <i>Salmonella typhimurium</i> của tinh dầu củ nghệ (<i>Curcuma longa</i> L.)
423.	Đại học	Khảo sát hoạt tính kháng oxi hóa của tinh dầu lá trà gió (<i>Melaleuca cajuputi</i> Powell)	Danh Thanh Ngoan	Nguyễn Ngọc Yến	Khảo sát hoạt tính kháng oxi hóa của tinh dầu lá trà gió (<i>Melaleuca cajuputi</i> Powell)
424.	Đại học	Khảo sát hoạt tính kháng vi khuẩn <i>Staphylococcus aureus</i> và <i>Escherichia coli</i> của tinh dầu lá trà gió (<i>Melaleuca cajuputi</i> Powell)	Bùi Vĩnh Phúc	Nguyễn Ngọc Yến	Khảo sát hoạt tính kháng vi khuẩn <i>Staphylococcus aureus</i> và <i>Escherichia coli</i> của tinh dầu lá trà gió (<i>Melaleuca cajuputi</i> Powell)
425.	Đại học	Khảo sát hoạt tính kháng vi khuẩn <i>Bacillus subtilis</i> và <i>Salmonella typhimurium</i> của tinh dầu lá húng quế (<i>Ocimum basilic</i> L. var. <i>basilicum</i>)	Lê Thanh Bạch	Nguyễn Ngọc Yến	Khảo sát hoạt tính kháng vi khuẩn <i>Bacillus subtilis</i> và <i>Salmonella typhimurium</i> của tinh dầu lá húng quế (<i>Ocimum basilic</i> L. var. <i>basilicum</i>)

426.	Đại học	Khảo sát điều kiện trích ly và thành phần hóa học của tinh dầu lá trầu không (<i>Piper betle</i> L. Piperaceae)	Lâm Cảnh Dương	Nguyễn Ngọc Yến	Khảo sát điều kiện trích ly và thành phần hóa học của tinh dầu lá trầu không (<i>Piper betle</i> L. Piperaceae)
427.	Đại học	Khảo sát hoạt tính kháng vi khuẩn <i>Staphylococcus aureus</i> và <i>Escherichia coli</i> của tinh dầu lá húng quế (<i>Ocimum basilic</i> L. var. <i>basilicum</i>)	Trần Tấn Đạt	Nguyễn Ngọc Yến	Khảo sát hoạt tính kháng vi khuẩn <i>Staphylococcus aureus</i> và <i>Escherichia coli</i> của tinh dầu lá húng quế (<i>Ocimum basilic</i> L. var. <i>basilicum</i>)
428.	Đại học	Khảo sát hoạt tính kháng vi khuẩn <i>Bacillus subtilis</i> và <i>Salmonella typhimurium</i> của tinh dầu lá trầu không (<i>Piper betle</i> L. Piperaceae)	Trần Duy Phương	Nguyễn Ngọc Yến	Khảo sát hoạt tính kháng vi khuẩn <i>Bacillus subtilis</i> và <i>Salmonella typhimurium</i> của tinh dầu lá trầu không (<i>Piper betle</i> L. Piperaceae)
429.	Đại học	Khảo sát hoạt tính kháng vi khuẩn <i>Bacillus subtilis</i> và <i>Salmonella typhimurium</i> của tinh dầu lá trầm gió (<i>Melaleuca cajeputi</i> Powell)	Huỳnh Trung Minh	Nguyễn Ngọc Yến	Khảo sát hoạt tính kháng vi khuẩn <i>Bacillus subtilis</i> và <i>Salmonella typhimurium</i> của tinh dầu lá trầm gió (<i>Melaleuca cajeputi</i> Powell)
430.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh tại khoa Nội tổng hợp bệnh viện Nhi Đồng TP. Cần Thơ từ 10/2017 - 03/2018	Nguyễn Phương Quỳnh Nhi	Phạm Đoàn Vi	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh tại khoa Nội tổng hợp bệnh viện Nhi Đồng TP. Cần Thơ từ 10/2017 - 03/2018
431.	Đại học	Khảo sát tình hình kê đơn thuốc cổ truyền tại phòng khám ngoại trú, BVĐK Thốt Nốt từ 10/2017 - 03/2018	Lê Chí Khanh	Phạm Đoàn Vi	Khảo sát tình hình kê đơn thuốc cổ truyền tại phòng khám ngoại trú, BVĐK Thốt Nốt từ 10/2017 - 03/2018
432.	Đại học	Nghiên cứu tổng quan các phương pháp bào chế hệ tiểu phân nano curcurmin	Ngô Thị Ngọc Chân	Trầm Hạnh Dung	Nghiên cứu tổng quan các phương pháp bào chế hệ tiểu phân nano curcurmin
433.	Đại học	Nghiên cứu tổng quan các phương pháp bào chế hệ tiểu phân nano rutin	Đặng Lan Thanh	Trầm Hạnh Dung	Nghiên cứu tổng quan các phương pháp bào chế hệ tiểu phân nano rutin
434.	Đại học	Nghiên cứu tổng quan các phương pháp bào chế nano artersunat	Bùi Thị Thanh Nhân	Trầm Hạnh Dung	Nghiên cứu tổng quan các phương pháp bào chế nano artersunat
435.	Đại học	Khảo sát sự lựa chọn nhà thuốc khi mua thuốc của khách hàng tại các nhà thuốc đạt chuẩn GPP trên địa bàn huyện	Nguyễn Văn Trường Em	Trần Quang Trí	Khảo sát sự lựa chọn nhà thuốc khi mua thuốc của khách hàng tại các nhà thuốc đạt chuẩn GPP trên địa bàn

		Phú Tân, tỉnh An Giang, 2018.			huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, 2018.
436.	Đại học	Khảo sát thực trạng thực hiện nguyên tắc, tiêu chuẩn "Thực hành tốt nhà thuốc, GPP" tại huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, 2018	Huỳnh Thị Thúy Quyên	Trần Quang Trí	Khảo sát thực trạng thực hiện nguyên tắc, tiêu chuẩn "Thực hành tốt nhà thuốc, GPP" tại huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, 2018
437.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị tiêu chảy ở trẻ em tại nhà thuốc huyện An Phú, tỉnh An Giang.	Võ Thị Nhân	Võ Huỳnh Như	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị tiêu chảy ở trẻ em tại nhà thuốc huyện An Phú, tỉnh An Giang.
438.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc trị bệnh đái tháo đường typ 2 tại Trung tâm Y tế Huyện Phước Long	Trần Diễm My	Võ Huỳnh Như	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc trị bệnh đái tháo đường typ 2 tại Trung tâm Y tế Huyện Phước Long
439.	Đại học	Khảo sát thực trạng kinh doanh mỹ phẩm tại các nhà thuốc trên địa bàn thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang năm 2018	Nguyễn Thị Diễm My	Vũ Thị Thảo Ly	Khảo sát thực trạng kinh doanh mỹ phẩm tại các nhà thuốc trên địa bàn thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang năm 2018
440.	Đại học	Khảo sát chi phí điều trị của bệnh đái tháo đường typ 2 trong điều trị ngoại trú tại bệnh viện Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2018	Nguyễn Lâm Tuyết Mai	Vũ Thị Thảo Ly	Khảo sát chi phí điều trị của bệnh đái tháo đường typ 2 trong điều trị ngoại trú tại bệnh viện Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2018
441.	Đại học	Khảo sát sơ bộ thành phần hóa thực vật và thử hoạt tính sinh học của cao chiết từ lá cây Mật gấu (<i>Gymnanthemum amygdalinum</i> Asteraceae)	Nguyễn Thị Hồng Dư	Huỳnh Ngọc Trung Dung	Khảo sát sơ bộ thành phần hóa thực vật và thử hoạt tính sinh học của cao chiết từ lá cây Mật gấu (<i>Gymnanthemum amygdalinum</i> Asteraceae)
442.	Đại học	Phân lập hợp chất saponin trong phân đoạn n-butanol từ lá cây Đinh lăng (<i>Polyscias fruticosa</i> (L.) Harms) trồng tại An Giang	Phạm Trọng Kháng	Trần Công Luận Đỗ Văn Mãi	Phân lập hợp chất saponin trong phân đoạn n-butanol từ lá cây Đinh lăng (<i>Polyscias fruticosa</i> (L.) Harms) trồng tại An Giang
443.	Đại học	Khảo sát sơ bộ thành phần hóa học và hoạt tính của cao cồn từ cây Sâm đất (<i>Talinum paniculatum</i> (Jacq.) Gaertn)	Nguyễn Thị Thảo Nhi	Huỳnh Ngọc Trung Dung	Khảo sát sơ bộ thành phần hóa học và hoạt tính của cao cồn từ cây Sâm đất (<i>Talinum paniculatum</i> (Jacq.) Gaertn)
444.	Đại học	Khảo sát sơ bộ thành phần hóa thực vật và hoạt tính của cao cồn từ	Trần Thị Thương	Huỳnh Ngọc Trung Dung	Khảo sát sơ bộ thành phần hóa thực vật và hoạt tính của cao cồn từ

		vỏ quả bơ (<i>Pericarpium Persea americana</i> Lauraceae)			vỏ quả bơ (<i>Pericarpium Persea americana</i> Lauraceae)
445.	Đại học	Xây dựng phương pháp định lượng Eucalytol trong chế phẩm viên nang mềm Eucica bằng phương pháp sắc ký khí ghép khối phổ (GCMS).	Trần Thị Phương Thảo	Nguyễn Kim Đông	Xây dựng phương pháp định lượng Eucalytol trong chế phẩm viên nang mềm Eucica bằng phương pháp sắc ký khí ghép khối phổ (GCMS).
446.	Đại học	Khảo sát sơ bộ thành phần hóa thực vật và hoạt tính sinh học của cao cồn từ hạt quả Bơ (<i>Semen Persea americana</i> , Lauraceae)	Phạm Lục Thủy Trang	Huỳnh Ngọc Trung Dung	Khảo sát sơ bộ thành phần hóa thực vật và hoạt tính sinh học của cao cồn từ hạt quả Bơ (<i>Semen Persea americana</i> , Lauraceae)
447.	Đại học	Tổng quan về các chất bảo quản trong dung dịch thuốc	Viên Thị Thúy An	Nguyễn Thị Thúy Lan	Tổng quan về các chất bảo quản trong dung dịch thuốc
448.	Đại học	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có được liệu chứa flavonoid	Lê Thị Mộng Ánh	Đỗ Văn Mãi	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có được liệu chứa flavonoid
449.	Đại học	Khảo sát ba trung tâm kiểm nghiệm Cần Thơ, Kiên Giang, Bạc Liêu	Cao Thanh Bình	Lưu Thảo Phúc Trường	Khảo sát ba trung tâm kiểm nghiệm Cần Thơ, Kiên Giang, Bạc Liêu
450.	Đại học	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có được liệu chứa saponin	Nguyễn Ngọc Thanh Bình	Đỗ Văn Mãi	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có được liệu chứa saponin
451.	Đại học	Xác định hàm lượng chất chiết được của thân Cà na (<i>Elaeocarpus hygrophilus</i> Kurz, <i>Elaeocarpaceae</i>) trong các độ cồn khác nhau	Trần Quỳnh Châu	Trì Kim Ngọc	Xác định hàm lượng chất chiết được của thân Cà na (<i>Elaeocarpus hygrophilus</i> Kurz, <i>Elaeocarpaceae</i>) trong các độ cồn khác nhau
452.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc trị đái tháo đường tuýp 2 trên bệnh nhân điều trị ngoại trú tại trạm y tế xã Bình Mỹ, tỉnh An Giang năm 2017.	Phan Thị Minh Châu	Võ Huỳnh Như	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc trị đái tháo đường tuýp 2 trên bệnh nhân điều trị ngoại trú tại trạm y tế xã Bình Mỹ, tỉnh An Giang năm 2017.
453.	Đại học	Tình hình kháng kháng sinh hiện nay ở Việt Nam và các nước trên TG	Nguyễn Hoàng Duy	Quách Thị Thu Hằng	Tình hình kháng kháng sinh hiện nay ở Việt Nam và các nước trên TG
454.	Đại học	Khảo sát tình hình hoạt động của Công Ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Khánh Thu Khánh Thu	Nguyễn Dương Hoàng Duy	Lưu Hoàng Minh Khoa	Khảo sát tình hình hoạt động của Công Ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Khánh Thu Khánh Thu
455.	Đại học	Nghiên cứu tổng quan	Phó Hậu Duy	Trầm Hạnh	Nghiên cứu tổng quan

		về dạng bào chế Liposome		Dung	về dạng bào chế Liposome
456.	Đại học	Phân tích tình hình sử dụng các thuốc điều trị đái tháo đường Type 2 thuộc danh mục BHYT chi trả tại BVĐK Đông Hải, Bạc Liêu năm 2015	Dương Nguyễn Thùy Dương	Lưu Hoàng Minh Khoa	Phân tích tình hình sử dụng các thuốc điều trị đái tháo đường Type 2 thuộc danh mục BHYT chi trả tại BVĐK Đông Hải, Bạc Liêu năm 2015
457.	Đại học	Khảo sát các thuốc điều trị viêm loét dạ dày tá tràng trong tháng 01/2018 trung tâm y tế thị xã Duyên Hải.	Võ Thị Trang Đài	Võ Huỳnh Như	Khảo sát các thuốc điều trị viêm loét dạ dày tá tràng trong tháng 01/2018 trung tâm y tế thị xã Duyên Hải.
458.	Đại học	Khảo sát chi phí điều trị của bệnh đái tháo đường typ 2 trong điều trị ngoại trú tại trung tâm y tế Trường Thành, huyện Thới Lai năm 2018	Hà Minh Đức	Vũ Thị Thảo Ly	Khảo sát chi phí điều trị của bệnh đái tháo đường typ 2 trong điều trị ngoại trú tại trung tâm y tế Trường Thành, huyện Thới Lai năm 2018
459.	Đại học	Nghiên cứu thiết bị chung cất nước cất sử dụng năng lượng mặt trời đạt tiêu chuẩn DDVN IV, Khoa Dược - Điều Dưỡng, ĐH Tây Đô	Võ Trường Giang	Nguyễn Chí Toàn	Nghiên cứu thiết bị chung cất nước cất sử dụng năng lượng mặt trời đạt tiêu chuẩn DDVN IV, Khoa Dược - Điều Dưỡng, ĐH Tây Đô
460.	Đại học	Tổng hợp các công trình nghiên cứu về cây Đinh lăng (<i>Polyscias fruticosa</i> (L.) Harms)	Võ Trí Hải	Đỗ Văn Mãi	Tổng hợp các công trình nghiên cứu về cây Đinh lăng (<i>Polyscias fruticosa</i> (L.) Harms)
461.	Đại học	Định lượng cafein trong dược phẩm (determination of cafein)	Phan Thị Cẩm Hằng	Đinh Thị Thanh Loan	Định lượng cafein trong dược phẩm (determination of cafein)
462.	Đại học	Kỹ Thuật trồng, chăm sóc, thu hái, chế biến và bảo quản nguyên liệu cây Đinh lăng	Trần Thị Ngọc Hân	Đỗ Văn Mãi	Kỹ Thuật trồng, chăm sóc, thu hái, chế biến và bảo quản nguyên liệu cây Đinh lăng
463.	Đại học	Ứng dụng của lá trầu không trong dân gian	Phan Hùng Duy Hậu	Nguyễn Thị Thúy Lan	Ứng dụng của lá trầu không trong dân gian
464.	Đại học	Tổng quan về nhóm thuốc kích thích beta 2-adrenergic trong điều trị hội chứng phổi tắc nghẽn mãn tính	Dương Thị Kim Hồng	Lê Phú Nguyên Thảo	Tổng quan về nhóm thuốc kích thích beta 2-adrenergic trong điều trị hội chứng phổi tắc nghẽn mãn tính
465.	Đại học	Nghiên cứu một số vấn đề về viên bao.	Dương Thị Cẩm Hồng	Thái Thị Kim Tươi	Nghiên cứu một số vấn đề về viên bao.
466.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh cho	Bùi Ngọc Huệ	Nguyễn Thanh Huy	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh cho

		bệnh nhân nội trú tại Bệnh xá quân y Tỉnh Kiên Giang, quý III năm 2017			bệnh nhân nội trú tại Bệnh xá quân y Tỉnh Kiên Giang, quý III năm 2017
467.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc kháng sinh của Khoa ngoại trong điều trị ngoại trú tại Trung tâm y tế thị xã Long Mỹ - Hậu Giang quý IV năm 2017	Huỳnh Ngọc Huyền	Nguyễn Thanh Huy	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc kháng sinh của Khoa ngoại trong điều trị ngoại trú tại Trung tâm y tế thị xã Long Mỹ - Hậu Giang quý IV năm 2017
468.	Đại học	Chiết xuất và định tính alkaloid toàn phần từ Náng hoa trắng <i>Crinum asiaticum</i> , họ Amaryllidaceae	Nguyễn Huỳnh Huỳnh	Nguyễn Hữu Phúc	Chiết xuất và định tính alkaloid toàn phần từ Náng hoa trắng <i>Crinum asiaticum</i> , họ Amaryllidaceae
469.	Đại học	Nghiên cứu tổng quan các dạng bào chế chứa hoạt chất Diclofenac	Nguyễn Thị Cẩm Hương	Nguyễn Hiếu Trung	Nghiên cứu tổng quan các dạng bào chế chứa hoạt chất Diclofenac
470.	Đại học	Tình hình sử dụng thuốc trị hen phế quản và các thuốc mới được sử dụng trong điều trị hen phế quản	Đình Trần Minh Kiên	Quách Thị Thu Hằng	Tình hình sử dụng thuốc trị hen phế quản và các thuốc mới được sử dụng trong điều trị hen phế quản
471.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh tại khoa nội trung tâm y tế thị xã Long Mỹ- Hậu Giang, quý IV, năm 2017	Phạm Đăng Khoa	Nguyễn Thanh Huy	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh tại khoa nội trung tâm y tế thị xã Long Mỹ- Hậu Giang, quý IV, năm 2017
472.	Đại học	Chiết xuất và định tính nicotin từ Thuốc lá <i>Nicotiana tabacum</i> , họ Solanaceae	Danh Minh Khoa	Nguyễn Hữu Phúc	Chiết xuất và định tính nicotin từ Thuốc lá <i>Nicotiana tabacum</i> , họ Solanaceae
473.	Đại học	Nghiên cứu tổng quan về dạng bào chế Nano	Lữ Huỳnh Đăng Khoa	Trâm Hạnh Dung	Nghiên cứu tổng quan về dạng bào chế Nano
474.	Đại học	Các dạng thuốc và biệt dược có chứa Chloramphenicol trên thị trường nước ta.	Phan Thị Loan	Thái Thị Kim Tươi	Các dạng thuốc và biệt dược có chứa Chloramphenicol trên thị trường nước ta.
475.	Đại học	Khảo sát thực trạng hoạt động bán thuốc tại một số cơ sở bán lẻ thuốc đạt tiêu chuẩn GPP trên địa bàn Cần Thơ năm 2017	Trần Thanh Mến	Lưu Hoàng Minh Khoa	Khảo sát thực trạng hoạt động bán thuốc tại một số cơ sở bán lẻ thuốc đạt tiêu chuẩn GPP trên địa bàn Cần Thơ năm 2017
476.	Đại học	Xác định hàm lượng chất chiết được của lá Cà na (<i>Elaeocarpus hygrophilus</i> Kurz, <i>Elaeocarpaceae</i>) trong	Nguyễn Thị Kiều My	Trì Kim Ngọc	Xác định hàm lượng chất chiết được của lá Cà na (<i>Elaeocarpus hygrophilus</i> Kurz, <i>Elaeocarpaceae</i>) trong

		các độ côn khác nhau			các độ côn khác nhau
477.	Đại học	Khảo sát chi phí điều trị của bệnh tăng huyết áp trong điều trị nội trú tại trung tâm y tế huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu năm 2018	Đỗ Thị Diễm My	Vũ Thị Thảo Ly	Khảo sát chi phí điều trị của bệnh tăng huyết áp trong điều trị nội trú tại trung tâm y tế huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu năm 2018
478.	Đại học	Khảo sát tình hình cấp phát thuốc BHYT tại trạm y tế xã Mỹ An, Huyện Kế Sách, Sóc Trăng, quý IV, năm 2017	La Hoàng Nam	Nguyễn Thanh Huy	Khảo sát tình hình cấp phát thuốc BHYT tại trạm y tế xã Mỹ An, Huyện Kế Sách, Sóc Trăng, quý IV, năm 2017
479.	Đại học	Phân tích tình hình sử dụng thuốc điều trị cao huyết áp trong điều trị ngoại trú tại bệnh viện đa khoa Sadec	Nguyễn Thị Thúy Nga	Giang Thị Thu Hồng	Phân tích tình hình sử dụng thuốc điều trị cao huyết áp trong điều trị ngoại trú tại bệnh viện đa khoa Sadec
480.	Đại học	Xác định hàm lượng chất chiết được của rễ Cà na (<i>Elaeocarpus hygrophilus</i> Kurz, <i>Elaeocarpaceae</i>) trong các độ côn khác nhau	Nguyễn Thụy Bích Ngân	Trì Kim Ngọc	Xác định hàm lượng chất chiết được của rễ Cà na (<i>Elaeocarpus hygrophilus</i> Kurz, <i>Elaeocarpaceae</i>) trong các độ côn khác nhau
481.	Đại học	Bệnh gout và việc sử dụng thuốc trong điều trị	Nguyễn Phương Nghi	Lâm Thị Thu Quyên	Bệnh gout và việc sử dụng thuốc trong điều trị
482.	Đại học	Bệnh loét dạ dày tá tràng và việc sử dụng thuốc trong điều trị	Lê Đại Ngọc	Lâm Thị Thu Quyên	Bệnh loét dạ dày tá tràng và việc sử dụng thuốc trong điều trị
483.	Đại học	Nguyên tắc thực hành tốt kiểm nghiệm thuốc (GLP)	Lê Nguyễn Bảo Ngọc	Võ Thị Minh Ngọc	Nguyên tắc thực hành tốt kiểm nghiệm thuốc (GLP)
484.	Đại học	Ứng dụng của việc sử dụng nhóm thuốc biphosphonat trong điều trị bệnh loãng xương	Phạm Thị Cẩm Nguyên	Lê Phú Nguyên Thảo	Ứng dụng của việc sử dụng nhóm thuốc biphosphonat trong điều trị bệnh loãng xương
485.	Đại học	Tổng quan hệ trị liệu phóng thích kéo dài	Lê Nguyễn Nga Oanh	Võ Phước Hải	Tổng quan hệ trị liệu phóng thích kéo dài
486.	Đại học	Tổng quan về các chất chống oxy hóa trong dung dịch thuốc	Nguyễn Hoàng Vĩnh Phúc	Nguyễn Thị Thúy Lan	Tổng quan về các chất chống oxy hóa trong dung dịch thuốc
487.	Đại học	"Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Nhà thuốc Minh Châu tại thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang từ tháng 5 đến tháng 10 năm 2017".	Nguyễn Việt Quang	Lưu Hoàng Minh Khoa	"Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Nhà thuốc Minh Châu tại thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang từ tháng 5 đến tháng 10 năm 2017".
488.	Đại học	Tìm hiểu nhóm thuốc	Phùng Nhật	Nguyễn	Tìm hiểu nhóm thuốc

		điều trị bệnh tăng huyết áp và một số tương tác thuốc thường gặp	Đặng Quang	Phương Thảo	điều trị bệnh tăng huyết áp và một số tương tác thuốc thường gặp
489.	Đại học	Rối loạn lipid máu và việc sử dụng thuốc trong điều trị	Nguyễn Cao Sang	Lâm Thị Thu Quyên	Rối loạn lipid máu và việc sử dụng thuốc trong điều trị
490.	Đại học	Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng và kết quả đến chất lượng kiểm nghiệm thuốc	Đặng Văn Sơn	Lưu Thảo Phúc Trường	Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng và kết quả đến chất lượng kiểm nghiệm thuốc
491.	Đại học	Phân biệt về hình thái một số loài Đinh lăng được trồng ở Việt Nam	Nguyễn Văn Sơn	Đỗ Văn Mãi	Phân biệt về hình thái một số loài Đinh lăng được trồng ở Việt Nam
492.	Đại học	Khảo sát chi phí điều trị của bệnh tăng huyết áp trong điều trị ngoại trú tại trung tâm chẩn đoán y khoa Trần Hưng Đạo, thành phố Cần Thơ năm 2018	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	Vũ Thị Thảo Ly	Khảo sát chi phí điều trị của bệnh tăng huyết áp trong điều trị ngoại trú tại trung tâm chẩn đoán y khoa Trần Hưng Đạo, thành phố Cần Thơ năm 2018
493.	Đại học	Kỹ thuật bào chế hỗn dịch têm Triamcinolone Acetonid	Nguyễn Lê Cẩm Tú	Nguyễn Hiếu Trung	Kỹ thuật bào chế hỗn dịch têm Triamcinolone Acetonid
494.	Đại học	Yếu tố ảnh hưởng độ ổn định của hỗn dịch thuốc.	Nguyễn Thanh Tuyền	Võ Phước Hải	Yếu tố ảnh hưởng độ ổn định của hỗn dịch thuốc.
495.	Đại học	Khảo Sát các Phương Pháp định tính formol trong thực phẩm .Định Tính mẫu thực phẩm thu được ở Q. Cái Răng TP. Cần Thơ	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Nguyễn Chí Toàn	Khảo Sát các Phương Pháp định tính formol trong thực phẩm .Định Tính mẫu thực phẩm thu được ở Q. Cái Răng TP. Cần Thơ
496.	Đại học	Các yếu tố nguy cơ của các bệnh tăng huyết áp, đái tháo đường ở người lớn	Đào Phương Thảo	Quách Thị Thu Hằng	Các yếu tố nguy cơ của các bệnh tăng huyết áp, đái tháo đường ở người lớn
497.	Đại học	Thẩm định quy trình phân tích	Trần Hữu Thiện	Võ Thị Minh Ngọc	Thẩm định quy trình phân tích
498.	Đại học	Phân tích tình hình sử dụng thuốc chống tăng huyết áp trong kê đơn ngoại trú tại Bệnh viện đa khoa khu vực Cai Lậy	Nguyễn Trường Thọ	Giang Thị Thu Hồng	Phân tích tình hình sử dụng thuốc chống tăng huyết áp trong kê đơn ngoại trú tại Bệnh viện đa khoa khu vực Cai Lậy
499.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp trong điều trị ngoại trú tại bệnh viện đa khoa thành phố Cần Thơ.	Nguyễn Anh Thư	Võ Huỳnh Như	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp trong điều trị ngoại trú tại bệnh viện đa khoa thành phố Cần Thơ.
500.	Đại học	Tổng quan về nữ tương	Nguyễn Thị	Võ Phước	Tổng quan về nữ

		kép	Thùy Trang	Hải	tương kép
501.	Đại học	Tổng quan các chất ức chế acetylcholinesterase trong điều trị bệnh Alzheimer	Nguyễn Ngọc Trâm	Lê Phú Nguyên Thảo	Tổng quan các chất ức chế acetylcholinesterase trong điều trị bệnh Alzheimer
502.	Đại học	Tình hình sử dụng thuốc giảm đau trong điều trị của khoa chấn thương chỉnh hình tại bệnh viện Đa Khoa Trung Ương Cần Thơ	Bùi Huyền Trân	Quách Thị Thu Hằng	Tình hình sử dụng thuốc giảm đau trong điều trị của khoa chấn thương chỉnh hình tại bệnh viện Đa Khoa Trung Ương Cần Thơ
503.	Đại học	Bệnh đái tháo đường và việc sử dụng thuốc trong điều trị	Nguyễn Anh Văn	Lâm Thị Thu Quyên	Bệnh đái tháo đường và việc sử dụng thuốc trong điều trị
504.	Đại học	Định lượng captopril trong dược phẩm (determination of captopril)	Lê Phụng Vi	Đinh Thị Thanh Loan	Định lượng captopril trong dược phẩm (determination of captopril)
505.	Đại học	Chiết xuất và định tính caffein từ lá Trà Camellia sinensis, họ Theaceae	Lê Quốc Việt	Nguyễn Hữu Phúc	Chiết xuất và định tính caffein từ lá Trà Camellia sinensis, họ Theaceae
506.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng vitamin C tại các nhà thuốc tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Trần Ngọc Lan Chi	Đinh Thị Thanh Loan	Khảo sát tình hình sử dụng vitamin C tại các nhà thuốc tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
507.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng vitamin C tại các nhà thuốc tại huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ	Trần Thị Hồng Nguyên	Đinh Thị Thanh Loan	Khảo sát tình hình sử dụng vitamin C tại các nhà thuốc tại huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ
508.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng vitamin C tại các nhà thuốc tại quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	Đinh Thị Kiều Oanh	Đinh Thị Thanh Loan	Khảo sát tình hình sử dụng vitamin C tại các nhà thuốc tại quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
509.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng vitamin C tại các nhà thuốc tại quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ	Trần Minh Thy	Đinh Thị Thanh Loan	Khảo sát tình hình sử dụng vitamin C tại các nhà thuốc tại quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
510.	Đại học	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có dược liệu chứa Tinh dầu tại tỉnh Sóc Trăng	Nguyễn Thiệu Châu	Đỗ Văn Mãi	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có dược liệu chứa Tinh dầu tại tỉnh Sóc Trăng
511.	Đại học	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có dược liệu chứa alkaloid tại tỉnh Sóc Trăng	Nguyễn Thị Bội Châu	Đỗ Văn Mãi	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có dược liệu chứa alkaloid tại tỉnh Sóc Trăng
512.	Đại học	Khảo sát đặc điểm hình	Trần Thị Lê	Đỗ Văn Mãi	Khảo sát đặc điểm hình

		thái và tác dụng chống oxy hóa của Trái vác (Cayratia trifolia)	Uyên		thái và tác dụng chống oxy hóa của Trái vác (Cayratia trifolia)
513.	Đại học	Ứng dụng vi sinh vật vào sản xuất vaccin	Võ Anh Thu	Dương Thị Bích	Ứng dụng vi sinh vật vào sản xuất vaccin
514.	Đại học	Khảo sát ứng dụng vi sinh vật trong sản xuất kháng sinh	Hồ Tấn Đạt	Dương Thị Bích	Khảo sát ứng dụng vi sinh vật trong sản xuất kháng sinh
515.	Đại học	Khảo sát ứng dụng vi sinh trong điều trị bệnh đái tháo đường	Dương Minh Nhật	Dương Thị Bích	Khảo sát ứng dụng vi sinh trong điều trị bệnh đái tháo đường
516.	Đại học	Khảo sát thực trạng dùng thuốc trị đái tháo đường tại nhà thuốc An Khánh, TP Cần Thơ	Châu Thị Cẩm	Giang Thị Thu Hồng	Khảo sát thực trạng dùng thuốc trị đái tháo đường tại nhà thuốc An Khánh, TP Cần Thơ
517.	Đại học	Khảo sát thực trạng dùng thuốc giảm đau tại nhà thuốc Hoàng Lan, TP Cần Thơ	Trần Hương Huỳnh	Giang Thị Thu Hồng	Khảo sát thực trạng dùng thuốc giảm đau tại nhà thuốc Hoàng Lan, TP Cần Thơ
518.	Đại học	Khảo sát thực trạng dùng thuốc trị tăng huyết áp tại nhà thuốc An Khánh, TP Cần Thơ	Lê Huỳnh	Giang Thị Thu Hồng	Khảo sát thực trạng dùng thuốc trị tăng huyết áp tại nhà thuốc An Khánh, TP Cần Thơ
519.	Đại học	Các hướng dẫn điều trị tăng huyết áp và vấn đề sử dụng thuốc hạ áp	Nguyễn Thị Hồng Cúc	Lâm Thị Thu Quyên	Các hướng dẫn điều trị tăng huyết áp và vấn đề sử dụng thuốc hạ áp
520.	Đại học	Việc sử dụng thuốc Corticoid và vấn đề quan tâm trong điều trị	Lưu Minh Đức	Lâm Thị Thu Quyên	Việc sử dụng thuốc Corticoid và vấn đề quan tâm trong điều trị
521.	Đại học	Bệnh viêm khớp dạng thấp và vấn đề sử dụng thuốc trong điều trị	Nguyễn Tăng Huy	Lâm Thị Thu Quyên	Bệnh viêm khớp dạng thấp và vấn đề sử dụng thuốc trong điều trị
522.	Đại học	Vấn đề sử dụng kháng sinh trong điều trị và cơ chế kháng thuốc của vi khuẩn	Nguyễn Kim Khen	Lâm Thị Thu Quyên	Vấn đề sử dụng kháng sinh trong điều trị và cơ chế kháng thuốc của vi khuẩn
523.	Đại học	Sự tương tác thuốc trong điều trị bệnh loét dạ dày tá tràng	Bùi Hữu Nghĩa	Lâm Thị Thu Quyên	Sự tương tác thuốc trong điều trị bệnh loét dạ dày tá tràng
524.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng paracetamol tại các nhà thuốc thuộc quận Ninh Kiều, TPCT	Lê Thị Nhi	Lâm Thị Thu Quyên	Khảo sát tình hình sử dụng paracetamol tại các nhà thuốc thuộc quận Ninh Kiều, TPCT
525.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng paracetamol tại các nhà thuốc thuộc quận Ô Môn, TPCT	Trần Thị Tuyết Nhung	Lâm Thị Thu Quyên	Khảo sát tình hình sử dụng paracetamol tại các nhà thuốc thuộc quận Ô Môn, TPCT
526.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng paracetamol tại các nhà thuốc thuộc quận Cái Răng, TPCT	Phạm Hoàng Quân	Lâm Thị Thu Quyên	Khảo sát tình hình sử dụng paracetamol tại các nhà thuốc thuộc quận Cái Răng, TPCT

527.	Đại học	Sự khác biệt trong việc sử dụng thuốc ngừa thai 2 pha so với ngừa thai 1 pha	Nguyễn Trí Tiên	Lâm Thị Thu Quyên	Sự khác biệt trong việc sử dụng thuốc ngừa thai 2 pha so với ngừa thai 1 pha
528.	Đại học	Khảo sát thực trạng sử dụng paracetamol tại các nhà thuốc thuộc quận Bình Thủy, TPCT	Nguyễn Đức Tính	Lâm Thị Thu Quyên	Khảo sát thực trạng sử dụng paracetamol tại các nhà thuốc thuộc quận Bình Thủy, TPCT
529.	Đại học	Vấn đề sử dụng thuốc kháng nấm trên chủng Candida gây bệnh trên miệng và âm đạo	Nguyễn Ngọc Tú	Lâm Thị Thu Quyên	Vấn đề sử dụng thuốc kháng nấm trên chủng Candida gây bệnh trên miệng và âm đạo
530.	Đại học	Bệnh đái tháo đường tuýp và những lưu ý trong sử dụng thuốc điều trị	Nguyễn Quang Thái	Lâm Thị Thu Quyên	Bệnh đái tháo đường tuýp và những lưu ý trong sử dụng thuốc điều trị
531.	Đại học	Vấn đề sử dụng thuốc Glucocorticoid trong bệnh viêm khớp dạng thấp	Phạm Minh Thiện	Lâm Thị Thu Quyên	Vấn đề sử dụng thuốc Glucocorticoid trong bệnh viêm khớp dạng thấp
532.	Đại học	Bệnh hen suyễn và vấn đề sử dụng thuốc trong điều trị	Nguyễn Hoàng Việt	Lâm Thị Thu Quyên	Bệnh hen suyễn và vấn đề sử dụng thuốc trong điều trị
533.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc kháng viêm Non-steroid trong điều trị viêm khớp tại bệnh viện đa khoa Thốt Nốt - Cần Thơ	Lê Thị Mỹ Hằng	Lê Phú Nguyên Thảo	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc kháng viêm Non-steroid trong điều trị viêm khớp tại bệnh viện đa khoa Thốt Nốt - Cần Thơ
534.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh tăng huyết áp tại bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang	Mai Tuyết Hồng	Lê Phú Nguyên Thảo	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh tăng huyết áp tại bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang
535.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc chữa bệnh tiểu đường tại bệnh viện đa khoa Thốt Nốt - Cần Thơ	Nguyễn Thị Hồng Lan	Lê Phú Nguyên Thảo	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc chữa bệnh tiểu đường tại bệnh viện đa khoa Thốt Nốt - Cần Thơ
536.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc kháng viêm Non-steroid trong điều trị viêm khớp tại bệnh viện đa khoa Vĩnh Thạnh - Cần Thơ	Tiền Phương Loan	Lê Phú Nguyên Thảo	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc kháng viêm Non-steroid trong điều trị viêm khớp tại bệnh viện đa khoa Vĩnh Thạnh - Cần Thơ
537.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp tại bệnh viện đa khoa Thốt Nốt - Cần Thơ	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Lê Phú Nguyên Thảo	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp tại bệnh viện đa khoa Thốt Nốt - Cần Thơ
538.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp tại bệnh viện đa khoa Thốt Nốt - Cần Thơ	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Lê Phú Nguyên Thảo	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp tại bệnh viện đa khoa Thốt Nốt - Cần Thơ

		dụng thuốc điều trị bệnh đau dạ dày tại bệnh viện đa khoa thành phố Sa Đéc - Đồng Tháp	Hồng Nga	Nguyễn Thảo	dụng thuốc điều trị bệnh đau dạ dày tại bệnh viện đa khoa thành phố Sa Đéc - Đồng Tháp
539.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh tiểu đường tại bệnh viện đa khoa Vĩnh Thạnh - Cần Thơ	Nguyễn Thị Thiên Trang	Lê Phú Nguyễn Thảo	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh tiểu đường tại bệnh viện đa khoa Vĩnh Thạnh - Cần Thơ
540.	Đại học	Khảo sát tình hình áp dụng tiêu chuẩn "thực hành tốt nhà thuốc GPP" tại Cần Thơ.	Lê Chí Nguyễn	Lưu Hoàng Minh Khoa	Khảo sát tình hình áp dụng tiêu chuẩn "thực hành tốt nhà thuốc GPP" tại Cần Thơ.
541.	Đại học	Khảo sát thực trạng áp dụng nguyên tắc tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc GPP tại các nhà thuốc huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, 2018	Phạm Thị Bích Tuyền	Lưu Hoàng Minh Khoa	Khảo sát thực trạng áp dụng nguyên tắc tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc GPP tại các nhà thuốc huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, 2018
542.	Đại học	Khảo sát Hệ thống quản lý chất lượng Trung tâm kiểm nghiệm Cần Thơ	TRẦN Thị Kiều Diễm	Lưu Thảo Phúc Trường	Khảo sát Hệ thống quản lý chất lượng Trung tâm kiểm nghiệm Cần Thơ
543.	Đại học	Khảo sát hệ thống quản lý chất lượng tại khoa dược BV Sản Nhi Sóc Trăng	Lâm Quốc Nghĩa	Lưu Thảo Phúc Trường	Khảo sát hệ thống quản lý chất lượng tại khoa dược BV Sản Nhi Sóc Trăng
544.	Đại học	Khảo sát Hệ thống quản lý chất lượng Trung tâm kiểm nghiệm Kiên Giang	Trần Văn Tới	Lưu Thảo Phúc Trường	Khảo sát Hệ thống quản lý chất lượng Trung tâm kiểm nghiệm Kiên Giang
545.	Đại học	Chăm sóc Dược cho Bệnh nhân Đái Tháo Đường trong điều trị ngoại trú ở bệnh viện Đa khoa Trung Ương Cần Thơ	Đỗ Ngọc Diệp	Nguyễn Chí Toàn	Chăm sóc Dược cho Bệnh nhân Đái Tháo Đường trong điều trị ngoại trú ở bệnh viện Đa khoa Trung Ương Cần Thơ
546.	Đại học	Khảo sát kiến thức về phòng ngừa bệnh lao của những người thân người mắc bệnh lao tại huyện Lai Vung, Tỉnh Đồng Tháp.	Nguyễn Hồng Tánh	Nguyễn Chí Toàn	Khảo sát kiến thức về phòng ngừa bệnh lao của những người thân người mắc bệnh lao tại huyện Lai Vung, Tỉnh Đồng Tháp.
547.	Đại học	Chăm sóc Dược cho Bệnh nhân trào ngược dạ dày thực quản ở Xã Mỹ Hòa Huyện Bình Minh, TP. Vĩnh Long	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Nguyễn Chí Toàn	Chăm sóc Dược cho Bệnh nhân trào ngược dạ dày thực quản ở Xã Mỹ Hòa Huyện Bình Minh, TP. Vĩnh Long
548.	Đại học	Chăm sóc dược cho bệnh nhân cao huyết áp ở phường 3 Thành Phố	Võ Thị Kim Tuyền	Nguyễn Chí Toàn	Chăm sóc dược cho bệnh nhân cao huyết áp ở phường 3 Thành Phố

		Vị Thanh			Vị Thanh
549.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc kháng viêm Non –Steroid tại Phòng khám đa khoa khu vực Vĩnh Thạnh, Huyện Lập Vò, Tỉnh Đồng Tháp	Nguyễn Đào Tường Vân	Nguyễn Chí Toàn	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc kháng viêm Non –Steroid tại Phòng khám đa khoa khu vực Vĩnh Thạnh, Huyện Lập Vò, Tỉnh Đồng Tháp
550.	Đại học	Đề cương nghiên cứu bào chế viên nénesomeprazol 40 mg	Lê Thị Chúc Mai	Nguyễn Hiếu Trung	Đề cương nghiên cứu bào chế viên nénesomeprazol 40 mg
551.	Đại học	Chiết xuất và định tính tinh dầu từ vỏ Quýt bằng phương pháp sắc ký lớp mỏng	Nguyễn Thị Minh Khoa	Nguyễn Hữu Phúc	Chiết xuất và định tính tinh dầu từ vỏ Quýt bằng phương pháp sắc ký lớp mỏng
552.	Đại học	Nghiên cứu tổng hợp tài liệu về các ứng dụng của Tần dày lá trong đời sống	Trương Thế Gia Huy	Nguyễn Hữu Phúc	Nghiên cứu tổng hợp tài liệu về các ứng dụng của Tần dày lá trong đời sống
553.	Đại học	Nghiên cứu tổng hợp tài liệu về các ứng dụng của Rau má trong ngành dược hiện nay	Trần Phương Thảo	Nguyễn Hữu Phúc	Nghiên cứu tổng hợp tài liệu về các ứng dụng của Rau má trong ngành dược hiện nay
554.	Đại học	Tìm hiểu một số dược liệu có tác dụng chữa đau dạ dày	Trần Vũ	Nguyễn Hữu Phúc	Tìm hiểu một số dược liệu có tác dụng chữa đau dạ dày
555.	Đại học	Xây dựng quy trình định lượng thuốc metalaxyl bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến	Trương Thị Lan Anh	Nguyễn Phước Định	Xây dựng quy trình định lượng thuốc metalaxyl bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến
556.	Đại học	Xây dựng quy trình định lượng thuốc dinotefuran bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến	Võ Thị Kim Cương	Nguyễn Phước Định	Xây dựng quy trình định lượng thuốc dinotefuran bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến
557.	Đại học	Xây dựng quy trình định lượng thuốc paclobutazol bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến	Triệu Thị Ngọc Diễm	Nguyễn Phước Định	Xây dựng quy trình định lượng thuốc paclobutazol bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến
558.	Đại học	Xây dựng quy trình định lượng thuốc kasugamycin bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến	Nguyễn Huỳnh Phước Duy	Nguyễn Phước Định	Xây dựng quy trình định lượng thuốc kasugamycin bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến
559.	Đại học	Xây dựng quy trình định lượng thuốc trichlorfon bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến	Chê Quốc Duy	Nguyễn Phước Định	Xây dựng quy trình định lượng thuốc trichlorfon bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến
560.	Đại học	Xây dựng quy trình định	Trần Thị Anh	Nguyễn	Xây dựng quy trình

		lượng thuốc propamocard bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến	Đào	Phước Định	định lượng thuốc propamocard bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến
561.	Đại học	Xây dựng quy trình định lượng thuốc emamectin benzoat bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến	Nguyễn Công Đạt	Nguyễn Phước Định	Xây dựng quy trình định lượng thuốc emamectin benzoat bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến
562.	Đại học	Xây dựng quy trình định lượng thuốc mefenoxam bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến	Nguyễn Khắc Hoài	Nguyễn Phước Định	Xây dựng quy trình định lượng thuốc mefenoxam bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến
563.	Đại học	Xây dựng quy trình định lượng thuốc hexaconazol bằng máy phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến	Nguyễn Văn Hoàng	Nguyễn Phước Định	Xây dựng quy trình định lượng thuốc hexaconazol bằng máy phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến
564.	Đại học	Xây dựng quy trình định lượng thuốc abamectin bằng máy phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến	Nguyễn Hoàng Thúy Ngân	Nguyễn Phước Định	Xây dựng quy trình định lượng thuốc abamectin bằng máy phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến
565.	Đại học	Xây dựng quy trình định lượng thuốc validamycin A bằng máy phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến	Trần Vũ Phương	Nguyễn Phước Định	Xây dựng quy trình định lượng thuốc validamycin A bằng máy phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến
566.	Đại học	Thẩm định quy trình định lượng tạp A tinidazol bằng phương pháp HPLC	Nguyễn Lê Ngọc Tài	Nguyễn Phước Định	Thẩm định quy trình định lượng tạp A tinidazol bằng phương pháp HPLC
567.	Đại học	Xây dựng quy trình định lượng thuốc thiophanat methyl bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến	Nguyễn Thị Kim Tặng	Nguyễn Phước Định	Xây dựng quy trình định lượng thuốc thiophanat methyl bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến
568.	Đại học	Xây dựng quy trình định lượng thuốc fenobucard bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến	Nguyễn Thị Nguyệt Thanh	Nguyễn Phước Định	Xây dựng quy trình định lượng thuốc fenobucard bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến
569.	Đại học	Xây dựng quy trình định lượng thuốc acephat bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến	Lâm Hồng Vân	Nguyễn Phước Định	Xây dựng quy trình định lượng thuốc acephat bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến
570.	Đại học	Tim hiểu một số chế	Tiền Thị	Nguyễn	Tim hiểu một số chế

		phân về thuốc điều trị tiêu chảy và táo bón ở thành phố Cần Thơ và một số tương tác thuốc thường gặp	Hường	Phương Thảo	phân về thuốc điều trị tiêu chảy và táo bón ở thành phố Cần Thơ và một số tương tác thuốc thường gặp
571.	Đại học	Tìm hiểu một số chế phẩm thuốc kháng sinh nhóm macrolid và tetracyclin trên địa bàn thành phố Cần Thơ và các tương tác thuốc thường gặp	Lê Thị Thúy Nga	Nguyễn Phương Thảo	Tìm hiểu một số chế phẩm thuốc kháng sinh nhóm macrolid và tetracyclin trên địa bàn thành phố Cần Thơ và các tương tác thuốc thường gặp
572.	Đại học	Tìm hiểu một số chế phẩm thuốc điều trị đái tháo đường type 2 trên địa bàn thành phố Cần Thơ và các tương tác thuốc thường gặp	Võ Mai Trúc	Nguyễn Phương Thảo	Tìm hiểu một số chế phẩm thuốc điều trị đái tháo đường type 2 trên địa bàn thành phố Cần Thơ và các tương tác thuốc thường gặp
573.	Đại học	Khảo sát tình hình bán lẻ thuốc ức chế bơm proton và NSAID tại quầy thuốc bệnh viện quân dân y Thành phố Cần Thơ, 2018	Đoàn Trần Hoàng Anh	Nguyễn Thanh Huy	Khảo sát tình hình bán lẻ thuốc ức chế bơm proton và NSAID tại quầy thuốc bệnh viện quân dân y Thành phố Cần Thơ, 2018
574.	Đại học	Khảo sát thực trạng và áp dụng nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành nhà thuốc GPP tại các quầy thuốc trên địa bàn huyện Phong Điền-TP Cần Thơ, năm 2018	Nguyễn Huỳnh Bửu Châu	Nguyễn Thanh Huy	Khảo sát thực trạng và áp dụng nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành nhà thuốc GPP tại các quầy thuốc trên địa bàn huyện Phong Điền-TP Cần Thơ, năm 2018
575.	Đại học	Khảo sát thực trạng áp dụng nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành nhà thuốc GPP tại các nhà thuốc quận Ninh Kiều-Thành phố Cần Thơ, năm 2018	Trần Huỳnh Như	Nguyễn Thanh Huy	Khảo sát thực trạng áp dụng nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành nhà thuốc GPP tại các nhà thuốc quận Ninh Kiều-Thành phố Cần Thơ, năm 2018
576.	Đại học	Khảo sát thực trạng áp dụng nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành nhà thuốc GPP tại các nhà thuốc quận Cái Răng-Thành phố Cần Thơ, năm 2018	Trần Thanh Triệu	Nguyễn Thanh Huy	Khảo sát thực trạng áp dụng nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành nhà thuốc GPP tại các nhà thuốc quận Cái Răng-Thành phố Cần Thơ, năm 2018
577.	Đại học	Thực trạng nhiễm giun đũa chó trên người của khách hàng đến xét nghiệm tại Trung tâm Y tế dự phòng thành phố Cần Thơ trong 3 năm (2015 - 2017)	Trần Thị Mai Hân	Nguyễn Thị Thu Mai	Thực trạng nhiễm giun đũa chó trên người của khách hàng đến xét nghiệm tại Trung tâm Y tế dự phòng thành phố Cần Thơ trong 3 năm (2015 - 2017)

578.	Đại học	Đặc điểm hình thái và vi phẫu một số loài trong Chi Dền (Amaranthus) thường gặp ở Việt Nam	Bùi Anh Duy	Nguyễn Xuân Linh	Đặc điểm hình thái và vi phẫu một số loài trong Chi Dền (Amaranthus) thường gặp ở Việt Nam
579.	Đại học	Đặc điểm hình thái và vi phẫu các loài thuộc chi Momordica (mướp đắng)	Nguyễn Thị Cẩm Linh	Nguyễn Xuân Linh	Đặc điểm hình thái và vi phẫu các loài thuộc chi Momordica (mướp đắng)
580.	Đại học	Khảo sát thực trạng hoạt động phân phối thuốc theo nguyên tắc "Thực hành tốt phân phối thuốc, GDP" của chi nhánh Domesco Cần Thơ 2018	Nguyễn Chí Cường	Phạm Đoan Vi	Khảo sát thực trạng hoạt động phân phối thuốc theo nguyên tắc "Thực hành tốt phân phối thuốc, GDP" của chi nhánh Domesco Cần Thơ 2018
581.	Đại học	Khảo sát chi phí điều trị lọc thận nhân tạo tại bệnh viện Đa Khoa Q. Thốt Nốt-Cần Thơ, năm 2018	Lâm Trần Lam	Phạm Đoan Vi	Khảo sát chi phí điều trị lọc thận nhân tạo tại bệnh viện Đa Khoa Q. Thốt Nốt-Cần Thơ, năm 2018
582.	Đại học	Khảo sát tình trạng thực hiện GPP tại một số cơ sở bán lẻ thuốc khu vực thị xã Ngã 7, Hậu Giang - năm 2018	Phạm Văn Lộc	Phạm Đoan Vi	Khảo sát tình trạng thực hiện GPP tại một số cơ sở bán lẻ thuốc khu vực thị xã Ngã 7, Hậu Giang - năm 2018
583.	Đại học	Mô tả và phân tích hoạt động tồn trữ - cấp phát thuốc nội trú tại bệnh viện Đa Khoa Q. Thốt Nốt năm 2018	Đoàn Đỗ Trung Thành	Phạm Đoan Vi	Mô tả và phân tích hoạt động tồn trữ - cấp phát thuốc nội trú tại bệnh viện Đa Khoa Q. Thốt Nốt năm 2018
584.	Đại học	Thực trạng kê đơn thuốc ngoại trú tại bệnh viện Lao và bệnh Phổi Hậu Giang từ 01/2018 - 03/2018	Trần Ngọc Trâm	Phạm Đoan Vi	Thực trạng kê đơn thuốc ngoại trú tại bệnh viện Lao và bệnh Phổi Hậu Giang từ 01/2018 - 03/2018
585.	Đại học	Khảo sát việc thực hiện tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc GPP của một số nhà thuốc tại P. Tân An, Ninh Kiều, TP. Cần Thơ, 2018	Võ Thị Hồng Trang	Phạm Đoan Vi	Khảo sát việc thực hiện tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc GPP của một số nhà thuốc tại P. Tân An, Ninh Kiều, TP. Cần Thơ, 2018
586.	Đại học	Kiểm nghiệm dược liệu Lạc tiên (Passiflora foetida L.) trên thị trường theo Tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam IV	Trần Hồng Linh	Phạm Thành Trọng	Kiểm nghiệm dược liệu Lạc tiên (Passiflora foetida L.) trên thị trường theo Tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam IV
587.	Đại học	Kiểm nghiệm dược liệu Dừa cạn (lá) (Catharanthus roseus L. Apocynaceae) trên thị trường theo Tiêu chuẩn	Phan Thành Lộc	Phạm Thành Trọng	Kiểm nghiệm dược liệu Dừa cạn (lá) (Catharanthus roseus L. Apocynaceae) trên thị trường theo Tiêu chuẩn

		Dược điển Việt Nam IV			Dược điển Việt Nam IV
588.	Đại học	Kiểm nghiệm dược liệu Mãng cụt (vỏ quả) (<i>Garcinia mangostana</i> L. Clusiaceae) trên thị trường theo Tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam IV	Phạm Cao Trọng Nhã	Phạm Thành Trọng	Kiểm nghiệm dược liệu Mãng cụt (vỏ quả) (<i>Garcinia mangostana</i> L. Clusiaceae) trên thị trường theo Tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam IV
589.	Đại học	Kiểm nghiệm dược liệu Chó đẻ răng cưa (<i>Herba Phyllanthus urinaria</i> L. Euphorbiaceae) trên thị trường theo Tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam IV	Trần Minh Sơn	Phạm Thành Trọng	Kiểm nghiệm dược liệu Chó đẻ răng cưa (<i>Herba Phyllanthus urinaria</i> L. Euphorbiaceae) trên thị trường theo Tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam IV
590.	Đại học	Khảo sát đặc điểm thực vật học và sơ bộ thành phần hóa học của cây Mã đề (<i>Plantago major</i> L. Plantaginaceae)	Dương Thị Mộng Tuyền	Phạm Thành Trọng	Khảo sát đặc điểm thực vật học và sơ bộ thành phần hóa học của cây Mã đề (<i>Plantago major</i> L. Plantaginaceae)
591.	Đại học	Tổng quan tài liệu về sản xuất cao bí đao	Lê Thị Kim Khuyến	Tào Việt Hà	Tổng quan tài liệu về sản xuất cao bí đao
592.	Đại học	Tổng quan tài liệu về hợp chất collagen	Huỳnh Giang Bích Thủy	Tào Việt Hà	Tổng quan tài liệu về hợp chất collagen
593.	Đại học	Khảo sát một số tá dược thuốc đạn	Võ Diễm My	Thái Thị Kim Tươi	Khảo sát một số tá dược thuốc đạn
594.	Đại học	Khảo sát một số vấn đề về thuốc khí dung	Trần Huỳnh Như	Thái Thị Kim Tươi	Khảo sát một số vấn đề về thuốc khí dung
595.	Đại học	Nghiên cứu về kỹ thuật vi nang hóa	Lê Thanh Quyên	Thái Thị Kim Tươi	Nghiên cứu về kỹ thuật vi nang hóa
596.	Đại học	Nghiên cứu hệ thống trị liệu đưa thuốc đến mục tiêu	Mai Thị Thanh Thảo	Thái Thị Kim Tươi	Nghiên cứu hệ thống trị liệu đưa thuốc đến mục tiêu
597.	Đại học	Nghiên cứu một số tương kỵ trong bào chế	Trần Thị Diễm Trinh	Thái Thị Kim Tươi	Nghiên cứu một số tương kỵ trong bào chế
598.	Đại học	Vitamin B7 và vai trò của vitamin B7 tác động đến sức khỏe con người	Nguyễn Thành Lâm	Thiếu Văn Đường	Vitamin B7 và vai trò của vitamin B7 tác động đến sức khỏe con người
599.	Đại học	Khảo sát tình hình thực hiện các nguyên tắc, tiêu chuẩn "thực hành tốt nhà thuốc - GPP" ở một số quầy thuốc tại Quận Bình Thủy năm 2018	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	Trần Quang Trí	Khảo sát tình hình thực hiện các nguyên tắc, tiêu chuẩn "thực hành tốt nhà thuốc - GPP" ở một số quầy thuốc tại Quận Bình Thủy năm 2018
600.	Đại học	Khảo sát tình hình thực hiện các nguyên tắc, tiêu chuẩn "thực hành tốt nhà thuốc - GPP" ở một số quầy thuốc tại huyện Bình Tân, Tỉnh Vĩnh Long năm 2018	Trần Thị Anh Thư	Trần Quang Trí	Khảo sát tình hình thực hiện các nguyên tắc, tiêu chuẩn "thực hành tốt nhà thuốc - GPP" ở một số quầy thuốc tại huyện Bình Tân, Tỉnh Vĩnh Long năm 2018
601.	Đại học	Khảo sát và thu thập	Võ Thị Ngọc	Trì Kim	Khảo sát và thu thập

		mẫu dược liệu có tác dụng trên gan mật	Hiền	Ngọc	mẫu dược liệu có tác dụng trên gan mật
602.	Đại học	Khảo sát một số chế phẩm có tác dụng trên gan mật nguồn gốc từ dược liệu ở địa bàn Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Mai Kim Thủy	Tri Kim Ngọc	Khảo sát một số chế phẩm có tác dụng trên gan mật nguồn gốc từ dược liệu ở địa bàn Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
603.	Đại học	Phân tích tác dụng phụ của nhóm non-steroid trong điều trị tại bệnh viện tim mạch Cần Thơ.	Nguyễn Thị Xuân Mai	Võ Huỳnh Như	Phân tích tác dụng phụ của nhóm non-steroid trong điều trị tại bệnh viện tim mạch Cần Thơ.
604.	Đại học	Khảo sát nhóm thuốc điều trị tăng huyết áp tại bệnh viện tim mạch Cần Thơ.	Nguyễn Thị Mỹ Pháp	Võ Huỳnh Như	Khảo sát nhóm thuốc điều trị tăng huyết áp tại bệnh viện tim mạch Cần Thơ.
605.	Đại học	Nghiên cứu bào chế viên nén losartan 50mg	Lê Thanh An	Võ Phước Hải	Nghiên cứu bào chế viên nén losartan 50mg
606.	Đại học	Nghiên cứu bào chế viên nén loratadin 10mg	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Võ Phước Hải	Nghiên cứu bào chế viên nén loratadin 10mg
607.	Đại học	Nghiên cứu bào chế viên nén prednisolon 10mg	Võ Thị Kim Cương	Võ Phước Hải	Nghiên cứu bào chế viên nén prednisolon 10mg
608.	Đại học	Nghiên cứu bào chế viên nén mebendazol 100mg	Nguyễn Trúc Hoa	Võ Phước Hải	Nghiên cứu bào chế viên nén mebendazol 100mg
609.	Đại học	Nghiên cứu bào chế viên nén Indomethacin 50mg	Phan Tiến Nhựt	Võ Phước Hải	Nghiên cứu bào chế viên nén Indomethacin 50mg
610.	Đại học	Nghiên cứu bào chế viên nén fluconazol 100mg	Trần Công Thành	Võ Phước Hải	Nghiên cứu bào chế viên nén fluconazol 100mg
611.	Đại học	Nghiên cứu bào chế viên nén salbutamol 2mg	Vũ Thị Anh Thư	Võ Phước Hải	Nghiên cứu bào chế viên nén salbutamol 2mg
612.	Đại học	Nghiên cứu bào chế viên nén doxycyclin.HCl 100mg	Trịnh Thị Diễm Trinh	Võ Phước Hải	Nghiên cứu bào chế viên nén doxycyclin.HCl 100mg
613.	Đại học	Xây dựng bộ sưu tập dược liệu chữa bệnh tim mạch, cầm máu.	Đông Văn Dũng	Vũ Thị Bình	Xây dựng bộ sưu tập dược liệu chữa bệnh tim mạch, cầm máu.
614.	Đại học	Xây dựng bộ sưu tập mẫu dược liệu chữa đau dạ dày	Nguyễn Thị Hồng Hoa	Vũ Thị Bình	Xây dựng bộ sưu tập mẫu dược liệu chữa đau dạ dày
615.	Đại học	Xây dựng bộ sưu tập mẫu dược liệu có tác dụng chữa giun sán.	Lê Thị Sáu	Vũ Thị Bình	Xây dựng bộ sưu tập mẫu dược liệu có tác dụng chữa giun sán.
616.	Đại học	Xây dựng bộ sưu tập mẫu dược liệu có tác dụng chữa lỵ.	Phạm Thế Tài	Vũ Thị Bình	Xây dựng bộ sưu tập mẫu dược liệu có tác dụng chữa lỵ.
617.	Đại học	Xây dựng bộ sưu tập	Bùi Kim Thoa	Vũ Thị Bình	Xây dựng bộ sưu tập

		mẫu dược liệu có tác dụng kích thích tiêu hóa			mẫu dược liệu có tác dụng kích thích tiêu hóa
618.	Đại học	Xây dựng bộ sưu tập mẫu dược liệu có tác dụng bổ dưỡng.	Tiêu Thị Hồng Xinh	Vũ Thị Bình	Xây dựng bộ sưu tập mẫu dược liệu có tác dụng bổ dưỡng.
619.	Đại học	Khảo sát thực trạng kinh doanh thực phẩm chức năng tại các nhà thuốc trên địa bàn phường An Hòa, Q. Ninh Kiều, TPCT năm 2018	Trương Ngọc Trúc	Vũ Thị Thảo Ly	Khảo sát thực trạng kinh doanh thực phẩm chức năng tại các nhà thuốc trên địa bàn phường An Hòa, Q. Ninh Kiều, TPCT năm 2018
620.	Đại học	Khảo sát thực trạng kinh doanh thực phẩm chức năng tại các nhà thuốc trên địa bàn phường Tân An, Q. Ninh Kiều, TPCT năm 2018	Lâm Xuân Yến	Vũ Thị Thảo Ly	Khảo sát thực trạng kinh doanh thực phẩm chức năng tại các nhà thuốc trên địa bàn phường Tân An, Q. Ninh Kiều, TPCT năm 2018
621.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh đái tháo đường type 1 và type 2 trên bệnh nhân nội trú thuộc bệnh viện đa khoa khu vực Giồng Riềng	Nguyễn Phước Hạnh	Vũ Thị Thảo Ly	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh đái tháo đường type 1 và type 2 trên bệnh nhân nội trú thuộc bệnh viện đa khoa khu vực Giồng Riềng
622.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh trong điều trị ngoại trú tại bv đa liệu thành phố Cần Thơ	Trần Kim Quyên	Vũ Thị Thảo Ly	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh trong điều trị ngoại trú tại bv đa liệu thành phố Cần Thơ
623.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng vitamin C tại các nhà thuốc tại quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ	Trần Huỳnh Cẩm Mi	Đình Thị Thanh Loan	Khảo sát tình hình sử dụng vitamin C tại các nhà thuốc tại quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ
624.	Đại học	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có dược liệu chứa Tinh dầu tại TP. Cần Thơ	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Đỗ Văn Mãi	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có dược liệu chứa Tinh dầu tại TP. Cần Thơ
625.	Đại học	Khảo sát thực vật học và sơ bộ thành phần hóa học cây Ngải trị bấu	Nguyễn Văn Cường	Trương Thị Đẹp Đỗ Văn Mãi	Khảo sát thực vật học và sơ bộ thành phần hóa học cây Ngải trị bấu
626.	Đại học	Khảo sát đặc điểm vi học và thành phần hóa học của cây Trúc đào	Huỳnh Trí Cường	Đỗ Văn Mãi	Khảo sát đặc điểm vi học và thành phần hóa học của cây Trúc đào
627.	Đại học	Khảo sát đặc điểm vi học và thành phần hóa học của rêu cây Đinh lăng (Polyscias fruticosa (L.) Harms)	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Đỗ Văn Mãi	Khảo sát đặc điểm vi học và thành phần hóa học của rêu cây Đinh lăng (Polyscias fruticosa (L.) Harms)

628.	Đại học	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có dược liệu chứa Tinh dầu tại Quận Thốt Nốt	Lữ Hậu Giang	Đỗ Văn Mãi	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có dược liệu chứa Tinh dầu tại Quận Thốt Nốt
629.	Đại học	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có dược liệu chứa saponin tại An Giang	Nguyễn Thanh Hải	Đỗ Văn Mãi	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có dược liệu chứa saponin tại An Giang
630.	Đại học	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có dược liệu chứa saponin tại Quận Thốt Nốt	Võ Thị Tuyết Hương	Đỗ Văn Mãi	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có dược liệu chứa saponin tại Quận Thốt Nốt
631.	Đại học	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có dược liệu chứa alkaloid tại huyện Vĩnh Thạnh	Phùng Văn Lịch	Đỗ Văn Mãi	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có dược liệu chứa alkaloid tại huyện Vĩnh Thạnh
632.	Đại học	Bước đầu phân lập hợp chất Saponin từ dược liệu Đinh lăng (Polyscias fruticosa (L.) Harms) trồng tại Cần Thơ	Nguyễn Quốc Thái	Đỗ Văn Mãi	Bước đầu phân lập hợp chất Saponin từ dược liệu Đinh lăng (Polyscias fruticosa (L.) Harms) trồng tại Cần Thơ
633.	Đại học	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có dược liệu chứa anthranoid tại Quận Thốt Nốt	Lê Dạ Thảo	Đỗ Văn Mãi	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có dược liệu chứa anthranoid tại Quận Thốt Nốt
634.	Đại học	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có dược liệu chứa tanin tại Quận Thốt Nốt	Lê Thị Thùy Trang	Đỗ Văn Mãi	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có dược liệu chứa tanin tại Quận Thốt Nốt
635.	Đại học	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có dược liệu chứa flavonoid tại Quận Thốt Nốt	Phạm Thị Bảo Yến	Đỗ Văn Mãi	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có dược liệu chứa flavonoid tại Quận Thốt Nốt
636.	Đại học	Khảo sát thực trạng dùng thuốc kháng sinh tại nhà thuốc Như Thảo, TP Cần Thơ	Đỗ Cẩm Tú	Giang Thị Thu Hồng	Khảo sát thực trạng dùng thuốc kháng sinh tại nhà thuốc Như Thảo, TP Cần Thơ
637.	Đại học	Phân tích tình hình sử dụng thuốc kháng sinh tại phòng khám nội bệnh viện quân y 120, QK9	Lê Thị Thu Thủy	Giang Thị Thu Hồng	Phân tích tình hình sử dụng thuốc kháng sinh tại phòng khám nội bệnh viện quân y 120, QK9
638.	Đại học	Khảo sát thực trạng sử dụng paracetamol tại các nhà thuốc thuộc huyện Phong Điền, TPCT	Võ Thành Nhật	Lâm Thị Thu Quyên	Khảo sát thực trạng sử dụng paracetamol tại các nhà thuốc thuộc huyện Phong Điền, TPCT
639.	Đại học	Đánh giá tình hình sử	Phan Thị Thùy	Lê Phú	Đánh giá tình hình sử

		dụng thuốc kháng viêm Non-steroid quý 4-2017 tại trạm y tế xã Nhơn Nghĩa A - Huyện Châu Thành - Hậu Giang	Anh	Nguyễn Thảo	dụng thuốc kháng viêm Non-steroid quý 4-2017 tại trạm y tế xã Nhơn Nghĩa A - Huyện Châu Thành - Hậu Giang
640.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc ức chế bơm proton trong điều trị bệnh viêm loét dạ dày tá tràng tại trung tâm y tế huyện Kế Sách Sóc Trăng	Vũ Thị Hương	Lê Phú Nguyễn Thảo	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc ức chế bơm proton trong điều trị bệnh viêm loét dạ dày tá tràng tại trung tâm y tế huyện Kế Sách Sóc Trăng
641.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp tại Trung Tâm Y tế Huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang	Trần Ngọc Phương Khánh	Lê Phú Nguyễn Thảo	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp tại Trung Tâm Y tế Huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang
642.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc tăng huyết áp tại Trung tâm Y tế thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long, 2018	Trần Trường An	Lưu Hoàng Minh Khoa	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc tăng huyết áp tại Trung tâm Y tế thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long, 2018
643.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc kháng sinh tại Trung tâm Y tế thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long, 2018	Võ Quang Huy	Lưu Hoàng Minh Khoa	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc kháng sinh tại Trung tâm Y tế thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long, 2018
644.	Đại học	Khảo sát tình hình cung ứng thuốc tại trung tâm y tế thị xã Vĩnh Châu - tỉnh Sóc Trăng, năm 2017	Bùi Ngọc Quý	Lưu Hoàng Minh Khoa	Khảo sát tình hình cung ứng thuốc tại trung tâm y tế thị xã Vĩnh Châu - tỉnh Sóc Trăng, năm 2017
645.	Đại học	Khảo sát hệ thống quản lý chất lượng tại trung tâm kiểm nghiệm Cà Mau	Tạ Hồng Khánh	Lưu Thảo Phúc Trường	Khảo sát hệ thống quản lý chất lượng tại trung tâm kiểm nghiệm Cà Mau
646.	Đại học	Khảo sát hệ thống quản lý chất lượng tại trung tâm kiểm nghiệm Đồng Tháp	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Lưu Thảo Phúc Trường	Khảo sát hệ thống quản lý chất lượng tại trung tâm kiểm nghiệm Đồng Tháp
647.	Đại học	Khảo sát hệ thống quản lý chất lượng tại khoa dược BV Phụ Sản Cần Thơ	Nguyễn Hà Ngọc Quý	Lưu Thảo Phúc Trường	Khảo sát hệ thống quản lý chất lượng tại khoa dược BV Phụ Sản Cần Thơ
648.	Đại học	Khảo sát hệ thống quản lý chất lượng tại trung tâm kiểm nghiệm Vĩnh Long	Ngô Hoàng Tâm	Lưu Thảo Phúc Trường	Khảo sát hệ thống quản lý chất lượng tại trung tâm kiểm nghiệm Vĩnh Long
649.	Đại học	Khảo sát hệ thống quản lý chất lượng tại khoa	Lê Huỳnh Hải Yến	Lưu Thảo Phúc	Khảo sát hệ thống quản lý chất lượng tại khoa

		được Trung Tâm Y Tế TX. Bình Minh, Vĩnh Long		Trường	được Trung Tâm Y Tế TX. Bình Minh, Vĩnh Long
650.	Đại học	Yếu tố ảnh hưởng đến độ ổn định của hỗn dịch thuốc	Nguyễn Văn Ngõi	Nguyễn Hiếu Trung	Yếu tố ảnh hưởng đến độ ổn định của hỗn dịch thuốc
651.	Đại học	Nghiên cứu tổng quan các dạng bào chế có chứa hoạt chất paracetamol	Phạm Đức Nhã	Nguyễn Hiếu Trung	Nghiên cứu tổng quan các dạng bào chế có chứa hoạt chất paracetamol
652.	Đại học	Nghiên cứu tổng quan các dạng bào chế các dạng thuốc dùng cho trẻ em	Lê Trung Nhân	Nguyễn Hiếu Trung	Nghiên cứu tổng quan các dạng bào chế các dạng thuốc dùng cho trẻ em
653.	Đại học	Nghiên cứu độ ổn định của thuốc	Tăng Minh Tân	Nguyễn Hiếu Trung	Nghiên cứu độ ổn định của thuốc
654.	Đại học	Nghiên cứu kỹ thuật bào chế viên bao	Trần Minh Thắng	Nguyễn Hiếu Trung	Nghiên cứu kỹ thuật bào chế viên bao
655.	Đại học	Nghiên cứu bào chế thuốc tác dụng kéo dài dùng qua đường tiêu hóa	Phan Thị Mỹ Tho	Nguyễn Hiếu Trung	Nghiên cứu bào chế thuốc tác dụng kéo dài dùng qua đường tiêu hóa
656.	Đại học	Nghiên cứu kỹ thuật bào chế vi nang	Nguyễn Lê Trường Thọ	Nguyễn Hiếu Trung	Nghiên cứu kỹ thuật bào chế vi nang
657.	Đại học	Nghiên cứu kỹ thuật bào chế thuốc mỡ	Huỳnh Tiến Sử	Nguyễn Hiếu Trung	Nghiên cứu kỹ thuật bào chế thuốc mỡ
658.	Đại học	Nghiên cứu tổng quan các bào quản dùng trong sản xuất thuốc tiêm	Lê Minh Triều	Nguyễn Hiếu Trung	Nghiên cứu tổng quan các bào quản dùng trong sản xuất thuốc tiêm
659.	Đại học	Tìm hiểu về cây Nghệ, công dụng làm đẹp của Nghệ và một số mỹ phẩm có nguồn gốc từ Nghệ trên thị trường	Lê Ngọc Quý	Nguyễn Hữu Phúc	Tìm hiểu về cây Nghệ, công dụng làm đẹp của Nghệ và một số mỹ phẩm có nguồn gốc từ Nghệ trên thị trường
660.	Đại học	Khảo sát hoạt tính kháng vi khuẩn Staphylococcus aureus và Escherichia coli của tinh dầu thân và lá thì là (Anethum graveolens L.)	Phạm Đặng Ngọc Ni	Nguyễn Ngọc Yến Dương Thị Bích	Khảo sát hoạt tính kháng vi khuẩn Staphylococcus aureus và Escherichia coli của tinh dầu thân và lá thì là (Anethum graveolens L.)
661.	Đại học	Khảo sát hoạt tính kháng vi khuẩn Bacillus subtilis và Salmonella typhimurium của tinh dầu thân và lá thì là (Anethum graveolens L.)	Võ Văn Tân	Nguyễn Ngọc Yến Dương Thị Bích	Khảo sát hoạt tính kháng vi khuẩn Bacillus subtilis và Salmonella typhimurium của tinh dầu thân và lá thì là (Anethum graveolens L.)
662.	Đại học	Khảo sát điều kiện trích ly và thành phần hóa	Nguyễn Thị Trung	Nguyễn Ngọc Yến	Khảo sát điều kiện trích ly và thành phần hóa

		học của tinh dầu thân và lá thì là (<i>Anethum graveolens</i> L.)			học của tinh dầu thân và lá thì là (<i>Anethum graveolens</i> L.)
663.	Đại học	Khảo sát tổng quan về đích tác động Receptor	Nguyễn Thị Thu Ngân	Nguyễn Phú Quý	Khảo sát tổng quan về đích tác động Receptor
664.	Đại học	Khảo sát tổng quan về đích tác động Enzyme	Đinh Thị Thu Thủy	Nguyễn Phú Quý	Khảo sát tổng quan về đích tác động Enzyme
665.	Đại học	Định lượng Azithromycin bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)	Đinh Kiều Xuân	Nguyễn Phú Quý	Định lượng Azithromycin bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)
666.	Đại học	Tìm hiểu một số chế phẩm thuốc kháng sinh nhóm aminosid và quinolon trên địa bàn tỉnh An Giang và các tương tác thuốc thường gặp	Nguyễn Thị Kim Cương	Nguyễn Phương Thảo	Tìm hiểu một số chế phẩm thuốc kháng sinh nhóm aminosid và quinolon trên địa bàn tỉnh An Giang và các tương tác thuốc thường gặp
667.	Đại học	Tìm hiểu một số chế phẩm thuốc giảm đau, hạ sốt, kháng viêm non-steroid trên địa bàn tỉnh An Giang và các tương tác thuốc thường gặp	Huỳnh Trần Bích Ngọc	Nguyễn Phương Thảo	Tìm hiểu một số chế phẩm thuốc giảm đau, hạ sốt, kháng viêm non-steroid trên địa bàn tỉnh An Giang và các tương tác thuốc thường gặp
668.	Đại học	Nghiên cứu thực trạng kê đơn thuốc tại Trung tâm y tế huyện Phú Tân, An Giang	Lê Thị Thúy Hằng	Nguyễn Thanh Huy	Nghiên cứu thực trạng kê đơn thuốc tại Trung tâm y tế huyện Phú Tân, An Giang
669.	Đại học	Khảo sát tình hình thực hiện GPP tại phường Thường Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ	Nguyễn Kế Nhã	Nguyễn Thị Thúy Lan	Khảo sát tình hình thực hiện GPP tại phường Thường Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ
670.	Đại học	Khảo sát tình hình thực hiện GPP tại phường Hưng Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ năm 2017	Lê Thị Mỹ Phú	Nguyễn Thị Thúy Lan	Khảo sát tình hình thực hiện GPP tại phường Hưng Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ năm 2017
671.	Đại học	Khảo sát tình hình thực hiện GPP tại phường Ba Láng, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ	Huỳnh Thị Nhã Phương	Nguyễn Thị Thúy Lan	Khảo sát tình hình thực hiện GPP tại phường Ba Láng, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ
672.	Đại học	Khảo sát tình hình thực hiện GPP tại phường Hưng Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ năm 2017	Trần Thị Phương	Nguyễn Thị Thúy Lan	Khảo sát tình hình thực hiện GPP tại phường Hưng Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ năm 2017
673.	Đại học	Khảo sát và phân tích thực trạng tồn trữ thuốc tại trung tâm y tế thị xã	Cao Thị Minh Nguyệt	Phạm Đoàn Vi	Khảo sát và phân tích thực trạng tồn trữ thuốc tại trung tâm y tế thị xã

		Vĩnh Châu, Sóc Trăng năm 2018			Vĩnh Châu, Sóc Trăng năm 2018
674.	Đại học	Khảo sát tình hình kê đơn kháng sinh điều trị ngoại trú tại bệnh viện Đa Khoa H. Vĩnh Thạnh giai đoạn từ 10/2017 - 03/2018	Đỗ Thị Bích Nhung	Phạm Đoàn Vi	Khảo sát tình hình kê đơn kháng sinh điều trị ngoại trú tại bệnh viện Đa Khoa H. Vĩnh Thạnh giai đoạn từ 10/2017 - 03/2018
675.	Đại học	Khảo sát thực trạng quản lý và cấp phát thuốc nội trú tại bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ giai đoạn từ 10/2017 - 03/2018	Đỗ Thị Minh Trang	Phạm Đoàn Vi	Khảo sát thực trạng quản lý và cấp phát thuốc nội trú tại bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ giai đoạn từ 10/2017 - 03/2018
676.	Đại học	Khảo sát tình hình thực hiện nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc GPP ở một số nhà thuốc, quầy thuốc tại huyện Phong Điền, TP. Cần Thơ	Lê Thị Tú Uyên	Phạm Đoàn Vi	Khảo sát tình hình thực hiện nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc GPP ở một số nhà thuốc, quầy thuốc tại huyện Phong Điền, TP. Cần Thơ
677.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị đái tháo đường type II trên bệnh nhân nội trú tại Trung Tâm Y Tế Huyện Bình Tân, Vĩnh Long	Trà Kim Cúc	Quách Thị Thu Hằng	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị đái tháo đường type II trên bệnh nhân nội trú tại Trung Tâm Y Tế Huyện Bình Tân, Vĩnh Long
678.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị nhiễm trùng đường ruột do vi khuẩn tại Trung Tâm Y Tế Huyện Bình Tân	Nguyễn Phương Ngọc Diễm	Quách Thị Thu Hằng	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị nhiễm trùng đường ruột do vi khuẩn tại Trung Tâm Y Tế Huyện Bình Tân
679.	Đại học	Thẩm định quy trình định lượng đồng thời Paracetamol, Cafein, Chlopheniramin maleat trong chế phẩm đa thành phần bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao.	Nguyễn Quốc Dũng	Quách Thị Thu Hằng	Thẩm định quy trình định lượng đồng thời Paracetamol, Cafein, Chlopheniramin maleat trong chế phẩm đa thành phần bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao.
680.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh tăng huyết áp tại Trung Tâm Y Tế Huyện Bình Tân, Vĩnh Long	Huỳnh Thị Kim Hía	Quách Thị Thu Hằng	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh tăng huyết áp tại Trung Tâm Y Tế Huyện Bình Tân, Vĩnh Long
681.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc kháng sinh điều trị viêm amidan cấp tại Trung Tâm Y Tế Huyện Bình Tân	Phan Diệu Hiền	Quách Thị Thu Hằng	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc kháng sinh điều trị viêm amidan cấp tại Trung Tâm Y Tế Huyện Bình Tân

682.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị viêm phổi tại Trung Tâm Y Tế Huyện Bình Tân Vĩnh Long	Nguyễn Thị Kiều Loan	Quách Thị Thu Hằng	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị viêm phổi tại Trung Tâm Y Tế Huyện Bình Tân Vĩnh Long
683.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc đái tháo đường tại bệnh viện Quân Dân Y Thành Phố Cần Thơ	Nguyễn Thị Thùy Quyên	Quách Thị Thu Hằng	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc đái tháo đường tại bệnh viện Quân Dân Y Thành Phố Cần Thơ
684.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị viêm họng cấp và tác dụng phụ của thuốc điều trị viêm họng tại Trung Tâm Y Tế Huyện Bình Tân Vĩnh Long	Văn Trí Sách	Quách Thị Thu Hằng	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị viêm họng cấp và tác dụng phụ của thuốc điều trị viêm họng tại Trung Tâm Y Tế Huyện Bình Tân Vĩnh Long
685.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc kháng sinh tại Trung Tâm Y Tế Huyện Bình Tân, Vĩnh Long	Trương Nguyễn Thanh Thảo	Quách Thị Thu Hằng	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc kháng sinh tại Trung Tâm Y Tế Huyện Bình Tân, Vĩnh Long
686.	Đại học	Khảo sát việc sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp tại bệnh viện Quân Dân Y Thành Phố Cần Thơ	Ngô Thị Thùy Trang	Quách Thị Thu Hằng	Khảo sát việc sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp tại bệnh viện Quân Dân Y Thành Phố Cần Thơ
687.	Đại học	Tổng quan tài liệu về sản xuất sản phẩm Curcumin thô từ củ nghệ vàng Việt Nam	Phan Thị Cẩm Tú	Tào Việt Hà	Tổng quan tài liệu về sản xuất sản phẩm Curcumin thô từ củ nghệ vàng Việt Nam
688.	Đại học	Vitamin B6 và vai trò của vitamin B6 tác động đến sức khỏe con người	Huỳnh Thị Cẩm	Thiếu Văn Đường	Vitamin B6 và vai trò của vitamin B6 tác động đến sức khỏe con người
689.	Đại học	Vitamin B5 và vai trò của vitamin B5 tác động đến sức khỏe con người	Nguyễn Thị Thùy Dương	Thiếu Văn Đường	Vitamin B5 và vai trò của vitamin B5 tác động đến sức khỏe con người
690.	Đại học	Vitamin B9 và vai trò của vitamin B9 tác động đến sức khỏe con người	Lâm Minh Hữu	Thiếu Văn Đường	Vitamin B9 và vai trò của vitamin B9 tác động đến sức khỏe con người
691.	Đại học	Vitamin B12 và vai trò của vitamin B12 tác động đến sức khỏe con người	Đào Hồng Luân	Thiếu Văn Đường	Vitamin B12 và vai trò của vitamin B12 tác động đến sức khỏe con người
692.	Đại học	Vitamin B1 và vai trò của vitamin B1 tác động đến sức khỏe con người	Nguyễn Thanh Mai	Thiếu Văn Đường	Vitamin B1 và vai trò của vitamin B1 tác động đến sức khỏe con người
693.	Đại học	Vitamin B3 và vai trò của vitamin B3 tác động đến sức khỏe con người	Phan Long Nhi	Thiếu Văn Đường	Vitamin B3 và vai trò của vitamin B3 tác động đến sức khỏe con người
694.	Đại học	Nghiên cứu đánh giá	Phạm Thùy	Trầm Hạnh	Nghiên cứu đánh giá

		thực trạng công tác dược tại Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Vĩnh Thạnh năm 2017	Dương	Dung	thực trạng công tác dược tại Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Vĩnh Thạnh năm 2017
695.	Đại học	Khảo sát tình hình cấp phát thuốc tại Trạm Y tế xã Vĩnh Phước quý 1 năm 2018.	Cao Văn Hào	Trầm Hạnh Dung	Khảo sát tình hình cấp phát thuốc tại Trạm Y tế xã Vĩnh Phước quý 1 năm 2018.
696.	Đại học	Nghiên cứu tình hình sử dụng thuốc trong điều trị viêm loét dạ dày tá tràng tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Tháp quý 1 năm 2018.	Nguyễn Minh Hiếu	Trầm Hạnh Dung	Nghiên cứu tình hình sử dụng thuốc trong điều trị viêm loét dạ dày tá tràng tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Tháp quý 1 năm 2018.
697.	Đại học	Đánh giá sự tuân thủ điều trị trên bệnh nhân sử dụng Methadone tại trung tâm Y tế thành phố Long Xuyên và thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang năm 2017	Phạm Nhứt Linh	Trầm Hạnh Dung	Đánh giá sự tuân thủ điều trị trên bệnh nhân sử dụng Methadone tại trung tâm Y tế thành phố Long Xuyên và thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang năm 2017
698.	Đại học	Nghiên cứu tổng quan các phương pháp bào chế nano bạc	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Trầm Hạnh Dung	Nghiên cứu tổng quan các phương pháp bào chế nano bạc
699.	Đại học	Nghiên cứu sự tuân thủ thực hiện nguyên tắc, tiêu chuẩn “Thực Hành Tốt Nhà Thuốc” tại nhà thuốc Hoàng Nguyên, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.	Trịnh Hoàng Nguyên	Trầm Hạnh Dung	Nghiên cứu sự tuân thủ thực hiện nguyên tắc, tiêu chuẩn “Thực Hành Tốt Nhà Thuốc” tại nhà thuốc Hoàng Nguyên, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.
700.	Đại học	Nghiên cứu đánh giá sự hiểu biết của bệnh nhân đái tháo đường về căn bệnh này tại Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Thạnh năm 2017.	Thạch Tuấn Nhã	Trầm Hạnh Dung	Nghiên cứu đánh giá sự hiểu biết của bệnh nhân đái tháo đường về căn bệnh này tại Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Thạnh năm 2017.
701.	Đại học	Nghiên cứu sự tuân thủ thực hiện nguyên tắc, tiêu chuẩn “Thực Hành Tốt Nhà Thuốc” tại nhà thuốc Cần Thơ, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.	Lê Trung Toàn	Trầm Hạnh Dung	Nghiên cứu sự tuân thủ thực hiện nguyên tắc, tiêu chuẩn “Thực Hành Tốt Nhà Thuốc” tại nhà thuốc Cần Thơ, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
702.	Đại học	Nghiên Cứu Tình Hình Sử Dụng Thuốc Kháng Viêm Non – Steroid tại Khoa Khám, Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Vĩnh Thạnh năm 2017	Lê Tấn Thành	Trầm Hạnh Dung	Nghiên Cứu Tình Hình Sử Dụng Thuốc Kháng Viêm Non – Steroid tại Khoa Khám, Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Vĩnh Thạnh năm 2017

703.	Đại học	Nghiên cứu tổng quan các phương pháp bào chế nano vàng	Chu Thị Xuân	Trần Hạnh Dung	Nghiên cứu tổng quan các phương pháp bào chế nano vàng
704.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp cho bệnh nhân ngoại trú BHYT tại bệnh viện Quân dân Y Sóc Trăng, 2017	Tô Đức Hạnh	Trần Quang Trí	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp cho bệnh nhân ngoại trú BHYT tại bệnh viện Quân dân Y Sóc Trăng, 2017
705.	Đại học	Khảo sát thực trạng áp dụng nguyên tắc tiêu chuẩn Thực hành tốt nhà thuốc, GPP tại các nhà thuốc quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, năm 2018	Lê Thị Kim Kiều	Trần Quang Trí	Khảo sát thực trạng áp dụng nguyên tắc tiêu chuẩn Thực hành tốt nhà thuốc, GPP tại các nhà thuốc quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, năm 2018
706.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc tại trung tâm y tế thị xã Vĩnh Châu tỉnh Sóc Trăng, năm 2017	Hồng Mỹ Ngọc	Trần Quang Trí	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc tại trung tâm y tế thị xã Vĩnh Châu tỉnh Sóc Trăng, năm 2017
707.	Đại học	Khảo sát tình hình điều trị bệnh rối loạn lipid máu trên bệnh nhân ngoại trú tại Khoa khám Trung tâm y tế thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng, năm 2017	Nguyễn Việt Trung Nhân	Trần Quang Trí	Khảo sát tình hình điều trị bệnh rối loạn lipid máu trên bệnh nhân ngoại trú tại Khoa khám Trung tâm y tế thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng, năm 2017
708.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh cao huyết áp trên bệnh nhân điều trị ở khoa nội tại bệnh viện đa khoa Lai Vung-Đồng Tháp.	Đoàn Yến Nhi	Trần Quang Trí	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh cao huyết áp trên bệnh nhân điều trị ở khoa nội tại bệnh viện đa khoa Lai Vung-Đồng Tháp.
709.	Đại học	Khảo sát tình hình hoạt động hành nghề dược tư nhân trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2017	Khuông Kim Nhí	Trần Quang Trí	Khảo sát tình hình hoạt động hành nghề dược tư nhân trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2017
710.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc giảm đau, kháng viêm không steroid trong điều trị bệnh trung tâm y tế thị xã Vĩnh Châu tỉnh Sóc Trăng, năm 2017	Nguyễn Tấn Phát	Trần Quang Trí	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc giảm đau, kháng viêm không steroid trong điều trị bệnh trung tâm y tế thị xã Vĩnh Châu tỉnh Sóc Trăng, năm 2017
711.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp tại ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Sóc Trăng, năm 2017	Trịnh Thị Hồng Phượng	Trần Quang Trí	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp tại ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Sóc Trăng, năm 2017

712.	Đại học	Đánh giá kết quả tuân thủ điều trị thuốc ARV ở trẻ em tại phòng khám ngoại trú bệnh viện Nhi Đồng, Thành phố Cần Thơ, 2017	Nguyễn Thị Tố Uyên	Trần Quang Trí	Đánh giá kết quả tuân thủ điều trị thuốc ARV ở trẻ em tại phòng khám ngoại trú bệnh viện Nhi Đồng, Thành phố Cần Thơ, 2017
713.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh đái tháo đường type 2 trên bệnh nhân ngoại trú tại phòng khám trung tâm y tế thị xã Vĩnh Châu tỉnh Sóc Trăng, năm 2017	Cao Hữu Tín	Trần Quang Trí	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh đái tháo đường type 2 trên bệnh nhân ngoại trú tại phòng khám trung tâm y tế thị xã Vĩnh Châu tỉnh Sóc Trăng, năm 2017
714.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp tại phòng khám ngoại trú bệnh viện đa khoa huyện Mỹ Tú, tháng 3 năm 2018	Lê Nhật Thừa	Trần Quang Trí	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp tại phòng khám ngoại trú bệnh viện đa khoa huyện Mỹ Tú, tháng 3 năm 2018
715.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc kê đơn trong điều trị ngoại trú tại trung tâm y tế thị xã Vĩnh Châu tỉnh Sóc Trăng, năm 2017	Nguyễn Thị Ngọc Trân	Trần Quang Trí	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc kê đơn trong điều trị ngoại trú tại trung tâm y tế thị xã Vĩnh Châu tỉnh Sóc Trăng, năm 2017
716.	Đại học	Khảo sát việc sử dụng thuốc điều trị bệnh thoái hóa khớp trên bệnh nhân điều trị ngoại trú tại bệnh viện Sa Đéc	Nguyễn Thị Tố Uyên	Trần Quang Trí	Khảo sát việc sử dụng thuốc điều trị bệnh thoái hóa khớp trên bệnh nhân điều trị ngoại trú tại bệnh viện Sa Đéc
717.	Đại học	Khảo sát một số chế phẩm có tác dụng bổ dưỡng nguồn gốc từ dược liệu tại địa bàn thành phố Cần Thơ	Đông Thị Ngọc Diễm	Tri Kim Ngọc	Khảo sát một số chế phẩm có tác dụng bổ dưỡng nguồn gốc từ dược liệu tại địa bàn thành phố Cần Thơ
718.	Đại học	Khảo sát một số chế phẩm có tác dụng trên gan mật nguồn gốc từ dược liệu tại địa bàn tỉnh An Giang	Nguyễn Thị Kim Là	Tri Kim Ngọc	Khảo sát một số chế phẩm có tác dụng trên gan mật nguồn gốc từ dược liệu tại địa bàn tỉnh An Giang
719.	Đại học	Khảo sát chế phẩm có tác dụng trên gan mật nguồn gốc từ dược liệu tại địa bàn tỉnh Hậu Giang	Nguyễn Hiếu Nguyên	Tri Kim Ngọc	Khảo sát chế phẩm có tác dụng trên gan mật nguồn gốc từ dược liệu tại địa bàn tỉnh Hậu Giang
720.	Đại học	Nghiên cứu tình hình sử dụng kháng sinh tại trạm y tế xã Trung Thạnh, TPCT	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	Võ Huỳnh Như	Nghiên cứu tình hình sử dụng kháng sinh tại trạm y tế xã Trung Thạnh, TPCT
721.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị tăng	Dương Phương Lan	Võ Huỳnh Như	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị tăng

		huyết áp trên bệnh nhân ngoại trú tại Trung tâm y tế thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.			huyết áp trên bệnh nhân ngoại trú tại Trung tâm y tế thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.
722.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị đái tháo đường trên bệnh nhân ngoại trú tại Trung tâm y tế thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.	Lê Thị Diễm Trang	Võ Huỳnh Như	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị đái tháo đường trên bệnh nhân ngoại trú tại Trung tâm y tế thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.
723.	Đại học	Nghiên cứu bào chế viên nén metronidazol 200mg	Nguyễn Thị Bảo Châu	Võ Phước Hải	Nghiên cứu bào chế viên nén metronidazol 200mg
724.	Đại học	Nghiên cứu bào chế viên nén lansoprazol 10mg	Võ Văn Thế Châu	Võ Phước Hải	Nghiên cứu bào chế viên nén lansoprazol 10mg
725.	Đại học	Nghiên cứu bào chế viên nén omeprazol 20mg	Hồ Thị Xuân Mai	Võ Phước Hải	Nghiên cứu bào chế viên nén omeprazol 20mg
726.	Đại học	Nghiên cứu bào chế viên nén propranolol.HCl 10mg	Lê Mai Hồng Ngọc	Võ Phước Hải	Nghiên cứu bào chế viên nén propranolol.HCl 10mg
727.	Đại học	Nghiên cứu bào chế viên nén nifedipin 5mg	Mai Thị Huỳnh Như	Võ Phước Hải	Nghiên cứu bào chế viên nén nifedipin 5mg
728.	Đại học	Nghiên cứu bào chế viên nén levofloxacin 250mg	Lương Thảo Quyên	Võ Phước Hải	Nghiên cứu bào chế viên nén levofloxacin 250mg
729.	Đại học	Nghiên cứu bào chế viên nén nystatin 50mg	Thái Thị Thùy Trang	Võ Phước Hải	Nghiên cứu bào chế viên nén nystatin 50mg
730.	Đại học	Khảo sát các loại máy đo độ rã và độ hòa tan trên thị trường dùng trong công tác kiểm nghiệm	Dương Dung Nghiệp	Võ Thị Minh Ngọc	Khảo sát các loại máy đo độ rã và độ hòa tan trên thị trường dùng trong công tác kiểm nghiệm
731.	Đại học	Khảo sát các loại máy đo pH trên thị trường dùng trong công tác kiểm nghiệm	Ngô Lăng Trang Nhã	Võ Thị Minh Ngọc	Khảo sát các loại máy đo pH trên thị trường dùng trong công tác kiểm nghiệm
732.	Đại học	Khảo sát các loại máy quang phổ UV-VIS trên thị trường dùng trong công tác kiểm nghiệm	Lâm Huyền Phương	Võ Thị Minh Ngọc	Khảo sát các loại máy quang phổ UV-VIS trên thị trường dùng trong công tác kiểm nghiệm
733.	Đại học	Khảo sát các loại máy sắc ký lỏng hiệu năng cao trên thị trường dùng trong công tác kiểm nghiệm	Lai Hồng Quý	Võ Thị Minh Ngọc	Khảo sát các loại máy sắc ký lỏng hiệu năng cao trên thị trường dùng trong công tác kiểm nghiệm
734.	Đại học	Khảo sát các loại bản mỏng và cột sắc ký trên thị trường dùng trong công tác kiểm nghiệm	Tạ Ý Trân	Võ Thị Minh Ngọc	Khảo sát các loại bản mỏng và cột sắc ký trên thị trường dùng trong công tác kiểm nghiệm

735.	Đại học	Xây dựng bộ sưu tập mẫu dược liệu có tác dụng tiêu độc .	Đỗ Tiên Dũng	Vũ Thị Bình	Xây dựng bộ sưu tập mẫu dược liệu có tác dụng tiêu độc .
736.	Đại học	Xây dựng bộ sưu tập mẫu dược liệu có tác dụng chữa bệnh phụ nữ.	Trương Thanh Văn	Vũ Thị Bình	Xây dựng bộ sưu tập mẫu dược liệu có tác dụng chữa bệnh phụ nữ.
737.	Đại học	Xây dựng bộ sưu tập mẫu dược liệu có tác dụng lợi tiểu.	Nguyễn Tường Vi	Vũ Thị Bình	Xây dựng bộ sưu tập mẫu dược liệu có tác dụng lợi tiểu.
738.	Đại học	Xây dựng bộ sưu tập mẫu dược liệu có tác dụng nhuận gan, lợi mật.	Đỗ Quang Vinh	Vũ Thị Bình	Xây dựng bộ sưu tập mẫu dược liệu có tác dụng nhuận gan, lợi mật.
739.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc kháng Histamin H1 tại trung tâm Y tế huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Vũ Thị Thảo Ly	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc kháng Histamin H1 tại trung tâm Y tế huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An
740.	Đại học	Nghiên cứu phân lập hợp chất Saponin từ phân đoạn n-butanol của cao Đinh lăng.	Nguyễn Phương Trinh	Trần Công Luận Đỗ Văn Mãi	Nghiên cứu phân lập hợp chất Saponin từ phân đoạn n-butanol của cao Đinh lăng.
741.	Đại học	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có dược liệu chứa saponin tại Quận Ninh Kiều-TPCT	Nguyễn Đăng Bảo	Đỗ Văn Mãi	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có dược liệu chứa saponin tại Quận Ninh Kiều-TPCT
742.	Đại học	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có dược liệu chứa alkaloid tại An Giang	Nguyễn Phương Bình	Đỗ Văn Mãi	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có dược liệu chứa alkaloid tại An Giang
743.	Đại học	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có dược liệu chứa tannin tại Thành phố Cần Thơ	Chu Minh Đăng	Đỗ Văn Mãi	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có dược liệu chứa tannin tại Thành phố Cần Thơ
744.	Đại học	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có dược liệu chứa anthranoid tại TP. Long Xuyên	Võ Văn Đủ	Đỗ Văn Mãi	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có dược liệu chứa anthranoid tại TP. Long Xuyên
745.	Đại học	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có dược liệu chứa alkaloid tại Quận Ninh Kiều-TPCT	Dương Thị Giang	Đỗ Văn Mãi	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có dược liệu chứa alkaloid tại Quận Ninh Kiều-TPCT
746.	Đại học	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có dược liệu hỗ trợ điều trị bệnh đường tiêu hóa tại Thành phố Long Xuyên	Nguyễn Thị Thu Hằng	Đỗ Văn Mãi	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có dược liệu hỗ trợ điều trị bệnh đường tiêu hóa tại Thành phố Long Xuyên
747.	Đại học	Khảo sát những thành	Hồ Thị Bùi	Đỗ Văn Mãi	Khảo sát những thành

		phẩm trên thị trường có được liệu chứa flavonoid tại Quận Ninh Kiều-TPCT	Như Ngọc		phẩm trên thị trường có được liệu chứa flavonoid tại Quận Ninh Kiều-TPCT
748.	Đại học	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có được liệu chứa anthranoid tại Thành phố Cần Thơ	Huỳnh Thị Ngọc Nhung	Đỗ Văn Mãi	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có được liệu chứa anthranoid tại Thành phố Cần Thơ
749.	Đại học	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có được liệu hỗ trợ chữa bệnh dạ dày tại Thành phố Cần Thơ	Nguyễn Thị Hồng Phiến	Đỗ Văn Mãi	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có được liệu hỗ trợ chữa bệnh dạ dày tại Thành phố Cần Thơ
750.	Đại học	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có được liệu chứa tinh dầu tại Thành phố Cần Thơ	Trương Thanh Phúc	Đỗ Văn Mãi	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có được liệu chứa tinh dầu tại Thành phố Cần Thơ
751.	Đại học	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có được liệu hỗ trợ điều trị bệnh đường tiêu hóa tại Thành phố Cần Thơ	Võ Thị Đông Sa	Đỗ Văn Mãi	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có được liệu hỗ trợ điều trị bệnh đường tiêu hóa tại Thành phố Cần Thơ
752.	Đại học	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có được liệu hỗ trợ chữa bệnh gan mật tại An Giang	Bùi Lê Thanh Thảo	Đỗ Văn Mãi	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có được liệu hỗ trợ chữa bệnh gan mật tại An Giang
753.	Đại học	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có được liệu chứa carbohydrat tại Thành phố Cần Thơ	Nguyễn Thị Như Trâm	Đỗ Văn Mãi	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có được liệu chứa carbohydrat tại Thành phố Cần Thơ
754.	Đại học	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có được liệu chứa Coumarin tại Thành phố Cần Thơ	Ngô Thành Trung	Đỗ Văn Mãi	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có được liệu chứa Coumarin tại Thành phố Cần Thơ
755.	Đại học	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có được liệu hỗ trợ chữa bệnh gan mật tại Thành phố Cần Thơ	Dặng Thị Ngọc Thắm	Đỗ Văn Mãi	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có được liệu hỗ trợ chữa bệnh gan mật tại Thành phố Cần Thơ
756.	Đại học	Tình hình quản lý và cung ứng thuốc theo GPP tại các nhà thuốc tại TP Long Xuyên	Nguyễn Văn Bé	Đoàn Thanh Trúc	Tình hình quản lý và cung ứng thuốc theo GPP tại các nhà thuốc tại TP Long Xuyên
757.	Đại học	Tổng hợp các phương pháp định lượng Dextromethorphan	Võ Thị Hoàng Lan	Đoàn Thanh Trúc	Tổng hợp các phương pháp định lượng Dextromethorphan
758.	Đại học	Tổng hợp các phương	Trần Hồng	Đoàn Thanh	Tổng hợp các phương

		pháp định lượng Amlodipine	Miền	Trúc	pháp định lượng Amlodipine
759.	Đại học	Tổng hợp các phương pháp định lượng Amoxicillin	Triệu Minh Trung	Đoàn Thanh Trúc	Tổng hợp các phương pháp định lượng Amoxicillin
760.	Đại học	Khảo sát các chất nhuộm được sử dụng trong điều chế nhuộm tương	Nguyễn Bích Tuyên	Đoàn Thanh Trúc	Khảo sát các chất nhuộm được sử dụng trong điều chế nhuộm tương
761.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc kháng viêm Non - steroid tại khoa Khám bệnh, bệnh viện Đa khoa huyện Vĩnh Thạnh, TP.Cần Thơ	Trần Văn Đức	Giang Thị Thu Hồng	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc kháng viêm Non - steroid tại khoa Khám bệnh, bệnh viện Đa khoa huyện Vĩnh Thạnh, TP.Cần Thơ
762.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc chữa viêm loét dạ dày tá tràng tại nhà thuốc Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ	Nguyễn Tấn Phát	Giang Thị Thu Hồng	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc chữa viêm loét dạ dày tá tràng tại nhà thuốc Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
763.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc chữa cao huyết áp tại khoa Khám bệnh, bệnh viện Đa khoa huyện Vĩnh Thạnh, TP.Cần Thơ	Võ Minh Tâm	Giang Thị Thu Hồng	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc chữa cao huyết áp tại khoa Khám bệnh, bệnh viện Đa khoa huyện Vĩnh Thạnh, TP.Cần Thơ
764.	Đại học	Phác đồ điều trị viêm loét dạ dày do Helicobacter pylori	Trương Hoàng Đệ	Lâm Thị Thu Quyên	Phác đồ điều trị viêm loét dạ dày do Helicobacter pylori
765.	Đại học	Tổng quan về hoạt động thông tin thuốc và báo cáo phản ứng có hại của thuốc (ADR)	Đào Thụy Thảo Hiền	Lâm Thị Thu Quyên	Tổng quan về hoạt động thông tin thuốc và báo cáo phản ứng có hại của thuốc (ADR)
766.	Đại học	Bệnh viêm phổi và vấn đề sử dụng kháng sinh trong điều trị	Ngô Thị Mỹ Hương	Lâm Thị Thu Quyên	Bệnh viêm phổi và vấn đề sử dụng kháng sinh trong điều trị
767.	Đại học	Phân tích tình hình sử dụng thuốc qua phân tích ABC/VEN tại Bệnh viện Ung bướu TP. Cần Thơ năm 2017	Trịnh Thị Linh	Lâm Thị Thu Quyên	Phân tích tình hình sử dụng thuốc qua phân tích ABC/VEN tại Bệnh viện Ung bướu TP. Cần Thơ năm 2017
768.	Đại học	Bệnh đái tháo đường và vấn đề sử dụng thuốc trong điều trị bệnh đái tháo đường	Đặng Hoàng Nam	Lâm Thị Thu Quyên	Bệnh đái tháo đường và vấn đề sử dụng thuốc trong điều trị bệnh đái tháo đường
769.	Đại học	Bệnh tăng huyết áp và vấn đề sử dụng thuốc trong điều trị	Trần Hồng Nghi	Lâm Thị Thu Quyên	Bệnh tăng huyết áp và vấn đề sử dụng thuốc trong điều trị
770.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị viêm loét dạ dày tá tràng tại	Phạm Thị Kiều Phương	Lâm Thị Thu Quyên	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị viêm loét dạ dày tá

		Khoa khám ngoại trú Bệnh viện Đa khoa Trung Ương			tràng tại Khoa khám ngoại trú Bệnh viện Đa khoa Trung Ương
771.	Đại học	Khảo sát tình hình tiêu chảy trẻ em dưới 5 tuổi điều trị nội trú tại khoa nhi BVĐK Long Xuyên	Phan Thiên Phuong	Lâm Thị Thu Quyên	Khảo sát tình hình tiêu chảy trẻ em dưới 5 tuổi điều trị nội trú tại khoa nhi BVĐK Long Xuyên
772.	Đại học	Vấn đề sử dụng kháng sinh trong điều trị	Trịnh Thị Anh Tuyết	Lâm Thị Thu Quyên	Vấn đề sử dụng kháng sinh trong điều trị
773.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng và bảo quản vaccin tại bệnh viện phụ sản thành phố Cần Thơ	Nguyễn Tạ Hải Giang	Lê Phú Nguyên Thảo	Khảo sát tình hình sử dụng và bảo quản vaccin tại bệnh viện phụ sản thành phố Cần Thơ
774.	Đại học	Khảo sát cung ứng và sử dụng thuốc ở bệnh viện Đa khoa Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	Phùng Hoàng Lãm	Lê Phú Nguyên Thảo	Khảo sát cung ứng và sử dụng thuốc ở bệnh viện Đa khoa Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
775.	Đại học	Kiểm nghiệm viên nén Pyme cinazin tại Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ Phẩm - Thực Phẩm tỉnh Bạc Liêu	Trương Thị Kim Pha	Lưu Thảo Phúc Trường	Kiểm nghiệm viên nén Pyme cinazin tại Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ Phẩm - Thực Phẩm tỉnh Bạc Liêu
776.	Đại học	Thực hành tốt bảo quản thuốc tại Khoa Dược Trung Tâm Y Tế huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Trần Thị Thu Quyên	Lưu Thảo Phúc Trường	Thực hành tốt bảo quản thuốc tại Khoa Dược Trung Tâm Y Tế huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng
777.	Đại học	Kiểm nghiệm viên nén Pyme CZ10 tại Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ Phẩm - Thực Phẩm tỉnh Bạc Liêu	Nguyễn Thanh Tùng	Lưu Thảo Phúc Trường	Kiểm nghiệm viên nén Pyme CZ10 tại Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ Phẩm - Thực Phẩm tỉnh Bạc Liêu
778.	Đại học	Kiểm nghiệm viên nén lotadin 10mg tại Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ Phẩm - Thực Phẩm tỉnh Bạc Liêu	Hoàng Thị Cẩm Yên	Lưu Thảo Phúc Trường	Kiểm nghiệm viên nén lotadin 10mg tại Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ Phẩm - Thực Phẩm tỉnh Bạc Liêu
779.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc cho bệnh nhân hội chứng mạch vành cấp Tại BV Đa Khoa TP. Cần Thơ năm 2017	Thạch Bảo Châu	Nguyễn Chí Toàn	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc cho bệnh nhân hội chứng mạch vành cấp Tại BV Đa Khoa TP. Cần Thơ năm 2017
780.	Đại học	Khảo sát thực trạng kho thuốc Bv Phụ Sản TP. Cần Thơ Theo tiêu chuẩn GSP	Trịnh Hoàng Vũ	Nguyễn Chí Toàn	Khảo sát thực trạng kho thuốc Bv Phụ Sản TP. Cần Thơ Theo tiêu chuẩn GSP
781.	Đại học	Khảo sát tỷ lệ tương tác	Nguyễn Thị	Nguyễn Chí	Khảo sát tỷ lệ tương tác

		thuốc ở bệnh nhân ung thư điều trị bằng hóa chất truyền tĩnh mạch tại BV ung Bứu Tp. Cần Thơ năm 2017	Thanh Xuân	Toàn	thuốc ở bệnh nhân ung thư điều trị bằng hóa chất truyền tĩnh mạch tại BV ung Bứu Tp. Cần Thơ năm 2017
782.	Đại học	Nghiên cứu tổng quan các dạng bào chế có chứa hoạt chất Clopheniramin	Quách Tố Liên	Nguyễn Hiếu Trung	Nghiên cứu tổng quan các dạng bào chế có chứa hoạt chất Clopheniramin
783.	Đại học	Nghiên cứu tổng quan các tá dược trong bào chế thuốc Mỡ	Nguyễn Văn Lượng	Nguyễn Hiếu Trung	Nghiên cứu tổng quan các tá dược trong bào chế thuốc Mỡ
784.	Đại học	Nghiên cứu tổng quan các chất sát khuẩn dùng trong bào chế thuốc Tiêm	Nguyễn Phương Nam	Nguyễn Hiếu Trung	Nghiên cứu tổng quan các chất sát khuẩn dùng trong bào chế thuốc Tiêm
785.	Đại học	Nghiên cứu tổng quan các yếu tố ảnh hưởng đến độ ổn định Hỗn dịch	Nguyễn Lê Quân	Nguyễn Hiếu Trung	Nghiên cứu tổng quan các yếu tố ảnh hưởng đến độ ổn định Hỗn dịch
786.	Đại học	Nghiên cứu tổng quan các chất bảo quản trong bào chế dung dịch thuốc	Lý Hà Thơ	Nguyễn Hiếu Trung	Nghiên cứu tổng quan các chất bảo quản trong bào chế dung dịch thuốc
787.	Đại học	Nghiên cứu tổng quan các tá dược trong bào chế viên nén	Vưu Bảo Trân	Nguyễn Hiếu Trung	Nghiên cứu tổng quan các tá dược trong bào chế viên nén
788.	Đại học	Nghiên cứu tổng quan các dạng bào chế viên Nang mềm	Bùi Văn Trung	Nguyễn Hiếu Trung	Nghiên cứu tổng quan các dạng bào chế viên Nang mềm
789.	Đại học	So sánh kiểm nghiệm tạp chất Nifedipin	Võ Chế Linh	Nguyễn Hoàng Tiên	So sánh kiểm nghiệm tạp chất Nifedipin
790.	Đại học	Khảo sát hoạt tính kháng vi khuẩn Salmonella typhimurium và Streptococcus faecalis của tinh dầu lá húng chanh (Plectranthus amboinicus L.)	Trần Thị Triều	Nguyễn Ngọc Linh - Dương Thị Bích	Khảo sát hoạt tính kháng vi khuẩn Salmonella typhimurium và Streptococcus faecalis của tinh dầu lá húng chanh (Plectranthus amboinicus L.)
791.	Đại học	Khảo sát điều kiện trích ly và thành phần hóa học của tinh dầu lá húng chanh (Plectranthus amboinicus L.)	Diệp Ngọc Xuân	Nguyễn Ngọc Linh	Khảo sát điều kiện trích ly và thành phần hóa học của tinh dầu lá húng chanh (Plectranthus amboinicus L.)
792.	Đại học	Khảo sát hoạt tính kháng nấm của tinh dầu lá húng chanh (Plectranthus amboinicus L.)	Huỳnh Thị Mỹ Hương	Nguyễn Ngọc Yến - Dương Thị Bích	Khảo sát hoạt tính kháng nấm của tinh dầu lá húng chanh (Plectranthus amboinicus L.)
793.	Đại học	Khảo sát hoạt tính kháng vi khuẩn	Cao Thị Thu Nga	Nguyễn Ngọc Yến -	Khảo sát hoạt tính kháng vi khuẩn

		Staphylococcus aureus và Escherichia coli của tinh dầu lá húng chanh (Plectranthus amboinicus L.)		Dương Thị Bích	Staphylococcus aureus và Escherichia coli của tinh dầu lá húng chanh (Plectranthus amboinicus L.)
794.	Đại học	Khảo sát hoạt tính kháng oxi hóa của tinh dầu lá húng chanh (Plectranthus amboinicus L.)	Đinh Thị Sơn	Nguyễn Ngọc Yến	Khảo sát hoạt tính kháng oxi hóa của tinh dầu lá húng chanh (Plectranthus amboinicus L.)
795.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị đái tháo đường tuýp 2 trên bệnh nhân ngoại trú bệnh viện đa khoa thành phố Cần Thơ	Dương Anh Thông	Nguyễn Phương Thảo	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị đái tháo đường tuýp 2 trên bệnh nhân ngoại trú bệnh viện đa khoa thành phố Cần Thơ
796.	Đại học	Tổng quan kỹ thuật sấy vật liệu	Nguyễn Thị Ngọc Hiếu	Nguyễn Thị Thúy Lan	Tổng quan kỹ thuật sấy vật liệu
797.	Đại học	Quản lý dược bệnh viện	Khuu Hải	Phạm Đình Luyện	Quản lý dược bệnh viện
798.	Đại học	Đánh giá hoạt động kinh doanh tại nhà thuốc Hồng Đào - Cà Mau 06 tháng cuối năm 2017	Lương Hồng Ai	Phạm Đoàn Vi	Đánh giá hoạt động kinh doanh tại nhà thuốc Hồng Đào - Cà Mau 06 tháng cuối năm 2017
799.	Đại học	Khảo sát thực trạng hoạt động thực hành tốt nhà thuốc (GPP) tại Thành phố Long Xuyên - AG	Huỳnh Vũ Hiệp	Phạm Đoàn Vi	Khảo sát thực trạng hoạt động thực hành tốt nhà thuốc (GPP) tại Thành phố Long Xuyên - AG
800.	Đại học	Khảo sát thực trạng hoạt động theo nguyên tắc thực hành tốt phân phối thuốc (GDP) tại cty OPC - CN Cần Thơ	Phạm Tấn Tài	Phạm Đoàn Vi	Khảo sát thực trạng hoạt động theo nguyên tắc thực hành tốt phân phối thuốc (GDP) tại cty OPC - CN Cần Thơ
801.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc kháng sinh tại khoa Nội tổng quát bệnh viện Đa khoa Thốt Nốt	Phan Thanh Tâm	Phạm Đoàn Vi	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc kháng sinh tại khoa Nội tổng quát bệnh viện Đa khoa Thốt Nốt
802.	Đại học	Khảo sát tình hình kê đơn thuốc ngoại trú tại bệnh viện Đa khoa Thốt Nốt	Nguyễn Trần Cẩm Tú	Phạm Đoàn Vi	Khảo sát tình hình kê đơn thuốc ngoại trú tại bệnh viện Đa khoa Thốt Nốt
803.	Đại học	Khảo sát một số tá dược dính của viên nén	Lý Thị Bích Ngọc	Thái Kim Tươi	Khảo sát một số tá dược dính của viên nén
804.	Đại học	Khảo sát một số tá dược màu của viên nén	Trần Thị Minh Tâm	Thái Kim Tươi	Khảo sát một số tá dược màu của viên nén
805.	Đại học	Khảo sát một số tá dược độn của viên nén	Nguyễn Thị Hồng Thắm	Thái Kim Tươi	Khảo sát một số tá dược độn của viên nén
806.	Đại học	Nghiên cứu đánh giá	Trần Kim	Trần Hạnh	Nghiên cứu đánh giá

		thực trạng công tác dược tại khoa dược Trung Tâm Y Tế Huyện Trà Cú năm 2017	Long	Dung	thực trạng công tác dược tại khoa dược Trung Tâm Y Tế Huyện Trà Cú năm 2017
807.	Đại học	Nghiên cứu bào chế viên nén Telmisartan 40mg	Ngô Huỳnh Mai	Trầm Hạnh Dung	Nghiên cứu bào chế viên nén Telmisartan 40mg
808.	Đại học	Nghiên cứu đánh giá thực hiện nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt bảo quản - GSP tại kho nguyên liệu bao bì công ty Agimexpharm năm 2018	Đoàn Thanh Nhân	Trầm Hạnh Dung	Nghiên cứu đánh giá thực hiện nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt bảo quản - GSP tại kho nguyên liệu bao bì công ty Agimexpharm năm 2018
809.	Đại học	Đánh giá tương đương sinh học của viên nén bao phim Cefuroxim 500mg	Đặng Võ Mỹ Tiên	Trầm Hạnh Dung	Đánh giá tương đương sinh học của viên nén bao phim Cefuroxim 500mg
810.	Đại học	Phân tích tình hình kinh doanh của nhà thuốc Ngọc Thắm, Ninh Kiều, Cần Thơ năm 2018	Phạm Ngọc Lý	Trần Quang Trí	Phân tích tình hình kinh doanh của nhà thuốc Ngọc Thắm, Ninh Kiều, Cần Thơ năm 2018
811.	Đại học	Phân tích tình hình kinh doanh của nhà thuốc Triệu Tín, Long Xuyên, An Giang năm 2018	Nguyễn Triệu Thu Phượng	Trần Quang Trí	Phân tích tình hình kinh doanh của nhà thuốc Triệu Tín, Long Xuyên, An Giang năm 2018
812.	Đại học	Khảo sát đặc điểm hình thái, giải phẫu và định tính hoạt chất Coumarin trên cây Cỏ mực (<i>Eclipta prostrata</i> L.)	Võ Thị Kim Anh	Trí Kim Ngọc	Khảo sát đặc điểm hình thái, giải phẫu và định tính hoạt chất Coumarin trên cây Cỏ mực (<i>Eclipta prostrata</i> L.)
813.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị cao huyết áp của bệnh nhân ngoại trú tại bệnh viện đa khoa thành phố Long Xuyên.	Nguyễn Thị Bích Hạnh	Võ Huỳnh Như	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị cao huyết áp của bệnh nhân ngoại trú tại bệnh viện đa khoa thành phố Long Xuyên.
814.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị tiểu đường của bệnh nhân ngoại trú tại bệnh viện đa khoa thành phố Long Xuyên.	Lâm Trí Thành	Võ Huỳnh Như	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị tiểu đường của bệnh nhân ngoại trú tại bệnh viện đa khoa thành phố Long Xuyên.
815.	Đại học	Khảo sát thực trạng duy trì các nguyên tắc, tiêu chuẩn GPP tại các nhà thuốc trên địa bàn thị xã Bình Minh - tỉnh Vĩnh Long năm 2018	Huỳnh Thị Kim Cương	Vũ Thị Thảo Ly	Khảo sát thực trạng duy trì các nguyên tắc, tiêu chuẩn GPP tại các nhà thuốc trên địa bàn thị xã Bình Minh - tỉnh Vĩnh Long năm 2018
816.	Đại học	Khảo sát thực trạng duy trì GPP tại các nhà	Phạm Xuân Hòa	Vũ Thị Thảo Ly	Khảo sát thực trạng duy trì GPP tại các nhà

		thuốc trên địa bàn thành phố Bạc Liêu năm 2018			thuốc trên địa bàn thành phố Bạc Liêu năm 2018
817.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp cho bệnh nhân ngoại trú bảo hiểm y tế tại bệnh viện Quân Y121 năm 2018	Hồ Thị Cẩm Tú	Lưu Hoàng Minh Khoa	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp cho bệnh nhân ngoại trú bảo hiểm y tế tại bệnh viện Quân Y121 năm 2018
818.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh cơ xương khớp cho bệnh nhân ngoại trú bảo hiểm y tế tại bệnh viện Quân Y121 năm 2018	Nguyễn Thế Hải	Trần Quang Trí	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh cơ xương khớp cho bệnh nhân ngoại trú bảo hiểm y tế tại bệnh viện Quân Y121 năm 2018
819.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị Đái tháo đường cho bệnh nhân ngoại trú bảo hiểm y tế tại bệnh viện Quân Y121 năm 2018	Nguyễn Thị Cẩm Hương	Trần Quang Trí	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị Đái tháo đường cho bệnh nhân ngoại trú bảo hiểm y tế tại bệnh viện Quân Y121 năm 2018
820.	Đại học	Phân tích kết quả kinh doanh của quầy thuốc Ngọc Mai tại huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, năm 2018	Lê Quốc Bằng	Trần Quang Trí	Phân tích kết quả kinh doanh của quầy thuốc Ngọc Mai tại huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, năm 2018
821.	Đại học	Kiểm nghiệm viên nén Promethazin 15mg tại Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ Phẩm - Thực Phẩm tỉnh Bạc Liêu	Nguyễn Thanh Liêm	Lưu Thảo Phúc Trường	Kiểm nghiệm viên nén Promethazin 15mg tại Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ Phẩm - Thực Phẩm tỉnh Bạc Liêu
822.	Đại học	Kiểm nghiệm viên nén Mephebooston tại Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ Phẩm - Thực Phẩm tỉnh Bạc Liêu	Nguyễn Thành Hiệp	Lưu Thảo Phúc Trường	Kiểm nghiệm viên nén Mephebooston tại Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ Phẩm - Thực Phẩm tỉnh Bạc Liêu
823.	Đại học	Kiểm nghiệm viên nén Cimetidin stada 400mg tại Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ Phẩm - Thực Phẩm tỉnh Bạc Liêu	Nguyễn Thị Thanh Loan	Lưu Thảo Phúc Trường	Kiểm nghiệm viên nén Cimetidin stada 400mg tại Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ Phẩm - Thực Phẩm tỉnh Bạc Liêu
824.	Đại học	Kiểm nghiệm viên nén Modom's tại Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ Phẩm - Thực Phẩm tỉnh Bạc Liêu	Nguyễn Thị Mai	Lưu Thảo Phúc Trường	Kiểm nghiệm viên nén Modom's tại Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ Phẩm - Thực Phẩm tỉnh Bạc Liêu
825.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh tăng huyết áp cho bệnh	Tô Khánh Hồng	Nguyễn Thanh Huy	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh tăng huyết áp cho bệnh

		nhân ngoại trú BHYT tại BV Quân Dân Y Sóc Trăng, 2018			nhân ngoại trú BHYT tại BV Quân Dân Y Sóc Trăng, 2018
826.	Đại học	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có dược liệu chứa flavonoid tại Huyện Tân Hiệp-Kiên Giang	Đặng Thị Cẩm Lệ	Đỗ Văn Mãi	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có dược liệu chứa flavonoid tại Huyện Tân Hiệp-Kiên Giang
827.	Đại học	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có dược liệu chứa anthranoid tại Huyện Vĩnh Thạnh-TP.Cần Thơ	Nguyễn Minh Tâm	Đỗ Văn Mãi	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có dược liệu chứa anthranoid tại Huyện Vĩnh Thạnh-TP.Cần Thơ
828.	Đại học	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có dược liệu chứa tinh dầu tại tỉnh Bến Tre	Võ Thị Phương Thủy	Đỗ Văn Mãi	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có dược liệu chứa tinh dầu tại tỉnh Bến Tre
829.	Đại học	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có dược liệu chứa saponin tại TP. Cao Lãnh-Đồng Tháp	Đặng Văn Út	Đỗ Văn Mãi	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có dược liệu chứa saponin tại TP. Cao Lãnh-Đồng Tháp
830.	Đại học	Khảo sát tình hình tuân thủ điều trị đái tháo đường Type II củ bệnh nhân ngoại trú tại TTYT TP Vị Thanh năm 2018	Nguyễn Trung Hiếu	Đoàn Thanh Trúc	Khảo sát tình hình tuân thủ điều trị đái tháo đường Type II củ bệnh nhân ngoại trú tại TTYT TP Vị Thanh năm 2018
831.	Đại học	Khảo sát việc thực hành tốt phòng kiểm nghiệm thuốc của công ty cổ phần Dược Hậu Giang năm 2017	Nguyễn Vũ Phương Linh	Đoàn Thanh Trúc	Khảo sát việc thực hành tốt phòng kiểm nghiệm thuốc của công ty cổ phần Dược Hậu Giang năm 2017
832.	Đại học	Tình hình quản lý và cung ứng thuốc theo GPP tại các nhà thuốc tại đại bàn phường 9, tp Cà Mau	Lê Anh Tài	Đoàn Thanh Trúc	Tình hình quản lý và cung ứng thuốc theo GPP tại các nhà thuốc tại đại bàn phường 9, tp Cà Mau
833.	Đại học	Tình hình cung ứng thuốc theo GPP tại các nhà thuốc trên địa bàn huyện Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang	Huỳnh Thanh Thúy	Đoàn Thanh Trúc	Tình hình cung ứng thuốc theo GPP tại các nhà thuốc trên địa bàn huyện Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang
834.	Đại học	Tình hình cung ứng thuốc theo GPP tại các nhà thuốc trên địa bàn thành phố Vị Thanh	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Đoàn Thanh Trúc	Tình hình cung ứng thuốc theo GPP tại các nhà thuốc trên địa bàn thành phố Vị Thanh
835.	Đại học	Trích ly và xác định cấu trúc cafein từ trà thương phẩm	TrầnVĩ Kiện	Hà Thanh Mỹ Phương	Trích ly và xác định cấu trúc cafein từ trà thương phẩm

836.	Đại học	Trích ly và xác định hàm lượng cafein từ một số sản phẩm cà phê thương phẩm bằng phương pháp Soxhlet	Từ Thị Thanh Xuân	Hà Thanh Mỹ Phương	Trích ly và xác định hàm lượng cafein từ một số sản phẩm cà phê thương phẩm bằng phương pháp Soxhlet
837.	Đại học	Khảo sát việc sử dụng kháng sinh trên phụ nữ mang thai điều trị nội trú tại BV Sản Nhi An Giang	Lê Quang Bình	Lâm Thị Thu Quyên	Khảo sát việc sử dụng kháng sinh trên phụ nữ mang thai điều trị nội trú tại BV Sản Nhi An Giang
838.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh tăng huyết áp tại bệnh viện Đa Khoa Huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	Võ Thị Cẩm	Lê Phú Nguyên Thảo	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh tăng huyết áp tại bệnh viện Đa Khoa Huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp
839.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị viêm loét dạ dày tá tràng tại bệnh viện Đa Khoa Tâm Trí, tỉnh Đồng Tháp	Lâm Văn Huệ	Lê Phú Nguyên Thảo	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị viêm loét dạ dày tá tràng tại bệnh viện Đa Khoa Tâm Trí, tỉnh Đồng Tháp
840.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc corticoid tại khoa Nội tổng quát bệnh viện Đa Khoa Tâm Trí, tỉnh Đồng Tháp	Phạm Hoàng Duy Khánh	Lê Phú Nguyên Thảo	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc corticoid tại khoa Nội tổng quát bệnh viện Đa Khoa Tâm Trí, tỉnh Đồng Tháp
841.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh động kinh tại bệnh viện Tâm Thần, Tỉnh Đồng Tháp	Võ Hoàng Nam	Lê Phú Nguyên Thảo	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh động kinh tại bệnh viện Tâm Thần, Tỉnh Đồng Tháp
842.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh đái tháo đường tại bệnh viện Đa Khoa Huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	Hồ Thị Kim Ngân	Lê Phú Nguyên Thảo	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh đái tháo đường tại bệnh viện Đa Khoa Huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp
843.	Đại học	Khảo sát hệ thống quản lý chất lượng tại Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ Phẩm - Thực Phẩm tỉnh Cà Mau	Nguyễn Nam Miền	Lưu Thảo Phúc Trường	Khảo sát hệ thống quản lý chất lượng tại Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ Phẩm - Thực Phẩm tỉnh Cà Mau
844.	Đại học	Khảo sát hệ thống quản lý chất lượng tại Trung tâm Y tế huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	Hoàng Thái Trung	Lưu Thảo Phúc Trường	Khảo sát hệ thống quản lý chất lượng tại Trung tâm Y tế huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau
845.	Đại học	Khảo sát hệ thống quản lý chất lượng tại trung tâm kiểm nghiệm thuốc	Đỗ Thị Trúc Mai	Nguyễn Hoàng Tiến	Khảo sát hệ thống quản lý chất lượng tại trung tâm kiểm nghiệm thuốc

		- mỹ phẩm - thực phẩm tỉnh Sóc Trăng			- mỹ phẩm - thực phẩm tỉnh Sóc Trăng
846.	Đại học	Định lượng epoxiconazol bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến	Lê Hoàng Trâm Anh	Nguyễn Phước Định	Định lượng epoxiconazol bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến
847.	Đại học	Định lượng lufenuron bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến	Nguyễn Thị Kim Châu	Nguyễn Phước Định	Định lượng lufenuron bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến
848.	Đại học	Định lượng fenitrothion bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến	Nguyễn Văn Hạnh	Nguyễn Phước Định	Định lượng fenitrothion bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến
849.	Đại học	Định lượng fluopyram bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến	Lê Thị Cẩm Hương	Nguyễn Phước Định	Định lượng fluopyram bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến
850.	Đại học	Định lượng pencycuron bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến	Võ Hoàng Mỹ Linh	Nguyễn Phước Định	Định lượng pencycuron bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến
851.	Đại học	Định lượng carbosulfan bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến	Nguyễn Minh Lý	Nguyễn Phước Định	Định lượng carbosulfan bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến
852.	Đại học	Định lượng chlorfluazuron bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến	Hồ Thị Kiều Ngân	Nguyễn Phước Định	Định lượng chlorfluazuron bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến
853.	Đại học	Định lượng pretilacchlor bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến	Nguyễn Quang Rạng	Nguyễn Phước Định	Định lượng pretilacchlor bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến
854.	Đại học	Định lượng cyantraniliprole bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến	Phan Mai Thi	Nguyễn Phước Định	Định lượng cyantraniliprole bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến
855.	Đại học	Định lượng spinetoram bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến	Nguyễn Minh Xuyên	Nguyễn Phước Định	Định lượng spinetoram bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến
856.	Đại học	Khảo sát một số chế phẩm thuốc điều trị loét dạ dày tá tràng trên địa bàn tỉnh An Giang và các tương tác thuốc thường gặp	Nguyễn Thị Bích Phượng	Nguyễn Phương Thảo	Khảo sát một số chế phẩm thuốc điều trị loét dạ dày tá tràng trên địa bàn tỉnh An Giang và các tương tác thuốc thường gặp
857.	Đại học	Khảo sát một số chế phẩm thuốc điều trị ho trên địa bàn tỉnh An Giang và các tương tác	Hồ Minh Quang	Nguyễn Phương Thảo	Khảo sát một số chế phẩm thuốc điều trị ho trên địa bàn tỉnh An Giang và các tương tác

		thuốc thường gặp			thuốc thường gặp
858.	Đại học	Khảo sát tình hình thực hiện GPP tại cơ sở bán lẻ thuốc trên địa bàn huyện Vũng Liêm, Vĩnh Long, 2018	Lê Quốc Hiệp	Nguyễn Thanh Huy	Khảo sát tình hình thực hiện GPP tại cơ sở bán lẻ thuốc trên địa bàn huyện Vũng Liêm, Vĩnh Long, 2018
859.	Đại học	Khảo sát tình hình thực hiện GPP tại cơ sở bán lẻ thuốc trên địa bàn huyện Thoại Sơn, An Giang, 2018	Trần Thị Bích Trang	Nguyễn Thanh Huy	Khảo sát tình hình thực hiện GPP tại cơ sở bán lẻ thuốc trên địa bàn huyện Thoại Sơn, An Giang, 2018
860.	Đại học	Nghiên cứu tổng quan các dạng bào chế có chứa hoạt chất Paracetamol	Cao Văn Hậu	Nguyễn Thị Thúy Lan	Nghiên cứu tổng quan các dạng bào chế có chứa hoạt chất Paracetamol
861.	Đại học	Nghiên cứu tổng quan các dạng Bào chế có chứa hoạt chất Diclofenac	Trần Văn Nhơn	Nguyễn Thị Thúy Lan	Nghiên cứu tổng quan các dạng Bào chế có chứa hoạt chất Diclofenac
862.	Đại học	Nghiên cứu kỹ thuật bào chế vi nang	Phan Lan Chi	Nguyễn Thị Thúy Lan	Nghiên cứu kỹ thuật bào chế vi nang
863.	Đại học	Nghiên cứu tổng quan các kỹ thuật sản xuất viên Bao	Phạm Thị Diễm	Nguyễn Thị Thúy Lan	Nghiên cứu tổng quan các kỹ thuật sản xuất viên Bao
864.	Đại học	Nghiên cứu tổng quan về độ ổn định các dạng thuốc	Lâm Thị Thúy Oanh	Nguyễn Thị Thúy Lan	Nghiên cứu tổng quan về độ ổn định các dạng thuốc
865.	Đại học	Nghiên cứu tổng quan các dạng bào chế có chứa hoạt chất Cloramphenicol	Huỳnh Văn Quý	Nguyễn Thị Thúy Lan	Nghiên cứu tổng quan các dạng bào chế có chứa hoạt chất Cloramphenicol
866.	Đại học	Khảo sát đặc điểm hình thái, giải phẫu và định tính hoạt chất alkaloid trên cây Dừa cạn (Catharanthus roseus)	Mai Kim Chi	Nguyễn Xuân Linh	Khảo sát đặc điểm hình thái, giải phẫu và định tính hoạt chất alkaloid trên cây Dừa cạn (Catharanthus roseus)
867.	Đại học	Khảo sát đặc điểm hình thái, giải phẫu và định tính hoạt chất saponin trên cây Rau má (Centella asiatica)	Dương Như Mẫn	Nguyễn Xuân Linh	Khảo sát đặc điểm hình thái, giải phẫu và định tính hoạt chất saponin trên cây Rau má (Centella asiatica)
868.	Đại học	Khảo sát đặc điểm hình thái, giải phẫu và định tính hoạt chất tanin trên cây Ôi (Psidium guajava)	Nguyễn Thị Ánh Ngân	Nguyễn Xuân Linh	Khảo sát đặc điểm hình thái, giải phẫu và định tính hoạt chất tanin trên cây Ôi (Psidium guajava)
869.	Đại học	Khảo sát tình hình kê đơn thuốc ngoại trú tại TTYT H. Châu Thành-Tỉnh Sóc Trăng	Phan Hồng Diễm	Phạm Đoàn Vi	Khảo sát tình hình kê đơn thuốc ngoại trú tại TTYT H. Châu Thành-Tỉnh Sóc Trăng
870.	Đại học	Khảo sát thực trạng hoạt	Trần Quang	Phạm Đoàn	Khảo sát thực trạng

		động thực hành tốt quầy thuốc (GPP) tại huyện Châu Thành - tỉnh Sóc Trăng	Diệu	Vi	hoạt động thực hành tốt quầy thuốc (GPP) tại huyện Châu Thành - tỉnh Sóc Trăng
871.	Đại học	Phân tích tình hình sử dụng thuốc theo mô hình VEN/ABC tại bệnh viện Nhi Đồng Cần Thơ Quý I năm 2018	Nguyễn Thị Hoàng Yến	Phạm Đoàn Vi	Phân tích tình hình sử dụng thuốc theo mô hình VEN/ABC tại bệnh viện Nhi Đồng Cần Thơ Quý I năm 2018
872.	Đại học	Phân tích tình hình kinh doanh của nhà thuốc Ngọc Thắm, Ninh Kiều, Cần Thơ năm 2018	Thái Thị Hương Hạnh	Phạm Thành Trọng	Phân tích tình hình kinh doanh của nhà thuốc Ngọc Thắm, Ninh Kiều, Cần Thơ năm 2018
873.	Đại học	Phân tích, bình luận bệnh án suy tim độ III, nhiễm trùng tiêu hoá, COPD, tăng men gan, rối loạn lipid máu trên bệnh nhân đang điều trị tại bệnh viện	Trần Thị Mỹ Châu	Quách Thị Thu Hằng	Phân tích, bình luận bệnh án suy tim độ III, nhiễm trùng tiêu hoá, COPD, tăng men gan, rối loạn lipid máu trên bệnh nhân đang điều trị tại bệnh viện
874.	Đại học	Phân tích, bình luận bệnh án bệnh viêm dạ dày, tăng huyết áp trên bệnh nhân viêm dạ dày, tăng huyết áp đang điều trị tại Trung tâm y tế quân huyện Lấp Vò	Đỗ Thị Thanh Châu	Quách Thị Thu Hằng	Phân tích, bình luận bệnh án bệnh viêm dạ dày, tăng huyết áp trên bệnh nhân viêm dạ dày, tăng huyết áp đang điều trị tại Trung tâm y tế quân huyện Lấp Vò
875.	Đại học	Phân tích, bình luận bệnh án tai biến mạch máu não, tăng huyết áp, nhiễm trùng tiêu trên bệnh nhân tai biến mạch máu não, tăng huyết áp, nhiễm trùng tiêu đang điều trị tại bệnh viện ĐK tỉnh Kiên Giang	Dương Thị Kim Hoa	Quách Thị Thu Hằng	Phân tích, bình luận bệnh án tai biến mạch máu não, tăng huyết áp, nhiễm trùng tiêu trên bệnh nhân tai biến mạch máu não, tăng huyết áp, nhiễm trùng tiêu đang điều trị tại bệnh viện ĐK tỉnh Kiên Giang
876.	Đại học	Phân tích, bình luận bệnh án tăng huyết áp vô căn, viêm họng cấp, rối loạn giấc ngủ, bệnh tim thiếu máu cục bộ mạn, thoái hóa cột sống thắt lưng, đau lưng kèm đau dây thần kinh tọa trên bệnh nhân đang điều trị tại Trung tâm y tế quân Cái Răng	Lâm Ngọc Nhiều	Quách Thị Thu Hằng	Phân tích, bình luận bệnh án tăng huyết áp vô căn, viêm họng cấp, rối loạn giấc ngủ, bệnh tim thiếu máu cục bộ mạn, thoái hóa cột sống thắt lưng, đau lưng kèm đau dây thần kinh tọa trên bệnh nhân đang điều trị tại Trung tâm y tế quân Cái Răng
877.	Đại học	Phân tích, bình luận bệnh án nhiễm trùng đường hô hấp trên cấp tính trên bệnh nhân	Nguyễn Thị Tuyết Thanh	Quách Thị Thu Hằng	Phân tích, bình luận bệnh án nhiễm trùng đường hô hấp trên cấp tính trên bệnh nhân

		nhiễm trùng đường hô hấp trên đang điều trị tại Trung tâm y tế quân Cái Răng			nhiễm trùng đường hô hấp trên đang điều trị tại Trung tâm y tế quân Cái Răng
878.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị viêm dạ dày tại Trung Tâm Y Tế Quận Bình Tân	Nguyễn Thị Nguyệt Triều	Quách Thị Thu Hằng	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị viêm dạ dày tại Trung Tâm Y Tế Quận Bình Tân
879.	Đại học	Tổng quan tài liệu chiết xuất Saponin từ rau má (Centella Asiatica) và ứng dụng trong sản xuất thực phẩm chức năng.	Lê Chí Nguyễn	Tào Việt Hà	Tổng quan tài liệu chiết xuất Saponin từ rau má (Centella Asiatica) và ứng dụng trong sản xuất thực phẩm chức năng.
880.	Đại học	Tổng quan tài liệu về hợp chất Flavonoid và sản xuất Trà lá sen	Lý Âu Quốc	Tào Việt Hà	Tổng quan tài liệu về hợp chất Flavonoid và sản xuất Trà lá sen
881.	Đại học	Khảo sát vai trò của Vitamin C tác động đến sức khỏe con người	Nguyễn Văn Hiện	Thiều Văn Đường	Khảo sát vai trò của Vitamin C tác động đến sức khỏe con người
882.	Đại học	Khảo sát vai trò của Vitamin Bc tác động đến sức khỏe con người	Võ Xuân Hồng	Thiều Văn Đường	Khảo sát vai trò của Vitamin Bc tác động đến sức khỏe con người
883.	Đại học	Khảo sát vai trò của Vitamin K tác động đến sức khỏe con người	Lê Thái Trường Kha	Thiều Văn Đường	Khảo sát vai trò của Vitamin K tác động đến sức khỏe con người
884.	Đại học	Khảo sát vai trò của Vitamin A tác động đến sức khỏe con người	Trần Văn Khả	Thiều Văn Đường	Khảo sát vai trò của Vitamin A tác động đến sức khỏe con người
885.	Đại học	Khảo sát vai trò của Vitamin D tác động đến sức khỏe con người	Mai Anh Kiệt	Thiều Văn Đường	Khảo sát vai trò của Vitamin D tác động đến sức khỏe con người
886.	Đại học	Khảo sát vai trò của Vitamin E tác động đến sức khỏe con người	Ngô Vị Nghiệp	Thiều Văn Đường	Khảo sát vai trò của Vitamin E tác động đến sức khỏe con người
887.	Đại học	Khảo sát vai trò của Hormon Thyrosin tác động đến sức khỏe con người	Dương Hồng Nhựt	Thiều Văn Đường	Khảo sát vai trò của Hormon Thyrosin tác động đến sức khỏe con người
888.	Đại học	Khảo sát vai trò của Vitamin Q tác động đến sức khỏe con người	Lưu Thị Hồng Thắm	Thiều Văn Đường	Khảo sát vai trò của Vitamin Q tác động đến sức khỏe con người
889.	Đại học	Khảo sát vai trò của Vitamin B15 tác động đến sức khỏe con người	Nguyễn Ngọc Kim Trang	Thiều Văn Đường	Khảo sát vai trò của Vitamin B15 tác động đến sức khỏe con người
890.	Đại học	Khảo sát vai trò của Vitamin B2 tác động đến sức khỏe con người	Dương Thị Linh Trang	Thiều Văn Đường	Khảo sát vai trò của Vitamin B2 tác động đến sức khỏe con người
891.	Đại học	Nghiên cứu đánh giá thực trạng công tác dược tại Trung Tâm Y Tế	Lê Ngọc Thảo	Trầm Hạnh Dung	Nghiên cứu đánh giá thực trạng công tác dược tại Trung Tâm Y

		Huyện Châu Thành Tỉnh Hậu Giang năm 2018			Tê Huyện Châu Thành Tỉnh Hậu Giang năm 2018
892.	Đại học	Khảo sát tình hình thực hiện GPP tại cơ sở bán lẻ thuốc trên địa bàn TP. Sóc Trăng, 2018	Nguyễn Thị Ánh Xuân	Trần Quang Trí	Khảo sát tình hình thực hiện GPP tại cơ sở bán lẻ thuốc trên địa bàn TP. Sóc Trăng, 2018
893.	Đại học	Khảo sát các chế phẩm nguồn gốc từ dược liệu có tác dụng trên gan tại Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ	Hoàng Thị Thu Linh	Tri Kim Ngọc	Khảo sát các chế phẩm nguồn gốc từ dược liệu có tác dụng trên gan tại Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ
894.	Đại học	Khảo sát các chế phẩm nguồn gốc từ dược liệu có tác dụng an thần tại huyện Lấp Vò, Đồng Tháp	Võ Huỳnh Yên	Tri Kim Ngọc	Khảo sát các chế phẩm nguồn gốc từ dược liệu có tác dụng an thần tại huyện Lấp Vò, Đồng Tháp
895.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp tại bệnh viện đa khoa Thanh Vũ Medic Bạc Liêu.	Nguyễn Văn Tiết	Võ Huỳnh Nhu	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp tại bệnh viện đa khoa Thanh Vũ Medic Bạc Liêu.
896.	Đại học	Nghiên cứu bào chế viên nén albendazole 200mg	Nguyễn Thị Châm	Võ Phước Hải	Nghiên cứu bào chế viên nén albendazole 200mg
897.	Đại học	Nghiên cứu bào chế viên nén cetirizin 10mg	Trần Thị Bích Châu	Võ Phước Hải	Nghiên cứu bào chế viên nén cetirizin 10mg
898.	Đại học	Nghiên cứu bào chế viên nén ciprofloxacin 500mg	Trần Văn Dĩ	Võ Phước Hải	Nghiên cứu bào chế viên nén ciprofloxacin 500mg
899.	Đại học	Nghiên cứu bào chế viên nén fexofenadin 60mg	Nguyễn Thị Thanh Liễu	Võ Phước Hải	Nghiên cứu bào chế viên nén fexofenadin 60mg
900.	Đại học	Nghiên cứu bào chế viên nén losartan 50mg	Nguyễn Văn Thắng	Võ Phước Hải	Nghiên cứu bào chế viên nén losartan 50mg
901.	Đại học	Nghiên cứu bào chế viên nén pantoprazol 40mg	Trương Thanh Toàn	Võ Phước Hải	Nghiên cứu bào chế viên nén pantoprazol 40mg
902.	Đại học	Nghiên cứu bào chế viên nén metformin 500mg	Lê Kiều Trang	Võ Phước Hải	Nghiên cứu bào chế viên nén metformin 500mg
903.	Đại học	Nghiên cứu bào chế viên nén nifedipin 10mg	Nguyễn Thành Văn	Võ Phước Hải	Nghiên cứu bào chế viên nén nifedipin 10mg
904.	Đại học	Chăm sóc dược cho bệnh nhân thoái hóa khớp tại trung tâm y tế thị xã Bình Minh	Nguyễn Thị Thùy Dương	Võ Thị Minh Ngọc	Chăm sóc dược cho bệnh nhân thoái hóa khớp tại trung tâm y tế thị xã Bình Minh
905.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc tại nhà thuốc bệnh viện y học cổ truyền thành phố Cần	Nguyễn Trúc Phong	Võ Thị Minh Ngọc	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc tại nhà thuốc bệnh viện y học cổ truyền thành phố

		Thơ năm 2017			Cần Thơ năm 2017
906.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc kháng sinh trong điều trị nội trú tại Trung Tâm Y Tế Huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang năm 2017	Nguyễn Thị Mộng Thương	Võ Thị Minh Ngọc	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc kháng sinh trong điều trị nội trú tại Trung Tâm Y Tế Huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang năm 2017
907.	Đại học	Khảo sát tình hình kê đơn thuốc ngoại trú tại quầy BHYT bệnh viện Nhi Đồng Cần Thơ	Trần Thanh Thảo	Vũ Thị Bình	Khảo sát tình hình kê đơn thuốc ngoại trú tại quầy BHYT bệnh viện Nhi Đồng Cần Thơ
908.	Đại học	Khảo sát thực trạng hoạt động thực hành tốt quầy thuốc (GPP) tại thị Trấn Lấp Vò. H. Lấp Vò, Đồng Tháp	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Vũ Thị Bình	Khảo sát thực trạng hoạt động thực hành tốt quầy thuốc (GPP) tại thị Trấn Lấp Vò. H. Lấp Vò, Đồng Tháp
909.	Đại học	Tình hình tiêm chủng của trẻ dưới 1 tuổi tại Trung tâm Y tế xã Tân Thành, Huyện Lai Vung, Đồng Tháp năm 2017 -2018	Võ Thanh	Nguyễn Thị Hồng Nguyên	Tình hình tiêm chủng của trẻ dưới 1 tuổi tại Trung tâm Y tế xã Tân Thành, Huyện Lai Vung, Đồng Tháp năm 2017 -2018
910.	Đại học	Khảo sát kiến thức và thực hành về bệnh tiêu chảy cấp của bà mẹ có con dưới 5 tuổi tại khoa Nhiễm bệnh viện Nhi Đồng Thành phố Cần Thơ năm 2018	Nguyễn Võ Thanh	Trần Trúc Linh	Khảo sát kiến thức và thực hành về bệnh tiêu chảy cấp của bà mẹ có con dưới 5 tuổi tại khoa Nhiễm bệnh viện Nhi Đồng Thành phố Cần Thơ năm 2018
911.	Đại học	Khảo sát kiến thức, thực hành về an toàn truyền máu của điều dưỡng tại bệnh viện Đa khoa Thành phố Cần Thơ năm 2018	Nguyễn Thị Nhựt	Trần Trúc Linh	Khảo sát kiến thức, thực hành về an toàn truyền máu của điều dưỡng tại bệnh viện Đa khoa Thành phố Cần Thơ năm 2018
912.	Đại học	Khảo sát kiến thức, thái độ, thực hành về chăm sóc, dự phòng bệnh đái tháo đường của bệnh nhân tại đơn vị tim mạch bệnh viện đa khoa Hoàn Mỹ Cửu Long, năm 2018	Nguyễn Ánh	Nghị Ngô Lan Vi	Khảo sát kiến thức, thái độ, thực hành về chăm sóc, dự phòng bệnh đái tháo đường của bệnh nhân tại đơn vị tim mạch bệnh viện đa khoa Hoàn Mỹ Cửu Long, năm 2018
913.	Đại học	Khảo sát tình trạng nhiễm khuẩn vết mổ và các yếu tố liên quan ở bệnh nhân tại khoa ngoại chấn thương bệnh viện đa khoa thành phố Cần Thơ	Trần Thị Kim Hân	Ngô Kim Phụng	Khảo sát tình trạng nhiễm khuẩn vết mổ và các yếu tố liên quan ở bệnh nhân tại khoa ngoại chấn thương bệnh viện đa khoa thành phố Cần Thơ
914.	Đại học	Đánh giá mức độ đau của bệnh nhân sau phẫu	Nguyễn Thị Cẩm Huỳnh	Ngô Kim Phụng	Đánh giá mức độ đau của bệnh nhân sau phẫu

		thuật mũi xoang tại khoa TMH bệnh viện ĐKTU Cần Thơ năm 2017.			thuật mũi xoang tại khoa TMH bệnh viện ĐKTU Cần Thơ năm 2017.
915.	Đại học	Khảo sát sự tuân thủ điều trị của bệnh nhân tăng huyết áp tại bệnh viện đa khoa trung ương Cần Thơ.	Đào Trần Diễm My	Ngô Kim Phụng	Khảo sát sự tuân thủ điều trị của bệnh nhân tăng huyết áp tại bệnh viện đa khoa trung ương Cần Thơ.
916.	Đại học	Khảo sát kiến thức về cách sử dụng thuốc cho người bệnh tiểu đường và chăm sóc người bệnh tiểu đường.	Bùi Thị Thanh Thúy	Ngô Kim Phụng	Khảo sát kiến thức về cách sử dụng thuốc cho người bệnh tiểu đường và chăm sóc người bệnh tiểu đường.
917.	Đại học	Khảo sát vận động sau mổ ở bệnh nhân khoa ngoại của bệnh viện Đa Khoa Thành Phố Cần Thơ	Trần Thị Hoàng Yến	Ngô Kim Phụng	Khảo sát vận động sau mổ ở bệnh nhân khoa ngoại của bệnh viện Đa Khoa Thành Phố Cần Thơ
918.	Đại học	Thực trạng chăm sóc dinh dưỡng và tuân thủ điều trị của bệnh nhân viêm loét dạ dày - tá tràng tại bệnh viện Đa khoa tỉnh Hậu Giang năm 2018	Võ Thị Ngọc Hân	Nguyễn Thị Hồng Nguyên	Thực trạng chăm sóc dinh dưỡng và tuân thủ điều trị của bệnh nhân viêm loét dạ dày - tá tràng tại bệnh viện Đa khoa tỉnh Hậu Giang năm 2018
919.	Đại học	Nghiên cứu thực trạng nuôi con bằng sữa mẹ của các bà mẹ tại Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ năm 2018	Lê Ngọc Hương	Nguyễn Thị Hồng Nguyên	Nghiên cứu thực trạng nuôi con bằng sữa mẹ của các bà mẹ tại Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ năm 2018
920.	Đại học	Tình hình nuôi dưỡng trẻ dưới 5 tuổi tại Quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ năm 2018	Lê Thúy Ngân	Nguyễn Thị Hồng Nguyên	Tình hình nuôi dưỡng trẻ dưới 5 tuổi tại Quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ năm 2018
921.	Đại học	Khảo sát kiến thức chăm sóc và phòng ngừa bệnh viêm khớp dạng thấp của bệnh nhân tại Bệnh viện Đa khoa Long Mỹ, Hậu giang năm 2018.	Phan Thị Hải Nghi	Nguyễn Thị Hồng Nguyên	Khảo sát kiến thức chăm sóc và phòng ngừa bệnh viêm khớp dạng thấp của bệnh nhân tại Bệnh viện Đa khoa Long Mỹ, Hậu giang năm 2018.
922.	Đại học	Tìm hiểu kiến thức về chế độ dinh dưỡng của bệnh nhân ĐTĐ đang điều trị tại khoa nội, Bệnh viện ĐK Thành phố Cần Thơ năm 2018	Nguyễn Văn Minh Thành	Nguyễn Thị Hồng Nguyên	Tìm hiểu kiến thức về chế độ dinh dưỡng của bệnh nhân ĐTĐ đang điều trị tại khoa nội, Bệnh viện ĐK Thành phố Cần Thơ năm 2018
923.	Đại học	Tìm hiểu kiến thức về bệnh Đục thủy tinh thể của bệnh nhân đang điều trị tại Khoa Mắt, BV	Võ Thị Mỹ Duyên	Nguyễn Thị Hồng Nguyên	Tìm hiểu kiến thức về bệnh Đục thủy tinh thể của bệnh nhân đang điều trị tại Khoa Mắt, BV

		ĐK Trung Ương Cần Thơ năm 2018			BV ĐK Trung Ương Cần Thơ năm 2018
924.	Đại học	Thực hành chăm sóc dinh dưỡng của bà mẹ có con dưới 1 tuổi tại Trạm y tế Phường Lê Bình, Quận Cái Răng năm 2018	Trương Thị Lanh	Nguyễn Thị Hồng Nguyên	Thực hành chăm sóc dinh dưỡng của bà mẹ có con dưới 1 tuổi tại Trạm y tế Phường Lê Bình, Quận Cái Răng năm 2018
925.	Đại học	Khảo sát kiến thức về phòng bệnh sốt xuất huyết của các bà mẹ có con dưới 5 tuổi tại Phường Lê Bình năm 2018.	Mai Quỳnh Như	Nguyễn Thị Hồng Nguyên	Khảo sát kiến thức về phòng bệnh sốt xuất huyết của các bà mẹ có con dưới 5 tuổi tại Phường Lê Bình năm 2018.
926.	Đại học	Tìm hiểu về kiến thức về sức khỏe sinh sản của học sinh khối lớp 12 trường Trần Đại Nghĩa, Cần Thơ năm 2017	Nguyễn Thị Hồng Phương	Nguyễn Thị Hồng Nguyên	Tìm hiểu về kiến thức về sức khỏe sinh sản của học sinh khối lớp 12 trường Trần Đại Nghĩa, Cần Thơ năm 2017
927.	Đại học	Khảo sát kiến thức về chế độ dinh dưỡng sau mổ của người bệnh tại bệnh viện Đa khoa TP. Cần Thơ năm 2018	Huỳnh Phúc Đạt	Nguyễn Thị Hồng Nguyên	Khảo sát kiến thức về chế độ dinh dưỡng sau mổ của người bệnh tại bệnh viện Đa khoa TP. Cần Thơ năm 2018
928.	Đại học	Thực hành chăm sóc vết thương của điều dưỡng tại Khoa Ngoại BVĐK Thị Xã Ngã Bảy, Hậu Giang năm 2017	Nguyễn Công Cảnh	Nguyễn Thị Hồng Nguyên	Thực hành chăm sóc vết thương của điều dưỡng tại Khoa Ngoại BVĐK Thị Xã Ngã Bảy, Hậu Giang năm 2017
929.	Đại học	Khảo sát kiến thức và thực hành về bệnh tăng huyết áp của bệnh nhân tại khoa nội bệnh viện đa khoa huyện Châu Phú tỉnh An Giang năm 2018	Trần Thị Như Bình	Trần Trúc Linh	Khảo sát kiến thức và thực hành về bệnh tăng huyết áp của bệnh nhân tại khoa nội bệnh viện đa khoa huyện Châu Phú tỉnh An Giang năm 2018
930.	Đại học	Khảo sát kiến thức và thực hành về chăm sóc sau sinh của các sản phụ tại khoa sản, bệnh viện Quân Y 121 năm 2018	Khru Thị Chi	Trần Trúc Linh	Khảo sát kiến thức và thực hành về chăm sóc sau sinh của các sản phụ tại khoa sản, bệnh viện Quân Y 121 năm 2018
931.	Đại học	Nghiên cứu kiến thức, thực hành về chăm sóc và điều trị ở bệnh nhân mụn trứng cá tại bệnh viện Da liễu Cần Thơ năm 2018.	Tăng Hoàng Dũng	Trần Trúc Linh	Nghiên cứu kiến thức, thực hành về chăm sóc và điều trị ở bệnh nhân mụn trứng cá tại bệnh viện Da liễu Cần Thơ năm 2018.
932.	Đại học	Khảo sát kiến thức và thực hành về chăm sóc bệnh nhân sốt xuất huyết Dengue tại khoa	Phan Mỹ Kim	Trần Trúc Linh	Khảo sát kiến thức và thực hành về chăm sóc bệnh nhân sốt xuất huyết Dengue tại khoa

		nhiễm, bệnh viện Đa Khoa Thành Phố Cần Thơ năm 2018			nhiễm, bệnh viện Đa Khoa Thành Phố Cần Thơ năm 2018
933.	Đại học	Khảo sát kiến thức và thực hành về bệnh tay-chân- miệng của các bà mẹ tại Khoa Nhiễm bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố Cần Thơ năm 2018	Hồ Thị Mỹ	Trần Trúc Linh	Khảo sát kiến thức và thực hành về bệnh tay-chân- miệng của các bà mẹ tại Khoa Nhiễm bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố Cần Thơ năm 2018
934.	Đại học	Khảo sát kiến thức về bệnh viêm phổi của bệnh nhân tại khoa nội hô hấp bệnh viện đa khoa thành phố Cần Thơ năm 2018	Lê Văn Nhất	Trần Trúc Linh	Khảo sát kiến thức về bệnh viêm phổi của bệnh nhân tại khoa nội hô hấp bệnh viện đa khoa thành phố Cần Thơ năm 2018
935.	Đại học	Nghiên cứu kiến thức và thực hành về chăm sóc và điều trị bệnh đái tháo đường của bệnh nhân tại khoa Ngoại Tổng quát, bệnh viện Đa khoa Thành phố Cần Thơ năm 2018	Lý Minh Úi	Trần Trúc Linh	Nghiên cứu kiến thức và thực hành về chăm sóc và điều trị bệnh đái tháo đường của bệnh nhân tại khoa Ngoại Tổng quát, bệnh viện Đa khoa Thành phố Cần Thơ năm 2018
936.	Đại học	Khảo sát kiến thức, thực hành về phòng chống HIV/AIDS của học sinh trường Trung học phổ thông Lương Đình Của, tỉnh Sóc Trăng năm 2018	Lâm Hoài Phương	Trần Trúc Linh	Khảo sát kiến thức, thực hành về phòng chống HIV/AIDS của học sinh trường Trung học phổ thông Lương Đình Của, tỉnh Sóc Trăng năm 2018
937.	Đại học	Khảo sát kiến thức về nuôi con bằng sữa mẹ của các bà mẹ có con dưới 2 tuổi tại Trại Y tế Xã Tân An Luông, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long, năm 2018.	Nguyễn Phan Hoài Thông	Trần Trúc Linh	Khảo sát kiến thức về nuôi con bằng sữa mẹ của các bà mẹ có con dưới 2 tuổi tại Trại Y tế Xã Tân An Luông, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long, năm 2018.
938.	Đại học	Khảo sát kiến thức và thực hành về chăm sóc bệnh tăng huyết áp của bệnh nhân ở khoa nội tim mạch, bệnh viện Đa khoa Thành phố Cần Thơ năm 2018	Ngô Thị Thảo Trang	Trần Trúc Linh	Khảo sát kiến thức và thực hành về chăm sóc bệnh tăng huyết áp của bệnh nhân ở khoa nội tim mạch, bệnh viện Đa khoa Thành phố Cần Thơ năm 2018
939.	Đại học	Khảo sát kiến thức, thực hành về bệnh mụn trứng cá của học sinh trường THPT Phú Hữu, Hậu Giang năm 2018	Nguyễn Vũ Trường	Trần Trúc Linh	Khảo sát kiến thức, thực hành về bệnh mụn trứng cá của học sinh trường THPT Phú Hữu, Hậu Giang năm 2018

940.	Đại học	Tìm hiểu kiến thức, thực hành về chăm sóc và điều trị của bệnh nhân sau mổ Viêm ruột thừa tại Khoa ngoại tổng quát, bệnh Viện Đa khoa Thành Phố Cần Thơ năm 2018	Lê Thúy Vi	Trần Trúc Linh	Tìm hiểu kiến thức, thực hành về chăm sóc và điều trị của bệnh nhân sau mổ Viêm ruột thừa tại Khoa ngoại tổng quát, bệnh Viện Đa khoa Thành Phố Cần Thơ năm 2018
941.	Đại học	Nghiên cứu kiến thức và thực hành về phòng chống Sốt Xuất Huyết Dengue của người dân tại ấp Bình Hoà, thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang năm 2018	Trương Hà Mai Xuân	Trần Trúc Linh	Nghiên cứu kiến thức và thực hành về phòng chống Sốt Xuất Huyết Dengue của người dân tại ấp Bình Hoà, thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang năm 2018
942.	Đại học	Khảo sát kiến thức về chăm sóc trẻ bị bệnh viêm phổi của bà mẹ có con dưới 5 tuổi tại xã Xuân Thắng, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ năm 2018	Phan Phương Thảo	Trần Trúc Linh	Khảo sát kiến thức về chăm sóc trẻ bị bệnh viêm phổi của bà mẹ có con dưới 5 tuổi tại xã Xuân Thắng, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ năm 2018
943.	Đại học	Khảo sát kiến thức, thực hành về việc sổ giun định kỳ cho trẻ của các cặp vợ chồng có con trong độ tuổi từ 2 đến 10 tại phường Lê Bình quận Cái Răng thành phố Cần Thơ năm 2018.	Ngô An Bình	Nguyễn Thị Mai Duyên	Khảo sát kiến thức, thực hành về việc sổ giun định kỳ cho trẻ của các cặp vợ chồng có con trong độ tuổi từ 2 đến 10 tại phường Lê Bình quận Cái Răng thành phố Cần Thơ năm 2018.
944.	Đại học	Khảo sát kiến thức, thực hành về phòng ngừa biến chứng tăng huyết áp của bệnh nhân tăng huyết áp đang điều trị tại khoa tim mạch tim mạch An Giang năm 2018	Trương Dương Kim Ngân	Nguyễn Thị Mai Duyên	Khảo sát kiến thức, thực hành về phòng ngừa biến chứng tăng huyết áp của bệnh nhân tăng huyết áp đang điều trị tại khoa tim mạch tim mạch An Giang năm 2018
945.	Đại học	Khảo sát kiến thức về bệnh viêm loét dạ dày của người dân từ 20 – 60 tuổi tại phường Lê Bình quận Cái Răng thành phố Cần Thơ năm 2018	Nguyễn Thị Thu Trang	Nguyễn Thị Mai Duyên	Khảo sát kiến thức về bệnh viêm loét dạ dày của người dân từ 20 – 60 tuổi tại phường Lê Bình quận Cái Răng thành phố Cần Thơ năm 2018
946.	Đại học	Khảo sát kiến thức, thực hành về phòng ngừa bệnh sốt xuất huyết của các bà mẹ có con trong độ tuổi từ 1 đến 15 tại Ấp Vĩnh Tiến thị trấn	Lê Thị Thanh Nguyên	Nguyễn Thị Mai Duyên	Khảo sát kiến thức, thực hành về phòng ngừa bệnh sốt xuất huyết của các bà mẹ có con trong độ tuổi từ 1 đến 15 tại Ấp Vĩnh Tiến thị trấn

		Cái Dầu, tỉnh An Giang năm 2018.			Cái Dầu, tỉnh An Giang năm 2018.
947.	Đại học	Khảo sát kiến thức, thực hành về phòng ngừa bệnh viêm gan siêu vi B của bệnh nhân đang điều trị tại khoa Tiêu hóa bệnh viện đa khoa thành phố Cần Thơ năm 2018	Võ Thị Yến Nhi	Nguyễn Thị Mai Duyên	Khảo sát kiến thức, thực hành về phòng ngừa bệnh viêm gan siêu vi B của bệnh nhân đang điều trị tại khoa Tiêu hóa bệnh viện đa khoa thành phố Cần Thơ năm 2018
948.	Đại học	Khảo sát kiến thức, thực hành về phòng bệnh viêm, loét dạ dày của bệnh nhân đang điều trị tại khoa tiêu hóa BVĐK thị trấn An Giang năm 2018	Lê Hoàng Diễm Trinh	Nguyễn Thị Mai Duyên	Khảo sát kiến thức, thực hành về phòng bệnh viêm, loét dạ dày của bệnh nhân đang điều trị tại khoa tiêu hóa BVĐK thị trấn An Giang năm 2018
949.	Đại học	Khảo sát thực trạng sử dụng các biện pháp tránh thai của phụ nữ trong độ tuổi từ 20 đến 40 tuổi tại xã Hiệp Xương, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang năm 2018.	Nguyễn Thị Như Ý	Nguyễn Thị Mai Duyên	Khảo sát thực trạng sử dụng các biện pháp tránh thai của phụ nữ trong độ tuổi từ 20 đến 40 tuổi tại xã Hiệp Xương, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang năm 2018.
950.	Đại học	Khảo sát kiến thức về sức khỏe sinh sản của học sinh cấp 3 trường PTTT Nguyễn Việt Dũng quận Cái Răng thành phố Cần Thơ năm 2018	Nguyễn Thị Hải Yến	Nguyễn Thị Mai Duyên	Khảo sát kiến thức về sức khỏe sinh sản của học sinh cấp 3 trường PTTT Nguyễn Việt Dũng quận Cái Răng thành phố Cần Thơ năm 2018
951.	Đại học	Thực trạng nhận thức về bệnh HIV của người dân khi đến khám bệnh tại đa khoa thành phố Cần Thơ năm 2018	Dương Thị Yến	Nguyễn Thị Mai Duyên	Thực trạng nhận thức về bệnh HIV của người dân khi đến khám bệnh tại đa khoa thành phố Cần Thơ năm 2018
952.	Đại học	Khảo sát kiến thức, thực hành về phòng bệnh tăng huyết áp của người dân trong độ tuổi từ 25 đến 40 tại khoa khám bệnh bệnh viện ĐKTP Cần Thơ năm 2018	Võ Thị Thảo Nguyên	Nguyễn Thị Mai Duyên	Khảo sát kiến thức, thực hành về phòng bệnh tăng huyết áp của người dân trong độ tuổi từ 25 đến 40 tại khoa khám bệnh bệnh viện ĐKTP Cần Thơ năm 2018
953.	Đại học	Khảo sát kiến thức về bệnh gout của người dân xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, năm 2018	Thạch Thị Hoàn Ni	Nghị Ngô Lan Vi	Khảo sát kiến thức về bệnh gout của người dân xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, năm 2018
954.	Đại học	Khảo sát kiến thức, thực hành dự phòng bệnh tay chân miệng của người	Hà Thị Tơ	Nghị Ngô Lan Vi	Khảo sát kiến thức, thực hành dự phòng bệnh tay chân miệng của người

		dân tại xã Long Hữu, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, năm 2018			dân tại xã Long Hữu, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, năm 2018
955.	Đại học	Khảo sát kiến thức về bệnh viêm phổi trẻ em của người nhà có con dưới 5 tuổi tại khoa Khám, bệnh viện nhi đồng thành phố Cần Thơ, năm 2018	Trịnh Hồng Anh	Nghị Ngô Lan Vi	Khảo sát kiến thức về bệnh viêm phổi trẻ em của người nhà có con dưới 5 tuổi tại khoa Khám, bệnh viện nhi đồng thành phố Cần Thơ, năm 2018
956.	Đại học	Khảo sát kiến thức, thái độ và thực hành dự phòng bệnh ung thư cổ tử cung của học sinh trường THPT Châu Thành A, thị trấn Một Ngàn, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, năm 2018.	Lê Thị Ngọc Diễm	Nghị Ngô Lan Vi	Khảo sát kiến thức, thái độ và thực hành dự phòng bệnh ung thư cổ tử cung của học sinh trường THPT Châu Thành A, thị trấn Một Ngàn, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, năm 2018.
957.	Đại học	Khảo sát kiến thức, thái độ, thực hành về tiêm chủng mở rộng của các bà mẹ tại khoa khám, bệnh viện nhi đồng thành phố Cần Thơ, năm 2018	Khuru Thanh Diễm	Nghị Ngô Lan Vi	Khảo sát kiến thức, thái độ, thực hành về tiêm chủng mở rộng của các bà mẹ tại khoa khám, bệnh viện nhi đồng thành phố Cần Thơ, năm 2018
958.	Đại học	Khảo sát kiến thức và thực hành dự phòng bệnh cao huyết áp của người dân tại xã An Trạch, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu, năm 2018.	Mai Kim Huệ	Nghị Ngô Lan Vi	Khảo sát kiến thức và thực hành dự phòng bệnh cao huyết áp của người dân tại xã An Trạch, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu, năm 2018.
959.	Đại học	Khảo sát kiến thức về bệnh sốt xuất huyết Dengue của người dân xã Vĩnh Nhuận, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, năm 2018	Trần Kim Minh	Nghị Ngô Lan Vi	Khảo sát kiến thức về bệnh sốt xuất huyết Dengue của người dân xã Vĩnh Nhuận, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, năm 2018
960.	Đại học	Khảo sát kiến thức về bệnh viêm gan siêu vi B của bệnh nhân tại khoa nội tổng hợp, bệnh viện đa khoa thành phố Cần Thơ năm 2018.	Hứa Hoàng Phong	Nghị Ngô Lan Vi	Khảo sát kiến thức về bệnh viêm gan siêu vi B của bệnh nhân tại khoa nội tổng hợp, bệnh viện đa khoa thành phố Cần Thơ năm 2018.
961.	Đại học	Khảo sát kiến thức về bệnh viêm loét dạ dày tá tràng của người dân tại xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, năm 2018	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	Nghị Ngô Lan Vi	Khảo sát kiến thức về bệnh viêm loét dạ dày tá tràng của người dân tại xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, năm 2018

962.	Đại học	Khảo sát tình hình rửa tay của nhân viên y tế tại các khoa lâm sàng bệnh viện đa khoa tỉnh Hậu Giang	Đỗ Tất Bắc	Nguyễn Thị Mai Duyên	Khảo sát tình hình rửa tay của nhân viên y tế tại các khoa lâm sàng bệnh viện đa khoa tỉnh Hậu Giang
963.	Đại học	Khảo sát sự hài lòng của bệnh nhân điều trị nội trú tại trung tâm y tế huyện Phong Điền thành phố Cần Thơ năm 2017	Dương Văn Cảnh	Ngô Kim Phụng	Khảo sát sự hài lòng của bệnh nhân điều trị nội trú tại trung tâm y tế huyện Phong Điền thành phố Cần Thơ năm 2017
964.	Đại học	Khảo sát thực hành tiêm bắp và tiêm tĩnh mạch của điều dưỡng bệnh viện đa khoa Hoàn Mỹ Cửu Long, năm 2018	Nguyễn Thị Hồng Diễm	Nghị Ngô Lan Vi	Khảo sát thực hành tiêm bắp và tiêm tĩnh mạch của điều dưỡng bệnh viện đa khoa Hoàn Mỹ Cửu Long, năm 2018
965.	Đại học	Đánh giá thực trạng việc thực hiện quy trình tiêm tĩnh mạch của điều dưỡng tại bệnh viện nhi đồng Cần Thơ năm 2017	Lê Ngọc Diệp	Hoàng Thị Yên	Đánh giá thực trạng việc thực hiện quy trình tiêm tĩnh mạch của điều dưỡng tại bệnh viện nhi đồng Cần Thơ năm 2017
966.	Đại học	Khảo sát kiến thức về chăm sóc bệnh nhi viêm phổi của các bà mẹ tại khoa hồi sức tích cực-chống độc, bệnh viện nhi đồng Cần Thơ năm 2017	Hồ Tấn Bảo Đông	Ngô Kim Phụng	Khảo sát kiến thức về chăm sóc bệnh nhi viêm phổi của các bà mẹ tại khoa hồi sức tích cực-chống độc, bệnh viện nhi đồng Cần Thơ năm 2017
967.	Đại học	Đánh giá kiến thức về bệnh tay chân miệng của điều dưỡng tại bệnh viện nhi đồng Cần Thơ, năm 2017	Tạ Thị Thu Hà	Hoàng Thị Yên	Đánh giá kiến thức về bệnh tay chân miệng của điều dưỡng tại bệnh viện nhi đồng Cần Thơ, năm 2017
968.	Đại học	Khảo sát kiến thức, thái độ của bà mẹ có con bị sốt cao co giật tại khoa nội tổng hợp, bệnh viện nhi đồng Cần Thơ, năm 2017	Phan Thị Kiều Hạnh	Nguyễn Thị Thúy An	Khảo sát kiến thức, thái độ của bà mẹ có con bị sốt cao co giật tại khoa nội tổng hợp, bệnh viện nhi đồng Cần Thơ, năm 2017
969.	Đại học	Thời gian, vị trí và những biến chứng thường gặp khi lưu kim luồn tĩnh mạch ngoại biên số 24 tại khoa nhi bệnh viện Hoàn Mỹ Cửu Long năm 2017	Nguyễn Thị Thúy Hoài	Nguyễn Thị Thúy An	Thời gian, vị trí và những biến chứng thường gặp khi lưu kim luồn tĩnh mạch ngoại biên số 24 tại khoa nhi bệnh viện Hoàn Mỹ Cửu Long năm 2017
970.	Đại học	Khảo sát kiến thức về tiêm an toàn đối với nhân viên y tế tại bệnh viện đa khoa quận Thốt Nốt năm 2017	Mai Kim Huệ	Nguyễn Tấn Lộc	Khảo sát kiến thức về tiêm an toàn đối với nhân viên y tế tại bệnh viện đa khoa quận Thốt Nốt năm 2017

971.	Đại học	Khảo sát sự hài lòng của người bệnh về chất lượng khám chữa bệnh ngoại trú tại bệnh viện đa khoa tỉnh Hậu Giang năm 2017	Nguyễn Văn Hùng	Nguyễn Thị Mai Duyên	Khảo sát sự hài lòng của người bệnh về chất lượng khám chữa bệnh ngoại trú tại bệnh viện đa khoa tỉnh Hậu Giang năm 2017
972.	Đại học	Khảo sát tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ viêm phổi từ 2 tháng đến 5 tuổi tại bệnh viện nhi đồng Cần Thơ năm 2017	Huỳnh Xuân Kiều	Hoàng Thị Yên	Khảo sát tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ viêm phổi từ 2 tháng đến 5 tuổi tại bệnh viện nhi đồng Cần Thơ năm 2017
973.	Đại học	Khảo sát tình trạng lưu kim luồn tĩnh mạch ngoại vi trên bệnh nhân nội trú tại khoa nội hô hấp, bệnh viện nhi đồng Cần Thơ, năm 2017	Võ Thị Thùy Linh	Ngô Kim Phụng	Khảo sát tình trạng lưu kim luồn tĩnh mạch ngoại vi trên bệnh nhân nội trú tại khoa nội hô hấp, bệnh viện nhi đồng Cần Thơ, năm 2017
974.	Đại học	Khảo sát kiến thức về bệnh tiêu chảy của bà mẹ có con dưới 5 tuổi đang điều trị tại khoa nhi, trung tâm y tế huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, năm 2018	Thạch Ngọc Linh	Nghị Ngô Lan Vi	Khảo sát kiến thức về bệnh tiêu chảy của bà mẹ có con dưới 5 tuổi đang điều trị tại khoa nhi, trung tâm y tế huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, năm 2018
975.	Đại học	Thực trạng suy dinh dưỡng người bệnh thời điểm nhập viện tại các khoa lâm sàng bệnh viện Hoàn Mỹ Cửu Long	Nguyễn Ngọc Ái Linh	Ngô Kim Phụng	Thực trạng suy dinh dưỡng người bệnh thời điểm nhập viện tại các khoa lâm sàng bệnh viện Hoàn Mỹ Cửu Long
976.	Đại học	Khảo sát kiến thức bà mẹ về phòng bệnh tiêu chảy ở trẻ dưới 5 tuổi tại khoa nội tiêu hóa bệnh viện nhi đồng Cần Thơ tháng 12 năm 2017	Trần Thị Bích Loan	Nguyễn Thị Thúy An	Khảo sát kiến thức bà mẹ về phòng bệnh tiêu chảy ở trẻ dưới 5 tuổi tại khoa nội tiêu hóa bệnh viện nhi đồng Cần Thơ tháng 12 năm 2017
977.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh tại khoa nội-nhi trung tâm y tế huyện Thới Lai	Trần Thị Kim Loan	Nguyễn Thị Hồng Nguyên	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh tại khoa nội-nhi trung tâm y tế huyện Thới Lai
978.	Đại học	Đánh giá sự hài lòng của người bệnh về dịch vụ khám, chữa bệnh ngoại trú tại bệnh viện đa khoa thành phố Cần Thơ	Lâm Danh Trà My	Nguyễn Thị Hồng Nguyên	Đánh giá sự hài lòng của người bệnh về dịch vụ khám, chữa bệnh ngoại trú tại bệnh viện đa khoa thành phố Cần Thơ
979.	Đại học	Khảo sát kiến thức về bệnh tay chân miệng của điều dưỡng tại bệnh viện nhi đồng Cần Thơ, năm 2017	Trần Kim Ngô	Ngô Kim Phụng	Khảo sát kiến thức về bệnh tay chân miệng của điều dưỡng tại bệnh viện nhi đồng Cần Thơ, năm 2017

980.	Đại học	Khảo sát kết quả chăm sóc bệnh nhân sau phẫu thuật wertheim meigst	Nguyễn Phương	Ngô Kim Phụng	Khảo sát kết quả chăm sóc bệnh nhân sau phẫu thuật wertheim meigst
981.	Đại học	Đánh giá kiến thức và khảo sát sự tuân thủ vệ sinh tay của nhân viên y tế tại các khoa lâm sàng trung tâm y tế thị xã Ngã Bảy	Nguyễn Nhật Phương	Ngô Kim Phụng	Đánh giá kiến thức và khảo sát sự tuân thủ vệ sinh tay của nhân viên y tế tại các khoa lâm sàng trung tâm y tế thị xã Ngã Bảy
982.	Đại học	Khảo sát sự hài lòng của bệnh nhân về dịch vụ khám chữa bệnh tại trạm y tế xã Thạnh Lợi, năm 2017	Nguyễn Thanh Sơn	Nguyễn Thị Mai Duyên	Khảo sát sự hài lòng của bệnh nhân về dịch vụ khám chữa bệnh tại trạm y tế xã Thạnh Lợi, năm 2017
983.	Đại học	Khảo sát sự tuân thủ rửa tay thường quy của nhân viên y tế tại bệnh viện đa khoa Hoàn Mỹ Cửu Long, năm 2018	Phạm Thị Hồng Tím	Nghị Ngô Lan Vi	Khảo sát sự tuân thủ rửa tay thường quy của nhân viên y tế tại bệnh viện đa khoa Hoàn Mỹ Cửu Long, năm 2018
984.	Đại học	Khảo sát tình hình stress nghề nghiệp điều dưỡng tại trung tâm y tế Châu Thành, Hậu Giang, năm 2017	Bùi Văn Tùng	Nguyễn Thị Hồng Nguyên	Khảo sát tình hình stress nghề nghiệp điều dưỡng tại trung tâm y tế Châu Thành, Hậu Giang, năm 2017
985.	Đại học	Khảo sát sự hài lòng của người bệnh nội trú về giao tiếp, cơ sở vật chất, điều trị và chăm sóc của nhân viên y tế tại trung tâm y tế huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, năm 2018	Trần Thanh Tùng	Nghị Ngô Lan Vi	Khảo sát sự hài lòng của người bệnh nội trú về giao tiếp, cơ sở vật chất, điều trị và chăm sóc của nhân viên y tế tại trung tâm y tế huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, năm 2018
986.	Đại học	Tìm hiểu kiến thức về tiêm chủng của bà mẹ có con dưới 1 tuổi tại Huyện Thới Lai năm 2017	Nhan Văn Tùng	Nguyễn Thị Hồng Nguyên	Tìm hiểu kiến thức về tiêm chủng của bà mẹ có con dưới 1 tuổi tại Huyện Thới Lai năm 2017
987.	Đại học	Khảo sát thực trạng lưu kim luồn tại bệnh viện đa khoa tỉnh Hậu Giang từ tháng 9 đến tháng 11 năm 2017	Ngô Thanh Thảo	Ngô Kim Phụng	Khảo sát thực trạng lưu kim luồn tại bệnh viện đa khoa tỉnh Hậu Giang từ tháng 9 đến tháng 11 năm 2017
988.	Đại học	Khảo sát thời gian và sự hài lòng của thân nhân bệnh nhi khám bệnh tại khoa khám 1 bệnh viện nhi đồng thành phố Cần Thơ năm 2017	Nguyễn Thị Kim Thoi	Hoàng Thị Yên	Khảo sát thời gian và sự hài lòng của thân nhân bệnh nhi khám bệnh tại khoa khám 1 bệnh viện nhi đồng thành phố Cần Thơ năm 2017
989.	Đại học	Đánh giá chăm sóc bệnh nhân đái tháo đường tại khoa nội tổng hợp bệnh viện đa khoa quận Thốt	Nguyễn Hữu Thuận	Ngô Kim Phụng	Đánh giá chăm sóc bệnh nhân đái tháo đường tại khoa nội tổng hợp bệnh viện đa khoa

		Nốt năm 2017			quận Thốt Nốt năm 2017
990.	Đại học	Khảo sát bệnh vông mạc ở trẻ sanh non khám tại bệnh viện nhi đồng Cần Thơ năm 2017	Nguyễn Ngọc Thúy	Hoàng Thị Yên	Khảo sát bệnh vông mạc ở trẻ sanh non khám tại bệnh viện nhi đồng Cần Thơ năm 2017
991.	Đại học	Khảo sát kiến thức, thái độ, hành vi nuôi con bằng sữa mẹ tại khoa sơ sinh, bệnh viện nhi đồng Cần Thơ, quý IV-2017	Huỳnh Thị Huyền Trang	Nguyễn Thị Thúy An	Khảo sát kiến thức, thái độ, hành vi nuôi con bằng sữa mẹ tại khoa sơ sinh, bệnh viện nhi đồng Cần Thơ, quý IV-2017
992.	Đại học	Đánh giá kiến thức điều dưỡng về vấn đề xử trí, chăm sóc, phòng ngừa sóc phân vệ tại bệnh viện đa khoa Hoàn Mỹ Cửu Long, năm 2017	Nguyễn Thùy Trang	Nguyễn Thị Mai Duyên	Đánh giá kiến thức điều dưỡng về vấn đề xử trí, chăm sóc, phòng ngừa sóc phân vệ tại bệnh viện đa khoa Hoàn Mỹ Cửu Long, năm 2017
993.	Đại học	Đánh giá kiến thức của người nhà về bệnh tai biến mạch máu não lần đầu	Huỳnh Thị Thùy Trang	Ngô Kim Phụng	Đánh giá kiến thức của người nhà về bệnh tai biến mạch máu não lần đầu
994.	Đại học	Thực trạng kiến thức về bệnh tay chân miệng của điều dưỡng tại khoa nhiễm vfa khoa cấp cứu bệnh viện nhi đồng thành phố Cần Thơ	Nguyễn Ngọc Trâm	Nguyễn Thị Thúy An	Thực trạng kiến thức về bệnh tay chân miệng của điều dưỡng tại khoa nhiễm vfa khoa cấp cứu bệnh viện nhi đồng thành phố Cần Thơ
995.	Đại học	Thực trạng viêm phổi bệnh viện và các yếu tố liên quan tại khoa hồi sức tích cực và chống độc BVĐK Hoàn Mỹ năm 2017	Trương Kiều Ngọc Trân	Nguyễn Thị Hồng Nguyên	Thực trạng viêm phổi bệnh viện và các yếu tố liên quan tại khoa hồi sức tích cực và chống độc BVĐK Hoàn Mỹ năm 2017
996.	Đại học	Thực trạng kiến thức thực hành về tiêm an toàn của điều dưỡng khoa lâm sàng tại bệnh viện đa khoa quận Ô Môn năm 2017	Lê Thanh Vũ	Ngô Kim Phụng	Thực trạng kiến thức thực hành về tiêm an toàn của điều dưỡng khoa lâm sàng tại bệnh viện đa khoa quận Ô Môn năm 2017
997.	Đại học	Khảo sát kiến thức về dinh dưỡng đối với người bệnh tăng huyết áp điều trị nội trú tại bệnh viện y học cổ truyền thành phố Cần Thơ, năm 2017	Lê Thị Mỹ Dung	Nguyễn Tấn Lộc	Khảo sát kiến thức về dinh dưỡng đối với người bệnh tăng huyết áp điều trị nội trú tại bệnh viện y học cổ truyền thành phố Cần Thơ, năm 2017
998.	Đại học	Quản lý hoạt động y tế của xã Thạnh Lợi hiện nay thực trạng và giải pháp	Trương Thị Huyền	Nguyễn Thị Mai Duyên	Quản lý hoạt động y tế của xã Thạnh Lợi hiện nay thực trạng và giải pháp

999.	Đại học	Khảo sát sự hài lòng của người bệnh và thân nhân người bệnh về quy tắc ứng xử của nhân viên y tế tại phòng khám bệnh viện đa khoa trung ương Cần Thơ năm 2017	Lê Văn Bình	Nguyễn Tấn Lộc	Khảo sát sự hài lòng của người bệnh và thân nhân người bệnh về quy tắc ứng xử của nhân viên y tế tại phòng khám bệnh viện đa khoa trung ương Cần Thơ năm 2017
1000.	Đại học	Khảo sát sự tuân thủ quy trình thực hiện thuốc của điều dưỡng tại bệnh viện đa khoa trung ương Cần Thơ, năm 2017	Trần Thị Dạng	Nguyễn Tấn Lộc	Khảo sát sự tuân thủ quy trình thực hiện thuốc của điều dưỡng tại bệnh viện đa khoa trung ương Cần Thơ, năm 2017
1001.	Đại học	Khảo sát tình trạng thực hiện quy trình xác định đúng người bệnh khi vào khoa điều trị của điều dưỡng tại bệnh viện đa khoa trung ương Cần Thơ, năm 2017	Trần Văn Nhỏ	Nguyễn Tấn Lộc	Khảo sát tình trạng thực hiện quy trình xác định đúng người bệnh khi vào khoa điều trị của điều dưỡng tại bệnh viện đa khoa trung ương Cần Thơ, năm 2017
1002.	Đại học	Kiến Thức về quản lý chất thải rắn y tế của nhân viên y tế tại khoa Nội tổng hợp, BV ĐK Tp. Cần Thơ năm 2017	Võ Thành Luân	Nguyễn Thị Mai Duyên	Kiến Thức về quản lý chất thải rắn y tế của nhân viên y tế tại khoa Nội tổng hợp, BV ĐK Tp. Cần Thơ năm 2017
1003.	Đại học	Khảo sát hoạt động nhà thuốc Thiên Phước năm 2018	Phạm Công	Vũ Thị Thảo Ly	Khảo sát hoạt động nhà thuốc Thiên Phước năm 2018
1004.	Đại học	Phương pháp định lượng ibuprofen	Huỳnh Ngọc Điền	Nguyễn Thị Thúy Lan	Phương pháp định lượng ibuprofen
1005.	Đại học	Nghiên cứu tổng hợp tài liệu về kỹ thuật nuôi trồng Nấm linh chi và các ứng dụng trong ngành dược	Ngô Thị Mai Dung	Nguyễn Hữu Phúc	Nghiên cứu tổng hợp tài liệu về kỹ thuật nuôi trồng Nấm linh chi và các ứng dụng trong ngành dược
1006.	Đại học	Khảo sát tình hình thực hiện tiêu chuẩn " Thực hành tốt nhà thuốc" của quầy thuốc Nhựt Nguyên tại huyện Vĩnh Thạnh, 2018	Phạm Thị Tường Duy	Nguyễn Thanh Huy	Khảo sát tình hình thực hiện tiêu chuẩn " Thực hành tốt nhà thuốc" của quầy thuốc Nhựt Nguyên tại huyện Vĩnh Thạnh, 2018
1007.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh đái tháo đường type 2 tại Trung Tâm Y tế Q. Cái Răng, 2018	Ngô Chí Hùng	Nguyễn Thanh Huy	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh đái tháo đường type 2 tại Trung Tâm Y tế Q. Cái Răng, 2018
1008.	Đại học	Ứng dụng thuốc giảm đau, hạ sốt, kháng viêm non - steroid trong điều trị bệnh	Huỳnh Hương	Võ Huỳnh Như	Ứng dụng thuốc giảm đau, hạ sốt, kháng viêm non - steroid trong điều trị bệnh

1009.	Đại học	Khảo sát mạng lưới phân bố nhà thuốc trên đường Mậu Thân, đường Trần Chiên tại TP. Cần Thơ, 2018	Phạm Thị Diễm Hương	Lưu Hoàng Minh Khoa	Khảo sát mạng lưới phân bố nhà thuốc trên đường Mậu Thân, đường Trần Chiên tại TP. Cần Thơ, 2018
1010.	Đại học	Bệnh tăng huyết áp và thuốc điều trị	Phạm Văn Thắng Lợi	Võ Huỳnh Như	Bệnh tăng huyết áp và thuốc điều trị
1011.	Đại học	Tổng quan quá trình nghiên cứu, bào chế-sản xuất thuốc ra thị trường	Võ Hoàng Nhân	Nguyễn Thị Thúy Lan	Tổng quan quá trình nghiên cứu, bào chế-sản xuất thuốc ra thị trường
1012.	Đại học	Nghiên cứu tổng hợp tài liệu và các dược liệu hỗ trợ điều trị bệnh gan mật	Lê Thị Yến Nhi	Nguyễn Hữu Phúc	Nghiên cứu tổng hợp tài liệu và các dược liệu hỗ trợ điều trị bệnh gan mật
1013.	Đại học	Nghiên cứu tổng hợp tài liệu về Nghệ và một số ứng dụng trong ngành Dược	Phạm Thái Nhi	Nguyễn Hữu Phúc	Nghiên cứu tổng hợp tài liệu về Nghệ và một số ứng dụng trong ngành Dược
1014.	Đại học	Khảo sát hoạt động nhà thuốc Thảo An năm 2018	Lê Hoàng Phúc	Vũ Thị Thảo Ly	Khảo sát hoạt động nhà thuốc Thảo An năm 2018
1015.	Đại học	Kháng sinh và một số lưu ý khi sử dụng kháng sinh	Nguyễn Minh Sang	Giang Thị Thu Hồng	Kháng sinh và một số lưu ý khi sử dụng kháng sinh
1016.	Đại học	Khảo sát mạng lưới phân bố nhà thuốc tại P. Lê Bình, P. Thường Thạnh, P. Ba Láng trên địa bàn Q. Cái Răng, 2018	Nguyễn Phú Tân	Nguyễn Thanh Huy	Khảo sát mạng lưới phân bố nhà thuốc tại P. Lê Bình, P. Thường Thạnh, P. Ba Láng trên địa bàn Q. Cái Răng, 2018
1017.	Đại học	Nghiên cứu tổng hợp tài liệu về các dược liệu hỗ trợ điều trị bệnh tiểu đường	Ngô Ngọc Thái	Nguyễn Hữu Phúc	Nghiên cứu tổng hợp tài liệu về các dược liệu hỗ trợ điều trị bệnh tiểu đường
1018.	Đại học	Khảo sát bột dược liệu ngũ gia bì (<i>Schefflera heptaphylla</i> L., Araliaceae), Trà (<i>Thea chinensis</i> L., theaceae) và Cà độc dược (<i>Datura metel</i> L., Solanaceae) bằng phương pháp vi học	Nguyễn Thị Hồng Thắm	Phạm Thành Trọng	Khảo sát bột dược liệu ngũ gia bì (<i>Schefflera heptaphylla</i> L., Araliaceae), Trà (<i>Thea chinensis</i> L., theaceae) và Cà độc dược (<i>Datura metel</i> L., Solanaceae) bằng phương pháp vi học
1019.	Đại học	Các phương pháp xác định đồng thời Paracetamol và Ibuprofen trong dược phẩm	Lâm Thanh Trúc	Nguyễn Phước Định	Các phương pháp xác định đồng thời Paracetamol và Ibuprofen trong dược phẩm
1020.	Đại học	Nghiên cứu tổng quan các dạng bào chế có chứa hoạt chất	Vũ Đức Văn	Nguyễn Hiếu Trung	Nghiên cứu tổng quan các dạng bào chế có chứa hoạt chất

		Diclophenac			Diclophenac
1021.	Đại học	Khảo sát một số dược liệu có tác dụng trên tim mạch tại bệnh viện Y học Cổ truyền thành phố Cần Thơ	Huỳnh Trần Lê Vi	Trì Kim Ngọc	Khảo sát một số dược liệu có tác dụng trên tim mạch tại bệnh viện Y học Cổ truyền thành phố Cần Thơ
1022.	Đại học	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có dược liệu chứa saponin tại thành phố Cần Thơ	Trần Hữu An	Đỗ Văn Mãi	Khảo sát những thành phẩm trên thị trường có dược liệu chứa saponin tại thành phố Cần Thơ
1023.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng Kháng sinh tại Trung Tâm Y tế Q. Cái Răng, 2018	Phan Thị Ngọc Ánh	Nguyễn Thanh Huy	Khảo sát tình hình sử dụng Kháng sinh tại Trung Tâm Y tế Q. Cái Răng, 2018
1024.	Đại học	Tổng quan kỹ thuật xây, rây vật liệu	Võ Đại Điền	Nguyễn Thị Thúy Lan	Tổng quan kỹ thuật xây, rây vật liệu
1025.	Đại học	Khảo sát hoạt động nhà thuốc Lan Thảo năm 2018	Trần Hồ Phúc Duy	Vũ Thị Thảo Ly	Khảo sát hoạt động nhà thuốc Lan Thảo năm 2018
1026.	Đại học	Nghiên cứu tổng quan các dạng bào chế có chứa hoạt chất Amoxicilin	Võ Thị Ngọc Hương	Nguyễn Hiếu Trung	Nghiên cứu tổng quan các dạng bào chế có chứa hoạt chất Amoxicilin
1027.	Đại học	Khảo sát một số dược liệu có tác dụng bổ dưỡng tại địa bàn bệnh viện Y học cổ truyền thành phố Cần Thơ	Trần Anh Khoa	Trì Kim Ngọc	Khảo sát một số dược liệu có tác dụng bổ dưỡng tại địa bàn bệnh viện Y học cổ truyền thành phố Cần Thơ
1028.	Đại học	Tổng quan một phương pháp hóa lý và ứng dụng của phương pháp này trong kiểm nghiệm dược phẩm từ Dược điển Việt Nam IV	Đặng Gia Linh	Nguyễn Chí Toàn	Tổng quan một phương pháp hóa lý và ứng dụng của phương pháp này trong kiểm nghiệm dược phẩm từ Dược điển Việt Nam IV
1029.	Đại học	Tổng quan những yếu tố ảnh hưởng đến độ ổn định của Hồn dịch	Nguyễn Thị Mỹ Như	Nguyễn Hiếu Trung	Tổng quan những yếu tố ảnh hưởng đến độ ổn định của Hồn dịch
1030.	Đại học	Gluco - Corticoid và một số tác dụng phụ cần lưu ý	Lê Thạch Như	Giang Thị Thu Hồng	Gluco - Corticoid và một số tác dụng phụ cần lưu ý
1031.	Đại học	Phương pháp định lượng captopril	Võ Thị Kiều Oanh	Võ Phước Hải	Phương pháp định lượng captopril
1032.	Đại học	Khảo sát tình hình thực hiện tiêu chuẩn "Thực hành tốt nhà thuốc" của nhà thuốc Thuận An tại Q. Ninh Kiều, 2018	Nguyễn Thị Diễm Phúc	Lưu Hoàng Minh Khoa	Khảo sát tình hình thực hiện tiêu chuẩn "Thực hành tốt nhà thuốc" của nhà thuốc Thuận An tại Q. Ninh Kiều, 2018
1033.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh đái tháo đường type 2 trên bệnh nhân điều trị	Nguyễn Ngọc Phụng	Lâm Thị Thu Quyên	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh đái tháo đường type 2 trên bệnh nhân điều trị

		ngoại trú tại trung tâm Y tế Quận Cái Răng			ngoại trú tại trung tâm Y tế Quận Cái Răng
1034.	Đại học	Khảo sát một số dược liệu có tác dụng trên gan mật tại địa bàn bệnh viện Y học cổ truyền thành phố Cần Thơ	Thạch Song	Trì Kim Ngọc	Khảo sát một số dược liệu có tác dụng trên gan mật tại địa bàn bệnh viện Y học cổ truyền thành phố Cần Thơ
1035.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng vitamin B1 tại các nhà thuốc tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Lê Thu Thảo	Võ Thị Minh Ngọc	Khảo sát tình hình sử dụng vitamin B1 tại các nhà thuốc tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
1036.	Đại học	Tổng quan kỹ thuật khuấy trộn vật liệu	Nguyễn Bá Thiện	Võ Phước Hải	Tổng quan kỹ thuật khuấy trộn vật liệu
1037.	Đại học	Tóm tắt một phương pháp vật lý và một phương pháp hóa lý dùng trong kiểm nghiệm dược phẩm từ Dược điển Việt Nam IV	Nguyễn Văn Thiện	Nguyễn Chí Toàn	Tóm tắt một phương pháp vật lý và một phương pháp hóa lý dùng trong kiểm nghiệm dược phẩm từ Dược điển Việt Nam IV
1038.	Đại học	Tìm hiểu bệnh tăng huyết áp và tình hình sử dụng thuốc ngoại trú tại xã Tân Phong	Nguyễn Thị Hoàng Quyên	Lê Phú Nguyên Thảo	Tìm hiểu bệnh tăng huyết áp và tình hình sử dụng thuốc ngoại trú tại xã Tân Phong
1039.	Đại học	Tổng quan an toàn phòng thí nghiệm	Nguyễn Công Minh Khang	Đình Thị Thanh Loan	Tổng quan an toàn phòng thí nghiệm
1040.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc chống tăng huyết áp trên bệnh nhân điều trị ngoại trú tại trung tâm Y tế quận Cái Răng	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Lâm Thị Thu Quyên	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc chống tăng huyết áp trên bệnh nhân điều trị ngoại trú tại trung tâm Y tế quận Cái Răng
1041.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng vitamin B1 tại các nhà thuốc tại quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ	Tô Thanh Tuyền	Nguyễn Chí Toàn	Khảo sát tình hình sử dụng vitamin B1 tại các nhà thuốc tại quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ
1042.	Đại học	Các phương pháp định lượng vitamin B6	Lương Nguyễn Hồng Ngọc	Đình Thị Thanh Loan	Các phương pháp định lượng vitamin B6
1043.	Đại học	Phương pháp định lượng propranolol	Võ Ngọc Diễm Quỳnh	Võ Phước Hải	Phương pháp định lượng propranolol
1044.	Đại học	Khảo sát một số chế phẩm có tác dụng an thần gây ngủ nguồn gốc từ dược liệu ở bệnh viện Y học cổ truyền Cần Thơ	Phạm Tấn Phát	Trì Kim Ngọc	Khảo sát một số chế phẩm có tác dụng an thần gây ngủ nguồn gốc từ dược liệu ở bệnh viện Y học cổ truyền Cần Thơ
1045.	Đại học	Các phương pháp kiểm tra chì trong nước	Nguyễn Trang Thái	Quách Thị Thu Hằng	Các phương pháp kiểm tra chì trong nước
1046.	Đại học	Các phương pháp định lượng Vitamin A	Trần Thị Quyên Chân	Quách Thị Thu Hằng	Các phương pháp định lượng Vitamin A

1047.	Đại học	Các phương pháp kiểm nghiệm thuốc tiêm vitamin C	Đặng Kim Thơi	Võ Thị Minh Ngọc	Các phương pháp kiểm nghiệm thuốc tiêm vitamin C
1048.	Đại học	Khảo sát bột dược liệu Đại hoàng (<i>Rheum officinalis</i> L., Polygonaceae), Nhàu (<i>Morinda citrifolia</i> L., Rubiaceae) và Vàng Đẳng (<i>Coscinium fenestratum</i> Colebr., Menispermaceae) bằng phương pháp vi học	Mai Phước Tài	Phạm Thành Trọng	Khảo sát bột dược liệu Đại hoàng (<i>Rheum officinalis</i> L., Polygonaceae), Nhàu (<i>Morinda citrifolia</i> L., Rubiaceae) và Vàng Đẳng (<i>Coscinium fenestratum</i> Colebr., Menispermaceae) bằng phương pháp vi học
1049.	Đại học	Khảo sát bột dược liệu Muồng trâu (<i>Cassia alata</i> L.), Hòe (<i>Styphnolobium japonicum</i> L.) và Cam thảo (<i>Glycyrrhiza</i> ., Fabaceae) bằng phương pháp vi học	Nguyễn Trần Xuân Hạnh	Phạm Thành Trọng Hà Thanh Mỹ Phương	Khảo sát bột dược liệu Muồng trâu (<i>Cassia alata</i> L.), Hòe (<i>Styphnolobium japonicum</i> L.) và Cam thảo (<i>Glycyrrhiza</i> ., Fabaceae) bằng phương pháp vi học
1050.	Đại học	Tổng quan về nhóm vitamin	Nguyễn Chí Toàn	Nguyễn Phương Thảo	Tổng quan về nhóm vitamin
1051.	Đại học	Các đường đưa thuốc vào cơ thể	Nguyễn Ngọc Tân	Nguyễn Phương Thảo	Các đường đưa thuốc vào cơ thể
1052.	Đại học	Khảo sát tình hình thực hiện tiêu chuẩn "Thực hành tốt nhà thuốc" của nhà thuốc Phương Anh tahi TP. Cần Thơ, 2018	Nguyễn Huỳnh Quan Huy	Lưu Hoàng Minh Khoa	Khảo sát tình hình thực hiện tiêu chuẩn "Thực hành tốt nhà thuốc" của nhà thuốc Phương Anh tahi TP. Cần Thơ, 2018
1053.	Đại học	Khảo sát tình hình thực hiện tiêu chuẩn "Thực hành tốt nhà thuốc" của quầy thuốc Tổng Gia tại huyện Lai Vung, 2018	Tổng Phan Ngọc	Lưu Hoàng Minh Khoa	Khảo sát tình hình thực hiện tiêu chuẩn "Thực hành tốt nhà thuốc" của quầy thuốc Tổng Gia tại huyện Lai Vung, 2018
1054.	Đại học	Khảo sát bột dược liệu Mã tiền (<i>Strychnos nux-vomica</i>), Trúc đào (<i>Nerium indicum</i> Miler) và Ngũ bội tử (<i>Galla sinensis</i>) bằng phương pháp vi học	Lâm Duy Khánh	Phạm Thành Trọng	Khảo sát bột dược liệu Mã tiền (<i>Strychnos nux-vomica</i>), Trúc đào (<i>Nerium indicum</i> Miler) và Ngũ bội tử (<i>Galla sinensis</i>) bằng phương pháp vi học
1055.	Đại học	Khảo sát một số thuốc mỡ thông dụng ở Việt Nam	Ngô Hoàng Tính	Thái Thị Kim Tươi	Khảo sát một số thuốc mỡ thông dụng ở Việt Nam
1056.	Đại học	Tim hiểu nguyên nhân, triệu chứng của bệnh viêm da cơ địa và phương pháp điều trị	Mai Phương Thảo	Lê Phú Nguyễn Thảo	Tim hiểu nguyên nhân, triệu chứng của bệnh viêm da cơ địa và phương pháp điều trị

1057.	Đại học	Khảo sát kiến thức về dinh dưỡng của bệnh nhân suy thận mạn tại bệnh viện Đa khoa Tp.Cần Thơ năm 2018	Trương Thanh Hiếu	Nguyễn Thị Mai Duyên	Khảo sát kiến thức về dinh dưỡng của bệnh nhân suy thận mạn tại bệnh viện Đa khoa Tp.Cần Thơ năm 2018
1058.	Đại học	Khảo sát kiến thức của người chăm sóc trẻ nhiễm HIV tại phòng khám ngoại trú bệnh viện Nhi đồng Cần thơ 3 tháng đầu năm 2018	Trần Thị Hoàng Anh	Nguyễn Thị Thu Hà	Khảo sát kiến thức của người chăm sóc trẻ nhiễm HIV tại phòng khám ngoại trú bệnh viện Nhi đồng Cần thơ 3 tháng đầu năm 2018
1059.	Đại học	Khảo sát kiến thức về phòng ngừa biến chứng ĐTĐ trên bệnh nhân ĐTĐ type 2 đang điều trị tại bệnh viện Đa khoa Tp.Cần Thơ năm 2018	Phạm Thúy Ngọc	Nguyễn Thị Mai Duyên	Khảo sát kiến thức về phòng ngừa biến chứng ĐTĐ trên bệnh nhân ĐTĐ type 2 đang điều trị tại bệnh viện Đa khoa Tp.Cần Thơ năm 2018
1060.	Đại học	Khảo sát sự hài lòng về chăm sóc của điều dưỡng trên bệnh nhân đang điều trị tại bệnh viện Nhi đồng Cần thơ 3 tháng đầu năm 2018	Trương Thành Phát	Nguyễn Thị Thu Hà	Khảo sát sự hài lòng về chăm sóc của điều dưỡng trên bệnh nhân đang điều trị tại bệnh viện Nhi đồng Cần thơ 3 tháng đầu năm 2018
1061.	Đại học	Khảo sát kiến thức bệnh tim bẩm sinh của phụ huynh có con đến khám tại khoa khám Bệnh viện Nhi đồng TP. Cần Thơ năm 2018	Huỳnh Thị Kim Thùy	Nghị Ngô Lan Vi	Khảo sát kiến thức bệnh tim bẩm sinh của phụ huynh có con đến khám tại khoa khám Bệnh viện Nhi đồng TP. Cần Thơ năm 2018
1062.	Đại học	Khảo sát kiến thức, thái độ, hành vi của thân nhân bệnh nhi bệnh tay chân miệng tại khoa nhiễm bệnh viện Nhi Đồng cần Thơ 3 tháng đầu năm 2018	Trần Thị Mỹ Tiên	Nguyễn Thị Thu Hà	Khảo sát kiến thức, thái độ, hành vi của thân nhân bệnh nhi bệnh tay chân miệng tại khoa nhiễm bệnh viện Nhi Đồng cần Thơ 3 tháng đầu năm 2018
1063.	Đại học	Khảo sát sự hài lòng của bệnh nhân về dịch vụ y tế tại bệnh viện Đa khoa TP. Cần thơ năm 2018	Nguyễn Phúc Lê Trí	Nguyễn Thị Mai Duyên	Khảo sát sự hài lòng của bệnh nhân về dịch vụ y tế tại bệnh viện Đa khoa TP. Cần thơ năm 2018
1064.	Đại học	Khảo sát kiến thức, thái độ và hành vi chăm sóc sức khỏe sinh sản của học sinh nữ trường trung học phổ thông Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, Tp. Cần Thơ năm 2018	Lê Thị Đẹp Em	Nghị Ngô Lan Vi	Khảo sát kiến thức, thái độ và hành vi chăm sóc sức khỏe sinh sản của học sinh nữ trường trung học phổ thông Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, Tp. Cần Thơ năm 2018
1065.	Đại học	Đánh giá công tác chăm sóc bệnh nhân sốt xuất	Lê Minh Nhựt	Nguyễn Thị Thu Hà	Đánh giá công tác chăm sóc bệnh nhân sốt xuất

		huyết của điều dưỡng đang công tác tại khoa sốt xuất huyết Bệnh viện Nhi Đồng cần Thơ 3 tháng đầu năm 2018			huyết của điều dưỡng đang công tác tại khoa sốt xuất huyết Bệnh viện Nhi Đồng cần Thơ 3 tháng đầu năm 2018
1066.	Đại học	Khảo sát kiến thức về phòng bệnhTHA của bệnh nhân đang điều trị nội trú tại các khoa nội bệnh viện Đa khoa TP. Cần Thơ năm 2017-2018	Lê Kim Chi	Nguyễn Thị Hồng Nguyên	Khảo sát kiến thức về phòng bệnhTHA của bệnh nhân đang điều trị nội trú tại các khoa nội bệnh viện Đa khoa TP. Cần Thơ năm 2017-2018
1067.	Đại học	Khảo sát kiến thức, thực hành của các bà mẹ có con bị bệnh tiêu chảy tại khoa tiêu hóa bệnh viện Nhi Đồng cần Thơ 3 tháng đầu năm 2018	Lê Minh Nhựt	Nguyễn Thị Thu Hà	Khảo sát kiến thức, thực hành của các bà mẹ có con bị bệnh tiêu chảy tại khoa tiêu hóa bệnh viện Nhi Đồng cần Thơ 3 tháng đầu năm 2018
1068.	Đại học	Khảo sát kiến thức của các bà mẹ có con từ 1 đến 5 tuổi về bệnh tiêu chảy cấp đang điều trị tại khoa tiêu hóa Bệnh viện Nhi Đồng Tp. Cần Thơ năm 2018	Huỳnh Thị Như Mai	Nguyễn Thị Mai Duyên	Khảo sát kiến thức của các bà mẹ có con từ 1 đến 5 tuổi về bệnh tiêu chảy cấp đang điều trị tại khoa tiêu hóa Bệnh viện Nhi Đồng Tp. Cần Thơ năm 2018
1069.	Đại học	Khảo sát kiến thức về bệnh ĐTĐ của bệnh nhân đang điều trị nội trú tại bệnh viện Đa khoa TP. Cần Thơ năm 2017-2018	Nguyễn Đỗ Thu Trúc	Nguyễn Thị Hồng Nguyên	Khảo sát kiến thức về bệnh ĐTĐ của bệnh nhân đang điều trị nội trú tại bệnh viện Đa khoa TP. Cần Thơ năm 2017-2018
1070.	Đại học	Nhà điều hành sản xuất Công ty điện lực An Giang	Huỳnh Tấn Đạt	Phan Quốc Cường	
1071.	Đại học	Nhà Liên kê kết hợp thương mại Phú An, Q.2 TP. HCM	Dương Thị ảnh	Phan Quốc Cường	
1072.	Đại học	Thiết kế kỹ thuật chung cư gia đình, TP.HCM	Nguyễn Chí Công	Lã Hồng Hải	
1073.	Đại học	Công trình chi cục thuế Quận Thốt Nốt	Ngô Trường Thịnh	Nguyễn Văn Thành	
1074.	Đại học	Thiết kế kỹ thuật Công trình Bưu điện Cần Thơ.	Lưu Quang Vinh	Lã Hồng Hải	
1075.	Đại học	Chung cư Hoàng Quân, Thường Thạnh, Cái Răng, Cần Thơ	Phạm Trung Hiếu	Đỗ Trần Như Vân	
1076.	Đại học	Văn phòng làm việc 9A-9B Thi Sách, Bến Nghé, Quận 1, TP.	Lê Hoàng Lãm	Nguyễn Trường Giang	

		HCM			
1077.	Đại học	Thiết kế Kỹ thuật Chung cư gia đình (DT: 39,5*24,5), 9 tầng.	Nguyễn Hoàng Lê Sơn	Trần Đức Thương	
1078.	Đại học	Xây dựng hệ thống quản lý cấp phát văn phòng phẩm	Lương Minh Dẫn	Lê Thị Thu Lan	
1079.	Đại học	Xây dựng hệ thống quản lý thông tin đặt/mua vé xe khách	Nguyễn Hoàng Hạnh Tiên	Lê Thị Thu Lan	
1080.	Đại học	Quản lý thiết bị, phòng học	Mai Thị Cẩm Tú	Lê Thị Thu Lan	
1081.	Đại học	Phân mềm quản lý thư viện	Nguyễn Trí Tính	Nguyễn Chí Cường	
1082.	Đại học	Tìm hiểu về Augmented reality (AR) và ứng dụng minh họa	Đặng Nhật Quang	Quách Luyl Đa	
1083.	Đại học	Hệ thống quản lý quán cafe	Nguyễn Phúc Vinh	Quách Luyl Đa	
1084.	Đại học	Thiết kế hệ thống điều khiển cho nhà thông minh	Phạm Văn Bạc	Nguyễn Vĩnh Thành	
1085.	Đại học	Mô hình nhà thông minh cho một số thiết bị điện dân dụng	Phạm Văn Mới	Đỗ Chí Tâm	
1086.	Đại học	Nghiên cứu thiết kế bộ điều khiển thiết bị trên điện thoại di động	Trương Thái Ngọc	Đỗ Chí Tâm	
1087.	Đại học	Mô hình nhà thông minh cho một số thiết bị điện dân dụng	Đinh Nhật Thanh	Đỗ Chí Tâm	
1088.	Đại học	Nghiên cứu thiết kế thiết bị chống trộm thông minh	Dương Thiện Tú	Nguyễn Vĩnh Thành	
1089.	Đại học	<p>Tìm hiểu quy trình chứng từ xuất nhập khẩu hàng gia công may mặc tại Vinatrans Cần Thơ</p>	Đặng Hà Bửu Toàn	Trần Minh Hùng	<p>Với đề tài “Tìm hiểu quy trình chứng từ xuất khẩu hàng gia công may mặc tại Vinatrans Cantho” nhằm nghiên cứu toàn bộ quy trình thực hiện chứng từ, các giấy tờ, thủ tục liên quan đến việc xuất khẩu hàng hóa gia công may mặc từ đó đưa ra được đánh giá hiệu quả của quy trình hiện tại và có những đề xuất nhằm cải tiến quy trình để thuận lợi hơn trong việc xuất khẩu hàng gia công.</p>

1090.	Đại học	Tác động của quảng cáo và khuyến mãi đến việc hình thành giá trị thương hiệu điện thoại di động OPPO tại thị trường TPCT	Trương Khánh Linh	Trịnh Bửu Nam	Nghiên cứu này nhằm mục đích khám phá giá trị thương hiệu điện thoại di động, tác động của quảng cáo và khuyến mãi tới các thành phần giá trị thương hiệu điện thoại di động. Qua đó, nghiên cứu đã kiểm định các thang đo cũng như xây dựng mô hình lý thuyết thể hiện tác động của quảng cáo và khuyến mãi đến việc hình thành giá trị thương hiệu điện thoại di động OPPO tại thị trường Thành phố Cần Thơ.
1091.	Đại học	Thực trạng và giải pháp phát triển du lịch TPCT	Mai Trọng Nguyễn	Nguyễn Huỳnh Phước Thiện	Bằng các phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu sơ cấp và thứ cấp, đề tài tập trung nghiên cứu các vấn đề: Phân tích thực trạng du lịch TP. Cần Thơ trong thời gian qua, giai đoạn 2013-2017. Phân tích tác động của các yếu tố môi trường đối với hoạt động du lịch TP. Cần Thơ. Đề xuất giải pháp phát triển du lịch TP. Cần Thơ trong thời gian tới.
1092.	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh Công ty TNHH Trường Đạt giai đoạn 2015 - 2017	Trần Xuân Minh	Huỳnh Thị Kiều Thu	Mục tiêu của đề tài “Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Trường Đạt năm 2015 - 2017” là tìm hiểu và đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong ba năm (2015 - 2017), đồng thời nghiên cứu những thuận lợi và khó khăn của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh. Tiếp theo, phân tích các chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh như doanh thu, chi phí, lợi nhuận và các chỉ số tài chính. Cuối cùng, kết luận và đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu

					quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
1093.	Đại học	Phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của công ty CP XNK Thủy Sản Cần Thơ - Caseamet	Lê Thị Ngọc Hân	Nguyễn Kim Thắm	<p>Đề tài: “Phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần XNK Thủy Sản Cần Thơ – Caseamex” được nghiên cứu nhằm phân tích thực trạng và đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty giai đoạn 2015-2017. Bên cạnh đó để có thể hiểu rõ hơn vì sao có được hiệu quả như vậy nghiên cứu còn tiến hành phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh mà trong đề tài tập trung nghiên cứu cụ thể hơn nữa là ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu của công ty trong thời gian qua. Dựa vào những phân tích trên có thể thấy được đâu là điểm mạnh và đâu là hạn chế của công ty để từ đó công ty có những kế hoạch chiến lược hợp lý nhằm khắc phục những hạn chế và phát huy hơn nữa những điểm mạnh và góp phần cho sự phát triển bền vững của công ty trong tương lai. Để có thể làm rõ vấn đề nghiên cứu trong đề tài có sử dụng những phương pháp như sau: Phương pháp thống kê mô tả và phương pháp so sánh số tuyệt đối và tương đối. Ngoài ra còn phân tích các nhân tố</p>

					môi trường ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh nhằm giúp công ty nắm bắt được cơ hội cũng như hạn chế rủi ro trong thời gian tới.
1094.	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay ngắn hạn tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương CN Bạc Liêu - Phòng giao dịch Hòa Bình	Trương Vương Ái Xuân	Nguyễn Thị Thanh Trúc	<p>Có ba mục tiêu cần phải giải quyết trong chuyên đề này:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu tiên là phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh hiện tại của Saigonbank tại PGD Hòa Bình. - Mục tiêu thứ hai là đánh giá thực trạng cho vay của Saigonbank tại PGD Hòa Bình. - Cuối cùng, dựa trên các phân tích và đánh giá trên để đề ra những giải pháp giúp góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh. Các phương pháp đã được sử dụng là phương pháp so sánh và phương pháp phân tích các tỉ số tài chính. Từ đó đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh hiện tại của Phòng giao dịch như: - Nâng cao chất lượng thẩm định cho vay; - Nâng cao chất lượng cán bộ; - Đảm bảo tốt quy trình cho vay. <p>Cuối cùng kiến nghị một số giải pháp giúp cho Phòng giao dịch khai thác hết tiềm năng và nâng cao vị trí của mình trong thị trường tỉnh Bạc Liêu nói riêng và Việt Nam nói chung.</p>
1095.	Đại học	Thực trạng và giải pháp marketing-mix của công ty TNHH Thủy sản Trọng Nhân giai đoạn 2018-2020	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	Nguyễn tương Lai	Với đề tài: “Thực trạng và giải pháp Marketing - mix của Công ty TNHH Thủy Sản Trọng Nhân” nhằm xây dựng mục tiêu chung là phân tích thực

					trạng hoạt động Marketing - mix của công ty từ năm 2015 - 2017, từ đó đề ra những giải pháp giúp công ty kinh doanh hiệu quả hơn trong thời kỳ cạnh tranh gay gắt của nền kinh tế nói chung và ngành công nghiệp nói riêng.
1096.	Đại học	Hoạch định chiến lược marketing sản phẩm cửa nhựa lõi thép UPVC của DNTN Liên Hiệp Thành tại Sóc Trăng năm 2019-2023	Lâm Thị Hồng Ngọc	Phòng Thị Huỳnh Mai	Trong quá trình thực tập tại DNTN Liên Hiệp Thành tác giả nhận thấy được sản phẩm cửa nhựa lõi thép uPVC có doanh thu giảm đáng kể trong năm vừa qua, đồng thời Doanh nghiệp cũng chưa có hoạch định chiến lược Marketing cho cửa nhựa lõi thép uPVC. Để có được hướng đi đúng đắn trong hoạt động kinh doanh sản phẩm cửa nhựa ngày một hiệu quả hơn, là một vấn đề đang được Liên Hiệp Thành quan tâm trước sự cạnh tranh của nhiều đối thủ. Vì vậy, đề tài này sẽ giúp Doanh nghiệp hoạch định chiến lược marketing cho sản phẩm cửa nhựa lõi thép uPVC trong giai đoạn 2019 – 2023 và qua đó đề xuất một số giải pháp và cách thức thực hiện chiến lược nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Doanh nghiệp trong thời gian tới.
1097.	Đại học	Lập kế hoạch marketing cho sản phẩm Exciter Yamaha của công ty TNHH MTV Trục chi nhánh Rạch Sỏi năm 2018-2019	Phan Ánh Ny	Đinh Vũ Long	Đề tài "Lập kế hoạch Marketing cho sản phẩm Exciter Yamaha của Công ty TNHH MTV Trục Chi nhánh Rạch Sỏi" nhằm mục tiêu: Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh và thực trạng hoạt động Marketing của Cửa hàng trong thời gian 3 năm

					2015 - 2017. Phân tích môi trường vĩ mô, vi mô và môi trường nội bộ ảnh hưởng như thế nào đối với hoạt động kinh doanh từ đó định hướng phát triển cho Cửa hàng. Đề tài dùng các phương pháp phân tích, so sánh và tổng hợp các thông tin và số liệu các năm 2015 - 2017.
1098.	Đại học	Thực trạng huy động vốn tại Ngân hàng Sacombank chi nhánh Hậu Giang	Nguyễn Ngọc Thiên Hương	Phòng Thị Huỳnh Mai	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín Chi nhánh Hậu Giang là một ngân hàng lớn có vị thế cao trên địa bàn tỉnh Hậu Giang nên việc phát triển thị trường, chiếm lĩnh thị phần là một trong những ưu tiên hàng đầu của chi nhánh. Đề tài nghiên cứu này có ý nghĩa thực tiễn cho các nhà quản trị thấy được những thuận lợi, khó khăn của ngân hàng và có được những giải pháp phù hợp. Từ đó đưa ra được những chính sách huy động vốn hợp lý cho ngân hàng. Có thể hiểu đó là những công cụ, cách thức, phương pháp và chương trình cụ thể nhằm hoàn thiện và phát triển hơn nữa hoạt động huy động vốn của ngân hàng Sacombank, thu hút sự chú ý của các cá nhân, các tổ chức gửi tiền vào ngân hàng trên cơ sở hai bên đều có lợi.
1099.	Đại học	Lập kế hoạch marketing cho nhãn hiệu PNJ Silver tại chi nhánh Công ty CP vàng bạc đá quý Phú Nhuận chi nhánh PNJ Cần Thơ giai đoạn từ tháng 7/2018 đến cuối tháng 6/2019	Trần Thị Bích Ngọc	Trịnh Bửu Nam	Phân tích thực trạng về kết quả kinh doanh và hoạt động Marketing của nhãn hiệu PNJSilver tại Chi nhánh PNJ Cần Thơ trong giai đoạn 2015 - 2017. Phân tích các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến hoạt động Marketing của nhãn hiệu PNJSilver tại

				<p>Chi nhánh PNJ Cần Thơ. Lập kế hoạch Marketing cho nhãn hiệu PNJSilver tại Chi nhánh Công ty Cổ Phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận – Chi nhánh PNJ Cần Thơ giai đoạn từ tháng 7/2018 đến cuối tháng 6/2019.</p> <p>Đề xuất một số giải pháp nhằm thực hiện tốt nhất kế hoạch Marketing đã đề ra nhằm góp phần giúp Chi nhánh tăng khả năng cạnh tranh, hoạt động kinh doanh có hiệu quả trước tình hình cạnh tranh gay gắt như hiện nay.</p> <p>Kết quả nghiên cứu cho thấy nhãn hiệu PNJSilver tại Chi nhánh PNJ Cần Thơ có những điểm mạnh như sau: thương hiệu mạnh, mẫu mã chủng loại đa dạng, chất lượng sản phẩm tốt,... Bên cạnh đó, cần nắm bắt những cơ hội như: nhu cầu sử dụng trang sức bạc tăng, Cần Thơ tập trung đông nhất HSSV của ĐBSCL,...</p> <p>Phân tích thực trạng về kết quả kinh doanh và hoạt động Marketing của nhãn hiệu PNJSilver tại Chi nhánh PNJ Cần Thơ trong giai đoạn 2015 – 2017.</p> <p>Phân tích các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến hoạt động Marketing của nhãn hiệu PNJSilver tại Chi nhánh PNJ Cần Thơ.</p> <p>Lập kế hoạch Marketing cho nhãn hiệu PNJSilver tại Chi nhánh Công ty Cổ Phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận – Chi nhánh PNJ Cần Thơ giai đoạn từ tháng 7/2018 đến cuối tháng 6/2019.</p> <p>Đề xuất một số giải pháp</p>
--	--	--	--	---

					<p>nhằm thực hiện tốt nhất kế hoạch Marketing đã đề ra nhằm góp phần giúp Chi nhánh tăng khả năng cạnh tranh, hoạt động kinh doanh có hiệu quả trước tình hình cạnh tranh gay gắt như hiện nay. Kết quả nghiên cứu cho thấy nhãn hiệu PNJSilver tại Chi nhánh PNJ Cần Thơ có những điểm mạnh như sau: thương hiệu mạnh, mẫu mã chủng loại đa dạng, chất lượng sản phẩm tốt,... Bên cạnh đó, cần nắm bắt những cơ hội như: nhu cầu sử dụng trang sức bạc tăng, Cần Thơ tập trung đông nhất HSSV của ĐBSCL,...</p>
1100.	Đại học	Đo lường mức độ hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ xe ôm công nghệ Grab trên đại bàn TPCT	Nguyễn Thanh Phương	Đào Duy Tùng	<p>Đề tài “Đo lường mức độ hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ xe ôm công nghệ Grab trên địa bàn Thành phố Cần Thơ” nhằm tìm hiểu nhu cầu và hành vi sử dụng dịch vụ xe ôm công nghệ Grab của khách hàng để từ đó giúp các nhà quản trị nắm bắt chính xác nhu cầu tiêu dùng và đáp ứng nhu cầu khách hàng một cách tối ưu nhất.</p> <p>Mục tiêu của nghiên cứu tập trung vào khám phá các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ xe ôm công nghệ Grab trên địa bàn Thành phố Cần Thơ và xác định mức độ tác động, cũng như tầm quan trọng của từng yếu tố đối với dịch vụ. Đề tài đã khảo sát 150 khách hàng tại Cần Thơ đã từng sử dụng dịch vụ xe ôm công nghệ Grab.</p>

1101.	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của các thành phần Marketing hỗn hợp đến sự hài lòng của khách du lịch tại TPCT	Lê Thảo Duy	Nguyễn Huỳnh Phước Thiện	Đề tài “Nghiên cứu ảnh hưởng của các thành phần Marketing hỗn hợp đến sự hài lòng của du khách tại thành phố Cần Thơ” được thực hiện nhằm phân tích thực trạng du lịch thành phố Cần Thơ và việc thực hiện Marketing hỗn hợp của du lịch thành phố, phân tích những ảnh hưởng của các thành phần Marketing hỗn hợp đến sự hài lòng của du khách tại TPCT để từ đó đề xuất các giải pháp Marketing nhằm phát triển du lịch địa phương. Trong đề tài này, tác giả sử dụng phương pháp phân tích tổng hợp, phương pháp so sánh, phương pháp thống kê mô tả, phân tích nhân tố khám phá và phân tích hồi quy.
1102.	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ mạng 4G của người dân tại TPCT	Võ Thị Bảo Châm	Nguyễn Phúc Khánh	Nghiên cứu này nhằm xác định và phân tích mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến sự lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ mạng 4G của người dân tại thành phố Cần Thơ, từ đó rút ra một số kiến nghị hữu ích cho các nhà mạng. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu còn đem lại ý nghĩa quan trọng, giúp nhà quản trị hiểu rõ hơn về sự khác biệt giữa các nhóm khách hàng mà đề tài đã nghiên cứu, từ đó đưa ra những chiến lược phù hợp nhất cho từng nhóm đối tượng khách hàng.
1103.	Đại học	Đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh về chất lượng đào tạo của Trường Đại học Tây Đô	Nguyễn Thị Liễu	Võ Khắc Huy	Đề tài nghiên cứu: “Đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên khoa Quản Trị Kinh Doanh về chất lượng đào tạo của

					<p>Trường Đại học Tây Đô” được thực hiện từ tháng 01 đến tháng 5 năm 2018 tại trường Đại học Tây Đô bằng việc khảo sát trực tiếp sinh viên ngành Quản Trị Kinh Doanh thông qua bảng câu hỏi chi tiết . Với 224 mẫu quan sát hợp lệ theo phương pháp mẫu thuận tiện. Đề tài sử dụng phương pháp thống kê mô tả để mô tả tổng quan thông tin mẫu, kế đó sử dụng hệ số tin cậy Cronbach’s Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích nhân tố khẳng định (CFA), mô hình cấu trúc tuyến tính SEM để xác định mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố đến sự hài lòng. Sau đó, sử dụng phương pháp kiểm định trung bình để đánh giá mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố đến sự hài lòng về chất lượng đào tạo của trường, cuối cùng sử dụng phương pháp tổng hợp, phân tích và suy luận để đề xuất giải pháp nâng cao sự hài lòng về chất lượng đào tạo của trường Đại học Tây Đô.</p>
1104.	Đại học	<p>Đánh giá sự tín nhiệm của khách hàng đối với ngân hàng TMCP Sài Gòn chi nhánh Cần Thơ trước ảnh hưởng của luật phá sản các tổ chức tín dụng</p>	<p>Trương Xuân Ngọc Lan</p>	<p>Thái Ngọc Vũ</p>	<p>Nghiên cứu này đã được thực hiện khi luật phá sản các tổ chức tín dụng vừa có hiệu lực. Tuy trong quá trình thực hiện nghiên cứu và khảo sát thực tế cũng có những khó khăn và hạn chế nhất định nhưng kết quả nhận được rất khả quan và rất đúng theo như thực tế. Mặc dù theo lý thuyết sự tín nhiệm của khách hàng phụ thuộc vào những yếu tố: sự an toàn, lợi ích</p>

					tài chính, danh tiếng, chất lượng nhân viên, dịch vụ chăm sóc khách hàng và sự thuận tiện. Nhưng sau khi phân tích thì kết quả cho thấy rằng sự tín nhiệm của khách hàng đối với ngân hàng khi chịu sự tác động của luật phá sản các tổ chức tín dụng chỉ phụ thuộc vào 02 yếu tố chính đó là an toàn và danh tiếng của ngân hàng. Khi luật phá sản các tổ chức tín dụng có hiệu lực thì sự tín nhiệm của khách hàng đối với ngân hàng TMCP Sài Gòn vẫn cao và vẫn quyết định lựa chọn ngân hàng này để giao dịch.
1105.	Đại học	Dự án nhà máy chế biến hải sản Royal	Châu Thái Ngoan	Trần Minh Hùng	
1106.	Đại học	Hoạch định chiến lược marketing cho công viên Kittyd and Minnied giai đoạn 2018-2019	Nguyễn Thanh Phương	Thái Ngọc Vũ	<p>Đề tài “Hoạch định chiến lược Marketing cho Công viên Kittyd and Minnied giai đoạn 2018-2019” nhằm phân tích các điểm mạnh, điểm yếu cơ hội và thách thức của Công viên Kittyd and Minnied từ đó xây dựng chiến lược Marketing, lựa chọn chiến lược phù hợp để thu hút khách khách du lịch. Mục tiêu của nghiên cứu tập trung vào phân tích các môi trường nội bộ, môi trường vĩ mô, vi mô, các yếu tố về điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức trong ma trận SWOT để từ đó hoạch định chiến lược Marketing và tổ chức xây dựng, đánh giá chiến lược phù hợp. Đề tài đã khảo sát 50 khách hàng đã sử dụng dịch vụ tại Công viên Kittyd and Minnied để đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng về</p>

					các dịch vụ mà Công viên cung cấp.
1107.	Đại học Ngôn Ngữ Anh	Common Errors with Final Consonants of English-Majored Sophomores at Tay Do University	Nguyễn Hồng Hạnh	Nguyễn Thị Thúy Hằng	<p>-Nghiên cứu này nhằm mục đích điều tra xem sinh viên năm thứ 2 ngành ngôn ngữ Anh có phát âm sai các phụ âm cuối như /s/, /z/ và /iz/. Nghiên cứu tập trung vào 2 trọng tâm. Một là phát hiện lỗi phổ biến nhất mà sinh viên thường hay phát âm sai ở phụ âm cuối. Hai là tìm ra nguyên nhân tại sao các em thường xuyên phát âm các phụ âm cuối này để từ đó đưa ra cách khắc phục.</p> <p>- Đối tượng nghiên cứu là 50 sinh viên năm thứ 2 của Đại học Tây được chọn lọc để làm nghiên cứu.</p> <p>-Công cụ nghiên cứu là bảng câu hỏi, phỏng vấn và ghi âm được sử dụng trong nghiên cứu.</p> <p>- Kết quả nghiên cứu cho thấy phần lớn các em phát âm sai phụ âm cuối và một trong những</p>

					nguyên nhân phổ biến nhất là do các em bỏ các phụ âm cuối và không phát âm vì trong tiếng Việt không có các phụ âm cuối giống như vậy.
1108.	Đại học Ngôn Ngữ Anh	Difficulties in Vietnamese-English Translation of English Majored Students at Tay Do University.	Kiều Vũ Luân	Wa Thái Nhu Phuong	Mục đích của nghiên cứu này là tập trung vào một số khó khăn của sinh viên ngành Anh ngữ trong dịch thuật văn hóa Việt - Anh. Những người tham gia là 60 sinh viên năm nhất và năm tư chuyên ngành tiếng Anh tại Đại học Tây Đô. Kết quả của nghiên cứu chỉ ra rằng các sinh viên chuyên ngành Anh ngữ gặp khó khăn trong dịch thuật Việt-Anh.
1109.	Đại học Ngôn Ngữ Anh	Common challenges in Vietnam- English Translation of English majored juniors at Tây Đô University	Nguyễn Lý Bảo Ngân	Phan Thị Minh Uyên	Đề tài nghiên cứu thực nghiệm, tại sao SV năm thứ 3 tại Đại Học Tây Đô thường gặp khó khăn trong khi học môn dịch Việt –Anh. Tìm hiểu nguyên nhân tại sao SV năm thứ 3 gặp một số vấn đề như ngữ pháp, từ vựng, thành ngữ tiếng Anh, kiến thức nền, kiến thức về văn hóa khi tham gia học môn dịch Việt-

					Anh nói riêng và giúp cho SV nhận ra những điểm yếu của mình nói chung để tìm cách khắc phục và nâng cao kỹ năng dịch của chính mình.
1110.	Đại học Ngôn Ngữ Anh	The effects of critical thinking on reading comprehension of English juniors at Tay Do University	Nguyễn Văn Thanh Bình	Huỳnh Thị Mỹ Duyên	Ảnh hưởng của khả năng tư duy tích cực lên khả năng đọc hiểu của sinh viên chuyên Anh năm 3 tại trường ĐH Tây Đô
1111.	Đại học Ngôn Ngữ Anh	Unnaturalness in English- Vietnamese translation: challenges facing English- majored seniors in Tay Do University.	Trần Tiến Dũng	Đặng Thị Bảo Dung	Đề tài nghiên cứu những thử thách về sự không tự nhiên trong dịch từ Anh sang Việt mà SV năm cuối gặp phải. Các công cụ được sử dụng để thu thập dữ liệu là câu hỏi khảo sát và phỏng vấn. Kết quả cho thấy SV hay gặp trở ngại khi dịch thành ngữ, giới từ và mệnh đề liên hệ...
1112.	Đại học Ngôn Ngữ Anh	Factors affecting presentation skills of English majored sophomores at TD University	Võ Trần Thành Lộc	Lý thị Trà My	Kỹ năng thuyết trình là một kỹ năng quan trọng không riêng trong các hoạt động học thuật mà còn trong nhiều khía cạnh của cuộc sống như trong các hoạt động kinh doanh, các kỳ hội họp. Chính vì vậy, người có

				<p>khả năng thuyết trình tốt sẽ giành được nhiều lợi ích cho mình. Tuy nhiên, không phải dễ dàng để có được kỹ năng thuyết trình tốt và trên thực tế luôn có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng của kỹ năng thuyết trình. Vì thế mà bài nghiên cứu “Những nhân tố ảnh hưởng đến kỹ năng thuyết trình của sinh viên ngành Ngôn Ngữ Anh năm thứ 2” nhằm xác định những nhân tố đó. Đối tượng nghiên cứu gồm có 59 sinh viên năm thứ 2 chuyên ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Tây Đô và 2 giảng viên chuyên ngữ. Bài nghiên cứu sử dụng các bảng hỏi, phỏng vấn và dự giờ để thu thập dữ liệu. Kết quả thu được cho thấy có 6 nhân tố (Trình độ sử dụng lưu loát tiếng Anh, kiến thức nền, kinh nghiệm cá nhân, tính cách người thuyết trình, sự chuẩn bị và luyện tập, và vai trò của giáo viên) là những yếu tố chủ đạo ảnh hưởng đến khả năng thuyết trình của sinh</p>
--	--	--	--	--

					viên. Kết quả này sẽ góp phần giúp sinh viên nhận ra được vấn đề thực sự của mình khi thuyết trình và qua đó xác định được phương pháp khắc phục, nâng cao năng lực thuyết trình của bản thân
1113.	Đại học Ngôn Ngữ Anh	An investigation into the difficulties in making a presentation of fourth year English majored students at Tay Do University	Quang Phát Đạt	Huỳnh Thị Ngọc Kiều	
1114.	Đại học Ngôn Ngữ Anh	A survey on the difficulties in studying ToEIC listening comprehension of non-English majored freshman at TD University	Trần Thị Kim Hương	Nguyễn Hiệp Thanh Nga	
1115.	ĐH Việt Nam học	Đặc trưng văn hóa ẩm thực thu hút phát triển du lịch tỉnh Sóc Trăng tầm nhìn 2020 đến 2030	Trương Thị Riên	Ths. Cao Thị Sen	Đề tài nghiên cứu đặc trưng văn hóa ẩm thực của tỉnh Sóc Trăng trong phát triển du lịch. Đề tài đi sâu nghiên cứu về văn hóa ẩm thực của 3 dân tộc sống ở Sóc Trăng là người Việt, Khmer, Chăm. Đánh giá thực trạng phát triển du lịch Sóc Trăng thông qua văn hóa ẩm thực và đề xuất những giải pháp bảo tồn và phát triển văn hóa ẩm thực Sóc Trăng cũng như đưa ẩm thực của tỉnh vào phát triển du lịch một cách hiệu quả.
1116.	ĐH Việt Nam học	Quy hoạch đầu tư du lịch tỉnh Kiên Giang đến 2030	Huỳnh Thanh Sang	Ths. Cao Thị Sen	Đề tài nghiên cứu và đánh giá về các hoạt động đầu tư du lịch của tỉnh Kiên Giang từ năm

					2010 đến nay và định hướng đầu tư đến 2030. Đề tài cũng đề xuất một số giải pháp đầu tư và sử dụng vốn đầu tư du lịch hiệu quả cho tỉnh Kiên Giang.
1117.	ĐH Việt Nam học	Khai thác bóng đá trong hoạt động du lịch tại ĐBSCL	Lâm Hữu Tâm	Ths. Cao Thị Sen	Đề tài đi sâu nghiên cứu vấn đề khai thác bóng đá phục vụ phát triển du lịch của vùng ĐBSCL. Đánh giá thực trạng khai thác và đề xuất những tưởng để đưa bóng đá vào phát triển hoạt động du lịch mạnh mẽ hơn nữa.
1118.	ĐH Việt Nam học	Điều kiện và thực trạng thu hút khách du lịch nội địa đến huyện đảo Phú Quốc	Dương Thị Huỳnh Như	Ths. Dương Thanh Xuân	Đề tài nghiên cứu sâu các điều kiện cũng như thực trạng thu hút khách du lịch nội địa đến Phú Quốc. Đề tài khảo sát khách du lịch, để đánh giá những mặt tích cực và hạn chế trong vấn đề phục vụ khách du lịch nội địa của Phú Quốc. Từ đó, đưa ra những giải pháp để phát triển du lịch Phú Quốc nói chung và thu hút khách du lịch nội địa nói chung.
1119.	ĐH Việt Nam học	Thực trạng và giải pháp phát triển du lịch sinh thái trên cù lao Thới Sơn – tỉnh Tiền Giang	Trần Chí Tâm	Ths. Dương Thanh Xuân	Đề tài nghiên cứu tiềm năng phát triển du lịch sinh thái tại cù lao Thới Sơn, khảo sát để đánh giá thực trạng phát triển du lịch hiện nay tại cù lao Thới Sơn cũng rút ra những mặt tích cực và hạn chế trong phát triển du lịch sinh thái tại cù lao này. Đề tài nêu lên một số giải pháp rất thiết thực để cù lao Thới Sơn phát triển du lịch hiệu quả hơn trong tương lai.
1120.	Đại học Văn học	Đặc sắc truyện ngắn trong truyện ngắn hay 2000 - 2012	Nguyễn Văn	Hào	Nguyễn Thúy Diễm
1121.	Đại học Văn học	Tính triết lý trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư	Phạm Mộng	Huỳnh	Nguyễn Minh Ca

1122.	Đại học Văn học	Sự thay đổi quan điểm về người anh hùng qua các sáng tác của Phan Bội Châu	Nguyễn Thị Diệu	Quyên	Nguyễn Thị Mỹ Nhung
1123.	Đại học Văn học	Điện cổ trong tuồng Kim Thạch kỳ duyên của Bùi Hữu Nghĩa	Phan Hằng	Thi	Nguyễn Thị Linh
1124.	Đại học Văn học	Phương ngữ Nam Bộ trong truyện ngắn của Dạ Ngân	Tô Bá	Toàn	Ngô Thị Minh Hiếu
1125.	Đại học Văn học	Đặc sắc truyện ngắn trong truyện ngắn hay 2000 - 2012	Nguyễn Văn Hào	Nguyễn Thúy Diễm	Đề tài giúp cho người đọc có cái nhìn khái quát về những đặc sắc của tuyển tập truyện ngắn hay trong giai đoạn 2000-2012. Đặc sắc cả về nội dung và nghệ thuật. Khóa luận đã làm nổi bật những đặc sắc đó.
1126.	Đại học Văn học	Tính triết lý trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư	Phạm Mộng Huynh	Nguyễn Minh Ca	Khóa luận giúp người đọc có cái nhìn khái quát về cuộc đời, sự nghiệp sáng tác của nhà văn Nguyễn Ngọc Tư. Đặc biệt tính triết lý của tác giả trong sáng tác. Triết lý về con người, về cuộc sống.
1127.	Đại học Văn học	Sự thay đổi quan điểm về người anh hùng qua các sáng tác của Phan Bội Châu	Nguyễn Thị Diệu Quyên	Nguyễn Thị Mỹ Nhung	Khóa luận khai thác khía cạnh mới về nội dung trong sáng tác của Phan Bội Châu. Ngoài nêu lên cuộc đời và sự nghiệp Cách mạng cũng như sáng tác của PBC, khóa luận còn cho người đọc thấy được cái nhìn mới mẻ về người anh hùng của PBC.
1128.	Đại học Văn học	Điện cổ trong tuồng Kim Thạch kỳ duyên của Bùi Hữu Nghĩa	Phan Hằng Thi	Nguyễn Thị Linh	Khóa luận đi sâu tìm hiểu điện cổ trong tuồng Kim Thạch kỳ duyên. Ngoài nội dung về điện cổ và vài nét về tuồng, người viết khảo sát, tìm hiểu, lí giải, nêu ý nghĩa của việc sử dụng điện của tác giả trong tác phẩm.
1129.	Đại học Văn học	Phương ngữ Nam Bộ trong truyện ngắn của Dạ Ngân	Tô Bá Toàn	Ngô Thị Minh Hiếu	Khóa luận giúp người đọc có cái nhìn rõ ràng

					hơn trong việc sử dụng phương ngữ Nam Bộ trong truyện ngắn của Dạ Ngân. Đặc biệt là ý nghĩa của việc sử dụng phương ngữ trong việc diễn tả nội dung trong sáng tác của Dạ Ngân.
1130.	Đại học	Kế toán và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Nam Phát	Trần Ngọc Anh	ThS. Thái Thị Bích Trân	Nghiên cứu quy trình kế toán xác định kết quả kinh doanh thực tế tại DN Phân tích tình hình doanh thu, chi phí, lợi nhuận, các chỉ tiêu tài chính của DN Rút ra nhận định ưu điểm, tồn tại và đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác kế toán, nâng cao hiệu quả kinh doanh
1131.	Đại học	Phân tích các nhân tố tác động đến tính thanh khoản của các công ty niêm yết ngành công nghiệp trên SGDCK TPHCM.	Lì Thị Nguyệt Anh	ThS. Nguyễn Đình Khôi	Nghiên cứu thu thập mẫu dữ liệu trong hai năm là năm 2015 và năm 2016 của 97 công ty ngành công nghiệp niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) bao gồm 194 quan sát/năm với bảng dữ liệu cấu trúc không cân xứng. Trong nghiên cứu này đã sử dụng phương pháp thống kê mô tả để tiến hành chạy ba mô hình tác động là mô hình OLS, mô hình tác động cố định (Fixed Effect Model – FEM) và mô hình tác động ngẫu nhiên (Random Effect Model – REM) để ước lượng mô hình hồi quy. Bên cạnh đó, nghiên cứu còn sử dụng các kiểm định để kiểm tra hiện tượng tương quan giữa các biến mô hình với việc kiểm định bằng ma trận tương quan và nhân tử phóng đại phương sai (VIF), cùng với đó nghiên cứu

					<p>sẽ thực hiện kiểm định Ftest và LMtest để kiểm tra xem giữa ba mô hình OLS, mô hình tác động cố định và tác động ngẫu nhiên thì mô hình nào phù hợp hơn.</p> <p>Kết quả nghiên cứu cho thấy biến tỷ lệ nợ và biến tăng trưởng tài sản cố định có tác động ngược chiều đến tỷ lệ thanh toán hiện hành và các biến độc lập: Tỷ số ROA, lưu chuyển dòng tiền thuần và tỷ lệ vốn lưu động có tác động cùng chiều với khả năng thanh toán hiện hành, chưa có bằng chứng thống kê cho thấy là các yếu tố trên có tác động đến khả năng thanh toán hiện hành của doanh nghiệp.</p>
1132.	Đại học	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến cấu trúc vốn doanh nghiệp ngành hàng tiêu dùng thiết yếu tại Sở giao dịch chứng khoán TPHCM (HOSE)	Qu, ch ChÊn Bõu	ThS. Nguyễn Trí Dũng	<p>Đề tài nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến cấu trúc vốn của các doanh nghiệp ngành hàng tiêu dùng thiết yếu niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) được thực hiện trên mẫu quan sát bao gồm 29 doanh nghiệp ngành hàng tiêu dùng thiết yếu trong giai đoạn năm 2013 – 2017.</p> <p>Sau khi thực hiện ước lượng hồi quy và các kiểm định cần thiết cho mô hình dữ liệu bảng thì đã tìm ra mô hình hồi quy cốt lõi bao gồm 4 nhân tố ảnh hưởng đến cấu trúc vốn của các doanh nghiệp ngành hàng tiêu dùng thiết yếu bao gồm: sự tăng trưởng của doanh nghiệp, tính thanh khoản của doanh nghiệp, khả</p>

					năng sinh lợi của doanh nghiệp và quy mô doanh nghiệp.
1133.	Đại học	Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác kế toán các khoản phải thu tại Công ty TNHH MTV SX TM Đại Thắng	Nguyễn Ôn Minh Khánh	TS. Nguyễn Thiện Phong	Qua thực trạng công tác kế toán nợ phải thu tại Công ty TNHH MTV SX và TM Đại Thắng, đề tài đã phân tích các yếu tố ảnh hưởng và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán nợ phải thu tại Công ty.
1134.	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin của các doanh nghiệp ngành thủy sản niêm yết trên TTCK	Nguyễn Ôn Thị Kim Ngãc Kháe	ThS. Huỳnh Thị Cẩm Thơ	Đề tài nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin của các doanh nghiệp ngành thủy sản niêm yết. Trên cơ sở đó, nêu ra tầm quan trọng và tính hiệu quả của việc công bố thông tin của các công ty niêm yết. Nâng cao trình độ hiểu biết giúp các nhà đầu tư có cái nhìn sâu rộng và chính xác hơn trong các quyết định đầu tư của họ. Góp phần nâng cao tính lành mạnh và công bằng của một thị trường chứng khoán. Kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố Khả năng sinh lời, Tài sản cố định, Đòn bẩy tài chính, Khả năng thanh toán không ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin của các doanh nghiệp ngành thủy sản niêm yết. Trong khi đó, các yếu tố Quy mô doanh nghiệp, Chủ thể kiểm toán, Thành phần HĐQT, Thời gian hoạt động lại ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin của các doanh nghiệp ngành thủy sản niêm yết theo mô hình sau với mức độ phù hợp 61.52%
1135.	Đại học	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty	Nguyễn Ôn Thị Tuyết Nghi	ThS. Lương Văn Cầu	Nghiên cứu quy trình kế toán xác định kết quả kinh doanh thực tế tại Cty

		TNHH TM DV Đông Anh			TNHH TM DV Đông Anh Phân tích tình hình doanh thu, chi phí, lợi nhuận, các chỉ tiêu tài chính của DN Rút ra nhận định ưu điểm, tồn tại và đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác kế toán, nâng cao hiệu quả kinh doanh
1136.	Đại học	Mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến tính thanh khoản của các công ty niêm yết ngành Bất động sản trên SGDCK TPHCM	Tr-ng Thóy NguyỜn	ThS. Nguyễn Đình Khôi	Luận văn phân tích và làm rõ về các yếu tố ảnh hưởng đến tính thanh khoản. Đánh giá các mối quan hệ liên quan giữa các yếu tố ảnh hưởng đến tính thanh khoản của các công ty của các công ty thuộc nhóm ngành bất động sản được niêm yết trên sàn giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và Hà Nội (HNX) trong giai đoạn 2014-2016. Từ đó, đề tài đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao thanh khoản cho công ty.
1137.	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến HQLĐKD của DN lĩnh vực nông nghiệp niêm yết trên TTCK Việt Nam	NguyỜn Thp Huỳnh Nh	ThS. Lê Cánh Bích Thơ	Đề tài “Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các công ty ngành Nông nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam”, sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính đa biến để ước lượng các nhân tố nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh, thông qua hai chỉ tiêu là lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) của 57 doanh nghiệp ngành Nông nghiệp, đang giao dịch trên sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Kết quả mô hình cho thấy hiệu quả hoạt động của

					doanh nghiệp ngành nông nghiệp chịu ảnh hưởng bởi tỷ lệ nợ, tỷ lệ nợ vay và thời gian hoạt động của doanh nghiệp. Từ những kết quả trên, đề tài cũng đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp ngành Nông nghiệp hiện nay.
1138.	Đại học	Ảnh hưởng của thông tin kế toán đến giá cổ phiếu của các công ty niêm yết trên Sở GD CK TPHCM	Thi Òu Thậ Yỗn Nhi	Thầy Huỳnh Trung Kiên	Đề tài nghiên cứu ảnh hưởng của thông tin kế toán đến giá cổ phiếu của các công ty niêm yết trên Sở GD CK TPHCM. Từ đó, đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao tính hữu ích của thông tin kế toán trong các báo cáo tài chính trên Sở giao dịch chứng khoán TPHCM
1139.	Đại học	Kế toán và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Minh Quyền	L ^a Thậ ý Nhi	ThS. Thái Thị Bích Trân	Nghiên cứu quy trình kế toán xác định kết quả kinh doanh thực tế tại DN Phân tích tình hình doanh thu, chi phí, lợi nhuận, các chỉ tiêu tài chính của DN Rút ra nhận định ưu điểm, tồn tại và đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác kế toán, nâng cao hiệu quả kinh doanh
1140.	Đại học	Kế toán và phân tích nghiệp vụ huy động tiền gửi dân cư tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh Cà Mau	ChỖ Hằg Nhi ^a n	ThS. Thái Thị Bích Trân	Nghiên cứu quy trình kế toán nghiệp vụ cho vay thực tế tại NH Phân tích tình hình huy động vốn, các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả huy động vốn của NH Rút ra nhận định ưu điểm, tồn tại và đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác kế toán, nâng cao hiệu quả huy động vốn của NH
1141.	Đại học	THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ TÍN DỤNG HỘ SẢN XUẤT	NguyỖn Thậ Nho	ThS. Thái Kim Hiền Nhân	Đề tài phân tích thực trạng tín dụng hộ sản xuất tại Agribank - Chi nhánh Cà Mau; đồng thời

					phân tích một số nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động tín dụng hộ sản xuất. Từ đó, đề ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tín dụng hộ sản xuất tại Agribank - Chi nhánh Cà Mau.
1142.	Đại học	Thực trạng và giải pháp hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty TNHH Bách Tùng Gia	Ng« Thp Thi ⁿ Ph-ng	TS. Nguyễn Thiện Phong	Qua thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty TNHH TMDV Bách Tùng Gia, đề tài đã phân tích những hạn chế trong công tác kế toán hàng tồn kho, để từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty.
1143.	Đại học	Đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định và chi phí khấu hao tại Công ty TNHH kiểm toán AFC - Chi nhánh Cần Thơ	NguyÔn ChÝ Thă	ThS. Nguyễn Quang Nhơn	Tìm hiểu, phân tích, đánh giá ưu điểm nhược điểm của quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định và chi phí khấu hao của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam. Từ đó, Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định và chi phí khấu hao của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ.
1144.	Đại học	Phân tích biến động chi phí sản xuất tại chi nhánh Công ty TNHH MTV-TCT Lương thực Miền nam Thốt Nốt	NguyÔn Thp Kim Trang	ThS. Nguyễn Huy Trung	Luận văn đã trình bày một cách hệ thống cơ sở lý luận về kế toán chi phí và phân loại chi phí sản xuất. Luận văn cũng đã trình bày các biến động của chi phí và các nhân tố ảnh hưởng đến sự biến động đó. Bên cạnh đó đề tài còn phân tích thực trạng tình hình biến động chi phí, các nguyên nhân biến động chi phí tại CN Cty TNHH MTV-TCT Lương thực Miền Nam - Chi nhánh Thốt Nốt. Từ đó đề xuất một số giải pháp

					nhằm kiểm soát chi phí và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Doanh nghiệp.
1145.	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay cá nhân tại Ngân hàng HD Bank - Chi nhánh Sóc Trăng	Trần Thị Kim Chi	ThS. Thái Kim Hiền Nhân	Đề tài nghiên cứu về hoạt động cho vay cá nhân tại Ngân hàng HD Bank - Chi nhánh Sóc Trăng; đồng thời phân tích một số nhân tố ảnh hưởng đến quyết định cấp tín dụng cá nhân. Từ đó, đề ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động cho vay cá nhân tại Ngân hàng HD Bank - Chi nhánh Sóc Trăng
1146.	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới sự hài lòng của khách hàng khi sử dụng dịch vụ tại NHNo&PTNT Châu Thành, An Giang	L ^a Nguyễn Ph ^o ng Lam	ThS. Nguyễn Trí Dũng	Mục đích của đề tài là đánh giá các yếu tố ảnh hưởng tới sự hài lòng khách hàng khi sử dụng dịch vụ tại AGRIBANK huyện Châu Thành. Đề tài thu thập thông tin bằng bảng câu hỏi với 247 khách hàng của AGRIBANK huyện Châu Thành. Sau đó tiến hành phân tích nhân tố khám phá EFA, đánh giá độ tin cậy thang đo bằng Cronbach's Alpha, hồi quy đa biến để xác định mức độ ảnh hưởng đến sự hài lòng. Kết quả phân tích hồi quy cho thấy nhân tố có tác động mạnh đến sự hài lòng của khách hàng theo thứ tự giảm dần như sau: Năng lực phục vụ, Chính sách giá cả, Khả năng đáp ứng và Sự tin cậy.
1147.	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp vừa và nhỏ tại tỉnh Cà Mau	Nguyễn Thị Linh	ThS. Lê Cảnh Bích Thơ	Mục tiêu nghiên cứu của khóa luận này nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp vừa và nhỏ tại tỉnh Cà Mau. Cỡ mẫu được chọn là 80 doanh nghiệp vừa và nhỏ.

					Phương pháp thống kê mô tả và phân tích hồi quy tuyến tính đa biến được sử dụng trong nghiên cứu. Kết quả phân tích bằng mô hình hồi quy còn cho thấy hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại tỉnh Cà Mau được hình thành từ sự tương quan của các nhân tố như: Giới tính, chính sách hỗ trợ, quy mô, quan hệ xã hội, loại hình và tuổi doanh nghiệp. Trong đó, ROA tương quan thuận chiều nhân tố quy mô và chính sách hỗ trợ, ngược lại hai nhân tố giới tính và quan hệ xã hội tương quan nghịch chiều với ROA. Bên cạnh đó, hai nhân tố loại hình và tuổi doanh nghiệp đều tương quan hệ thuận chiều với ROE.
1148.	Đại học	Phân tích hoạt động của NHTM Á Châu thông qua các báo cáo tài chính giai đoạn 2014-2016	Nguyễn Thị Mũ Quy ^a n	ThS. Trương Hoàng Phương	Đề tài nghiên cứu về hoạt động của Ngân hàng Á Châu - thông qua các báo cáo tài chính; Từ đó, đề ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tại Ngân hàng Á Châu
1149.	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Bản Việt-CN Cần Thơ	Huỳnh Ngọc Thư	ThS. Tất Duyên Thư	Phân tích thực trạng hoạt động tín dụng cá nhân và các nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng cá nhân tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt chi nhánh Cần Thơ nhằm đề xuất các giải pháp giảm thiểu rủi ro cho hoạt động tín dụng cá nhân và tăng cường công tác quản lý rủi ro cho hoạt động này tại chi nhánh.
1150.	Đại học Nuôi trồng thủy	Khảo sát hiệu quả kinh tế - kỹ thuật của mô hình nuôi Tôm thẻ chân	Mai Thị Yến Duy	Phạm Thị Mỹ Xuân	Đánh giá hiệu quả kinh tế - kỹ thuật của mô hình nuôi Tôm thẻ chân trắng

	sản	trăng thâm canh trong ao lót bạc ở huyện Duyên Hải - tỉnh Trà Vinh			thâm canh trong ao lót bạc ở huyện Duyên Hải - tỉnh Trà Vinh
1151.	Đại học Nuôi trồng thủy sản	Khảo sát hiệu quả kinh tế - kỹ thuật của mô hình nuôi Tôm thẻ chân trắng thâm canh trong ao lót bạc ở huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	Diệp Vũ Bảo	Phạm Thị Mỹ Xuân	Đánh giá hiệu quả kinh tế - kỹ thuật của mô hình nuôi Tôm thẻ chân trắng thâm canh trong ao lót bạc ở huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau
1152.	Đại học Nuôi trồng thủy sản	Nghiên cứu sử dụng dịch chiết Bạch hoa xà trong ương ấu trùng Tôm sú	Phạm Đăng Khoa	Tăng Minh Khoa	Nghiên cứu sử dụng dịch chiết Bạch hoa xà trong ương ấu trùng Tôm sú
1153.	Đại học Nuôi trồng thủy sản	Nghiên cứu sử dụng dịch chiết Bạch hoa xà trong ương ấu trùng Tôm càng xanh với liều lượng và nhịp sử dụng khác nhau	Trần Thị Ngọc Trân	Tăng Minh Khoa	Nghiên cứu sử dụng dịch chiết Bạch hoa xà trong ương ấu trùng Tôm càng xanh với liều lượng và nhịp sử dụng khác nhau
1154.	Đại học Nuôi trồng thủy sản	Nghiên cứu khả năng kháng khuẩn của dịch chiết một số thảo dược lên vi khuẩn <i>Aeromonas hydrophyla</i>	Lê Chiêu Anh	Trần Ngọc Huyền	Đánh giá khả năng kháng khuẩn của dịch chiết một số thảo dược lên vi khuẩn <i>Aeromonas hydrophyla</i>
1155.	Đại học Nuôi trồng thủy sản	Đánh giá khả năng phòng trị bệnh hoại tử gan tụy trên tôm nuôi bằng dịch chiết củ Riềng	Nguyễn Trúc Linh	Tạ Văn Phương	Đánh giá khả năng phòng trị bệnh hoại tử gan tụy trên tôm nuôi bằng dịch chiết củ Riềng
1156.	Đại học Nuôi trồng thủy sản	Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học Cá sặc bướm (<i>Trichogaster trichopterus</i>) và cá sặc điệp (<i>Trichogaster microlepis</i>) ở Hậu Giang	Ngô Thị Ngọc Lánh	Nguyễn Văn Kiểm	Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học Cá sặc bướm (<i>Trichogaster trichopterus</i>) và cá sặc điệp (<i>Trichogaster microlepis</i>) ở Hậu Giang
1157.	Đại học Nuôi trồng thủy sản	Thử nghiệm nuôi thương phẩm cá Heo (<i>Botia modesta, 1865</i>) trong giai với các loại thức ăn và mật độ khác nhau.	Đặng Sĩ Tuấn	Nguyễn Văn Kiểm	Đánh giá sự tăng trưởng và tỉ lệ sống của cá Heo nuôi thương phẩm (<i>Botia modesta, 1865</i>) trong giai với các loại thức ăn và mật độ khác nhau.
1158.	Đại học Nuôi trồng thủy sản	Ảnh hưởng của thức ăn và mật độ đến tăng trưởng cá Sặc điệp giai đoạn cá bột lên cá hương	Lý Tuấn Kiệt	Trần Ngọc Huyền	Đánh giá sự ảnh hưởng của thức ăn và mật độ đến tăng trưởng cá Sặc điệp giai đoạn cá bột lên cá hương
1159.	Đại học Nuôi trồng thủy sản	Ảnh hưởng của chế độ cho ăn lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của Cá tai tượng giai đoạn Cá	Lê Thanh Nhân	Trần Ngọc Tuyên	Đánh giá sự ảnh hưởng của chế độ cho ăn lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của Cá tai tượng giai

		giống			đoạn Cá giống
1160.	Đại học Nuôi trồng thủy sản	Ảnh hưởng của mật độ và độ mặn lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của Cá trê vàng giai đoạn Cá bột lên Cá hương	Trần Kim Quý	Trần Ngọc Tuyền	Đánh giá sự ảnh hưởng của mật độ và độ mặn lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của Cá trê vàng giai đoạn Cá bột lên Cá hương
1161.	Đại học Nuôi trồng thủy sản	Thử nghiệm kích thích Cá sặc bướm <i>Trichogaster trichopterces</i> và Cá sặc điệp <i>Trichogaster micrlopis</i> với các loại kích thích tổ khác nhau	Lê Sơn Ngọc	Nguyễn Văn Kiềm	Đánh giá tỉ lệ thụ tinh, sức sinh sản khi kích thích Cá sặc bướm <i>Trichogaster trichopterces</i> và Cá sặc điệp <i>Trichogaster micrlopis</i> với các loại kích thích tổ khác nhau
1162.	Đại học Nuôi trồng thủy sản	Ảnh hưởng của mật độ và thức ăn lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của Cá he vàng giai đoạn cá bột lên Cá hương	Phạm Hải Duy	Trần Ngọc Tuyền	Đánh giá sự ảnh hưởng của mật độ và thức ăn lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của Cá he vàng giai đoạn cá bột lên Cá hương
1163.	Đại học Nuôi trồng thủy sản	Ảnh hưởng của mật độ và thức ăn lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của Cá tai tượng giai đoạn Cá giống	Nguyễn Tấn Phát	Trần Ngọc Tuyền	Ảnh hưởng của mật độ và thức ăn lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của Cá tai tượng giai đoạn Cá giống
1164.	Đại học Nuôi trồng thủy sản	Ảnh hưởng của độ mặn đến khả năng chịu đựng của cá rô đồng giai đoạn cá giống	Võ Thị Mộng Tiền	Trần Ngọc Huyền	Ảnh hưởng của độ mặn đến khả năng chịu đựng của cá rô đồng giai đoạn cá giống
1165.	Đại học Nuôi trồng thủy sản	Phân lập, tuyển chọn vi khuẩn có lợi từ hạt biofloc với các nguồn carbon khác nhau	Cao Chí Cường	Tạ Văn Phương	Phân lập, tuyển chọn vi khuẩn có lợi từ hạt biofloc với các nguồn carbon khác nhau
1166.	Đại học Nuôi trồng thủy sản	Ảnh hưởng của thức ăn và mật độ lên tăng trưởng cá Sặc điệp giai đoạn cá bột lên cá hương	Nguyễn Hoàng Phục	Trần Ngọc Huyền	Ảnh hưởng của thức ăn và mật độ lên tăng trưởng cá Sặc điệp giai đoạn cá bột lên cá hương
1167.	Đại học Nuôi trồng thủy sản	Khảo sát hiệu quả kinh tế - Kỹ thuật của nghề nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh theo mô hình CPF Combine ở huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.	Sơn Đại	Phạm Thị Mỹ Xuân	Đánh giá hiệu quả kinh tế - Kỹ thuật của nghề nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh theo mô hình CPF Combine ở huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.
1168.	Đại học Nuôi trồng thủy sản	Thử nghiệm sinh sản nhân tạo cá chốt chuột	Huỳnh Văn Khánh	Tăng Minh Khoa	Thử nghiệm sinh sản nhân tạo cá chốt chuột với các loại kích dục tổ khác nhau
1169.	Đại học Nuôi	Đánh giá khả năng xử lý Ammonia và H ₂ S trong	Nguyễn Hoàng Huy	Tạ Văn Phương	Đánh giá khả năng xử lý Ammonia và H ₂ S trong

	trồng thủy sản	nuôi Tôm bằng vi khuẩn <i>Rhodobacter</i>			nuôi Tôm bằng vi khuẩn <i>Rhodobacter</i>
1170.	Đại học Công nghệ thực phẩm	Nghiên cứu chế biến mứt đông Thanh long kết hợp bổ sung Khóm	Nguyễn Thiện Sếp	Nguyễn Văn Bá	Nghiên cứu chế biến mứt đông Thanh long kết hợp bổ sung Khóm
1171.	Đại học Công nghệ thực phẩm	Nghiên cứu sản xuất kẹo dẻo Thanh trà	Võ Hoàng Khải	Võ Thị Kiên Hào	Nghiên cứu sản xuất kẹo dẻo Thanh trà
1172.	Đại học Công nghệ thực phẩm	Sản xuất mangan ăn được từ gluten của lúa Mì	Đặng Ngọc Quý	Nguyễn Kim Đông	Sản xuất mangan ăn được từ gluten của lúa Mì
1173.	Đại học Công nghệ thực phẩm	Tính ổn định của dầu cọ pha trộn trong quá trình chiên Khoai tây	Phan Thị Tú Quyên	Nguyễn Kim Đông	Tính ổn định của dầu cọ pha trộn trong quá trình chiên Khoai tây
1174.	Đại học Công nghệ thực phẩm	Ảnh hưởng tỷ lệ pha trộn đến chất lượng của nước ép Khóm và Xoài	Trần Thị Minh Thanh	Nguyễn Kim Đông	Ảnh hưởng tỷ lệ pha trộn đến chất lượng của nước ép Khóm và Xoài
1175.	Đại học Công nghệ thực phẩm	Phát triển và đánh giá chất lượng nước Khóm Pha trộn với Carot và nước Cam.	Nguyễn Thị Trúc Linh	Nguyễn Kim Đông	Phát triển và đánh giá chất lượng nước Khóm Pha trộn với Carot và nước Cam.
1176.	Đại học Công nghệ thực phẩm	Chiết xuất hàm lượng pectin từ vỏ dưa Hấu	Lê Hùng Mạnh	Nguyễn Kim Đông	Chiết xuất hàm lượng pectin từ vỏ dưa Hấu
1177.	Đại học Công nghệ thực phẩm	Ảnh hưởng của các thông số chế biến về chất lượng thuộc tính của chip Chuối già	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Nguyễn Kim Đông	Ảnh hưởng của các thông số chế biến về chất lượng thuộc tính của chip Chuối già
1178.	Đại học Công nghệ thực phẩm	Sử dụng enzymepectinase để trích ly dịch quả trái Sori	Nguyễn Minh Hiền	Hà Phương Thảo	Sử dụng enzymepectinase để trích ly dịch quả trái Sori
1179.	Đại học Công nghệ thực phẩm	Thử nghiệm sản xuất rượu vang Nhân Ido (<i>Euphoria Longana</i>)	Dương Thị Quế Anh	Hà Phương Thảo	Thử nghiệm sản xuất rượu vang Nhân Ido (<i>Euphoria Longana</i>)
1180.	Đại học Công nghệ thực phẩm	Thử nghiệm sản xuất trà Hà thủ ô trắng bổ sung Cỏ ngọt và hoa Cúc	Nguyễn Phạm Tuấn Kiệt	Hà Phương Thảo	Thử nghiệm sản xuất trà Hà thủ ô trắng bổ sung Cỏ ngọt và hoa Cúc
1181.	Đại học Công nghệ thực phẩm	Thử nghiệm sản xuất mắm Tôm chua từ Tôm bạc (<i>Metapenaeus brevicornis</i>)	Nguyễn Hoàng Dũng	Hà Phương Thảo	Thử nghiệm sản xuất mắm Tôm chua từ Tôm bạc (<i>Metapenaeus brevicornis</i>)
1182.	Đại học	Trích ly anthocyanin từ	Trần Tuấn Hòa	Hà Phương Thảo	Trích ly anthocyanin từ

	Công nghệ thực phẩm	vỏ Khoai lang tím nhạt		Thảo	vỏ Khoai lang tím nhạt
1183.	Đại học Công nghệ thực phẩm	Sử dụng enzyme pectinase để trích ly dịch quả Na trong sản xuất rượu vang Na	Dương Thị Mỹ Liên	Hà Phương Thảo	Sử dụng enzyme pectinase để trích ly dịch quả Na trong sản xuất rượu vang Na
1184.	Đại học Công nghệ thực phẩm	Nghiên cứu sản xuất Tàu hũ có bổ sung sữa bột gầy	Nguyễn Trần Xuân Nhã	Nguyễn Văn Bá	Nghiên cứu sản xuất Tàu hũ có bổ sung sữa bột gầy
1185.	Đại học Công nghệ thực phẩm	Nghiên cứu sản xuất mứt đông Mãng cầu gai.	Lê Thị Thúy Ngân	Võ Thị Kiên Hào	Nghiên cứu sản xuất mứt đông Mãng cầu gai.
1186.	Đại học Công nghệ thực phẩm	Khảo sát ảnh hưởng của một số biện pháp chế biến đến chất lượng kim chi cải Thảo.	Phan Thị Hồng Như	Võ Thị Kiên Hào	Khảo sát ảnh hưởng của một số biện pháp chế biến đến chất lượng kim chi cải Thảo.
1187.	Đại học Công nghệ thực phẩm	Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng trích ly anthocyanin từ lá Cẩm.	Nguyễn Thị Hồng Thắm	Võ Thị Kiên Hào	Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng trích ly anthocyanin từ lá Cẩm.
1188.	Đại học Công nghệ thực phẩm	Nghiên cứu sản xuất nước chanh mật ong có bổ sung anthocyanin từ lá Cẩm.	Hồ Thị Thùy Dương	Võ Thị Kiên Hào	Nghiên cứu sản xuất nước chanh mật ong có bổ sung anthocyanin từ lá Cẩm.
1189.	Đại học Công nghệ thực phẩm	Khảo sát ảnh hưởng của một số biện pháp chế biến đến chất lượng bột Tỏi.	Nguyễn Thị Trúc Quỳnh	Võ Thị Kiên Hào	Khảo sát ảnh hưởng của một số biện pháp chế biến đến chất lượng bột Tỏi.
1190.	Đại học Công nghệ thực phẩm	Xây dựng quy trình sản xuất Nấm rom muối chua	Nguyễn Thế Minh	Nguyễn Thị Thu Thảo	Xây dựng quy trình sản xuất Nấm rom muối chua
1191.	Đại học Công nghệ thực phẩm	Xây dựng quy trình sản xuất chả lụa bổ sung thịt ức Gà	Đỗ Thị Yến Duy	Nguyễn Thị Thu Thảo	Xây dựng quy trình sản xuất chả lụa bổ sung thịt ức Gà
1192.	Đại học Công nghệ thực phẩm	Xây dựng quy trình sản xuất sữa đậu Xanh đóng chai bằng phương pháp trích ly	Nguyễn Thị Như Ý	Nguyễn Thị Thu Thảo	Xây dựng quy trình sản xuất sữa đậu Xanh đóng chai bằng phương pháp trích ly
1193.	Đại học Quản lý tài nguyên và MT	Nghiên cứu tác động của biến đổi khí hậu đến sinh kế của người dân xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, Cà Mau	Lê Quốc Anh	Võ Văn Bình	Nghiên cứu tác động của biến đổi khí hậu đến sinh kế của người dân xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, Cà Mau
1194.	Đại học Quản lý tài nguyên	Đánh giá công tác quản lý nguồn tài nguyên nước mặt dựa trên 10	Nguyễn Thị Kim Chi	Nguyễn Hà Quốc Tín	Đánh giá công tác quản lý nguồn tài nguyên nước mặt dựa trên 10

	và MT	khô tiêu chí quản lý tài nguyên nước ở huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ			chỉ quản lý tài nguyên nước ở huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ
1195.	Đại học Quản lý tài nguyên và MT	Nghiên cứu thu hồi Nitơ và photpho từ nước thải ao nuôi cá tra bằng phương pháp MAP	Từ Thị Kiều Diễm	Tạ Văn Phương	Nghiên cứu thu hồi Nitơ và photpho từ nước thải ao nuôi cá tra bằng phương pháp MAP
1196.	Đại học Quản lý tài nguyên và MT	Hiện trạng quản lý và nhu cầu sử dụng nước cấp hộ gia đình tại xã Thanh Thới Thuận, huyện Trần Đề, Sóc Trăng	Huỳnh Đình Nhật Duy	Nguyễn Thị Thúy Oanh	Hiện trạng quản lý và nhu cầu sử dụng nước cấp hộ gia đình tại xã Thanh Thới Thuận, huyện Trần Đề, Sóc Trăng
1197.	Đại học Quản lý tài nguyên và MT	Đánh giá công tác quản lý chất thải đến sinh hoạt trên địa bàn quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ	Nguyễn Thị Quỳnh Giao	Nguyễn Hà Quốc Tín	Đánh giá công tác quản lý chất thải đến sinh hoạt trên địa bàn quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ
1198.	Đại học Quản lý tài nguyên và MT	Đánh giá công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ	Lý Ngọc Hân	Nguyễn Huy Hoàng	Đánh giá công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ
1199.	Đại học Quản lý tài nguyên và MT	Khảo sát hàm lượng Nitrat trong nước thải sinh hoạt tại Rạch Cái Khế, thành phố Cần Thơ	Nguyễn Thị Kim Hương	Nguyễn Thị Thúy Oanh	Khảo sát hàm lượng Nitrat trong nước thải sinh hoạt tại Rạch Cái Khế, thành phố Cần Thơ
1200.	Đại học Quản lý tài nguyên và MT	Đánh giá công tác quản lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Cần Thơ	Phạm Thị Ngọc Hương	Nguyễn Huy Hoàng	Đánh giá công tác quản lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Cần Thơ
1201.	Đại học Quản lý tài nguyên và MT	Nghiên cứu của ứng dụng vi khuẩn Bacillus trong xử lý nước thải ở Rạch Cái Khế thành phố Cần Thơ	Phạm Thị Kim Hoa	Tạ Văn Phương	Nghiên cứu của ứng dụng vi khuẩn Bacillus trong xử lý nước thải ở Rạch Cái Khế thành phố Cần Thơ
1202.	Đại học Quản lý tài nguyên và MT	Khảo sát ảnh hưởng dòng chảy đến sạt lở ven bờ sông Hậu tại ấp Mỹ Hội, xã Mỹ Hội Đông huyện Chợ Mới, An Giang	Nguyễn Xuân Khánh	Võ Văn Bình	Khảo sát ảnh hưởng dòng chảy đến sạt lở ven bờ sông Hậu tại ấp Mỹ Hội, xã Mỹ Hội Đông huyện Chợ Mới, An Giang
1203.	Đại học Quản lý tài nguyên và MT	Khảo sát chất lượng nước của mô hình tôm rừng tại xã Rạch Chéo, huyện Phú Tân, Cà Mau	Nguyễn Kim Lân	Nguyễn Hà Quốc Tín	Khảo sát chất lượng nước của mô hình tôm rừng tại xã Rạch Chéo, huyện Phú Tân, Cà Mau
1204.	Đại học Quản lý	Đánh giá chất lượng nước ngầm tại quận Ô	Nguyễn Minh Luân	Nguyễn Hà Quốc Tín	Đánh giá chất lượng nước ngầm tại quận Ô

	tài nguyên và MT	Môn thành phố Cần Thơ			Môn thành phố Cần Thơ
1205.	Đại học Quản lý tài nguyên và MT	Đánh giá chất lượng nước thải của Khu Công nghiệp Trà Nóc, thành phố Cần Thơ	Lương Trọng Mỹ	Nguyễn Thị Thúy Oanh	Đánh giá chất lượng nước thải của Khu Công nghiệp Trà Nóc, thành phố Cần Thơ
1206.	Đại học Quản lý tài nguyên và MT	Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý cây xanh đô thị tại phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ	Lê Chấn Nghiệp	Mai Linh Cảnh	Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý cây xanh đô thị tại phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ
1207.	Đại học Quản lý tài nguyên và MT	Khảo sát nồng độ SO ₂ , CO, NO _x và bụi phát sinh trong khí thải lò đốt rác y tế ở ĐBSCL	Ngô Huỳnh Trọng Nghĩa	Nguyễn Thị Thúy Oanh	Khảo sát nồng độ SO ₂ , CO, NO _x và bụi phát sinh trong khí thải lò đốt rác y tế ở ĐBSCL
1208.	Đại học Quản lý tài nguyên và MT	Xây dựng bản đồ phân vùng ảnh hưởng xâm nhập mặn tỉnh Sóc Trăng	Nguyễn Thị Như Nguyệt	Mai Linh Cảnh	Xây dựng bản đồ phân vùng ảnh hưởng xâm nhập mặn tỉnh Sóc Trăng
1209.	Đại học Quản lý tài nguyên và MT	Khảo sát hiện trạng nước mặt sông Tiền đoạn qua thành phố Cao Lãnh	Trần Yến Nhi	Nguyễn Huy Hoàng	Khảo sát hiện trạng nước mặt sông Tiền đoạn qua thành phố Cao Lãnh
1210.	Đại học Quản lý tài nguyên và MT	Đánh giá hiện trạng sử dụng nguồn tài nguyên nước mặt trên sông Cần Thơ đoạn từ chợ nổi Cái Răng đến khu du lịch Mỹ Khánh	Lương Thị Linh Nhiw	Nguyễn Huy Hoàng	Đánh giá hiện trạng sử dụng nguồn tài nguyên nước mặt trên sông Cần Thơ đoạn từ chợ nổi Cái Răng đến khu du lịch Mỹ Khánh
1211.	Đại học Quản lý tài nguyên và MT	Đánh giá chất lượng nước mặt Rạch Sang Trắng đoạn từ Vàm Sang Trắng đến cầu Sang Trắng 1	Võ Thị Yến Nhi	Nguyễn Hà Quốc Tín	Đánh giá chất lượng nước mặt Rạch Sang Trắng đoạn từ Vàm Sang Trắng đến cầu Sang Trắng 1
1212.	Đại học Quản lý tài nguyên và MT	Đánh giá chất lượng nước ngầm tại quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ năm 2018	Phan Thị Hồng Nhung	Nguyễn Hà Quốc Tín	Đánh giá chất lượng nước ngầm tại quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ năm 2018
1213.	Đại học Quản lý tài nguyên và MT	Khảo sát hiệu quả xử lý P _{+s} , N _{+s} , N-NH ₄ ⁺ của một số hệ thống xử lý nước thải thủy sản tại thành phố Cần Thơ	Trần Hoài Phương	Nguyễn Thị Thúy Oanh	Khảo sát hiệu quả xử lý P _{+s} , N _{+s} , N-NH ₄ ⁺ của một số hệ thống xử lý nước thải thủy sản tại thành phố Cần Thơ
1214.	Đại học Quản lý tài nguyên và MT	Đánh giá chất lượng nước mặt Rạch Cái Chôm, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ	Trần Đình Hà Phương	Nguyễn Thị Thúy Oanh	Đánh giá chất lượng nước mặt Rạch Cái Chôm, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
1215.	Đại học Quản lý tài nguyên	Đánh giá khả năng cải thiện chất lượng nước Rạch Tham Tướng bằng	Võ Như Phượng	Tạ Văn Phương	Đánh giá khả năng cải thiện chất lượng nước Rạch Tham Tướng bằng

	và MT	phương pháp keo tụ và lọc bình			phương pháp keo tụ và lọc bình
1216.	Đại học Quản lý tài nguyên và MT	Đánh giá công tác quản lý nước mặt quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ	Dương Thị Thủy Quyên	Nguyễn Hà Quốc Tín	Đánh giá công tác quản lý nước mặt quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ
1217.	Đại học Quản lý tài nguyên và MT	Đánh giá hiệu quả xử lý nước thải y tế trạm xử lý nước thải của bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	Nguyễn Thái Sang	Nguyễn Huy Hoàng	Đánh giá hiệu quả xử lý nước thải y tế trạm xử lý nước thải của bệnh viện đa khoa Đồng Tháp
1218.	Đại học Quản lý tài nguyên và MT	Đánh giá hiện trạng quản lý chất thải rắn y tế tại một số cơ sở y tế tỉnh Đồng Tháp	Nguyễn Võ Hoàng Sang	Nguyễn Huy Hoàng	Đánh giá hiện trạng quản lý chất thải rắn y tế tại một số cơ sở y tế tỉnh Đồng Tháp
1219.	Đại học Quản lý tài nguyên và MT	Đánh giá chất lượng nước ngầm quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ	Đặng Hồng Tươi	Nguyễn Hà Quốc Tín	Đánh giá chất lượng nước ngầm quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ
1220.	Đại học Quản lý tài nguyên và MT	Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý quản lý rác thải tại địa lý quản lý rác thải tại thành phố Cà Mau, Cà Mau	Hứa Thị Anh Thư	Mai Linh Cảnh	Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý quản lý rác thải tại địa lý quản lý rác thải tại thành phố Cà Mau, Cà Mau
1221.	Đại học Quản lý tài nguyên và MT	Khảo sát điều kiện môi trường nước mô hình nuôi tôm - lúa ở huyện vùng ven biển tỉnh Bến Tre	Phạm Trần Thơ Thơ	Tạ Văn Phương	Khảo sát điều kiện môi trường nước mô hình nuôi tôm - lúa ở huyện vùng ven biển tỉnh Bến Tre
1222.	Đại học Quản lý tài nguyên và MT	Nghiên cứu vi khuẩn Bacillus có khả năng xử lý nước rỉ từ bãi rác	Trần Thanh Thảo	Tạ Văn Phương	Nghiên cứu vi khuẩn Bacillus có khả năng xử lý nước rỉ từ bãi rác
1223.	Đại học Quản lý tài nguyên và MT	Đánh giá khả năng tiếp cận nguồn nước sạch phục vụ cho sinh hoạt của các hộ dân ở xã Giai Xuân, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ	Trần Minh Thuợng	Nguyễn Thị Thúy Oanh	Đánh giá khả năng tiếp cận nguồn nước sạch phục vụ cho sinh hoạt của các hộ dân ở xã Giai Xuân, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ
1224.	Đại học Quản lý tài nguyên và MT	Đánh giá chất lượng nước cấp sinh hoạt tại thị trấn Lịch Hội Thượng, huyện Trần Đề, Sóc Trăng	Hàng Chí Thiện	Nguyễn Huy Hoàng	Đánh giá chất lượng nước cấp sinh hoạt tại thị trấn Lịch Hội Thượng, huyện Trần Đề, Sóc Trăng
1225.	Đại học Quản lý tài nguyên và MT	Đánh giá hiện trạng và công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ	Lưu Thị Kiều Tiên	Nguyễn Hà Quốc Tín	Đánh giá hiện trạng và công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ
1226.	Đại học Quản lý	Đánh giá nhu cầu sử dụng nguồn nước mặt	Đỗ Thanh Trọng	Nguyễn Hà Quốc Tín	Đánh giá nhu cầu sử dụng nguồn nước mặt

	tài nguyên và MT	trong sản xuất nông nghiệp tại quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ			trong sản xuất nông nghiệp tại quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ
1227.	Đại học Quản lý tài nguyên và MT	Đánh giá khả năng xử lý nước rỉ từ bãi rác thải bằng phương pháp Ozon hóa	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	Tạ Văn Phương	Đánh giá khả năng xử lý nước rỉ từ bãi rác thải bằng phương pháp Ozon hóa
1228.	Đại học Quản lý tài nguyên và MT	Khảo sát và đánh giá hàm lượng Polychlorinated biphenyle (PCBs) trong nước thải khu công nghiệp Trà Nóc 1, thành phố Cần Thơ	Huỳnh Khắc Trung	Nguyễn Thị Thúy Oanh	Khảo sát và đánh giá hàm lượng Polychlorinated biphenyle (PCBs) trong nước thải khu công nghiệp Trà Nóc 1, thành phố Cần Thơ
1229.	Đại học Quản lý tài nguyên và MT	Đánh giá chất lượng nước ngầm tại quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ	Phùng Minh Trí	Nguyễn Hà Quốc Tín	Đánh giá chất lượng nước ngầm tại quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ
1230.	Đại học Quản lý tài nguyên và MT	Đánh giá ảnh hưởng của sạt lở đến đời sống của người dân tại Cồn Sơn, giai đoạn 2015-2017	Phạm Tố Uyên	Nguyễn Thị Thúy Oanh	Đánh giá ảnh hưởng của sạt lở đến đời sống của người dân tại Cồn Sơn, giai đoạn 2015-2017
1231.	Đại học Quản lý tài nguyên và MT	Đánh giá ảnh hưởng của sự thay đổi triều cường đến đời sống người dân tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Đào Nguyễn Phương Uyên	Nguyễn Thị Thúy Oanh	Đánh giá ảnh hưởng của sự thay đổi triều cường đến đời sống người dân tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
1232.	Đại học Quản lý tài nguyên và MT	Đánh giá công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại thành phố Vĩnh Long	Dương Hải Yên	Nguyễn Huy Hoàng	Đánh giá công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại thành phố Vĩnh Long
1233.	Đại học Quản lý đất đai	Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự thay đổi diện tích canh tác lúa tại Vĩnh Long, giai đoạn 2015 - 2017	Lâm Duy Bách	Mai Linh Cảnh	Xác định và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sự thay đổi diện tích canh tác lúa tại Vĩnh Long, giai đoạn 2015 - 2017
1234.	Đại học Quản lý đất đai	Hiệu quả của bón phân hữu cơ trong cải thiện chất lượng đất và sinh trưởng của đậu nành trên mô hình luân canh Lúa - đậu nành tại tỉnh Vĩnh Long	Võ Trần Công	Trần Bá Linh	Đánh giá tính hiệu quả của bón phân hữu cơ trong cải thiện chất lượng đất và sinh trưởng của đậu nành trên mô hình luân canh Lúa - đậu nành tại tỉnh Vĩnh Long
1235.	Đại học Quản lý đất đai	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất ở trên địa bàn quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Ngô Thị Lan Hương	La Thanh Toàn	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất ở trên địa bàn quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
1236.	Đại học Quản lý đất đai	Nghiệp vụ quản lý hồ sơ địa chính tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2016-2017	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Võ Thanh Phong	Nghiệp vụ quản lý hồ sơ địa chính tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2016-2017

1237.	Đại học Quản lý đất đai	Ứng dụng GIS trong xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất phục vụ phát triển thị trường bất động sản tại thị trấn Cây Dương, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Nguyễn Út Hiền	Mai Linh Cảnh	Ứng dụng GIS trong xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất phục vụ phát triển thị trường bất động sản tại thị trấn Cây Dương, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang
1238.	Đại học Quản lý đất đai	Đánh giá tình hình giải quyết khiếu nại và tranh chấp đất đai trên địa bàn thành phố Sóc Trăng giai đoạn 2012- 2017	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	La Thanh Toàn	Đánh giá tình hình giải quyết khiếu nại và tranh chấp đất đai trên địa bàn thành phố Sóc Trăng giai đoạn 2012- 2017
1239.	Đại học Quản lý đất đai	Cải thiện đặc tính hóa lý đất luân canh lúa-mè bằng biện pháp bón phân hữu cơ tại huyện Trà Ôn, Vĩnh Long	Huỳnh Văn Huy	Trần Bá Linh	Cải thiện đặc tính hóa lý đất luân canh lúa-mè bằng biện pháp bón phân hữu cơ tại huyện Trà Ôn, Vĩnh Long
1240.	Đại học Quản lý đất đai	Biên tập bản đồ hiện trạng sử dụng đất tại xã Thạnh Lợi, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long bằng phần mềm MicroStation	Trần Bá Lợi	Mai Linh Cảnh	Biên tập bản đồ hiện trạng sử dụng đất tại xã Thạnh Lợi, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long bằng phần mềm MicroStation
1241.	Đại học Quản lý đất đai	Ứng dụng phần mềm MapInfo quản lý thông tin du lịch các tỉnh phía Nam	Huỳnh Nguyễn Quốc Nghĩa	Mai Linh Cảnh	Ứng dụng phần mềm MapInfo quản lý thông tin du lịch các tỉnh phía Nam
1242.	Đại học Quản lý đất đai	Đánh giá nhu cầu nhà ở và đất ở trên địa bàn quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ.	Huỳnh Thị Như	La Thanh Toàn	Đánh giá nhu cầu nhà ở và đất ở trên địa bàn quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ.
1243.	Đại học Quản lý đất đai	Đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến tài nguyên đất ven biển của huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre	Hồ Thị Mỹ Nhiên	Võ Văn Bình	Đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến tài nguyên đất ven biển của huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre
1244.	Đại học Quản lý đất đai	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu nhà đất trên địa bàn quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ	Lâm Mỹ Quỳnh	La Thanh Toàn	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu nhà đất trên địa bàn quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ
1245.	Đại học Quản lý đất đai	Đánh giá tình hình biến động thị trường Bất động sản trên địa bàn quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ giai đoạn 2014-2017	Võ Thị Sinh	Nguyễn Quốc Hậu	Đánh giá tình hình biến động thị trường Bất động sản trên địa bàn quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ giai đoạn 2014-2017
1246.	Đại học Quản lý đất đai	Ứng dụng ảnh viễn thám Landsat 8 xây dựng bản đồ cơ cấu mùa vụ lúa tỉnh Sóc Trăng	Ngô Vĩnh Tân	Nguyễn Quốc Hậu	Ứng dụng ảnh viễn thám Landsat 8 xây dựng bản đồ cơ cấu mùa vụ lúa tỉnh Sóc Trăng
1247.	Đại học Quản lý đất đai	Đánh giá thực trạng các mô hình nông nghiệp đô thị tại thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Phan Mộng Thùy	Võ Văn Bình	Đánh giá thực trạng các mô hình nông nghiệp đô thị tại thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
1248.	Đại học Quản lý đất đai	Đánh giá tình hình giải quyết khiếu nại và tranh chấp đất đai trên địa bàn Quận Ninh Kiều - TP.Cần	Trần Nguyễn Bảo Trân	La Thanh Toàn	Đánh giá tình hình giải quyết khiếu nại và tranh chấp đất đai trên địa bàn Quận Ninh Kiều - TP.Cần

		Thơ giai đoạn 2012-2016			Thơ giai đoạn 2012-2016
1249.	Đại học Quản lý đất đai	Xác định hệ số điều chỉnh giá đất một số công trình tại thành phố Sóc Trăng, Sóc Trăng	Lê Thị Thùy Trang	Võ Thanh Phong	Xác định hệ số điều chỉnh giá đất một số công trình tại thành phố Sóc Trăng, Sóc Trăng
1250.	Đại học Quản lý đất đai	Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất giai đoạn (2011 – 2015), định hướng quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	Dương Thị Cẩm Tuyền	Võ Thanh Phong	Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất giai đoạn (2011 – 2015), định hướng quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
1251.	Đại học Quản lý đất đai	So sánh quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hướng dịch vụ công và một cửa tại huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	Lâm Vụ An	Võ Văn Bình	So sánh quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hướng dịch vụ công và một cửa tại huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau
1252.	Đại học Quản lý đất đai	Đánh giá tình hình kinh tế và xã hội tại xã nông thôn mới Trường Xuân, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ	Mai Tiến Dương	La Thanh Toàn	Đánh giá tình hình kinh tế và xã hội tại xã nông thôn mới Trường Xuân, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ
1253.	Đại học Thú y	CHƯA CÓ SINH VIÊN TỐT NGHIỆP			
1254.	Đại học LKT K9	Thế chấp tài sản hình thành trong tương lai – những vấn đề lý luận và thực tiễn.	Huỳnh Hữu Thanh	ThS. Trần Thu Trang	Thế chấp tài sản hình thành trong tương lai – những vấn đề lý luận và thực tiễn.
1255.	Đại học LKT K9	Biện pháp kê biên quyền sử dụng đất để đảm bảo thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.	Nguyễn Thị Cẩm Thi	ThS. Trần Thu Trang	Biện pháp kê biên quyền sử dụng đất để đảm bảo thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.
1256.	Đại học LKT K9	Nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng dân sự Việt Nam.	Phan Nhật Minh	ThS. Trần Thu Trang	Nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng dân sự Việt Nam.
1257.	Đại học LKT K9	Thực trạng giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân.	Đào Chí Thịnh	ThS. Trần Thu Trang	Thực trạng giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân.
1258.	Đại học LKT K9	Thu hồi đất vì mục đích phát triển kinh tế - xã hội.	Phạm Bích Tuyền	ThS. Trần Thu Trang	Thu hồi đất vì mục đích phát triển kinh tế - xã hội.
1259.	Đại học LKT K9	Chuyên mục đích sử dụng đất nông nghiệp - Thực tiễn ở huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.	Ngô Cường Quốc	ThS. Trần Thu Trang	Chuyên mục đích sử dụng đất nông nghiệp - Thực tiễn ở huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.
1260.	Đại học LKT K9	Thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm đối với tranh chấp về Hôn nhân gia đình.	Phan Thị Ngọc Diệu	ThS. Trần Thu Trang	Thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm đối với tranh chấp về Hôn nhân gia đình.
1261.	Đại học LKT K9	Hòa giải trong giải quyết vụ án dân sự.	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	ThS. Trần Thu Trang	Hòa giải trong giải quyết vụ án dân sự. Thực tiễn

		Thực tiễn áp dụng trên địa bàn huyện Mộc Hóa - tỉnh Long An.			áp dụng trên địa bàn huyện Mộc Hóa - tỉnh Long An.
1262.	Đại học LKT K9	Hình thức xử phạt trực xuất theo pháp luật Việt Nam.	Phạm Thúy Vy	ThS.Trương Kim Phụng	Hình thức xử phạt trực xuất theo pháp luật Việt Nam.
1263.	Đại học LKT K9	Quy định của pháp luật về kết hôn ở Việt Nam, bắt cặp và hướng hoàn thiện.	Lê Nhựt Trường	ThS.Trương Kim Phụng	Quy định của pháp luật về kết hôn ở Việt Nam, bắt cặp và hướng hoàn thiện.
1264.	Đại học LKT K9	Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế.	Nguyễn Duy Tân	ThS.Trương Kim Phụng	Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế.
1265.	Đại học LKT K9	Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về pháp luật thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam.	Trần Bảo Trân	ThS.Trương Kim Phụng	Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về pháp luật thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam.
1266.	Đại học LKT K9	Quy định của pháp luật về ly hôn. Lý luận và thực tiễn.	Trương Thị Thúy Quỳnh	ThS.Trương Kim Phụng	Quy định của pháp luật về ly hôn. Lý luận và thực tiễn.
1267.	Đại học LKT K9	Kết hôn có yếu tố nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam. Lý luận và thực tiễn.	Nguyễn Thị Trang Đài	ThS.Trương Kim Phụng	Kết hôn có yếu tố nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam. Lý luận và thực tiễn.
1268.	Đại học LKT K9	Quản lý nhà nước về vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm. Hạn chế và đề xuất khắc phục.	Nguyễn Thị Kim Anh	ThS.Trương Kim Phụng	Quản lý nhà nước về vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm. Hạn chế và đề xuất khắc phục.
1269.	Đại học LKT K9	Quyền hành pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam. Lý luận và thực tiễn.	Ngô Thị Nhi	ThS.Trương Kim Phụng	Quyền hành pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam. Lý luận và thực tiễn.
1270.	Đại học LKT K9	Quy định của pháp luật về việc thành lập doanh nghiệp - Thực trạng và giải pháp.	Lê Thị Lệ Quyên	ThS.Trương Kim Phụng	Quy định của pháp luật về việc thành lập doanh nghiệp - Thực trạng và giải pháp.
1271.	Đại học LKT K9	Bảo hộ thương mại trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới của Việt Nam hiện nay. Thực trạng và giải pháp.	Trần Thanh Trang	ThS.Nguyễn Minh Nhật	Bảo hộ thương mại trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới của Việt Nam hiện nay. Thực trạng và giải pháp.
1272.	Đại học LKT K9	Những vấn đề pháp lý về tội tham ô tài sản và tội lạm dụng chức vụ theo pháp luật hình sự Việt Nam. Thực trạng và giải pháp.	Nguyễn Thị Hồng Trâm	ThS. Nguyễn Minh Nhật	Những vấn đề pháp lý về tội tham ô tài sản và tội lạm dụng chức vụ theo pháp luật hình sự Việt Nam. Thực trạng và giải pháp.
1273.	Đại học LKT K9	Tổ chức công ty cổ phần theo pháp luật doanh nghiệp Việt Nam. Thực trạng và giải pháp.	Trương Mộng Tuyên	ThS.Nguyễn Minh Nhật	Tổ chức công ty cổ phần theo pháp luật doanh nghiệp Việt Nam. Thực trạng và giải pháp.

1274.	Đại học LKT K9	Những vấn đề pháp lý về người phạm tội dưới 18 tuổi theo pháp luật hình sự Việt Nam. Thực trạng và giải pháp.	Phạm Thị Đoan Trang	ThS.Nguyễn Minh Nhật	Những vấn đề pháp lý về người phạm tội dưới 18 tuổi theo pháp luật hình sự Việt Nam. Thực trạng và giải pháp.
1275.	Đại học LKT K9	Nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp Nhà nước - Thực trạng và giải pháp.	Nguyễn Thanh Tuyền	ThS. Nguyễn Minh Nhật	Nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp Nhà nước - Thực trạng và giải pháp.
1276.	Đại học LKT K9	Giai đoạn truy tố và vai trò của Viện Kiểm sát trong giai đoạn truy tố. Những vấn đề lý luận và thực tiễn.	Nguyễn Huỳnh Hà Giang	ThS.Nguyễn Minh Nhật	Giai đoạn truy tố và vai trò của Viện Kiểm sát trong giai đoạn truy tố. Những vấn đề lý luận và thực tiễn.
1277.	Đại học LKT K9	Xử lý tội phạm về môi trường trong pháp luật hình sự Việt Nam. Thực trạng và giải pháp.	Nguyễn Lê Trung Linh	ThS. Nguyễn Minh Nhật	Xử lý tội phạm về môi trường trong pháp luật hình sự Việt Nam. Thực trạng và giải pháp.
1278.	Đại học LKT K9	Quản lý đầu tư kinh doanh vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Thực trạng và giải pháp.	Dương Ngọc Diễm	ThS. Nguyễn Minh Nhật	Quản lý đầu tư kinh doanh vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Thực trạng và giải pháp.
1279.	Đại học LKT K9	Giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài ở Việt Nam. Thực tiễn và giải pháp.	Nguyễn Kim Nhu	ThS. Nguyễn Minh Nhật	Giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài ở Việt Nam. Thực tiễn và giải pháp.
1280.	Đại học LKT K9	Tuyên bố cá nhân chết và hậu quả pháp lý của việc tuyên bố cá nhân chết.	Đỗ Minh Thi	ThS.Nguyễn Hong Chi	Tuyên bố cá nhân chết và hậu quả pháp lý của việc tuyên bố cá nhân chết.
1281.	Đại học LKT K9	Tội mua bán trái phép chất ma túy trong Bộ Luật Hình sự Việt Nam. Thực tiễn áp dụng tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.	Trần Thị Nhiều	ThS.Nguyễn Hong Chi	Tội mua bán trái phép chất ma túy trong Bộ Luật Hình sự Việt Nam. Thực tiễn áp dụng tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
1282.	Đại học LKT K9	Các tội xâm hại tinh dục trẻ em trong Bộ luật Hình sự Việt Nam hiện hành.	Nguyễn Thị Thúy Vi	ThS. Nguyễn Hong Chi	Các tội xâm hại tinh dục trẻ em trong Bộ luật Hình sự Việt Nam hiện hành.
1283.	Đại học LKT K9	Các vấn đề pháp lý về hợp đồng BOT. Thực trạng và giải pháp.	Huỳnh Thị Huyền Trang	ThS. Nguyễn Hong Chi	Các vấn đề pháp lý về hợp đồng BOT. Thực trạng và giải pháp.
1284.	Đại học LKT K9	Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại đến sức khỏe người khác trong Bộ luật Hình sự Việt Nam. Thực tiễn áp dụng tại Huyện Mỏ Cày Nam, Tỉnh Bến Tre.	Trần Thế Trường	ThS. Nguyễn Hong Chi	Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại đến sức khỏe người khác trong Bộ luật Hình sự Việt Nam. Thực tiễn áp dụng tại Huyện Mỏ Cày Nam, Tỉnh Bến Tre.
1285.	Đại học	Trách nhiệm bồi thường	Lê Nguyễn Tố	ThS.	Trách nhiệm bồi thường

	LKT K9	thiệt hại trong các vụ tai nạn giao thông đường bộ.	Uyên	Nguyễn Hồng Chi	thiệt hại trong các vụ tai nạn giao thông đường bộ.
1286.	Đại học LKT K9	Quy chế pháp lý của hình thức đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC).	Trương Thị Tuyết Phụng	ThS. Nguyễn Hồng Chi	Quy chế pháp lý của hình thức đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC).
1287.	Đại học LKT K9	Môi trường đầu tư tại Việt Nam. Thực trạng và giải pháp hoàn thiện.	Nguyễn Yến Nhi	ThS. Nguyễn Hồng Chi	Môi trường đầu tư tại Việt Nam. Thực trạng và giải pháp hoàn thiện.
1288.	Đại học LKT K9	Các biện pháp khuyến khích đầu tư theo pháp luật Việt Nam. Thực trạng và giải pháp.	Nguyễn Thùy Linh	ThS. Nguyễn Hồng Chi	Các biện pháp khuyến khích đầu tư theo pháp luật Việt Nam. Thực trạng và giải pháp.
1289.	Đại học LKT K9	Pháp luật Việt Nam về nuôi con nuôi. Thực trạng tại thành phố Châu Đốc.	Đặng Thị Huỳnh Mai	ThS. Nguyễn Ngọc Diệp	Pháp luật Việt Nam về nuôi con nuôi. Thực trạng tại thành phố Châu Đốc.
1290.	Đại học LKT K9	Tìm hiểu pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ở Việt Nam.	Huỳnh Thị Kiều Phương	ThS. Nguyễn Ngọc Diệp	Tìm hiểu pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ở Việt Nam.
1291.	Đại học LKT K9	Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về pháp luật thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam.	Trần Kiều Anh	ThS. Nguyễn Ngọc Diệp	Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về pháp luật thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam.
1292.	Đại học LKT K9	Pháp luật thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam. Thực trạng và giải pháp.	Nguyễn Thị Phụng	ThS. Nguyễn Ngọc Diệp	Pháp luật thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam. Thực trạng và giải pháp.
1293.	Đại học LKT K9	Quyền tự do kinh doanh theo pháp luật Việt Nam.	Trần Huyền Trang	ThS. Nguyễn Ngọc Diệp	Quyền tự do kinh doanh theo pháp luật Việt Nam.
1294.	Đại học LKT K9	Bảo đảm quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp 2014 theo Luật doanh nghiệp	Trương Văn Qui	ThS. Nguyễn Ngọc Diệp	Bảo đảm quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp 2014 theo Luật doanh nghiệp
1295.	Đại học LKT K9	Pháp luật về bảo vệ người lao động giúp việc gia đình.	Lê Thị Diệu Thảo	ThS. Nguyễn Ngọc Diệp	Pháp luật về bảo vệ người lao động giúp việc gia đình.
1296.	Đại học LKT K9	Pháp luật về xử lý hành vi trốn thuế thu nhập doanh nghiệp và Thực trạng và giải pháp.	Trần Thị Anh Thư	ThS. Nguyễn Ngọc Diệp	Pháp luật về xử lý hành vi trốn thuế thu nhập doanh nghiệp và Thực trạng và giải pháp.
1297.	Đại học LKT K9	Qui định của Bộ luật Hình sự Việt Nam về tội mua bán, chiếm đoạt Mô hoặc bộ phận cơ thể người hạn chế và giải pháp hoàn thiện.	Nguyễn Minh Thư	ThS. Lâm Hồng Loan Chi	Qui định của Bộ luật Hình sự Việt Nam về tội mua bán, chiếm đoạt Mô hoặc bộ phận cơ thể người hạn chế và giải pháp hoàn thiện.
1298.	Đại học LKT K9	Những điểm mới sửa đổi, bổ sung về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm	Hồ Thị Thùy Trang	ThS. Lâm Hồng Loan Chi	Những điểm mới sửa đổi, bổ sung về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài

		đoạt tài sản theo quy định của BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.			sản theo quy định của BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.
1299.	Đại học LKT K9	Thủ tục tố tụng hình sự đối với người chưa thành niên bị khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử.	Kiều Bảo Chân	ThS.Lâm Hồng Loan Chì	Thủ tục tố tụng hình sự đối với người chưa thành niên bị khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử.
1300.	Đại học LKT K9	Quyền của người bị buộc tội trong tố tụng hình sự.	Lê Minh Thông	ThS.Lâm Hồng Loan Chì	Quyền của người bị buộc tội trong tố tụng hình sự.
1301.	Đại học LKT K9	Những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự theo quy định BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.	Nguyễn Ngọc Mộng Thi	ThS.Lâm Hồng Loan Chì	Những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự theo quy định BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.
1302.	Đại học LKT K9	Những vấn đề pháp lý về xâm phạm bí mật kinh doanh nhằm cạnh tranh không lành mạnh.	Lâm Hoài Phúc	ThS.Lâm Hồng Loan Chì	Những vấn đề pháp lý về xâm phạm bí mật kinh doanh nhằm cạnh tranh không lành mạnh.
1303.	Đại học LKT K9	Vấn đề pháp lý về ép buộc trong kinh doanh nhằm cạnh tranh không lành mạnh, đề xuất hoàn thiện.	Nguyễn Văn Thúc	ThS.Lâm Hồng Loan Chì	Vấn đề pháp lý về ép buộc trong kinh doanh nhằm cạnh tranh không lành mạnh, đề xuất hoàn thiện.
1304.	Đại học LKT K9	Thu thập, kiểm tra, đánh giá và nguyên tắc sử dụng chứng cứ trong tố tụng hình sự.	Trần Thị Kim Mỹ	ThS.Lâm Hồng Loan Chì	Thu thập, kiểm tra, đánh giá và nguyên tắc sử dụng chứng cứ trong tố tụng hình sự.
1305.	Đại học LKT K9	Chế tài xử lý vi phạm cho những hành vi xúc phạm danh dự nhân phẩm của người khác trên mạng xã hội.	Lê Thị Lan Anh	ThS.Lâm Hồng Loan Chì	Chế tài xử lý vi phạm cho những hành vi xúc phạm danh dự nhân phẩm của người khác trên mạng xã hội.
1306.	Đại học LKT K9	Quy định của pháp luật hình sự về các tội xâm hại tình dục trẻ em bắt cấp và giải pháp hoàn thiện.	Phùng Bích Nhi	ThS.Lâm Hồng Loan Chì	Quy định của pháp luật hình sự về các tội xâm hại tình dục trẻ em bắt cấp và giải pháp hoàn thiện.
1307.	Đại học LKT K9	Tội trộm cắp tài sản trong bộ luật hình sự Việt Nam - thực tiễn tại thị xã vĩnh châu tỉnh sóc trăng.	Phạm Hồng Đào	ThS.Võ Hồng Lĩnh	Tội trộm cắp tài sản trong bộ luật hình sự Việt Nam - thực tiễn tại thị xã vĩnh châu tỉnh sóc trăng.
1308.	Đại học LKT K9	Viện kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án hình sự - Thực tiễn tại tỉnh Đồng Tháp.	Đặng Thị Thúy Vy	ThS.Võ Hồng Lĩnh	Viện kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án hình sự - Thực tiễn tại tỉnh Đồng Tháp.
1309.	Đại học	Tội vi phạm quy định về	Trần Minh Tân	ThS.Võ	Tội vi phạm quy định về

	LKT K9	hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng trong Bộ luật Hình sự. Thực trạng và giải pháp hoàn thiện.		Hồng Lĩnh	hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng trong Bộ luật Hình sự. Thực trạng và giải pháp hoàn thiện.
1310.	Đại học LKT K9	Khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại.	Nguyễn Thị Mỹ Hương	ThS. Võ Hồng Lĩnh	Khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại.
1311.	Đại học LKT K9	Trách nhiệm hình sự trong đồng phạm- Thực tiễn và giải pháp.	Lê Ánh Ngoan	ThS. Võ Hồng Lĩnh	Trách nhiệm hình sự trong đồng phạm- Thực tiễn và giải pháp.
1312.	Đại học LKT K9	Chế định xóa án tích đối với pháp nhân thương mại quy định trong BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.	Nguyễn Công Thúy An	ThS. Võ Hồng Lĩnh	Chế định xóa án tích đối với pháp nhân thương mại quy định trong BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.
1313.	Đại học LKT K9	Chức năng của viện kiểm sát trong giai đoạn kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.	Nguyễn Thị Chúc Linh	ThS.Võ Hồng Lĩnh	Chức năng của viện kiểm sát trong giai đoạn kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.
1314.	Đại học LKT K9	Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ - Thực tiễn tại huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.	Võ Thị Bích Bi	ThS.Võ Hồng Lĩnh	Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ - Thực tiễn tại huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.
1315.	Đại học LKT K9	Đồng phạm trong quy định của bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.	Diệp Minh Huỳnh	ThS.Võ Hồng Lĩnh	Đồng phạm trong quy định của bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.
1316.	Thạc sĩ	Giải pháp hoàn thiện hoạt động Marketing tại chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Vàng Bạc Đá quý Sài Gòn SJC Miền Tây đến năm 2020	Nguyễn Diệp Thúy Ái	PGS.TS.Nguyễn Phú Sơn	GIAI PHÁP HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG MARKETING TẠI CN CÔNG TY TNHH MTV VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ SÀI GÒN SJC – MIỀN TÂY ĐẾN NĂM 2020” với mong muốn từ thực tế nghiên cứu tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ đưa ra giải pháp nhằm hoàn thiện hoạt động Marketing của Công ty.
1317.	Thạc sĩ	Ảnh hưởng của giá trị thương hiệu Vinamilk đến quyết định mua sữa bột dành cho trẻ em ở thành phố Cần Thơ	Nguyễn Thị Thúy An	TS.Lưu Tiên Thuận	Mục tiêu chính của đề tài là nhằm phân tích sự tác động của các yếu tố cấu thành nên giá trị thương hiệu đến quyết định chọn mua sản phẩm sữa bột của người tiêu dùng ở Thành phố Cần Thơ, từ đó

				<p>hình nghiên cứu đề xuất các giải pháp nâng cao giá trị cho thương hiệu sữa bột dành cho trẻ em.</p> <p>Đề tài đã tiến hành kiểm định độ tin cậy của thang đo với 27 biến quan sát. Sau khi loại bỏ các biến không có ý nghĩa, nghiên cứu tiến hành phân tích nhân tố để tìm ra các nhân tố..... và hiệu chỉnh mô hình nghiên cứu cho phù hợp. Sau đó, tiến hành phân tích hồi quy nhằm xác định mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố giá trị thương hiệu ảnh hưởng đến quyết định mua sữa bột dành cho trẻ em của người tiêu dùng.</p> <p>Kết quả phân tích cho thấy có 4 nhân tố được đưa vào phân tích hồi quy là: F₁ liên tưởng thương hiệu, F₂ trung thành thương hiệu, F₃ nhận biết thương hiệu và F₄ chất lượng cảm nhận. Đặc biệt, sự nhận biết thương hiệu là nhân tố tác động mạnh nhất đến quyết định mua, kế đến là trung thành thương hiệu, chất lượng cảm nhận và cuối cùng là liên tưởng thương hiệu.</p> <p>Dựa vào các kết quả phân tích trên, tác giả đề xuất các giải pháp nâng cao giá trị cho thương hiệu sữa bột dành cho trẻ em đối với từng nhóm nhân tố cụ thể.</p>	
1318.	Thạc sĩ	Phân tích đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực Thương mại - Dịch vụ trên địa bàn quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ	Nguyễn Tâm Ân	PGS.TS. Nguyễn Phú Sơn	<p>Để giúp cho Chính quyền địa phương có được cơ sở khoa học để đưa ra chính sách phù hợp và hiệu quả, đồng thời giúp các DNNVV phát huy hiệu quả năng lực của mình trong hoạt động đầu tư và phát triển kinh doanh đề tài “Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ năm 2015” được thực hiện từ tháng 04 năm 2016 đến tháng 12 năm 2016, Mục tiêu của nghiên cứu đề tài nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh</p>

				<p>ng nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) ở quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ với mục đích xác định những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động cho các DNNVV ở quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, từ đó có thể đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh cho các DNNVV ở quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.</p> <p>Tác giả đánh giá số liệu bằng phương pháp thống kê mô tả và phân tích hồi quy đa biến để phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của DNNVV ở quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Kích thước mẫu 370 được chọn là đại diện của tổng thể nghiên cứu.</p> <p>Từ kết quả nghiên cứu cho thấy, các doanh nghiệp ở quận Ninh Kiều có quy mô chủ yếu là siêu nhỏ và nhỏ, hoạt động trong lĩnh vực thương mại-dịch vụ chiếm trên 70%, với thời gian hoạt động trung bình là 4 năm, sử dụng nguồn vốn chủ yếu là vốn tự có để đầu tư vào tài sản cố định nhằm sinh lợi, tuy nhiên do quy mô hoạt động của doanh nghiệp còn nhỏ bé nên hiệu quả hoạt động không cao lắm. Phân tích mô hình hồi quy đã xác định được 4 yếu tố ảnh hưởng đến ROS là: (i)Số năm hoạt động của DN, (ii)Số lao động, (iii)Tài sản cố định trên tổng tài sản, (iv) Vốn xã hội (mối quan hệ tổ chức tín dụng).</p>
--	--	--	--	---

					<p>Từ kết quả đó tác giả đã đề xuất những hàm ý chính sách để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh cho doanh nghiệp DNNVV ở quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của các DNNVV ở quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.</p>
1319.	Thạc sĩ	<p>Giải pháp hoàn thiện chuỗi giá trị Tôm càng xanh huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang</p>	<p>Nguyễn Thị Mai Anh</p>	<p>PGS.TS.Đào Duy Huân</p>	<p>"Giải pháp hoàn thiện chuỗi giá trị Tôm càng xanh, huyện Thoại Sơn tỉnh An Giang"</p> <p>Thoại Sơn là huyện của tỉnh An Giang, là vùng thượng lưu sông Mê Kông (đồng bằng sông Cửu Long) có lợi thế lớn về nông nghiệp, đặc biệt trong nuôi trồng thủy sản, bao gồm Tôm càng xanh. Tuy nhiên, khách quan về tình hình sản xuất và tiêu thụ tôm nước ngọt vẫn còn rất nhiều vấn đề như: nguyên vật liệu thô và chi phí nguyên liệu, ảnh hưởng đến quá trình sản xuất của nông dân mà còn ảnh hưởng đến quá trình mua bán vận chuyển và kinh doanh Cửa thương nhân; Sự biến động của giá cả trên thị trường khiến biến động giá cả không chỉ ảnh hưởng đến nông dân, thương lái và người tiêu dùng; Các kênh tiêu thụ không hiệu quả và tự phát.</p> <p>Vì vậy, tôi đã quyết định chọn chủ đề "Giải pháp hoàn thiện chuỗi giá trị Tôm càng xanh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang" như luận án thạc sĩ của tôi, để xác định hiện trạng sản xuất, buôn bán và tiêu thụ các nhân tố trong chuỗi giá trị tôm càng xanh tại huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.</p> <p>Kết quả cho thấy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau khi thu hoạch, Tôm càng xanh được vận chuyển qua 4 kênh thị trường chính bao gồm nông dân, thương lái, người bán sỉ và người bán lẻ. Về phía kinh tế, việc phân phối lợi ích trong chuỗi giá trị tôm ở huyện Thoại Sơn đã không đồng đều. - Về hoạt động quản lý dây chuyền: Khả năng đáp ứng với sản phẩm, thương hiệu và

					<p>dịch vụ của chuỗi, người tiêu dùng được đánh giá trung bình.</p> <p>Trên cơ sở phân tích tình trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của chuỗi giá trị tôm ở huyện Thoại Sơn, tác giả đã xác định được lợi thế và bất lợi của các tác nhân và chuỗi. Bên cạnh đó, tác giả phân tích ma trận SWOT làm cơ sở đề xuất các chiến lược phát triển chuỗi bền vững.</p>
1320.	Thạc sĩ	<p>Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự thỏa mãn công việc của cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh An Giang</p>	<p>Nguyễn Tuấn Anh</p>	<p>PGS.TS.Đào Duy Huân</p>	<p>Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là một bộ phận của hệ thống chính trị, một tổ chức chính trị - xã hội của thanh niên Việt Nam, có những đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội, an ninh và là thế hệ tiếp theo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Công nhận sự hài lòng trong công việc là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong việc thúc đẩy đội ngũ cán bộ công đoàn, đoàn thể tỉnh An Giang đã có nhiều biện pháp tích cực để tăng sự hài lòng công việc của đội ngũ cán bộ đoàn trong tỉnh. Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn nhiều hạn chế trong công tác của đội ngũ cán bộ công đoàn tại tỉnh An Giang, ảnh hưởng đến hiệu quả và chất lượng công việc.</p> <p>Vì vậy, nghiên cứu này đã được tiến hành để tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng trong công việc của đội ngũ cán bộ đoàn tại tỉnh An Giang, chỉ ra những điểm đã đạt được và hạn chế trong các công ty mà các tỉnh An Giang đang làm để nâng cao sự hài lòng Công việc của cán bộ. Do đó, các giải pháp sẽ được trao để tập trung vào khắc phục những hạn chế này.</p> <p>Bằng cách khảo sát nhân viên tại An Giang, tác giả tổng hợp</p>

					<p>và phân tích dữ liệu và chỉ ra các yếu tố như chính sách, thủ tục làm việc, điều kiện làm việc và cơ sở vật chất, quan hệ tổ chức, tiền lương và phúc lợi, đào tạo và phát triển, môi trường làm việc có ảnh hưởng tích cực Sự hài lòng trong công việc của đội ngũ cán bộ đoàn tại tỉnh An Giang.</p> <p>Vì vậy, cần có một hệ thống các biện pháp đồng bộ nhằm cải thiện lao động tích cực của Đoàn Thanh niên Cộng sản trong các tổ chức công đoàn tại tỉnh An Giang như là giải pháp đào tạo phát triển, môi trường làm việc, cải tiến thủ tục, chính sách, tiền lương và lợi ích cho cán bộ.</p>
1321.	Thạc sĩ	Hoàn thiện hệ thống kênh phân phối tại chi nhánh Mobiphone Cần Thơ	Dương Nguyễn Bình	PGS.TS.Phan Văn Thơm	<p>Đề tài nghiên cứu “Giải pháp thúc đẩy bán hàng MobiFone qua kênh phân phối tại Chi nhánh MobiFone TP. Cần Thơ” với 3 mục tiêu: (1) Đánh giá thực trạng, tình hình sản xuất kinh doanh của MobiFone TP. Cần Thơ; (2) Nghiên cứu, phân tích kênh phân phối bán hàng MobiFone hiện hữu của MobiFone TP. Cần Thơ; (3) Đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy bán hàng MobiFone qua kênh phân phối tại MobiFone TP. Cần Thơ. Số liệu trong nghiên cứu được thu thập qua phỏng vấn trực tiếp các Điểm bán lẻ có kinh doanh sản phẩm, dịch vụ thông tin di động dựa trên bảng câu hỏi được thiết kế sẵn. Đề tài sử dụng phương pháp nghiên cứu thu thập số liệu thứ cấp và sơ cấp, về phương pháp phân tích số liệu bao gồm phân tích tần số, thống kê mô tả, phương pháp phân tích ngành hàng, phương pháp phân tích lợi ích – chi phí với nhóm chỉ tiêu kinh tế, kiểm định giả thuyết về trị trung</p>

					<p>binh của một tổng thể (One-Sample T-test), kiểm định giả thuyết về trị trung bình của hai tổng thể – trường hợp mẫu độc lập (Independent-Samples T-test).</p> <p>Kết quả nghiên cứu cho thấy những hạn chế của hệ thống kênh phân phối hiện tại:</p> <p>(1) MobiFone chưa tư vấn đầy đủ cho điểm bán để điểm bán có thể giúp cho khách hàng tiếp cận sản phẩm mục tiêu;</p> <p>(2) Mức độ hỗ trợ của MobiFone khi điểm bán gặp trở ngại trong việc kinh doanh sản phẩm, dịch vụ MobiFone còn thấp;</p> <p>(3) MobiFone chưa tư vấn đầy đủ các thông tin về dịch vụ GTGT.</p> <p>Qua việc nghiên cứu và phân tích tình hình hiệu quả dịch vụ phân phối của MobiFone và dịch vụ bán hàng của điểm bán, đề tài đã đề xuất các giải pháp thúc đẩy bán hàng MobiFone qua kênh phân phối như sau: (1) Xây dựng tiêu chí tính lương cho nhân viên bán hàng gắn liền với lịch trình chăm sóc Điểm bán; (2) Thu hút Điểm bán lẻ kinh doanh sản phẩm bằng cách cải thiện thủ tục và quy trình bán hàng, cải thiện chính sách chiết khấu; (3) Kiện toàn lực lượng bán hàng; (4) Xây dựng các chương trình khuyến khích bán hàng dành cho Đại lý và điểm bán lẻ.</p>
1322.	Thạc sĩ	Giải pháp hoàn thiện kênh phân phối sản phẩm Xà lách xoong ở tỉnh Vĩnh Long	Nguyễn Gia Bình	PGS.TS.Phan Văn Thơm	<p>Xà lách xoong là loại rau có giá trị dinh dưỡng cao và là một trong những loại màu truyền thống, được nông dân ở tỉnh Vĩnh Long duy trì chuyên canh sản xuất từ hàng chục năm nay, mang lại hiệu quả kinh tế, góp phần xóa đói giảm nghèo. Tuy nhiên, hoạt động kênh phân phối trong chuỗi</p>

				<p>cung ứng sản phẩm xà lách xoong chưa thực sự là cầu nối giữa người sản xuất với người tiêu dùng, chưa tạo được sự tin dùng của người tiêu dùng vào sản phẩm, chưa đạt hiệu quả tương xứng với tiềm năng của vùng. Trong quá trình sản xuất xà lách xoong từ đầu vào cũng như kết quả đầu ra còn gặp nhiều khó khăn, bất lợi làm cho các tác nhân trong kênh phân phối chưa yên tâm về kết quả sản xuất, làm cho họ có xu hướng chuyển đổi cây trồng, chuyển đổi sản phẩm bán buôn. Từ đó, hiệu quả hoạt động của mỗi thành phần trong kênh phân phối sản phẩm đạt chưa cao.</p> <p>Mục tiêu của nghiên cứu là đề xuất các giải pháp hoàn thiện kênh phân phối sản phẩm xà lách xoong ở tỉnh Vĩnh Long. Số liệu sơ cấp và thứ cấp của đề tài thu thập tại thị xã Bình Minh và tỉnh Vĩnh Long trong giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2016. Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu, đề tài sử dụng các phương pháp thống kê mô tả, phỏng vấn, phân tích SWOT. Nghiên cứu tập trung mô tả, đánh giá thực trạng sản xuất, tiêu thụ sản phẩm xà lách xoong, phân tích hiệu quả kinh tế của hoạt động phân phối sản phẩm xà lách xoong.</p> <p>Kết quả nghiên cứu xác định kênh phân phối sản phẩm</p>
--	--	--	--	---

				<p>xà lách xoong ở tỉnh Vĩnh Long hiện nay có 5 tác nhân tham gia là: nông hộ, thương lái, chủ vừa, người bán lẻ và người tiêu dùng. Phần lớn sản phẩm xà lách xoong Bình Minh được tiêu thụ nhiều nhất qua thương lái (chiếm 81,5%); số hộ bán cho chủ vừa chiếm 15% tổng hộ điều tra; một số hộ bán sản phẩm cho người bán lẻ ở địa phương (chiếm 3,5%) và có 1 hộ có bán 1 phần sản phẩm trực tiếp cho người tiêu dùng tại địa phương. Bên cạnh đó, qua phân tích các chỉ số tài chính như doanh thu, chi phí, lợi nhuận, kết luận rằng các tác nhân tham gia hoạt động phân phối sản phẩm xà lách xoong đạt hiệu quả về mặt tài chính. Thông qua phân tích SWOT đã nhận diện những yếu tố tác động đến quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm xà lách xoong ở tỉnh Vĩnh Long. Từ kết quả phân tích kết hợp với tham khảo ý kiến chuyên gia, nghiên cứu đã đề xuất các giải pháp bao gồm các giải pháp riêng cho từng tác nhân tham gia trong kênh phân phối, các giải pháp chung được thực hiện trong ngắn hạn và dài hạn nhằm tạo mối liên kết hợp tác chặt chẽ, bền vững hơn nữa của các tác nhân trong kênh và xây dựng sự tin dùng thương hiệu của người tiêu dùng vào sản phẩm, góp phần hoàn thiện kênh phân phối sản</p>
--	--	--	--	--

					phẩm xạ lách xoong ở tỉnh Vĩnh Long - thật sự là cầu nối giữa người sản xuất với người tiêu dùng trong thời gian tới.
1323.	Thạc sĩ	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định gửi tiền của khách hàng cá nhân vào ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Sóc Trăng	Huỳnh Thị Cẩm Bình	TS.Võ Văn Dứt	<p>Mục tiêu của nghiên cứu này là phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định gửi tiền của cá nhân vào ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương chi nhánh Sóc Trăng. Sử dụng Lý thuyết hành vi kiểm soát cảm nhận, nghiên cứu này giả thuyết rằng: ảnh hưởng của người thân, chất lượng phục vụ của ngân hàng có mối tương quan thuận với quyết định gửi tiền của khách hàng, trong khi đó khoảng cách từ nhà khách hàng đến ngân hàng có mối quan hệ nghịch biến với lượng gửi tiền của khách hàng. Dữ liệu được sử dụng trong đề tài này được thu thập trực tiếp từ 400 khách hàng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Nghiên cứu sử dụng mô hình hồi quy Tobit để kiểm định các giả thuyết của mô hình nghiên cứu.</p> <p>Kết quả nghiên cứu cho thấy, đối với nhóm khách hàng có gửi tiền tiết kiệm tại ngân hàng thì ảnh hưởng của người thân, lãi suất tiền gửi, tuổi, tổng thu nhập hàng tháng có mối quan hệ đồng biến và khoảng cách từ nhà đến ngân hàng, thời gian giao dịch, giới tính, tổng chi phí, số người phụ thuộc có mối quan hệ nghịch biến đến lượng tiền gửi của khách hàng vào ngân hàng. Yếu tố niềm tin của khách hàng vào ngân hàng và niềm tin của khách hàng vào ngân hàng không có ý nghĩa trong việc ảnh hưởng đến lượng tiền gửi của khách hàng cá nhân.</p> <p>Đối với nhóm khách hàng dự định gửi tiền trong tương lai,</p>

					<p>kết quả cho biết rằng: ảnh hưởng của người thân, chất lượng phục vụ của nhân viên ngân hàng, lãi suất tiền gửi, tổng thu nhập hàng tháng, niềm tin của khách hàng vào ngân hàng có ảnh hưởng tích cực, và khoảng cách từ nhà đến ngân hàng, thời gian giao dịch, tuổi, số người phụ thuộc có mối quan hệ nghịch biến đến lượng tiền gửi của khách hàng vào ngân hàng. Yếu tố giới tính của khách hàng không có ý nghĩa trong việc ảnh hưởng đến lượng tiền gửi của khách hàng cá nhân</p>
1324.	Thạc sĩ	<p>Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng mức độ tuân thủ thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp tại Cục thuế tỉnh An Giang</p>	<p>Nguyễn Thị Xuân Đào</p>	<p>PGS.TS.Đào Duy Huân</p>	<p>Trên địa bàn tỉnh An Giang có gần 4.000 doanh nghiệp và trên 1.000 chi nhánh trực thuộc doanh nghiệp hiện đang hoạt động, trong đó có khoảng 3.900 DN phát sinh thuế TNDN phải nộp. Nguồn thu thuế TNDN hàng năm chiếm tỷ trọng từ 13% đến 17% trên tổng thu NSNN trên địa bàn. Tuy nhiên, công tác quản lý thuế TNDN hiện nay trên địa bàn tỉnh An Giang phức tạp, sự tuân thủ của doanh nghiệp chưa nghiêm, nhiều DN còn chậm nộp tiền thuế, kê khai sai, trốn thuế còn xảy ra. Với đề tài “Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng mức độ tuân thủ thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp tại Cục Thuế tỉnh An Giang” được tác giả chọn đề nghiên cứu nhằm giúp Cục Thuế tỉnh An Giang quản lý thuế tốt hơn. Đề tài phân tích, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng mức độ tuân thủ thuế TNDN của các DN, từ đó tác giả đưa ra hàm ý quản trị giúp Cục Thuế tỉnh An Giang hoàn thiện công tác quản lý thuế nhằm tăng cường sự tuân thủ thuế TNDN của doanh nghiệp trên địa bàn. Đề tài được nghiên cứu bằng cả hai phương pháp định tính và định lượng. Phương pháp nghiên cứu định tính được thực hiện bằng các câu hỏi mở nhằm xác định các yếu tố tác động các yếu tố ảnh hưởng mức độ tuân thủ thuế TNDN của DN. Phương pháp nghiên cứu định lượng thông qua việc khảo sát dựa trên bảng câu hỏi được thiết kế sẵn, khảo sát tại DN</p>

					<p>và xử lý dữ liệu bằng phần mềm SPSS. Sau khi thu thập dữ liệu, tiến hành đánh giá độ tin cậy thông qua hệ số Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA và phân tích hồi quy tuyến tính bội đã xác định được năm nhóm yếu tố ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng đến sự tuân thủ thuế TNDN đó là: Yếu tố ý thức nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp, yếu tố về kinh tế và chuẩn mực xã hội, yếu tố về chính sách thuế TNDN, yếu tố về cơ cấu tổ chức của cơ quan thuế và yếu tố về quản lý của cơ quan thuế. Tác giả đưa ra các hàm ý quản trị đối với nhà nước, Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế, Cục Thuế tỉnh An Giang và DN bao gồm: điều hành kinh tế vĩ mô ổn định, kiểm chế lạm phát, lãi suất ngân hàng ở mức hợp lý; xây dựng và hoàn thiện chính sách thuế TNDN; cải cách thủ tục hành chính về thuế và cơ cấu tổ chức của cơ quan thuế, nâng cao năng lực quản lý, đạo đức, giao tiếp, ứng xử của công chức thuế; DN phải nâng cao trình độ, hiểu biết về chính sách, pháp luật thuế, ý thức cao trong việc tuân thủ các quy định về đăng ký thuế, kê khai thuế, tính đúng, đủ số thuế phải nộp</p>
1325.	Thạc sĩ	Các nhân tố tác động đến sự hài lòng trong công việc của công chức tại kho bạc nhà nước Bạc Liêu	Lương Hồng Đình	TS.Võ Hoàng Khiêm	<p>Ngành Kho bạc Nhà nước (KBNN) nói chung và ngành Kho bạc Nhà nước Bạc Liêu nói riêng mục tiêu phát triển của ngành là nguồn nhân lực giữ vai trò chủ đạo, nó quyết định sự thành bại trong việc triển khai, thực hiện các sách lược, các chính sách mới, ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển của đơn vị, một tổ chức ổn định thì luôn luôn phát triển. Do đó, để biết được công chức trong đơn vị có hài lòng với công việc hiện có của mình hay không, tại sao có người rời khỏi ngành, họ thôi việc vì bất mãn với công việc hay là không bằng lòng với cơ chế chính sách. Cho nên, vấn đề</p>

					<p>cấp bách hiện nay là tìm hiểu mức độ hài lòng trong công việc của công chức đang làm việc tại KBNN Bạc Liêu, để biết được công chức mình có hài lòng hay không hài lòng, đang hài lòng ở mức độ như thế nào. Sự hài lòng trong công việc sẽ tạo động lực làm việc cho công chức và góp phần vào việc nâng cao hiệu quả làm việc cũng như hoạt động của đơn vị. Việc nghiên cứu các nhân tố tác động tới sự hài lòng của công chức giúp đơn vị hoạch định được các chính sách duy trì và phát triển công chức tốt, làm cho công chức hài lòng hơn, có thể thu hút được người giỏi.</p> <p>Đó là lý do tôi chọn đề tài nghiên cứu “Các nhân tố tác động đến sự hài lòng trong công việc của công chức tại Kho bạc Nhà nước Bạc Liêu”, nhằm góp phần thiết thực cho việc hoạch định công tác quản lý nguồn nhân lực tại đơn vị công tác và mang lại nhiều hơn sự hài lòng với công việc cho công chức là hết sức cần thiết.</p>
1326.	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn tiêu dùng sản phẩm hàng Việt Nam chất lượng cao trên địa bàn Hậu Giang	Nguyễn Đăng Định	PGS.TS. Nguyễn Phú Sơn	<p>Đề góp phần làm rõ hơn thói quen tiêu dùng cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn hàng Việt Nam. Tác giả tiến hành nghiên cứu thực nghiệm để thấy được các nhân tố nào ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn hàng Việt Nam chất lượng cao thông qua đề tài “<i>Phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn tiêu dùng sản phẩm hàng Việt Nam chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Hậu Giang</i>” dưới sự hướng dẫn của thầy PGS.TS NGUYỄN PHÚ SON.</p> <p>Đề tài nghiên cứu được thực hiện nhằm mục tiêu tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn tiêu dùng</p>

					<p>hàng Việt Nam chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Từ đó đề xuất một số giải pháp giúp sản phẩm hàng Việt Nam chất lượng cao ngày càng nâng cao năng lực cạnh tranh.</p> <p>Để đạt được mục tiêu, tác giả tiến hành khảo sát 190 đáp viên trong độ tuổi từ 18 tuổi đến 60 tuổi trên địa bàn Hậu Giang trong năm 2016. Các phương pháp được sử dụng để phân tích trong luận văn này: phân tích tần số, bảng chéo, phân tích nhân tố khám phá (EFA), hồi quy binary logistic.</p> <p>Kết quả phân tích nhân tố cho thấy có 05 nhóm nhân tố góp phần ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn thương hiệu sữa rửa mặt của khách hàng là: tác động của marketing, đặc điểm cá nhân, nhóm tham khảo, đặc tính sản phẩm và tâm lý.</p> <p>Kết quả phân tích hồi quy binary logistic cho thấy có 05 biến có ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn tiêu dùng sản phẩm hàng Việt Nam chất lượng cao của người tiêu dùng: tác động của marketing, đặc điểm cá nhân, nhóm tham khảo, đặc tính sản phẩm và tâm lý.</p> <p>Căn cứ vào các kết quả trên, tác giả đề xuất một năm giải pháp góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm thương hiệu Việt Nam: giải pháp marketing, tác động đặc điểm cá nhân của khách hàng, tác động nhóm tham khảo, tập trung đặc tính sản phẩm, tác động đến tâm lý khách hàng.</p>
1327.	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của học sinh sinh viên về dịch vụ cho vay tại ngân hàng Chính sách Xã hội thành phố Cần Thơ	Đỗ Minh Đức	PGS.TS.Võ Khắc Thường	<p>đề tài “Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của học sinh, sinh viên về dịch vụ cho vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ” là thiết thực. Đề tài tập</p>

					<p>trung tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng đến phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của Học sinh sinh viên về dịch vụ cho vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần thơ, lượng hóa những yếu tố này trong một mô hình ước lượng phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của Học sinh sinh viên về dịch vụ cho vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần thơ; qua đó xác định mức độ đáp ứng của NHCSXH đối với dịch vụ cho vay HSSV tại NHCSCH, đồng thời đưa ra một số giải pháp nâng cao mức độ hài lòng của Học sinh sinh viên về dịch vụ cho vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần thơ. Đề tài là một trong những luận cứ khoa học cung cấp cho các cơ quan chức năng trong việc triển khai thực hiện chính sách tín dụng đối với HSSV trên địa bàn thành phố được tốt hơn, làm cơ sở kiến nghị Chính phủ điều chỉnh chính sách cho phù hợp hơn. Đồng thời, đề tài là cơ sở hỗ trợ cho những hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có đủ tiền để trang trải chi phí học tập cho HSSV đang theo học tại các trường thông qua nguồn vốn vay tại NHCSXH</p>
1328.	Thạc sĩ	<p>Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn mạng di động MobiFone của khách hàng cá nhân tại tỉnh Trà Vinh</p>	Lâm Thị Mỹ Dung	PGS.TS.Quan Minh Nhựt	<p>Đề tài "<i>Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn mạng di động MobiFone của khách hàng cá nhân tại tỉnh Trà Vinh</i>" được thực hiện nhằm mục tiêu đánh giá thực trạng lựa chọn mạng di động MobiFone của khách hàng hiện nay tại tỉnh Trà Vinh. Bên cạnh đó đề tài nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn mạng di động MobiFone của khách hàng tại tỉnh Trà Vinh để từ đó đưa ra các giải pháp giúp MobiFone có thể xây dựng các chương trình, chính sách phù hợp với thị hiếu của khách hàng.</p> <p>Đề tài được thực hiện thông qua số liệu khảo sát trực</p>

					<p>tiếp từ 481 khách hàng đang sử dụng mạng di động và được phân tích thông qua các phương pháp thống kê mô tả, tác giả phân tích nhân tố đã tìm ra 5 nhóm nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn mạng di động MobiFone: sự thuận tiện, khuyến mãi và dịch vụ; giá cước sản phẩm; hình ảnh, thương hiệu; chất lượng mạng lưới kỹ thuật; ảnh hưởng của người thân quen. Từ kết quả phân tích hồi quy đa biến, tác giả xác định được 2 nhóm nhân tố tác động mạnh đến quyết định lựa chọn là: nhóm nhân tố sự thuận tiện, khuyến mãi, dịch vụ và nhóm nhân tố ảnh hưởng của người thân quen. Bên cạnh đó, tác giả phân tích ANOVA để phân tích sự khác biệt theo đặc điểm cá nhân của đáp viên đối với quyết định lựa chọn mạng di động MobiFone ở tỉnh Trà Vinh.</p> <p>Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đưa ra một số hàm ý, kiến nghị nhằm tập trung vào các vấn đề mà khách hàng quan tâm nhiều nhất để từ đó củng cố và nâng cao thị phần cho nhà cung cấp mạng di động MobiFone tại tỉnh Trà Vinh.</p>
1329.	Thạc sĩ	Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách đến với vườn Quốc Gia Tràm Chim	Lê Thị Thùy Dương	TS.Lưu Tiến Thuận	<p>Việc thu hút du khách đến với điểm đến không chỉ dựa trên các yếu tố bên ngoài - hoạt động quảng bá và xúc tiến du lịch, mà còn phải dựa vào các yếu tố bên trong - khả năng thu hút khách du lịch của điểm đến. Mọi điểm đến bất kỳ đều có những nét độc đáo và đặc trưng riêng mà du khách có thể lựa chọn thông qua việc tiếp cận nhiều nguồn thông tin khác nhau, vì vậy, công tác xúc tiến cho điểm đến cũng không kém phần quan trọng. Tuy nhiên, nếu “bản</p>

					<p>thân” của điểm đến không có sự thu hút, tức là không có các yếu tố thực sự thu hút du khách thì công tác quảng bá có hiệu quả đến mấy cũng khó có thể “kéo” được du khách, nếu có thì khả năng trở lại hoặc giới thiệu cho những người quen biết cũng rất thấp. Do đó, việc tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách nội địa đối với điểm đến VQG Tràm Chim sẽ làm cơ sở để Tràm Chim chú trọng khai thác tốt hơn tiềm năng của mình, cung cấp các sản phẩm dịch vụ đáp ứng được sự kỳ vọng của du khách. Chính vì vậy, đề tài “Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách đến với Vườn quốc gia Tràm Chim” sẽ góp phần giải quyết vấn đề cấp thiết này. Thông qua đó, tác giả cũng mong muốn nghiên cứu này sẽ có thể được ứng dụng tốt vào thực tiễn hoạt động kinh doanh du lịch tại VQG Tràm Chim.</p>
1330.	Thạc sĩ	Những yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của công nhân sản xuất tại công ty Nhiệt điện Duyên Hải	Nguyễn Thành Dương	TS. Nguyễn Văn Hồng	<p>Đề tài được thực hiện với mục đích xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng và sự gắn kết với tổ chức của nhân viên khối sản xuất tại Công ty nhiệt điện Duyên Hải. Nghiên cứu được thực hiện qua hai giai đoạn: nghiên cứu sơ bộ và nghiên cứu chính thức dựa trên kết quả khảo sát gồm 259 mẫu. Kết quả nghiên cứu cho thấy có sáu yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng và sự gắn kết của nhân viên khối sản xuất tại Công ty nhiệt điện Duyên Hải là: Quan hệ nơi làm việc, bản chất công việc, lương và phúc lợi, động lực làm việc, hành vi lãnh đạo và điều kiện làm việc với 25 biến quan sát. Biến bản chất công việc có ảnh hưởng mạnh nhất với biến sự hài lòng công việc</p>

					<p>của nhân viên. Biến gắn kết với tổ chức, đối với từng biến khác nhau mà có biến ảnh hưởng khác nhau (biến gắn kết vì tình cảm bị ảnh hưởng mạnh bởi lương và phúc lợi, biến gắn kết để duy trì bị ảnh hưởng mạnh bởi bản chất công việc và cuối cùng là biến gắn kết vì đạo đức bị ảnh hưởng mạnh bởi động lực làm việc). Dựa trên kết quả này các doanh nghiệp có thể vận dụng và phát triển thêm cho phù hợp với thực tế tại doanh nghiệp của mình.</p>
1331.	Thạc sĩ	<p>Các nhân tố tác động đến sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ mua sắm tại Doanh nghiệp tư nhân Duy Phát tỉnh An Giang</p>	Lâm Bảo Duy	PGS.TS.Nguyễn Tri Khiêm	<p>Đề tài phân tích, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng mức độ hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ khi mua sắm tại doanh nghiệp tư nhân Duy Phát, từ đó tác giả đưa ra hàm ý quản trị DNTN Duy Phát hoàn thiện công tác quản lý, đồng thời đưa ra những chiến lược nhằm thỏa mãn sự hài lòng của khách hàng khi mua sắm tại doanh nghiệp</p> <p>Phương pháp nghiên cứu định lượng dựa trên khảo sát 120 khách hàng tại doanh nghiệp. Dữ liệu thu thập được đánh giá độ tin cậy thông qua hệ số Cronbach's Alpha trước khi tiến hành phân tích nhân tố khám phá EFA và hồi quy tuyến tính bội. Kết quả đã xác định được 5 yếu tố có tác động đến sự hài lòng của khách hàng khi mua sắm tại doanh nghiệp: (1) Chất lượng hàng hóa, (2) Sự phục vụ của nhân viên, (3) Cơ sở vật chất, (4) Chương trình khuyến mãi và (5) Dịch vụ hỗ trợ.</p> <p>Kết quả kiểm định mô hình đo lường cho thấy các thang đo đều đạt yêu cầu về độ tin cậy và giá trị (thông qua kiểm định Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố EFA). Kết quả phân tích hồi quy</p>

					<p>cho thấy chỉ có hai nhân tố có ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng khi mua sắm tại doanh nghiệp tư nhân Duy Phát, đó là Chương trình khuyến mãi và Cơ Sở vật chất. Trong đó, nhân tố Chương trình khuyến mãi có tác động mạnh nhất đến sự hài lòng của khách hàng.</p> <p>Ba nhân tố còn lại là Chất lượng hàng hóa, Dịch vụ hỗ trợ và Sự phục vụ có giá trị Sig lớn hơn 0,05 nên không có ý nghĩa giải thích cho sự hài lòng của khách hàng.</p> <p>Kết quả kiểm định t-test và phân tích ANOVA cho thấy không có sự khác biệt về sự hài lòng giữa phái nam và phái nữ; không có sự khác biệt về sự hài lòng giữa các nhóm thu nhập khác nhau, cũng như các độ tuổi khác nhau</p>
1332.	Thạc sĩ		Cao Văn Duyệt	TS. Nguyễn Ngọc Minh	<p>Nghiên cứu này được thực hiện nhằm: Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua nhà ở xã hội của công chức, viên chức tại thành phố Cần Thơ, từ đó đề xuất các hàm ý quản trị nhằm đáp ứng nhu cầu nhà ở của công chức, viên chức tại thành phố Cần Thơ đến năm 2020.</p> <p>Nghiên cứu định tính được thực hiện nhằm điều chỉnh, bổ sung biến quan sát cho các thang đo. Nghiên cứu định lượng thực hiện thông qua phiếu khảo sát ý kiến gửi đến công chức, viên chức có nhu cầu mua nhà ở xã hội để xây dựng mô hình nghiên cứu và kiểm định thang đo. Phần mềm phân tích thống kê SPSS 22.0, Microsoft Excel được sử dụng để phân tích dữ liệu. Kết quả phân tích nhân tố đã đưa ra mô hình các nhân tố tác động đến quyết định mua nhà ở xã hội của công chức, viên</p>

					<p>chức bao gồm 6 yếu tố: Thủ tục pháp lý, Chất lượng sản phẩm, Giá cả sản phẩm, Vị trí xây dựng, Thu nhập khách hàng, Môi trường sinh sống. Kết quả hồi quy cho thấy sự phức tạp trong thủ tục pháp lý và giá cả của nhà ở xã hội tăng lên thì việc mua bán nhà ở xã hội giảm xuống đồng thời thu nhập của công chức, viên chức tác động rất mạnh đến quyết định mua nhà ở xã hội.</p> <p>Về mặt thực tiễn, nghiên cứu giúp cho các chủ đầu tư thấy được những yếu tố và mức độ tác động của nó đến quyết định mua nhà ở xã hội, từ đó đưa ra các hàm ý quản trị cần thiết, kịp thời và phù hợp để nâng cao hiệu quả kinh doanh để phục vụ cho công ty đầu tư phát triển nhà ở xã hội trong thời kỳ hội nhập và cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp.</p>
1333.	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng khách hàng về chất lượng dịch vụ tín dụng cá nhân tại ngân hàng Techcombank Cần Thơ	Lê Thị Thanh Giang	PGS.TS.Lê Nguyễn Đoàn Khôi	<p>Nghiên cứu này nhằm mục tiêu đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng khách hàng về chất lượng dịch vụ tín dụng cá nhân tại ngân hàng Techcombank Cần Thơ. Trên cơ sở đó, đề ra các giải pháp để gia tăng sự hài lòng của khách hàng trong thời gian tới để góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của ngân hàng và chất lượng phục vụ khách hàng. Số liệu trong nghiên cứu được thu thập từ kết quả khảo sát các khách hàng đang vay tín dụng cá nhân và được xử lý bằng phần mềm SPSS.</p> <p>Nghiên cứu vận dụng mô hình SERVPERF bao gồm năm thành phần: sự tin cậy, sự đáp ứng, năng lực phục vụ, sự đồng cảm và phương tiện hữu hình; đồng thời kết hợp mở rộng mô hình bằng cách đưa thêm thành phần “Sản phẩm vay” vào mô hình để kiểm tra</p>

					<p>sự tác động đến sự hài lòng của khách hàng.</p> <p>Phương pháp phân tích bao gồm các bước sau: kiểm định thang đo bằng hệ số Cronbach Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA) và phân tích hồi quy đa biến. Kết quả phân tích cho thấy các nhân tố tác động tích cực đến sự hài lòng của khách hàng bao gồm 5 nhân tố tác động đến sự hài lòng với 24 biến quan sát như sau: (1) Sự đáp ứng và năng lực, (2) Phương tiện hữu hình, (3) Sự đồng cảm, (4) Sự tin cậy, (5) Sản phẩm vay. Trong đó Sự tin cậy có tác động mạnh nhất đến sự hài lòng của khách hàng.</p> <p>Từ các kết quả nghiên cứu, tác giả đã đề xuất các giải pháp với mong muốn mang đến cho khách hàng sự hài lòng cao hơn mỗi khi sử dụng dịch vụ tín dụng của ngân hàng. Từ đó có thể thu hút khách hàng mới và giữ được khách hàng truyền thống.</p>
1334.	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố tạo động lực cho nhân viên Sở lao động - thương binh và xã hội thành phố Cần Thơ	Tô Kim Hà	PGS.TS.Lưu Thanh Đức Hải	<p>Là một trong những nhân viên trẻ đang công tác tại Sở, hàng ngày tiếp xúc và trao đổi với những nhân viên, em nhận thấy một nguyên nhân cơ bản khiến cho kết quả công việc của đội ngũ này chưa đạt hiệu quả, đó chính là vì thiếu động lực làm việc. Vì những lý do trên, em đã chọn đề tài “Phân tích các nhân tố tạo động lực làm việc cho nhân viên tại Sở Lao động-Thương binh và Xã hội thành phố Cần Thơ” để làm đề tài luận văn tốt nghiệp cho mình, với mong muốn góp phần giúp các nhà lãnh đạo Sở có một cách nhìn tổng quát về các nhân tố tạo động lực làm việc cho nhân viên. Từ đó đưa ra các chính sách động viên kịp thời, nâng cao hiệu quả làm việc cho nhân viên Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Cần Thơ</p>
1335.	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định tiêu dùng cà phê tại quán của	Ngô Thị Bích Hạnh	PGS.TS.Nguyễn Tri Khiêm	Mục đích trọng tâm của nghiên cứu này là mô tả đặc điểm tiêu dùng và phân tích

		người dân ở một số địa phương của tỉnh Đồng Tháp			<p>các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tiêu dùng cà phê tại quán của người tiêu dùng tỉnh Đồng Tháp. Nghiên cứu được tiến hành dựa trên việc phỏng vấn trực tiếp 180 người tiêu ở 3 khu vực: Tam Nông, Tân Hồng, Hồng Ngự. Đề tài sử dụng phân tích mô tả, kiểm định Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố khám phá. Kết quả nghiên cứu cho thấy vấn đề người tiêu dùng quan tâm nhất khi đến quán tiêu dùng cà phê đó là yếu tố đặc tính sản phẩm, ngoài ra, yếu tố thuận tiện, yếu tố không gian, yếu tố an toàn sản phẩm và yếu tố phong cách phục vụ không kém phần quan trọng trong việc ảnh hưởng đến quyết định tiêu dùng cà phê tại quán</p>
1336.	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn dịch vụ di động trả sau Mobifone của khách hàng tại thành phố Cần Thơ	Lê Thị Mỹ Hiền	PGS.TS.Quan Minh Nhựt	<p>Đề tài “Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn dịch vụ di động trả sau MobiFone của khách hàng tại Thành phố Cần Thơ” được thực hiện nhằm mục tiêu đánh giá thực trạng lựa chọn dịch vụ thuê bao trả sau MobiFone tại TP. Cần Thơ. Bên cạnh đó đề tài nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn dịch vụ thuê bao trả sau MobiFone của khách hàng tại TP. Cần Thơ để từ đó đưa ra các giải pháp giúp MobiFone có thể xây dựng các chương trình, chính sách phù hợp với nhu cầu của khách hàng.</p> <p>Đề cạnh tranh, nhà mạng MobiFone đã không ngừng tập trung đẩy mạnh các chương trình khuyến mãi, các chương trình chăm sóc khách hàng, tập trung vào các phân khúc khách hàng khác nhau nhằm đem lại sự hài lòng cho khách hàng và tăng trưởng thị phần. Và chiến lược phát triển khách hàng sử dụng dịch vụ di động trả sau luôn được nhà mạng MobiFone quan tâm đặc biệt vì đây là dịch vụ mang lại nguồn doanh thu ổn định cho nhà mạng, và nhà mạng đã</p>

					<p>không ngừng cải tiến các chương trình phát triển cho hình thức di động này để dịch vụ ngày càng được nhiều khách hàng quan tâm, chú trọng, và tin tưởng hơn với các dịch vụ ưu đãi hấp dẫn cũng như mang lại nhiều lợi ích nhất cho khách hàng khi sử dụng dịch vụ di động trả sau của MobiFone.</p> <p>Đề tài được thực hiện thông qua số liệu khảo sát trực tiếp khách hàng đang sử dụng mạng di động và được phân tích thông qua các phương pháp thống kê mô tả, phân tích nhân tố để tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn dịch vụ thuê bao trả sau MobiFone, mô hình hồi quy đa biến để phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn dịch vụ thuê bao trả sau MobiFone ở TP. Cần Thơ.</p> <p>Từ kết quả nghiên cứu, phân tích, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm tập trung vào các vấn đề mà khách hàng quan tâm nhiều nhất để từ đó củng cố và nâng cao thị phần dịch vụ thuê bao trả sau cho nhà cung cấp mạng di động MobiFone tại TP.Cần Thơ.</p>
1337.	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự chấp nhận sản phẩm dịch vụ Internet banking của khách hàng cá nhân tại Vietcombank An Giang	Nguyễn Trung Hiếu	PGS.TS.Võ Khắc Thường	<p>Phát triển hệ thống IB hiện đại với nhiều sản phẩm và dịch vụ tiên tiến, đáp ứng đa dạng nhu cầu của người dùng là mục tiêu mà các Ngân hàng đề ra. Cũng như các Ngân hàng khác, VietcombankAn Giang đang phấn đấu, nỗ lực hết mình để bắt kịp tiến trình hiện đại hóa Ngân hàng, không những hoàn thiện những nghiệp vụ truyền thống, mà còn tập trung phát triển các ứng dụng trong Internet bankingnhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, hội nhập và phát triển.</p> <p>Song thực tiễn phát triển dịch</p>

				<p>vụ Ngân hàng điện tử đặc biệt là dịch vụ Internet banking của Vietcombank cũng có những khó khăn. Việc tìm ra các biện pháp phát triển thành công dịch vụ Internet banking cũng giúp Ngân hàng cạnh tranh với bối cảnh như hiện nay.</p> <p>Xuất phát từ lý do nêu trên, tác giả đã lựa chọn nghiên cứu đề tài: <i>Các yếu tố ảnh hưởng đến sự chấp nhận sản phẩm dịch vụ Internet banking của khách hàng cá nhân tại Vietcombank An Giang.</i></p>
1338.	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi sự kinh doanh của sinh viên khoa Quản trị Kinh doanh trường Đại học Tây Đô	Nguyễn Minh Hiếu	<p>TS.Phan Anh Tú</p> <p>Thông qua tiến trình phân tích nhân tố khám phá kết hợp hồi quy nhị phân, tác giả đã xác định được các nhân tố tác động đến ý định khởi sự kinh doanh của sinh viên Khoa QTKD trường Đại học Tây Đô. 92.1% ý định khởi sự kinh doanh của sinh viên được giải thích bởi các nhân tố được đưa vào mô hình, còn lại là các nhân tố khác chưa được nghiên cứu.</p> <p>Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng, có 6 yếu tố tác động đến ý định khởi sự kinh doanh của sinh viên Khoa QTKD trường Đại học Tây Đô, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân tố 1: Nhận thức - Nhân tố 2: Thái độ - Nhân tố 3: Chuẩn chủ quan - Nhân tố 4: Giáo dục - Nhân tố 5: Tính cách hướng ngoại - Nhân tố 6: Nguồn lực <p>Trong đó, nhân tố chuẩn chủ quan có tác động mạnh nhất, thứ hai là nhận thức và thứ ba là thái độ đối với ý định khởi</p>

				<p>sự kinh doanh của sinh viên Khoa QTKD trường Đại học Tây Đô. Từ kết quả này, tác giả đã đề xuất một số khuyến nghị để nâng cao nhận thức và phát triển ý định khởi sự kinh doanh của sinh viên Khoa QTKD trường Đại học Tây Đô.</p> <p>Từ khóa: ý định khởi sự kinh doanh, quản trị kinh doanh, Đại học Tây Đô</p>
1339.	Thạc sĩ	Hoạt động truyền thông và chiêu thị trong công tác tuyển sinh của trường đại học Tây Đô	Đặng Huy Hoàng	<p>TS.Nguyễn Phước Quý Quang</p> <p>Nghiên cứu này nhằm mục tiêu chính là hoàn thiện hoạt động truyền thông marketing đối với công tác tuyển sinh của trường Đại học Tây Đô. Phương pháp nghiên cứu được sử dụng để xây dựng, đo lường các thang đo và kiểm định mô hình lý thuyết được trình bày ở các chương trước, bao gồm hai bước: nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng. Nghiên cứu định tính được thực hiện thông qua kỹ thuật phỏng vấn sâu. Nghiên cứu định lượng được thực hiện bằng phương pháp định lượng thông qua kỹ thuật phỏng vấn trực tiếp với một mẫu có kích thước $n = 292$ mẫu. Cả hai nghiên cứu trên đều được thực hiện tại trường Đại học tây Đô. Kết quả nghiên cứu chính thức được sử dụng để phân tích, đánh giá thang đo lường các yếu tố phương tiện truyền thông marketing tác động vào kết quả hoạt động truyền thông marketing thông qua hệ số tin cậy Cronbach alpha, phân tích</p>

					<p>nhân tố EFA, hồi quy tuyến tính. Sau đó, kết quả truyền thông marketing sẽ được đánh giá kèm với điểm mạnh và điểm yếu của hoạt động truyền thông marketing để từ đó đưa ra giải pháp hoàn thiện hoạt động truyền thông marketing.</p> <p>Kết quả cho thấy, Hệ số Cronbach's Alpha của thang đo: “Quảng cáo”, “Marketing trực tiếp”, “Bán hàng trực tiếp”, “Quan hệ công chúng”, “Khuyến mại”, “Thông điệp” đều lớn hơn 0,6 và hệ số tương quan với biến tổng của tất cả các biến đo lường đều lớn hơn 0,3 nên đạt độ tin cậy.</p> <p>Kết quả phân tích nhân tố khám phá cho thấy 23 quan sát được nhóm lại thành 5 nhân tố độc lập, 5 quan sát Thông điệp nhóm thành một nhân tố Thông điệp. Sau khi phân tích hồi quy. Kết quả cho thấy cả năm yếu tố “Quảng cáo”, “Marketing trực tiếp”, “Bán hàng trực tiếp”, “Quan hệ công chúng”, “Khuyến mại” đều có tác động đến kết quả nhận thức thông điệp truyền thông của sinh viên, trong đó quan hệ công chúng là phương tiện tác động mạnh nhất và khuyến mại là yếu nhất.</p> <p>Từ các phân tích kết quả thu được tác giả đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh của trường Đại học Tây Đô.</p>
1340.	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách nội địa về chất lượng	Huỳnh Thị Thanh Hồng	PGS.TS.Võ Khắc Thường	Ngoài những ngày Tết nguyên đán và lễ hội hàng năm thì tình hình hoạt động

		dịch vụ du lịch sinh thái huyện Phong Điền thành phố Cần Thơ			<p>của ngành du lịch huyện được xem là trăm lạng. Cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch chậm đổi mới, các doanh nghiệp, các cơ sở du lịch còn hoạt động mang tính chất nhỏ lẻ, việc phục vụ khách còn mang tính chất truyền thống, hoạt động vui chơi giải trí cho khách nghỉ lại đêm hầu như không có đã hạn chế khách đến với DLST Phong Điền.</p> <p>Trước những thách thức trên, việc nghiên cứu đề tài <i>"Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách nội địa về chất lượng dịch vụ DLST Phong Điền thành phố Cần Thơ"</i> là hết sức cần thiết.</p>
1341.	Thạc sĩ		Tô Công Huân		<p>Đề tài "Đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ cho vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh An Giang" được nghiên cứu thực nghiệm để thông qua đó đưa ra giải pháp giúp việc cho vay ngày một tốt hơn.</p> <p>Mục tiêu của nghiên cứu tập trung vào khám phá các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ cho vay tại Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh An Giang và các mức độ tác động, cũng như tầm quan trọng của từng yếu tố đối với chất lượng dịch vụ cho vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh An Giang. Đề tài đã khảo sát 220 khách hàng tại Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh An Giang.</p> <p>Trên cơ sở nghiên cứu lý thuyết và phỏng vấn các khách hàng, tác giả đưa ra mô hình các yếu tố chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng tác động đến sự hài lòng gồm 5 yếu tố như: (1) yếu tố đảm bảo, (2) yếu tố phương tiện hữu hình, (3) yếu tố phản hồi, (4) yếu tố tin tưởng, (5) yếu tố cảm thông. Sau khi đánh giá hệ số tin cậy của các thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố khám phá thì các yếu tố chất lượng dịch vụ tác động đến sự hài lòng của khách hàng được nhóm lại thành 5 nhân tố mới: (1) yếu tố</p>

					<p>đặc điểm cơ bản, (2) yếu tố đảm bảo, (3) yếu tố tin tưởng và cảm thông, (4) yếu tố phản hồi 1, (5) yếu tố phản hồi 2.</p> <p>Phân tích hồi quy 5 yếu tố độc lập với biến phụ thuộc là mức độ hài lòng của khách hàng đối với bộ phận giao dịch viên, kết quả nghiên cứu cho thấy có 4 yếu tố chính tác động đến mức độ hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh An Giang. Đó là: (1) yếu tố đặc điểm cơ bản, (2) yếu tố tin tưởng và cảm thông, (3) yếu tố phản hồi 1, (4) yếu tố phản hồi 2.</p>
1342.	Thạc sĩ	Giải pháp hoàn thiện công tác quản trị đại lý tại công ty Bảo Việt nhân thọ Cần Thơ	Trần Phi Hùng	GS.TS.Võ Thị Gương	<p>Hoạt động bảo hiểm nhân thọ của Công ty Bảo Việt Nhân Thọ(BVNT) Cần Thơ chưa đạt hiệu quả cao,chưa đồng đều,nhiều tư vấn viên(TVV)của công ty thực hiện được rất ít hợp đồng. Vì thế đề tài nghiên cứu được thực hiện nhằm mục tiêu 1) Đánh giá hiện trạng công tác quản trị các Đại lý đang làm việc tại Công ty BVNT Cần Thơ; 2) Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Đại lý đang làm việc tại Công ty BVNT Cần Thơ; 3) Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Đại lý.</p> <p>Trên cơ sở khảo sát 200 đại lý bảo hiểm nhân thọ đang hoạt động trên địa bàn TP.Cần Thơ, ba phương pháp phân tích được thực hiện là Phân tích nhân tố khám phá (EFA), Phân tích hồi quy logic thứ tự (Ordered Logistic Regression) và Phân tích ma trận SWOT. Nghiên cứu đã chọn mô hình SERVPERF làm nền tảng từ đó đề xuất mô hình nghiên cứu gồm năm nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các đại lý bảo hiểm gồm: Kiến thức, Hỗ trợ, Chăm sóc, Tận tâm và Chuyên nghiệp với 23</p>

					<p>biên quan sát trong mô hình. Kết quả phân tích đã xác định được trong mô hình nghiên cứu có hai nhân tố ảnh hưởng có ý nghĩa đến hiệu quả hoạt động của các đại lý bảo hiểm tại công ty BVNT Cần Thơ là</p> <p>1) Sự chuyên nghiệp và tận tụy với nghề như tích cực ghi nhận thông tin của khách hàng, chia sẻ thông tin đến khách hàng, phản ánh đầy đủ thắc mắc của khách hàng đến công ty, tích cực tìm kiếm khách mới thông qua khách hàng quen ; 2) Kiến thức và kỹ năng như thường xuyên tham gia tập huấn, cập nhật đầy đủ kiến thức mới và thông tin ngành bảo hiểm, đạt được sự tự tin khi tư vấn. Trên cơ sở phân tích SWOT cho thấy hiện tại công ty BVNT Cần Thơ, nghiên cứu đề xuất được 08 chiến lược cần thực hiện để có thể giải quyết được các điểm yếu và nguy cơ của công ty. Trong đó, hai chiến lược tương đồng với kết quả phân tích nhân tố được xem là cấp thiết, cần ưu tiên thực hiện nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động của các đại lý đó là: 1) Thường xuyên huấn luyện, đào tạo các TVV để đạt TVV chuyên nghiệp và thường xuyên tổ chức các sự kiện giới thiệu về bảo hiểm nhân thọ đến với người dân nhằm kích thích nhu cầu tham gia; 2) Tập trung tuyển dụng Đại lý tại các địa bàn còn ít hoặc chưa có Đại lý đồng thời có chính sách phúc lợi hấp dẫn để Đại lý của Công ty không bị thu hút từ các Công ty bảo hiểm nhân thọ khác.</p>
1343.	Thạc sĩ	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định chuyển đổi ngân hàng của khách hàng cá nhân tại thành phố Cần Thơ	Kiều Lưu Tuyết Hường	PGS.TS.Võ Khắc Thường	Mục tiêu nghiên cứu của đề tài nhằm đánh giá các yếu tố tác động lên sự chuyển đổi ngân hàng của khách hàng cá nhân, để từ đó đưa hàm ý quản trị nhằm giữ chân khách hàng cũ và thu hút thêm khách hàng

				<p>mới, góp phần mang lại hiệu quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Với mục tiêu trên đề tài đã thực hiện xác định và đo lường các yếu tố ảnh hưởng đến sự chuyển đổi ngân hàng của khách hàng cá nhân. Nội dung nghiên cứu của đề tài tập trung đánh giá 6 yếu tố tác động đến ý định chuyển đổi ngân hàng của khách hàng cá nhân bao gồm yếu tố giá cả, chất lượng dịch vụ, uy tín, tác động của đối thủ cạnh tranh, sự bất tiện và chi phí chuyển đổi. Thông tin được thu nhập bằng cách phát bảng câu hỏi trực tiếp đến 396 khách hàng đang giao dịch tại các ngân hàng thương mại trên địa bàn quận Ninh Kiều, quận Cái Răng và quận Bình Thủy thuộc thành phố Cần Thơ. Song song đó, phỏng vấn và tham khảo ý kiến chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Tác giả sử dụng phương pháp thống kê mô tả thông tin của khách hàng được khảo sát, hệ số Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA, phân tích tương quan, phân tích hồi quy để phân tích thông tin thu nhập. Kết quả kiểm định thang đo qua đánh giá hệ số Cronbach's Alpha từ 29 biến quan sát ban đầu còn lại 28 biến quan sát đạt tin cậy. Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA xác định được 6 yếu tố mới hình thành, được giải thích bởi 27 biến quan sát. Tuy có nhảy biến qua lại nhưng các yếu tố tác động vẫn không thay đổi bao gồm: Giá cả, uy tín, chất lượng dịch vụ, đối thủ cạnh tranh, sự bất tiện và chi phí chuyển đổi ảnh hưởng đến ý định chuyển đổi ngân hàng của khách hàng. Qua phân tích hồi quy bội xác định được hệ số tương quan giữa các yếu tố này ảnh hưởng đến ý định chuyển đổi ngân hàng lần lượt theo thứ tự giảm dần là: (1) Giá cả, (2) Uy tín, (3) Sự bất tiện, (4) Chất lượng dịch vụ, (5) Tác động bởi đối thủ cạnh tranh, (6) Chi phí chuyển đổi. Ngoài ra, kết quả kiểm định Independent Sample T-Test cho thấy không có sự khác biệt</p>
--	--	--	--	---

					<p>về ý định chuyển đổi ngân hàng theo giới tính; Kết quả phân tích phương sai một yếu tố cho thấy có sự khác biệt về ý định chuyển đổi ngân hàng theo độ tuổi, trình độ học vấn, nghề nghiệp, thu nhập và không có sự khác biệt về ý định chuyển đổi ngân hàng theo tình trạng hôn nhân. Dựa vào kết quả nghiên cứu, làm cơ sở đề tác giả đề xuất các giải pháp giúp ngân hàng quản trị khách hàng được tốt hơn.</p>
1344.	Thạc sĩ	<p>Đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ bưu điện tỉnh An Giang</p>	Huỳnh Châu Khánh	PGS.TS.Lê Nguyễn Đoàn Khôi	<p>Từ năm 2005 Bưu điện tỉnh An Giang bắt đầu cung cấp dịch vụ chuyển tiền, thu hộ tiền, chi hộ tiền cho các đối tác là cá nhân, tổ chức. Tuy nhiên, Bưu điện tỉnh An Giang chưa thực hiện đo lường mức độ hài lòng về chất lượng các dịch vụ này một cách chính thức. Vì vậy việc đo lường mức độ hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ (chuyển tiền, thu hộ tiền, chi hộ tiền) tại Bưu điện tỉnh An Giang là rất cấp thiết. Mục đích của nghiên cứu nhằm đánh giá sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ tại Bưu điện tỉnh An Giang. Nghiên cứu được thực hiện khảo sát 642 khách hàng. Các phương pháp phân tích được sử dụng như Cronbach's alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), mô hình hồi quy bội được sử dụng để kiểm định mối quan hệ giữa các nhân tố ảnh hưởng và sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ tại Bưu điện tỉnh An Giang. Kết quả nghiên cứu cho thấy, sự hài lòng của khách hàng được hình thành trên cơ sở mối tương quan thuận mạnh nhất với 3 thành phần như "Giá trị cảm nhận", "Cung cách phục vụ" và "Sự đồng cảm". Kết quả giúp Bưu điện tỉnh An Giang hiểu rõ thêm các thành phần ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ. Điều này dễ dàng hơn trong việc cải thiện sự hài lòng của khách hàng. Trong đó, Giá trị cảm nhận, Cung cách phục vụ và Sự đồng cảm là các thành phần ảnh hưởng mạnh nhất đến sự hài lòng của khách hàng. Do</p>

					đó, cần tập trung nghiên cứu mức cước và xây dựng chính sách giá cước hợp lý hơn, tìm hiểu và đáp ứng nhu cầu một cách tốt nhất cho khách hàng, quan tâm đến từng khách hàng, lắng nghe nhu cầu của khách hàng và tìm cách đáp ứng nhu cầu đặc biệt của khách hàng. Nhằm tạo sự hài lòng cho khách hàng ngày càng cao.
1345.	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định của nhà nông trong việc sử dụng phân bón NPK trợ nông của công ty TNHH Trợ nông tại tỉnh Hậu Giang	Nguyễn Hữu Anh Khoa	PGS.TS.Lê Nguyễn Đoàn Khôi	<p>Nghiên cứu nhằm mục đích tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng phân bón NPK Trợ Nông của nhà nông trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 195 khách hàng ở 3 huyện trên địa bàn tỉnh Hậu Giang bao gồm: Châu Thành A, Phụng Hiệp và Vị Thủy. Trong nghiên cứu này tác giả sử dụng phương pháp thống kê mô tả, kiểm độ tin cậy Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá. Các giả thuyết và mô hình nghiên cứu được kiểm định bằng phương pháp hồi quy nhị phân dựa trên 195 mẫu khảo sát.</p> <p>Kết quả nghiên cứu cho thấy, quyết định sử dụng phân bón NPK Trợ Nông của nhà nông trên địa bàn tỉnh Hậu Giang dựa trên năm yếu tố: giá và mật độ phân phối, cảm nhận về chất lượng, danh tiếng, chương trình khuyến mãi và chăm sóc khách hàng, quảng cáo. Trong đó, 3 nhóm yếu tố là danh tiếng, giá và mật độ phân phối, chất lượng sản phẩm tác động mạnh nhất đến quyết định mua sản phẩm phân bón NPK Trợ Nông. Từ các kết quả nghiên cứu, tác giả đưa ra một số đề xuất hàm ý quản trị nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và tăng số lượng khách hàng sử dụng phân bón NPK Trợ Nông trên địa bàn.</p> <p>Kết quả nghiên cứu giúp nhà quản trị xác định rõ những yếu tố tác động đến quyết định mua hàng của các đối tượng khách hàng mục tiêu nhằm cân nhắc để đưa ra các định hướng kinh doanh phù hợp với từng nhóm khách hàng vào từng giai đoạn kinh doanh của doanh nghiệp</p>

1346.	Thạc sĩ	Định vị thương hiệu Đài truyền hình thành phố Cần Thơ	Phan Thành Kiêm	PGS.TS.Lưu Thanh Đức Hải	Tất cả những yếu tố bên ngoài và bên trong đã dẫn tới một đặc điểm mới của ngành truyền hình hiện nay: đó là sự hình thành một môi trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt với yêu cầu ngày càng cao, số lượng sản phẩm xuất hiện nhiều và ngày càng đa dạng, đặc biệt trong đó có nhiều sản phẩm cạnh tranh trực tiếp đến từ nước ngoài. Việc phải xác định rõ vị trí mình đang ở đâu và sẽ đi về đâu là một yêu cầu rất cần thiết cho sự phát triển bền vững của Đài truyền hình Thành phố Cần Thơ.
1347.	Thạc sĩ	Thái độ người tiêu dùng đối với chiêu thị trong việc hình thành giá trị thương hiệu Vinamilk tại địa bàn thành phố Cần Thơ	Phan Tuấn Kiệt	TS.Phan Anh Tú	nghiên cứu này nhằm đánh giá thái độ của người tiêu dùng đối với quảng cáo và khuyến mãi tới giá trị thương hiệu sữa Vinamilk tại địa bàn thành phố Cần Thơ. Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 300 khách hàng ở 4 quận trên địa bàn thành phố Cần Thơ là: Ninh Kiều, Bình Thủy, Cái Răng và Ô Môn. Trong nghiên cứu này, phương pháp thống kê mô tả, kiểm độ tin cậy Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá và phân tích nhân tố khẳng định được sử dụng. Các giả thuyết và mô hình nghiên cứu được kiểm định bằng phương pháp phân tích cấu trúc tuyến tính và Bootstrap dựa vào 300 mẫu khảo sát. Kết quả nghiên cứu cho thấy giá trị thương hiệu sữa Vinamilk gồm ba thành phần là nhận biết thương hiệu, chất lượng cảm nhận và lòng đam mê thương hiệu. Thái độ đối với quảng cáo và khuyến mãi đều có tác động đến các thành phần của giá trị thương hiệu. Trong đó, thái độ đối với khuyến mãi tác động mạnh nhất đến chất lượng cảm nhận, còn thái độ đối với quảng cáo tác động mạnh đến nhận biết thương hiệu. Ngoài ra, nghiên cứu cho thấy các thành phần của giá trị thương hiệu cũng tác động đến giá trị thương hiệu tổng quát. Dựa trên kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất

					<p>một số hàm ý cho nhà quản trị nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động chiêu thị của thương hiệu sữa Vinamilk. Kết quả nghiên cứu góp phần bổ sung vào thực tiễn quản lý, giúp cho nhà quản trị tiếp thị và quản lý doanh nghiệp hiểu biết hơn về giá trị thương hiệu và mối quan hệ thái độ người tiêu dùng đối với vai trò của chiêu thị trong việc hình thành giá trị thương hiệu sữa Vinamilk. Từ đó có những đáp ý nghĩa về tăng sự hiểu biết thương hiệu cũng như tạo cơ sở lựa chọn hình thức chiêu thị hiệu quả trong thực tiễn xây dựng thương hiệu.</p>
1348.	Thạc sĩ	<p>Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự đáp ứng công việc của công chức ngành thuế tại tỉnh Sóc Trăng</p>	<p>Đặng Thị Thúy Kiều</p>	<p>PGS.TS.Võ Khắc Thường</p>	<p>Đề tài “<i>Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự đáp ứng công việc của công chức ngành Thuế tại tỉnh Sóc Trăng</i>” được thực hiện từ tháng 04 năm 2016 đến tháng 10 năm 2016.</p> <p>Thông qua đề tài nghiên cứu tác giả sử dụng các phương pháp nghiên cứu chủ yếu như: Phương pháp thống kê mô tả, phân tích nhân tố, phân tích hồi quy, kiểm định ANOVA... Đề tài phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự đáp ứng công việc trong lĩnh vực ngành Thuế tại tỉnh Sóc Trăng sẽ đóng góp quan trọng vào việc đánh giá thực trạng công chức trong ngành, làm cơ sở tham mưu cho các cấp lãnh đạo hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu thực tiễn trong giai đoạn hiện nay. Xét thấy tính thực tiễn và có nghĩa trong định hướng phát triển của ngành, tác giả đã kế thừa các phương pháp nghiên cứu trước đó và có điều chỉnh các thành phần thang đo cho phù hợp với nghiên cứu hiện tại, nhằm làm sáng tỏ một số vấn đề về sự đáp ứng công việc của công chức ngành Thuế tại tỉnh Sóc Trăng.</p>

					<p>Kết quả nghiên cứu xác định có 06 thành phần có ảnh hưởng đến mô hình gồm: (1) Năng lực tâm lý, (2) Năng lực chuyên môn, (3) Thái độ làm việc, (4) Điều kiện làm việc, (5) Động lực làm việc, (6) Môi trường làm việc. Thông qua phân tích dữ liệu từ 165 phiếu khảo sát và chuyển đổi dạng phần trăm, ta thấy thành phần NLTL đóng góp 12.92%, thành phần NLCM đóng góp 9.82%, thành phần TĐLV đóng góp 24.94%, thành phần ĐKLV đóng góp 21.45%, thành phần ĐLLV đóng góp 13.6%, thành phần MTLV đóng góp 17.27%. Thứ tự ảnh hưởng của các thành phần đến sự đáp ứng công việc là TĐLV, ĐKLV, MTLV, ĐLLV, NLTL, NLCM.</p> <p>Kết quả nghiên cứu của đề tài có ý nghĩa thực tiễn, nhất là trong giai đoạn hiện nay, ngành Thuế đang đẩy mạnh tính minh bạch hóa trong hoạt động của mình, đặc biệt trong công tác cải cách thủ tục hành chính thuế, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp phát triển. Trong khi đó, để đáp ứng tốt yêu cầu của khách hàng thì trước hết, công chức ngành Thuế phải thể hiện được tính đáp ứng yêu cầu công việc đặt ra. Do vậy, xác định đúng yếu tố tác động, ảnh hưởng đến sự đáp ứng công việc của công chức ngành Thuế là một bước quan trọng nhằm tăng hiệu quả phục vụ khách hàng, đem lại thuận tiện, hài lòng cho cộng đồng doanh nghiệp, tổ chức và người dân.</p>
1349.	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên năm cuối đối với chất lượng dịch vụ đào tạo tại trường Đại học Tây Đô	Đào Thanh Lam	TS.Nguyễn Phước Quý Quang	Xác định được thông tin về sự hài lòng của sinh viên chính là bằng chứng về hiệu quả của chương trình giáo dục

				<p>và chất lượng đào tạo, giúp các nhà quản lý giáo dục kịp thời có những điều chỉnh hợp lý để ngày càng tạo ra mức độ hài lòng cao hơn của sinh viên. Đứng trên phương diện này, tác giả thực hiện đề tài nghiên cứu “Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên năm cuối đối với chất lượng dịch vụ đào tạo tại trường Đại học Tây Đô”, với mục đích khám phá ra những yếu tố nào mà sinh viên khi học tập, rèn luyện tại trường hài lòng và không hài lòng, từ đó khuyến nghị nhà trường có những điều chỉnh kịp thời. Việc làm này hết sức cần thiết đối với một trường đại học, đặc biệt là đối với Trường đại học Tây Đô.</p> <p>Đề tài đã thực hiện được các mục tiêu đề ra: Xác định được 7 yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên năm cuối đối với chất lượng dịch vụ đào tạo của trường Đại học Tây Đô. Mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố đối với sự hài lòng của sinh viên năm cuối đối với chất lượng dịch vụ đào tạo của trường Đại học Tây Đô lần lượt là: (1) Giảng viên và phương pháp giảng dạy; (2) Chương trình đào tạo; (3) Quản lý hỗ trợ đào tạo; (4) Kết quả khóa học; (5) Hoạt động rèn luyện; (6) Giáo trình - Tài liệu học tập; (7) Cơ sở vật chất. Đề tài đã đề xuất một số hàm ý quản trị giúp nâng cao sự hài lòng của sinh viên</p>
--	--	--	--	--

					năm cuối đối với chất lượng dịch vụ đào tạo của trường Đại học Tây Đô.
1350.	Thạc sĩ	Hoạch định phát triển nguồn nhân lực tại Sở Giao thông Vận tải Hậu Giang giai đoạn 2016 - 2020	Nguyễn Thanh Lâm	PGS.TS.Đào Duy Huân	<p>Sở Giao thông Vận tải Hậu Giang là đơn vị quản lý nhà nước chuyên ngành, tham mưu cho UBND tỉnh Hậu Giang trong công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực Giao thông Vận tải, để đáp ứng với xu thế hội nhập trong thời gian tới cũng như nâng cao vị thế vai trò, trước hết đơn vị phải có những định hướng đầu tư và phát triển, trước mắt là đầu tư phát triển trình độ năng lực của cán bộ công chức, viên chức, người lao động (CBCCVC-NLĐ) trong ngành nhằm đáp ứng tốt những nhu cầu quản lý, góp phần nângcao hiệu quả hoạt động của đơn vị hiện tại và trong tương lai.</p> <p>Chính vì vậy, tác giả nhận thấy được tầm quan trọng và sự cần thiết phải có công tác hoạch định phát triển nguồn nhân lực trong bất cứ một tổ chức, doanh nghiệp nào, trong quá trình làm việc tại Sở Giao thông vận tải Hậu Giang (được gọi tắt là Sở), cùng với kiến thức đã học, cho nên tác giả đã lựa chọn đề tài: “ Hoạch định phát triển nguồn nhân lực tại Sở Giao thông Vận tải Hậu Giang giai đoạn 2016 – 2020” làm đề tài nghiên cứu</p>
1351.	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên về chất lượng đào tạo tại khoa Ngữ Văn - Trường đại học Tây Đô	Lê Văn Lành	TS.Nguyễn Phước Quý Quang	<p>Mục tiêu chính của đề tài là phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của sinh viên đang học tại Khoa Ngữ Văn, Trường Đại học Tây Đô, từ mô hình IPA, nghiên cứu đề xuất các giải pháp nâng cao mức độ hài lòng của sinh viên đang học tại Khoa Ngữ Văn, Trường Đại học Tây Đô.</p> <p>Đề tài đã tiến hành kiểm định độ tin cậy của thang đo với 37 biến quan sát. Sau khi loại bỏ</p>

					<p>các biến không có ý nghĩa, nghiên cứu tiến hành phân tích nhân tố để tìm ra các nhân tố..... và hiệu chỉnh mô hình nghiên cứu cho phù hợp. Từ đó, tác giả tiến hành kiểm định Pair simple T-test các tiêu chí trong từng nhóm nhân tố để đánh giá chất lượng dịch vụ và mức độ hài lòng của sinh viên đối với từng nhóm nhân tố. Sau đó, tiến hành phân tích hồi quy đa biến nhằm xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến mức độ hài lòng của sinh viên.</p> <p>Kết quả nghiên cứu cho thấy có 5 yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của sinh viên là: Hỗ trợ sinh viên (HT); Giá cả dịch vụ (GC); Cơ sở vật chất (VC); Chương trình đào tạo (CT) và Giảng viên (GV). Trong đó, Cơ sở vật chất có ảnh hưởng mạnh nhất đến mức độ hài lòng.</p> <p>Dựa vào các kết quả phân tích trên kết hợp mô hình IPA, tác giả đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao mức độ hài lòng của sinh viên đang học tại Khoa Ngữ Văn, trường Đại học Tây Đô đối với từng nhóm nhân tố cụ thể.</p>
1352.	Thạc sĩ	Hoạch định chiến lược phát triển kinh doanh của ngành du lịch tỉnh Bạc Liêu đến năm 2020 tầm nhìn 2030	Trịnh Thị Mỹ Linh	PGS.TS.Đào Duy Huân	<p>Trên thực tế, Ngành du lịch Bạc Liêu chỉ có qui hoạch và chương trình hành động đến 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, chứ chưa có một chiến lược đầy đủ về phát triển kinh doanh. Vì vậy đề tài “<i>Hoạch định chiến lược phát triển kinh doanh của ngành du lịch tỉnh Bạc Liêu đến năm 2020 tầm nhìn 2030</i>” làm luận văn thạc sĩ QTKD.</p> <p>Mục tiêu tổng quát của đề tài là hoạch định chiến lược phát triển kinh doanh của ngành du lịch Bạc Liêu đến năm 2020 tầm nhìn năm 2030, nhằm góp phần giúp ngành du lịch phát triển bền vững.</p> <p>Phương pháp sử dụng để thực hiện là định tính thông qua phân tích tổng hợp, thống kê mô tả, dự báo và các cụ EFE, IFE, ma trận hình ảnh cạnh tranh CPM, SWOT và ma trận định lượng QSPM để đánh giá các yếu tố môi trường vĩ mô, môi</p>

					<p>trường vì mô một cách toàn diện trong việc lựa chọn chiến lược.</p> <p>Kết quả đạt được: Đánh giá những thành công – hạn chế của kinh doanh của ngành du lịch Bạc Liêu giai đoạn 2011- 2015. Phân tích, đánh giá những điểm mạnh-yếu, cũng như cơ hội thách thức và lợi thế - bất lợi thế của kinh doanh du lịch 2016-2020. Đưa ra các chiến lược phát triển kinh doanh của ngành du lịch Bạc Liêu đến năm 2020, tầm nhìn 2030 như: trọng tâm hóa đầu tư cho phát triển kinh doanh du lịch, khác biệt hóa kết hợp đa dạng hóa sản phẩm du lịch, chiến lược marketing phát triển kinh doanh du lịch và Chiến lược phát triển nguồn nhân lực.</p> <p>Các giải pháp để thực hiện chiến lược: Quy hoạch phát triển du lịch, hoàn thiện chính sách và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch; đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng du lịch; đa dạng hóa sản phẩm du lịch và phát triển các sản phẩm dịch vụ du lịch đặc trưng; đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển du lịch và giải pháp phát triển du lịch bền vững.</p> <p>Đề tài chủ yếu làm theo phương pháp định tính thông qua sử dụng phương pháp phỏng vấn chuyên gia về thực trạng du lịch, tiềm năng lợi thế du lịch và hướng phát triển du lịch từ 2016- 2020 tầm nhìn 2030. Vì vậy các giải pháp đề xuất còn mang tính định tính, cảm nhận chưa đủ cơ sở khoa học để du lịch Bạc Liêu thực hiện triệt để giai đoạn 2016-2020, cần có những nghiên cứu tiếp theo.</p>
1353.	Thạc sĩ	Phân tích nhân tố tác động đến động lực làm việc của nhân viên tại Quỹ đầu tư Phát triển thành phố Cần Thơ	Mai Thị Hồng Loan	TS.Nguyễn Tiến Dũng	<p>Trong thời kỳ hội nhập, nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp. Để giữ chân nhân viên giỏi và tâm huyết là một vấn đề không dễ. Nhằm đề giải quyết vấn đề trên đề tài "<i>Phân tích các nhân tố tác động đến động lực làm việc của nhân viên tại Quỹ Đầu tư phát triển Thành Phố Cần Thơ</i>" đã được thực hiện, nhằm tìm ra các</p>

				<p>nhân tố tác động đến động lực làm việc của nhân viên từ đó đề xuất một số hàm ý quản trị để nâng cao hơn nữa động lực làm việc của nhân viên, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh cho Quý.</p> <p>Phương pháp nghiên cứu sử dụng là nghiên cứu định tính kết hợp định lượng và đã thu được kết quả sau:</p> <p>Các phương pháp kiểm định Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá và ước lượng hồi quy được sử dụng để xác định các nhân tố tác động. Thông qua khảo sát 151 nhân viên có 5 nhân tố được xác định tác động đến động lực làm việc của nhân viên. Trong đó nhân tố Đặc điểm công việc có ảnh hưởng mạnh nhất, hệ số B đạt 0,32, điều này cho thấy Đặc điểm công việc là nhân tố quyết định đến động lực làm việc của nhân viên, công việc đang làm có thể giúp cho nhân viên phát huy chuyên môn, họ cảm thấy được tự chủ, thoải mái đối với công việc họ phụ trách thì họ càng có động lực làm việc hơn. Với 5 nhân tố được xác định đã giải thích được 74,2% sự thay đổi của động lực làm việc đó là: Điều kiện làm việc; Đặc điểm công việc; Đào tạo và thăng tiến; Lãnh đạo, quản lý; Tiền lương và phúc lợi.</p> <p>Qua kết quả nghiên cứu thảo luận, tác giả đã đề xuất các hàm ý chính sách quản trị cho các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên: hàm ý về Điều kiện làm việc; Đặc điểm công việc; Đào tạo và thăng tiến; Lãnh đạo, quản lý; Tiền lương và phúc lợi để giúp cho công tác tạo động lực của Quý hoàn thiện hơn.</p> <p>Ngoài ra, luận văn còn gặp một số mặt hạn chế như sau: Do phạm vi nghiên cứu tại Quý Đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ là khá nhỏ chưa mang tính bao quát, phương pháp chọn mẫu phi xác suất, và hệ số giải thích của mô hình phân tích nhân tố chưa cao nên còn một số yếu tố chưa được nghiên cứu và do tâm lý e dè, vị nể của nhân viên làm cho</p>
--	--	--	--	---

					<p>ngiên cứu chưa thật sự có hiệu quả</p>
1354.	Thạc sĩ	<p>Hoạch định chiến lược phát triển du lịch tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn 2025</p>	<p>Nguyễn Thị Thúy Loan</p>	<p>PGS.TS.Đào Duy Huân</p>	<p>Trong kinh tế thị trường các doanh nghiệp du lịch Hậu Giang phải cạnh tranh với các doanh nghiệp du lịch trong và ngoài nước, để có thể đứng vững trên thương trường, doanh nghiệp du lịch Hậu Giang cần phải hoạch định chiến lược, nâng cao sức cạnh tranh và tăng trưởng bền vững. Mục tiêu nghiên cứu là hoạch định chiến lược kinh doanh cho Du lịch Hậu Giang giai đoạn 2016 - 2020 và đề ra các giải pháp khả thi để triển khai chiến lược. Phương pháp sử dụng để thực hiện đề tài gồm phương pháp thống kê-mô tả, phương pháp chuyên gia và diễn dịch- qui nạp. Công cụ sử dụng để thực hiện là EFE IFE, Ma trận cạnh tranh, SWOT, QSPM,SPACE.</p> <p>Kết quả đạt được của đề tài:</p> <p>Một: phân tích môi trường kinh doanh khái quát điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và nguy cơ.</p> <p>Hai: tổng hợp ma trận SWOT để hình thành các nhóm chiến lược SO, ST, WO, WT.</p> <p>Ba: Qua ma trận hoạch định chiến lược có thể định lượng (QSPM) và bằng cách cho điểm hấp dẫn đối với lần lượt từng nhóm chiến lược từ đó chọn chiến lược ưu tiên cho phát triển du lịch Hậu Giang từ năm 2016 đến năm 2020 bao</p>

				<p>gồm: nâng cao chất lượng dịch vụ và chăm sóc khách hàng; nâng cao năng lực điều hành và tái cơ cấu tổ chức; nâng cao chất lượng hệ thống; chiến lược đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ; thâm nhập và phát triển thị trường.</p> <p>Bốn: Đề xuất các nhóm giải pháp để thực hiện chiến lược ưu tiên bao gồm: đa dạng hoá dịch vụ cung cấp, chăm sóc từng nhóm khách hàng cụ thể, phát triển bền vững tài nguyên du lịch, đào tạo nguồn nhân lực đủ về số lượng, chất lượng cũng như cơ cấu nhằm đáp ứng hiệu quả nhu cầu của du khách về sản phẩm, dịch vụ, tối giản thời gian cung cấp dịch vụ, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu khách hàng theo sát và đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu phục vụ cho khách hàng, xây dựng văn hóa du lịch, tổ chức và hoàn thiện bộ máy, quy trình chăm sóc khách hàng theo hướng phân loại khách hàng và phân loại sản phẩm dịch vụ...</p> <p>Năm : Những giải pháp này sẽ giúp du lịch Hậu Giang phát huy những thế mạnh của đơn vị cũng như tận dụng những cơ hội từ bên ngoài để khai thác hết các tiềm năng hiện có, để mở rộng và phát triển thị phần, tạo thế chủ động trên thị trường cạnh tranh khốc liệt như hiện nay</p>
--	--	--	--	---

1355.	Thạc sĩ	Hoàn thiện quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho Giáo dục và Đào tạo ở thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long	Nguyễn Thành Luân	PGS.TS.Đào Duy Huân	<p>Giáo dục đào tạo là lĩnh vực được Nhà nước luôn ưu tiên quan tâm phát triển, không ngừng tăng cường đầu tư cho giáo dục đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài để đáp ứng yêu cầu phát triển của kinh tế - xã hội. Giáo dục đào tạo vừa là mục tiêu, vừa là động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Và ngân sách nhà nước vẫn là nguồn tài chính cơ bản cho giáo dục đào tạo và chính là hoạt động đầu tư - đầu tư cho tương lai. Chi ngân sách nhà nước cho giáo dục đào tạo ở thị xã Bình Minh luôn được quan tâm và ưu tiên hàng đầu. Tuy nhiên trong quản lý ngân sách cho GD&ĐT, việc chi sai quy định ở một số trường vẫn còn diễn ra, gây thất thoát, lãng phí NSNN, nhất là trong chi thường xuyên. Do vậy, cần phải xác định rõ nguyên nhân, các yếu tố ảnh hưởng và từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện quản lý chi thường xuyên ngân sách cho giáo dục đào tạo để góp phần đảm bảo quản lý ngân sách của thị xã đúng theo quy định, sử dụng ngân sách có hiệu quả và đây cũng là lý do tác giả chọn đề tài "<i>Hoàn thiện quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho giáo dục và đào tạo ở thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long</i>".</p> <p>Bằng phương pháp nghiên cứu định tính được thực hiện thông qua kỹ thuật thảo luận với các chuyên gia am hiểu trong lĩnh vực quản lý ngân sách nhằm điều chỉnh, bổ sung các tiêu chí và nhân tố ảnh hưởng đến quản lý chi thường xuyên ngân sách kết hợp với phương pháp phân tích thống kê để làm rõ thêm thực trạng trong quản lý chi thường xuyên NSNN.</p> <p>Qua phân tích, đánh giá công tác quản lý chi thường xuyên NSNN cho GD&ĐT ở thị xã Bình Minh cho thấy thị xã đã quan tâm đầu tư cho giáo dục bằng nguồn vốn ngân sách, tuân thủ các quy định trong quản lý ngân sách, nhất</p>
-------	---------	---	-------------------	---------------------	--

					<p>là trong chi thường xuyên cho GD&ĐT đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của thị xã. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại hạn chế như: đội ngũ quản lý và kế toán ở các trường còn nhiều hạn chế năng lực chuyên môn; Dự toán lập hàng năm còn mang tính hình thức; công thanh tra, kiểm tra chưa thường xuyên...</p> <p>Có thể nói rằng, công tác quản lý chi thường xuyên NSNN cho GD&ĐT đã đạt kết quả rất đáng khích lệ, tuy nhiên hiệu quả còn chưa đạt như mong muốn. Để góp phần nâng cao chất lượng quản lý chi thường xuyên NSNN cũng như hiệu quả trong việc sử dụng ngân sách, tác giả đã đề xuất các giải pháp góp phần hoàn thiện quản lý chi thường xuyên NSNN cho GD&ĐT ở thị xã Bình Minh trong thời gian tới.</p>
1356.	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên tại ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải chi nhánh Cần Thơ	Trịnh Ngọc Mai	GS.TS.Nguyễn Thanh Tuyền	<p>Trước áp lực đó, đòi hỏi Chi nhánh Ngân hàng Hàng Hải tại Cần Thơ phải có chính sách quản trị nguồn nhân lực phù hợp để ổn định phát triển đội ngũ nguồn nhân lực trong giai đoạn phát triển sau khi sáp nhập, đặc biệt là đối tượng nhân viên giao dịch và nhân viên tín dụng, thường làm việc trong tâm lý lo lắng – không chắc chắn về vị trí công việc của họ trong tương lai tại tổ chức. Trước thực trạng đó, việc thực hiện nghiên cứu về động lực làm việc của nhân viên tại ngân hàng trong thời gian sau sáp nhập là cần thiết vì kết quả nghiên cứu sẽ cung cấp những luận cứ khoa học thực tiễn cho ban lãnh đạo Ngân hàng Hàng Hải – Chi nhánh Cần Thơ có cơ sở xây dựng chính sách phát triển nguồn nhân lực tốt hơn, đồng thời khắc phục những điểm hạn chế và phát huy những điểm mạnh trong công tác quản trị nguồn nhân lực cho giai đoạn phát triển tiếp theo. Do đó, tác giả chọn đề tài</p>

					"Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải- Chi nhánh Cần Thơ" để làm luận văn caohọc.
1357.	Thạc sĩ	Giải pháp hoàn thiện chuỗi giá trị Bưởi tại tỉnh Hậu Giang	Huỳnh Thanh Minh	GS.TS.Võ Thị Gương	<p>Canh tác Bưởi có triển vọng phát triển tốt ở tỉnh Hậu Giang. Tuy nhiên, canh tác vườn cây ăn trái này còn nhỏ lẻ, thiếu liên kết, thị trường tiêu thụ chưa ổn định; hệ thống phân phối còn yếu kém, chủ yếu bưởi được tiêu thụ trong nội địa nên dễ bị bão hòa trong thời gian tới, rất bất lợi cho nông dân. Đề tài nghiên cứu nhằm mục tiêu (1) Phân tích thực trạng sản xuất và tiêu thụ Bưởi tại Hậu Giang, (2) Phân tích chuỗi giá trị và kinh tế chuỗi giá trị Bưởi, (3) Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện chuỗi giá trị Bưởi tại tỉnh Hậu Giang, nâng cao thu nhập cho nhà vườn canh tác Bưởi .</p> <p>Số liệu được thu thập theo phương pháp phi ngẫu nhiên, với tổng số mẫu quan sát trong nghiên cứu là 184 quan sát cho tất cả tác nhân, gồm nhà vườn tại huyện Châu Thành và huyện Phụng Hiệp; cửa hàng vật tư nông nghiệp, nhà cung cấp cây giống, thương lái, vựa trong tỉnh, vựa phân phối ngoài tỉnh, HTX, doanh nghiệp, người bán lẻ và các chuyên gia, nhà hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và một số tỉnh khác. Phương pháp thống kê mô tả được sử dụng cho phân tích số liệu, phân tích ma trận SWOT gồm phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và nguy cơ, là cơ sở cho việc đề xuất giải pháp hoàn thiện chuỗi.</p> <p>Kết quả phân tích chuỗi giá trị Bưởi tại Hậu Giang cho thấy, hiệu quả đầu tư trong</p>

					<p>năm của nhà vườn đạt thấp hơn rất nhiều so với hiệu quả đầu tư của tác nhân thương mại. Tác nhân nhà vườn chính là mắt xích yếu nhất và dễ bị tổn thương nhất trong sự vận hành hệ thống của toàn chuỗi giá trị Bưởi tại Hậu Giang. Tác nhân thương mại có lợi nhuận đạt cao nhất, nhất là vừa phân phối ngoài tỉnh. Trên cơ sở phân tích, 4 giải pháp được đề xuất nhằm hoàn thiện chuỗi giá trị Bưởi tại Hậu Giang là:</p> <p>(1) Giải pháp đột phá: phát triển vùng chuyên canh chất lượng cao; cơ cấu lại sản xuất và tiêu thụ sản phẩm (2) Giải pháp chuẩn bị: đầu tư công nghệ gắn với đa dạng hóa sản phẩm; nâng cao năng lực bảo quản sau thu hoạch; phát triển liên kết “4 nhà” (3) Giải pháp giảm rủi ro: đẩy mạnh tuyên truyền, nghiên cứu giống cây trồng thích ứng với điều kiện khí hậu, chống chịu tốt với sâu bệnh; tăng cường thương mại gắn với đa dạng hóa sản phẩm (4) Giải pháp phòng thủ: hoàn thiện hệ thống giao thông nông thôn; hỗ trợ nhà vườn phòng chống dịch bệnh, thiên tai; tăng cường xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.</p>
1358.	Thạc sĩ	Hoạch định chiến lược phát triển kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu đến năm 2020	Trần Tấn Minh	TS.Nguyễn Hồng Gấm	<p>Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu (NSH PETRO) là doanh nghiệp đầu mối xuất, nhập khẩu xăng dầu, kinh doanh các mặt hàng xăng dầu phục vụ cho mọi nhu cầu kinh tế - xã hội, NSH PETRO luôn giữ vai trò chủ đạo cung cấp nguồn xăng dầu trong nước và các nước lân cận như: Campuchia, Lào. Tuy nhiên, trước tình hình biến động của thị trường xăng dầu trong và ngoài nước hiện nay, nhiều cơ hội và thách thức mới đang và</p>

					<p>sẽ xuất hiện tác động mạnh đến sự tồn tại và phát triển của NSH PETRO. Ở thị trường trong nước, NSH PETRO cũng gặp phải sự cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp dầu mỡ xăng dầu khác như: Petrolimex, Pv oil (Petromekong), Saigon Petro, Mippec, Petimex,... dự báo trong tương lai gần cũng sẽ xuất hiện các doanh nghiệp xăng dầu quốc tế có quy mô và năng lực cạnh tranh mạnh hơn tham gia kinh doanh thị trường nội địa nước ta, điều kiện kinh doanh ngày càng khó khăn và khắc nghiệt hơn. Điều này cho thấy NSH PETRO muốn đạt được những mục tiêu sản xuất đề ra cần phải có định hướng chiến lược kinh doanh cụ thể, đúng đắn và phù hợp với tình hình thực tế thì mới có thể đạt được những mục tiêu sản xuất kinh doanh đã đề ra.</p> <p>Xuất phát từ những đòi hỏi cấp thiết trên, đề tài "<i>Hoạch định chiến lược kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu giai đoạn năm 2016-2020</i>" được tôi chọn làm đề tài nghiên cứu luận văn Thạc sĩ cho mình.</p>
1359.	Thạc sĩ	Nghiên cứu các nhân tố tác động đến lòng trung thành của giao dịch viên tại công ty dịch vụ Mobifone khu vực 9	Huỳnh Tiến Mỹ	TS.Phan Anh Tú	<p>Các hiệp định thương mại tự do được ký kết, cùng làn sóng doanh nghiệp nước ngoài đổ bộ vào Việt Nam đang tạo nên sức ép cạnh tranh quyết liệt đối với các doanh nghiệp nội địa. Tuy nhiên, trong thách thức luôn mở ra cơ hội, áp lực cạnh tranh là động lực để các doanh nghiệp Việt Nam chủ động thay đổi, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển các nguồn lực hiện tại. Trong đó, nguồn nhân lực là lực lượng nòng cốt của doanh nghiệp. Việc thực hiện phát triển lực lượng lao động chất lượng cao</p>

				<p>là vấn đề sống còn của doanh nghiệp bởi vì đây là yếu tố quyết định đến năng suất, chất lượng sản phẩm và giá thành sản phẩm. Ngoài ra, với thị trường lao động cạnh tranh như hiện nay, việc dùng người, giữ chân nhân tài và nâng cao lòng trung thành của nhân viên càng được các nhà lãnh đạo chú trọng hơn, trở thành một phần tất yếu cho thành công của doanh nghiệp.</p> <p>Đề tài “Nghiên cứu các nhân tố tác động đến sự hài lòng và lòng trung thành của giao dịch viên tại công ty Dịch vụ MobiFone Khu vực 9” được thực hiện với mục tiêu chính là tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng, lòng trung thành của đội ngũ Giao dịch viên, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao mức độ sự hài lòng, lòng trung thành của Giao dịch viên. Đề tài được thực hiện từ tháng 8 năm 2016 đến tháng 07 năm 2017. Nghiên cứu đã khảo sát 250 Giao dịch viên, trong đó thu được 200 phiếu đạt điều kiện yêu cầu phân tích. Dữ liệu được xử lý và phân tích với các phương pháp bao gồm: thống kê mô tả, phương pháp kiểm định Cronbach’s Alpha, Phân tích phương sai một yếu tố (ANOVA) và phương pháp phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính SEM.</p> <p>Từ mô hình nghiên cứu cấu ban đầu với 05 nhân tố, kết quả nghiên cứu cho thấy cho thấy có 03 nhân tố có tác động tích cực trực tiếp đến sự hài lòng của Giao dịch viên với các trọng số đóng góp theo thứ tự từ cao đến thấp như sau: Môi trường làm việc (0,334), Lãnh đạo (0,315) và Đặc điểm công việc (0,276). Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, hài lòng là một trong những yếu tố quyết định đến lòng trung thành của Giao dịch viên. Hài lòng tác động trực tiếp tỷ lệ thuận đến lòng trung thành với trọng số khá cao (0,682). Từ kết quả đó, nghiên cứu đã cho thấy, lòng trung</p>
--	--	--	--	--

					<p>thành của Giao dịch viên càng cao khi sự hài lòng càng được đáp ứng. Ngoài ra, kết quả phân tích ANOVA theo hành vi tiêu dùng và các yếu tố nhân khẩu học cho thấy không có sự khác biệt về sự hài lòng, lòng trung thành của Giao dịch viên đối với các nhóm nhân khẩu học khác nhau.</p>
1360.	Thạc sĩ	<p>Đánh giá sự hài lòng của doanh nghiệp khi khai báo Hải quan điện tử tại Cục Hải Quan thành phố Cần Thơ</p>	Ngô Phương Nam	TS. Nguyễn Ngọc Minh	<p>Việt Nam gia nhập Tổ chức thương mại quốc tế như WTO, tham gia ký kết Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương TPP đòi hỏi ngành Hải Quan cần phải thay đổi phương pháp quản lý để bắt kịp xu thế giao thương trong môi trường quốc tế. Vì vậy, Cục Hải Quan Thành phố Cần Thơ đã đưa vào sử dụng hệ thống hải quan điện tử. Đây là hệ thống mới còn nhiều bỡ ngỡ cho các doanh nghiệp cũng như công chức Hải quan khi thực hiện. Nhằm xác định, đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng, mức độ hài lòng của Doanh nghiệp và đề xuất một số hàm ý quản trị nhằm nâng cao hơn nữa mức độ hài lòng của Doanh nghiệp khi tham gia thực hiện thủ tục hải quan tại Cục Hải quan Thành phố Cần Thơ. Đề tài “<i>Đánh giá sự hài lòng của doanh nghiệp khi khai báo hải quan điện tử tại Cục Hải quan Thành phố Cần Thơ</i>” được nghiên cứu thực hiện.</p> <p>Phương pháp nghiên cứu sử dụng là nghiên cứu định tính kết hợp định lượng. Các phương pháp kiểm định Cronbach’s Alpha, phân tích nhân tố khám phá và ước lượng hồi quy được sử dụng để xác định các nhân tố ảnh hưởng. Thông qua khảo sát 175 doanh nghiệp có 6 nhân tố được xác định ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của doanh nghiệp. Trong đó nhân tố Mức độ tin cậy có ảnh hưởng mạnh</p>

				<p>nhất, hệ số B đạt 0,33, điều này cho thấy khi thực hiện qua mạng vấn đề doanh nghiệp quan tâm nhất là độ tin cậy của hệ thống mới. Với 6 biến được xác định đã giải thích được 68,97% sự biến thiên của sự hài lòng đó là: Hệ thống khai báo Hải Quan điện tử; Sự cảm thông; Chi phí thực hiện; Độ tin cậy; Sự an toàn và Khả năng đáp ứng. Vì đây là hệ thống mới nên sự hài lòng của doanh nghiệp chỉ ở mức hài lòng, vấn đề mà doanh nghiệp quan tâm nhất là hệ thống phân luồng ưu tiên những hàng hóa của doanh nghiệp có lịch sử thực hiện thủ tục hải quan tốt, lâu năm và việc kiểm tra chuyên ngành của các Bộ ngành có liên quan đến chính sách của hàng hoá.</p> <p>Qua kết quả nghiên cứu thảo luận, hàm ý chính sách quản trị được đề xuất nhằm cải thiện sự hài lòng của doanh nghiệp khi tham gia thực hiện thủ tục hải quan tại Cục Hải quan Thành phố Cần Thơ.</p>	
1361.	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao giá trị thương hiệu nước mắm Thiên Hương trên địa bàn thành phố Cần Thơ	Phạm Tổng Hà Ngân	PGS.TS.Phan Văn Thơm	<p>Đề tài Giải pháp nâng cao giá trị thương hiệu nước mắm Thiên Hương được thực hiện với bốn mục tiêu</p> <p>(1) Phân tích quá trình xây dựng thương hiệu và chiến lược marketing của nước mắm Thiên Hương</p> <p>(2) Đánh giá thực trạng và mức độ nhận biết thương hiệu nước mắm Thiên Hương của người tiêu dùng trên địa bàn TP Cần Thơ</p> <p>(3) Thực trạng giá trị thương hiệu nước mắm Thiên Hương của người tiêu dùng TP Cần Thơ</p> <p>(4) Đề xuất giải pháp nâng cao giá trị thương hiệu nước mắm Thiên Hương trên địa bàn TP Cần Thơ</p> <p>Các phương pháp được sử dụng trong nghiên cứu bao gồm: phân tích nguồn lực cạnh tranh, thống kê mô tả,</p>

					<p>kiểm định thang đo bằng hệ số tin cậy Cronbach's alpha, phân tích hồi quy tuyến tính bội, kiểm định Mann - Whitney hai mẫu độc lập. Mô hình nâng cao giá trị thương hiệu bền vững được sử dụng để thiết kế các giải pháp trong nghiên cứu. Mẫu được chọn theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện, cỡ mẫu là 200. Kết quả nghiên cứu cho thấy mô hình mức độ nhận biết thương hiệu nước mắt Thiên Hương và thương hiệu nước mắt khác của người tiêu dùng Thành Phố Cần Thơ không có sự khác biệt. Mức độ nhận biết thương hiệu nước mắt bao gồm hai nhóm nhân tố: (1) nhận diện thương hiệu cơ bản và (2) nhận diện thương hiệu trên sản phẩm. Cuối cùng, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao giá trị thương hiệu nước mắt Thiên Hương như: Phân khúc thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu; định vị thương hiệu; thiết kế và xây dựng hệ thống thương hiệu; quảng bá thương hiệu; chiến lược thương hiệu; Marketing - mix; nhân sự; tài chính; đăng ký bảo hộ thương hiệu và quản lý thương hiệu.</p>
1362.	Thạc sĩ	Hoạch định chiến lược kinh doanh khách sạn Ninh Kiều 2 đến 2020 và tầm nhìn 2025	Lê Văn Nghĩa	GS.TS.Hồ Đức Hùng	<p>Hiện tại Thành phố Cần Thơ hệ thống khách sạn khá nhiều, với hơn 200 khách sạn, và có hơn 104 khách sạn đạt tiêu chuẩn từ 1 đến 4 sao. Khách sạn Ninh Kiều 2 là một trong tám khách sạn 4 sao trên địa bàn Cần Thơ, đã đáp ứng một phần nhu cầu của khách hàng và đang là đối thủ cạnh tranh mạnh trên địa bàn. Tuy nhiên, trong 5-10 năm sẽ có nhiều khách sạn 4-5 sao hình thành, vì vậy cạnh tranh sẽ gay gắt. Để tồn tại, Khách sạn Ninh Kiều cần phải xây dựng chiến lược. Mặt khác hiện nay, khách sạn trực thuộc Tổng công ty 622 của Quốc phòng. Tổng công ty do kinh doanh nhiều ngành hàng quốc phòng, nên đã giao quyền kinh doanh và xây dựng chiến lược cho</p>

					khách sạn. Là người đang công tác trong Tổng công ty, quyết định thực hiện nghiên cứu “ <i>Hoạch định chiến lược kinh doanh Khách sạn Ninh Kiều 2 đến năm 2020 và tầm nhìn 2025</i> ” làm luận văn tốt nghiệp MBA với mục đích làm cơ sở cho việc đưa ra các chiến lược và giải pháp để Khách sạn Ninh Kiều 2 ngày càng phát triển và là nơi lưu trú chất lượng, văn minh và chuyên nghiệp trong ngành khách sạn Việt Nam.
1363.	Thạc sĩ	Giải pháp thực hiện chiến lược kinh doanh của ngân hàng TMCP Ngoại thương chi nhánh Sóc Trăng đến năm 2020	Nguyễn Trí Nghĩa	PGS.TS.Bùi Văn Trịnh	Với xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay ngành ngân hàng là một trong những ngành chịu ảnh hưởng mạnh mẽ và rõ rệt nhất. Hội nhập đem đến nhiều cơ hội phát triển nhưng cũng đem lại không ít những nguy cơ và thách thức cho ngành ngân hàng. Để vượt qua những thách thức và tận dụng tốt những cơ hội qua đó nâng cao vị thế cạnh tranh của mình trên thị trường, các ngân hàng phải xây dựng được chiến lược kinh doanh phù hợp cho từng giai đoạn của sự phát triển; phù hợp với xu thế toàn cầu trên nguyên tắc đảm bảo cân bằng lợi ích quốc gia với lợi ích của Ngân hàng và các cổ đông, việc hoạch định các Giải pháp thực hiện chiến lược kinh doanh của ngân hàng TMCP Ngoại Thương Chi nhánh Sóc Trăng đến năm 2020 là cần thiết. Nội dung nghiên cứu tập trung phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh của Vietcombank Soc Trang từ năm 2013 đến 2015. Trên cơ sở đó, đề tài tập trung phân tích môi trường bên trong, bên ngoài tìm ra những điểm mạnh, điểm yếu và xác định các cơ hội, thách thức tác động đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Các số liệu sơ cấp và thứ cấp kết hợp với kỹ thuật phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức (SWOT) để hình thành các nhóm chiến lược và thông qua ma trận hoạch định chiến lược có thể định lượng (QSPM) đã

					<p>hình thành 4 chiến lược cần ưu tiên cho Vietcombank Sóc Trăng thực hiện đến năm 2020 là: (1) Chiến lược phát triển thị trường, (2) Chiến lược chi phí thấp, (2) Chiến lược phát triển sản phẩm và (4) Chiến lược tăng trưởng tập trung. Trên cơ sở những chiến lược được lựa chọn, tác giả cũng đề xuất 6 giải pháp để thực hiện các chiến lược.</p>
1364.	Thạc sĩ	<p>Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh cho Công ty cổ phần Mía Đường Cần Thơ</p>	Trần Mộng Ngọc	<p>PGS.TS.Đào Duy Huân, GS.TS.Võ Tông Xuân</p>	<p>Đề tài “ Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh cho Công Ty Cổ Phần Mía Đường Cần Thơ ” nhằm tìm hiểu và phân tích về thực trạng năng lực cạnh tranh của Công ty . Bằng các phương pháp tiếp cận như: sử dụng ma trận hình ảnh cạnh tranh , sử dụng các tiêu chí tài chính, so sánh số liệu tương đối, số liệu tuyệt đối để đánh giá năng lực cạnh tranh của công ty. Việc phân tích đánh giá thực trạng năng lực cạnh tranh của Công ty Cổ phần Mía đường Cần Thơ và các yếu tố của môi trường tác động đến năng lực cạnh tranh của Công ty trong thời gian qua, từ đó cho thấy được những điểm mạnh, điểm yếu của Công ty cùng với những cơ hội, đe dọa có ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của Công ty , trên cơ sở đó đề xuất giải pháp để nâng cao năng lực cạnh tranh cho Công Ty.</p> <p>Kết quả nghiên cứu là cơ sở cho việc đề xuất giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh cho Công Ty giúp cho Công Ty phát triển sản xuất, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh một cách có</p>

					hiệu quả nhất, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa khách hàng, người trồng mía, người lao động và Cổ Đông.
1365.	Thạc sĩ	Những yếu tố ảnh hưởng đến ý định quay lại đất Mũi Cà Mau để du lịch của khách du lịch nội địa	Huỳnh Thị Hồng Nhã	TS.LS.Nguyễn Tiến Dũng	Du khách đến với đất mũi Cà Mau không chỉ vì nhu cầu khám phá vùng đất cực nam của đất nước Việt Nam mà còn muốn có cơ hội tham quan các địa điểm du lịch tại đây. Tuy nhiên, vẫn còn rất nhiều du khách muốn đến với đất mũi Cà Mau và đây là lợi ích tiềm năng của điểm du lịch này. Để có thể có được các chính sách thu hút hợp lý và đạt được hiệu quả cao, cần thiết phải hiểu rõ được hành vi của khách hàng trong việc đưa ra quyết định lựa chọn địa điểm du lịch. Từ những lý do đó, tôi quyết định thực hiện luận văn với đề tài : “Những yếu tố ảnh hưởng đến ý định quay lại núi Đất mũi Cà Mau để du lịch của khách du lịch nội địa”.
1366.	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ thuê ngoài của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Cần Thơ	Thái Ngọc Nhân	PGS.TS.Nguyễn Văn Tri Khiêm	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ thuê ngoài của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Cần Thơ
1367.	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến mức sẵn lòng chi trả của hộ gia đình cho dịch vụ xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện chợ Mới, tỉnh An Giang	Nguyễn Ý Nhi	GS.TS.Hồ Đức Hùng	Trong cuộc sống thường ngày, con người đã thải ra môi trường ngày càng nhiều rác với khối lượng rất lớn và việc thu gom, quản lý, xử lý CTRSH ngày càng trở nên khó khăn bởi vì ngân sách Nhà nước phải bù đắp một khoản tiền rất lớn cho công tác này trong khi sự đóng góp của người dân còn rất nhỏ. Trong khi đó, công việc bảo vệ môi trường là trách nhiệm của từng người dân trong xã hội. Vì thế, việc xử lý và thu gom rác thải sinh hoạt cần có sự chung tay góp sức của cộng đồng, đây cũng là vấn đề đang được các cấp, các ngành đặc biệt quan tâm. Với đề tài: “Đánh giá mức sẵn lòng chi trả của hộ gia đình cho dịch vụ xử lý rác

				<p>thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang” đề góp phần nâng cao ý thức của cộng đồng về bảo vệ môi trường, đồng thời cho thấy mong muốn có được cuộc sống trong lành hơn của người dân ở huyện và giúp cho địa phương quản lý môi trường được tốt hơn.</p> <p>Đề tài phân tích, đánh giá những yếu tố ảnh hưởng WTP của hộ dân đối với dịch vụ thu gom rác thải sinh hoạt. Từ đó đưa ra hàm ý quản trị qua đó, góp sức cùng nhà nước giải quyết vấn đề môi trường thông qua việc đóng góp kinh phí, giảm bớt phần nào gánh nặng cho ngân sách nhà nước. Đề tài được nghiên cứu bằng cả hai phương pháp định tính và định lượng. Phương pháp nghiên cứu định tính được thực hiện bằng các câu hỏi mở nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng WTP của hộ dân đối với dịch vụ thu gom rác thải sinh hoạt. Phương pháp nghiên cứu định lượng thông qua việc khảo sát dựa trên bảng câu hỏi được thiết kế sẵn, khảo sát tại địa phương và xử lý dữ liệu bằng phần mềm SPSS.</p> <p>Sau khi thu thập dữ liệu, sử dụng phương pháp CVM và tiến hành phân tích hồi quy Logistic đã tìm ra 5 biến độc lập có ảnh hưởng đến WTP cho dịch vụ thu gom RTSH: Giới tính, Thu nhập, Quy mô hộ, Khối lượng rác và Mức giá. Nghiên cứu xác định mức WTP trung bình của hộ gia đình trên địa bàn huyện Chợ Mới đối với dịch vụ thu gom RTSH trong 1 tháng là 13.730 đồng.</p> <p>Dựa vào kết quả nghiên cứu, tác giả có đưa ra hàm ý quản trị gồm Biện pháp cải thiện thói quen và ý thức của</p>
--	--	--	--	--

					<p>người dân trong việc xử lý rác thải và bảo vệ môi trường, thúc đẩy triển khai dịch vụ xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn, cải thiện sự sẵn sàng chi trả cho dịch vụ thu gom rác thải của người dân. Nhằm gia tăng sự hiểu biết của người dân về những tác hại ô nhiễm môi trường do RTSH gây ra đến sức khỏe cộng đồng, mỹ quan đô thị.</p>
1368.	Thạc sĩ	<p>Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định ngừng sử dụng dịch vụ thuê bao trả sau Mobifone tại thành phố Cần Thơ</p>	<p>Nguyễn Minh Phương</p>	<p>PGS.TS. Nguyễn Văn Bá</p>	<p>Đề tài “Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định ngừng sử dụng thuê bao trả sau MobiFone tại Thành phố Cần Thơ” được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng ngừng sử dụng thuê bao trả sau MobiFone của khách hàng hiện nay tại Thành phố Cần Thơ. Bên cạnh đó đề tài nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định ngừng sử dụng thuê bao trả sau MobiFone của khách hàng tại TP.Cần Thơ để từ đó đưa ra các hàm ý quản trị nhằm giúp MobiFone có thể xây dựng các chương trình, chính sách phù hợp với thị hiếu của khách hàng.</p> <p>Đề tài được thực hiện thông qua số liệu khảo sát trực tiếp từ 400 khách hàng đang sử dụng và đã ngừng sử dụng thuê bao trả sau MobiFone và được phân tích thông qua các phương pháp thống kê mô tả, tác giả phân tích nhân tố qua đó đã tìm ra 4 nhóm nhân tố ảnh hưởng đến quyết định ngừng sử dụng thuê bao trả sau MobiFone: (1) nhóm hấp dẫn của nhà cung cấp khác và nhận thức của nhóm tham khảo, (2) nhóm cam kết của nhà cung cấp, (3) nhóm chất lượng dịch vụ và chi phí chuyển đổi, (4) nhóm giá cước</p>

					<p>dịch vụ.</p> <p>Kết quả phân tích hồi quy đa biến cho thấy có 2 nhóm nhân tố tác động mạnh đến quyết định ngừng sử dụng thuê bao trả sau MobiFone là: (1) thứ nhất là nhóm hấp dẫn của nhà cung cấp khác và nhận thức của nhóm tham khảo; (2) thứ hai là nhóm chất lượng dịch vụ và chi phí chuyển đổi.</p> <p>Kết quả phân tích ANOVA cho thấy có sự khác biệt ý nghĩa theo đặc điểm cá nhân của đáp viên đối với quyết định ngừng sử dụng thuê bao trả sau MobiFone ở TP.Cần Thơ.</p> <p>Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đưa ra một số hàm ý quản trị, kiến nghị nhằm tập trung vào các vấn đề mà khách hàng quan tâm nhiều nhất để từ đó củng cố và nâng cao thị phần cho nhà cung cấp mạng di động MobiFone tại TP.Cần Thơ.</p>
1369.	Thạc sĩ	Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của học viên về chất lượng dịch vụ đào tạo tiếng Anh tại trung tâm Anh ngữ Việt Mỹ Cần Thơ	Lê Tử Phương	PGS.TS.Trần Ái Kết	<p>Để nâng cao các dịch vụ dạy tiếng anh và làm hài lòng tất cả các học viên đang theo học cũng như thu hút thêm nhưng học viên chuẩn bị chọn học tại trung tâm. Vì thế tôi chọn đề tài nghiên cứu nhằm “Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của học viên về chất lượng dịch vụ đào tạo tiếng Anh tại Trung Tâm Anh Ngữ Việt Mỹ Cần Thơ”</p>
1370.	Thạc sĩ	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ ngân hàng bán lẻ tại Vietcombank An Giang	Lý Minh Quang	PGS.TS.Lưu Thanh Đức Hải	<p>Nội dung của nghiên cứu nhằm nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ Ngân hàng bán lẻ tại VCB An Giang. Sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng, sử dụng dữ liệu sơ cấp</p>

				<p>thông qua các câu hỏi khảo sát.</p> <p>Nghiên cứu được thực hiện trên 250 phiếu phỏng vấn là khách hàng của ngân hàng bao gồm cả nam và nữ. Hơn nữa, thang đo liker 5 điểm từ “Hoàn toàn không hài lòng” đến “Hoàn toàn hài lòng” đã được sử dụng. Mục đích nghiên cứu: đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh dịch vụ NHBL tại VCB An Giang giai đoạn 2012 –2015, xác định các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng và đề xuất hàm ý quản trị nhằm nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng đối với các sản phẩm dịch vụ NHBL tại VCB An Giang.</p> <p>Các phương pháp phân tích được sử dụng như Cronbach’s Alpha, phân tích các nhân tố khám phá (EFA) và phân tích hồi quy là bước tiếp theo sau khi phân tích tương quan. Phân tích hồi quy được áp dụng để kiểm tra tác động về sự hài lòng của khách hàng.</p> <p>Kết quả phân tích cho thấy sự hài lòng của khách hàng phụ thuộc vào: Uy tín và bảo mật thông tin của VCB An Giang; Tài sản hữu hình; Chương trình chăm sóc khách hàng; Khả năng đáp ứng; Sự tin cậy và Kỹ năng chăm sóc khách hàng. Thông qua kết quả phân tích và tổng hợp ý kiến đóng góp của khách hàng được khảo sát, tác giả đề xuất hàm ý quản trị nhằm nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng đối với các sản phẩm dịch vụ NHBL tại VCB An</p>
--	--	--	--	---

					Giang.
1371.	Thạc sĩ	Nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội trong Đầu tư Xây dựng cơ bản từ Ngân sách nhà nước ở thị xã Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long	Nguyễn Minh Quang	PGS.TS.Đào Duy Huân	<p>Đầu tư phát triển có vai trò hết sức quan trọng trong việc thúc đẩy kinh tế xã hội ở mỗi quốc gia, mỗi ngành, mỗi địa phương, là nền tảng của tăng trưởng và phát triển bền vững. Đầu tư phát triển tạo nên cơ sở vật chất – kỹ thuật hạ tầng và năng lực sản xuất chung của một nền kinh tế. Với ý nghĩa quan trọng này cho thấy sự cần thiết phải nghiên cứu đánh giá hiệu quả dự án đầu tư bằng ngân sách nhà nước và đây chính là lý do tác giả chọn đề tài “Nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội trong đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước ở thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long”. Mục tiêu nghiên cứu là đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội trong đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước ở thị xã Bình Minh giai đoạn 2011- 2015, rút ra những kết quả đạt được và hạn chế, từ đó đề xuất gợi ý chính sách nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước tại thị xã Bình Minh giai đoạn 2016-2020. Phương pháp nghiên cứu tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính được thực hiện thông qua kỹ thuật thảo luận với các chuyên gia am hiểu lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản nhằm khám phá, điều chỉnh, bổ sung các tiêu chí và nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế xã hội. Kết quả nghiên cứu cho thấy, giai đoạn 2011 - 2015 thị xã Bình Minh đã thực hiện đầu tư được 177 dự án bằng vốn ngân sách nhà nước, trong đó đã hoàn thành đưa vào sử dụng 160 dự án đã tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm cho người lao động, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, môi trường sinh thái được cải thiện và tăng thu ngân sách, thu hút vốn đầu tư. Tuy nhiên còn tồn tại hạn chế, tác động tiêu cực như: Quy hoạch không theo kịp tốc độ đầu tư, chất lượng dự án quy hoạch chưa cao, chưa có tầm nhìn xa; Chính sách chế độ về</p>

					<p>quản lý dự án chưa đầy đủ; phân bổ vốn còn dàn trải, hiệu quả sử dụng vốn ngân sách nhà nước chưa cao, chưa phát huy lợi thế so sánh, lợi thế cạnh tranh trong từng ngành, các khoản nợ xây dựng cơ bản vượt quá khả năng cân đối ngân sách; công tác lập hồ sơ mời thầu và xét thầu chưa chặt chẽ; giám sát thi công chưa thường xuyên, còn thụ động... Đề nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội dự án đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước ở thị xã Bình Minh, tác giả đề xuất 3 nhóm giải pháp cơ bản đó là: - Nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư tác động đến chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế; - Nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư giải quyết việc làm, giảm nghèo và bảo vệ môi trường; - Nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư tác động đến chỉ tiêu tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật của nền kinh tế./.</p>
1372.	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng đối với công việc của nhân viên Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng	Võ Thanh Quang	PGS.TS.Võ Khắc Thường	<p>Nghiên cứu này nhằm xác định các nhân tố có ảnh hưởng đến sự hài lòng trong công việc của nhân viên Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng. Từ đó giúp lãnh đạo Bệnh viện có hướng đi phù hợp trong công tác quản trị nguồn nhân lực, đồng thời có những động thái tích cực và biện pháp hữu hiệu để nâng cao mức độ hài lòng trong công việc cho nhân viên ở Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng</p> <p>Nghiên cứu này được thực hiện trên cơ sở kết hợp giữa nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng. Nghiên cứu định tính được sử dụng để tiến hành nghiên cứu sơ bộ bằng cách phỏng vấn 5 nhân viên trực tiếp tham gia công tác điều trị bệnh đại diện được lựa chọn trong số nhân viên của BVĐK. Các cá nhân được phỏng vấn sẽ trả lời trực tiếp các câu hỏi trong bảng câu</p>

					<p>hỏi được thiết kế sẵn. Kết quả nghiên cứu này làm cơ sở để hoàn chỉnh bảng câu hỏi và mô hình nghiên cứu. Nghiên cứu định lượng để đảm bảo tính khoa học, và phương pháp chọn mẫu là phi xác suất theo kiểu thuận tiện được sử dụng để tiến hành thu thập dữ liệu bằng cách gửi bảng câu hỏi phỏng vấn trực tiếp đến nhân viên Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng, cỡ mẫu là 250 mẫu.</p> <p>Kết quả nghiên cứu chỉ ra 6 nhóm nhân tố có ảnh hưởng đến sự hài lòng của nhân viên Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng là: đào tạo và thăng tiến, đánh giá kết quả thực hiện công việc, lãnh đạo, đồng nghiệp, điều kiện làm việc, và thu nhập. 6 nhóm nhân tố này được đo lường thông qua 30 biến quan sát.</p> <p>Phân tích nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của nhân viên Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng nhằm góp phần giúp cho lãnh đạo Bệnh viện trong việc hoạch định nguồn nhân lực, và đồng thời đem lại sự hài lòng cho nhân viên đối với công việc ngày càng nhiều hơn.</p>
1373.	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của học viên cao học về chất lượng dịch vụ đào tạo thạc sĩ tại Trường Đại học Tây Đô	Nguyễn Thị Quý	PGS.TS.Đào Duy Huân	<p>Nghiên cứu này nhằm mục tiêu chính là phân tích sự hài lòng của học viên cao học về chất lượng đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Tây Đô, xây dựng và đánh giá các thang đo lường chúng. Để khẳng định sự tác động của các yếu tố đối với chất lượng đào tạo trình độ thạc sĩ của trường, một mô hình lý thuyết đã được xây dựng và kiểm định. Mô hình lý thuyết được</p>

				<p>xây dựng dựa trên mô hình chất lượng dịch vụ, sự hài lòng khách hàng SERVPERF (J.Joseph Cronin, Jr & Steven A.Taylor, 1992).</p> <p>Phương pháp nghiên cứu được sử dụng để xây dựng, đo lường các thang đo và kiểm định mô hình lý thuyết được trình bày ở các chương trước, bao gồm hai bước: nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng. Nghiên cứu định tính sử dụng phương pháp định tính thông qua kỹ thuật thảo luận nhóm. Nghiên cứu định lượng được thực hiện bằng phương pháp định lượng thông qua kỹ thuật phỏng vấn trực tiếp với một mẫu có kích thước $n = 275$. Cả hai nghiên cứu trên đều được thực hiện tại Trường Đại học Tây Đô với đối tượng nghiên cứu là học viên cao học tham gia khóa học 1, 2, 3. Kết quả nghiên cứu chính thức được sử dụng để phân tích, đánh giá thang đo lường các yếu tố tác động vào sự hài lòng của học viên thông qua hệ số tin cậy Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố EFA và kiểm định mô hình lý thuyết và các giả thuyết thông qua phương pháp phân tích hồi quy.</p> <p>Kết quả cho thấy, thang đo sự hài lòng và thang đo các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của học viên đều có Cronbach's Alpha lớn hơn 0.6 và hệ số tương quan với biến</p>
--	--	--	--	---

					<p>tổng của tất cả các biến đo lường đều lớn hơn 0.3 nên đạt độ tin cậy. Tổng phương sai trích là 73,389% > 50% cho thấy yếu tố này giải thích 73,389% biến thiên của dữ liệu. Hệ số tải nhân tố của các biến quan sát đều lớn hơn 0.5 đạt yêu cầu về kiểm định giá trị hội tụ nên không có biến quan sát nào bị loại.</p> <p>Kết quả phân tích nhân tố khám phá cho thấy 46 quan sát độc lập được nhóm lại thành 9 nhân tố chính và 4 quan sát phụ thuộc được gom thành 1 nhân tố. Qua kết quả phân tích hồi quy tương quan thì có 05 biến ảnh hưởng đến sự hài lòng của học viên: CSVC – Cơ sở vật chất, CTDT - Chương trình đào tạo, QT – Sự quan tâm của nhà trường, NLGV – Năng lực giảng viên, CBNV – Nhân viên và 04 biến không có ảnh hưởng đến sự hài lòng của học viên: CK – Nhà trường thực hiện cam kết, TPGV – Chúng loại Tác phong giảng viên, TIHT – Tiện ích học tập và HP – Học Phí.</p> <p>Từ các phân tích kết quả tác giả đưa ra các hàm ý quản trị góp phần giúp nhà trường nâng cao sự hài lòng của học viên cao học về chất lượng đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Tây Đô.</p>
1374.	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ bảo hiểm xã hội Hưu trí tại	Trần Minh Sang	TS.Nguyễn Ngọc Minh	Đề tài “Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng đối với

		<p>ình Hậu Giang</p>		<p>dịch vụ bảo hiểm xã hội hưu trí tại tỉnh Hậu Giang” được thực hiện nhằm mục tiêu nghiên cứu các yếu tố tác động đến sự hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ BHXH hưu trí tại tỉnh Hậu Giang, từ đó, đề xuất các hàm ý quản trị nâng cao sự hài lòng khách hàng đối với dịch vụ BHXH hưu trí tại tỉnh Hậu Giang.</p> <p>Phương pháp nghiên cứu sử dụng: (1) Nghiên cứu định tính nhằm điều chỉnh, bổ sung thang đo các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng; (2) Phương pháp nghiên cứu định lượng nhằm xác định mức độ tác động của các nhân tố đến sự hài lòng của khách hàng với dịch vụ BHXH hưu trí tại tỉnh Hậu Giang.</p> <p>Trên cơ sở kế thừa thang đo SERVQUAL của Parasuraman và cộng sự (1988), các nghiên cứu trước có liên quan và kết quả thảo luận nhóm tập trung, mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ BHXH hưu trí gồm 26 biến quan sát thuộc 6 nhân tố: (1) Sự tin cậy; (2) Sự đáp ứng; (3) Năng lực phục vụ; (4) Sự đồng cảm; (5) Phương tiện hữu hình; (6) Thủ tục hành chính. Tiến hành khảo sát khách hàng đang sử dụng dịch vụ BHXH hưu trí trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, với số lượng quan sát</p>
--	--	----------------------	--	---

				<p>hợp lệ trong mẫu là 306, ở mức ý nghĩa thống kê 5%, kết quả nghiên cứu cho thấy:</p> <p>Thứ nhất, mô hình nghiên cứu giải thích được 59,9% trong thay đổi sự hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ BHXH lưu trú trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.</p> <p>Thứ hai, sáu nhân tố với 24 biến quan sát, ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 5% đến sự hài lòng của khách hàng sắp theo thứ tự từ cao đến thấp: (1) Sự đồng cảm (hệ số tác động +0,267); (2) Sự tin cậy (hệ số tác động +0,206); (3) Năng lực phục vụ (hệ số tác động +0,174); (4) Phương tiện hữu hình (hệ số tác động +0,152); (5) Thủ tục hành chính (hệ số tác động +0,148); (6) Sự đáp ứng (hệ số tác động +0,110).</p> <p>Cuối cùng tác giả trình bày các hàm ý quản trị, những hạn chế trong quá trình nghiên cứu và đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo</p>	
1375.	Thạc sĩ	Đánh giá sự hài lòng của khách hàng tại khách sạn Sài Gòn Cần Thơ theo bộ tiêu chí của Tổng cục Du lịch Việt Nam”	Huỳnh Dũng Sĩ	PGS.TS.Nguyễn Văn Bá	<p>Kết quả nghiên cứu cho thấy có 4 nhân tố tác động đến sự hài lòng về chất lượng dịch vụ tại khách sạn Sài Gòn - Cần Thơ gồm: sự quan tâm của nhân viên đối với khách hàng; khả năng phục vụ của nhân viên; phương tiện về vật chất để phục vụ khách hàng và sự đồng cảm của nhân viên đối với khách. Trong đó nhân tố khả năng phục vụ của nhân viên đối với khách du lịch và phương tiện về vật chất để phục vụ khách du lịch là những nhân tố tác động mạnh nhất đến sự hài lòng của khách du lịch. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, tác giả sử dụng</p>

					<p>mô hình IPA để đề ra giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ tại khách sạn Sài Gòn - Cần Thơ trong tương lai. 5. Kết luận: Kết quả nghiên cứu cho thấy chất lượng dịch vụ tại khách sạn chưa cao. Vì vậy Ban Giám đốc khách sạn cần cải tiến chất lượng dịch vụ như đội ngũ nhân viên và cơ sở vật chất ngày càng tốt hơn để đáp ứng nhu cầu mong đợi của khách hàng. Từ khóa: chất</p>
1376.	Thạc sĩ	Hoàn thiện quản trị nguồn nhân lực tại Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ đến năm 2020	Đoàn Việt Tân	GS.TS.Nguyễn Thanh Tuyên	<p>Đề tài “Hoàn thiện quản trị nguồn nhân lực tại Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ đến năm 2020” được thực hiện nhằm mục đích đưa ra một số giải pháp hoàn thiện quản trị nguồn nhân lực tại Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ đến năm 2020.</p> <p>Mô hình nghiên cứu của đề tài dựa trên mô hình quản trị nguồn nhân lực của tác giả Trần Kim Dung gồm những nội dung: 1) Chức năng thu hút nguồn nhân lực bao gồm các vấn đề về hoạch định, hệ thống thông tin Hris, phân tích công việc và tuyển dụng; 2) Chức năng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; 3) Chức năng duy trì nguồn nhân lực liên quan đến đánh giá kết quả làm việc của nhân viên và chính sách lương thưởng và chế độ đãi ngộ.</p> <p>Từ cơ sở lý thuyết, tác giả tiến hành phân tích thực trạng quản trị nguồn nhân lực tại Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ. Kết quả cho thấy rằng doanh nghiệp đã bắt đầu quan tâm đến công tác quản trị nguồn nhân lực như chú trọng công tác tuyển dụng, sử dụng đào tạo lao động. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, tác giả đã nêu ra những tồn tại: Việc hoạch định chưa được đầu tư đúng mức để xây dựng chiến lược nguồn nhân lực lâu dài cho đơn vị; chưa</p>

				<p>thực hiện phân tích công việc một cách đầy đủ; công tác tuyển dụng còn mang tính đối phó trong ngắn hạn. Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tuy đã được chú trọng nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi về chất lượng nhân sự, chưa có kế hoạch đào tạo, phát triển đội ngũ kế thừa; việc đánh giá kết quả công việc mặc dù đã được duy trì từ rất lâu nhưng chưa thật sự kích thích, động viên người lao động; chế độ lương, thưởng thời gian qua chưa được thực hiện tốt, lương còn mang tính chia sẻ và chưa thực sự công bằng, cần thay đổi nhằm thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao và có cơ chế trả lương dựa trên hiệu quả công tác. Với truyền thống lâu đời, Công ty cũng đã hình thành và duy trì tốt một môi trường làm việc thân thiện, các chính sách về phúc lợi, an sinh phần nào đáp ứng được đời sống tinh thần của người lao động trong bối cảnh Công ty còn nhiều khó khăn.</p> <p>Từ thực trạng đang diễn ra, tác giả đã mạnh dạn đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao công tác quản trị nguồn nhân lực như: Thực hiện tốt công tác hoạch định nguồn nhân lực; Quan tâm công tác phân tích và thiết kế công việc với việc xây dựng bảng mô tả công việc và bảng tiêu chuẩn công việc cụ thể rõ ràng; Cải tiến công tác tuyển dụng tạo điều kiện thu hút người lao động giỏi từ bên ngoài; Nâng cao chất lượng đào tạo cũng như chương trình đào tạo phù hợp với tình hình thực tế của Công ty; Đổi mới chính sách lương thưởng và chính sách đãi ngộ giúp cho công tác quản trị nguồn nhân lực đạt kết</p>
--	--	--	--	---

					<p>qua tốt và giữ chân người tài.</p> <p>Bằng phương pháp nghiên cứu khoa học, luận văn đã hệ thống cơ sở lý luận, phân tích thực trạng đang diễn ra và đề ra các giải pháp thiết thực giúp doanh nghiệp cải thiện những hạn chế, những bất cập nhằm đáp ứng được các đòi hỏi của thực tiễn trong tình hình mới.</p>
1377.	Thạc sĩ	<p>Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng cá nhân đối với chất lượng dịch vụ tín dụng ngắn hạn tại Agribank chi nhánh thành phố Cần Thơ</p>	Trần Văn Tấn	<p>NGND,GS.TS. Nguyễn Thanh Tuyền</p>	<p>Tác giả đã chọn đề tài “Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng cá nhân đối với chất lượng dịch vụ tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh TP. Cần Thơ” để làm luận văn thạc sĩ kinh tế.</p> <p>Đề tài sử dụng hai phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu định lượng. Phương pháp nghiên cứu định tính được thực hiện bằng kỹ thuật thảo luận nhóm với các khách hàng đến giao dịch và nhân viên làm việc tại Agribank Chi nhánh TP. Cần Thơ. Phương pháp nghiên cứu định lượng với kích thước mẫu $n = 150$ khách hàng. Đối tượng khảo sát là những khách hàng cá nhân đang sử dụng dịch vụ tín dụng ngắn hạn tại Agribank Chi nhánh TP. Cần Thơ. Thang đo các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng cá nhân đối với dịch vụ tín dụng ngắn hạn tại Agribank Chi nhánh TP. Cần Thơ được thể hiện qua 5 thành phần với 23 biến quan sát.</p> <p>Sau khi tác giả thực hiện các kiểm định, kết quả đã xác định được thang đo sự hài lòng của</p>

					<p>khách hàng cá nhân bao gồm 4 thành phần (sự đồng cảm, sự đáp ứng, sự bảo đảm, sự tin cậy) và mối quan hệ giữa các thành phần trong mô hình ảnh hưởng như thế nào đến sự hài lòng của khách hàng cá nhân. Bên cạnh đó, tác giả đã tìm sự khác biệt về mức độ hài lòng của khách hàng cá nhân đối với chất lượng dịch vụ tín dụng ngắn hạn giữa các nhóm khách hàng có độ tuổi khác nhau.</p> <p>Trên cơ sở kết quả nghiên cứu về sự hài lòng của khách hàng cá nhân đối với chất lượng dịch vụ tín dụng ngắn hạn và trên cơ sở thực trạng hoạt động kinh doanh của Agribank Chi nhánh TP. Cần Thơ, tác giả đã đưa ra một số hàm ý quản trị nhằm mục đích nâng cao sự hài lòng của khách hàng cá nhân đối với chất lượng dịch vụ tín dụng ngắn hạn tại Agribank Chi nhánh TP. Cần Thơ.</p> <p>Tuy nhiên, đề tài cũng còn một số hạn chế nhất định, đây là cơ sở tiền đề cho các nghiên cứu tiếp sau.</p>
1378.	Thạc sĩ	Một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý dự án tại ban Quản ký dự án quận Cái Răng - thành phố Cần Thơ	Trần Cao Thăng	GS.TS.Nguyễn Thanh Tuyên	<p>Trong bối cảnh nền kinh tế phát triển, quận Cái Răng được chú trọng đầu tư phát triển xây dựng cơ bản đòi hỏi cao về công tác quản lý dự án tại đại phương. Nhưng thực tế cho thấy vẫn còn một số vấn đề tồn tại cần được nghiên cứu giải quyết. Vì vậy đề tài “<i>Một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý dự án tại ban quản lý dự án quận Cái Răng - Thành phố Cần Thơ</i>” được</p>

					<p>thực hiện, với mục tiêu xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý dự án tại ban góp phần đáp ứng nhu cầu quản lý trong giai đoạn mới.</p> <p>Đề tài được thực hiện với phương pháp nghiên cứu tổng hợp, so sánh mô tả thực trạng công tác quản lý tại ban, qua đó phân tích tìm ra những vấn đề còn tồn tại để xây dựng các giải pháp khắc phục. Kết quả nghiên cứu cho thấy trong năm 2015 – 2016 ban quản lý 13 dự án trong đó có 3 dự án chậm tiến độ chiếm 23,08%, hao hụt ngân sách 98.718.056 đồng. Nguyên nhân là do công trình phải thay đổi thiết kế khi xây dựng, khâu khảo sát ban đầu mắc sai sót, ngoài ra còn ảnh hưởng bởi sự yếu kém trong công tác giải phóng mặt bằng. Vấn đề còn tồn tại mà ban cần giải quyết là chất lượng các nhà thầu, chất lượng nguồn nhân lực và công tác giải phóng mặt bằng.</p> <p>Qua các kết quả nghiên cứu phân tích các giải pháp được đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả quản lý tại ban quản lý dự án quận Cái Răng trong những năm tiếp theo. Một số giải pháp chính như nâng cao trình độ cán bộ quản lý, hoàn thiện kiểm tra thẩm định lựa chọn nhà thầu và công tác giải phóng mặt bằng</p>
1379.	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ tín dụng cá nhân tại ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á - chi nhánh Cần Thơ	Phan Văn Thanh	PGS.TS.Quan Minh Nhật	<p>Mục tiêu của đề tài là phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ tín dụng cá nhân để có cơ sở đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ tín dụng cá nhân tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á (DAB) - chi nhánh Cần Thơ. Số liệu sử dụng trong nghiên cứu này được thu thập từ 250 khách hàng giao dịch tại DAB chi nhánh Cần</p>

					<p>Thơ. Các phương pháp so sánh, thống kê mô tả, kiểm định hệ số Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích hồi quy bội, phân tích ANOVA, kiểm định T – test được sử dụng trong nghiên cứu.</p> <p>Kết quả nghiên cứu cho thấy, thang đo Servqual gồm 4 thành phần với 16 biến quan sát bao gồm: khả năng đáp ứng và sự cảm thông, độ tin cậy, phục vụ khách hàng và cơ sở vật chất. Trong đó, khả năng đáp ứng và sự cảm thông là thành phần tác động mạnh nhất đến chất lượng dịch vụ tín dụng cá nhân. Để nâng cao sự hài lòng của khách hàng tín dụng cá nhân, bài nghiên cứu đã đưa ra một số giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ tín dụng ngân hàng như: phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng cơ sở vật chất và mạng lưới hoạt động, đầu tư phát triển công nghệ, đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển sản phẩm dịch vụ ngân hàng, tăng cường công tác chăm sóc khách hàng, đẩy mạnh các hoạt động truyền thông và marketing dịch vụ, xây dựng các tiêu chuẩn về chất lượng dịch vụ, nâng cao chất lượng công tác kiểm tra khảo sát chất lượng dịch vụ và phát triển thương hiệu DAB.</p>
1380.	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua cà phê sữa hòa tan Vinacafe' Biên Hòa của người tiêu dùng tại thành phố Cần Thơ	Nguyễn Thị Mỹ Thanh	TS.Nguyễn Tiến Dũng	<p>Ngày nay, nhịp sống bận rộn nhiều người Việt Nam nói chung và người tiêu dùng tại Thành phố Cần Thơ nói riêng có thói quen uống cà phê và chúng loại cà phê sữa hòa tan luôn được người tiêu dùng dành sự ưa chuộng nhất định. Và với sự cạnh tranh gay gắt từ những thương hiệu cà phê hòa tan khác nhau nên sự am hiểu sâu sắc khách hàng tiêu</p>

				<p>dùng sẽ giúp cho nhà sản xuất hay thương hiệu tìm đến những khách hàng mục tiêu phù hợp để từ đó cạnh tranh có hiệu quả hơn.</p> <p>Đề tài nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua sản phẩm cà phê sữa hòa tan Vinacafé Biên Hòa của người tiêu dùng tại thành phố Cần Thơ và đề xuất một số giải pháp khả thi nhằm tìm ra các yếu tố mà người tiêu dùng quan tâm, để hỗ trợ Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa nói riêng và các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh mặt hàng này nói chung để nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng và thỏa mãn nhu cầu tốt hơn của người tiêu dùng.</p> <p>Tác giả đã tiến hành khảo sát ý kiến của 210 người tiêu dùng từng mua hoặc đang sử dụng sản phẩm cà phê sữa hòa tan Vinacafé Biên Hòa tại địa bàn TPCT. Mô hình nghiên cứu đề xuất 6 yếu tố bao gồm 29 biến quan sát. Các phương pháp nghiên cứu định lượng như thống kê mô tả, phương pháp kiểm định Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA, phân tích hồi quy, phân tích Anova đã được sử dụng trong đề tài này.</p> <p>Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra có 6 yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua sản phẩm cà phê sữa hòa tan Vinacafé Biên Hòa, các yếu tố đó là: đặc tính của sản phẩm, yếu tố ảnh hưởng, giá cả, lợi ích tinh thần, lòng tin sản phẩm, tính tiện lợi. Kết quả nghiên cứu này giúp cho nhà sản xuất có giải pháp để phát triển sản phẩm và có chiến</p>
--	--	--	--	---

					<p>lược kinh doanh hợp lý để thỏa mãn nhu cầu của khách hàng ngày càng tốt hơn.</p> <p>Tóm lại, đề tài nghiên cứu được thực hiện nhằm giúp Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa nói riêng và các nhà sản xuất, doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm cà phê sữa hòa tan nói chung thấu hiểu và bắt kịp những mong muốn của khách hàng để từ đó đổi mới sản phẩm của mình để tiếp cận người tiêu dùng ngày càng gần hơn.</p>
1381.	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi chia sẻ tri thức tại ngân hàng BIDV chi nhánh Bạc Liêu	Diệp Ngọc Tháo	TS.Cao Minh Trí	<p>Luận văn “Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi chia sẻ tri thức tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Bạc Liêu” được thực hiện từ tháng 07 đến tháng 08 năm 2016 tại tỉnh Bạc Liêu. Đối tượng nghiên cứu là các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi chia sẻ tri thức của nhân viên tại BIDV Bạc Liêu. Đối tượng khảo sát là toàn bộ nhân viên tại BIDV Bạc Liêu không gồm bảo vệ và tạp vụ. Số phiếu khảo sát hợp lệ là 145 phiếu. Mục tiêu của đề tài là Nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến sự chia sẻ tri thức; Xem xét mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến hành vi chia sẻ tri thức và sự khác biệt về hành vi chia sẻ tri thức dựa trên các đặc điểm cá nhân; Đề xuất những hàm ý nhằm biến tri thức trở thành thành phần quan trọng, đóng góp vào sự phát triển của BIDV Bạc Liêu. Đề tài sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng với phương pháp độ tin cậy của thang đo qua hệ số Cronbach Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA và phân tích hồi quy nhằm nhận diện và xác định mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến hành vi chia sẻ tri thức. Bên cạnh đó đề tài cũng sử dụng phương pháp phân tích định tính thông qua phỏng vấn để phân tích thực trạng hành vi chia sẻ tri thức, đặc điểm mẫu nghiên cứu. Kết quả, đề tài xác định được bốn yếu tố ảnh hưởng đến hành vi chia sẻ tri thức của nhân viên là Lãnh đạo và động</p>

					viên, Giao tiếp, Sự tin tưởng và Cộng tác. Bên cạnh đó, tác giả cũng tìm ra được sự khác biệt giữa các nhóm nhân viên dựa trên giới tính. Dựa trên các yếu tố tìm được tác giả đề xuất bốn hàm ý biến tri thức thành lợi thế của tổ chức là: Lãnh đạo thành công mang đến sự phát triển cho tổ chức; Nâng cao khả năng giao tiếp của nhân viên; Nâng cao sự tin tưởng của nhân viên; Tăng cường hiệu quả cộng tác.
1382.	Thạc sĩ		Chế Thị Thu Thảo	TS.Lê Long Hậu	Xổ số kiến thiết được coi là ngành dịch vụ đặc thù, có độ nhạy cảm cao, được nhiều quốc gia trên thế giới kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí lành mạnh có thưởng của khách hàng, tăng thu cho ngân sách. Trên thị trường xổ số hiện nay, đang có nhiều đối thủ cạnh tranh với xổ số kiến thiết, với những ưu thế về hình thức, giải thưởng, sự thuận tiện, giá cả, do đó, thị phần của các doanh nghiệp xổ số kiến thiết đang bị thu hẹp đáng kể, điều này đặt ra bài toán thay đổi về giải thưởng, giá thành, cũng như cải thiện chất lượng phục vụ khách hàng, sự tin tưởng của khách hàng đối với sản phẩm xổ số kiến thiết. Từ đây, tác giả lựa chọn nghiên cứu “Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua vé số kiến thiết của khách hàng tại tỉnh Đồng Tháp”, nhằm làm rõ những yếu tố nào đang tác động đến hành vi mua vé của khách hàng, từ đó, có biện pháp nhằm tác động tích cực, thúc đẩy khách hàng tiếp tục mua vé xổ số kiến thiết trong tương lai. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra, hành vi mua vé xổ số chịu ảnh hưởng bởi yếu tố về nhận thức kiểm soát hành vi, rủi ro cảm nhận, sản phẩm, là ba yếu tố thể hiện sự ảnh hưởng lớn nhất, tiếp theo là yếu tố về thái độ giá cả, và cuối cùng là chuẩn chủ quan, những yếu tố này nếu được thỏa mãn, thì sẽ khiến cho khách hàng có xu hướng mua vé xổ số kiến thiết một cách rõ ràng hơn. Bên cạnh đó, yếu tố sản phẩm và giá cả vẫn là những yếu tố chủ yếu mà khách hàng còn than

					<p>phiên đổi với xổ số kiến thiết, vì thế, đây là những yếu tố cần phải tập trung cải thiện trong thời gian tới. Cụ thể, một số giải pháp mà tác giả đề xuất, đó là giải pháp cải thiện cơ cấu giải thưởng, giá trị giải thưởng, chất lượng tờ vé số, chi phí mua vé số, hay nhu cầu giải pháp về tăng tính kiến thiết đúng nghĩa cho hoạt động xổ số kiến thiết trên địa bàn, với nhiều hơn nữa các dự án thiết thực, phục vụ nhân sinh, hoặc giải pháp về tạo dựng sự tin tưởng cho khách hàng, đối với các hoạt động quay số, trả thưởng.</p>
1383.	Thạc sĩ	<p>Các giải pháp nâng cao hiệu quả Kinh tế - Xã hội một số dự án đầu tư hạ tầng vốn ngân sách nhà nước tại thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang</p>	<p>Lê Phước Thật</p>	<p>PGS.TS.Đào Duy Huân</p>	<p>Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước là quan trọng nhất để xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế xã hội, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của nhân dân, nâng cao trình độ dân trí,... Tuy nhiên, công tác quản lý nguồn vốn đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước vẫn còn nhiều hạn chế dẫn đến dự án đầu tư dàn trải, manh mún, tự phát, kéo dài, nợ đọng tăng cao gây thất thoát, lãng phí, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư mang lại không cao đây chính là lý do tác giả chọn đề tài "<i>Các giải pháp nâng cao hiệu quả Kinh tế - Xã hội một số dự án đầu tư hạ tầng từ vốn ngân sách nhà nước tại thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang</i>". Mục tiêu nghiên cứu là đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội trong đầu tư hạ tầng từ ngân sách nhà nước ở thành phố Long Xuyên giai đoạn 2011- 2015, rút ra những kết quả đạt được và hạn chế, từ đó đề xuất gợi ý chính sách nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội đầu tư từ ngân sách nhà nước tại thành phố Long Xuyên giai đoạn 2016-2020.</p> <p>Phương pháp nghiên cứu tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính được thực hiện thông qua kỹ thuật thảo luận với các chuyên gia am hiểu lĩnh vực đầu tư hạ tầng từ nguồn ngân sách nhằm khám phá, điều chỉnh, bổ sung</p>

				<p>các tiêu chí và nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế xã hội.</p> <p>Kết quả nghiên cứu cho thấy, giai đoạn 2011 - 2015 thành phố Long Xuyên đã thực hiện đầu tư rất nhiều dự án hạ tầng bằng vốn ngân sách nhà nước, trong đó đã hoàn thành đưa vào sử dụng đã tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm cho người lao động, thu hút vốn đầu tư. Tuy nhiên còn tồn tại hạn chế, tác động tiêu cực như: chưa thực hiện đúng theo quy hoạch, chất lượng dự án quy hoạch chưa cao, chưa có tầm nhìn xa; phân bổ vốn còn dàn trải, tự phát, hiệu quả sử dụng vốn ngân sách nhà nước chưa cao, các khoản nợ xây dựng cơ bản vượt quá khả năng cân đối ngân sách; công tác lập hồ sơ mời thầu và xét thầu chưa chặt chẽ; giám sát thi công chưa thường xuyên, còn thụ động...</p> <p>Để nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội dự án đầu tư hạ tầng từ ngân sách nhà nước ở thành phố Long Xuyên, tác giả đề xuất một số giải pháp cơ bản đó là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nâng cao chất lượng quy hoạch và thực hiện quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch.</i> - <i>Hoàn thiện công tác kế hoạch hóa vốn đầu tư các dự án hạ tầng và đảm bảo tính công khai, minh bạch, chống khép kín trong đầu tư từ NSNN.</i> - <i>Quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản đúng trình tự và quy định.</i> - <i>Nâng cao chất lượng chuẩn bị đầu tư, thanh tra, kiểm tra, giám sát và đánh giá đầu tư.</i> - <i>Đẩy mạnh cải cách hành chính, hoàn thiện hệ thống văn bản tăng cường phân cấp trong sử dụng vốn đầu tư dự án.</i> - <i>Thực hiện công khai, minh bạch trong việc đầu tư vào các dự án.</i> - <i>Đổi mới cơ chế quản lý đầu tư ngân sách nhà nước cho dự án.</i>
--	--	--	--	--

1384.	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự gắn kết công việc của người lao động đối với Tổng công ty Phát điện 2	Trần Quang Thoại	PGS.TS.Nguyễn Tri Khiêm	theo lộ trình cổ phần hoá các Tổng công ty Phát điện do Chính phủ đặt ra, trong giai đoạn 2016 - 2020, Tổng công ty Phát điện 2 sẽ phải hoàn thành công tác cổ phần hoá và hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần. Khi chuyển sang hoạt động theo mô hình mới, sẽ có những khó khăn, thách thức mới đặt ra cho Tổng công ty. Ở khía cạnh nhân sự, mặc dù đã cố gắng xây dựng và củng cố đội ngũ nhân lực, nhưng cũng như những doanh nghiệp Nhà nước khác, Tổng công ty Phát điện 2 phải đương đầu với sự cạnh tranh mạnh mẽ về nguồn nhân lực ở bên ngoài, nhiều nhân lực chất lượng đã ra đi. Tuy nhiên vẫn chưa có một nghiên cứu nào tiến hành thực hiện để đánh giá đầy đủ về sự gắn kết của NLĐ đối với tổ chức tại Tổng công ty Phát điện 2. Phải chăng chính sách lương, thưởng, phúc lợi, môi trường làm việc của Tổng công ty đã ảnh hưởng đến sự ra đi của họ và nhà lãnh đạo đã thực sự quan tâm đến quyền lợi của NLĐ chưa? Chính vì sự trăn trở này, đề tài “Các nhân tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của NLĐ đối với Tổng công ty Phát điện 2” được tiến hành nghiên cứu nhằm cung cấp thêm thông tin cho các nhà quản trị tại Tổng công ty Phát điện 2 hiểu rõ hơn về các nhân tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của người lao động đối với tổ chức của mình.
1385.	Thạc sĩ		Đặng Anh Thư	GS.TS.Nguyễn Thanh Tuyên	Nghiên cứu này nhằm mục tiêu đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng khách hàng về chất lượng dịch vụ giới thiệu việc làm tại Trung tâm Dịch vụ việc làm thành phố Cần Thơ. Trên cơ sở đó, đề ra các giải pháp để gia tăng sự hài lòng của khách hàng trong thời gian tới để góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm và chất lượng phục vụ khách hàng. Số liệu trong nghiên cứu được thu thập từ kết quả khảo sát các

					<p>khách hàng đến giao dịch việc làm và được xử lý bằng phần mềm SPSS. Phương pháp phân tích bao gồm các bước sau: kiểm định thang đo bằng hệ số Cronbach Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA) và phân tích hồi quy đa biến. Kết quả phân tích cho thấy các nhân tố tác động tích cực đến sự hài lòng của người lao động bao gồm 5 nhân tố tác động đến sự hài lòng với 30 biến quan sát như sau: (1) Mức độ đáp ứng, (2) Sự đồng cảm, (3) Độ tin cậy, (4) Năng lực phục vụ, (5) Cơ sở vật chất. Trong đó Năng lực phục vụ có tác động mạnh nhất đến sự hài lòng của người lao động. Còn đối với người sử dụng lao động các nhân tố tác động tích cực đến sự hài lòng của người sử dụng lao động bao gồm 5 nhân tố tác động đến sự hài lòng với 31 biến quan sát như sau: (1) Mức độ đáp ứng, (2) Độ tin cậy, (3) Sự đồng cảm, (4) Cơ sở vật chất, (5) Năng lực phục vụ. Trong đó Độ tin cậy có tác động mạnh nhất đến sự hài lòng của người sử dụng lao động.</p> <p>Từ các kết quả nghiên cứu, tác giả đã đề xuất các giải pháp với mong muốn mang đến cho khách hàng sự hài lòng cao hơn mỗi khi sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm của Trung tâm. Từ đó góp phần vào mục tiêu chung của thành phố.</p>
1386.	Thạc sĩ	Đánh giá sự hài lòng của nông dân sử dụng phân bón Ure Phú Mỹ tại Tỉnh An Giang”	Nguyễn Xuân Tiến	GS.TS.Võ Thị Gương	Việt Nam đang chịu sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp do nguồn cung Ure đang vượt cầu, nghiên cứu về sự hài lòng của nông dân đối với sản phẩm đóng vai trò quan trọng giúp các nhà sản xuất cải thiện chất lượng sản phẩm và cách quản lý để sản phẩm có thể đứng vững trên thị trường. Đề tài được thực hiện nhằm mục tiêu đánh giá

					<p>các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của nông dân đối với sản phẩm phân bón Ure Phú Mỹ, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp cải thiện sản phẩm đáp ứng nhu cầu của của nông dân. Đề tài được thực hiện với số mẫu quan sát là 219 nông dân canh tác lúa theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên và thuận tiện trên địa bàn tỉnh An Giang. Các phương pháp phân tích được sử dụng trong đề tài bao gồm: phương pháp thống kê mô tả, phương pháp phân tích độ tin cậy thang đo Cronbach's Alpha, phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA), phương pháp phân tích hồi quy đa biến. Kết quả phân tích EFA cho thấy sự hài lòng của nông dân được nhóm thành 5 nhân tố bao gồm: "Giá cả", "Chất lượng", "Thương hiệu", "Kênh phân phối" và "Khuyến mãi" và được đo lường bằng 20 biến quan sát. Kết quả phân tích hồi quy cho thấy có mối tương quan của các biến phụ thuộc và sự hài lòng của nông dân, với hệ số tương quan $R^2 = 0.75$. Dựa vào các kết quả phân tích nêu trên, đề tài đã đề xuất 5 nhóm giải pháp nhằm nâng cao sự hài lòng của nông dân đối với sản phẩm Ure Phú Mỹ. Các chính sách thực thi cũng được đề xuất nhằm nâng cao sự hài lòng của nông dân và cạnh tranh được trên thị trường phân bón.</p>
1387.	Thạc sĩ	Hoạch định chiến lược kinh doanh cho Công ty cổ phần thủy sản Minh Phú Hậu Giang đến năm 2020	Lê Bảo Toàn	PGS.TS.Bùi Văn Trịnh	<p>Mục tiêu của đề tài là nhằm lựa chọn chiến lược kinh doanh cho Công ty. Nhận thức được giai đoạn sắp tới, Công ty đứng trước những cơ hội to lớn nhưng đồng thời cũng phải đối mặt với những thách thức mới. Và từ những lí do trên đề tồn tại và phát triển, Công ty cần phải có những chiến lược kinh doanh đúng đắn, xây dựng và tổ chức thực hiện được các chiến lược phù hợp nhằm giành được các lợi thế cạnh tranh để đảm bảo cho việc phát triển liên tục, bền vững, thi việc "Hoạch định chiến lược kinh doanh cho Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang đến năm 2020" là cần thiết</p>

1388.	Thạc sĩ	Giải pháp hoàn thiện chuỗi cung ứng khoai lang huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long	Phùng Quang Trường	GS.TS.Nguyễn Thanh Tuyên	<p>Quản trị chuỗi cung ứng có thể được hiểu là sự phối hợp của sản xuất, tồn kho, địa điểm và vận chuyển giữa các thành viên trong chuỗi cung ứng nhằm đáp ứng nhu cầu và hiệu quả các nhu cầu của thị trường vì vậy “Giải pháp hoàn thiện chuỗi cung ứng Khoai lang tại huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long” là hết sức cần thiết cần được nghiên cứu.</p>
1389.	Thạc sĩ	Giải pháp hoàn thiện hoạt động quản trị nguồn nhân lực tại công ty Điện lực thành phố Cần Thơ	Mân Thanh Tùng	TS.Nguyễn Hồng Gấm	<p>Quản trị nguồn nhân lực ngày càng trở nên quan trọng trong sự phát triển của doanh nghiệp. Nếu được quản lý hiệu quả, nguồn nhân lực có thể đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu của doanh nghiệp.</p> <p>Luận văn nghiên cứu hoạt động quản trị nguồn nhân lực tại Công ty điện lực thành phố Cần Thơ trong thời gian từ 2011 đến năm 2015. Trong nghiên cứu định tính, tác giả tập trung vào phân tích lý thuyết và sử dụng phương pháp mô tả, so sánh và tổng hợp để đạt được mục tiêu nghiên cứu. Tác giả khảo sát cán bộ quản lý và người lao động trong công ty thông qua bảng câu hỏi để thu thập thông tin đánh giá của người lao động về thực trạng hoạt động quản trị nguồn nhân lực của Công ty điện lực thành phố Cần Thơ.</p> <p>Luận văn đã đánh giá chung tình hình hoạt động quản trị nguồn nhân lực của Công ty điện lực thành phố Cần Thơ về cơ cấu tổ chức, các nội dung của quản trị nguồn nhân lực như các hoạt động hoạch định nguồn nhân lực, phân tích công việc, tuyển dụng và bố trí công việc, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đánh giá thực hiện công</p>

					<p>việc, trả công cho người lao động và quan hệ lao động. Chỉ ra được những điểm thành công và hạn chế, đánh giá hiệu quả quản trị nguồn nhân lực của công ty, kết hợp với mục tiêu, tầm nhìn và sứ mệnh của Công ty điện lực thành phố Cần Thơ, tác giả đã đề xuất các giải pháp chủ yếu, các nội dung quản trị cần hoàn thiện của Công ty điện lực thành phố Cần Thơ. Đồng thời đề xuất kiến nghị đối với các cơ quan quản lý nhà nước, ngành Điện và Công ty Điện lực thành phố Cần Thơ để thực hiện giải pháp.</p>
1390.	Thạc sĩ	Chiến lược xuất khẩu gạo của các doanh nghiệp tại thành phố Cần Thơ đến năm 2022	Huỳnh Hà Cẩm Tuyền	TS.Nguyễn Văn Hồng	<p>Đề tài “Nâng cao hiệu quả xuất khẩu gạo của các Doanh nghiệp tại thành phố Cần Thơ” được thực hiện với mục tiêu tìm ra các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp xuất khẩu gạo tại thành phố Cần Thơ.</p> <p>Để đạt được mục tiêu trên, nội dung nghiên cứu của đề tài bắt đầu từ đánh giá và phân tích môi trường nội bộ, môi trường bên ngoài doanh nghiệp và phân tích ma trận SWOT nhằm chỉ ra những mặt thuận lợi và khó khăn, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.</p> <p>Các yếu tố phân tích trong môi trường nội bộ bao gồm nguồn nhân lực, Marketing, nghiên cứu và phát triển, tài chính, sản xuất và tác nghiệp, quản trị chất lượng và hệ thống thông tin. Từ kết quả phân tích nội bộ doanh nghiệp và thông qua ý kiến chuyên gia cho thấy các doanh nghiệp xuất khẩu gạo tại thành phố</p>

					<p>Cần Thơ ở vị trí trên trung bình về nội bộ.</p> <p>Môi trường bên ngoài gồm có môi trường vĩ mô và vi mô. Trong môi trường vĩ mô, tác giả tập trung phân tích các yếu tố về chính phủ và chính trị, kinh tế, xã hội, tự nhiên, công nghệ và kỹ thuật. Các yếu tố phân tích trong môi trường vi mô là đối thủ cạnh tranh, khách hàng, nhà cung cấp và sản phẩm thay thế. Kết quả phân tích môi trường vĩ mô và vi mô, cùng với điều tra trực tiếp các chuyên gia cho thấy khả năng phản ứng của các doanh nghiệp xuất khẩu gạo thành phố Cần Thơ chỉ ở mức trung bình đối với môi trường bên ngoài và ma trận hình ảnh cạnh tranh.</p> <p>Dựa trên cơ sở phân tích các yếu tố môi trường bên trong và môi trường bên ngoài tác giả thiết lập ma trận SWOT để hình thành nên các nhóm chiến lược SO, ST, WO, WT.</p> <p>Trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả xuất khẩu gạo cho các doanh nghiệp tại thành phố Cần Thơ</p>
1391.	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao hiệu quả Kinh tế Xã hội trong đầu tư xây dựng cơ bản từ Ngân sách Nhà nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2016 - 2020	Nguyễn Thanh Vân	PGS.TS.Đào Duy Huân	<p>đề tài "<i>Giải pháp nâng cao hiệu quả Kinh tế - Xã hội trong đầu tư xây dựng cơ bản từ Ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn từ năm 2016 - 2020</i>" được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng và tìm kiếm giải pháp nâng cao hiệu quả Kinh tế - Xã hội của các dự án sử dụng Ngân sách nhà nước thực hiện trên địa bàn thành phố Cần Thơ để làm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ</p>

					kinh tế, chuyên ngành quản trị kinh doanh.
1392.	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến mức sẵn lòng chi trả dịch vụ 3G của khách hàng Mobifone tại Cần Thơ	Lý Quốc Vinh	PGS.TS.Nguyễn Tri Khiêm	<p>Muốn làm được điều đó thì MobiFone cần phải biết được người sử dụng dịch vụ 3G tại thành phố Cần Thơ sẽ sẵn lòng chi trả cho dịch vụ này bao nhiêu tiền và những yếu tố nào ảnh hưởng đến mức sẵn lòng chi trả cho dịch vụ 3G để đề ra chính sách hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng, qua đó phát triển thị phần dịch vụ 3G của MobiFone tại thị trường Cần Thơ.</p> <p>Từ những lý do trên, tác giả chọn đề tài “Các yếu tố ảnh hưởng đến mức sẵn lòng chi trả dịch vụ 3G của khách hàng MobiFone tại Cần Thơ” để làm luận văn thạc sĩ.</p>
1393.	Thạc sĩ	Giải pháp hoàn thiện chuỗi cung ứng cho công ty cổ phần In tổng hợp Cần Thơ giai đoạn 2017 - 2020	Võ Thị Y	TS.Nguyễn Phước Quý Quang	<p>Chuỗi cung ứng tại các doanh nghiệp hiện tại là một phần không thể thiếu và trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh in ấn của Công ty Cổ phần In Tổng Hợp Cần Thơ cũng không phải là trường hợp ngoại lệ. Việc xây dựng một chuỗi cung ứng và hoàn thiện các khâu trong chuỗi cung ứng sẽ giúp công ty thực hiện tốt nguồn lực về tài chính, nhân sự; qua đó, góp phần giúp công ty giảm được thời gian và chi phí cho quá trình sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện các công việc còn chưa rõ ràng và đôi lúc vẫn chưa phát huy được tính hiệu quả về nhân lực và tài lực. Dựa trên các yếu tố đó</p>

				<p>nên đề tài nghiên cứu: “Giải pháp hoàn thiện chuỗi cung ứng cho Công ty Cổ phần In Tổng Hợp Cần Thơ giai đoạn 2017 – 2020” được đề xuất là rất cần thiết và phù hợp trong hoàn cảnh hiện tại.</p> <p>Trong nội dung của nghiên cứu này, tác giả đã thực hiện nhiều nội dung nghiên cứu liên quan đến vấn đề về chuỗi cung ứng bao gồm 05 chương. Thông qua 05 chương này, tác giả đã đề xuất các mục tiêu nghiên cứu và đã giải quyết hoàn thành các mục tiêu đó, cụ thể các mục tiêu gồm: Phân tích thực trạng, đánh giá các nhân tố ảnh hưởng và đề xuất giải pháp hoàn thiện chuỗi cung ứng cho Công ty Cổ phần In Tổng hợp Cần Thơ. Đề tài đã sử dụng các phương pháp phân tích, so sánh tương đối, tuyệt đối, phỏng vấn chuyên gia, các mô hình chuỗi cung ứng để đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động của công ty.</p> <p>Việc thực hiện đánh giá các nội dung liên quan đến chuỗi cung ứng cho Công ty Cổ phần In Tổng Hợp Cần Thơ, tác giả đã thực hiện hoàn thành việc đề xuất giải pháp hoàn thiện chuỗi cung ứng cho công ty trong giai đoạn 2017 – 2020. Tuy nhiên, trong thời gian ngắn nên đề tài còn gặp nhiều hạn chế liên quan đến các thành phần phân công trong chuỗi chưa thật sự hiệu quả và có thể còn một chuỗi nào đó tốt hơn cho công ty;</p>
--	--	--	--	---

					các nhân tố ảnh hưởng đến chuỗi đều được đề xuất giải pháp hoàn thiện nhưng cần phải có nhiều thời gian thì chuỗi mới hoạt động hiệu quả như mong đợi.
1394.	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua sữa công thức trẻ em thương hiệu Việt tại thành phố Cần Thơ	Nguyễn Thị Tuấn An	TS.Lưu Tiến Thuận	<p>Sữa công thức trẻ em có vai trò quan trọng trong quá trình phát triển của trẻ nhỏ đặc biệt là giai đoạn từ 0 – 6 tuổi. Đề tài được thực hiện nhằm phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sữa công thức trẻ em thương hiệu Việt tại thành phố Cần Thơ và đề xuất một số giải pháp để nâng cao khả năng cạnh tranh của các công ty sữa trong nước với sữa ngoại nhập và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng.</p> <p>Kết quả khảo sát với qui mô mẫu là 200 người tiêu dùng có con nhỏ trong độ tuổi từ 0 – 6 tuổi có nhu cầu mua sữa công thức trẻ em tại thành phố Cần Thơ. Tác giả đã sử dụng phương pháp thống kê mô tả, phương pháp kiểm định Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), mô hình hồi quy nhị phân Binary Logistic, kiểm định Crosstabs để phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua sữa công thức trẻ em thương hiệu Việt tại thành phố Cần Thơ trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp cụ thể nhằm giúp nhà sản xuất nâng cao khả năng cạnh tranh và đáp ứng tốt hơn nhu cầu người tiêu dùng.</p> <p>Kết quả nghiên cứu cho thấy có 06 nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua sữa công thức trẻ em thương hiệu Việt của người tiêu dùng là: quảng cáo và khuyến mãi, bao bì mẫu mã, chất lượng, công dụng, nhóm tác động, tiện lợi địa điểm và giá cả. Trong đó yếu tố chất lượng là quan trọng nhất. Từ kết quả nghiên cứu tác giả đề xuất một số hàm ý quản trị về chiến lược chiêu thị, cải thiện chất lượng, nâng cao hệ thống phân phối và giá cả</p>
1395.	Thạc sĩ	CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH SỬ	Mai Hải Bình	PGS. TS. Bùi Văn Trịnh	Ngân hàng điện tử (e-banking) là một xu thế tất yếu

		<p>DỤNG DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ CỦA KHÁCH HÀNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN – HÀ NỘI – – CHI NHÁNH CẦN THƠ</p>		<p>của các giao dịch ngân hàng trong tương lai, nó không những mang đến những lợi ích cho các ngân hàng mà còn cho cả khách hàng. Các nghiên cứu cho thấy e- banking là cần thiết là phù hợp với các quốc gia và sự phổ biến rộng rãi đến khách hàng.</p> <p>Nghiên cứu này đã tiến hành khảo sát 325 cán bộ công chức/viên chức/nhân viên văn phòng đang làm việc cho các công ty, cơ quan, ban ngành tại thành phố Cần Thơ - những khách hàng đã sử dụng và chưa sử dụng dịch vụ internet banking tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội – chi nhánh Cần Thơ. Các phương pháp phân tích thống kê mô tả, kiểm định Cronbach'Alpha, phân tích nhân tố khám phá, phân tích nhân tố khẳng định và phương pháp mô hình cấu trúc tuyến tính được sử dụng trong nghiên cứu này. Kết quả nghiên cứu cho thấy có năm nhân tố công việc, hiệu quả, chuẩn chủ quan, rủi ro và pháp luật ảnh hưởng trực tiếp đến ý định chấp nhận internet banking và ý định chấp nhận ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định sử dụng dịch vụ internet banking của khách hàng. Trong đó, bốn nhân tố công việc, hiệu quả, chuẩn chủ quan và pháp luật ảnh hưởng thuận chiều đến ý định chấp nhận internet banking, riêng yếu tố rủi ro có tác động ngược chiều đối với ý định chấp nhận dịch vụ internet banking. Điều này cho thấy khi khách hàng có ý định chấp nhận lựa chọn sử dụng dịch vụ internet banking sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến việc sử dụng dịch vụ internet banking của họ, khách hàng càng mong muốn sử dụng dịch</p>
--	--	---	--	---

					<p>vụ này thì tần suất sử dụng dịch vụ sẽ nhiều hơn so với nhóm đối tượng không có nhu cầu hoặc chưa sẵn sàng để trải nghiệm dịch vụ tiện ích này của ngân hàng.</p> <p>Từ kết quả phân tích thống kê trên nghiên cứu ngày đưa ra 4 giải pháp đề xuất nhằm phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại SHB Cần Thơ nhằm thu hút khách hàng tiềm năng và nâng cao dịch vụ ngân hàng hiện tại.</p>
1396.	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ Internetbanking của khách hàng cá nhân tại ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - chi nhánh Cần Thơ	Dinh Hoàng Bửu	TS. Võ Văn Dứt	<p>Đề tài “Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quản trị rủi ro tín dụng tại Agribank An Giang” được thực hiện thông qua bảng câu hỏi (mẫu) điều tra trực tiếp các cán bộ liên quan đến cấp tín dụng tại Agribank An Giang. Đề tài nghiên cứu trình bày kết quả khảo sát 165 cán bộ liên quan đến cấp tín dụng. Mục tiêu của đề tài nhằm phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng.</p> <p>Đề tài có sử dụng phương pháp thống kê mô tả, phương pháp Cronbach Alpha, phương pháp nhân tố khám phá EFA, và hồi quy tương quan bội, tác giả xác định các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến quản trị rủi ro tín dụng tại Agribank An Giang. Kết quả cho thấy, có 03 nhân tố ảnh hưởng đến quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng là “Đa dạng hóa hoạt động kinh doanh”, “Kiểm tra giám sát khoản vay” và “Kinh nghiệm của cán bộ tín dụng”. Dựa vào các kết quả phân tích, đề tài đề xuất giải pháp cụ thể đối với từng nhân tố nhằm nâng cao công tác quản trị rủi ro tín dụng tại Agribank An Giang.</p>
1397.	Thạc sĩ	Hoạch định chiến lược phát triển dịch vụ tại Trung tâm học liệu Trường Đại học Cần Thơ đến năm 2022	Nguyễn Minh Chiến	PGS.TS. Bùi Văn Trinh	<p>Trong cuộc cạnh tranh ngày càng khốc liệt, giáo dục là cần thiết cho tất cả các nước trên thế giới. Giáo dục là một trong những yếu tố quan trọng để đo lường các nguồn lực con người trong một xã</p>

					<p>hội. Nó cung cấp cho tăng trưởng kinh tế tri thức và tài sản của dân tộc, uy tín của con người, đổi mới và sáng tạo đột phá. Dịch vụ giáo dục đã trở thành một yếu tố quan trọng không thể tách rời trong môi trường giáo dục giúp cho người học đạt chất lượng trong học tập và nghiên cứu hiệu quả cao. Để dịch vụ giáo dục đạt chất lượng và hiệu quả cao thì đòi hỏi phải vận dụng những phương pháp khoa học đã được nghiên cứu và phát triển dịch vụ của mình trên cơ sở thực tế, khách quan của đơn vị. Ví thể, “Hoạch định chiến lược phát triển dịch vụ tại Trung tâm học liệu Trường Đại học Cần Thơ đến năm 2022” là cần thiết. Đề tài tập trung phân tích môi trường bên trong, bên ngoài nhằm tìm ra những điểm mạnh, điểm yếu bên trong, và xác định các cơ hội, thách thức từ bên ngoài tác động đến hoạt động dịch vụ tại Trung tâm học liệu Trường Đại học Cần Thơ. Từ các số liệu sơ cấp và thứ cấp đã thiết lập các ma trận IFE, EFE, CPM, và từ đó làm cơ sở cho việc hình thành ma trận SWOT và đã xác định các nhóm chiến lược SO, ST, WO, WT. Thông qua ma trận hoạch định chiến lược có thể định lượng (QSPM) đã hình thành bốn chiến lược cần thực hiện cho Trung tâm học liệu đến năm 2022 là: (1) Chiến lược thâm nhập thị trường, (2) Chiến lược phát triển dịch vụ, (2) Chiến lược phát triển nguồn nhân lực, và (4) Chiến lược xây dựng và phát triển thương hiệu. Và trên cơ sở những chiến lược được lựa chọn tác giả vận dụng ma trận SWOT đề ra 16 giải pháp kết hợp để thực hiện 4 chiến lược</p>
--	--	--	--	--	---

					<p>được lựa chọn sát với 4 chiến lược thực tế lựa chọn. Để các chiến lược ưu tiên lựa chọn thực hiện đúng mục tiêu đề ra, các đề xuất thực hiện chiến lược cũng đã được đề ra giải pháp. Với các giải pháp này và kết hợp với ma trận vị trí chiến lược và đánh giá hoạt động SPACE một cách linh hoạt làm cơ sở căn cứ để thực hiện chiến lược đạt tối ưu nhất, Trung tâm học liệu phải thật sự quan tâm hoặc có biện pháp thay thế kịp thời để mục tiêu cuối cùng đạt được hiệu quả mong muốn.</p>
1398.	Thạc sĩ	<p>Đánh giá sự hài lòng của sinh viên về chất lượng đào tạo tại Trường Đại học Công nghệ Miền Đông</p>	Lê Hoài Đăng	TS.Nguyễn Phước Quý Quang	<p>Trong quản lý chất lượng hiện đại, triết lý hướng đến khách hàng đang đóng vai trò chủ đạo. Một trong những yếu tố quyết định cho sự tồn tại và phát triển của các đơn vị kinh doanh nói chung và các đơn vị trong lĩnh vực giáo dục nói riêng là sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ - sản phẩm mà đơn vị cung ứng. Chất lượng phải được đánh giá bởi chính những khách hàng đang sử dụng chứ không phải bởi các đơn vị. Như vậy, trong lĩnh vực giáo dục việc đánh giá chất lượng dịch vụ qua ý kiến của khách hàng, trong đó khách hàng trọng tâm - người học (sinh viên) đang trở lên hết sức cần thiết. Qua đó, các đơn vị đào tạo nói chung và các trường đại học nói riêng có các nhìn nhận khách quan về những gì mình đã cung cấp, những gì mình kỳ vọng thay vì chỉ quan tâm đến đầu tư cơ sở vật chất, trình độ đầu vào - đầu ra và kết quả học tập của sinh viên và các yếu tố khác trong quá trình đào tạo.</p> <p>Xuất phát từ những cơ sở lý luận và thực tiễn của chất lượng giáo dục nói chung và</p>

					chất lượng đào tạo nói riêng, nên tôi quyết định lựa chọn đề tài: “Đánh giá sự hài lòng của sinh viên về chất lượng đào tạo tại Trường Đại học Công nghệ Miền Đông” để nghiên cứu.
1399.	Thạc sĩ	Đánh giá sự hài lòng của sinh viên về chất lượng các dịch vụ tại trường Đại học Công nghệ Miền Đông	Nguyễn Đạt	PGS.TS.Đào Duy Huân	<p>Công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước vẫn còn nhiều hạn chế dẫn đến dự án đầu tư dàn trải, kéo dài, nợ đọng tăng cao gây thất thoát, lãng phí, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư mang lại không cao đó đang là vấn đề được xã hội quan tâm nghiên cứu để có giải pháp khắc phục. Với ý nghĩa quan trọng đó, tác giả chọn đề tài “Giải pháp nâng cao hiệu quả dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư – Trung tâm thương mại thị trấn Cây Dương huyện Phụng Hiệp tỉnh Hậu Giang”. Mục tiêu nghiên cứu là đánh giá lại hiệu quả kinh tế - xã hội trong đầu tư xây dựng từ nguồn vốn doanh nghiệp qua kêu gọi đầu tư ở huyện Phụng Hiệp giai đoạn 2011- 2016, rút ra những kết quả đạt được và hạn chế, từ đó đề xuất gợi ý chính sách nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội đầu tư xây dựng tại huyện Phụng Hiệp đến năm 2020.</p> <p>Phương pháp nghiên cứu tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính được thực hiện thông qua kỹ thuật thảo luận với các chuyên gia, phỏng vấn nhóm chuyên</p>

				<p>sâu am hiểu lĩnh vực đầu tư xây dựng nhằm khám phá, điều chỉnh, bổ sung các tiêu chí và nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế xã hội. Sử dụng phương pháp thống kê mô tả và diễn dịch qui nạp.</p> <p>Kết quả nghiên cứu cho thấy từ năm 2005 đến 2016 huyện Phụng Hiệp đã thực hiện đầu tư được 150 dự án bằng các nguồn vốn, đã hoàn thành đưa vào sử dụng 142 dự án đã tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm cho người lao động, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, môi trường sinh thái được cải thiện và tăng thu ngân sách, thu hút vốn đầu tư. Tuy nhiên còn tồn tại hạn chế, tác động tiêu cực như: Quy hoạch không theo kịp tốc độ đầu tư, chất lượng dự án quy hoạch chưa cao, chưa có tầm nhìn xa; Chính sách chế độ về quản lý dự án chưa đầy đủ; phân bổ vốn còn dàn trải, hiệu quả sử dụng vốn ngân sách nhà nước chưa cao, thu hút kêu gọi đầu tư chưa cao, chưa phát huy lợi thế so sánh, lợi thế cạnh tranh trong từng ngành, các khoản nợ xây dựng cơ bản vượt quá khả năng cân đối ngân sách; công tác chọn nhà thầu chưa chặt chẽ; giám sát thi công chưa thường xuyên, còn thụ động...</p> <p>Để nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội dự án đầu tư</p>
--	--	--	--	---

					<p>xây dựng từ nguồn vốn kêu gọi đầu tư ở huyện Phụng Hiệp, tập trung đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư như: Về chế độ chính sách quản lý đầu tư, công tác quản lý dự án đầu tư, quy hoạch, quyết định chủ trương đầu tư, Nâng cao chất lượng công tác tư vấn khảo sát thiết kế, lập dự án, Công tác thanh quyết toán, quyết toán dự án đầu tư XDCB và quản lý khai thác công trình, và các yếu tố tác động đến chi tiêu tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao hiệu quả đầu tư giải quyết việc làm, giảm nghèo và bảo vệ môi trường, nâng cao hiệu quả đầu tư tác động đến chi tiêu tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật của nền kinh tế./.</p>
1400.	Thạc sĩ	Nâng cao hiệu quả đầu tư xây dựng khu dân cư - trung tâm thương mại thị trấn Cây Dương huyện Phụng Hiệp tỉnh Hậu Giang	Nguyễn Văn Đạt	PGS.TS.Đào Duy Huân	<p>Trong giai đoạn hiện nay quản trị rủi ro tín dụng là hết sức quan trọng và cần thiết đối với hoạt động kinh doanh của Agribank Chi nhánh thị xã Ngã Bảy Hậu Giang, để đảm bảo cho ngân hàng phát triển ngày một vững mạnh.</p> <p><i>Mục tiêu Đề tài Đánh giá thực trạng quản trị rủi ro tín dụng tại Agribank Chi nhánh thị xã Ngã Bảy Hậu Giang. Đưa ra các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao năng lực quản trị rủi ro tín dụng</i></p> <p>Phương pháp nghiên cứu định tính với nguồn số liệu thứ cấp được thu thập từ Agribank Chi nhánh thị xã Ngã Bảy Hậu Giang và Agribank Chi nhánh tỉnh Hậu Giang. Đề tài đã thu được kết quả sau:</p>

					<p>Một: Phân tích đánh giá thực trạng quản trị rủi ro tín dụng tại Agribank Chi nhánh thị xã Ngã Bảy Hậu Giang đã chỉ ra các hạn chế: Vấn đề giải quyết nợ quá hạn, nợ xấu luôn chưa thật sự được tốt, nợ tiềm ẩn rủi ro còn cao; Công cụ quản trị RRTD mà Ngân hàng đang áp dụng chưa đầy đủ và hoàn thiện; Chưa đo lường được RRTD, chưa xây dựng mô hình cảnh báo sớm RRTD mà thường chỉ nhận ra rủi ro khi nó thực sự xảy ra; Chất lượng thẩm định chưa cao, hiệu quả hoạt động kiểm tra, kiểm soát khoản vay chưa đáp ứng yêu cầu quản trị rủi ro tín dụng; Đội ngũ CBTD chưa thật sự mạnh; Thiếu thông tin về khách hàng; Vấn đề về tài sản thế chấp chưa thật sự khả mĩ ...</p> <p>Hai: Đưa ra các giải pháp để hoàn thiện quản trị rủi ro tín dụng tại Agribank Chi nhánh thị xã Ngã Bảy Hậu Giang gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm giải pháp về dấu hiệu cảnh báo trong hoạt động quản trị rủi ro tín dụng; - Nhóm giải pháp phòng ngừa rủi ro; - Nhóm giải pháp tài trợ rủi ro; - Nhóm giải pháp xử lý nợ có vấn đề và xử lý tổn thất tín dụng; - Nâng cao năng lực quản trị điều hành; - Cơ cấu lại bộ phận tín dụng; - Chú trọng đến đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. <p>Ba: Đề tài góp phần mang lại hiệu quả hơn trong hoạt động kinh doanh của Agribank Chi nhánh thị xã Ngã Bảy Hậu Giang trong thời gian tới.</p> <p>Bốn: Đề tài sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính thông qua phỏng vấn</p>
--	--	--	--	--	--

					chuyên gia và thảo luận nhóm nên không đánh giá hết được mong muốn của đề tài; Bên cạnh đó do thời gian, kiến thức còn hạn chế của tác giả nên chưa đánh giá đầy đủ và chính xác mức độ về rủi ro và quản trị rủi ro.
1401.	Thạc sĩ		Nguyễn Thị Phương Dung	GS.TS.Võ Thị Gương	Văn hóa doanh nghiệp được nhiều công ty chú trọng nhằm tạo sự gắn kết trong làm việc, nâng cao hiệu quả và nâng cao thương hiệu của công ty. Đề tài được thực hiện nhằm đánh giá sự gắn bó của các nhân viên trong tổ chức dưới tác động của các khía cạnh văn hóa Công ty Cổ phần Du lịch Cần Thơ thông qua xây dựng và kiểm định mô hình ảnh hưởng của văn hóa doanh nghiệp. Đề đạt được mục tiêu, phương pháp phân tích được sử dụng qua Kiểm định độ tin cậy thang đo, phân tích nhân nhân tố khám phá, phân tích hồi quy để kiểm định mô hình giả thuyết. Số liệu được thu thập qua phỏng vấn 152 người lao động tại Công ty Cổ phần Du lịch Cần Thơ, theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Mô hình nghiên cứu kiểm định sáu yếu tố thuộc về văn hóa doanh nghiệp. Kết quả nghiên cứu cho thấy sáu yếu tố: Giao tiếp trong tổ chức, Đào tạo và phát triển, Định hướng tương lai, Làm việc nhóm, Công nhận và phần thưởng, Hỗ trợ của cấp trên và đồng nghiệp đều có mối tương quan đến sự gắn bó công việc, với hệ số tương quan $R^2 = 0,55$. Trong sáu yếu tố này, yếu tố Giao tiếp trong tổ chức và yếu tố Đào tạo và phát triển là hai yếu tố quan trọng nhất. Ngoài ra, các nhóm có trình độ học vấn khác nhau, thời gian công tác, thu nhập, giới tính khác nhau không tác động đến sự gắn bó với công việc. Trên cơ sở xác định sáu yếu tố ảnh hưởng, hàm ý quản trị được đề xuất nhằm tác động tích cực đến sự gắn bó công việc của người lao động tại Công ty Cổ phần Du lịch Cần Thơ.
1402.	Thạc sĩ	Một số giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	Nguyễn Như Giang	TS.Nguyễn Tiên Dũng	Xây dựng, phát triển,

		<p>các phường ở quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ đến năm 2020</p>		<p>nâng cao chất lượng luôn là mục tiêu phấn đấu của mọi tổ chức dù nhỏ hay lớn, là tổ chức công của nhà nước hay tổ chức tư nhân. Tuy nhiên để tạo nên một nguồn nhân lực có chất lượng, có đủ năng lực, trình độ đáp ứng được nhu cầu phát triển trong thời đại mới là việc làm không dễ vì nó liên quan đến yếu tố con người.</p> <p>Luận văn “Một số giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực các phường ở quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ đến năm 2020” được thực hiện để giải quyết những mục tiêu sau: phân tích thực trạng chất lượng, các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nhân lực, gợi ý giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực các phường ở quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.</p> <p>Phương pháp sử dụng trong nghiên cứu là phương pháp định tính, dựa trên kết quả tổng hợp gồm 140 phiếu khảo sát cán bộ đang làm việc tại các phường thuộc quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ, 206 phiếu khảo sát người dân và các tổ chức liên hệ công việc tại địa bàn nghiên cứu. Kết quả đạt được:</p> <p>Một. Chất lượng nguồn nhân lực phụ thuộc vào khâu tuyển dụng, phân công, bố trí công việc; cơ cấu bộ máy tổ chức; xây dựng kế hoạch đào tạo, phát triển</p>
--	--	--	--	--

					<p>chuyên môn nghiệp vụ, đánh giá kết quả thực hiện công việc; động viên, khuyến khích tinh thần làm việc của cán bộ.</p> <p>Hai. Từ thực kết quả phân tích cho thấy các yếu tố làm ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nhân lực là: công tác tuyển dụng, phân công bố trí công việc, công tác đào tạo, phát triển chuyên môn nghiệp vụ, công tác đánh giá hiệu quả công việc, động viên khuyến khích, khả năng thích nghi công việc.</p> <p>Ba. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đang làm việc tại các phường quận Ô Môn thành phố Cần Thơ như: Hoàn thiện công tác tuyển dụng, phân công bố trí công việc, cơ cấu tổ chức ngang tầm nhiệm vụ trong thời đại mới, đổi mới công tác đào tạo, phát triển chuyên môn nghiệp vụ, hoàn thiện công tác đánh giá hiệu quả công việc cũng như công tác khen thưởng kỷ luật.</p> <p>Bốn. Kết luận và kiến nghị</p>
1403.	Thạc sĩ	Hoạch định chiến lược phát triển kinh doanh tại Cảng hàng không quốc tế Cần Thơ đến năm 2020	Trần Thanh Hải	PGS.TS.Lê Nguyễn Đoàn Khôi	<p>Xuất phát từ nhu cầu thực tế trên, Cảng hàng không quốc tế Cần Thơ (CTIA) đang trên đà phát triển, đóng vai trò là cầu nối giữa phương thức vận chuyển đường không với các phương thức vận chuyển khác của Thành phố Cần Thơ</p>

					<p>và khu vực ĐBSCL với các vùng miền trên tổ quốc và thế giới.</p> <p>Chính vì vậy, để đảm bảo cho việc phát triển mang tính liên tục và bền vững, thì việc: “Hoạch định chiến lược phát triển kinh doanh tại Cảng hàng không quốc tế Cần Thơ đến năm 2020” là vô cùng cần thiết, từ đó đưa ra những giải pháp nhằm thực hiện hoạt động kinh doanh tại Cảng hàng không quốc tế Cần Thơ phát triển đồng bộ và vững bền.</p>
1404.	Thạc sĩ	Giải pháp hoàn thiện kênh phân phối thuốc bảo vệ thực vật của công ty cổ phần Nicotex Cần Thơ	Võ Thị Hoa	PGS.TS.Trần Công Luận	Giải pháp hoàn thiện kênh phân phối thuốc bảo vệ thực vật của công ty cổ phần Nicotex Cần Thơ
1405.	Thạc sĩ	Giải pháp quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Agribank Chi nhánh Châu Thành An Giang giai đoạn 2017 - 2020	Nguyễn Văn Hoàng	PGS.TS.Đào Duy Huân - PGS.TS.Đoàn Thanh Hà	<p>Sự cạnh tranh ngày càng quyết liệt giữa các tổ chức tín dụng trong nước còn có sự xuất hiện của các tổ chức tín dụng nước ngoài; chính vì vậy để đạt được hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh thì Ngân hàng và các tổ chức tín dụng Việt Nam phải quản trị tốt rủi ro trong hoạt động kinh doanh, vì vậy tác giả đã chọn nghiên cứu đề tài: “Quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Agribank Chi nhánh huyện Châu Thành An Giang giai đoạn 2017 - 2020”, làm luận văn nghiên cứu của mình.</p> <p>Mục tiêu nghiên cứu của bài là nhằm đánh giá công tác quản trị rủi ro đối với hoạt động kinh doanh tại Agribank chi nhánh Châu Thành An Giang trong giai đoạn năm 2017 đến năm 2020.</p> <p>Luận văn sử dụng phương pháp định tính, thông qua phỏng vấn chuyên gia, phân tích, thống kê mô tả dữ liệu thứ cấp. Lấy ý kiến, nhận xét của các chuyên gia kinh tế về các vấn đề liên quan đến đề tài nghiên cứu. Trao đổi trực tiếp với các nhân viên ngân hàng, cán bộ tín dụng, cán bộ lãnh đạo để tìm hiểu về hoạt động kinh doanh của Agribank chi nhánh Châu Thành An Giang. Luận văn còn sử dụng phương</p>

					<p>pháp thống kê mô tả, và phương pháp tổng hợp để phân tích dữ liệu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả đạt được: <ul style="list-style-type: none"> ✓ Thứ nhất: Khái quát lý thuyết và một số nghiên cứu trước về quản trị rủi ro trong kinh doanh tiền tệ của ngân hàng. ✓ Thứ hai: Đánh giá thực trạng những thành công và chưa thành công trong công tác quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Agribank chi nhánh Châu Thành An Giang giai đoạn 2011 - 2015, trên các mặt: Rủi ro tín dụng, rủi ro ngoại hối, rủi ro thanh khoản và nguyên nhân của vấn đề. ✓ Thứ ba: Đề xuất giải pháp hoàn thiện quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Agribank chi nhánh Châu Thành An Giang giai đoạn 2017 – 2020 bao gồm: Hạn chế rủi ro tín dụng, Hạn chế rủi ro ngoại hối, Hạn chế rủi ro thanh khoản, Hạn chế rủi ro lãi suất. ✓ Thứ tư: Một số kiến nghị với Ngân hàng Trung ương, Hiệp hội ngân hàng, ngân hàng Agribank nhằm hoàn thiện công tác quản trị rủi ro hoạt động kinh doanh của Agribank chi nhánh Châu Thành An Giang. ✓ Thứ năm: Nêu các hạn chế của đề tài và hướng nghiên cứu tiếp theo.
1406.	Thạc sĩ	Đánh giá sự hài lòng của sinh viên về chất lượng Đào tạo tại khoa Ngoại ngữ - Trường cao đẳng Cần Thơ	Trần Thị Mỹ Huyền	PGS.TS.Đào Duy Huân	<p>Đề tài “Đánh giá sự hài lòng của sinh viên về chất lượng đào tạo tại Khoa Ngoại ngữ - Trường Cao Đẳng Cần Thơ” được thực hiện từ tháng 10 năm 2016 đến tháng 03 năm 2017. Nội dung nghiên cứu của đề tài là phân tích các</p>

				<p>nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo tại Khoa Ngoại ngữ- Trường Cao Đẳng Cần Thơ để từ đó đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo tại trường.</p> <p>Đề tài nghiên cứu gồm có 05 nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo tại Khoa Ngoại ngữ : Chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, khả năng phục vụ, kết quả đạt được và cơ sở vật chất. Thông tin được thu thập bằng cách phỏng vấn 300 sinh viên gồm chuyên anh, không chuyên anh đang học năm thứ nhất, năm 2 và năm 3 bằng phiếu điều tra, song song đó phỏng vấn và tham khảo ý kiến của các chuyên gia trong trường và các doanh nghiệp bên ngoài. Tác giả sử dụng phương pháp thống kê mô tả thông tin cá nhân của đối tượng phỏng vấn, sử dụng hệ số Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA, phân tích hồi quy bội.</p> <p>Kết quả phân tích nhân tố EFA đã rút gọn 5 nhân tố ban đầu thành 5 nhân tố mới gồm: Đội ngũ giảng viên, kết quả đạt được, khả năng phục vụ, chương trình đào tạo và cơ sở vật chất. Nghiên cứu cũng đã đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo tại khoa Ngoại ngữ - Trường Cao Đẳng Cần Thơ, dựa trên các quan điểm nâng cao chất lượng đào tạo của khoa; kết</p>
--	--	--	--	--

					qua nghiên cứu của đề tài; các ý kiến đóng góp của sinh viên trong quá trình phỏng vấn. Các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo tại khoa ngoại ngữ bao gồm: nhóm kết quả đạt được, đội ngũ giảng viên, chương trình đào tạo, cơ sở vật chất và cuối cùng là khả năng phục vụ.
1407.	Thạc sĩ	Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của Doanh nghiệp đối với chất lượng dịch vụ hải quan điện tử tại Cục Hải quan tỉnh An Giang	Phan Duy Khang	PGS.TS.Đào Duy Huân	<p>Đề tài nghiên cứu “Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của doanh nghiệp đối với chất lượng dịch vụ Hải quan điện tử tại Cục Hải quan Tỉnh An Giang” được xây dựng dựa trên tham khảo các mô hình nghiên cứu về sự hài lòng của người dân trong việc sử dụng dịch vụ chính phủ điện tử và kết quả tổng hợp các nghiên cứu trong và ngoài nước để xác định mức độ tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ nộp thuế điện tử. Nghiên cứu sử dụng công cụ SPSS 22.0 để phân tích độ tin cậy thang đo qua hệ số Cronbach’s Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA, kiểm định mô hình nghiên cứu bằng phân tích mô hình hồi quy bội, phân tích ANOVA và thống kê mô tả số liệu thu thập được. Mẫu khảo sát trong nghiên cứu này là $n = 250$, là những khách hàng đã tham gia dịch vụ hải quan điện tử tại Cục Hải quan An Giang. Kết quả nghiên cứu cho thấy Mức độ tin tưởng của người giao dịch vào độ an toàn và bảo mật, mức độ đáp ứng, dịch vụ đảm bảo tin cậy và tính hiệu quả có tác động đến chất lượng dịch vụ hải quan điện tử, trong đó tính hiệu quả là tác động mạnh nhất. Việc xác định các yếu tố ảnh hưởng này đến chất lượng dịch vụ hải quan điện tử giúp</p>

					<p>cho tác giả đề xuất các kiến nghị cải thiện khả năng phục vụ người làm thủ tục hải quan thông qua các dịch vụ điện tử và qua đó thu hút DN làm thủ tục hải quan điện tử với cơ quan hải quan tại Cục Hải quan An Giang và Chi cục Hải quan Đồng Tháp Mười với dịch vụ hải quan điện tử thì họ mới sẵn sàng chuyển sang sử dụng dịch vụ này thay dịch vụ kê khai hải quan thủ công truyền thống</p>
1408.	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả công việc của nhân viên tại công ty cổ phần Du lịch Cần Thơ	Phan Văn Khánh	TS. Lưu Tiến Thuận	<p>Đề tài “Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả công việc của nhân viên tại Công ty Cổ phần Du lịch Cần Thơ” được thực hiện nhằm mục tiêu chủ yếu là xác định các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả công việc của nhân viên tại Công ty Cổ phần Du lịch Cần Thơ. Số liệu phục vụ cho nghiên cứu đề tài được thu thập từ 218 nhân viên tại Công ty có thời gian làm việc từ 3 tháng trở lên tại những đơn vị trực thuộc của Công ty bao gồm các Khách sạn, Trung tâm điều hành dịch vụ du lịch, nhà hàng và nhân viên văn phòng. Phương pháp chọn mẫu thuận tiện với hình thức phỏng vấn trực tiếp đáp viên bằng bảng câu hỏi cấu trúc được soạn sẵn được ứng dụng để thu thập số liệu sơ cấp. Bên cạnh đó, phương pháp thông kê mô tả, phương pháp phân tích cấu trúc tuyến tính SEM là các phương pháp phân tích được sử dụng để giải quyết mục tiêu của đề tài.</p> <p>Kết quả nghiên cứu của đề tài đã xác định được 3 nhân tố quan trọng có ảnh hưởng đến hiệu quả công việc của nhân viên tại Công ty Cổ phần Du lịch Cần Thơ đó là: Năng lực làm việc cá nhân, Nhu cầu và Động lực làm việc, các nhân tố Phong cách lãnh đạo, Sự công bằng trong tổ chức và Môi trường làm việc cũng có tác động tích cực đến hiệu quả công việc của nhân viên tại Công ty. Trong các nhóm nhân tố, Nhu cầu là nhân tố tác</p>

					động mạnh nhất đến hiệu quả công việc, song nhân tố này cũng là sự phát hiện mới của nghiên cứu này. Bên cạnh đó, dựa trên kết quả nghiên cứu của đề, 5 hàm ý quản trị cũng được đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả công việc của nhân viên tại Công ty Cổ phần Du lịch Cần Thơ.
1409.	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của công chức, viên chức tại Ủy ban Nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ	Trần Minh Khiết	TS. Nguyễn Tiến Dũng	<p>Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của công chức, viên chức tại Ủy ban Nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ, có tính cấp thiết trong việc tìm hiểu các nhân tố tác động đến việc tạo động lực làm việc trong các tổ chức công là một trong những vấn đề đang được xã hội quan tâm.</p> <p>Mục tiêu đề tài: Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của công chức, viên chức tại Ủy ban Nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Đề xuất hàm ý quản trị nâng cao động lực làm việc tại Ủy ban Nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ từ kết quả phân tích trên.</p> <p>Phương pháp sử dụng để nghiên cứu định tính và định lượng dựa trên 150 bảng khảo sát công chức viên chức đang làm việc tại Ủy ban Nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Kết quả nghiên cứu đạt được:</p> <p>Một. Mô hình nghiên cứu bao gồm 6 nhân tố với 33 biến quan sát: môi trường làm việc, mức thu nhập, quan hệ trong công việc, cơ hội thăng tiến, trách nhiệm trong công việc, sự công nhận.</p> <p>Hai. Phân tích số liệu như: Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố EFA; Phân tích hồi qui tuyến tính. Kết quả phân tích cho thấy có 4 nhân tố có tác động làm ảnh hưởng trực tiếp đến động lực làm việc</p>

					<p>của công chức, viên chức là môi trường làm việc, mức thu nhập, cơ hội thăng tiến, sự công nhận. Trong đó, nhân tố có tác động mạnh nhất đến động lực làm việc là cơ hội thăng tiến và tác động thấp nhất là sự công nhận.</p> <p>Ba. Đề xuất một số hàm ý quản trị nhằm nâng cao động lực làm việc của công chức, viên chức như: Tạo động lực bằng việc tăng thu nhập khoa học, hợp lý; Xây dựng chính sách công nhận năng lực và đánh giá hiệu quả công việc; Tạo cơ hội thăng tiến cho công chức, viên chức; Cải thiện môi trường làm việc.</p> <p>Bốn. Hạn chế nghiên cứu và gợi mở nghiên cứu tiếp.</p>
1410.	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ Logistic của công ty cổ phần vận tải Thủy Tân Cảng	Lê Thanh Lâm	TS.Nguyễn Ngọc Minh	<p>Đề tài “Phân tích sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ logistics của Công ty Cổ phần vận tải thủy Tân Cảng” được thực hiện từ tháng 10 năm 2016 đến tháng 6 năm 2017. Nội dung nghiên cứu của đề tài là phân tích các thành phần/nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ logistics của Công ty Cổ phần vận tải thủy Tân Cảng.</p> <p>Đề tài nghiên cứu gồm 05 thành phần ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ logistics của Công ty Cổ phần vận tải thủy Tân Cảng: Thành phần tin cậy, thành phần đáp ứng, thành phần đảm bảo, thành phần phương tiện hữu hình, thành phần đồng cảm. Thông tin được thu nhập bằng cách phỏng vấn trực tiếp hoặc gửi email khảo sát đến 138 doanh nghiệp tại khu vực ĐBSCL có sử dụng dịch vụ logistics của Công ty Cổ phần vận tải thủy Tân Cảng, song song đó phỏng vấn và tham khảo ý kiến của các chuyên</p>

					<p>gia trong Công ty và doanh nghiệp bên ngoài. Tác giả sử dụng phương pháp thống kê mô tả thông tin của doanh nghiệp được phỏng vấn, sử dụng hệ số Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA, phân tích hồi quy bội.</p> <p>Kết quả phân tích nhân tố EFA đã rút 5 nhân tố ban đầu thành 5 nhân tố mới tuy có nhảy biến qua lại nhưng thành phần vẫn không thay đổi bao gồm : độ tin cậy, đảm bảo, đáp ứng, phương tiện hữu hình, đồng cảm. Các nhân tố này ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng theo thứ tự giảm dần là: (1) đáp ứng;(2) đảm bảo; (3) tin cậy; (4) phương tiện hữu hình; (5) đồng cảm. Dựa vào kết quả nghiên cứu thu được tác giả cũng đã đề xuất hàm ý quản trị gồm các nhóm kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ logistics của Công ty.</p>
1411.	Thạc sĩ	Hoạch định chiến lược kinh doanh tại Công ty TNHH Xây dựng Thành Công đến năm 2025	Bùi Thị Kim Liên	HD2: TS. Trần Hữu Xinh HD1: PGS.TS. Đào Duy Huân	<p>Đề tài nghiên cứu: "Hoạch định chiến lược kinh doanh tại công ty TNHH Xây Dựng Thành Công đến năm 2025" được xây dựng dựa trên tham khảo các tài liệu về hoạch định chiến lược kinh doanh cho doanh nghiệp và kết quả tổng hợp các nghiên cứu trong và ngoài nước để đưa ra các chiến lược phù hợp cho doanh nghiệp. Mục tiêu của đề tài này là hoạch định chiến lược kinh doanh tại Công Ty TNHH Xây Dựng Thành Công đến năm 2025, thông qua đó giúp Công ty TNHH Xây Dựng Thành Công tận dụng những điểm mạnh và cơ hội của mình đang có để khắc</p>

				<p>phục những yếu điểm và thách thức trong tương lai, tạo ra lợi thế cạnh tranh và giúp công ty chủ động hơn trong việc thực hiện và hoàn thành kế hoạch đề ra. Đề tài sử dụng phương pháp thu thập số liệu thứ cấp và sơ cấp, phương pháp thống kê mô tả, phương pháp so sánh số tuyệt đối và số tương đối qua các năm, phương pháp lấy ý kiến của 10 chuyên gia trong đó 5 chuyên gia là lãnh đạo của Công ty TNHH Xây Dựng Thành Công và 5 chuyên gia còn lại là lãnh đạo thuộc lĩnh vực xây dựng và cấp thoát nước. Thông qua mô hình SWOT và mô hình QSPM để lựa chọn chiến lược và đưa ra các giải pháp thích hợp cho từng chiến lược. Đề tài đã đưa ra được bốn chiến lược cần thực hiện cho Công ty TNHH Xây Dựng Thành Công đến năm 2025 là: (1) Chiến lược thâm nhập thị trường, (2) Chiến lược xây dựng hoàn thiện bộ máy tổ chức, đào tạo nguồn nhân lực, (3) Chiến lược phát triển thị trường, và (4) Chiến lược tái cấu trúc Công ty. Và trên cơ sở những chiến lược được lựa chọn tác giả cũng đề xuất các giải pháp để thực hiện 4 chiến lược được lựa chọn. Thông qua đề tài có thể giúp cho Ban lãnh đạo của Công ty thấy được điểm mạnh và cơ hội của mình mà hạn chế được điểm yếu loại bỏ được nguy cơ mà Công ty phải đối</p>
--	--	--	--	---

					mặt. Từ đó, giúp cho Công ty có thể hoạch định được hướng đi phù hợp trong tương lai và ngày càng phát triển hơn.
1412.	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn mạng di động Vinaphone của sinh viên tỉnh Bạc Liêu	Lê Chí Linh	TS.Võ Hoàng Khiêm	<p>Mục tiêu chính của nghiên cứu này là xác định các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn mạng Vinaphone của Sinh viên Bạc Liêu. Số liệu được sử dụng nghiên cứu bao gồm số liệu của Trung Tâm Kinh Doanh VNPT - Bạc Liêu, Sở thông tin và truyền thông Bạc Liêu và số liệu thu được từ 200 sinh viên chính quy của trường Đại học Bạc Liêu và Cao Đẳng Y tế Bạc Liêu có sử dụng mạng điện thoại di động Vinaphone. Các phương pháp sử dụng trong đề tài này bao gồm: Phương pháp so sánh, phương pháp thống kê mô tả (tần suất, trung bình...), kiểm định hệ số Cronbach's Alpha, phương pháp phân tích nhân tố, phương pháp phân tích hồi quy nhị nguyên Binary Logistic, phương pháp phân tích sự khác biệt. Kết quả phân tích hồi quy Binary Logistic cho thấy có 5 nhóm biến tác động đến quyết định sử dụng mạng di động Vinaphone tại tỉnh Bạc Liêu của sinh viên là: Giá cả, Dịch vụ cộng thêm, Chất lượng dịch vụ, Chất lượng kỹ thuật và Sự cảm thông. Bên cạnh đó đề tài cũng tiến hành phân tích sự khác biệt của các đặc điểm cá nhân lên quyết định sử dụng mạng di động Vinaphone tại tỉnh Bạc Liêu của sinh viên. Dựa trên kết quả phân tích, đề xuất các hàm ý để mở rộng mạng lưới và thị phần thị trường dịch vụ di động trên các trường học nói riêng và thị trường Bạc Liêu nói chung.</p>

1413.	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của các Doanh nghiệp về chất lượng Đào tạo tại trường cao đẳng nghề Đồng Tháp	Trần Văn Lực	PGS.TS.Đào Duy Huân - PGS.TS.Đoàn Thanh Hà	<p>Để đáp ứng mục tiêu đó Trường Cao đẳng nghề Đồng Tháp luôn quan tâm đến chất lượng đào tạo cho sinh viên ra trường có kỹ năng nghề cao, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay để tạo thu nhập ổn định cuộc sống cũng như tạo lòng tin cho Phụ huynh và xã hội khi cho con em tham gia học nghề tại trường.</p> <p>Đề tài nghiên cứu “<i>Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của các doanh nghiệp về chất lượng đào tạo tại trường Cao đẳng nghề Đồng Tháp</i>” hy vọng góp phần tiếp cận nhiều hơn với doanh nghiệp, kết nối nhiều hơn nguồn lao động có tay nghề cao đến với doanh nghiệp để cùng hội nhập và phát triển.</p>
1414.	Thạc sĩ	Hoạch định chiến lược kinh doanh của ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín, chi nhánh Sóc Trăng đến năm 2020	Đặng Vĩnh Nghi	PGS.TS.Đào Duy Huân - PGS.TS.Đoàn Thanh Hà	<p>Những năm qua, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín đã có nhiều nỗ lực lớn như đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng, hoàn thiện quy trình quản lý chất lượng sản phẩm, tìm kiếm thị trường, mở rộng thị trường ra các nước Đông Nam Á như Lào và Cambodia ... Nhưng trên thực tế Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín vẫn chưa xây dựng hoàn thiện một chiến lược tối ưu, nhất là chi nhánh vẫn chưa hẳn có giải pháp cụ thể để triển khai hiệu quả chiến lược của Ngân hàng mẹ, trong đó cho chi nhánh Sóc Trăng. Xuất phát từ tình hình trên, là người đang quản lý chi nhánh Sóc Trăng, tôi chọn đề tài “<i>Hoạch định chiến lược kinh doanh cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín, chi nhánh Sóc Trăng đến năm 2020</i>”.</p>
1415.	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khối hành chính tại quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ đến năm 2020	Trần Thiết Nghĩa	PGS.TS.Đào Duy Huân	<p>Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khối hành chính tại quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ đến năm 2020 là cấp thiết để nâng cao hiệu quả công việc, hoàn thành nhiệm</p>

				<p>vụ, mục tiêu mà chính quyền đạt ra.</p> <p>Đề tài được thực hiện nhằm phân tích, đánh giá thực trạng nguồn nhân lực, đồng thời xác định các yếu tố ảnh hưởng nguồn nhân lực khối hành chính nhà nước tại quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.</p> <p>Phương pháp thực hiện định tính, dựa trên kết quả tổng hợp 121 phiếu khảo sát cán bộ đang làm việc tại các cơ quan hành chính, 70 phiếu khảo sát công chức ở các phường và 80 phiếu khảo sát người dân liên hệ công việc tại địa bàn nghiên cứu. Kết hợp nghiên cứu đạt được:</p> <p>Một là, Đánh giá được thực trạng nguồn nhân lực trên các mặt về trình độ đào tạo, mức độ hoàn thành công việc, tuyển dụng, sử dụng và khả năng sẵn sàng thay đổi công việc.</p> <p>Hai là, Đề xuất 5 nhóm giải pháp để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khối hành chính nhà nước tại quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ: Phân tích công việc và xác định tiêu chuẩn chức danh công chức; công tác sử dụng đội ngũ công chức hành chính nhà nước; đào tạo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ; thực hiện thật tốt quy chế tuyển dụng đang hiện hành; hoàn thiện công tác quy hoạch đội ngũ công chức hành chính. Đưa chỉ số KPI để đánh giá hiệu quả công việc đối với nguồn nhân lực khối hành chính nhà nước tại quận Ô Môn.</p> <p>Ba là, Kiến nghị đối với Thành ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố và quận Ô Môn.</p> <p>Cuối cùng là, Nêu hạn chế đề tài là chủ yếu định tính,</p>
--	--	--	--	--

					chưa nghiên cứu định lượng, chưa sử dụng KPI để đánh giá hiệu quả công việc và hướng nghiên cứu tiếp.
1416.	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn dịch vụ Mobifone của khách hàng cá nhân tại Bạc Liêu	Trương Huệ Ngoan	PGS.TS.Quan Minh Nhựt	<p>Hiện nay, do sự xuất hiện của khá nhiều nhà cung cấp dịch vụ di động với những công nghệ tiên tiến, có nhiều chính sách hấp dẫn để thu hút khách hàng, từ đó làm cho khách hàng có thêm nhiều sự lựa chọn hơn trong việc quyết định chọn nhà cung cấp dịch vụ. Vì thế, để thu hút khách hàng đến với doanh nghiệp, thì việc tìm hiểu và thỏa mãn nhu cầu của khách hàng là rất cần thiết. Đề tài “Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn nhà cung cấp dịch vụ di động MobiFone của khách hàng cá nhân tại thành phố Bạc Liêu” với mục tiêu là phân tích và đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn nhà cung cấp dịch vụ di động MobiFone của khách hàng cá nhân tại thành phố Bạc Liêu. Trên cơ sở đó, đưa ra các hàm ý quản trị để doanh nghiệp có thể đáp ứng tốt hơn các nhu cầu của khách hàng, qua đó thu hút được khách hàng sử dụng các sản phẩm và dịch vụ của doanh nghiệp.</p> <p>Để thực hiện đề tài này, thì nghiên cứu được tiến hành bằng cách kết hợp nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng. Số liệu trong nghiên cứu được thu thập bằng cách phỏng vấn thông qua bảng câu hỏi cho 182 khách hàng cá nhân tại thành phố Bạc Liêu đang sử dụng dịch vụ di động MobiFone có thời gian hoạt động ít nhất là 6 tháng theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Với kết quả thu thập được từ bảng câu hỏi và xử lý bằng phương pháp thống kê mô tả, kiểm định mối quan</p>

					<p>hệ giữa các biến độc lập và kiểm định Anova một chiều, kiểm định Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá và phân tích hồi quy bội là những phương pháp lần lượt được sử dụng trong nghiên cứu.</p> <p>Với phân tích này thì kết quả cho thấy nhân tố Giá cả dịch vụ (0,353) tác động mạnh nhất đến quyết định lựa chọn dịch vụ di động MobiFone của khách hàng cá nhân, tiếp theo lần lượt là Hình ảnh thương hiệu (0,305); Dịch vụ khách hàng (0,266); Chất lượng dịch vụ (0,229) Nhóm tham khảo (0,207). Sự thuận tiện và Dịch vụ gia tăng là hai nhân tố tác động đến quyết định lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ ở mức độ thấp nhất. Những nhân tố này đều tác động thuận chiều đến quyết định lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ di động MobiFone của khách hàng cá nhân tại thành phố Bạc Liêu.</p> <p>Như vậy, Giá cả dịch vụ và Hình ảnh thương hiệu là những nhân tố được xem là quan trọng nhất ảnh hưởng đến việc lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ di động MobiFone. Từ đó, để thu hút và thỏa mãn nhu cầu khách hàng thì việc đưa ra những chính giá cả phù hợp với từng nhóm khách hàng cũng như khẳng định lại giá trị thương hiệu gây cho khách hàng tâm lý mong muốn được sở hữu sản phẩm, được trải nghiệm dịch vụ của doanh nghiệp. Có như vậy, thì mới gia tăng giá trị và nâng cao tính cạnh tranh của doanh nghiệp</p>
1417.	Thạc sĩ	Một số giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hành chính cấp phường trên địa bàn quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Võ Như Nguyệt	PGS.TS.Võ Khắc Thường	<p>Trước yêu cầu của công cuộc đổi mới, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc</p>

					<p>tê, việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hành chính cấp phường đủ phẩm chất và năng lực đảm đương nhiệm vụ, có tính kế thừa, phát triển, khắc phục cho được những hạn chế, yếu kém của đội ngũ nguồn nhân lực hành chính cấp phường trên địa bàn quận Ninh Kiều trong thời gian qua là vấn đề vô cùng cấp thiết, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cấp bách. Chính vì vậy, tôi chọn đề tài: “Một số giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hành chính cấp phường trên địa bàn quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ” làm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ.</p>
1418.	Thạc sĩ	<p>Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng công việc của nhân viên tại Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long</p>	<p>Nguyễn Quốc Phước</p>	<p>PGS.TS.Trần Công Luận</p>	<p>Mục đích nghiên cứu này là nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng công việc của nhân viên Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long. Nghiên cứu được thực hiện với 290 mẫu quan sát, đối tượng chính của nghiên cứu là nhân viên Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long tại tỉnh Vĩnh Long. Phương pháp thu thập mẫu được sử dụng là phương pháp lấy mẫu xác suất, phân tầng ngẫu nhiên. Thang đo được xây dựng để đo lường cho các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng công việc của nhân viên Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long có 58 biến quan sát. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 8 nhân tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của nhân viên Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long đó là nhân tố bản chất công việc, nhân tố Quan hệ với lãnh đạo, nhân tố quan hệ với đồng nghiệp, nhân tố phương tiện</p>

					<p>làm việc, nhân tố sự tự chủ trong công việc, nhân tố đào tạo phát triển, nhân tố chế độ tiền lương, nhân tố phúc lợi. Có 2 nhân tố không ảnh hưởng đến mức độ hài lòng công việc của nhân viên Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long là nhân tố hiệu quả công việc và nhân tố truyền đạt thông tin. Trong đó, các nhân tố ảnh hưởng nhiều nhất đến hài lòng công việc của nhân viên Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long là nhân tố bản chất công việc, quan hệ với lãnh đạo, quan hệ với đồng nghiệp, phương tiện làm việc, sự tự chủ trong công việc.</p>
1419.	Thạc sĩ	<p>Giải pháp hoàn thiện việc đánh giá hiệu quả làm việc của công chức tại Ủy ban Nhân dân huyện Thới Lai - thành phố Cần Thơ giai đoạn 2015 - 2020</p>	Huỳnh Đức Quý	<p>HD2: TS. Trần Hữu Xinh HD1: PGS.TS. Đào Duy Huân</p>	<p>Giải pháp hoàn thiện việc đánh giá hiệu quả làm việc của công chức tại Ủy ban nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ đến năm 2020, có tính cấp thiết để nâng cao công tác đánh giá hiệu quả làm việc của công chức, hoàn thành được nhiệm vụ, mục tiêu mà chính quyền đề ra.</p> <p>Đề tài được thực hiện nhằm phân tích, đánh giá thực trạng của hoạt động đánh giá hiệu quả làm việc của công chức tại Ủy ban nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ. Qua đó, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao công tác đánh giá hiệu quả làm việc của công chức, góp phần đo lường chính xác mức độ cống hiến của công chức và phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm một cách chính xác nhất.</p> <p>Phương pháp nghiên cứu định tính, dựa trên kết quả tổng hợp 120 phiếu khảo sát công chức đang công tác tại các phòng, ban chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ. Kết quả nghiên cứu</p>

					<p>đạt được:</p> <p>Thứ nhất, đánh giá được thực trạng của hoạt động đánh giá hiệu quả làm việc của công chức tại Ủy ban nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ, những điểm mạnh, điểm yếu và những tồn tại, hạn chế.</p> <p>Thứ hai, đề xuất các giải pháp góp phần hoàn thiện công tác đánh giá hiệu quả làm việc của công chức tại Ủy ban nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ: Sử dụng KPI đánh giá thực hiện công việc; phân tích công việc và xác định tiêu chuẩn chức danh công chức; tăng tần suất đánh giá và kiểm soát chất lượng đánh giá hiệu quả làm việc; hoàn thiện quy trình đánh giá hiệu quả làm việc; xây dựng tiêu chuẩn đánh giá; giải pháp về trao đổi thông tin; giải pháp về đào tạo kỹ năng cho người đánh giá; giải pháp về phương pháp đánh giá; giải pháp về phản hồi đánh giá; giải pháp về sử dụng kết quả đánh giá và một số giải pháp khác...</p> <p>Thứ ba, kiến nghị đối với Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ và huyện Thới Lai.</p> <p>Cuối cùng là, nêu hạn chế đề tài là tác giả đã gặp một số khó khăn nhất định do các mô hình nghiên cứu theo lý thuyết thường được áp dụng cho loại hình doanh nghiệp, nay lại được tác giả áp dụng cho mô hình cơ quan hành chính Nhà nước; phương pháp nghiên cứu của đề tài chủ yếu là nghiên cứu định tính, chưa nghiên cứu định lượng</p>
1420.	Thạc sĩ	Nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua máy kéo thương hiệu John	Thân Minh Sơn	TS.Nguyễn Ngọc Minh	Việc nghiên cứu những nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng

		<p>Deere của nông dân tại một số tỉnh Đông Bằng Sông Cửu Long</p>		<p>của khách hàng giữ một vai trò rất quan trọng đối với các doanh nghiệp và tổ chức trong nỗ lực nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, để từ đó làm thỏa mãn nhu cầu khách hàng, nâng cao hiệu quả kinh doanh và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Đối với ngành kinh doanh máy nông nghiệp thì điều này càng trở nên có ý nghĩa hơn khi Chính phủ Việt Nam ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) và đang tập trung tái cơ cấu nền nông nghiệp, thực hiện cơ giới hóa và hiện đại hóa nông nghiệp. Thực tế cho thấy hiện tại có nhiều doanh nghiệp nước ngoài có tiềm lực tài chính lớn mạnh chuyển sang kinh doanh vào lĩnh vực máy nông nghiệp tại Việt Nam như Kubota, New holland, Yanmar, Iseki,... Nên doanh nghiệp nào hiệu được hành vi tiêu dùng của khách hàng mình, biết được những nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng, dành được mỗi quan tâm và sự trung thành của khách hàng thì doanh nghiệp đó sẽ thắng lợi và phát triển. Vì khi làm hài lòng khách hàng thì không những doanh nghiệp đó giữ được các khách hàng hiện tại, mà còn có thêm các khách hàng tiềm năng khác, bởi vì một khách hàng nếu hài lòng về doanh nghiệp nào đó sẽ kể cho nhiều người khác biết đến Công ty. Do đó, chiến lược kinh doanh hướng đến khách hàng đang trở thành chiến lược quan trọng hàng đầu của các doanh nghiệp. Đó là lý do tôi chọn đề tài:</p>
--	--	---	--	--

					“Nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua máy kéo thương hiệu John Deere của nông dân tại một số tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL)”.
1421.	Thạc sĩ	Giải pháp phát triển nguồn nhân lực tại trung tâm giống nông nghiệp tỉnh Hậu Giang đến năm 2020	Lê Đào Minh Tâm	TS. Nguyễn Tiến Dũng	<p>Mục tiêu chung của đề tài là nghiên cứu và làm sáng tỏ những lý luận cơ bản về phát triển nguồn nhân lực của các tổ chức, doanh nghiệp. Từ đó đề xuất hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực tại Trung tâm Giống Nông nghiệp tỉnh Hậu Giang đến năm 2020.</p> <p>Luận văn thuộc chuyên ngành quản trị kinh doanh nên phương pháp sử dụng chủ yếu là phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê các số liệu ảnh hưởng đến việc phát triển nguồn nhân lực và kết quả nhận định qua phỏng vấn của các chuyên gia, quản lý về phát triển nguồn nhân lực tại Trung tâm Giống, kết hợp với cơ sở lý luận về phát triển nguồn nhân lực chung của các tổ chức.</p> <p>Từ thực trạng về nguồn nhân lực, tác giả đề xuất phát triển nguồn nhân lực của Trung tâm. Tác giả đề xuất những hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực ở Trung tâm Giống nông nghiệp tỉnh Hậu Giang đáp ứng yêu cầu chuyển đổi sang hình thức công nghiệp và hội nhập kinh tế đến năm 2020.</p>
1422.	Thạc sĩ	"Giải pháp phát triển nguồn nhân lực tại Cục Hải quan thành phố Cần Thơ đến năm	Nguyễn Hoàng Thăng	TS. Nguyễn Ngọc Minh	Việt Nam hội nhập hoàn toàn vào nền kinh tế thế

		2020		<p>giới, các ngành khoa học - kỹ thuật phát triển nhanh chóng, xã hội loài người đang chuyển sang thời kỳ kinh tế tri thức. Đây vừa là thời cơ, cũng vừa là thách thức đối với các quốc gia, nhất là quốc gia đang phát triển lại vừa hội nhập như Việt Nam. Quốc gia nào ứng dụng được thành tựu khoa học kỹ thuật sẽ phát triển nhanh và ngược lại không những sẽ lâm vào tình trạng lạc hậu mà còn gây cản trở cho quá trình phát triển tự nhiên theo quy luật. Khoa học kỹ thuật phát triển nhanh chóng cũng đòi hỏi mỗi người lao động phải nâng cao tính chủ động sáng tạo, phải được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nâng cao trình độ học vấn và tay nghề, phải biết tiếp thu những tiến bộ kỹ thuật và biết vận dụng chúng vào công việc một cách có hiệu quả nhất.</p> <p>Ngành Hải quan là ngành có vị trí cực kỳ quan trọng trong nền hành chính công. Đây là ngành đảm bảo cho nguồn thu NSNN, đồng thời phải bảo đảm an ninh cho Quốc gia. Ngành Hải quan phát triển, đảm bảo cho NSNN có điều kiện để ổn định nguồn thu. Chính vì thế phát triển về số lượng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCC Ngành Hải quan có tầm quan trọng rất lớn.</p> <p>Xuất phát từ chỗ vai trò của Ngành Hải quan trong</p>
--	--	------	--	---

					<p>nên hành chính công, Nhà nước cần phải quan tâm phát triển nguồn nhân lực của ngành này đặc biệt là trong việc đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đãi ngộ và đề bạt cán bộ.</p> <p>Luận văn Phát triển nguồn nhân lực tại Cục Hải quan thành phố Cần Thơ đến năm 2020 góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn của Ngành Hải quan Việt Nam nói chung và Cục Hải quan thành phố Cần Thơ nói riêng về vai trò Nhà nước trong phát triển nguồn nhân lực Ngành Hải quan, chủ yếu trên những khía cạnh về vai trò Nhà nước trong việc xây dựng tổ chức, kế hoạch phát triển, công tác đào tạo bồi dưỡng và đánh giá đề bạt cán bộ công chức. Từ thực tiễn những năm qua, luận văn chỉ ra những thành tựu, tồn tại và nguyên nhân của tình trạng nguồn nhân lực Ngành Hải quan hiện nay.</p> <p>Trên cơ sở đó, luận văn đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm tăng cường vai trò Nhà nước trong việc đào tạo và đào tạo lại, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ, cũng như các biện pháp về hoàn thiện tổ chức, tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ lãnh đạo nhằm đảm bảo phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa Ngành Hải quan những năm tới nói chung và Cục Hải quan thành phố Cần Thơ nói riêng</p>
1423.	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của viên	Lưu Việt Thắng	HDI: TS. Trần Kiều Nga	Đề tài điều tra thực nghiệm từ ý kiến của 180 viên chức

		<p>chức tại Ủy ban Nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long</p>		<p>HD2: PGS.TS. Đào Duy Huân</p> <p>làm việc tại 13 đơn vị quản lý nhà nước, 9 đơn vị sự nghiệp, 8 Ủy ban nhân dân xã- phường trực thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.</p> <p>Khung lý thuyết do tác giả đề xuất dựa trên mô hình gốc Tháp nhu cầu của Maslow (1943) và mô hình Tháp nhu cầu của người Trung Quốc do Nevis đề xuất năm 1983, nhưng đã có sự điều chỉnh cho phù hợp với đối tượng nghiên cứu là viên chức và đặc trưng văn hóa tập thể tại Việt Nam. Phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng (gồm phân tích nhân tố và hồi quy tuyến tính đa biến) được sử dụng. Kết quả phân tích nhân tố cho thấy có 5 nhóm nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc (ĐLLV) gồm:</p> <p>“<i>Quan hệ xã hội</i>” (X1); “<i>Sự quan tâm và thừa nhận của lãnh đạo, đồng nghiệp</i>” (X2); “<i>Bản chất công việc</i>” (X3); “<i>Cơ hội học tập và thăng tiến</i>” (X4); “<i>Yếu tố vật chất</i>” (X5). Sau khi tiến hành phân tích hồi quy, biến X3 bị loại do không có ý nghĩa thống kê ở mức 5%. Các biến độc lập X5, X2, X4, X1 có hệ số beta chuẩn hóa lần lượt là 0.292, 0.261, 0.241, 0.104 cho thấy có tác động thuận chiều của biến độc lập đến biến phụ thuộc “<i>động lực làm việc</i>”, trong đó sự tác động mạnh nhất thuộc về biến X5 có hệ số beta chuẩn hóa cao nhất là 0.292. Dựa vào hệ số beta chuẩn hóa tác giả đề xuất một số hàm ý để gia tăng động lực làm việc của viên chức như sau:</p> <p><i>Thứ nhất - Bản chất công việc</i>: nên bố trí công việc hợp lý, tạo điều kiện cho viên</p>
--	--	--	--	--

				<p>n chức phá huỷ năng lực chuyên môn. Đê làm đư ợc điều này thì các đơn vị cần mạnh dạn huy ển đ ối từ mô hình chức nghi êpsang mô hình vi ệclàm, ủy ban nhân dân các cấp nên có chủ trương cho đơn vị trực thu ộc tự tổ chức lớp bồi dưỡng tư tưởng và đạo đức nghề nghiệp theo định kỳ nhằm giúp cho cán bộ nâng cao ý thức về trách nhiệm xã hội mà họ đang đảm nhận.</p> <p><i>Thứ hai - Sự quan tâm, khích lệ và thừa nhận của lãnh đạo, đồng nghiệp:</i> cơ quan cần quan tâm nhiều hơn đ ối với các chính sách dành cho nhân viên như: giải quyết chế độ ốm đau, thai sản, ngoài sử dụng ngân sách chi theo quy định hiện hành thì cơ quan nên sử dụng thêm nguồn quỹ đóng góp của các thành viên trong cơ quan, quỹ công đoàn,... nhằm thể hiện sự quan tâm, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau; ngoài ra cần phát huy đúng mức vai trò của công đoàn trong việc bảo vệ quyền lợi người lao động; ủy ban nhân dân có thẩm quyền nên kết hợp với các Học viện, trường Đại học tổ chức lớp bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo và quản lý công cho nhóm cán bộ lãnh đạo và cán bộ trẻ trong quy hoạch cán bộ nguồn; nâng cao kỹ năng làm việc nhóm đồng thời nên xây dựng bộ tiêu chí văn hóa công sở.</p> <p><i>Thứ ba - Cơ hội học tập và thăng tiến:</i> lãnh đạo đơn vị nên mạnh dạn thay đổi tư duy quản lý nhân sự dựa trên hiệu suất làm việc thay vì chỉ quan tâm đến thời gian lao động như hiện nay;</p>
--	--	--	--	--

					<p>tạo điều kiện cho viên chức được tham gia học tập góp phần thúc đẩy viên chức đóng góp nhiều hơn nữa; việc đề bạt, bổ nhiệm cán bộ ngoài dựa vào bảng cá phay thâm niên cần dựa vào các thành tích, sáng kiến trong công việc và ý kiến tín nhiệm của tập thể.</p> <p><i>Thứ tư - Quan hệ xã hội:</i> xây dựng văn hóa tổ chức có thể được xem xét như một giải pháp giúp các nhân viên gắn bó với nhau hơn. Đồng thời, trong cơ quan nên hình thành các nhóm làm việc và trao phần thưởng cho nhóm có thành tích cao nhằm khuyến khích tinh thần hợp tác giữa các viên chức.</p>
1424.	Thạc sĩ	Hoạch định chiến lược phát triển Công ty cổ phần Đầu tư CADIF giai đoạn 2017 - 2020	Lê Thị Thảo	TS.Nguyễn Văn Hồng	<p>Công ty Cổ phần Đầu tư CADIF tuy ra đời đã lâu nhưng vẫn chưa có chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn, toàn diện hoạt động của Công ty để đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới. Nhìn thấy được vai trò quan trọng cũng như định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Đầu tư CADIF trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Cần Thơ, từ đó lựa chọn đề tài "<i>Hoạch định chiến lược phát triển Công ty cổ phần Đầu tư CADIF giai đoạn 2017 - 2020</i>" làm đối tượng nghiên cứu.</p>
1425.	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của nhân viên với tổ chức tại ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển chi nhánh Tây Nam	Huỳnh Thị Hồng Thoa	GS.TS.Võ Thị Gương	<p>Nguồn nhân lực là tài sản quan trọng trong một tổ chức và góp phần tạo nên sự vững mạnh cho tổ chức, vì vậy việc giữ chân nguồn nhân lực đóng vai trò rất quan trọng. Đề tài được thực hiện nhằm phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của nhân viên tại BIDV chi nhánh Tây Nam, qua đó đề xuất một số hàm ý</p>

				<p>quản trị để nâng cao sự gắn kết của nhân viên với ngân hàng. Khảo sát được thực hiện qua phỏng vấn 186 người (94 nam và 92 nữ) đang làm việc tại BIDV chi nhánh Tây Nam. Phương pháp xử lý số liệu được sử dụng bao gồm: thống kê mô tả, phân tích nhân tố khám phá EFA, phân tích hồi quy tuyến tính đa biến, kiểm định t-test và phân tích phương sai ANOVA với sự hỗ trợ của phần mềm SPSS 20. Kết quả nghiên cứu cho thấy có sáu yếu tố quản trị nguồn nhân lực có tác động hiệu quả và giải thích được 82,2% sự gắn kết của nhân viên đối với ngân hàng. Các nhân tố tác động quan trọng theo thứ tự giảm dần bao gồm: “Phân tích công việc”; “Đánh giá tuyển dụng”; “Hoạch định và phát triển nhân viên”; “Trà công lao động”; “Đào tạo và phát triển nhân viên”; “Đánh giá kết quả làm việc”. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy: (i) Có sự khác biệt về mức độ gắn kết của nhân viên đối với ngân hàng theo các nhóm tuổi khác nhau; (ii) Không có sự khác biệt về mức độ gắn kết của nhân viên đối với doanh nghiệp theo giới tính, trình độ học vấn, thâm niên công tác. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu của đề tài, tác giả đề xuất một số hàm ý quản trị nhằm nâng cao tính gắn kết của nhân viên với ngân hàng. Các hàm ý quản trị bao gồm: (i) Nâng cao chất lượng công tác hoạch định và phát triển nguồn nhân lực; (ii) Nâng cao chất lượng phân tích công việc; (iii) Nâng cao công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; (iv) Hoàn thiện công tác tuyển dụng; (v) Thực hiện chế độ trả lương, thưởng phạt, trợ cấp cho cán bộ nhân viên</p>
--	--	--	--	--

					<p>một cách hợp lý và (vi) Nâng cao hiệu quả công tác đánh giá chất lượng lao động.</p>
1426.	Thạc sĩ	<p>Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn laptop của sinh viên tại thành phố Cần Thơ</p>	<p>Nguyễn Du Tiên</p>	<p>PGS.TS.Võ Khắc Thường</p>	<p>Mục đích chính của nghiên cứu này là phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn laptop của sinh viên tại thành phố Cần Thơ. Số liệu sử dụng cho nghiên cứu này được thu thập bằng một cuộc điều tra bằng bảng câu hỏi với số người được khảo sát là 140 người. Các phương pháp được sử dụng trong đề tài bao gồm: phương pháp thống kê mô tả, hệ số Cronbach Alpha, phương pháp phân tích nhân tố khám phá EFA, phân tích hồi quy đa biến.</p> <p>Kết quả cho thấy có 7 yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn laptop của sinh viên tại thành phố Cần Thơ: (1) Giá và thương hiệu, (2) Thông số kỹ thuật, (3) Thiết kế, (4), Địa điểm mua hàng, (5) Bảo hành, (6) Yếu tố tâm lý và cá nhân và (7) Yếu tố xã hội. Kết quả nghiên cứu này hi vọng sẽ giúp cho các nhà phân phối, các cửa hàng bán laptop có thể đưa ra những giải pháp kinh doanh hữu hiệu đối với nhóm khách hàng là sinh viên</p>
1427.	Thạc sĩ	<p>Giải pháp nâng cao động lực làm việc đối với công chức tại Kiểm toán nhà nước khu vực V</p>	<p>Giảng Thanh Tiên</p>	<p>TS.Trần Kiều Nga - PGS.TS.Đào Duy Huân</p>	<p>Kiểm toán nhà nước (KTNN) khu vực V là đơn vị trực thuộc KTNN Việt Nam, có chức năng giúp Tổng KTNN tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán hoạt động trong việc quản lý, sử dụng ngân sách, tiền và tài sản nhà nước đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Vì vậy, đội ngũ công chức là nhân tố quyết định hiệu quả, hiệu lực hoạt động của KTNN, họ là những người trực tiếp góp phần vào việc đạt được mục tiêu, kế hoạch của KTNN đưa ra. Cho nên, việc phân tích thực trạng nguồn nhân lực để</p>

				<p>có giải pháp nâng cao động lực làm việc của đội ngũ công chức có vai trò hết sức quan trọng. Vì vậy, tác giả đã chọn đề tài: "Giải pháp nâng cao động lực làm việc đối với công chức tại Kiểm toán nhà nước khu vực V" làm đề tài nghiên cứu.</p> <p>Nghiên cứu sử dụng các phương pháp tổng hợp, so sánh, phân tích số liệu thu thập được từ cuộc điều tra qua bảng câu hỏi, nhằm đánh giá thực trạng động lực làm việc và đưa ra các giải pháp nâng cao động lực làm việc của công chức tại KTNN khu vực V.</p> <p>Nghiên cứu đã phân tích thực trạng động lực làm việc của công chức theo tháp nhu cầu của Maslow. Bên cạnh đó, nghiên cứu phân tích thực trạng động lực làm việc của công chức KTNN khu vực V theo các yếu tố DUY TRÌ của Herzberg. Thêm vào đó, đề tài phân tích thực trạng động lực làm việc của công chức KTNN khu vực V theo các yếu tố ĐỘNG VIÊN của Herzberg.</p> <p>Đề tài đã tiến hành phân tích thực trạng về động lực làm việc của của công chức, nhằm làm cơ sở khoa học và định hướng phát triển nguồn nhân lực Kiểm toán nhà nước trong thời gian tới. Từ đó, nghiên cứu đưa ra một số giải pháp giúp nâng cao động lực làm việc cho công chức Kiểm toán nhà nước khu vực V. Cụ thể là, giải pháp về việc đảm bảo một hệ thống tiền lương khoa học, hợp lý; đảm bảo phân công công việc phù hợp với khả năng, năng lực và sở trường của công chức; xác định rõ ràng mục tiêu cần đạt được của từng cá nhân công</p>
--	--	--	--	---

					chức; tạo cơ hội thăng tiến cho công chức; xây dựng môi trường làm việc hiệu quả; công nhận những đóng góp của cấp dưới. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đã đề xuất ra một số kiến nghị và gợi ý một số chính sách giúp cho Kiểm toán nhà nước khu vực V.
1428.	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng sự hài lòng của sinh viên về chất lượng dịch vụ đào tạo tại khoa Dược - Điều dưỡng, Trường đại học Tây Đô	Lâm Văn Tiên	TS.Nguyễn Phước Quý Quang	<p>Mục tiêu chính của đề tài là phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của sinh viên đang học tại Khoa Dược – Điều dưỡng, Trường Đại học Tây Đô, từ mô hình Ingenuity Pathway Analysis (IPA), nghiên cứu đề xuất các giải pháp nâng cao mức độ hài lòng của sinh viên đang học tại Khoa Dược – Điều dưỡng, Trường Đại học Tây Đô.</p> <p>Đề tài đã tiến hành kiểm định độ tin cậy của thang đo với 45 biến quan sát. Sau khi loại bỏ các biến không có ý nghĩa, nghiên cứu tiến hành phân tích nhân tố để tìm ra các nhân tố... và hiệu chỉnh mô hình nghiên cứu cho phù hợp. Từ đó, tác giả tiến hành kiểm định One sample T-test các tiêu chí trong từng nhóm nhân tố để đánh giá chất lượng dịch vụ và mức độ hài lòng của sinh viên đối với từng nhóm nhân tố. Sau đó, tiến hành phân tích hồi quy đa biến nhằm xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến mức độ hài lòng của sinh viên.</p> <p>Kết quả nghiên cứu cho thấy có 7 nhân tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của sinh viên là: Chương trình đào tạo (CTĐT); Học phí (HP); Sự nhiệt tình của cán bộ, nhân viên (CBNV); Hỗ trợ sinh viên (HT); Cơ sở vật chất (VC); Năng lực giảng dạy của giảng viên (NLGV); Khả năng thực hiện cam kết (CK). Trong đó, Cơ sở vật chất và Chương trình đào tạo có ảnh hưởng mạnh nhất đến mức độ hài lòng.</p> <p>Dựa vào các kết quả phân tích trên kết hợp mô hình IPA, tác giả đề xuất những giải</p>

					pháp nhằm nâng cao mức độ hài lòng của sinh viên đang học tại Khoa Dược – Điều dưỡng, Trường Đại học Tây Đô đối với từng nhóm nhân tố cụ thể.
1429.	Thạc sĩ	Hoàn thiện chất lượng Đào tạo nguồn nhân lực nghề tại thành phố Cần Thơ đến năm 2020	Nguyễn Văn Toàn	PGS.TS.Đào Duy Huân	<p>Hướng phát triển đào tạo nghề với mục tiêu đáp ứng nhu cầu của xã hội mà trước hết là nhu cầu của doanh nghiệp, đối tượng có nhu cầu lớn nhất về nguồn nhân lực qua đào tạo; hay nói cách khác chúng ta phải chuyển từ việc đào tạo những nghề mình đang có sang việc đào tạo những nghề mà doanh nghiệp đang cần với việc quản lý chất lượng đào tạo mang tính khoa học là rất cần thiết. Vì vậy, việc đào tạo nguồn nhân lực nghề có chất lượng tạo ra bước đệm giúp TP. Thơ nhanh chóng giải quyết vấn đề nguồn nhân lực hiện tại. Do đó, tác giả chọn đề tài “<i>Hoàn thiện chất lượng đào tạo nguồn nhân lực nghề tại thành phố Cần Thơ đến năm 2020</i>” để nghiên cứu.</p> <p>Nghiên cứu sử dụng phương pháp tham khảo ý kiến của các chuyên gia trong ngành và phương pháp phân tích tổng hợp để phân tích thực trạng chất lượng đào tạo nghề, nhằm đưa ra các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề.</p> <p>Nghiên cứu đã tiến hành phân tích thực trạng chất lượng đào tạo nguồn nhân lực nghề tại TP. Cần Thơ. Cụ thể hơn, phân tích thực trạng về hoạt động giảng dạy của giáo viên, thực trạng về hoạt động học tập của học viên, thực trạng về hoạt động quản lý và hỗ trợ đào tạo</p>

					<p>và đánh giá chất lượng quá trình đào tạo.</p> <p>Đề tài đã tiến hành phân tích thực trạng về chất lượng đào tạo nguồn nhân lực nghề tại TP. Cần Thơ. Từ đó, nghiên cứu đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện chất lượng đào tạo nguồn nhân lực nghề tại thành phố Cần Thơ đến năm 2020. Cụ thể, giải pháp về quy hoạch phát triển mạng lưới các CSDN, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên dạy nghề, đổi mới nội dung và chương trình dạy nghề, tăng cường quản lý quá trình giảng dạy của giáo viên, giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy, tăng cường công tác kiểm định chất lượng dạy nghề, nhân rộng mô hình đào tạo nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn gắn với giải quyết việc làm tại chỗ và tiếp tục thực hiện mô hình dạy nghề giai đoạn 2016-2010. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đã đề xuất ra một số kiến nghị và gợi ý một số chính sách giúp thực hiện tốt các giải pháp và hoàn thiện chất lượng đào tạo nghề tại thành phố Cần Thơ đến năm 2020.</p>
1430.	Thạc sĩ	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ tại hệ thống cửa hàng bán lẻ thuộc chi nhánh xăng dầu Hậu Giang	Huỳnh Ánh Toàn	PGS.TS.Lưu Thanh Đức Hải	<p>Hiện nay, kênh bán lẻ xăng dầu của hệ thống xăng dầu Petrolimex đã được khách hàng quan tâm nhiều hơn vì uy tín, thương hiệu và chất lượng của sản phẩm tại các cửa hàng xăng dầu thuộc hệ thống xăng dầu Petrolimex mang đến cho khách hàng. Thực tế kinh doanh trong cơ chế thị trường đã chứng tỏ thị trường hay nói rộng hơn là môi trường kinh doanh luôn vận động, biến đổi phá vỡ sự cứng nhắc của các kế hoạch ngắn hạn cũng như</p>

				<p>dài hạn của các doanh nghiệp. Trên tình hình cạnh tranh giữa các đối thủ tham gia kinh doanh xăng dầu diễn ra rất gay gắt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Do vậy, đề tài “<i>Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ tại hệ thống cửa hàng bán lẻ thuộc Chi nhánh xăng dầu Hậu Giang</i>” để xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến chất lượng dịch vụ tại cửa hàng và đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ tại hệ thống cửa hàng bán lẻ thuộc Chi nhánh xăng dầu Hậu Giang.</p> <p>Dựa vào những mô hình nghiên cứu về đánh giá chất lượng dịch vụ như: Mô hình chất lượng dịch vụ của Gronröos, Mô hình 5 thành phần chất lượng dịch vụ (Parasuraman & Berry, 1991), Mô hình SERVPERF (Cronin & Taylor, 1992), kết hợp một số nghiên cứu thực tiễn tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu phù hợp. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ 190 quan sát thông qua phương pháp chọn mẫu thuận tiện, phân tích thống kê mô tả, sử dụng kiểm tra độ tin cậy bằng thang đo Cronbach's alpha và phân tích nhân tố khám phá, phân tích hồi quy tuyến tính bội, phân tích mối quan hệ tương quan, phân tích giá trị trung bình và độ lệch chuẩn.</p> <p>Kết quả cho thấy các nhân tố tác động đến sự hài lòng của khách hàng là An toàn cửa hàng đóng góp 64,10%, Thái độ nhân viên đóng góp 47,90%, Giá cả hàng hóa đóng góp 25,70%, Chất lượng hàng hóa đóng góp 18,60% và Cơ sở vật chất</p>
--	--	--	--	--

					đóng góp 15,80%, Dịch vụ hỗ trợ đóng góp 15,40%. Hải lòng chung là 84,50%. Từ kết quả nghiên cứu tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ tại hệ thống cửa hàng bán lẻ thuộc Chi nhánh xăng dầu Hậu Giang.
1431.	Thạc sĩ	Hoạch định chiến lược kinh doanh cho Công ty cổ phần Bến xe tàu phà Cần Thơ đến năm 2020	Nguyễn Quốc Toàn	PGS.TS.Lê Nguyễn Đoàn Khôi	<p>Đề tài nghiên cứu “<i>Hoạch định chiến lược kinh doanh cho Công ty Cổ phần Bến xe tàu phà Cần Thơ đến năm 2020</i>” được tiến hành tại thành phố Cần Thơ trong 06 tháng, từ tháng 10 năm 2016 đến tháng 3 năm 2017. Đề tài thực hiện với mục đích chính là hoạch định chiến lược kinh doanh cho Công ty Cổ phần Bến xe tàu phà Cần Thơ đến năm 2020 trên cơ sở phân tích và đánh giá thực trạng môi trường kinh doanh của Công ty tại thành phố Cần Thơ trong thời gian qua đồng thời tìm ra giải pháp thực hiện.</p> <p>Để thực hiện đề tài, tác giả đưa ra lý do chọn đề tài, mục tiêu nghiên cứu, phạm vi, giới hạn nghiên cứu và nội dung chính một số tài liệu tham khảo mà tác giả sử dụng để hình thành đề tài nghiên cứu của mình. Tiếp theo đề tài nghiên cứu trên cơ sở lý thuyết về hoạch định chiến lược, các phương pháp thu thập số liệu thứ cấp và số liệu sơ cấp. Số liệu thứ cấp được thu thập tại Công ty Cổ phần Bến xe tàu phà Cần Thơ, số liệu sơ cấp được thu thập thông qua bảng câu hỏi phỏng vấn 10 chuyên gia giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô từ đó phân tích và đánh giá số liệu thu thập được cũng như các nhân tố môi trường bên trong, môi trường bên ngoài</p>

				<p>ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh vận tải. Đi vào nội dung chính của đề tài nghiên cứu, tác giả tập trung phân tích thực trạng môi trường hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ vận tải của Công ty trong thời gian qua tại thành phố Cần Thơ. Dựa vào những số liệu phân tích đó, đề tài nghiên cứu hoạt động kinh doanh của môi trường bên trong từ đó đưa ra những điểm mạnh, điểm yếu để hình thành ma trận phân tích nội bộ (IFE) đồng thời qua nghiên cứu môi trường bên ngoài, đề tài nhận biết được những cơ hội và thách thức đối với hoạt động kinh doanh vận tải của Công ty, từ đó hình thành ma trận hình ảnh cạnh tranh và ma trận phân tích đánh giá các yếu tố bên ngoài (EFE). Trên cơ sở phân tích các ma trận (IFE), (EFE) và ma trận hình ảnh cạnh tranh, đề tài hình thành ma trận SWOT (điểm mạnh – điểm yếu – cơ hội – nguy cơ) và một số phương án khả thi cho chiến lược kinh doanh mà Công ty có thể lựa chọn để áp dụng thuộc các nhóm chiến lược SO, ST, WO, WT. Sau đó thông qua ma trận hoạch định chiến lược có thể định lượng (QSPM) cho từ nhóm chiến lược nêu trên, đề tài sẽ hình thành những chiến lược phát triển kinh doanh cho Công ty đến năm 2020 và những chiến lược dự phòng thay thế. Kết quả nghiên cứu cho thấy, Công ty qua 03 năm hoạt động (2014 – 2016) đã có những dấu hiệu tích cực và kết quả phân tích được từ ma trận QSPM cho thấy những chiến lược có mức độ hấp dẫn cao mà Công ty nên lựa chọn thực hiện. Cuối cùng dựa trên những chiến lược đã lựa chọn</p>
--	--	--	--	--

					<p>để đưa ra những giải pháp hiệu quả nhất nhằm giúp Công ty Cổ phần Bến xe tàu phà Cần Thơ thực hiện các chiến lược đó.</p>
1432.	Thạc sĩ	<p>Đánh giá sự hài lòng của sinh viên về chất lượng dịch vụ thư viện Trường Đại học Bạc Liêu</p>	<p>Nguyễn Thanh Tông</p>	<p>TS.Võ Hoàng Khiêm</p>	<p>Bên cạnh đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất, hệ thống thư viện tại các trường đại học, cao đẳng cũng có tầm quan trọng không kém. Để học tốt theo hình thức tín chỉ, thì nguồn tài liệu tham khảo dồi dào của thư viện trong đó có cả tài liệu số sẽ tạo điều kiện cho sinh viên tiếp thu tốt kiến thức trên lớp. Do vậy, đề tài Đánh giá sự hài lòng của sinh viên về chất lượng dịch vụ Thư viện Trường Đại học Bạc Liêu, để xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến chất lượng dịch vụ thư viện và đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ Thư viện Trường Đại học Bạc Liêu.</p> <p>Mô hình nghiên cứu dựa trên nền tảng lý thuyết thang đo SERVQUAL thể hiện qua sáu nhân tố: Phương tiện hữu hình, Tin cậy, Đáp ứng, Năng lực phục vụ, Đồng cảm và Thư viện số. Số liệu nghiên cứu chính thức được thu thập bằng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng với tiêu chí phân tầng theo khoa. Có 200 phiếu là phù hợp để phân tích hồi quy đa biến để xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến chất lượng dịch vụ thư viện và để phân tích mức độ hài lòng của sinh viên đối với chất lượng dịch vụ thư viện của trường</p> <p>Kết quả cho thấy mức độ hài lòng của sinh viên cao nhất về Phục vụ, tiếp theo là Thư viện số, Phương tiện hữu hình và Đồng cảm. Nghiên</p>

					<p>cứ chi ra rằng, nhân viên phục vụ nhiệt tình, có quan tâm giúp đỡ sinh viên trong quá trình phục vụ nhưng sinh viên vẫn chưa hài lòng cao. Do đó, ngoài việc trang bị cơ sở vật chất, quản lý thư viện cần phải quan tâm đầu tư nhiều hơn về Thư viện số, vì đây là nguồn tài liệu học tập, tham khảo rất tiện lợi, hữu dụng cho sinh viên trong môi trường học tập hiện nay. Nhân viên thư viện cũng cần không ngừng nâng cao kỹ năng, phong cách phục vụ chuyên nghiệp nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người học. Có như vậy, vai trò của thư viện mới thật sự phát huy tốt, bởi vì thư viện không chỉ là nơi cung cấp nguồn thông tin mà còn có vai trò quan trọng là cầu nối tri thức trong quá trình học tập, tiếp thu kiến thức của sinh viên.</p>
1433.	Thạc sĩ	<p>Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng về chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh tại bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ</p>	Võ Bá Tông	PGS.TS.Lê Nguyễn Đoàn Khôi	<p>Nghiên cứu này nhằm mục tiêu phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của bệnh nhân khám chữa bệnh tại phòng khám Đa khoa Huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Cần Thơ. Số liệu trong nghiên cứu được thu thập từ kết quả khảo sát trực tiếp từ 180 bệnh nhân. Số liệu được xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS, kiểm định thang đo bằng hệ số Cronbach Alpha, mô hình phân tích nhân tố khám phá (EFA) và mô hình hồi quy tuyến tính đa biến. Sau khi phân tích nhân tố khám phá, có thể sử dụng 6 nhóm nhân tố bao gồm 26 quan sát để thực hiện phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng trong công việc của</p>

					giảng viên thông qua phân tích mô hình hồi quy tuyến tính đa biến. Kết quả phân tích cho thấy các nhân tố tác động tích cực đến mức độ hài lòng của bệnh nhân về chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh trong gồm 05 nhân tố: Sự quan tâm phục vụ bệnh nhân, Sự đồng cảm, Thủ tục khám chữa bệnh, thời gian khám chữa bệnh, và đội ngũ nhân viên.
1434.	Thạc sĩ	Hoạch định chiến lược kinh doanh cho công ty cổ phần chế biến Thủy Sản Long Phú đến năm 2020	Đặng Ngọc Thu Trang	TS.Nguyễn Văn Hồng	<p>Ngành thủy sản đã trở thành một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của Việt Nam, có tốc độ tăng trưởng cao, có tỷ trọng trong GDP ngày càng lớn và chiếm một vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Trong đó, nuôi và chế biến xuất khẩu các sản phẩm từ cá tra là ngành kinh tế mũi nhọn của ĐBSCL, với điều kiện tự nhiên ưu đãi về mặt nước, khí hậu và lợi nhuận mang lại rất lớn, nuôi và chế biến xuất khẩu các sản phẩm từ cá tra phát triển mạnh ở các tỉnh vùng ĐBSCL. Thuận lợi từ nguồn nguyên liệu cá tra dồi dào, nhiều doanh nghiệp tại ĐBSCL đã đầu tư tham gia vào ngành chế biến này và dần dần làm tăng tính cạnh tranh giữa các doanh nghiệp lên cao.</p> <p>Đề tài “Hoạch định chiến lược kinh doanh cho Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Long Phú đến năm 2020” được thực hiện nhằm để phân tích đánh giá thực trạng của ngành chế biến cá tra xuất khẩu, tiềm năng, lợi thế của ngành đến năm 2020, phân tích các điểm mạnh, điểm yếu của Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Long Phú và đề ra chiến lược đúng đắn cho Công ty trong giai đoạn tới.</p>

					<p>Để thực hiện được đề tài này, tác giả đã thu thập số liệu từ nhiều nguồn khác nhau từ năm 2012 đến 2016, tham khảo và xin ý kiến một số lãnh đạo chủ chốt trong Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Long Phú, với phương pháp nghiên cứu phỏng vấn các chuyên gia là những người nhiều năm kinh nghiệm trong ngành, các đối thủ cạnh tranh với Công ty, nhà quản lý, những đối tượng hiểu rõ về Công ty để từ đó tìm ra được những thuận lợi, khó khăn, cơ hội và thách thức cho Công ty khi gia nhập ngành chế biến xuất khẩu cá tra.</p> <p>Tác giả sử dụng ma trận IFE, ma trận EFE, mô hình 05 lực lượng cạnh tranh của Michael Porter, ma trận hình ảnh cạnh tranh, ma trận SWOT và ma trận QSPM để hình thành chiến lược và lựa chọn chiến lược. Kết quả tác giả đã chọn lựa được 04 chiến lược kinh doanh là chiến lược phát triển sản phẩm, chiến lược hội nhập về phía trước, chiến lược sắp xếp lại tổ chức và nhân sự, chiến lược Marketing. Đồng thời, tác giả cũng đưa ra một số giải pháp để thực hiện các chiến lược được lựa chọn.</p>
1435.	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ thỏa mãn công việc của người lao động tại công ty Nhiệt điện Cần Thơ	Phạm Minh Trí	PGS.TS.Phan Văn Thơm	<p>Nghiên cứu “Đánh giá mức độ thỏa mãn công việc của người lao động tại Công ty Nhiệt điện Cần Thơ” được thực hiện thông qua Bảng câu hỏi khảo sát 289 người lao động đang làm việc tại Công ty Nhiệt điện Cần Thơ. Mục đích của nghiên cứu này là nhằm đánh giá mức độ thỏa mãn công việc và qua đó xác định các nhân tố ảnh hưởng đến sự thỏa mãn công việc của người lao động tại Công ty Nhiệt điện Cần Thơ (CTTP).</p>

					<p>Phương pháp thống kê mô tả, phương pháp đánh giá độ tin cậy thang đo Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố khám phá (EFA) được sử dụng để sàng lọc và rút trích các nhân tố đạt yêu cầu. Kết quả phân tích hồi quy đa biến cho thấy có 5 nhân tố ảnh hưởng đến mức độ thỏa mãn công việc của người lao động bao gồm: "Phương thức lãnh đạo", "Thu nhập", "Quan hệ đồng nghiệp", "Bản chất công việc", "Phúc lợi". Trong đó, các nhân tố như "Phương thức lãnh đạo", "Phúc lợi", "Bản chất công việc" có ảnh hưởng mạnh nhất đến sự thỏa mãn công việc của người lao động. Ngoài ra, nghiên cứu cũng đã kiểm định sự khác biệt trung bình hai mẫu độc lập về mức độ thỏa mãn đối với từng nhân tố theo đặc điểm cá nhân bằng phương pháp kiểm định t và phân tích phương sai một yếu tố (ANOVA). Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, một số giải pháp được đề xuất nhằm hoàn thiện và nâng cao sự thỏa mãn công việc của người lao động tại Công ty Nhiệt điện Cần Thơ.</p>
1436.	Thạc sĩ	Giải pháp nâng cao năng lực quản lý của giám đốc doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh An Giang	Đỗ Minh Trí	PGS.TS. Nguyễn Tri Khiêm	Giải pháp nâng cao năng lực quản lý của giám đốc doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh An Giang
1437.	Thạc sĩ	Hoàn thiện Marketing 7P của Vinaphone trên địa bàn thành phố Cần Thơ	Hồ Văn Tuấn	HD1.PGS.TS. Đào Duy Huân- HD2.TS. Trần Thị Kiều Trang	Tại địa bàn tỉnh Cần Thơ, mạng Vinaphone ra đời sớm nhất (1996) so với các nhà mạng cung cấp dịch vụ thông tin di động, thế nhưng hiện nay thị phần chỉ đứng thứ ba của các nhà mạng. Viettel:34,67%; Mobifone:32,42%; Vinaphone: 29,84%; Vietnamobile: 2,39%; Gmobile: 0,68%. [12] Xét về

					<p>qui mô và khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng cho khách hàng trên địa bàn, Vinaphone không thua kém các nhà mạng khác. Đã có nhiều giải pháp hoạt động marketing kinh doanh do Tập đoàn Bưu Chính Viễn Thông Việt Nam xây dựng chung cho các đơn vị thành viên trực thuộc. Thế nhưng do cơ chế, do vận hành bộ máy tổ chức tại VNPT Cần Thơ chưa áp dụng phù hợp với năng lực hiện tại, chỉ triển khai rập khuôn, bao quát bề rộng mà chưa đi vào chiều sâu, chưa có những đề xuất giải pháp kinh doanh phù hợp tại địa phương. Vì thế cần đẩy mạnh giải pháp hoạt động marketing của Vinaphone trên địa bàn tỉnh Cần Thơ hiện nay là rất cần thiết.</p> <p>Với nhận thức kính nghiệm tích lũy của bản thân, tác giả chọn đề tài “ Giải pháp hoàn thiện marketing 7P của Vinaphone trên địa bàn tỉnh Cần Thơ đến năm 2020” để làm đề tài nghiên cứu cho luận văn thạc sĩ ngành quản trị kinh doanh.</p>
1438.	Thạc sĩ	Sử dụng mô hình IPA đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp điện tại công ty Điện lực TP Cần Thơ	Phan Hữu Tùng	PGS.TS.Lưu Thanh Đức Hải	Sử dụng mô hình IPA đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp điện tại công ty Điện lực TP Cần Thơ
1439.	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của công nhân tại công ty trách nhiệm hữu hạn Lạc Ty II tỉnh Hậu Giang	Phạm Ngọc Vinh	PGS.TS.Đào Duy Huân	Nghiên cứu này được thực hiện nhằm để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của công nhân và được xây dựng dựa trên tham khảo các quan điểm, học thuyết về động lực làm việc của công nhân và kết quả tổng

				<p>hợp nghiên cứu trong và ngoài nước. Nghiên cứu được sử dụng là phương pháp định tính và phương pháp định lượng. Phương pháp định tính sử dụng kỹ thuật phỏng vấn tay đôi và thảo luận nhóm để hoàn chỉnh mô hình và thang đo. Phương pháp định lượng thực hiện bằng việc phân tích dữ liệu thu thập từ bảng câu hỏi soạn sẵn. Mẫu được lấy theo phương pháp lấy mẫu tỷ lệ phi xác suất bằng phỏng vấn trực tiếp thông qua bảng câu hỏi soạn sẵn với số đáp viên là 272 người. Phần mềm SPSS 20.0 được sử dụng để đánh giá độ tin cậy thang đo Cronbach's Anpha, phân tích nhân tố khám phá EFA, kiểm định tương quan Pearson, phân tích hồi quy, kiểm định sự khác biệt T-test, Oneway Anova. Đề tài đạt Kết quả nghiên cứu sau:</p> <p>Một là: Nghiên cứu đã chỉ ra rằng đối với động lực thúc đẩy người lao động làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Lạc Tỷ II - tỉnh Hậu giang thì nhân tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến họ là nhân tố tiền lương với hệ số beta là 0.325. Tuy nhiên mức độ đánh giá của người lao động về nhân tố này ở mức thấp nhất trong các nhân tố. Do đây là nhân tố quan trọng nhất nên công ty cần chú trọng quan tâm cho nhân tố này để nâng cao hơn nữa sự tác động của động cơ làm việc đến công nhân của mình.</p> <p>Hai là: Phúc lợi là yếu tố ảnh hưởng thứ hai đến động lực làm việc của Công nhân với hệ số beta chuẩn hóa là</p>
--	--	--	--	--

				<p>0,294. Do đó, phúc lợi cũng cần được nhà quản trị công ty quan tâm để nâng cao động lực làm việc của công nhân.</p> <p>Ba là: Yếu tố Mọi quan hệ với cấp trên có ảnh hưởng thứ ba đến động lực làm việc của công nhân với hệ số beta là 0,176.</p> <p>Bốn là: Yếu tố cân bằng cuộc sống và công việc có mức tác động thứ năm đến động lực làm việc của công nhân với hệ số beta là 0.167. Mất công bằng cuộc sống và công việc là một hiện tượng xã hội mà công nhân là đối tượng dễ mắc phải nhất khi mà mức lương thấp trong khi thời gian làm việc là quá nhiều.</p> <p>Năm là: Yếu tố “Điều kiện làm việc” là yếu tố có tác động đến động lực làm việc của công nhân với hệ số beta là 0.145.</p> <p>Sáu là: Yếu tố “Cảm nhận vai trò cá nhân trong công việc” có tác động đến động lực làm việc của công nhân với hệ số beta là 0.113.</p> <p>Bảy là: Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng yếu tố công nhận thành tích tác động đến động lực làm việc của công nhân với hệ số beta là 0.083.</p> <p>Tám là: Mọi quan hệ với đồng nghiệp có ảnh hưởng đến động lực làm việc của công nhân với hệ số beta là 0.081. Trong môi trường lao động phân xưởng có đông công nhân, sự tương tác giữa công nhân với nhau tạo nên những mối quan hệ mà tình trạng của những mối quan hệ đó có thể ảnh hưởng đến động lực làm việc của công nhân.</p> <p>Chín là: Kết quả kiểm định</p>
--	--	--	--	---

					<p>sự khác biệt cho kết quả người đã kết hôn có động lực làm việc hơn những người đã có gia đình. Điều này được lý giải khi những người đã lập gia đình thì trách nhiệm kiếm thu nhập cho gia đình nên động lực làm việc vì thu nhập cũng cao hơn. Đồng thời những người này thông thường đã có tuổi nghề nhất định. Giải pháp cho nhà quản trị dành cho nhóm người đã kết hôn là phải duy trì động lực cho họ bằng cách có khoản phụ cấp thai sản, nuôi con nhỏ, các phần thưởng cho con công nhân có thành tích học tập, thời gian làm việc linh hoạt hơn.</p> <p>Mười là: Bên cạnh đó nghiên cứu còn gặp nhiều khó khăn trong phương pháp nghiên cứu định tính do quá trình thực hiện thảo luận nhóm trong thời gian ngắn nên có thể chưa khai thác hết vấn đề. Mô hình nghiên cứu của tác giả đã bỏ qua các yếu tố như mục tiêu công ty, văn hóa doanh nghiệp là những yếu tố có thể có tác động đến động lực làm việc của công ty. Một số yếu tố có thể có tương tác với nhau nên có thể vận dụng mô hình SEM sẽ giải quyết vấn đề tốt hơn.</p>
1440.	Thạc sĩ	Hoạch định chiến lược kinh doanh cho công ty cổ phần Sách - Thiết bị trường học thành phố Cần Thơ đến năm 2020	Võ Anh Vũ	PGS.TS.Nguyễn Văn Bá	Hoạch định chiến lược kinh doanh cho công ty cổ phần Sách - Thiết bị trường học thành phố Cần Thơ đến năm 2020
1441.	Thạc sĩ	Giải pháp thực hiện chiến lược kinh doanh dịch vụ bưu chính chuyên phát của tổng công ty Bưu điện Việt Nam tại tỉnh An Giang	Lê Văn Chiến	PGS.TS.Nguyễn Tri Khiêm	Từ việc phân tích môi trường bên trong, bên ngoài, khảo sát, phân tích ý kiến của 10 chuyên gia cùng với số liệu thứ cấp mà Bưu điện An Giang đã thực hiện trong giai đoạn 2014 – 2017, đồng thời đối chiếu với tình hình thực hiện kế hoạch kinh

					<p>doanh giai đoạn 2014 – 2017 cũng như mục tiêu, tầm nhìn, chiến lược kinh doanh của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam cho giai đoạn 2018 – 2020, tầm nhìn đến năm 2025, tác giả đã phân tích và chọn ra 6 giải pháp cần ưu tiên triển khai tại đơn vị, bao gồm: Thâm nhập thị trường, Tăng cường hoạt động Marketing, Nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng, Đào tạo nguồn nhân lực, Nâng cao năng lực điều hành tổ chức và Đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ.</p> <p>Kết quả nghiên cứu cho thấy, Bưu điện tỉnh An Giang vẫn còn một số hạn chế so với các đối thủ trên địa bàn mặc dù đơn vị thích ứng khá tốt đối với các cơ hội và đe dọa từ môi trường bên ngoài. Mặt khác, môi trường nội bộ của đơn vị khá tốt với các thế mạnh về truyền thống và mạng lưới. Tuy nhiên, để thực hiện thành công chiến lược phát triển của đơn vị giai đoạn 2018 – 2020, tầm nhìn đến năm 2025 góp phần vào sự phát triển bền vững của VNPOST đòi hỏi Bưu điện tỉnh An Giang phải thực hiện đồng bộ các giải pháp mà tác giả đã đề xuất trong luận văn.</p>
1442.	Thạc sĩ	Hoạch định chiến lược cho vay khách hàng cá nhân tại ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu chi nhánh Hậu Giang và tầm nhìn đến năm 2025	Lê Hoàng Diễn	PGS.TS. Vươn Quốc Duy	<p>Luận văn nghiên cứu “Hoạch định chiến lược cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Á Châu Chi nhánh Hậu Giang và tầm nhìn đến năm 2025” được thực hiện từ tháng 9/2017 đến tháng 3/2018 thông qua số liệu thứ cấp thu thập các TCTD trên địa bàn Hậu Giang giai đoạn 2015-2017; số liệu sơ cấp được thu thập thông qua việc điều tra và phỏng vấn 14 chuyên gia đang là giám đốc, phó giám đốc ở các TCTD</p>

				<p>trên địa bàn Hậu Giang, họ có nhiều kiến thức chuyên sâu và kinh nghiệm trong lĩnh vực tiền tệ ngân hàng để nghiên cứu.</p> <p>Đề tài tập trung nghiên cứu, phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của ACB Hậu Giang giai đoạn 2015 - 2017. Trọng tâm nghiên cứu là phân tích môi trường nội bộ của đơn vị để xác định điểm mạnh, điểm yếu thông qua kỹ thuật phân tích ma trận nội bộ IFE. Tiếp đó là phân tích các yếu tố bên ngoài để tìm ra các cơ hội và nguy cơ từ đó hình thành ma trận đánh giá các yếu tố bên ngoài EFE. Thông qua kỹ thuật phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và nguy cơ (ma trận SWOT) để hình thành các nhóm chiến lược SO, ST, WO, WT. Cùng với đó tác giả sử dụng ma trận hoạch định chiến lược có thể định lượng (QSPM) và bảng cách cho điểm hấp dẫn đối với từng nhóm chiến lược. Qua kết quả phân tích trên và dựa vào định hướng phát triển của ACB Hậu Giang trong thời gian tới, tác giả đề xuất các chiến lược như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> ❶ Chiến lược mở rộng thị trường ❷ Chiến lược nâng cao hiệu quả hoạt động marketing ❸ Chiến lược nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng ❹ Chiến lược phát triển mạng lưới giao dịch <p>Căn cứ vào kết quả nghiên cứu trên tác giả đã đề xuất hàm ý quản trị cụ thể cho từng chiến lược nhằm giúp cho ACB Chi nhánh Hậu Giang nâng cao năng lực cạnh tranh tại địa bàn, gia tăng thị phần trong cho vay</p>
--	--	--	--	--

					khách hàng cá nhân từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh trong thời gian tới.
1443.	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định của khách hàng cá nhân chọn gửi tiền tiết kiệm tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - chi nhánh Cần Thơ	Lê Danh Đồng	TS.Huỳnh Thanh Nhã	<p>Đề tài phân tích thực trạng các sản phẩm tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn của khách hàng cá nhân và các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định của khách hàng cá nhân chọn gửi tiền tiết kiệm tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - chi nhánh Cần Thơ. Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu phi xác suất phân tầng theo khu vực quận, với số lượng tham gia khảo sát là 375 khách hàng cá nhân tại các quận: Ninh Kiều, Bình Thủy, và Cái Răng. Phương pháp kiểm định Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá, phân tích hồi quy đa biến, kiểm định sự khác biệt được sử dụng để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định của khách hàng cá nhân chọn gửi tiền tiết kiệm có kỳ hạn tại Ngân hàng. Kết quả đã xác định được 4 nhóm nhân tố ảnh hưởng bao gồm: nhân tố sự thuận tiện, nhân tố lợi ích tài chính, nhân tố chất lượng dịch vụ, nhân tố ảnh hưởng của người thân bạn bè. Từ đó, tác giả đề xuất các hàm ý quản trị để giúp cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – chi nhánh Cần Thơ hoạch định chiến lược nhằm duy trì khách hàng hiện hữu và thu hút được khách hàng mới gửi tiền tiết kiệm tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – chi nhánh Cần Thơ dựa vào mức độ tác động mạnh, yếu của từng nhóm yếu tố.</p>
1444.	Thạc sĩ	Nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro tín dụng tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Tây Nam	Huỳnh Văn Luân Em	PGS.TS.Bùi Văn Trịnh	<p>Luận văn “Nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Nam” được</p>

				<p>thực hiện nhằm đánh giá hiệu quả quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Nam. Số liệu sử dụng trong nghiên cứu bao gồm: số liệu thứ cấp được thu thập tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Nam; số liệu sơ cấp thu thập thông qua phỏng vấn chuyên gia là các Giám đốc, Trưởng Phòng, Giám đốc phòng giao dịch tại các ngân hàng TMCP trên địa bàn thành phố Cần Thơ và cán bộ tín dụng làm việc tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Nam. Phương pháp phân tích sử dụng trong nghiên cứu bao gồm: phương pháp thống kê mô tả, phương pháp so sánh, phương pháp kiểm định T-test.</p> <p>Kết quả nghiên cứu cho thấy,</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quy trình cho vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Nam qua 3 bước: thẩm định trước khi cho vay; kiểm tra, giám sát trong khi cho vay; kiểm tra, giám sát, thu hồi, xử lý nợ sau khi cho vay. + Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Nam áp dụng mô hình xếp hạng khách hàng theo John Moody (1909); phân loại nhóm nợ theo Quyết định số 493/2005/QĐ/NHNN để đánh giá khách hàng và phân loại nhóm nợ. + Nguyên nhân dẫn đến rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Nam bao gồm 3 nhóm nguyên nhân chính: nguyên
--	--	--	--	---

					<p>nhân khách quan từ môi trường kinh doanh, nguyên nhân chủ quan từ khách hàng, nguyên nhân chủ quan từ ngân hàng.</p> <p>+ Trên cơ sở đó, một số hàm ý quản trị được đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng như: (1) Xây dựng và hoàn thiện chiến lược quản lý rủi ro tín dụng; (2) Xây dựng chiến lược khách hàng; (3) Nâng cao chất lượng thẩm định; (4) Định giá và sử dụng hiệu quả tài sản đảm bảo; (5) Tăng cường kiểm tra, giám sát tín dụng; (6) Xử lý hiệu quả nợ xấu, nợ quá hạn; (7) Xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp.</p>
1445.	Thạc sĩ	Đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên đối với chất lượng phục vụ tại thư viện trường Đại học Tây Đô	Nguyễn Hoàng Giang	HD1.TS.Trần Kiều Nga- HD2.TS.Trần Thị Kiều Trang	<p>Nghiên cứu được thực hiện nhằm đo lường và xác định các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của sinh viên đối với chất lượng dịch vụ thư viện Trường Đại học Tây Đô. Số liệu được thu thập qua phỏng vấn 279 sinh viên sử dụng các dịch vụ thư viện với bảng câu hỏi soạn sẵn.</p> <p>Mô hình nghiên cứu đề xuất dựa trên mô hình SERQUAL gồm sáu nhân tố với 24 biến quan sát: Sự tin cậy, Khả năng đáp ứng, Năng lực phục vụ, Sự đồng cảm, Phương tiện hữu hình và Cơ sở dữ liệu. Thống kê mô tả, kiểm định Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá và phân tích hồi quy đa biến được sử dụng trong nghiên cứu này.</p> <p>Kết quả cho thấy sự hài</p>

					lòng của sinh viên chịu sự tác động cùng chiều của bốn yếu tố, theo thứ tự quan trọng: sự đồng cảm, sự tin cậy, khả năng đáp ứng và năng lực phục vụ. Trong đó, sự đồng cảm đóng góp 34,7%, sự tin cậy đóng góp 27,5%, khả năng đáp ứng đóng góp 27,1% và năng lực phục vụ đóng góp 10,7%. Hải lòng chung của sinh viên là 70,80%.
1446.	Thạc sĩ	Hoàn thiện hệ thống kênh phân phối thuốc thú y của Công ty Cường Phát ở khu vực Nam Sông Hậu	Lê Hoàng Giang	PGS.TS.Nguyễn Phú Sơn	<p>Hệ thống kênh phân phối là công cụ giúp cho các doanh nghiệp có thể cung cấp hiệu quả sản phẩm, dịch vụ đến với người tiêu dùng cuối cùng. Điều đó càng đặc biệt hơn với ngành thuốc thú y, ngành mang ý nghĩa sống còn đối với sức khỏe của vật nuôi. Vì vậy, Công ty Cường Phát muốn tồn tại và phát triển vùng Nam Sông Hậu cần phải ngày càng hoàn thiện hệ thống kênh phân phối đối với khu vực này. Xuất phát từ nhu cầu cấp thiết đó, Luận văn tập trung vào các mục tiêu trọng điểm nhằm hoàn thiện hệ thống kênh phân phối như: phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hệ thống kênh phân phối, phân tích thực trạng hệ thống kênh phân phối của vùng Nam Sông Hậu, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện hệ thống kênh phân phối của vùng. Để có thể thực hiện các mục tiêu trọng điểm đó, Luận văn đã sử dụng các phương pháp tổng hợp và phân tích số liệu, phương pháp thống kê mô tả, thu thập và sử dụng ý kiến chuyên gia từ Công ty và ngành. Bên cạnh đó, Luận văn còn sử dụng các lý thuyết hỗ trợ như mô hình hành vi người</p>

				<p>tiêu dùng, phân tích SWOT và bài học xây dựng hệ thống kênh phân phối từ các doanh nghiệp trong ngành. Đó là cơ sở cho việc phân tích và đề xuất giải pháp hoàn thiện hệ thống kênh phân phối.</p> <p>Luận văn đã phân tích thực trạng và xác định những ưu điểm, nhược điểm, cơ hội và thách thức của hệ thống kênh phân phối. Các nhược điểm chủ yếu tập trung ở cấu trúc kênh, các dòng chảy, các hoạt động khuyến khích, lực lượng bán hàng. Từ đó, Luận văn đã đề ra 6 nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống kênh phân phối ở khu vực, các giải pháp đó bao gồm: nhóm giải pháp hoàn thiện kênh phân phối, nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả các dòng chảy, tăng cường khuyến khích các thành viên kênh, hoàn thiện lực lượng bán hàng, hoàn thiện công tác đánh giá các thành viên và các giải pháp hỗ trợ.</p>	
1447.	Thạc sĩ	Cảm nhận của khách hàng về chất lượng dịch vụ giới thiệu việc làm tại trung tâm dịch vụ việc làm Hậu Giang	Nguyễn Phúc Hiếu	PGS.TS.Đào Duy Huân	<p>Đề tài nghiên cứu "<i>Cảm nhận của khách hàng về chất lượng dịch vụ giới thiệu việc làm tại Trung tâm dịch vụ việc làm Hậu Giang</i>" mục tiêu nghiên cứu của đề tài là tập trung vào khám phá các yếu tố ảnh hưởng cảm nhận của khách hàng đến chất lượng dịch vụ việc làm, từ đó xác định mức độ tác động, cũng như tầm quan trọng của các yếu tố đối với cảm nhận của khách hàng, thông qua đó đưa ra hàm ý quản trị nhằm làm tăng chất lượng dịch vụ và cảm nhận tốt của khách hàng về dịch vụ của Trung tâm.</p>

					<p>Trên cơ sở lý thuyết và giả thuyết nghiên cứu tác giả đã đề xuất mô hình nghiên cứu gồm bảy yếu tố tác động gồm có 29 biến quan sát. Sau khi khảo sát thu mẫu xong tiến hành kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha và tiến hành phân tích nhân tố khám phá, thì các nhân tố đều giữ nguyên. Phân tích hồi quy đa biến kết quả rút lại còn bốn nhóm tác động chính đến cảm nhận của khách hàng về chất lượng dịch vụ việc làm tại Trung tâm dịch vụ việc làm Hậu Giang, các nhân tố này gồm: (1) Sự tin cậy của khách hàng, (2) Thái độ phục vụ của nhân viên, (3) Năng lực phục vụ của nhân viên và (4) Quy trình thủ tục.</p> <p>Thông qua 04 yếu tố trên tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ giới thiệu việc làm và tăng cảm nhận của khách hàng tại Trung tâm. Bên cạnh đó tác giả cũng đã xác định được một số hạn chế của đề tài và đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo</p>
1448.	Thạc sĩ	Cảm nhận của các doanh nghiệp về các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư kinh doanh vào các khu công nghiệp tỉnh Hậu Giang	Phạm Thanh Huy	TS.LS.Nguyễn Tiến Dũng	<p>Đề tài có ý nghĩa cấp thiết, khi các doanh nghiệp chưa hài lòng về các yếu tố ảnh hưởng thu hút đầu tư kinh doanh vào các khu công nghiệp tỉnh Hậu Giang. Nếu không có chính sách cải tiến, hoàn thiện, thì khó có môi trường đầu tư hấp dẫn để thúc đẩy được các doanh nghiệp đến khu công nghiệp sản xuất, kinh doanh.</p> <p>Phương pháp sử dụng cho nghiên cứu là định tính và định lượng. Phương pháp khảo sát là xác suất ngẫu nhiên. Kết quả cho thấy, Cảm nhận của doanh nghiệp về các yếu tố ảnh hưởng thu hút đầu tư kinh</p>

					<p>doanh vào các khu công nghiệp tỉnh Hậu Giang bao gồm: Thu hút, Ưu đãi, Hỗ trợ; Quy hoạch; Quản lý; Kiểm tra, giám sát; Yếu tố Khả thi có ảnh hưởng đến sự hài lòng của doanh nghiệp về môi trường thu hút đầu tư vào khu công nghiệp tỉnh Hậu Giang.</p> <p>Trên cơ sở đó, Đề tài đưa ra các hàm ý chính sách để tạo môi trường thu hút doanh nghiệp đầu tư vào khu công nghiệp gồm: công tác cấp phép các dự án đầu tư, kiểm soát sau khi cấp phép; iii) công tác quản lý đầu tư cơ sở hạ tầng, giải phóng mặt bằng tại các khu công nghiệp; iv) công tác bảo vệ môi trường khu công nghiệp; v) công tác quản lý các doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghiệp thực hiện chính sách của Nhà nước; vi) công tác quản lý liên doanh, liên kết phát triển khu công nghiệp; vii) công tác quản lý nguồn lực phục vụ cho phát triển khu công nghiệp.</p> <p>Cuối cùng, đề tài nêu ra các hạn chế về khảo sát chưa hết các doanh nghiệp, mô hình với các biến chưa phản ánh đầy đủ các nội dung về cảm nhận của doanh nghiệp.</p>
1449.	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng và sự gắn kết của nhân viên đối với công ty TNHH MTV xăng dầu Tây Nam Bộ	Trần Thị Huyền	TS.LS.Nguyễn Tiến Dũng	<p>Những nghiên cứu quan hệ giữa hài lòng và việc thực hiện nhiệm vụ có thể được tóm tắt: “Người lao động hài lòng là người có năng suất cao”. Vì vậy, trong một thời gian dài nhiều công ty rất quan tâm thực hiện nhiều biện pháp để làm cho người lao động hài lòng.Theo Gostick & Elton (2006): “Một tổ chức sẽ tồn tại rất lớn khi để mất những</p>

					<p>nhân viên thật sự có năng lực".</p> <p>Nghiên cứu đã tìm hiểu một số nhân tố ảnh hưởng đến các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của nhân viên đối với Công ty TNHH MTV xăng dầu Tây Nam Bộ). Mục tiêu của nghiên cứu là phân tích và từ đó đưa ra hàm ý quản trị, nhằm làm tăng sự gắn kết của nhân viên đối với Công ty. Nghiên cứu đã xây dựng được mô hình gồm 6 nhân tố độc lập, với 33 biến quan sát, với cỡ mẫu được tác giả lấy khảo sát 200 phiếu với phương pháp lấy toàn bộ nhân viên nhằm đảm bảo độ tin cậy cao. Bằng phương pháp phân tích cấu trúc tuyến tính (SEM) (gồm các kỹ thuật phân tích: Kiểm định Cronbach's Alpha; Nhân tố khẳng định (CFA) và SEM) và Kiểm định độ tin cậy của các ước lượng bằng BOOTSTRAP, được sử dụng với phương tiện là phần mềm SPSS và AMOS. Kết quả mô hình SEM cho thấy cả 6 biến "Bản chất công việc", "Môi trường làm việc", "Lương thưởng và phúc lợi", "Quan hệ đồng nghiệp", "Cơ hội đào tạo và thăng tiến", "Thương hiệu và uy tín tổ chức" đều có tác động đến sự hài lòng của nhân viên. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng và sự gắn kết của nhân viên cũng được xác định, sự hài lòng có tác động đến sự gắn kết, và nếu sự hài lòng tăng 1 điểm thì sự gắn kết</p>
--	--	--	--	--	---

					<p>sẽ tăng 0,629 điểm.</p> <p>Từ các phân tích kết quả thu được, tác giả đưa ra các hàm ý quản trị có liên quan đến “Bản chất công việc”, “Môi trường làm việc”, “Lương thưởng và phúc lợi”, “Quan hệ đồng nghiệp”, “Cơ hội đào tạo và thăng tiến”, “Thương hiệu và uy tín tổ chức” góp phần giúp nhà quản trị Công ty nâng cao sự hài lòng của nhân viên nhằm tăng sự gắn kết với Công ty TNHH MTV xăng dầu Tây Nam Bộ.</p>
1450.	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng sự hài lòng của người dân về chất lượng dịch vụ Bảo hiểm Xã hội một lần tại cơ quan Bảo hiểm Xã hội thị xã Long Mỹ	Hồng Ngọc Linh	PGS.TS.Võ Khắc Thường	<p>Nội dung của đề tài là “Các yếu tố ảnh hưởng sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ Bảo hiểm xã hội một lần tại cơ quan Bảo hiểm xã hội thị xã Long Mỹ”, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ Bảo hiểm xã hội một lần của cơ quan Bảo hiểm xã hội thị xã Long Mỹ cũng như sự hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ hành chính của bảo hiểm xã hội trên địa bàn thị xã Long Mỹ.</p> <p>Đề tài được thực hiện như sau: Bước một dựa vào lý thuyết của thang đo SERVPERF và phỏng vấn định tính để đưa ra mô hình nghiên cứu cho đề tài. Bước hai dùng phỏng vấn định lượng thông qua việc thu thập thông tin bằng bảng câu hỏi với khách hàng của cơ quan bảo hiểm xã hội trên địa bàn</p>

				<p>thị xã Long Mỹ. Dùng kiểm định Cronbach" s Alpha để kiểm định độ tin cậy thang đo. Tiếp theo tiến hành phân tích nhân tố khám phá (EFA). Sau đó phân tích nhân tố khẳng định CFA và mô hình SEM.</p> <p>Đề tài đã kết hợp nghiên cứu định tính xây dựng sáu thang đo đo lường chất lượng dịch vụ với 31 biến quan sát kết hợp với nghiên cứu định lượng nhằm đánh giá thành phần quan trọng ảnh hưởng mạnh nhất đến sự hài lòng của khách hàng sử dụng dịch vụ Bảo hiểm xã hội một lần của bảo hiểm xã hội thị xã Long Mỹ.</p> <p>Kết quả cho thấy có năm nhân tố ảnh hưởng sự hài lòng của khách hàng là: nanglucphucvu, congkhaiminhbach, thongtin, sudapung, sutincay. Năm thành phần được giải thích 51,3% đến sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ Bảo hiểm xã hội một lần tại cơ quan Bảo hiểm xã hội thị xã Long Mỹ. Ảnh hưởng mạnh mẽ nhất là nhân tố năng lực phục vụ, tiếp theo là công khai minh bạch, thông tin, sự đáp ứng, sự tin cậy. Từ đó đề xuất một số giải pháp cho từng thành phần nhằm nâng cao sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ Bảo hiểm xã hội một lần tại cơ quan Bảo hiểm xã hội thị xã Long Mỹ.</p>
--	--	--	--	---

1451.	Thạc sĩ	Đánh giá ảnh hưởng của chất lượng dịch vụ đến sự hài lòng và lòng trung thành của khách hàng đối với dịch vụ chuyển phát nhanh EMS tại Bưu điện thành phố Cần Thơ	Mai Vũ Linh	PGS.TS.Phan Văn Thơm	<p>Đề tài “Đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ chuyển phát nhanh EMS của Bưu điện Thành phố Cần Thơ” được thực hiện từ tháng 5/2017 đến tháng 11/2017. Đề tài nghiên cứu nhằm phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng đối với chất lượng dịch vụ chuyển phát nhanh EMS của Bưu điện Thành phố Cần Thơ và kiểm định mối liên hệ giữa chất lượng dịch vụ, sự hài lòng và lòng trung thành của khách hàng. Nghiên cứu này thực hiện điều tra với 177 khách hàng trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Dùng phương pháp định tính và định lượng để đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ chuyển phát nhanh EMS của Bưu điện Thành phố Cần Thơ. Tác giả sử dụng các phương pháp thống kê mô tả, kiểm định các thang đo bằng Cronbach’s Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA, phương pháp hồi qui... Tiếp theo sử dụng CFA kiểm định các biến quan sát đại diện cho các nhân tố tốt đến mức nào. Cuối cùng sử dụng phương pháp phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính – SEM để kiểm định mô hình nghiên cứu đã đề xuất. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng những nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ chuyển phát nhanh EMS đó là: Cảm thông (8 biến); Tiếp cận & Hữu hình (7 biến); Tin cậy (5 biến) và An toàn (3 biến), trong đó nhân tố “Cảm thông” có tác động mạnh nhất đến chất lượng dịch vụ của khách hàng. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy có mối quan hệ cùng chiều giữa Chất lượng dịch vụ - Sự hài lòng; Sự hài lòng – Lòng trung thành. Nghiên cứu đã đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao mức độ hài</p>
-------	---------	---	-------------	----------------------	---

					lòng của của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ, góp phần giúp cho Bưu điện phục vụ khách hàng tốt hơn, thu hút khách hàng mới và tạo điều kiện đưa các sản phẩm dịch vụ khác của Bưu điện đến tay khách hàng.
1452.	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ lưu trú của khách sạn Ninh Kiều 2 tại Cần Thơ	Nguyễn Thùy Linh	TS.Nguyễn Phước Quý Quang	<p>Mục đích chính của nghiên cứu là đo lường mức độ hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ lưu trú tại khách sạn Ninh Kiều 2 đồng thời phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ lưu trú của khách sạn từ đó nhằm đưa ra những giải pháp phù hợp để nâng cao chất lượng dịch vụ lưu trú của khách sạn ngày càng tốt hơn. Để đạt được mục đích trên, nghiên cứu được thực hiện bằng phương pháp nghiên cứu định lượng với các phương pháp nghiên cứu chính như kiểm định độ tin cậy của thang đo Cronbach's Alpha của các thang đo, phân tích nhân tố khám phá EFA nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng, phân tích hồi qui đa biến và kết quả nghiên cứu đã đạt được kết quả sau:</p> <p>Một là: Dựa vào lý thuyết và các công trình nghiên cứu trước tác giả đã xác định được mô hình nghiên cứu của đề tài dựa vào 6 biến độc lập là: (1) Tin Cây; (2) Đáp ứng (3) Đảm Bảo (4) Cảm Thông, (5) Hữu Hình, (6) Giá cả cảm nhận và 1 biến phụ thuộc là biến Sự Hài Lòng để</p>

				<p>đo lường mức độ hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ lưu trú tại khách sạn Ninh Kiều 2.</p> <p>Hai là: Sau khi sử dụng phương pháp thống kê mô tả để đo lường mức độ hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ lưu trú tại khách sạn Ninh Kiều 2 cho ta thấy qua kết quả phân tích, đa số khách hàng khá hài lòng về khách sạn Ninh Kiều 2, khách sạn luôn cung cấp dịch vụ tốt nhất và phục vụ một cách hiệu quả nhất, đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng. Khách hàng hài lòng nhất về giá cả của khách sạn Ninh Kiều 2, với mức giá trung bình nhưng dịch vụ đầy đủ tiện nghi, đây chính là sự lựa chọn hoàn hảo cho mọi đối tượng khách hàng.</p> <p>Ba là: Kết quả phân tích hồi quy cho ra mô hình gồm 03 yếu tố tác động đến sự hài lòng của du khách đó là yếu tố đáp ứng, cảm thông, giá cả cảm nhận. Trong đó yếu tố tác động mạnh nhất đến sự hài lòng của khách hàng là sự đáp ứng chiếm 0,47; tiếp theo là yếu tố giá cả có tác động đến mô hình là 0,28 và cuối cùng là yếu tố cảm thông. Căn cứ vào mức độ tác động của các nhân tố, tác giả đưa ra những hàm ý quản trị nhằm thu hút du khách, nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch lữ hành, khả năng cạnh tranh và phục vụ du khách ngày càng tốt hơn.</p>
1453.	Thạc sĩ		Châu Ngọc Lợi	<p>Nguồn nhân lực rất quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của tổ chức. Đội ngũ không chuyên trách cấp xã</p>

					<p>đóng góp tích cực ở địa phương nên đề tài được thực hiện để tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của nhóm đối tượng này và đề xuất các hàm ý quản trị cho vấn đề nghiên cứu. Đề tài được thực hiện trên địa bàn huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang; sử dụng nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng với số liệu khảo sát 286 lao động không chuyên trách cấp xã; sử dụng các phương pháp phân tích gồm thống kê mô tả, kiểm định thang đo Cronbach Anpha, phân tích nhân tố EFA và phân tích hồi quy tương quan. Kết quả ghi nhận (i) pháp luật và chính sách cho đội ngũ không chuyên trách cấp xã còn một số bất cập nên làm giảm sự gắn kết của đội ngũ này; (ii) trong số 286 người tham gia khảo sát nữ chiếm 32,2%, độ tuổi phổ biến dưới 55 tuổi chiếm 97,9%, trình độ đại học chiếm khá cao với 30,1 %, thâm niên công tác từ 5 đến trên 15 năm chiếm hơn 70%, mức thu nhập từ 1 đến 3 triệu đồng chiếm trên 54%; (ii) sau khi loại 3 biến độc lập không phù hợp, có 31 biến độc lập đạt tiêu chuẩn kiểm định hệ số Cronbach's Alpha; (iii) phân tích nhân tố EFA có hệ số KMO đạt 0,875, tổng phương sai trích đạt 71,908% và rút trích được 6 nhân tố ảnh hưởng đến mức độ gắn kết; (iv) kết quả phân tích hồi quy ghi nhận các nhân tố tiền lương và các khoản phúc lợi, quan hệ với lãnh đạo, tính chất công việc, điều kiện làm việc, cơ hội đào tạo và thăng tiến có mối tương quan với mức độ gắn kết của đội ngũ không chuyên trách cấp xã; (v) từ kết quả nghiên cứu, các hàm ý quản trị đã được đề xuất</p>
--	--	--	--	--	---

					nhằm nâng cao mức độ gắn kết của đội ngũ không chuyên trách cấp xã.
1454.	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ hành chính công về đăng ký quyền sử dụng đất tại UBND quận Bình Thủy	Nguyễn Thị Lụa	TS.LS.Nguyễn Tiến Dũng	<p>Chất lượng dịch vụ là một thước đo về kết quả hoạt động quan trọng đối với các cơ quan hành chính nhà nước. Cải cách thủ tục hành chính là khâu đột phá của cải cách hành chính, Đề tài '<i>Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người dân khi sử dụng chất lượng dịch vụ hành chính công về đăng ký quyền sử dụng đất tại UBND Quận Bình Thủy</i>'. Đề tài sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính nhằm làm rõ ý nghĩa, xác nhận, hiệu chỉnh, bổ sung các biến quan sát đo lường các khái niệm trong mô hình nghiên cứu lý thuyết. Nghiên cứu định lượng được thực hiện với cỡ mẫu 355 và xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS và thu được Kết quả sau:</p> <p>Một. Đã xác định gồm các biến độc lập ảnh hưởng đến sự hài lòng của người dân về chất lượng dịch vụ hành chính công gồm: cách tiếp cận dịch vụ, trang thiết bị, thủ tục hành chính, công chức giải quyết công việc cho người dân, kết quả hồ sơ, thời gian giải quyết, chi phí làm thủ tục, phản ánh, sự hài lòng...</p> <p>Hai. Kết quả phân tích hệ số tin cậy Cronbach Alpha hài lòng được đo bằng 05 biến quan sát từ HL 1 đến HL 5. Kết quả hệ Hệ số Cronbach Alpha của toàn thang đo là 0.822 > 0,6 (Đạt tiêu chuẩn). Hệ số tương quan biến - tổng của tất cả các quan sát trong thang đo đều lớn hơn 0.3 thấp</p>

					<p>nhất là 0,608. Không thể loại thêm bất kỳ quan sát nào để làm tăng thêm Cronbach Alpha của toàn thang đo.</p> <p>Ba người dân hài lòng tương đối cao khi thực hiện làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, ở mức 3.7 điểm. Đối với các yếu tố, quy trình trong khi làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất thì, người dân đều hài lòng ở mức độ khá, tất cả các yếu tố đều được người dân đánh giá trên 3.5 điểm.</p> <p>Bốn. Công chức giải quyết công việc cho người dân, tiếp cận dịch vụ, thủ tục hành chính, trang thiết bị, thời gian giải quyết, là các nhân tố tác động mạnh nhất đến sự hài lòng của người dân, tiếp đến là chi phí làm thủ tục và cuối cùng là phản ánh</p> <p>Năm. Đề tài đã đưa ra một số hàm ý quản trị nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân. Trong thời gian tới, lãnh đạo UBND quận Bình Thủy cần tiếp tục quan tâm hoàn thiện các quy trình, thủ tục theo hướng đơn giản hóa, bên cạnh đó là việc đào tạo, nâng cao năng lực làm việc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng ứng xử</p>
1455.	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của công chức khối văn phòng các cấp tại tỉnh Ủy Hậu Giang	Lê Công Lý	PGS.TS.Đào Duy Huân	<p>Luận văn “Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của công chức khối văn phòng các cấp tại tỉnh ủy Hậu Giang” được thực hiện để đánh giá các yếu tố tác động đến động lực làm việc của khối công chức này để đưa ra các hàm ý quản trị nhằm gia tăng hiệu quả công việc. Đề tài</p>

				<p>sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính nhằm làm rõ ý nghĩa, xác nhận, hiệu chỉnh, bổ sung các biến quan sát đo lường các khái niệm trong mô hình nghiên cứu lý thuyết. Nghiên cứu định lượng được thực hiện với cơ mẫu gồm 176 công chức văn phòng các cấp tại tỉnh ủy Hậu Giang và xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS 20 và thu được Kết quả sau:</p> <p>Một. Đã xác định gồm 08 biến độc lập: Điều kiện làm việc; Thu nhập và phúc lợi; Công nhận thành tích; Bản chất công việc; Cơ hội đào tạo và thăng tiến; Sự hỗ trợ của cấp trên; Mối quan hệ với đồng nghiệp; Cân bằng giữa công việc và cuộc sống.</p> <p>Hai. Qua phân tích hồi quy bội cho thấy thấy 05 biến độc lập DKLV, BCCV, CT, DN, CVCS có tác động cùng chiều vào biến phụ thuộc SHL vì hệ số hồi quy chuẩn hóa (β) của các biến này đều dương và có ý nghĩa thống kê ($\text{Sig.} < 0,05$).</p> <p>Ba. So sánh mức độ tác động của 05 biến này vào biến phụ thuộc động lực làm việc (DLLV) theo thứ tự giảm dần như sau: Sự hỗ trợ của cấp trên (CT) có tác động mạnh nhất ($\beta_6 = 0,348$), Cân bằng giữa công việc và cuộc sống (CVCS) ($\beta_8 = 0,294$), Bản chất công việc (BCCV) ($\beta_4 =$</p>
--	--	--	--	---

					<p>0,255), biến Môi quan hệ với đồng nghiệp (DN) ($\beta_7 = 0,205$), Điều kiện làm việc (DKLV) ($\beta_1 = 0,177$). Có sự khác biệt về động lực làm việc của công chức theo các đặc điểm cá nhân. Còn chưa chỉ ra có sự khác biệt về động lực làm việc của công chức theo giới tính, nhóm tuổi, thâm niên ở mức độ tin cậy 95%.</p> <p>Bốn. Đưa ra hàm ý quản trị để tăng động lực làm việc của công chức thông qua 5 yếu tố tác động đã nêu trên.</p>
1456.	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên tại công ty Viễn thông Cần Thơ	Cao Hoàng Mẫn	PGS.TS.Huỳnh Trường Huy	<p>Tạo động lực làm việc cho người lao động luôn là vai trò quan trọng trong việc phát triển và đào tạo nguồn nhân lực. Quan tâm tạo động lực làm việc cho người lao động, làm cho nhân viên hăng say làm việc có hiệu quả và năng suất cao, phát huy tối đa tiềm năng sẵn có của nhân viên. Đề tài nghiên cứu tìm hiểu cơ sở lý luận về tạo động lực cho nhân viên, đánh giá mô hình nghiên cứu động lực làm việc của nhân viên, kết hợp với thực trạng các yếu tố tạo động lực làm việc của nhân viên tại VNPT Cần Thơ để đưa ra mô hình nghiên cứu sơ bộ gồm nhân tố tác động đến động lực làm việc của nhân viên tại VNPT Cần Thơ. Mục tiêu của đề tài là tìm các nhân tố tác động đến động lực làm việc của nhân viên tại VNPT Cần Thơ từ đó đề ra hàm ý chính sách nhằm nâng cao động lực làm việc của nhân viên tại VNPT Cần Thơ. Dữ liệu được thu thập từ phiếu khảo sát 175 nhân viên đang làm việc tại VNPT Cần Thơ, các phương pháp phân tích như đánh giá</p>

					<p>độ tin cậy thang đo (Cronbach Alpha), phân tích nhân tố khám phá, kiểm định mô hình hồi quy, bằng việc sử dụng phần mềm SPSS 20.0. Kết quả nghiên cứu có 6 nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên tại VNPT Cần Thơ gồm: 1. Đào tạo và thăng tiến, 2. Môi trường làm việc, 3. Thu nhập và phúc lợi, 4. Công nhận thành tích, 5. Phong cách lãnh đạo, 6. Quan hệ đồng nghiệp. Đào tạo và phát triển nhân viên ra không chỉ giúp cho nhân viên có kiến thức làm việc tốt hơn, mà còn giúp cho bản thân họ tự khẳng định khả năng của mình nên ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên rất nhiều. Tăng thu nhập cho người lao động nhưng đồng thời giảm thu nhập với hiệu quả công việc. Tạo sự công bằng và minh bạch trong chính sách thăng tiến cho nhân viên. Thực hiện đúng và đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động như lương thưởng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, phúc lợi. Đảm bảo sự công bằng trong đánh giá, xây dựng một hệ thống đánh giá công việc có tác dụng hoàn thiện sự thực hiện công việc của người lao động và phát triển người lao động.</p>
1457.	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên tại công ty cổ phần Mía Đường Cần Thơ	Lâm Thị Ngọc Mỹ	PGS.TS.Đào Duy Huân	<p>Nghiên cứu Các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên tại Công ty Cổ phần Mía Đường Cần Thơ là cần thiết đối với công ty, nhằm gia tăng năng suất và hiệu quả công việc.</p> <p>Mục tiêu của nghiên cứu này là xác định các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên và đề</p>

				<p>xuất hàm ý quản trị giúp các nhà quản trị. Nghiên cứu sử dụng cả hai phương pháp định tính và định lượng kết quả:</p> <p>Một: đề xuất mô hình gồm 7 nhân tố: 7 nhân tố độc lập. Thực hiện khảo sát 255 nhân viên tại Công ty cổ phần Mía đường Cần Thơ.</p> <p>Hai: Kết quả phân tích đã xác định được 5 nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên tại công ty: Thu nhập, Công nhận thành tích, Đào tạo – Thăng tiến, Phúc lợi, Bản chất công việc.</p> <p>Ba: Đo lường được mức độ tác động của nhân tố Thu nhập tác động mạnh nhất đến động lực làm việc của nhân viên.</p> <p>Bốn: đề xuất hàm ý quản trị dựa trên quan hệ tương quan giữa các nhân tố tác động đến động lực làm việc của nhân viên tại Công ty cổ phần Mía đường Cần Thơ.</p> <p>Năm: Nghiên cứu chỉ ra hạn chế của nghiên cứu hồi qui tuyến tính, và đưa ra các hướng nghiên cứu mới là mở rộng qui mô phân tích ra nhóm ngành mía đường Tây Nam Bộ.</p>
1458.	Thạc sĩ		Lê Thị Kim Ngọc	<p>Do vậy, đề tài của luận văn này là “<i>Chiến lược phát triển du lịch văn hóa tâm linh thành phố Cần Thơ giai đoạn 2016 - 2020 tầm nhìn 2030</i>” sẽ góp phần khơi dậy tìm năng văn hóa tâm linh; hướng tới mục tiêu bảo tồn và tôn tạo các giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của thành phố Cần</p>

					<p>Thơ. Đồng thời, đề ra các giải pháp thúc đẩy các hoạt động du lịch văn hóa tâm linh trên cơ sở khai thác tốt nhất các tài nguyên, lợi thế tại địa phương</p>
1459.	Thạc sĩ	<p>Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên bán hàng tại công ty cổ phần Mondelez Kinh Đô khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long</p>	<p>Trương Tấn Nhựt</p>	<p>PGS.TS.Lưu Thanh Đức Hải</p>	<p>Nghiên cứu này được thực hiện nhằm xác định các nhân tố và đo lường mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến động lực làm việc của nhân viên. Nghiên cứu được thực hiện dựa trên kết quả phỏng vấn trực tiếp tổng thể toàn bộ nhân viên bán hàng kênh truyền thống của công ty tại khu vực ĐBSCL. Từ các học thuyết tạo động lực của Maslow (1943), Herzberg (1968), Skinner (1938), Vroom (1964) và các nghiên cứu thực tiễn có liên quan, nghiên cứu này đề xuất 9 yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc gồm Thu nhập, Phúc lợi, Tính chất công việc, Điều kiện làm việc, Đồng nghiệp, Lãnh đạo, Mục tiêu công việc, Sự thăng tiến và đặc điểm cá nhân của nhân viên bán hàng. Nghiên cứu dùng kiểm định Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố khám phá EFA để kiểm tra độ tin cậy và phù hợp của các biến đo lường. Kết quả phân tích có sự xáo trộn giữa các tiêu chí đo lường và hình thành 7 nhóm nhân tố gồm: Môi trường làm việc, Cơ hội thăng tiến trong công việc, Đồng nghiệp, Thu nhập, Công việc, Lãnh đạo, Phúc lợi. Mô hình hồi qui tuyến tính được xây dựng với biến phụ thuộc là động lực làm việc, kết quả hồi qui cho thấy biến Môi trường làm việc ảnh hưởng nhiều nhất đến động lực làm việc của nhân viên. Dựa trên kết quả phân tích, nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị nhằm tạo động lực thúc đẩy nhân viên bán hàng làm việc tốt hơn.</p>

					<p>nâng cao hiệu quả công việc như: (1) Xây dựng môi trường làm việc và tạo cơ hội thăng tiến; (2) Quan tâm đến chính sách phúc lợi và thu nhập cho nhân viên; (3) Khích lệ năng lực cá nhân tạo động lực làm việc cho đội ngũ bán hàng; (4) Sự quan tâm, khích lệ và thừa nhận của lãnh đạo, đồng nghiệp; (5) Đánh giá đúng bản chất công việc của nhân viên.</p>
1460.	Thạc sĩ	<p>Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của học viên cao học về chất lượng dịch vụ đào tạo tiếng Anh tại trung tâm Ngoại ngữ - Tin học - Chuẩn đầu ra trường Đại học Tây Đô</p>	Phạm Thị Phi Oanh	PGS.TS.Võ Khắc Thường	<p>Nghiên cứu này nhằm mục tiêu chính là xác định được mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đối với sự hài lòng của học viên cao học khi học tiếng anh tại trung tâm Tiếng Anh – Tin học – Chuẩn đầu ra của trường.</p> <p>Phương pháp nghiên cứu được sử dụng để xây dựng, đo lường các thang đo và kiểm định mô hình lý thuyết được trình bày ở các chương trước, bao gồm hai bước: nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng. Nghiên cứu định tính được thực hiện thông qua kỹ thuật thảo luận nhóm. Nghiên cứu định lượng được thực hiện bằng phương pháp định lượng thông qua kỹ thuật phỏng vấn trực tiếp với một mẫu có kích thước $n = 226$ mẫu. Cả hai nghiên cứu trên đều được thực hiện tại trường Đại học Tây Đô. Kết quả nghiên cứu chính thức được sử dụng để phân tích, đánh giá thang đo lường các yếu tố tác động vào sự hài lòng của học viên thông qua</p>

				<p>hệ số tin cậy Cronbach alpha, phân tích nhân tố EFA, hồi quy tuyến tính.</p> <p>Kết quả cho thấy, Hệ số Cronbach's Alpha của thang đo: "Chương trình đào tạo", "Đội ngũ giảng viên", "Kỹ năng mềm", "Cơ sở vật chất", "Năng lực phục vụ" và "Chi phí học tập", "Sự hài lòng" đều lớn hơn 0,6 và hệ số tương quan với biến tổng của tất cả các biến đo lường đều lớn hơn 0,3 nên đạt độ tin cậy.</p> <p>Kết quả phân tích nhân tố khám phá cho thấy 30 quan sát được nhóm lại thành 6 nhân tố độc lập, 7 quan sát sự hài lòng nhóm thành một nhân tố Sự hài lòng. Nghiên cứu tiếp tục kiểm định mối quan hệ giữa các biến độc lập và sự hài lòng của nhân viên. Kết quả cho thấy cả 6 biến "Chương trình đào tạo", "Đội ngũ giảng viên", "Kỹ năng mềm", "Cơ sở vật chất", "Năng lực phục vụ" và "Chi phí học tập" đều có tác động đến Sự hài lòng của học viên. Từ các phân tích kết quả thu được tác giả đưa ra các giải pháp góp phần giúp trung tâm nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo</p>
1461.	Thạc sĩ		Trần Thanh Phúc	<p>Đề tài thực hiện nhằm phân tích các nhân tố có ảnh hưởng đến động lực làm việc của công chức, viên chức và đề xuất các hàm ý quản trị để giúp nâng cao động lực làm</p>

					<p>việc cho công chức, viên chức tại Ủy ban nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.</p> <p>Đề tài được thực hiện trên cơ sở kết hợp nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng. Nghiên cứu định tính được sử dụng để tiến hành nghiên cứu sơ bộ bằng cách thảo luận nhóm với các chuyên gia, làm cơ sở để hoàn chỉnh bảng câu hỏi và mô hình nghiên cứu chính thức. Nghiên cứu định lượng để đảm bảo tính khoa học và phương pháp chọn mẫu là phi xác suất kiểu thuận tiện, với 155 công chức, viên chức được phỏng vấn kết hợp với các phương pháp xử lý số liệu như Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá, Phân tích hồi quy đa biến, Kiểm định sự khác biệt One – Way Anova và T –Test.</p> <p>Kết quả đã xác định được 4 nhóm nhân tố có ảnh hưởng đến động lực làm việc của công chức, viên chức tại Ủy ban nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ là: nhân tố môi trường, nhân tố thu nhập, nhân tố trách nhiệm và nhân tố sự công nhận. Từ đó, tác giả đề xuất các hàm ý quản trị để giúp nâng cao động lực làm việc cho công chức, viên chức tại Ủy ban nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.</p>
1462.	Thạc sĩ	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ	Trần Thị Ánh Phương	PGS.TS.Phan Văn Thơm	Luận văn được thực hiện với đề tài “Nghiên cứu các

		<p>vận chuyên hành khách của công ty Sơn Nguyên</p>		<p><i>yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ vận chuyển hành khách của công ty Sơn Nguyên</i>” với mục tiêu xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng, từ đó đề xuất một số hàm ý quản trị nâng cao chất lượng dịch vụ để thỏa mãn sự hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ vận chuyên hành khách của công ty Sơn Nguyên.</p> <p>Thông qua việc hiệu chỉnh thang đo SERVQUAL của Parasuraman và các nghiên cứu liên quan, tác giả đề xuất mô hình lý thuyết có 40 tiêu chí để đo lường các yếu tố, trong đó có 4 tiêu chí đo lường cho thang đo sự hài lòng và 36 tiêu chí đo lường cho 8 yếu tố tác động đến sự hài lòng. Kết quả nghiên cứu thực nghiệm với 250 khách hàng sử dụng dịch vụ vận chuyên hành khách của Sơn Nguyên theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện, nghiên cứu đã thực hiện kiểm định và hiệu chỉnh mô hình nghiên cứu thông qua: hệ số tin cậy Cronbach’s Alpha, phương pháp phân tích nhân tố khám phá EFA, phân tích hồi quy đa biến, kiểm định T-test và kiểm định ANOVA.</p> <p>Kết quả của nghiên cứu cho thấy Sự hài lòng (SHL) của khách hàng được hội tụ từ 4 tiêu chí, bị tác động bởi 29 tiêu chí với 5 nhân tố: (1) Nhân viên (NV); (2) Cơ sở vật chất (CSV); (3) Sự tiếp cận (TC); (4) Sự an toàn (SAT) và (5) Sự tin cậy (STC). Trong đó NV là yếu tố tác động cùng chiều mạnh mẽ nhất, tiếp sau đó lần lượt là TC – CSV – STC –</p>
--	--	---	--	---

					<p>SAT.</p> <p>Hơn nữa, kết quả kiểm định T-test và ANOVA cho thấy không có sự khác biệt bởi các yếu tố nhân khẩu học bao gồm: giới tính, nhóm tuổi, trình độ học vấn, nghề nghiệp và thu nhập về sự hài lòng của khách hàng sử dụng dịch vụ vận chuyển hành khách của Sơn Nguyên. Cuối cùng tác giả đề xuất các hàm ý nghiên cứu cho nhà quản trị và các định hướng nghiên cứu tiếp theo.</p> <p>Tác giả đã hoàn thành được mục tiêu nghiên cứu ban đầu đề ra.</p>
1463.	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định của khách hàng mua bao bì giấy Carton sóng A tại công ty TNHH công nghiệp in bao bì Hoàng Lộc	Phan Thị Cẩm Quyên	TS.LS.Nguyễn Tiến Dũng	<p>Đề tài này tập trung phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định của khách hàng mua bao bì giấy carton sóng A tại Công ty TNHH Công nghiệp In Bao bì Hoàng Lộc. Với mục tiêu là xác định nhân tố, đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến quyết định mua bao bì giấy carton sóng A của khách hàng tại Công ty Bao bì Hoàng Lộc và đề xuất hàm ý quản trị nhằm giúp công ty đáp ứng nhu cầu khách hàng. Đối tượng nghiên cứu của đề tài là các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua bao bì giấy carton sóng A của khách hàng tại Công ty TNHH Công nghiệp In Bao bì Hoàng Lộc. Đối tượng khảo sát của đề tài là những khách hàng hiện có của Công ty TNHH Công nghiệp In Bao bì Hoàng Lộc. Đề tài được nghiên cứu tại</p>

				<p>Công ty TNHH Công nghiệp In Bao bì Hoàng Lộc, TP. Cần Thơ. Đề tài sử dụng cả hai nguồn số liệu sơ cấp và số liệu thứ cấp. Số liệu thứ cấp được thu thập từ các nguồn sách báo, tạp chí chuyên ngành; các đề tài khoa học, internet ... Số liệu sơ cấp được thực hiện thông qua khảo sát các quản lý, nhân viên; khách hàng sử dụng sản phẩm của Công ty TNHH Công nghiệp In Bao bì Hoàng Lộc. Công cụ thu thập dữ liệu sơ cấp là bảng câu hỏi giấy được soạn sẵn với phương pháp phỏng vấn sâu, phỏng vấn trực tiếp. đề tài sử dụng phương pháp thống kê mô tả, phân tích tần số, phương pháp so sánh để miêu tả đặc điểm mẫu nghiên cứu, khái quát thực trạng sử dụng bao bì của khách hàng. Bên cạnh đó, phương pháp Cronbach's Alpha, EFA, hồi quy Binary Logistic được áp dụng để tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn chất liệu sản phẩm bao bì giấy carton sóng A của khách hàng tại Công ty TNHH Công nghiệp In Bao bì Hoàng Lộc. Kết quả kiểm định Binary Logistic cho biến phụ thuộc: Quyết định lựa chọn sản phẩm bao bì carton sóng A của khách hàng (Không:0, Có: 1) tương ứng với 9 biến độc lập các nhân tố ảnh hưởng: Giá cả, văn hóa-xã hội, sản phẩm, khuyến mại, lợi ích, số năm</p>
--	--	--	--	---

					hoạt động, doanh thu, giới tính, học vấn. Kết quả Sig. (Giá cả) = 0,000; Sig. (Khuyến mại) = 0,000; Sig. (Số năm hoạt động) = 0,000; Sig. (Doanh thu) = 0,000; Sig. (Hocvan) = 0,033đều < 0,1 kết luận các biến có ý nghĩa trong mô hình.
1464.	Thạc sĩ	Những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả bán hàng của công ty Mondelez Kinh Đô tại khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long	Trương Khắc Quỳnh	PGS.TS.Huỳnh Trường Huy	Nghiên cứu kết quả hoạt động bán hàng của công ty Mondelez Kinh Đô thông qua đánh giá kết quả bán hàng của đội ngũ bán hàng và kết quả bán hàng của nhà phân phối, điểm bán, từ đó tìm ra các yếu tố ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố đến kết quả bán hàng của công ty. Đề tài sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện để phỏng vấn 150 nhân viên thuộc đội ngũ bán hàng và 250 khách hàng là nhà phân phối, điểm bán. Sau khi sàng lọc nghiên cứu sử dụng 140 phiếu khảo sát của đội ngũ bán hàng và 227 phiếu khảo sát của các nhà phân phối, điểm bán. Phân tích nhân tố khám phá (EFA) cho thấy kết quả bán hàng của nhà phân phối, điểm bán chịu sự ảnh hưởng của 5 nhân tố: Đội ngũ bán hàng, Khả năng cung ứng, Nhu cầu thị trường, Chính sách bán hàng và Sản phẩm thay thế. Đối với kết quả bán hàng của đội ngũ nhân viên, phân tích EFA sau 3 vòng xoay nhân tố đã loại bỏ 2 biến ĐLLV1 và CSDN3; kết quả bán hàng của đội ngũ nhân viên chịu sự ảnh hưởng của 4 nhân tố: Chính sách doanh nghiệp, Quản lý bán hàng, Năng lực cá nhân, Động lực làm việc. Dựa trên kết quả phân tích, đề tài gợi ý một số giải pháp như sau: (1) Khai thác thông tin và nắm bắt nhu

					<p>câu thị trường, (2) Cải thiện khả năng cung ứng của công ty/nhà phân phối, (3) Linh hoạt điều chỉnh chính sách bán hàng đối với điểm bán, (4) Đào tạo định kỳ & cập nhật, điều chỉnh chính sách đối với đội ngũ bán hàng, (5) Khích lệ năng lực cá nhân tạo động lực làm việc cho đội ngũ bán hàng</p>
1465.	Thạc sĩ	<p>Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả công việc của nhân viên ngành Bưu điện tỉnh Hậu Giang</p>	<p>Phạm Giang Sơn</p>	<p>PGS.TS.Đào Duy Huân</p>	<p>Đề tài “Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả công việc của nhân viên ngành Bưu điện tỉnh Hậu Giang” được thực hiện nhằm mục tiêu chủ yếu là xác định các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả công việc của nhân viên ngành bưu điện trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Số liệu phục vụ cho nghiên cứu của đề tài được thu thập từ 210 nhân viên ngành bưu điện có thời gian làm việc từ 6 tháng trở lên tại các Bưu điện thành phố, huyện, thị xã và các Bưu cục, Bưu điện Văn hóa xã trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Phương pháp chọn mẫu với hình thức phỏng vấn trực tiếp đáp viên bằng bảng câu hỏi cấu trúc được soạn sẵn được ứng dụng để thu thập số liệu sơ cấp. Bên cạnh đó, phương pháp thống kê mô tả, phương pháp phân tích cấu trúc tuyến tính SEM là các phương pháp phân tích được sử dụng để giải quyết mục tiêu của đề tài.</p> <p>Kết quả nghiên cứu của đề tài đã xác định được 4 nhân tố quan trọng có ảnh hưởng đến hiệu quả công việc của nhân viên ngành Bưu điện tỉnh Hậu Giang, đó là: Động lực nội tại, Năng lực cá nhân và Chất lượng dịch vụ. Đồng thời, thông qua sự ảnh hưởng đến Động lực nội tại, các nhân tố Phong cách lãnh đạo và Môi trường làm việc cũng có sự tác</p>

					<p>động tích cực đến hiệu quả công việc của nhân viên ngành bưu điện. Trong các nhóm nhân tố, Năng lực cá nhân là yếu tố có sự tác động mạnh nhất đến hiệu quả công việc. Bên cạnh đó, sự phát hiện mới của nghiên cứu này là yếu tố về Chất lượng dịch vụ của bưu điện. Chất lượng dịch vụ có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của nhân viên vừa là yếu tố nâng cao động lực nội tại của họ, từ đó nâng cao lòng hăng say và gắn bó với công việc. Bên cạnh đó, dựa trên kết quả nghiên cứu của đề tài, 4 hàm ý quản trị cũng được đề xuất nhằm nâng hiệu quả công việc của nhân viên ngành Bưu điện trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cũng đã thực hiện phần mô tả tổng quan về thực trạng công việc của nhân viên ngành bưu điện trên địa bàn tỉnh Hậu Giang thông qua các tiêu chí: thông tin cá nhân, đặc điểm công việc, trình độ chuyên môn, khả năng tin học và ngoại ngữ, mức độ hoàn thành nhiệm vụ,...</p>
1466.	Thạc sĩ	Văn hóa tổ chức tại chi cục thuế tỉnh Vĩnh Long - hiện trạng và giải pháp hoàn thiện	Lê Văn Sơn	TS.Lê Cao Thanh	<p>Trải qua nhiều năm xây dựng và phát triển, văn hóa tổ chức trong Cục Thuế tỉnh Vĩnh Long đã được thiết lập và mang lại nhiều ảnh hưởng tích cực đối với hoạt động của đơn vị. Nhận thức được tầm quan trọng của VHTC, trong những năm gần đây, Cục Thuế tỉnh Vĩnh Long cũng đã quan tâm và đẩy mạnh công tác xây dựng VHTC. Tuy nhiên, vì nhiều lý do mà những nét văn hóa đó chưa được biểu hiện một cách rõ nét và chưa tạo dựng được hình ảnh của một tổ chức mạnh. Niềm tin và một số giá trị văn hóa cốt lõi mà Cục Thuế tỉnh 2 Vĩnh Long</p>

					<p>mong muốn có được trong bản sắc văn hóa của mình vẫn chưa trở thành hiện thực. Chính vì vậy, việc nghiên cứu đề tài “Văn hóa tổ chức tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Long, hiện trạng và giải pháp hoàn thiện ” được chọn thực hiện nhằm giúp cho Cục Thuế tỉnh Vĩnh Long đánh giá lại quá trình hình thành, xây dựng VHTC và tìm ra giải pháp để củng cố, hoàn thiện VHTC của mình phù hợp với định hướng phát triển của ngành Thuế Việt Nam , tạo nền tảng để Cục Thuế tỉnh Vĩnh Long hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.</p>
1467.	Thạc sĩ	<p>Các nhân tố ảnh hưởng đến sự thỏa mãn công việc của nhân viên tại công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước xã số kiến thiết Cần Thơ</p>	<p>Nguyễn Hoàng Thái</p>	<p>PGS.TS.Đào Duy Huân</p>	<p>Sự thỏa mãn trong công việc của nhân viên rất quan trọng đối với mỗi công ty, nhân viên có được sự thỏa mãn trong công việc làm tăng năng suất lao động tạo lợi thế cho công ty đạt được mục đích kinh doanh. Đề tài đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên tại công ty xã số kiến thiết Cần Thơ, nhằm mục đích đo lường mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến sự thỏa mãn công việc của nhân viên Công ty TNHH NN MTV XSKT Cần Thơ. Trên cơ sở chi số mô tả công việc (JDI) Smith và cộng sự (1969) và kế thừa các nghiên cứu thực nghiệm, nghiên cứu kiểm định 7 nhân tố ảnh hưởng đến thỏa mãn công việc gồm (1) Đặc điểm công việc, (2) Cơ hội đào tạo và thăng tiến, (3) Thu nhập, (4) Phong cách lãnh đạo, (5) Đồng nghiệp, (6) Trao quyền và (7) Văn hóa doanh nghiệp. Để đạt được các mục tiêu nghiên cứu, các phương pháp phân tích được sử dụng như: Kiểm định độ tin cậy thang đo, phân tích nhân nhân tố khám phá, phân tích hồi quy để kiểm định mô hình giả thuyết. Nghiên cứu định tính được thực hiện nhằm điều chỉnh, bổ sung biến quan sát cho các thang đo, nghiên cứu định lượng thực hiện dựa trên bộ dữ liệu được thu thập qua phỏng vấn 176 người lao</p>

					<p>động tại Công ty TNHH NN MTV XSKT Cần Thơ. Kết quả nghiên cứu tất cả 7 nhân tố đều có mối tương quan với thỏa mãn công việc tại Công ty TNHH NN MTV XSKT Cần Thơ với hệ số tương quan $R^2 = 0,742$. Nghiên cứu cũng đưa ra một số hàm ý kiến nghị cho các nhà quản lý nhằm nâng cao mức độ thỏa mãn với công việc của người lao động. Cuối cùng nghiên cứu cũng chỉ ra những hạn chế và hướng nghiên cứu trong tương lai cho các nghiên cứu tương tự.</p>
1468.	Thạc sĩ	<p>Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người dân về chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh tại bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang</p>	Lâm Hoàng Thân	GS.TS.Võ Tông Xuân	<p>Nghiên cứu này được thực hiện nhằm phân tích và đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người dân đối với chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh tại bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang. Dựa trên mẫu khảo sát gồm 300 bệnh nhân sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh tại bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang, kết quả cho thấy rằng có 6 nhân tố thuộc chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh của bệnh viện có thể ảnh hưởng đến sự hài lòng của người bệnh, gồm (1) Sự cảm thông; (2) Sự tin cậy; (3) Năng lực phục vụ; (4) Phương tiện hữu hình; (5) Đáp ứng; (6) Hình ảnh bệnh viện và ấn tượng ban đầu.</p> <p>Để đánh giá mức độ ảnh hưởng của 6 nhân tố này đến sự hài lòng của người bệnh, phân tích hồi quy đa biến được sử dụng. Bên cạnh 6 biến độc lập thuộc thang đo chất lượng dịch vụ, tác giả bổ sung thêm 04 biến kiểm soát để gia tăng tính giải thích cho mô hình hồi quy, bao gồm: Giới tính; độ tuổi; Hình thức điều trị và Có BHYT. Kết quả cho thấy có 5 nhân tố ảnh hưởng đáng kể lên sự hài lòng của bệnh nhân, bao gồm (1)</p>

					Sự cảm thông; (2) Sự tin cậy; (3) Năng lực phục vụ; (5) Đáp ứng; (6) Hình ảnh bệnh viện và ấn tượng ban đầu. Trong đó, Sự tin cậy có tác động mạnh nhất đến sự hài lòng chung. Kết quả của phân tích hồi quy còn chỉ ra rằng Tuổi bệnh nhân có mối quan hệ nghịch biến với sự hài lòng của người bệnh, cụ thể, những người lớn tuổi hơn có xu hướng ít hài lòng hơn so với những người trẻ tuổi. Từ các phát hiện trên, một số kiến nghị cũng được đề xuất nhằm gia tăng sự hài lòng của người dân đối với chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh của bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang.
1469.	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của doanh nghiệp về chất lượng dịch vụ thuế điện tử tại cục thuế thành phố Cần Thơ	Lê Trí Thọ	NGND,GS.TS. Nguyễn Thanh Tuyền	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của doanh nghiệp về chất lượng dịch vụ thuế điện tử tại cục thuế thành phố Cần Thơ tác giả đã trình bày lý do của việc lựa chọn đề tài nghiên cứu, cũng như mục tiêu mà nghiên cứu này sẽ hướng đến, đối tượng và phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu mà tác giả sẽ sử dụng. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu này cũng đã được trình bày. Bộ cục của bài nghiên cứu được thiết kế năm chương của một nghiên cứu định tính kết hợp định lượng.
1470.	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của doanh nghiệp về chất lượng đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng tại trường Đại học Tây Đô	Trần Kiều Tiên	TS.Nguyễn Phước Quý Quang	Mục tiêu chính của nghiên cứu này là xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của doanh nghiệp về chất lượng đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng tại trường Đại học Tây Đô, từ đó đánh giá sự hài lòng của doanh nghiệp và đề xuất hàm ý quản trị nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ngành Tài chính - ngân hàng tại trường Đại học Tây Đô.

					<p>Điều này rất có ý nghĩa với Khoa Kế Toán – Tài Chính - Ngân hàng trường Đại học Tây Đô trong việc nâng cao hiệu quả chất lượng đào tạo ngày càng cao, hội nhập với nền tri thức thế giới.</p> <p>Dựa trên cơ sở lý thuyết và phân tích dữ liệu thu thập được, nghiên cứu đã xác định được 5 yếu tố tác động đến sự hài lòng của doanh nghiệp đối với chất lượng đào tạo sinh viên sau khi tốt nghiệp với mức ý nghĩa quan sát Sig. < 0.05.</p> <p>Nghiên cứu này một mặt đã góp phần vào hệ thống đo lường sự hài lòng của doanh nghiệp đối với chất lượng đào tạo của trường Đại học Tây Đô. Mặt khác nghiên cứu này giúp Ban giám hiệu, lãnh đạo Khoa hiểu rõ hơn mối quan hệ thực tiễn trong hoạt động đào tạo và nhu cầu của xã hội. Từ đó xây dựng các hàm ý quản trị phù hợp nhằm tăng cao chất lượng đào tạo để có thể phục vụ tốt hơn trong sự nghiệp giáo dục, đào tạo được những sinh viên Trí tuệ - Năng động – Sáng tạo phục vụ cho công cuộc xây dựng đất nước.</p>
1471.	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ cấp phép xây dựng nhà ở tại quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	Nguyễn Thị Ngọc Trân	HD1:TS.Trần Kiều Nga, HD2:TS.LS.Nguyễn Tiến Dũng	<p>Theo đó, hàng năm thành phố Cần Thơ cũng thực hiện các khảo sát về sự hài lòng của công dân, cũng như chất lượng dịch vụ hành chính công nhưng kết quả khảo sát chưa phản ánh đầy đủ các yếu tố tác động đến sự hài lòng của công dân, cũng như chất lượng dịch vụ hành chính công do các cơ quan hành chính nhà nước tại thành phố Cần Thơ cung cấp. Vì vậy, việc tìm ra những thành phần chất lượng dịch vụ tác động đến sự hài lòng của công dân tại địa</p>

					<p>phương có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ. Nhận thức được tầm quan trọng sự hài lòng của công dân đối với sự tồn tại và phát triển dịch vụ hành chính công tại quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ đặc biệt là lĩnh vực cấp phép xây dựng nhà ở (một trong những ngành được xem là khá nhạy cảm trong giai đoạn hiện nay), nên tôi chọn nghiên cứu đề tài “<i>Phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người dân khi thực hiện thủ tục xin phép xây dựng nhà ở tại quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ</i>” để thực hiện luận văn tốt nghiệp.</p>
1472.	Thạc sĩ	<p>Quản trị rủi ro tín dụng tại chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Hậu Giang</p>	<p>Nguyễn Hữu Trần</p>	<p>TS.Lê Đình Hạc</p>	<p>chi nhánh NHCSXH tỉnh Hậu Giang ra đời và đi vào hoạt động với lực lượng cán bộ đa phần là trẻ, mới tốt nghiệp nên xem lĩnh vực hoạt động tín dụng chính sách là lĩnh vực còn nhiều mới mẻ, chưa có kinh nghiệm thực tiễn, chưa được nghiên cứu đầy đủ. Vấn đề quản trị RRTD, đảm bảo cung ứng vốn có hiệu quả cho các đối tượng thụ hưởng của NHCSXH trên địa bàn tỉnh Hậu Giang cần được quan tâm hàng đầu, đây là vấn đề cấp thiết cần được nghiên cứu đề sớm thực thi. Xuất phát từ lý do nêu trên tôi chọn đề tài: “<i>Giải pháp hoàn thiện quản trị rủi ro tín dụng tại chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Hậu Giang</i>” làm đề tài nghiên cứu khoa học của mình. Qua đó giúp cho bản thân nắm bắt đầy đủ hơn, bao quát hơn hoạt động tín dụng tại chi nhánh NHCSXH tỉnh Hậu Giang để có những giải pháp hữu hiệu nhằm quản trị RRTD có thể áp dụng trong công việc thực tế của mình.</p>

1473.	Thạc sĩ	<p>Nâng cao hoạt động Marketing nhằm phát triển tín dụng bán lẻ tại ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long chi nhánh Cần Thơ</p>	Ngô Khánh Trang	TS.Nguyễn Quyết Thắng	<p>Đề tài “Giải pháp nâng cao công tác Marketing nhằm phát triển tín dụng bán lẻ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long Chi nhánh Cần Thơ” tập trung nghiên cứu thực trạng hoạt động kinh doanh từ năm 2014 đến 2016 và thực trạng các biện pháp Marketing dịch vụ tín dụng bán lẻ tại Chi nhánh. Tác giả đã sử dụng một số phương pháp phân tích thống kê mô tả, đối chiếu so sánh... dựa trên các số liệu, báo cáo, hình ảnh thu thập từ Kienlongbank CN Cần Thơ và tiến hành trao đổi phỏng vấn một số cán bộ chủ chốt của Ngân hàng và gặp gỡ một số khách hàng tại quầy giao dịch để trao đổi, thu thập ý kiến của họ. Tham khảo ý kiến chuyên gia trong ngành Ngân hàng thương mại về các hoạt động Marketing tín dụng bán lẻ của các Ngân hàng trước đây, hiện nay và thời gian sắp tới.</p> <p>Đề tài còn tập trung nghiên cứu môi trường bên trong để xác định được điểm mạnh, điểm yếu được đánh giá qua ma trận IFE, nghiên cứu môi trường bên ngoài để xác định được các cơ hội và những đe dọa tiềm ẩn được đánh giá qua ma trận EFE. Khi đã xác định được điểm mạnh điểm yếu, cơ hội và nguy cơ, tác giả có phân tích ma trận SWOT để lựa chọn 4 nhóm giải pháp. Đồng thời, tác giả đề ra 7 giải pháp cụ thể để thực hiện các giải pháp trên thông qua Marketing hỗn hợp 7P's, gồm: (1) Hoàn thiện chiến lược sản phẩm; (2) Hoàn thiện chiến lược giá theo cơ chế thị trường; (3) Hoàn thiện chiến lược phân phối sản phẩm dịch vụ; (4) Hoàn thiện chiến lược xúc tiến hỗn hợp; (5) Hoàn</p>
-------	---------	--	-----------------	-----------------------	--

					<p>thiện các quy trình; (6) Hoàn thiện chiến lược con người; (7) Hoàn thiện cơ sở hạ tầng. Bên cạnh đó để các giải pháp thực hiện tốt hơn, tác giả đã kiến nghị với Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước và Hội sở chính.</p>
1474.	Thạc sĩ	<p>Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng trong công việc của nhân viên văn phòng tại các doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn huyện Thới Lai</p>	<p>Nguyễn Thị Bảo Trang</p>	<p>PGS.TS.Phan Văn Thơm</p>	<p>Đề tài “Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng trong công việc của nhân viên văn phòng tại các doanh nghiệp trên địa bàn huyện Thới Lai, Tp Cần Thơ” được thực hiện nhằm đo lường sự ảnh hưởng của mức độ hài lòng trong công việc của nhân viên đối với doanh nghiệp trên địa bàn huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ. Qua đó, tác giả đề xuất một số giải pháp để nâng cao mức độ hài lòng của nhân viên với các doanh nghiệp.</p> <p>Mẫu nghiên cứu gồm 180 người (trong đó có 93 nam và 87 nữ) đang làm việc cho các doanh nghiệp tư nhân tại huyện Thới Lai thuộc thành phố Cần Thơ. Phương pháp xử lý số liệu được sử dụng trong đề tài bao gồm: thống kê mô tả, phân tích nhân tố khám phá EFA, phân tích hồi qui tuyến tính đa biến, kiểm định T-test và phân tích phương sai Anova với sự hỗ trợ của phần mềm SPSS.</p> <p>Kết quả nghiên cứu cho thấy có 5 yếu tố thành phần hài lòng trong công việc bao gồm: “ Tiền lương và phúc lợi”, “ Đồng nghiệp”, “Bản chất công việc”, “Lãnh đạo”, “ Cơ hội đạo tạo thăng tiến”.</p> <p>Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy: (i) có sự khác biệt về mức độ hài lòng của nhân viên đối với doanh nghiệp theo thu nhập trung bình hàng tháng và theo thâm</p>

					<p>niên làm việc của nhân viên; (ii) không có sự khác biệt về mức độ hài lòng trong công việc của nhân viên với doanh nghiệp theo giới tính, trình độ học vấn, số lần chuyển chỗ làm, vị trí công tác của họ tại doanh nghiệp mà họ đang làm việc.</p> <p>Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu trên, tác giả đã đề xuất 05 nhóm giải pháp nâng cao mức độ hài lòng trong công việc của nhân viên đối với doanh nghiệp tại huyện Thới Lai thành phố Cần Thơ. Năm nhóm giải pháp đó bao gồm: (i) giải pháp về “Tiền lương và phúc lợi” (ii) giải pháp về “Đồng nghiệp”, (iii) giải pháp về “Bản chất công việc”, (iv) giải pháp về “Lãnh đạo”, (v) giải pháp về “Cơ hội đào tạo thăng tiến”</p>
1475.	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của cán bộ Công đoàn cơ sở với tổ chức Công đoàn tại các doanh nghiệp trên địa bàn khu công nghiệp Trà Nóc - Cần Thơ	Trương Tô Trang	TS.Nguyễn Ngọc Minh	<p>Luận văn với tựa đề “Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của cán bộ Công đoàn cơ sở với tổ chức Công đoàn tại các doanh nghiệp trên địa bàn khu công nghiệp Trà Nóc - Cần Thơ”. Trong nghiên cứu này tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng. Kết quả nghiên cứu được tác giả tổng hợp từ các lý thuyết về sự gắn kết với tổ chức, lược khảo được một số nghiên cứu trước đây liên quan đến đề tài nghiên cứu nhằm xác định được các yếu tố chính ảnh hưởng đến sự gắn kết của cán bộ CĐCS gồm 06 yếu tố là: (1) Phong các lãnh đạo (04 biến quan sát), (2) Khen thưởng công bằng (05 biến quan sát), (3) Thu nhập (05 biến quan sát), (4) Đào tạo thăng tiến (05 biến quan sát),</p>

				<p>(5) Quan hệ đồng nghiệp (04 biến quan sát), (6) Bàn chất công việc (06 biến quan sát); 01 biến trung gian (04 biến quan sát) và 01 biến phụ thuộc (04 biến quan sát). Kết quả kiểm định mô hình nghiên cứu đề xuất và các giả thuyết cho thấy, mô hình nghiên cứu không có gì thay đổi so với đề xuất ban đầu. Cả 06 yếu tố đều tác động đến sự hài lòng của cán bộ CĐCS trong đó có 04 yếu tố tác động tích cực (tác động +); 02 yếu tố tác động tiêu cực (tác động -) là yếu tố “Đào tạo thăng tiến” và “Thu nhập”.</p> <p>Kết quả nghiên cứu của luận văn đã đáp ứng được các mục tiêu đặt ra:</p> <p>Một là, xác định được các yếu tố ảnh hưởng tác động đến sự gắn kết của cán bộ CĐCS với tổ chức Công đoàn tại các doanh nghiệp khu công nghiệp Trà Nóc – Cần Thơ và lượng hóa mức độ của các thang đo. Cụ thể là:</p> <ul style="list-style-type: none"> + (1) Yếu tố khen thưởng công bằng (KTCB): $\beta = 0,551$ + (2) Yếu tố Phong cách lãnh đạo (PCLD): $\beta = 0,275$ + (3) Yếu tố Bàn chất công việc (BCCV): $\beta = 0,216$ + (4) Yếu tố quan hệ đồng nghiệp (QHDN): $\beta = 0,164$ + (5) Yếu tố Đào tạo và thăng tiến (DTTT): $\beta = -0,155$ + (6) Yếu tố Thu nhập (TN): $\beta = -0,196$ <p>Hai là, nghiên cứu đã đánh giá được cảm nhận của</p>
--	--	--	--	---

					<p>cán bộ CĐCS đối với các biên quan sát (các câu hỏi) để từ đó hiểu hơn về thực trạng các vấn đề mà nghiên cứu đề cập đến kết hợp với mức độ tác động của các yếu tố làm cơ sở để đưa ra các phân tích đánh giá và đề ra các hàm ý quản trị nhằm duy trì và nâng cao sự gắn kết của cán bộ CĐCS đối với tổ chức Công đoàn thành phố Cần Thơ.</p> <p>Ba là, nghiên cứu đã vận dụng được phương pháp nghiên cứu định lượng gồm các bước: Đánh giá độ tin cậy Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá – EFA, phân tích nhân tố khẳng định – CFA, phân tích cấu trúc tuyến tính – SEM, kiểm định Bootstrap, Kiểm định sự khác biệt.</p>
1476.	Thạc sĩ	<p>Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho sự nghiệp giáo dục quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ</p>	Lại Hoàng Vinh Trình	TS.Nguyễn Ngọc Minh	<p>Chi ngân sách nhà nước cho sự nghiệp giáo dục luôn được quan tâm, có vị trí đặc biệt quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, nhất là quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Do vậy, cần phải xác định rõ nguyên nhân, các yếu tố ảnh hưởng hiệu quả quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho sự nghiệp giáo dục và từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chi thường xuyên ngân sách cho sự nghiệp giáo dục, góp phần đảm bảo quản lý ngân sách của quận đúng theo quy định, sử dụng ngân sách có hiệu quả và đây cũng là lý do tác giả chọn Đề tài “ Giải pháp nâng</p>

					<p>cao hiệu quả quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho sự nghiệp giáo dục quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ”</p> <p>Bằng phương pháp nghiên cứu định tính thu thập số liệu theo phương pháp phỏng vấn 12 chuyên gia am hiểu trong lĩnh vực quản lý ngân sách, kết hợp với phương pháp phân tích thống kê để làm rõ thêm thực trạng trong quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho sự nghiệp giáo dục và thu thập số liệu thứ cấp và xử lý số liệu 05 năm từ năm 2012 đến năm 2016 tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ được sử dụng trong nghiên cứu đề tài này.</p> <p>Dựa trên kết quả nghiên cứu và cơ sở lý luận, tác giả đã đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho sự nghiệp giáo dục đào tạo quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.</p>
1477.	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang	Trần Quang Trung	GS.TS.Võ Tông Xuân	<p>Đề tài phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang dựa trên số liệu được thu thập thông qua phỏng vấn trực tiếp 300 khách hàng đến giao dịch tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở. Dữ liệu thu</p>

				<p>thập trước hết được kiểm tra độ tin cậy của thang đo dùng chỉ số Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), các nhân tố liên quan được đưa vào mô hình hồi quy Binary Logistic để đánh giá sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang.</p> <p>Kết quả phân tích cho thấy sự hài lòng của khách hàng phần lớn phụ thuộc vào: sự tin cậy, phương tiện hữu hình, năng lực phục vụ của nhân viên, thái độ phục vụ của nhân viên, sự đồng cảm của nhân viên, cuối cùng là quy trình thủ tục hành chính. Trong đó, thành phần thái độ phục vụ của nhân viên tác động mạnh nhất đến sự hài lòng của khách hàng, kế đến là thành phần quy trình thủ tục hành chính, tiếp theo thành phần sự đồng cảm của nhân viên; hai thành phần năng lực phục vụ của nhân viên và phương tiện hữu hình được đánh giá tương đương nhau và cuối cùng là thành phần Sự tin cậy. Điều đáng chú ý, cả sáu thành phần đo lường chất lượng dịch vụ hành chính công và sự hài lòng của người dân đều được đánh giá ở mức cao. Thông qua kết quả trên và tổng hợp các ý kiến đóng góp của khách hàng trong cuộc khảo sát, đề</p>
--	--	--	--	--

					<p>tài đã đề xuất một số giải pháp khả thi nhằm nâng cao sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang. Các giải pháp chủ yếu xoay quanh vấn đề nâng cao các yếu tố thành phần thái độ phục vụ, quy trình thủ tục và sự tin cậy, năng lực phục vụ của nhân viên, phương tiện hữu hình, sự đồng cảm của nhân viên.</p> <p><i>Từ khoá: sự hài lòng, dịch vụ đăng ký kinh doanh.</i></p>
1478.	Thạc sĩ	<p>Quản trị rủi ro tín dụng sản phẩm nông nghiệp tại ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam - chi nhánh Cần Thơ</p>	<p>Trương Hoàng Tuấn</p>	<p>PGS.TS. Nguyễn Tri Khiêm</p>	<p>Luận văn này nghiên cứu những nguyên nhân ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng trong cho vay sản phẩm nông nghiệp tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Cần Thơ. Tác giả cũng đã tiến hành phân tích, đánh giá những điểm mạnh - yếu và bài học kinh nghiệm rút ra trong công tác quản trị rủi ro tín dụng từ thực tế cho vay tại chi nhánh.</p> <p>Từ việc tiếp cận những lý luận cơ bản về quản trị rủi ro của ngân hàng trong nền kinh tế thị trường, so sánh với thực tiễn đánh giá hoạt động quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - chi nhánh Cần Thơ, đồng thời kết hợp với những ý kiến được tổng hợp từ kết quả phỏng vấn và thảo luận với những chuyên gia là lãnh đạo các phòng ban tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Cần Thơ cũng như các chi nhánh, phòng giao dịch của Maritime Bank trên địa bàn, tác giả mong muốn làm sáng tỏ vấn đề cần đặt ra đó là: Thực trạng công tác quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay nông nghiệp tại</p>

					Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Cần Thơ? Những nguyên nhân ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng trong việc cho vay loại hình này? Giải pháp nào để hoàn thiện quản trị rủi ro tín dụng mang tính thực tiễn cao tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Cần Thơ trong thời gian sắp tới?
1479.	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên Agribank chi nhánh Hậu Giang	Trần Quốc Tuấn	NGND,GS.TS. Nguyễn Thanh Tuyền	<p>Luận văn “Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến Động lực làm việc của nhân viên Agribank Chi nhánh Hậu Giang” được thực hiện nhằm mục đích xác định các yếu tố ảnh hưởng đến Động lực làm việc của nhân viên Agribank Hậu Giang, từ đó đề xuất một số hàm ý quản trị nhằm nâng cao động lực làm việc của nhân viên Agribank Hậu Giang. Số liệu phục vụ cho nghiên cứu được thu thập từ 120 nhân viên đang làm việc tại Agribank Hậu Giang. Phương pháp nghiên cứu được sử dụng bao gồm: thống kê mô tả, kiểm định độ tin cậy của thang đo thông qua hệ số Cronbach’s Alpha, phân tích nhân tố khám phá, hồi quy tuyến tính.</p> <p>Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 6 yếu tố ảnh hưởng đến Động lực làm việc bao gồm: Cơ hội thăng tiến, Khen thưởng và Cộng nhận thành tích; Văn hóa Ngân hàng; Hỗ trợ cấp trên và đồng nghiệp; Lương và Phúc lợi; Sự hứng thú trong công việc; Điều kiện làm việc. Trong đó, yếu tố Cơ hội thăng tiến, Khen thưởng và Cộng nhận thành tích là yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất đến Động lực làm việc. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất 6 hàm ý quản trị nhằm nâng cao Động lực làm việc cho nhân</p>

					viên Agribank Hậu Giang liên quan đến 6 nhân tố ảnh hưởng đến Động lực làm việc.
1480.	Thạc sĩ	Giải pháp hoàn thiện quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Tây Cần Thơ	Nguyễn Thị Kim Tuyền	PGS.TS.Vương Quốc Duy	<p>Luận văn này nghiên cứu những nguyên nhân ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Cần Thơ. Tác giả cũng đã tiến hành phân tích, đánh giá những điểm mạnh - yếu và bài học kinh nghiệm rút ra trong công tác quản trị rủi ro tín dụng từ thực tế cho vay tại Chi nhánh.</p> <p>Từ việc tiếp cận những lý luận cơ bản về quản trị rủi ro của ngân hàng trong nền kinh tế thị trường, so sánh với thực tiễn đánh giá hoạt động quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Tây Cần Thơ, đồng thời kết hợp với những ý kiến được tổng hợp từ kết quả phỏng vấn và thảo luận với 20 chuyên gia là lãnh đạo các phòng ban tại VCB Tây Cần Thơ cũng như các chi nhánh VCB trong khu vực và một số ban giám đốc của các tổ chức tín dụng trên địa bàn, tác giả mong muốn làm sáng tỏ vấn đề cần đặt ra đó là: Thực trạng công tác quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại VCB Tây Cần Thơ? Những nguyên nhân nào ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng trong việc cho vay loại hình này? Giải pháp nào để hoàn thiện quản trị rủi ro tín dụng mang tính thực tiễn cao tại VCB Tây Cần Thơ trong thời gian sắp tới.</p>
1481.	Thạc sĩ	<i>Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của bác sĩ tại Bệnh Viện Quân Y 121</i>	Đoàn Thị Linh Tuyết	GS.TS.Nguyễn Thanh Tuyền	<p>Đề tài “<i>Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của bác sĩ tại Bệnh Viện Quân Y 121</i>” được thực hiện từ tháng 01/ 2018</p>

					<p>đến tháng 06/2018. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là phân tích thực trạng tạo động lực làm việc và các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của bác sĩ tại Bệnh viện Quân Y 121 Cần Thơ. Từ đó, tác giả đề xuất một số giải pháp để nâng cao động lực làm việc cho đội ngũ cán bộ bác sĩ ngành y cũng như nâng cao chất sử dụng nguồn nhân lực tại Bệnh viện Quân Y 121 hiện nay và giai đoạn sắp tới.</p> <p>Để thực hiện mục tiêu trên, tác giả sử dụng phương pháp thống kê mô tả, hệ số tin cậy Cronbach' Alpha, phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA) và hồi quy nhị phân logistic để tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của bác sĩ tại Bệnh viện Quân Y 121 Cần Thơ.</p> <p>Kết quả phân tích hồi quy, cho thấy có 5 nhóm biến có ý nghĩa thống kê và tất cả đều tương quan thuận với động lực làm việc. Biến có tác động lớn nhất là “Chính sách hỗ trợ”; kế tiếp là biến “Điều kiện làm việc và quan hệ công việc”; sau đó là biến “Sự ghi nhận đóng góp và cơ hội thăng tiến”; “Đặc điểm công việc” và cuối cùng là biến “Môi trường làm việc”</p>
1482.	Thạc sĩ	Hoạch định chiến lược phát triển kinh doanh cho công ty Điện lực Bạc Liêu đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025	Trần Út	HD1:PGS.TS. Đào Duy Huân- HD2:TS.Trần Thị Kiều Trang	<p>Để hoàn thành sứ mệnh, mục tiêu và chiến lược phát triển kinh doanh của mình, Công ty cần phải có những chiến lược để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực hiện tại và trong tương lai, phù hợp với điều kiện mới của nền kinh tế cũng như các chính sách mới, phù hợp với xu thế mới, đảm bảo cung cấp điện ổn định cũng như phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn và chuẩn bị tham gia thị trường điện cạnh tranh.</p> <p>Chính vì vậy tôi chọn đề tài: “<i>Hoạch định chiến lược</i>”</p>

					phát triển kinh doanh cho Công ty Điện lực Bạc Liêu đến năm 2020 và tầm nhìn 2025" để làm luận văn Thạc sỹ ngành Quản trị Kinh doanh và đề định hướng kinh doanh.
1483.	Thạc sĩ	HOÀN THIỆN QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN – CHI NHÁNH CẦN THƠ (Từ Phân Tích Dự Án Đầu Tư Nhà Máy Chế Biến Thủy Sản An TS. Phước)	Dương Kiện Văn	Trần Kiều Nga PGS.TS. Đào Duy Huân	Trong hoạt động kinh doanh ngân hàng, lợi nhuận từ hoạt động tín dụng chiếm tỷ trọng chủ yếu trong thu nhập của các ngân hàng. Tuy nhiên, hoạt động này luôn tiềm ẩn những rủi ro cao, đặc biệt là trong nền kinh tế đang phát triển như nước ta hiện nay bởi hệ thống thông tin thiếu minh bạch và không đầy đủ, trình độ quản trị rủi ro còn nhiều hạn chế, tính chuyên nghiệp của nhân viên ngân hàng vẫn chưa cao, v.v... Rủi ro tín dụng luôn song hành cùng với các hoạt động tín dụng của một chi nhánh. Chúng ta không thể loại bỏ hoàn toàn yếu tố rủi ro trong hoạt động tín dụng mà chỉ có thể áp dụng các biện pháp nhằm phòng ngừa và giảm tối đa thiệt hại khi rủi ro xảy ra. Trong hoạt động cho vay, nhất là cho vay đầu tư các dự án ở các ngân hàng trên địa bàn TP Cần Thơ nói chung và Ngân hàng TMCP Sài Gòn – chi nhánh Cần Thơ nói riêng, tình hình thẩm định các dự án nhìn chung còn khá sơ sài, chưa được quan tâm đúng mức, cách thức thẩm định các dự án còn khá tùy tiện, chưa đi vào khuôn mẫu và chưa đánh giá hết những rủi ro có thể xảy ra khi chấp nhận đầu tư vào dự án.

					<p>Từ những nhận thức đối với tầm quan trọng của vấn đề và đứng trên cương vị một nhà quản lý chi nhánh, tôi xin chọn đề tài “<i>Hoàn thiện quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Thương mại số phần Sài Gòn – chi nhánh Cần Thơ. (Từ phân tích dự án đầu tư Nhà máy chế biến thủy sản An Phước)</i>” cho luận văn thạc sĩ của</p>
1484.	Thạc sĩ		Võ Ngọc Anh Vũ		<p>Đề tài “Đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ phân phối dược phẩm của công ty cổ phần Dược Hậu Giang tại thành phố Cần Thơ ” được thực hiện trong khoảng thời gian từ tháng 03/2017 đến tháng 09/2017.</p> <p>Nghiên cứu được tiến hành với mục đích khảo sát đánh giá của các khách hàng về chất lượng dịch vụ phân phối dược phẩm của DHG PHARMA thông qua kiểm định các thành phần chất lượng dịch vụ phân phối dược phẩm, cũng như kiểm định mối quan hệ giữa các thành phần của chất lượng dịch vụ phân phối với mức độ hài lòng của khách hàng. Tiến hành nghiên cứu sơ bộ trải qua 2 giai đoạn: Nghiên cứu định tính bằng cách phỏng vấn các khách hàng là chủ nhà thuốc hoặc là người quyết định đặt đơn hàng mua sản phẩm để khám phá, điều chỉnh và bổ sung mô hình thang đo chất lượng dịch vụ phân phối dược phẩm và nghiên cứu định lượng sơ bộ.</p> <p>Nghiên cứu định tính được thực hiện qua các bước: Phỏng vấn thu thập ý kiến 20 khách hàng nhà thuốc, phỏng vấn tay đôi, thảo luận nhóm. Nghiên cứu định lượng sơ bộ được thực hiện với 150 mẫu.</p>

				<p>Từ kết quả nghiên cứu định lượng sơ bộ, điều chỉnh thang đo.</p> <p>Tiến hành nghiên cứu chính thức với 310 mẫu. Sau đó các số liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS 16.0. Tiếp tục tiến hành kiểm định độ tin cậy của thang đo, phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích nhân tố khẳng định (CFA), phân tích tương quan giữa các thành phần như mô hình cấu trúc tuyến tính SEM, sau đó phân tích hồi quy tuyến tính bội, và đo lường mức độ tác động của các yếu tố đến sự hài lòng của khách hàng nhà thuốc.</p> <p>Thang đo chất lượng dịch vụ phân phối được phẩm được xây dựng gồm 7 thành phần: (1) Đáp ứng, (2) thông tin truyền thông, (3) tin cậy, (4) đồng cảm (5) giá cả và thanh toán, (6) sản phẩm được, (7) phương tiện hữu hình, sau khi kiểm định, kết quả thang đo chất lượng dịch vụ phân phối còn 6 thành phần ứng với 41 biến độc lập. Tiếp tục phân tích nhân tố khám phá (EFA) còn lại 37 biến quan sát, đồng thời được nhóm lại thành 6 thành phần chính và được đặt tên cho phù hợp với các biến quan sát. Kết quả phân tích hồi quy cho thấy 6 thành phần phân phối dược phẩm có ảnh hưởng đến sự hài lòng của các nhà thuốc theo mức độ giảm dần: Thành phần đáp ứng; thành phần đồng cảm; thành phần tin cậy; thành phần thông tin truyền thông; thành phần giá cả và thanh toán; thành phần sản phẩm.</p> <p>Từ những phương pháp phân tích và kết quả nghiên cứu nêu trên giúp cho DHG PHARMA có một cái nhìn toàn diện hơn về chất</p>
--	--	--	--	--

					<p>lượng dịch vụ phân phối dược phẩm và từ đó có những giải pháp chiến lược thích ứng như: Tuyển chọn và đào tạo đội ngũ nhân viên bán hàng chuyên nghiệp; đẩy mạnh tư vấn thông tin về thuốc; cung cấp nhiều giải pháp tiện ích cho khách hàng, đổi mới, đa dạng các phương thức quảng bá giới thiệu sản phẩm và thương hiệu. Đề tài đề xuất một số giải pháp để thực hiện hy vọng sẽ làm hài lòng khách hàng nhà thuốc và mang lại hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh của DHG PHARMA.</p>
1485.	Thạc sĩ	<p>Các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của nhân viên đối với công ty cổ phần Mía đường Cần Thơ</p>	Đoàn Phước Bình	<p>NGND,GS.TS. Nguyễn Thanh Tuyền</p>	<p>Theo Adrian Gostick & Chester Elton, 2006: “Một tổ chức sẽ bị tổn thất rất lớn khi để mất đi những nhân viên thật sự có năng lực”. Công ty cổ phần Mía đường Cần Thơ (CASUCO), nhìn chung, người nhân viên thiếu gắn kết, vì lao động có tính thời vụ, là người làm việc lâu năm, chọn đề tài: “Các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của nhân viên đối với Công ty cổ phần Mía đường Cần Thơ” làm đề tài Luận văn MBA. Mục tiêu của đề tài là phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của nhân viên văn phòng đối với CASUCO, từ đó đưa ra hàm ý quản trị, nhằm làm tăng sự gắn kết. Phương pháp thực hiện đề tài là định tính để xác định mô hình và định lượng để đánh giá mức độ ảnh hưởng các yếu tố ảnh hưởng đến gắn kết. Kết quả đạt được như sau:</p> <p><i>Một.</i> Đã xây dựng được mô hình gồm 10 nhân tố, với 44 biến quan sát (trong đó có: 06 nhân tố độc lập, với 30 biến quan sát; 01 nhân tố trung gian, với 03 biến quan sát, 03 nhân tố phụ thuộc, với 11 biến quan sát), với cỡ mẫu là toàn</p>

					<p>bộ nhân viên văn phòng của CASUCO.</p> <p><i>Hai.</i> Sử dụng mô hình SEM, sau khi kiểm định Cronbach's alpha và phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA), cho thấy mô hình ban đầu phù hợp và được giữ lại.</p> <p><i>Ba.</i> phân tích nhân tố (CFA) để khẳng định một lần nữa độ tin cậy, phân tích SEM, sử dụng nhân tố bậc 2 (trong phần mềm AMOS) để xác định, đo lường và đánh giá mức độ ảnh hưởng đến sự gắn kết; sử dụng BOOTSTRAP để kiểm định lại giả thuyết và chỉ ra rằng có 06 nhân tố ảnh hưởng: Phong cách lãnh đạo, Văn hóa Công ty, Thu nhập, Quan hệ với đồng nghiệp, Bản chất công việc, Đào tạo và thăng tiến, Sự hài lòng.</p> <p><i>Bốn.</i> Kiểm định Independent – sample T–test và phân tích phương sai một yếu tố (Oneway ANOVA) các biến như: Giới tính, thâm niên, trình độ học vấn, tuổi và thu nhập, xem có sự khác biệt hay không trong sự đánh giá của nhân viên theo từng nhóm biến khác nhau khi đánh giá từng tiêu chí thuộc “Sự gắn kết vì tình cảm”, “Sự gắn kết để duy trì” và “Sự gắn kết vì đạo đức”.</p> <p><i>Năm.</i> Đưa ra các hàm ý quản trị, nhằm tăng sự gắn kết. Đồng thời nêu lên các hạn chế của đề tài và hướng nghiên cứu tiếp.</p>
1486.	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng đối với nhãn hàng Hapacol của công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Nguyễn Hoàng Chiến	TS.LS.Nguyễn Tiến Dũng	<p>Nghiên cứu này tập trung đo lường mức độ hài lòng của khách hàng tại quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ đối với nhãn hàng Hapacol của công ty Cổ phần dược Hậu Giang. Số liệu được thu thập thông qua việc phỏng vấn 225 khách hàng tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ</p>

					<p>thông qua bảng câu hỏi khảo sát. Dữ liệu thu thập được tiến hành phân tích bằng phần mềm SPSS, sau khi phân tích chỉ số Cronbach's Alpha, phân tích EFA, các nhân tố liên quan được đưa vào mô hình hồi quy đa biến để đánh giá sự hài lòng của khách hàng về nhãn hàng Hapacol. Kết quả phân tích cho thấy sự hài lòng của khách hàng phần lớn phụ thuộc vào Chất lượng sản phẩm, Khả năng đáp ứng, Sự tin cậy, năng lực phục vụ. Thông qua kết quả phân tích và tổng hợp các ý kiến đóng góp của khách hàng trong cuộc khảo sát, tác giả đề xuất một số hàm ý quản trị để nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng đối với nhãn hàng Hapacol của công ty Cổ phần dược Hậu Giang.</p>
1487.	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự thỏa mãn trong công việc của công chức Cục Hải Quan thành phố Cần Thơ	Hà Thị Thúy Diễm	PGS.TS.Bùi Văn Trịnh	<p>Đề tài "<i>Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự thỏa mãn trong công việc của công chức Cục hải quan TP. Cần Thơ</i>" được thực hiện từ tháng 12 năm 2017 đến tháng 6 năm 2018.</p> <p>Nghiên cứu được thực hiện nhằm phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự thỏa mãn và kiến nghị chính sách cụ thể để nâng cao mức độ thỏa mãn của công chức Cục Hải quan TP.Cần Thơ. Phương pháp được sử dụng để kiểm định thang đo và mô hình nghiên cứu gồm nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng. Nghiên cứu định tính được thực hiện thông qua phỏng vấn 10 công chức để điều chỉnh, bổ sung các biến cho phù hợp, hoàn thiện thang đo. Nghiên cứu định lượng được thực hiện qua việc thu thập thông qua 168 quan sát là công chức Cục hải quan TP.Cần Thơ bằng phương pháp thuận tiện. Nghiên cứu này dùng để kiểm định độ tin cậy, giá trị của thang đo và mô hình lý thuyết thông qua các phương pháp</p>

					<p>thống kê mô tả, kiểm định T-test, kiểm định Anova, phương pháp phân tích Cronbach's Alpha, phương pháp phân tích nhân tố khám phá EFA, phân tích hồi quy.</p> <p>Kết quả phân tích cho thấy, có 6 yếu tố ảnh hưởng đến sự thỏa mãn trong công việc của công chức Cục hải quan TP. Cần Thơ đó là: Phúc lợi, Đồng nghiệp, Đào tạo – thăng tiến, Lãnh đạo, Bản chất công việc và Điều kiện làm việc. Từ các yếu tố được xác định, đề tài đã đề xuất 06 hàm ý quản trị để duy trì và nâng cao hơn nữa sự thỏa mãn trong công việc của công chức Cục hải quan TP. Cần Thơ./.</p>
1488.	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của công chức, viên chức Sở Công thương thành phố Cần Thơ	Nguyễn Thị Mộng Điều	PGS.TS. Bùi Văn Trịnh	<p>Luận văn “<i>Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của công chức, viên chức tại Sở Công Thương thành phố Cần Thơ</i>” được thực hiện từ tháng 01 năm 2018.</p> <p>Nghiên cứu đã xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của công chức, viên chức tại Sở Công Thương thành phố Cần Thơ. Xây dựng mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc và ước lượng mức độ ảnh hưởng của các nhân tố trong mô hình nghiên cứu. Kết quả phân tích, thảo luận sẽ là cơ sở để tác giả đưa ra những kết luận và đề xuất một số hàm ý quản trị nhằm duy trì và nâng cao hơn nữa động lực làm việc của công chức, viên chức tại Sở Công Thương thành phố Cần Thơ, cũng như giúp cơ quan có những chính sách ưu đãi hợp lý để nâng cao hiệu suất làm việc của nhân viên.</p> <p>Phương pháp nghiên cứu bao gồm: Nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng. Trong đó, phương pháp nghiên cứu định tính nhằm xây dựng mô hình nghiên cứu lý thuyết và xây dựng các thang đo nhập. Phương pháp nghiên cứu định lượng dùng để kiểm định mô hình nghiên cứu lý thuyết</p>

					<p>và kiểm định các giả thuyết nghiên cứu, lượng hóa các nhân tố thông qua: Kiểm định độ tin cậy (Cronbach's Alpha), phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích tương quan, phân tích tích hồi quy đa biến, kiểm định sự khác biệt.</p> <p>Kết quả nghiên cứu đã xác định được 04 nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của công chức, viên chức tại Sở Công Thương thành phố Cần Thơ bao gồm: Sự hấp dẫn tham gia vào quá trình làm chính sách (APP); Cam kết vì lợi ích công (CPI); Lòng nhân từ (COM); Đối với nhóm nhân tố Sự tự hy sinh (SS). Dựa trên mức độ tác động của các nhân tố này để đưa các hàm ý quản trị. Tác giả cũng đã đề xuất 04 hàm ý quản trị để duy trì và nâng cao hơn nữa động lực làm việc của các công chức, viên chức./.</p>
1489.	Thạc sĩ	Các giải pháp hoàn thiện văn hóa công ty cổ phần dược Hậu Giang	Lê Hữu Hạnh	TS.LS.Nguyễn Tiến Dũng	<p><i>Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang</i> không những có vị thế cao trên thị trường dược phẩm, mà còn là công ty có văn hóa được hình thành sớm, gắn liền với sự phát triển của công ty. Tuy vậy, do sự thay đổi nhanh chóng của môi trường bên trong và bên ngoài, vì vậy cần phải tiếp tục hoàn thiện. Vì vậy "<i>Các giải pháp hoàn thiện văn hóa doanh nghiệp tại Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang</i>" được làm đề tài nghiên cứu luận văn thạc sĩ quản trị kinh doanh. Mục tiêu là phân tích hiện trạng và đưa ra giải pháp hoàn thiện <i>văn hóa doanh nghiệp tại Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang</i> hiện nay.</p> <p>Luận văn sử dụng chủ yếu phương pháp nghiên cứu định tính. Sử dụng bảng câu hỏi, phỏng vấn, điều tra thảo luận nhóm và kết hợp quan sát cán bộ công nhân viên nhằm thu thập thông tin cho việc xác định mức độ quan</p>

				<p>tâm, cảm nhận về văn hóa doanh nghiệp hiện tại của công ty. Ngoài ra để đảm bảo tính khoa học và thực tiễn các nội dung nghiên cứu, luận văn còn kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu khác.</p> <p>Kết quả nghiên cứu thu được như sau:</p> <p>Một. Đánh giá được những điểm mạnh và hạn chế trong xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp (VHDN) tại Công ty Cổ Phần Dược Hậu Giang;</p> <p>Hai. Đánh giá được mức độ tác động của các yếu tố đến văn hóa tại công ty Cổ phần Dược Hậu Giang.</p> <p>Ba. Đề xuất các giải pháp hoàn thiện văn hóa doanh nghiệp tại Công ty bao gồm: Củng cố, phát triển các giá trị hữu hình của công ty; điều chỉnh các giá trị được tuyên bố; phát triển những quan niệm chung; giảm bớt các đặc tính VH cấp bậc; phát triển văn hóa hợp tác; duy trì và phát triển các đặc tính VH sáng tạo; giảm bớt văn hóa cạnh tranh. Từ những giải pháp này để tiếp tục củng cố các giá trị sẵn có và phát triển nên những giá trị VH mới, để từ đó xây dựng nên một công ty có một nền VHDN vững mạnh.</p> <p>Bốn. Luận văn cũng đưa ra một số kiến nghị đối với cơ quan quản lý Nhà nước, đối với Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang như Giải pháp hoàn thiện giá trị văn hóa hữu hình của công ty, Giải pháp phát triển những giá trị được tuyên bố, Nâng cao ý thức về VHDN cho các thành viên, Kết hợp truyền thống và hiện đại trong phát triển VHDN...</p> <p>Năm. đồng thời cũng nêu ra những đặc điểm hạn chế</p>
--	--	--	--	--

					của đề tài đề mong các nghiên cứu tiếp sau sẽ ngày càng hoàn chỉnh hơn.
1490.	Thạc sĩ	Hoàn thiện công tác quản trị rủi ro tín dụng của ngân hàng thương mại cổ phần bưu điện Liên Việt chi nhánh An Giang	Nguyễn Ngọc Hiền	TS..LS.Nguyễn Tiến Dũng	<p>Đề tài: “<i>Hoàn thiện công tác quản trị rủi ro tín dụng cá nhân tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Bưu Điện Liên Việt chi nhánh An Giang</i>”, hướng đến các mục tiêu cơ bản sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Thứ nhất: Giới thiệu tổng quan về quản trị rủi ro tín dụng trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại. ✓ Thứ hai: Đánh giá thực trạng công tác quản trị rủi ro tín dụng cá nhân tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Bưu Điện Liên Việt chi nhánh An Giang. ✓ Thứ ba: Đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản trị rủi ro tín dụng cá nhân tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Bưu Điện Liên Việt chi nhánh An Giang trong thời gian tới.
1491.	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của doanh nghiệp về chất lượng dịch vụ thủ tục hải quan điện tử tại chi cục hải quan Tây Đô	Trần Thị Hiền	PGS.TS.Đào Duy Huân	<p>Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của doanh nghiệp về chất lượng dịch vụ thủ tục hải quan điện tử tại Chi cục Hải quan Tây Đô, Cục Hải quan thành phố Cần Thơ là cần thiết để gia tăng hài lòng của doanh nghiệp trong hoạt động xuất nhập khẩu qua Chi cục Hải quan Tây Đô.</p> <p>Mục tiêu của nghiên cứu là xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của</p>

				<p>doanh nghiệp về chất lượng dịch vụ thủ tục hải quan điện tử tại Chi Cục Hải quan Tây Đô, Cục Hải quan Thành phố Cần Thơ trên cơ sở đưa ra các hàm ý về quản trị.</p> <p>Từ lý thuyết và các nghiên cứu trong và ngoài nước về dịch vụ, dịch vụ hành chính công trực tuyến Hải quan, đến thủ tục hải quan điện tử, Tác giả sử dụng phương pháp định tính và định lượng để đề xuất 06 nhân tố ảnh hưởng đến Sự hài lòng của doanh nghiệp đối với Chất lượng dịch vụ hải quan điện tử tại Chi cục Hải quan Tây Đô: (1) Sự cảm thông, (2) Sự tin cậy, (3) Năng lực phục vụ, (4) Sự đáp ứng, (5) Phương tiện Hữu hình, (6) Nơi đậu xe— Hệ thống phần mềm.</p> <p>Qua xử lý bằng công cụ SPSS, cho thấy các biến có ảnh hưởng lớn nhất đến sự hài lòng của Doanh nghiệp là: Phương tiện Hữu hình = 0,232; Độ tin cậy = 0,187; Năng lực phục vụ = 0,172; Sự cảm thông = 0,180; Sự đáp ứng = 0,157; Nơi đậu xe – Hệ thống phần mềm = 0,084.</p> <p>Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, tác giả đã đưa ra một số hàm ý chính sách nhằm nâng cao sự hài lòng của doanh nghiệp về chất lượng dịch vụ thủ tục hải quan</p>
--	--	--	--	--

					<p>điện tử, tại Chi cục Hải quan Tây Đô.</p> <p>Bên cạnh kết quả đó, Nghiên cứu cũng chỉ ra những hạn chế là dừng lại hỏi qui tuyến tính đa biến, chưa được thực hiện bậc 2 và các hướng nghiên cứu tiếp.</p>
1492.	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn làm việc tại công ty xăng dầu Tây Nam Bộ của người lao động	Đinh Thanh Hiệp	PGS.TS.Đào Duy Huân	<p>Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định của người lao động, lựa chọn công ty xăng dầu Tây Nam Bộ làm việc, đồng thời xem xét các yếu tố trên ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn, qua đó đề xuất một số hàm ý quản trị để giúp công ty nâng cao khả năng thu hút, duy trì được đội ngũ nguồn nhân lực có chất lượng cao, tăng cường khả năng cạnh tranh.</p> <p>Nghiên cứu được thực hiện thông qua nghiên cứu định tính và định lượng. Dữ liệu nghiên cứu định lượng được thực hiện thông qua việc thu thập khảo sát. Kết quả thu được 19 mẫu trả lời hợp lý. Dữ liệu được xử lý và phân tích thông qua phần mềm SPSS.</p> <p>Nghiên cứu đã kiểm định thang đo bằng Cronbach's Alpha và thực hiện phân tích EFA. Kết quả tìm từ 28 biến quan sát qua phân tích EFA đã tìm được 6 nhân tố ảnh hưởng. Kết quả kiểm định mô hình và các giả thuyết cho</p>

					<p>thấy các nhân tố này ảnh hưởng đồng biến với quyết định lựa chọn làm việc. Mức độ ảnh hưởng được xếp theo chiều hướng giảm dần như sau: (1) sự phù hợp và cơ hội phát triển (CN) với hệ số beta chuẩn hóa là 0.284, (2) yếu tố môi trường làm việc (MT) với hệ số beta chuẩn hóa là 0.275, (3) yếu tố thu nhập (TN) với hệ số beta chuẩn hóa là 0.234, (4) yếu tố tính chất công việc (CV) với hệ số beta chuẩn hóa là 0.154, (5) yếu tố thương hiệu và uy tín tổ chức (TH) với hệ số beta chuẩn hóa là 0.119, (6) yếu tố quy trình tuyển dụng (TD) với hệ số beta chuẩn hóa 0.114. Hệ số R^2 điều chỉnh (Adjusted R square) = 0.584. Điều này nói lên rằng mô hình hồi quy tuyến tính bội đã xây dựng phù hợp với tập dữ liệu đến mức 58.4%. Nói chính xác, 6 biến độc lập đưa vào mô hình giải thích được 58.4% quyết định chọn làm việc tại doanh nghiệp. Còn lại 41.6% quyết định chọn làm việc tại doanh nghiệp được giải thích bởi các yếu tố khác ngoài mô hình.</p> <p>Qua nghiên cứu này doanh nghiệp sẽ có cơ sở để hoàn thiện hơn chính sách nguồn nhân lực để gia tăng khả năng thu hút và duy trì nguồn nhân lực trong tương lai.</p>
1493.	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc	Nguyễn Quốc Hùng	TS. Nguyễn Ngọc Minh	Luận văn "Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến

		<p>của nhân viên văn phòng công ty cổ phần sản xuất kinh doanh vật tư và thuốc thú y</p>		<p><i>động lực làm việc của nhân viên văn phòng Công ty cổ phần Sản Xuất Kinh Doanh Vật Tư và Thuốc Thú Y</i> được thực hiện nhằm đánh giá các nhân tố tác động đến động lực làm việc cho nhân viên làm việc tại Công ty cổ phần Sản Xuất Kinh Doanh Vật Tư và Thuốc Thú Y. Thông qua lược khảo tài liệu, cơ sở các lý thuyết về động lực làm việc và các thuyết về nhu cầu. Tác giả đã chọn mô hình mười yếu tố tạo động lực của Kovach để xây dựng mô hình nghiên cứu cho mình. Thang đo của mô hình nghiên cứu đã được điều chỉnh cho phù hợp với đặc thù của công ty sau khi thảo luận với chín chuyên gia trong công ty. Mô hình nghiên cứu ban đầu bao gồm tám biến độc lập: (1) Cấp trên, (2) Đồng nghiệp, (3) Thu nhập và phúc lợi, (4) Môi trường làm việc, (5) Đào tạo và thăng tiến, (6) Công việc thú vị và thách thức, (7) Chính sách khen thưởng và công nhận, (8) Thương hiệu và văn hóa công ty. Tác giả sử dụng phương pháp hỗn hợp bao gồm: phương pháp nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng để thực hiện nghiên cứu này. Nghiên cứu định tính nhằm làm rõ nghĩa, xác nhận, hiệu chỉnh và bổ sung các biến quan sát. Nghiên cứu định lượng được thực hiện với mẫu gồm 230 nhân viên văn phòng đang làm việc tại Công ty cổ phần Sản Xuất Kinh Doanh Vật Tư và Thuốc Thú Y thông qua phiếu khảo sát ý kiến nhân viên văn phòng để đánh giá thang đo và đánh giá sự phù hợp của mô hình nghiên cứu. Phần mềm SPSS 20.0 được sử dụng để xử lý số liệu. Kết quả phân tích Cronbach's Alpha và nhân tố khám phá cho thấy thang đo sử dụng trong nghiên cứu là phù hợp.</p> <p>Kết quả phân tích hồi quy đa biến cho thấy có 07 nhân tố có tác động dương đến động lực làm việc của nhân viên tại Công ty cổ phần Sản Xuất Kinh Doanh Vật Tư và Thuốc Thú Y. Trong đó, biến Thu nhập và phúc lợi (TN) có</p>
--	--	--	--	---

					<p>tác động mạnh nhất ($\beta_1 = 0,357$) đến động lực làm việc của nhân viên văn phòng, tiếp theo các biến có tác động đến động lực làm việc giảm dần là Công việc thú vị và thách thức (CV) ($\beta_2=0,183$), Môi trường làm việc (MT) ($\beta_3=0,159$), Đào tạo và thăng tiến (DT) ($\beta_4 = 0,154$), Quản lý trực tiếp (QL) ($\beta_5=0,108$), Thương hiệu và văn hóa công ty (TH) ($\beta_6 = 0,097$), Chính sách khen thưởng và công nhận (KT) ($\beta_7 = 0,090$).</p> <p>Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đã đưa ra một số hàm ý quản trị để tăng động lực làm việc cho nhân viên văn phòng tại Công ty cổ phần Sản Xuất Kinh Doanh Vật Tư và Thuốc Thú Y. Ngoài ra tác giả cũng đã đưa ra một số hạn chế của đề tài và đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo trong tương lai.</p>
1494.	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của người lao động tại công ty Nhiệt điện Cần Thơ	Hồ Phan Quốc Huy	PGS.TS.Đào Duy Huân	<p>Đề tài sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng đề:</p> <p>“Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của người lao động tại Công ty nhiệt điện Cần Thơ”. Đề tài có tính cần thiết, để tăng năng suất lao động cá nhân, nhóm và đơn vị.</p> <p>Từ các lý thuyết về động lực làm việc và các nghiên cứu thực tiễn của các nhà nghiên cứu trong vấn đề này, thang đo các nhân tố của Động lực làm việc đã được xây dựng với thang đo Likert năm mức độ. Độ tin cậy của thang đo đã được kiểm định bởi hệ số Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố. Mô hình nghiên cứu ban đầu được tác giả xây dựng với biến phụ thuộc là Động lực làm việc và 5 nhóm biến độc lập gồm: (1) Công việc phù hợp; (2) Chính sách đãi ngộ hợp lý; (3) Môi trường làm việc; (4) Ảnh hưởng của lãnh đạo và (5) Môi trường làm việc.</p> <p>Nghiên cứu đã khảo sát, thu</p>

					<p>thập được 266 quan sát, đã kiểm định độ tin cậy của thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố khám phá (EFA) để loại khỏi mô hình các biến rác và các biến có hệ số tải nhân tố thấp. Dùng phương pháp phân tích tương quan để kiểm tra mối liên hệ giữa các biến độc lập với nhau, biến phụ thuộc với các biến độc lập. Sử dụng phương pháp phân tích hồi qui đa biến để kiểm định mô hình nghiên cứu, kiểm định giả thuyết, kiểm định mối liên hệ nhân quả giữa các biến độc lập các biến phụ thuộc.</p> <p>Từ kết quả phân tích, tác giả đưa ra hàm ý quản trị để giúp cho lãnh đạo Công ty có cái nhìn khách quan hơn, cụ thể hơn về động lực làm việc đang diễn ra tại Công ty. Qua đó, lãnh đạo Công ty sẽ đưa ra những chính sách hợp lý hơn nhằm nâng cao động lực làm việc cho người lao động đang công tác tại Công ty, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, theo đúng chủ trương của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.</p>
1495.	Thạc sĩ	Đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với chất lượng dịch vụ nộp thuế tại chi cục thuế quận Cái Răng	Trần Anh Khoa	TS. Nguyễn Ngọc Minh	<p>Đề tài nghiên cứu: “Đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với chất lượng dịch vụ nộp thuế tại Chi Cục Thuế Quận Cái Răng” sử dụng thang đo của Parasuraman. Trên cơ sở lý thuyết về chất lượng dịch vụ công, kế thừa phương pháp đánh giá chất lượng dịch vụ của Parasuraman gồm 05 thành phần: phương tiện vật chất, sự tin cậy, sự đáp ứng, năng lực phục vụ, sự đồng</p>

					<p>cảm. Từ mô hình đề xuất ban đầu tác giả tiến hành khảo sát trên 180 quan sát nghiên cứu và áp dụng phương pháp kiểm định Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA, xây dựng mô hình hồi quy đa biến và kiểm định các giả thuyết.</p> <p>Đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp về chất lượng dịch vụ nộp thuế là một trong những khâu quan trọng để đánh giá kết quả đầu ra của sản phẩm từ chương trình cải cách hành chính. Đây còn là kênh thông tin nhiều chiều giúp cơ quan Nhà nước nắm bắt thông tin, xây dựng định hướng kế hoạch cải cách hành chính theo hướng sát với yêu cầu thực tiễn, đáp ứng kịp thời, hiệu quả xu thế phát triển chung cũng như từng khu vực.</p> <p>Kết quả trên là căn cứ hết sức quan trọng để đưa ra những đề xuất đối với các nhà quản trị công trong việc đề ra các chính sách và biện pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ. Bên cạnh những kết quả đạt được thì vẫn còn nhiều hạn chế, tồn tại cần được khắc phục; những hạn chế là tiền đề cho những nghiên cứu tiếp theo góp phần xây dựng mô hình nghiên cứu hoàn thiện có tính khái quát cao để đưa ra nhiều giải pháp xác thực hơn.</p>
1496.	Thạc sĩ	Cảm nhận của bệnh nhân nội trú về chất lượng dịch vụ chữa bệnh tại bệnh viện Tai	Huỳnh Thị Xuân Lan	TS.Nguyễn Phước Quý Quang	Mục đích của nghiên cứu này là nghiên cứu sự hài lòng của

		Mũi Họng thành phố Cần Thơ			<p>bệnh nhân với các thành phần chất lượng dịch vụ trong mô hình SERVQUAL tại bệnh viện Tai Mũi Họng Thành phố Cần Thơ.</p> <p>Nhằm mục tiêu xác định được các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người bệnh về chất lượng dịch vụ chữa bệnh của bệnh viện.</p> <p>Phương pháp nghiên cứu được sử dụng là phương pháp nghiên cứu định lượng bằng việc điều tra và xử lý số liệu như: Thống kê mô tả, kiểm định thang đo, phân tích nhân tố, phân tích tương quan và hồi quy. Phần mềm hỗ trợ và xử lý là phần mềm SPSS 16.0.</p> <p>Kết quả nghiên cứu cho thấy mức độ cảm nhận về sự hài lòng của bệnh nhân chịu ảnh hưởng của 4 nhân tố: (1) Năng lực phục vụ ($\beta = 0.248$); (2) Sự đồng cảm ($\beta = 0.209$); (3) Khả năng đáp ứng ($\beta = 0.174$); (4) Phương tiện hữu hình ($\beta = 0.140$). Các nhân tố này đều có ảnh hưởng tích cực đến sự hài lòng của bệnh nhân. Riêng nhân tố sự tin cậy không có ảnh hưởng đến mức độ hài lòng chung của bệnh nhân.</p> <p>Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy không có sự khác biệt theo các dấu hiệu phân biệt như: nhóm tuổi bệnh nhân, thu nhập của bệnh nhân, nghề nghiệp và trình độ học vấn</p> <p>Cuối cùng nghiên cứu dựa trên kết quả phân tích, đánh giá các thang đo đã chỉ ra những hạn chế và đề xuất hướng nghiên cứu cho các nghiên cứu trong tương lai.</p>
1497.	Thạc sĩ	Gia tăng sự gắn kết của viên chức với tổ chức sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Cần Thơ	Đặng Thùy Linh	HD1.TS.Trần Hữu Xinh- HD2.PGS.TS.Đào Duy Huân	<p>Đề tài: “<i>Gia tăng sự gắn kết của viên chức với tổ chức Sở LĐTB&XH TP Cần Thơ</i>” là cấp thiết để nâng cao hiệu quả công việc, hoàn thành tốt nhiệm vụ, mục tiêu mà Sở LĐTB&XH TP Cần Thơ đặt ra.</p>

					<p>Đề tài được thực hiện nhằm phân tích, đánh giá thực trạng sự gắn kết, đồng thời xác định các yếu tố tác động đến sự gắn kết và Đề xuất các giải pháp nhằm gia tăng sự gắn kết của viên chức với tổ chức Sở LĐT&XH TP Cần Thơ.</p> <p>Phương pháp thực hiện định tính, dựa trên kết quả tổng hợp phiếu khảo sát viên chức đang làm việc tại Sở LĐT&XH TP Cần Thơ, 20 phiếu khảo sát chuyên gia và kết hợp nghiên cứu đạt được:</p> <p>Một là, Đánh giá được thực trạng sự gắn kết của viên chức với tổ chức Sở LĐT&XH TP Cần Thơ trên các mặt về trình độ chuyên môn, đặc điểm công việc, cơ hội thăng tiến, quan hệ công việc, điều kiện làm việc, môi trường làm việc, chính sách lương, phúc lợi.</p> <p>Hai là, Đề xuất hai nhóm giải pháp. Giải pháp gia tăng sự gắn kết của viên chức với tổ chức Sở LĐT&XH TP Cần Thơ: về chính sách tiền lương; đặc điểm công việc; cơ hội thăng tiến; quan hệ công việc. Và giải pháp hỗ trợ công tác tăng cường sự gắn kết của viên chức với tổ chức Sở LĐT&XH: về chính sách phúc lợi; xây dựng bầu không khí và môi trường làm việc; thành tích; phản hồi thông tin.</p> <p>Tiếp theo là, hạn chế của nghiên cứu và đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo.</p> <p>Ba là, Kiến nghị đối với Thành ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố và Sở Nội vụ TP Cần Thơ.</p>
1498.	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định của doanh nghiệp lựa chọn đài Phát thanh và Truyền hình thành phố Cần Thơ cung cấp dịch vụ quảng cáo	Trần Trúc Linh	PGS.TS.Đào Duy Huân	<p>Nghiên cứu này nhằm mục tiêu chính là tìm hiểu. Đề khẳng định sự tác động của các nhân tố đối với quyết định lựa chọn quảng cáo tại Đài Phát thanh và Truyền hình Thành phố Cần Thơ của các khách hàng cá nhân, một mô hình lý</p>

					<p>thuyết đã được xây dựng dựa trên mô hình hộp đen ý thức của Kotler. Phương pháp nghiên cứu được sử dụng để xây dựng, đo lường các thang đo kiểm định mô hình lý thuyết được trình bày ở các chương trước, bao gồm hai bước: nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng. Nghiên cứu định tính sử dụng phương pháp định tính thông qua kỹ thuật thảo luận nhóm. Nghiên cứu định lượng được thực hiện bằng phương pháp định lượng thông qua kỹ thuật phỏng vấn trực tiếp với một mẫu có kích thước là $n=237$. Cả hai nghiên cứu trên đều được thực hiện tại Cần Thơ với đối tượng nghiên cứu là khách hàng cá nhân đã từng quảng cáo tại Đài Phát thanh và Truyền hình Thành phố Cần Thơ và nhóm đối ứng là những khách hàng cá nhân đang quảng cáo tại Đài Phát thanh và Truyền hình Thành phố Cần Thơ. Các phương pháp phân tích là hệ số tin cậy Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố EFA và kiểm định mô hình lý thuyết với các giả thuyết thông qua phương pháp phân tích hồi quy logit. Kết quả cho thấy, thang đo các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn của khách hàng đều có Cronbach's Alpha lớn hơn 0,6 và hệ số tương quan với biến tổng của tất cả các biến đo lường đều lớn hơn 0,3 nên đạt độ tin cậy. Tổng phương sai trích là 63,142% > 50%</p>
--	--	--	--	--	--

					<p>cho thấy nhân tố này giải thích 63,142% biến thiên của dữ liệu. Hệ số tải nhân tố của các biến quan sát đều lớn hơn 0,5 đạt yêu cầu kiểm định giá trị hội tụ nên không có biến quan sát nào bị loại. Kết quả phân tích nhân tố khám phá cho thấy 25 quan sát độc lập được nhóm lại thành 7 nhân tố chính. Qua kết quả phân tích hồi quy logit thì có 09 biến ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn quảng cáo tại Đài Phát thanh và Truyền hình Thành phố Cần Thơ đó là: chiêu thị, văn hóa, tâm lý, sản phẩm, phân phối, giá cả, xã hội, học vấn, doanh thu. Từ các phân tích kết quả thu được, tác giả đưa ra các hàm ý quản trị góp phần giúp cho Đài Phát thanh và Truyền hình Thành phố Cần Thơ có thể thu hút nhiều khách hàng hơn.</p>
1499.	Thạc sĩ	Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức của Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ	Nguyễn Thành Luân	PGS.TS.Võ Khắc Thường	<p>Trong xu thế mở cửa hội nhập và chuyển đổi cơ chế quản lý, chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức quyết định hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước. Cải cách hành chính nhà nước đặt ra mục tiêu phải không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức các cấp, trong đó có cán bộ, công chức cấp huyện. Có thể nói chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức của Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt hiện nay đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đặt ra. Song, để nâng cao hiệu quả quản lý hành chính nhà nước trong các lĩnh vực trong thời gian tới thì đòi hỏi chất lượng của đội ngũ cán</p>

					<p>bộ công chức của Ủy ban nhân dân quận phải ngày càng được nâng lên.</p> <p>Đề tài luận văn “Nâng cao chất lượng cán bộ, công chức của Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ” đã lược khảo cơ sở lý luận, đánh giá, phân tích thực trạng và đề ra các giải pháp đồng bộ, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức của Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá và cải cách hành chính nhà nước trong giai đoạn hiện nay và thời gian tiếp theo.</p> <p>Các giải pháp nêu trên sẽ có tác dụng nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức của Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt trong thời gian tới. Thực hiện tốt hệ thống giải pháp này, trong những năm tới Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt sẽ có được đội ngũ cán bộ, công chức có trình độ, năng lực, thích ứng với môi trường mới và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần thúc đẩy Kinh tế - Xã hội của quận Thốt Nốt phát triển nhanh và bền vững.</p>
1500.	Thạc sĩ	Hoàn thiện công tác kiểm soát chất lượng kiểm toán tại Kiểm toán nhà nước khu vực V	Dur Hoàng Minh	HD1:TS.Nguyễn Văn Bằng- HD2:PGS.TS.Đào Duy Huân	<p>Kiểm toán nhà nước (KTNN) khu vực V là đơn vị trực thuộc KTNN Việt Nam, có chức năng giúp Tổng KTNN tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán hoạt động trong việc quản lý, sử dụng ngân sách, tiền và tài sản nhà nước đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Vì vậy, chất lượng kiểm toán có ý nghĩa quyết định trong việc khẳng định vị thế, uy tín và hiệu lực, hiệu quả hoạt động</p>

				<p>KTNN. Do đó, KTNN phải bảo đảm kết quả kiểm toán đáp ứng yêu cầu chất lượng, đáng tin cậy và đã được kiểm soát chất lượng đầy đủ, thích hợp. Chính vì lẽ đó, kiểm soát chất lượng kiểm toán được Tổ chức quốc tế các cơ quan Kiểm toán tối cao (INTOSAI) thừa nhận như một định chế bắt buộc và là trách nhiệm được quy định rõ trong chuẩn mực kiểm toán. Các cơ quan Kiểm toán Nhà nước của các quốc gia trên thế giới đều coi kiểm soát chất lượng kiểm toán là hoạt động có tính bắt buộc cần phải được coi trọng.</p> <p>Là người đang làm công tác kiểm toán, nên chọn đề tài: "<i>Hoàn thiện công tác kiểm soát chất lượng kiểm toán tại Kiểm toán nhà nước khu vực V</i>" làm đề tài nghiên cứu luận văn Thạc sĩ. Nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp thống kê – mô tả; phương pháp chuyên gia, diễn dịch – qui nạp trên cơ sở sử dụng dữ liệu thứ cấp và sơ cấp đã thu được kết quả sau:</p> <p><i>Một.</i> Khái quát lý thuyết và các nhân tố ảnh hưởng đến công tác kiểm soát chất lượng kiểm toán.</p> <p><i>Hai.</i> Phân tích thực trạng những điểm mạnh – yếu, nguyên nhân mạnh yếu trong hoạt động kiểm soát chất lượng kiểm toán tại khu vực V.</p> <p><i>Ba.</i> Đưa ra định hướng và giải pháp hoàn thiện công tác kiểm soát chất lượng của Kiểm toán nhà nước trong thời gian tới.</p> <p><i>Bốn.</i> giải pháp giúp nâng cao chất lượng Kiểm toán nhà nước khu vực V. bao: Giải pháp về tăng cường quản</p>
--	--	--	--	---

					<p>lý hoạt động kiểm toán; Nâng cao chất lượng kiểm toán; tổ chức bộ máy kiểm soát chất lượng kiểm toán; Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào kiểm soát chất lượng kiểm toán; Nâng cao năng lực, đạo đức cán bộ.</p> <p><i>Năm.</i> Nghiên cứu đã đề xuất ra một số kiến nghị và gợi ý một số chính sách giúp cho Kiểm toán nhà nước khu vực V trong thời gian tới.</p> <p>Cuối cùng nghiên cứu đưa ra hạn chế chi mới thực hiện nghiên cứu định tính, cần phải kết hợp với nghiên cứu định lượng.</p>
1501.	Thạc sĩ	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định của khách hàng tiếp tục chọn dịch vụ du lịch lữ hành của khách sạn Ninh Kiều 2 - thành phố Cần Thơ	Lê Minh Nguyên	PGS.TS.Đào Duy Huân	<p>Nghiên cứu nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định tiếp tục chọn dịch vụ du lịch lữ hành của khách hàng nội địa đối với dịch vụ du lịch của khách sạn Ninh Kiều 2 - Thành phố Cần Thơ. Phương pháp nghiên cứu gồm định tính và định lượng. Trong đó phương pháp định tính dùng để xây dựng mô hình đề xuất và bảng câu hỏi thang đo các nhân tố; Phương pháp định lượng được thực hiện qua các bước: Đánh giá độ tin cậy Cronbach's Alpha của các thang đo, phân tích nhân tố khám phá EFA nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng, phân tích hồi qui đa biến, kiểm định sự khác biệt. Kết quả như nghiên cứu đã đạt được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được 04 nhân tố ảnh hưởng đến quyết định của khách hàng gồm: Hình ảnh điểm đến ($\beta=0,264$), Thông tin ($\beta=0,355$), Nhóm tham khảo ($\beta=0,210$), Giá cả cảm nhận ($\beta=0,261$), cả 04 nhân tố này đều tác động tích cực đến quyết định của khách hàng. - Đánh giá được cảm nhận của khách hàng về các thang đo. - Đưa ra một số hàm ý quản trị nhằm thu hút khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch lữ hành, nâng cao khả năng cạnh tranh và

					phục vụ khách hàng ngày càng tốt hơn.
1502.	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến xu hướng sử dụng dịch vụ 4G của người dân thành phố Cần Thơ đối với nhà mạng Viettel	Nguyễn Phước Nguyên	TS.Lưu Tiến Thuận	<p>Luận văn thực hiện tổng quan các lý thuyết về hành vi sử dụng của khách hàng nói chung và khách hàng sử dụng dịch vụ 4G nói riêng. Đồng thời, với việc hệ thống lại các nghiên cứu trước đây liên quan tới xu hướng chấp nhận sử dụng công nghệ cũng như dịch vụ 4G trên thế giới và ở Việt Nam để có cái nhìn tổng quan nghiên cứu trước đây.</p> <p>Dựa trên các nghiên cứu trước đây, tác giả đã đề xuất mô hình nghiên cứu của mình phù hợp với phạm vi nghiên cứu là các khách hàng sử dụng dịch vụ 4G của Viettel tại TP.Cần Thơ. Mô hình giả thuyết của tác giả gồm 6 biến nghiên cứu, trong đó có 5 biến độc lập là: (1) Đổi mới; (2) Tính hữu ích; (3) Tính dễ sử dụng; (4) Chuẩn chủ quan; (5) Chất lượng dịch vụ và biến phụ thuộc là xu hướng chấp nhận sử dụng.</p> <p>Dựa trên kiểm định sự tin cậy thang đo qua hệ số Cronbach's Alpha và hệ số tương quan biến tổng cho thấy các nhân tố đều đạt sự tin cậy khi hệ số Cronbach's Alpha đều lớn hơn 0.6 và hệ số tương quan biến tổng đều lớn hơn 0.3. Kết quả phân tích nhân tố đạt yêu cầu khi hệ số KMO đều lớn hơn 0.5 và phương sai trích đều lớn hơn 50%. Các nhân tố hình thành đều giống với giả thuyết nghiên cứu (5 nhân tố biến độc lập và 1 nhân tố biến phụ thuộc). Dựa vào cá nhân tố hình thành, tác giả tiến hành phân tích hồi quy, kết quả chi ra cả 5 nhân tố đều tác động tích cực lên xu hướng chấp nhận sử dụng.</p> <p>Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đưa ra một số hàm ý quản trị nhằm tăng xu hướng chấp nhận sử dụng dịch vụ mạng 4GViettel của khách hàng tại TP.Cần Thơ. Hàm ý bao gồm việc nâng cao xu thế đổi mới của nhà cung cấp, tăng tính hữu ích, nâng cao chuẩn chủ quan cho khách</p>

					hàng dựa trên công tác marketing truyền miệng, chất lượng dịch vụ cần được kiểm soát, cuối cùng là việc nâng cao tính dễ sử dụng của dịch vụ.
1503.	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của Nữ Hộ sinh tại bệnh viện Phụ Sản thành phố Cần Thơ	Nguyễn Quỳnh Như	NGND,GS.TS. Nguyễn Thanh Tuyền	<p>Nghiên cứu này tập trung xác định các nhân tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của nữ hộ sinh đối tại bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ. Dựa trên cơ sở lý thuyết và lược khảo các nghiên cứu đi trước, xây dựng mô hình nghiên cứu, thang đo các nhân tố, các giả thuyết nghiên cứu.</p> <p>Từ nền tảng những cơ sở lý thuyết nghiên cứu về sự gắn kết của nhân viên, đề tài đã xây dựng được mô hình gồm 07 nhân tố, với 29 biến quan sát (trong đó có 06 nhân tố độc lập và 01 nhân tố phụ thuộc) với cỡ mẫu là 209 mẫu.</p> <p>Để thực hiện luận văn này tác giả sử dụng hai phương pháp nghiên cứu là nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng. Trong đó, phương pháp nghiên cứu định tính được sử dụng để thống kê mô tả, đánh giá một số tiêu chí của thang đo dựa trên việc xác định các thông số như giá trị lớn nhất, nhỏ nhất, giá trị trung bình, phương sai và độ lệch chuẩn. Nghiên cứu định lượng được thực hiện qua các bước: (1) Kiểm định Cronbach's Alpha, (2) Phân tích nhân tố khám phá EFA, (3) Phân tích nhân tố khẳng định CFA, (4) Phân tích cấu trúc tuyến tính SEM, (5) Kiểm định Bootstrap.</p> <p>Kết quả nghiên cứu đã lượng hóa được mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố trong mô hình, cũng như lượng hóa được cảm nhận của các nữ hộ sinh đối với các biến quan sát. Dựa trên kết quả phân tích các nhân tố, đưa ra kết luận và đề xuất một số hàm ý quản trị cho bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ nhằm nâng cao sự gắn kết của nữ hộ sinh đối với bệnh viện.</p>
1504.	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua máy tính xách tay Dell tại thành phố Cần Thơ	Nguyễn Thành Phước	NGND,GS.TS. Nguyễn Thanh Tuyền	<p>Nghiên cứu đã xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua máy tính</p>

				<p>xách tay Dell của người tiêu dùng thành phố Cần Thơ. Xây dựng mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua và ước lượng mức độ ảnh hưởng của các yếu tố trong mô hình nghiên cứu cũng như ước lượng mức độ cảm nhận của người tiêu dùng đối với các thang đo. Kết quả phân tích, thảo luận sẽ là cơ sở để tác giả đưa ra những kết luận và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh cho các cửa hàng kinh doanh máy tính xách tay Dell, cũng như giúp các cửa hàng kinh doanh sản phẩm này có các kế hoạch, chiến lược hợp lý tạo lợi kinh doanh thế thị trường.</p> <p>Phương pháp nghiên cứu bao gồm: Nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng. Trong đó, phương pháp nghiên cứu định tính nhằm xây dựng mô hình nghiên cứu lý thuyết và xây dựng các thang đo nháp. Phương pháp nghiên cứu định lượng dùng để kiểm định mô hình nghiên cứu lý thuyết và kiểm định các giả thuyết nghiên cứu, lượng hóa các nhân tố thông qua: Kiểm định độ tin cậy (Cronbach's Alpha), phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích nhân tố khẳng định (CFA), phân tích cấu trúc tuyến tính (SEM).</p> <p>Kết quả nghiên cứu đã xác định được 06 nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua máy tính xách tay thương hiệu Dell của người tiêu dùng thành phố Cần Thơ bao gồm: Nhận thức sự hữu ích, Tính năng và Kiểu dáng, Chuẩn chủ quan, Nhận thức kiểm soát hành vi, Giá cả cảm nhận và Chất lượng cảm nhận. Ngoài ra đề tài cũng xem xét sự ảnh hưởng đến quyết định mua máy tính xách tay như: Giới tính, tuổi,</p>
--	--	--	--	--

					trình độ học vấn, nghề nghiệp, thu nhập.
1505.	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên trung tâm truyền hình Việt Nam tại thành phố Cần Thơ	Bùi Vũ Phương	PGS.TS.Đào Duy Huân	<p>Mục tiêu chính của nghiên cứu là xác định và đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên tại VTV Cần Thơ, trên cơ sở đưa ra các hàm ý về quản trị. Từ lý thuyết và các nghiên cứu trong và ngoài nước về động lực làm việc, nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính và định lượng để đề xuất 7 nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên tại VTV Cần Thơ: đặc điểm công việc; môi trường làm việc; lương thưởng phúc lợi; cơ hội thăng tiến; đào tạo và phát triển; quan hệ cấp trên; công nhận.</p> <p>Qua xử lý cỡ mẫu 315, cho ra kết quả hồi quy như sau: động lực làm việc của nhân viên VTV Cần Thơ dựa trên hệ số Beta chuẩn hóa = 0,440 CV + 0,434MT + 0,293 LT + 0,237 TT + 0,201 DT + 0,190 QH + 0,139 TQ + 0,097CN. Từ kết quả đạt được, nghiên cứu đưa ra các hàm ý quản trị nhằm gia tăng động lực làm việc của nhân viên VTV Cần Thơ.</p>
1506.	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của cán bộ công đoàn tại Liên đoàn lao động thành phố Cần Thơ	Nguyễn Vũ Kim Quy	TS.Nguyễn Phước Quý Quang	Nghiên cứu nhằm xác định “Các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của cán bộ công đoàn tại Liên đoàn Lao động thành phố Cần Thơ” và xem xét sự khác biệt giữa các nhóm đối tượng thuộc các

					<p>thành phần nhân khẩu học trong sự gắn kết của nhân viên với tổ chức.</p> <p>Nghiên cứu được thực hiện qua hai bước chính, đó là nghiên cứu sơ bộ và nghiên cứu chính thức. Nghiên cứu sơ bộ là bước nghiên cứu định tính nhằm khám phá, điều chỉnh và bổ sung các thang đo và biến quan sát để đo lường các khái niệm trong nghiên cứu.</p> <p>Nghiên cứu chính thức được thực hiện thông qua phương pháp định lượng nhằm đánh giá và kiểm định mô hình nghiên cứu thông qua việc kiểm định độ tin cậy thang đo qua phân tích hệ số Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá và hồi qui tuyến tính với mức ý nghĩa 5%. Nghiên cứu này thực hiện kỹ thuật phỏng vấn nhân viên trong công ty bằng bảng câu hỏi. Số mẫu sử dụng để phân tích dữ liệu là 250.</p> <p>Kết quả phân tích hồi qui cho thấy có 6 yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của nhân viên với tổ chức tại Liên đoàn Lao động thành phố Cần Thơ là công việc, lãnh đạo, lương thưởng, thăng tiến, điều kiện làm việc, phúc lợi. Các hệ số hồi qui đều có ý nghĩa thống kê ở mức 5%.</p> <p>Kết quả phân tích là cơ sở khoa học để có thể đưa ra một số hàm ý quản trị nhằm duy trì mức độ gắn kết giữa cơ quan Liên đoàn và nhân viên.</p>
1507.	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng đại lý cấp 3 về chất lượng dịch vụ của công ty Bia Sài Gòn tại thành phố Cần Thơ	Phạm Kim Quyên	TS.Nguyễn Văn Hồng	<p>Nghiên cứu này nhằm mục tiêu xác định được các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ của công ty Bia Sài Gòn. Phương pháp nghiên cứu của đề tài tác giả đã sử dụng là phương pháp nghiên cứu định tính để lược khảo một số nghiên cứu đi trước. Từ đó tác giả xây dựng mô hình nghiên cứu để xuất, xây dựng thang đo các nhân tố trong mô hình và các giả thuyết nghiên cứu, kiểm định mô hình nghiên cứu và các giả thuyết nghiên cứu, ước lượng các</p>

					<p>thang đo trong mô hình.</p> <p>Phương pháp định lượng được sử dụng để thực hiện các kiểm định mô hình nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu, nghiên cứu định lượng được thực hiện qua các bước: (1) Kiểm định Cronbach's Alpha, (2) Phân tích nhân tố EFA, (3) Phân tích nhân tố khẳng định CFA, (4) Phân tích cấu trúc tuyến tính SEM, (5) Kiểm định Bootstrap.</p> <p>Kết quả nghiên cứu đã xác định được 05 nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ của công ty Bia Sài Gòn gồm: Khả năng phục vụ của nhân viên, Giá cả cảm nhận, Hàng hóa, Uy tín thương hiệu, Dịch vụ hỗ trợ và xúc tiến. Trong đó, xét theo thứ tự tầm quan trọng thì nhân tố Uy tín thương hiệu tác động mạnh nhất ($\beta = 0,382$), kế đến là Dịch vụ hỗ trợ và xúc tiến ($\beta = 0,241$), Giá cả cảm nhận ($\beta = 0,169$), Khả năng phục vụ của nhân viên ($\beta = 0,161$), cuối cùng là nhân tố Hàng hóa ($\beta = 0,110$).</p> <p>Dựa trên kết quả phân tích, đánh giá các thang đo tác giả đề xuất một số hàm ý quản trị nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ của công ty và giúp khách hàng hài lòng, tin tưởng và hợp tác kinh doanh lâu dài với công ty.</p>
1508.	Thạc sĩ	Phân tích tác động của quang cáo truyền hình đến ý định mua sữa bột Dielac Alpha Gold của người dân tại thành phố Cần Thơ	Lê Kim Thanh	PGS.TS.Lưu Thanh Đức Hải	<p>Mục tiêu của đề tài phân tích tác động của quảng cáo truyền hình đến ý định mua sữa bột Dielac Alpha Gold của người dân tại Thành Phố Cần Thơ. Đề tài tiến hành thu thập dữ liệu 215 người dân sống tại Thành Phố Cần Thơ. Hai phương pháp phân tích chính được sử dụng trong đề tài là: phương pháp phân tích nhân tố khám phá và phân tích hồi quy đa biến.</p> <p>Kết quả phân tích EFA cho thấy 6 nhóm nhân tố đều có sự tương quan thuận chiều đối với ý định mua sữa bột Dielac Alpha Gold của người dân tại thành phố Cần Thơ thông qua việc xem quảng cáo truyền hình. Tuy nhiên, mỗi nhân tố tác động đều có mức độ ảnh hưởng đến ý định mua</p>

					<p>hàng khác nhau, vấn đề cần sự lưu tâm từ phía nhà kinh doanh nhãn hàng này, bởi vì sự tác động của quảng cáo trên sóng truyền hình sẽ mang đến hiệu quả tiếp cận tích cực và tối ưu nếu biết tận dụng lợi thế này một cách hợp lý nhằm mở rộng thị trường sữa nội địa, tăng lợi thế cạnh tranh so với sản phẩm sữa ngoại nhập hiện hữu trên thị trường.</p> <p>Kết quả phân tích hồi quy đa biến đã xác định ý định mua sữa bột Dielac Alpha Gold của người dân trên địa bàn thành phố Cần Thơ thông qua quảng cáo truyền hình bị ảnh hưởng bởi 6 yếu tố lần lượt như sau: nhân tố tác động mạnh nhất đến ý định mua sữa bột Dielac Alpha Gold của người dân trên địa bàn thành phố Cần Thơ là Tiếp nhận thông tin, tiếp đến là nhân tố nội dung quảng cáo, lời kêu gọi mua hàng, kế đến là nhân tố cảm xúc cá nhân, nhân tố yếu tố giải trí đứng vị trí số 5 và cuối cùng là nhân tố yếu tố nghe nhìn. Từ kết quả trên, tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm gia tăng ý định mua sữa bột Dielac Alpha Gold của người tiêu dùng đối với quảng cáo truyền hình.</p>
1509.	Thạc sĩ	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến lòng trung thành của Công nhân Sản xuất tại công ty cổ phần Mía đường Cần Thơ (Casuco)	Trần Văn Thanh	NGND,GS.TS. Nguyễn Thanh Tuyền	<p>Mục tiêu của nghiên cứu này là xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự trung thành của công nhân, giúp các nhà quản lý tìm ra các giải pháp để cải thiện và nâng cao lòng trung thành của công nhân. Nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính và định lượng, thực hiện khảo sát 311 công nhân. Mô hình đề xuất bao gồm 6 thành phần dựa trên các nghiên cứu trước đó được sửa đổi cho phù hợp với điều kiện thực tế của CASUCO. Kết quả cho thấy có 6 yếu tố ảnh hưởng đến sự trung thành của công nhân với tổ chức: Lương cao, Bản chất công việc, Đồng nghiệp ủng hộ, Hỗ trợ từ cấp trên, Khen thưởng công bằng, Cơ hội Đào tạo và Thăng tiến. Trong đó, Lương cao là yếu tố then chốt ảnh hưởng đến lòng trung thành của công nhân.</p>
1510.	Thạc sĩ	Những yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng	Trần Thị Bé Thi	TS.LS.Nguyễn Tiến Dũng	Xu hướng toàn cầu hóa

		<p>về chất lượng dịch vụ cho vay hộ nghèo tại ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Hậu Giang</p>		<p>nền kinh tế có tác động sâu rộng đến các lĩnh vực kinh tế xã hội của nước ta. Đảng và Nhà nước đã có những chính sách và đường lối đổi mới để theo kịp với sự phát triển của thế giới. Một trong những chính sách đó là làm cho dân giàu nước mạnh. Đời sống của người dân còn gặp nhiều khó khăn về kinh tế. Trước tình hình đó, Chính phủ ta đã dùng một công cụ để thông qua đó hỗ trợ cho người dân vượt qua khó khăn, vươn lên thoát nghèo. Đó chính là thông qua hệ thống NHCSXH từ trung ương đến địa phương. NHCSXH hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận mà thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo bền vững theo sự chỉ đạo của Chính phủ. Hiện nay, NHCSXH đã triển khai rất nhiều chương trình tín dụng cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác. Có rất nhiều đối tượng vay vốn đã vươn lên thoát nghèo thông qua NHCSXH nói chung và NHCSXH Chi nhánh tỉnh Hậu Giang nói riêng. Bên cạnh những kết quả đạt được thì cũng có những khó khăn, hạn chế nhất định.</p> <p>Để tài sử dụng phương pháp nghiên cứu qua 2 giai đoạn là nghiên cứu sơ bộ và nghiên cứu chính thức. Nghiên cứu sơ bộ được thực hiện thông qua nghiên cứu định tính bằng phương pháp phỏng vấn chuyên gia. Sau khi điều chỉnh cho phù hợp thì tiến hành nghiên cứu chính thức được tiến hành bằng nghiên cứu định lượng, phỏng vấn 285 khách hàng ở tại 7 phòng giao dịch Thị Xã, huyện (Thị Xã Long Mỹ, Thị Xã Ngã Bảy, huyện Vị Thủy, huyện Phụng Hiệp, huyện Long Mỹ,</p>
--	--	--	--	---

					<p>huyện Châu Thành, huyện Châu Thành A). Số liệu thu thập được tiến hành phân tích đánh giá thông qua mô hình thang đo chất lượng dịch vụ SERVPERF, phân tích số liệu bằng phương pháp Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA và phân tích hồi quy đa biến nhằm tìm ra những nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng và đưa ra hàm ý cho nhà quản trị.</p> <p>Kết quả nghiên cứu cho thấy 5 yếu tố tác động đến sự hài lòng của khách hàng theo mức độ từ cao đến thấp (sự đảm bảo, sự hữu hình, sự tin cậy, sự cảm thông, hiệu quả phục vụ).</p> <p>Trong lĩnh vực ngân hàng nói chung thì sự hài lòng của khách hàng là yếu tố quan trọng. Nhiệm vụ của NHCSXH là đảm bảo an sinh xã hội, đem đồng vốn đến tay người dân và làm cho họ sử dụng có hiệu quả nguồn vốn vay để vươn lên thoát nghèo một cách bền vững. Đó là mục tiêu mà Đảng và Nhà nước ta hướng tới. Như vậy, xã hội mới phát triển; Dân giàu thì nước mới mạnh.</p>
1511.	Thạc sĩ	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người dân về chất lượng dịch vụ hành chính công tại UBND phường Thới An Đông, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	Nguyễn Hữu Thịnh	HD1.TS.Trần Hữu Xinh- HD2.PGS.TS. Đào Duy Huân	<p>Nghiên cứu được thực hiện với phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (định tính và định lượng), nghiên cứu định lượng dựa trên thang đo SERVQUAL của Parasuraman và các cộng sự và dựa vào thang đo do Quyết định số 2640/QĐ-BNV ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nội vụ để đo lường sự hài lòng của người dân đối với chất lượng dịch vụ hành chính công tại UBND phường Thới An Đông. Nghiên cứu sử dụng kiểm độ tin cậy thang đo bằng Cronbach's Alpha và phương pháp phân tích nhân tố EFA với mẫu khảo sát có kích cỡ n = 210 người dân</p>

					<p>đền giao dịch tại bộ phận tiếp nhân và trả hồ sơ tại UBND phường Thới An Đông để kiểm định thang đo, kiểm định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến sự hài lòng của người dân.</p> <p>Kết quả thang đo sự hài lòng của người dân đối với chất lượng dịch vụ hành chính công có 7 nhân tố là: Tiếp cận dịch vụ; Thủ tục hành chính; Công chức giải quyết công việc; Kết quả cung ứng dịch vụ hành chính công; Thời gian làm việc; phí và lệ phí và Tiếp nhận, giải quyết góp ý, phản ánh, kiến nghị với 32 biến quan sát, thang đo về sự hài lòng có 6 biến quansát.</p> <p>Từ kết quả nghiên cứu giúp lãnh đạo tại UBND phường Thới An Đông hiểu rõ các nhân tố nào ảnh hưởng và mức độ của từng nhân tố đến sự hài lòng của người dân đối với chất lượng dịch vụ hành chính công tại UBND phường Thới An Đông từ đó có những giải pháp hợp lý nâng cao sự hài lòng.</p>
1512.	Thạc sĩ	Đánh giá sự hài lòng của bệnh nhân ngoại trú đối với chất lượng dịch vụ tại bệnh viện đa khoa huyện Gò Quao tỉnh Kiên Giang	Lương Kim Thùy	PGS.TS.Võ Khắc Thường	<p>Đề tài “Đánh giá sự hài lòng của người bệnh ngoại trú đối với chất lượng dịch vụ tại bệnh viện đa khoa huyện Gò Quao” nhằm mục đích khám phá những nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người bệnh.</p> <p>Mô hình đầu tiên tác giả đề xuất gồm 5 biến độc lập và 1 biến phụ thuộc với tổng số biến quan sát là 32 biến.Sau khi khảo sát trên 310 bệnh nhân đến khám và điều trị tại khoa khám bệnh của bệnh viện đa khoa huyện Gò Quao. Quá trình phân tích dữ liệu đã trải qua năm bước bao gồm thống</p>

				<p>kê mô tả, kiểm tra độ tin cậy Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích tương quan hồi quy và kiểm định mô hình.</p> <p>Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố khám phá (EFA) đã loại 4 biến quan sát tuy nhiên vẫn giữ nguyên các biến độc lập đó là "Thái độ phục vụ của nhân viên y tế", "Cơ sở vật chất", "Sự đáp ứng", "Chất lượng khám/điều trị", "Thủ tục khám chữa bệnh, tái khám" do đó mô hình nghiên cứu không thay đổi so với ban đầu.</p> <p>Và phương trình cuối cùng là:</p> $Y = 0,436 + 0,415X_1 + 0,151X_2 + 0,143X_3 + 0,102X_4 + 0,076X_5$ <p>Trong đó:</p> <p>Y: Sự hài lòng của người bệnh</p> <p>X₁: Thái độ phục vụ của nhân viên y tế</p> <p>X₂: Cơ sở vật chất</p> <p>X₃: Sự đáp ứng</p> <p>X₄: Chất lượng khám/điều trị</p> <p>X₅: Thủ tục khám chữa bệnh, tái khám.</p> <p>Theo phương trình trên cả 5 nhân tố đều ảnh hưởng</p>
--	--	--	--	---

					<p>đến sự hài lòng của người bệnh đối với chất lượng dịch vụ tại bệnh viện đa khoa huyện Gò Quao. Trong 5 nhân tố thì “Thái độ phục vụ của nhân viên y tế” có tác động lớn nhất đến sự hài lòng của người bệnh. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để tác giả đề xuất giải pháp nhằm nâng cao sự hài lòng của người bệnh đối với chất lượng dịch khám chữa bệnh tại bệnh viện đa khoa huyện Gò Quao.</p>
1513.	Thạc sĩ	<p>Hoạch định chiến lược kinh doanh của ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), chi nhánh Sóc Trăng đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025</p>	Tổng Ngọc Cường	<p>NGND.GS.TS. Nguyễn Thanh Tuyên</p>	<p>Mục đích của nghiên cứu này là hoạch định chiến lược kinh doanh của Ngân hàng Vietcombank, chi nhánh Sóc Trăng đến năm 2025. Từ đó đề xuất những giải pháp thực hiện chiến lược giúp cải thiện các sản phẩm dịch vụ, góp phần thúc đẩy sự phát triển của Ngân hàng trong thời gian tới.</p> <p>Dựa trên cơ sở lý thuyết về chiến lược và quản trị chiến lược kết hợp với kiến thức và kinh nghiệm thực tế của bản thân. Tác giả xác định tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu của Ngân hàng.</p> <p>Phương pháp nghiên cứu bao gồm: Nghiên cứu định tính phỏng vấn chuyên gia và nhà quản lý bên trong và bên ngoài. Số liệu của luận văn được trích và tổng hợp từ Vietcombank Sóc Trăng, Cục Thống kê tỉnh, số liệu báo cáo từ website của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Việt Nam, báo cáo thường niên của các Ngân hàng trên địa bàn tỉnh Sóc</p>

					<p>Trăng. Ngoài ra, luận văn còn sử dụng một số tài liệu tham khảo, sách báo, tạp chí, và các tài liệu giảng dạy chuyên ngành.</p> <p>Chiến lược kinh doanh được Vietcombank, chi nhánh Sóc Trăng được xây dựng dựa trên kết quả phân tích đánh giá các yếu tố môi trường bên ngoài phát hiện cơ hội- thách thức; phân tích môi trường cạnh tranh khái quát lợi thế - bất lợi thế so với các đối thủ và phân tích môi trường bên trong rút ra điểm mạnh - yếu. Trên cơ sở đó hình thành ma trận SWOT và dùng QSPM, đưa ra các chiến lược kết hợp.</p> <p>Từ công cụ kỹ thuật trên, nghiên cứu đã lựa chọn các chiến lược: tăng trưởng tập trung, về đa dạng hoá, về khác biệt hoá, về cạnh tranh, về tấn công ... Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp thực hiện đến 2020 và tầm nhìn 2025 bao gồm: Tăng trưởng tín dụng; Huy động vốn; về nguồn lực; về Marketing; về quản trị rủi ro.</p> <p>Nghiên cứu cũng đưa ra các kiến nghị với ngân hàng nhà nước, Ngân hàng mẹ, và chi nhánh Sóc Trăng. Nghiên cứu cũng chỉ ra các hạn chế của của đề tài định tính và hướng nghiên cứu tiếp là nghiên cứu định lượng.</p>
1514.	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ tuân thủ thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Cần Thơ	Trương Văn Ánh Nhật	NGND,GS.TS. Nguyễn Thanh Tuyền	<p>Công tác quản lý thuế hiện nay đối với thành phố Cần Thơ nói riêng và Việt Nam nói chung đang phải đứng trước nhiều thách thức khác nhau trong nhiệm vụ thu thuế của Nhà nước. Một trong những thách thức đó là sự đa dạng hành vi tuân thủ thuế.</p>

				<p>Trong khi nguồn lực cho quản lý thu thuế có giới hạn, sự phức tạp về hành vi tuân thủ thuế ngày càng tăng và khó nắm bắt, từ đó làm cho Cơ quan thuế phải chịu nhiều sức ép trong việc làm sao phải đảm bảo số thu cho NSNN nhằm hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ chi cho phát triển kinh tế - xã hội cũng như quản lý đất nước trong một xã hội ngày càng phát triển như hiện nay. Chính vì vậy, tuân thủ thuế đã trở thành một chủ đề nghiên cứu quan trọng. Việc tiếp cận vấn đề từ nhiều góc độ đã giúp làm sáng tỏ hành vi của người nộp thuế. Những biến số nào ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế của người nộp thuế? Người nộp thuế sẽ thay đổi như thế nào trước những sự thay đổi của các biến số đó? Đó là vấn đề mà các nhà nghiên cứu đã, đang và sẽ không ngừng đi tìm câu trả lời phù hợp.</p> <p>Việc tuân thủ các quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế cũng còn hạn chế, có những trường hợp tuân thủ nhưng miễn cưỡng. Họ không hài lòng về hình thức xử lý vi phạm và số tiền phạt chậm nộp khi có phát sinh số thuế tăng thêm. Xuất phát tình hình đó, tác giả chọn đề tài “<i>Các yếu tố ảnh hưởng mức độ tuân thủ thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp tại Cục Thuế Thành phố Cần Thơ</i>” để nghiên cứu có ý nghĩa thiết thực cả về lý luận và thực tiễn đối với công tác quản lý thu thuế nói chung và thuế TNDN nói riêng tại Cục Thuế Thành Phố Cần Thơ.</p>
--	--	--	--	---

1515.	Thạc sĩ	Xây dựng kho bạc nhà nước Cần Thơ thành kho bạc điện tử	Lê Minh Công	TS.Nguyễn Ngọc Minh	<p>Mục tiêu chiến lược phát triển Kho bạc Nhà nước đến năm 2020 là hình thành Kho bạc điện tử trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại, Kho bạc Nhà nước phải thực sự trở thành một trong những công cụ quan trọng của Chính phủ trong việc thực hiện công cuộc cải cách hành chính nhà nước mà đặc biệt là cải cách tài chính công theo hướng công khai, minh bạch, từng bước phù hợp với các thông lệ và chuẩn mực quốc tế, góp phần thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các nguồn lực của Chính phủ, chất lượng hoạt động quản lý tài chính vĩ mô, giữ vững ổn định và phát triển nền tài chính quốc gia.</p> <p>Đề tài "<i>Xây dựng Kho bạc Nhà nước Cần Thơ thành Kho bạc điện tử</i>", tác giả dùng các phương pháp để nghiên cứu, gồm: thống kê mô tả, phỏng vấn chuyên gia và thiết lập ma trận SWOT. Nghiên cứu nghiệp vụ thu, chi ngân sách nhà nước, dịch vụ công trực tuyến Kho bạc Nhà nước, những ưu điểm và hạn chế của Kho bạc hiện nay và hoạt động của Kho bạc điện tử, đề xuất các giải pháp để xây dựng Kho bạc điện tử, gồm: (1) Tuyên truyền, hướng dẫn khách hàng thực hiện giao dịch điện tử; (2) Mở rộng tài khoản chuyên thu và phương thức thu ngân sách nhà nước; (3) Tăng cường thanh toán không dùng tiền mặt qua Kho bạc Nhà nước; (4) Mở rộng và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến; (5) Triển khai hoạt động quản trị và phòng ngừa rủi ro tài chính; (6) Đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; (7)</p>
-------	---------	---	-----------------	------------------------	---

					<p>Tăng cường độ an toàn bảo mật thông tin; (8) Đầu tư hạ tầng truyền thông, trang thiết bị.</p> <p>Với việc thay đổi thói quen dùng tiền mặt của người dân Việt Nam sang thanh toán không dùng tiền mặt, còn đối với các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước từ giao dịch theo kiểu truyền thống chuyển sang giao dịch điện tử qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến là một việc làm cần có thời gian.</p> <p>Để xây dựng thành công Kho bạc điện tử, Kho bạc Nhà nước Cần Thơ cần xác định rõ: thuận lợi là cơ bản, khó khăn chỉ là tạm thời, phát huy thế mạnh, tận dụng những thuận lợi, cơ hội sẵn có, khắc phục điểm yếu, lấp dần khó khăn. Con đường tiến tới Kho bạc điện tử sẽ không còn xa.</p>
1516.	Thạc sĩ	Mối quan hệ giữa lợi nhuận và rủi ro thị trường bất động sản trên sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh	Quang Kim Lợi	PGS.TS.Trương Đông Lộc	<p>Đề tài nghiên cứu mối quan hệ giữa lợi nhuận và rủi ro thị trường của các cổ phiếu ngành bất động sản trên Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE), bằng cách sử dụng mô hình định giá tài sản vốn (CAPM), một trong những phát hiện quan trọng trong lý thuyết tài chính hiện đại được thực hiện bởi Sharpe (1964), Lintner (1965) và Mossin (1966).</p> <p>Khi đầu tư chứng khoán, vấn đề nhà đầu tư quan tâm đó là lợi nhuận và rủi ro. Lợi nhuận có thể tính toán một cách chính xác, nhưng còn rủi ro thì khó đo lường hơn. Để đo lường rủi ro, các nhà nghiên cứu chia thành hai loại: Rủi ro thị trường và rủi ro phi thị trường. Rủi ro phi thị trường có thể giảm thiểu bằng cách đa dạng hóa danh mục đầu tư, còn rủi ro thị trường thì không</p>

					<p>thể hạn chế bằng cách đa dạng hóa danh mục đầu tư được, mà nhà đầu tư chỉ có thể chấp nhận cổ phiếu có mức rủi ro thị trường cao hay thấp, được thể hiện bằng hệ số Beta của cổ phiếu.</p> <p>Đề tài sử dụng lợi nhuận các cổ phiếu theo tuần được thu thập từ 40 công ty niêm yết trên HOSE, chỉ số Vn-Index trong giai đoạn từ tháng 01 năm 2012 đến tháng 12 năm 2017, lãi suất trái phiếu chính phủ có kỳ hạn 5 năm được xem như lãi suất của tài sản phi rủi ro để nghiên cứu.</p> <p>Đề tài sử dụng phương pháp bình phương bé nhất (OLS), kết quả nghiên cứu cho thấy mối quan hệ giữa tỷ suất lợi nhuận vượt trội của thị trường và rủi ro của cổ phiếu là một mối quan hệ tuyến tính, nhưng đây là mối quan hệ tương quan nghịch. Điều này chứng tỏ mô hình CAMP chưa phù hợp để vận dụng vào phân tích lợi nhuận và rủi ro tài sản chứng khoán tại thị trường Việt Nam. Kết quả này phù hợp với một số nghiên cứu của các học giả trước đây (Nyangara, 2016; Theriou, 2009 và Phạm Thị Thu Huyen, 2017).</p>
1517.	Thạc sĩ	Quản lý rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam	Nguyễn Thanh Nguyên	PGS.TS.Lê Thị Tuyết Hoa	<p>Trong kinh doanh của NHTM tại Việt Nam, lợi nhuận từ hoạt động tín dụng chiếm tỷ trọng chủ yếu từ tổng thu nhập của các ngân hàng. Tuy nhiên, hoạt động này luôn tiềm ẩn rủi ro, đặc biệt trong đó rủi ro tín dụng luôn tồn tại và nợ xấu là một thực tế hiển nhiên ở bất cứ ngân hàng nào.</p> <p>Chính vì vậy, yêu cầu đặt ra là cần phải tăng cường công tác quản lý rủi ro tín</p>

				<p>dụng, hạn chế đến mức thấp nhất có thể những nguy cơ tiềm ẩn gây nên rủi ro cho hoạt động cấp tín dụng tại VIB, như đưa ra biện pháp gì, quản lý thế nào để kiểm soát được rủi ro tín dụng trong toàn hệ thống.</p> <p>Đề tài: “Quản lý rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam”, tác giả đã sử dụng các phương pháp để nghiên cứu, gồm: Thống kê mô tả, điều tra khảo sát, phỏng vấn chuyên gia và phương pháp nghiên cứu định lượng thông qua việc sử dụng mô hình xác suất Lôgit. Phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động tín dụng, những nhận định về nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng, đưa ra được một số yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng tại VIB. Từ đó đề xuất các giải pháp kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác quản lý rủi ro tín dụng của VIB, như: Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát khoản vay; Nâng cao chất lượng thẩm định tín dụng; Đẩy mạnh công tác xử lý thu hồi nợ; Nâng cao công tác thẩm định giá trị tài sản bảo đảm; Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực;...</p> <p>Nhằm hạn chế rủi ro, nâng cao công tác quản lý rủi ro tín dụng, các NHTM nói chung và VIB nói riêng cần phải hiểu rõ các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng, qua đó xây dựng các giải pháp khắc phục cũng như tổ chức hoạt động quản lý rủi ro tín dụng chặt chẽ hơn, kiểm soát được và giảm thiểu các khoản nợ xấu cũng như sớm nhận diện được những rủi ro để từ đó có biện pháp xử lý hiệu quả, nâng cao chất lượng tín</p>
--	--	--	--	---

					dụng, nâng cao năng lực cạnh tranh trong thời kỳ hội nhập quốc tế.
1518.	Thạc sĩ	Phát triển dịch vụ phi tín dụng tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Cờ Đỏ Cần Thơ II	Đặng Thị Thu Nguyên	PGS.TS.Nguyễn Thị Loan	<p>Luận văn "<i>Phát triển dịch vụ phi tín dụng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Huyện Cờ Đỏ Cần Thơ II</i>" được thực hiện tại Agribank Chi nhánh huyện Cờ Đỏ Cần Thơ II từ tháng 01/2018 đến 05/2018. Mục tiêu nghiên cứu của luận văn là đánh giá thực trạng phát triển dịch vụ phi tín dụng tại Agribank Chi nhánh huyện Cờ Đỏ Cần Thơ II. Đề xuất các giải pháp và kiến nghị khả thi với Agribank nhằm phát triển dịch vụ phi tín dụng tại Agribank Chi nhánh huyện Cờ Đỏ Cần Thơ II.</p> <p>Các số liệu sử dụng trong đề tài này dựa trên số liệu thứ cấp tại Agribank qua 3 năm (2015 - 2017), và số liệu sơ cấp được thu thập theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện thông qua 150 phiếu điều tra khách hàng sử dụng dịch vụ phi tín dụng tại Agribank Chi nhánh huyện Cờ Đỏ Cần Thơ II. Nghiên cứu này phát triển theo chiều rộng là đo lường qua những con số thống kê được và phát triển theo chiều sâu là muốn biết khách hàng đánh giá về chất lượng dịch vụ phi tín dụng tại Agribank Chi nhánh huyện Cờ Đỏ Cần Thơ II như thế nào thông qua mô hình nghiên cứu sự hài lòng khách hàng về chất lượng dịch vụ phi tín dụng. Nghiên cứu sử dụng thang đo chất lượng dịch vụ SERVQUAL, kiểm định mức độ tin cậy của số liệu được sử</p>

					<p>dụng trong thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha để loại bỏ biến không phù hợp, sau đó phân tích nhân tố khám phá EFA, phân tích hồi quy tuyến tính để đo lường chất lượng dịch vụ phi tín dụng và sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ tại Agribank Chi nhánh huyện Cờ Đỏ Cần Thơ II.</p> <p>Trong mô hình tác giả xác định 5 nhân tố và 22 biến quan sát: Tin cậy; Phương tiện hữu hình; Đáp ứng; Đồng Cảm; Năng lực phục vụ và kết quả là mức độ hài lòng phụ thuộc vào năm nhân tố thứ tự tầm quan trọng ảnh hưởng là: Tin cậy, đồng cảm và đáp ứng, năng lực phục vụ, phương tiện hữu hình.</p> <p>Dựa vào các kết quả phân tích, đề tài đưa ra một số giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ phi tín dụng tại Agribank, đồng thời đưa ra những giải pháp nhằm phát triển dịch vụ phi tín dụng phù hợp với tình hình thực tế tại Agribank Chi nhánh huyện Cờ Đỏ Cần Thơ II.</p>
1519.	Thạc sĩ	Giải pháp hoàn thiện công tác quản lý rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long chi nhánh Bạc Liêu	Phan Thế Nhân	PGS.TS.Đào Duy Huân	<p>Có thể thấy việc nghiên cứu, áp dụng các biện pháp nâng cao năng lực quản lý rủi ro tín dụng nhằm giảm thiểu tối đa những thiệt hại có thể xảy ra là nhiệm vụ hàng đầu của các NHTM. Trong quá trình nghiên cứu đề tài này, dựa trên nền tảng cơ sở lý luận của Ủy Ban Giám Sát Rủi Ro Basel đặt ra đối với công tác quản lý rủi ro tín dụng và những yếu tố cơ bản trong QTRR cần thực hiện theo C. Arthur Williams Jr. được dịch lại bởi Nguyễn Quang Thu và các cộng sự. Tác giả đã cơ bản chỉ ra những vấn đề còn tồn tại trong hoạt động tín dụng, chỉ ra vấn đề nợ xấu, vấn đề RRTD tại Kienlongbank Chi</p>

				<p>nhánh Bạc Liêu trong thời gian qua. Song song đó, đề tài cũng đã tiến hành phân tích chi tiết các nội dung về quản lý rủi ro tín dụng tại Kienlongbank Chi nhánh Bạc Liêu theo các tiêu chuẩn lý luận đã đặt ra. Từ đó, tác giả đã chỉ ra được những điểm yếu vẫn còn tồn tại trong công tác quản lý rủi ro tín dụng tại Đơn vị trong thời gian qua. Cuối cùng, từ các kết quả có được về những nhược điểm trong công tác quản lý rủi ro tín dụng, tác giả đã mạnh dạn đưa ra những giải pháp phù hợp cho Kienlongbank Chi nhánh Bạc Liêu nhằm hoàn thiện, nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác quản lý rủi ro tín dụng tại ngân hàng này.</p> <p>Kienlongbank Chi nhánh Bạc Liêu trong thời gian qua đã và đang tiếp cận với các chuẩn mực quốc tế về quản lý rủi ro tín dụng. Tuy nhiên, tất cả chỉ trong giai đoạn khởi đầu và hậu quả của rủi ro tín dụng vẫn ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Việc thực hiện nhóm giải pháp chính để quản lý rủi ro tín dụng trong giai đoạn hiện tại là phù hợp về cơ cấu tổ chức, quy mô, tiềm lực tài chính của Kienlongbank Chi nhánh Bạc Liêu nhưng công tác quản lý rủi ro tín dụng cần định hướng theo thông luật quốc tế cụ thể là Hiệp ước Basel II để dần chuyên đổi, thích nghi với điều kiện văn hóa – xã hội và phát triển của kinh tế thế giới.</p> <p>Hy vọng qua nghiên cứu này, đề tài sẽ giúp cho các nhà QTRR ngân hàng nói chung, nhà QTRR tại Kienlongbank Chi nhánh Bạc Liêu nói riêng có được cái nhìn tổng quan về RRTD, về quản lý rủi ro tín dụng. Bên cạnh đó, đề tài sẽ đóng góp những giải pháp thiết thực giúp Kienlongbank Chi nhánh Bạc Liêu có thể tổ chức mô hình quản lý rủi ro tín dụng chặt chẽ hơn, hiệu quả hơn, nâng cao chất lượng tín dụng nhằm đảm bảo hoạt động an toàn, cạnh tranh và hội nhập quốc tế.</p>
--	--	--	--	---

					<p>Tuy nhiên, do còn hạn chế về hiểu biết và thời gian nên đề tài vẫn chỉ giới hạn phạm vi nghiên cứu dựa trên những lý luận về QLRRTD theo Basel và theo C. Arthur Williams Jr. Trên thế giới còn rất nhiều những công trình nghiên cứu, những lý luận về QTRR cần phải được nghiên cứu và áp dụng tại các ngân hàng. Điều này giúp nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác quản lý rủi ro tín dụng và giúp Kienlongbank Chi nhánh Bạc Liêu tiệm cận hơn với thông lệ quốc tế, ngày càng phát triển bền vững. Nội dung này tác giả xin để lại cho các công trình nghiên cứu về sau.</p> <p>Luận văn chắc chắn sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Đề bài nghiên cứu hoàn thiện hơn, rất mong nhận được góp ý chân thành của quý thầy cô và các bạn.</p>
1520.	Thạc sĩ	Quản lý thu - chi ngân sách nhà nước tỉnh Hậu Giang	Quang Thị Kiều Oanh	PGS.TS.Võ Khắc Thường	<p>Hậu Giang, qua 5 năm thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh giai đoạn 2015-2020 trong bối cảnh kinh tế cả nước còn gặp nhiều khó khăn, thách thức, sản xuất kinh doanh và đời sống của nhân dân còn nhiều khó khăn. Ngân sách nhà nước tỉnh Hậu Giang đã có những chuyển biến rõ nét nhưng chưa thể đảm bảo, phần lớn được trung ương cấp để thực hiện tốt mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội, xây dựng công trình phúc lợi trên địa bàn, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân trong tỉnh. Vì vậy, "Hoàn thiện quản lý thu - chi ngân sách nhà nước tỉnh Hậu Giang" được toàn Đảng, toàn dân quan tâm sâu sắc.</p> <p>Mục đích nghiên cứu của luận văn là nghiên cứu để hoàn thiện về mặt nhận thức lý luận cơ bản về công tác quản lý NSNN, phân tích thực trạng về hiệu quả quản lý ngân sách</p>

					<p>tình cũng như tìm ra những biện pháp để góp phần hoàn thiện quản lý thu – chi ngân sách nhà nước tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2015 - 2020. Luận văn cơ bản đã giải quyết các nội dung sau:</p> <p>- Về mặt lý luận, luận văn đã hệ thống hoá một số vấn đề cơ bản về khái niệm, chức năng, những nguyên tắc cơ bản của hệ thống NSNN, quy trình ngân sách, hiệu quả quản lý cũng như các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý NSNN.</p> <p>- Luận văn đi vào phân tích khái quát thực trạng hiệu quả quản lý NSNN tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2012 - 2016, trong đó phân tích, đánh giá kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện quản lý NSNN của tỉnh trong thời gian qua. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp cơ bản nhằm hoàn thiện giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý NSNN tỉnh Hậu Giang trong giai đoạn phát triển mới đạt được kết quả tích cực, toàn diện hơn nhằm phục vụ quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương một cách bền vững.</p> <p>Trên cơ sở kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020, luận văn nêu một số nội dung chung về mục tiêu, phương hướng, các nhiệm vụ chủ yếu cũng như các chỉ tiêu phát triển cụ thể và giải pháp cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả quản lý NSNN tỉnh Hậu Giang trong thời gian tới.</p>
1521.	Thạc sĩ	Quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	Phạm Thị Thúy Phượng	PGS.TS.Lê Nguyễn Đoàn Khôi	<p>Vốn đầu tư xây dựng cơ bản (ĐT XD CB) từ Ngân sách Nhà nước (NSNN) ở Việt Nam nói chung và ở thành phố Vị Thanh nói riêng trong những năm qua đã góp phần quan trọng trong phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế-</p>

				<p>xã hội, hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN trên địa bàn thành phố Vị Thanh thời gian qua vẫn còn một số tồn tại và hạn chế nhất định. Vì vậy, vấn đề nghiên cứu thực trạng công tác quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN trên địa bàn thành phố Vị Thanh để tìm ra giải pháp nâng cao hiệu quả công tác này là rất cần thiết.</p> <p>Tác giả lập bảng câu hỏi khảo sát để tiến hành phỏng vấn, lấy ý kiến của các chuyên gia về công tác quản lý vốn ĐTXDCB trên địa bàn thành phố Vị Thanh. Tác giả đã sử dụng phương pháp diễn dịch, phân tích so sánh quy nạp và phương pháp thống kê mô tả, thông qua công cụ phân tích SPSS tác giả đã xử lý số liệu từ các phiếu khảo sát. Trên cơ sở đó, tác giả đánh giá tình hình thực tế công tác quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN trên địa bàn thành phố Vị Thanh trong thời gian qua. Bên cạnh những thành tựu đạt được, công tác quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN trên địa bàn vẫn còn nhiều hạn chế như đầu tư sai, đầu tư khép kín, đầu tư dàn trải, thất thoát, lãng phí,....</p> <p>Thông qua ý kiến đóng góp của các chuyên gia, cùng với vốn kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn trong công tác của bản thân, tác giả đã nhận định được những nguyên nhân sâu xa dẫn đến hạn chế đó là: Chủ đầu tư thiếu trách nhiệm trong công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện, lè lỏi làm việc trong</p>
--	--	--	--	--

					<p>nhiều dự án thiếu khoa học; cơ chế phân công, phân cấp, phối hợp chồng chéo, trách nhiệm không được quy định rõ ràng, tạo môi trường thuận lợi cho sự phát sinh tình trạng cục bộ, bản vị và khép kín; chính sách tài chính thiếu ổn định, chính sách đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư không thống nhất và thiếu nhất quán; hệ thống văn bản pháp luật thiếu đầy đủ, nội dung không phù hợp với thực tế, thiếu cụ thể, không đồng bộ, hay thay đổi và thiếu chế tài nghiêm minh. Trên cơ sở phân tích những nguyên nhân gây ra hạn chế nêu trên, tác giả đã nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN trên địa bàn thành phố Vị Thanh trong thời gian tới.</p>
1522.	Thạc sĩ	Cơ chế kiểm soát chi ngân sách nhà nước đối với cơ quan hành chính tự chủ trên địa bàn quận Ninh Kiều	Quách Hữu Thại	TS. Nguyễn Ngọc Minh	<p>Kiểm soát chặt chẽ các khoản chi Ngân sách Nhà nước (NSNN) luôn làm mối quan tâm lớn của Đảng, Nhà nước và của các cấp, các ngành, góp phần quan trọng trong việc giám sát sự phân phối và sử dụng nguồn lực tài chính một cách đúng mục đích, có hiệu quả; đồng thời là một biện pháp hữu hiệu để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Từ năm 2006, thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí đối với các cơ quan nhà nước; Cơ chế kiểm soát chi thường xuyên (KSC) qua Kho bạc Nhà nước (KBNN) đối với các cơ quan hành chính nhà nước thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính đã có những chuyển biến tích cực; công tác lập, duyệt, phân bổ dự</p>

					toán được chú trọng hơn về hiệu quả và thời gian; Việc kiểm soát điều hành NSNN cũng đã có những thay đổi lớn và đạt được kết quả quan trọng, góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển, giải quyết những vấn đề xã hội. Xuất phát từ tình hình thực tế đó, Bản thân chọn Đề tài “Cơ chế kiểm soát chi NSNN đối với cơ quan hành chính tự chủ trên địa bàn quận Ninh Kiều” làm đề tài nghiên cứu của mình với mong muốn đưa ra một số giải pháp góp phần hoàn thiện cơ chế, nâng cao hiệu quả kiểm soát chi thường xuyên thông qua hệ thống KBNN nói chung và KBNN Ninh Kiều nói riêng.
1523.	Thạc sĩ	Các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất thổ cư tại thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	Võ Trường Thịnh	PGS.TS.Bùi Văn Trịnh	Đề tài được thực hiện với mục tiêu xác định các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất thổ cư tại thành phố Vị Thanh, đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đó đến giá đất thổ cư, trên cơ sở đó đề xuất hàm ý chính sách nhằm phát triển thị trường đất thổ cư cho thành phố. Số liệu nghiên cứu của đề tài được thu thập từ 160 người có có giao dịch chuyên nhượng quyền sử dụng đất tại thành phố Vị Thanh. Các phương pháp được sử dụng trong phân tích gồm: thống kê mô tả, phân tích nhân tố và phân tích hồi quy đã xác định và đánh giá được 12 yếu tố nằm trong 5 nhóm ảnh hưởng đến giá đất thổ cư tại thành phố Vị Thanh. Dựa theo đó, đề tài đã đề xuất các hàm ý chính sách nhằm phát triển thị trường đất thổ cư cho thành phố trong thời gian tới bao gồm: mở rộng các tuyến đường giao thông đô thị và hạn chế hoạt động trung gian, môi giới nhà đất; xây dựng thêm các khu dân cư và thu hút vốn đầu tư nhằm đẩy mạnh

					hoạt động kinh doanh, mua bán trên địa bàn; hoàn thiện kết cấu hạ tầng đô thị; sau cùng là đảm bảo an ninh đô thị và đơn giản hoá hệ thống pháp lý liên quan đến đất đai.
1524.	Thạc sĩ	Các yếu tố tác động đến sự hài lòng về chất lượng dịch vụ thẻ đa năng của khách hàng tại ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á chi nhánh Cần Thơ	Vũ Cẩm Tuyền	PGS.TS.Võ Khắc Thường	<p>Mục tiêu của đề tài là phân tích các yếu tố tác động đến sự hài lòng về chất lượng dịch vụ thẻ đa năng của khách hàng tại ngân hàng TMCP Đông Á Chi nhánh Cần Thơ. Số liệu sử dụng trong nghiên cứu này được thu thập từ 225 khách hàng giao dịch tại DAB chi nhánh Cần Thơ. Tác giả dùng các phương pháp so sánh, thống kê mô tả, kiểm định hệ số Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích hồi quy đa biến, ma trận SWOT.</p> <p>Kết quả nghiên cứu cho thấy, thang đo Servqual gồm 7 thành phần với 36 biến quan sát bao gồm: Độ tin cậy, sự cảm thông, sự hữu hình, hiệu quả phục vụ, sự đảm bảo, mạng lưới, giá cả. Trong đó, mở rộng mạng lưới là thành phần tác động mạnh nhất đến quyết định sử dụng thẻ của khách hàng. Để tác động đến sự hài lòng về chất lượng dịch vụ thẻ đa năng của khách hàng, bài nghiên cứu đã đưa ra một số giải pháp tác động đến sự hài lòng thẻ như: chính sách marketing, chăm sóc khách hàng, nguồn lực, công nghệ, quản trị rủi ro, mở rộng mạng lưới.</p>

G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp

STT	Tên đơn vị đặt hàng đào tạo	Số lượng	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Kết quả đào tạo
1					
2					

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1	Hội thảo khoa học “Đào tạo và nghiên cứu khoa học ở ĐBSCL-Hội nhập và phát triển bền vững	26/11/2015	Trường Đại học Tây Đô	300

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1.	Nghiên cứu chế tạo thiết bị làm lạnh dùng năng lượng mặt trời và năng lượng gió theo mô hình pot-in-pot	Ths. Huỳnh Quốc Trung		2012-2013	60	Góp phần chế tạo thiết bị làm lạnh dùng năng lượng mặt trời và năng lượng gió theo mô hình pot-in-pot
2.	Việc làm của sinh viên Trường Đại học Tây Đô sau khi tốt nghiệp	Ths. Võ Minh Sang PGS.TS. Đào Duy Huân Ths. Nguyễn Kim Thắm Ths Thái Ngọc Vũ Ths. Đoàn Hoài Nhân Ths. Nguyễn Trí Dũng Ths. Trịnh Bửu Nam Ths. Nguyễn Thị Thanh Xuân Ths. Nguyễn Thị Thanh Xuân Ths. Nguyễn Huỳnh Phước Thiện Ths. Phòng Thị Huỳnh Mai		2012-2013	60	Góp phần định hướng trong việc đào tạo và nâng cao chất lượng dạy và học tại Trường ĐHTĐ
3.	Đánh giá mối quan hệ giữa khả năng tích lũy CO ₂ của cây Đước (<i>Rhizophora apiculata</i>) trồng với các điều kiện môi trường đất, nước và dinh dưỡng khác nhau tại	Ths. Nguyễn Hà Quốc Tín		2012-2013	60	Cung cấp dữ liệu ban đầu cho việc thực hiện các dự án chống suy thoái và mất rừng

	Cà Mau					
4.	Xây dựng mô hình đào tạo kỹ năng thực hành tiền lâm sàng cho sinh viên Điều dưỡng - Trường Đại học Tây Đô năm 2012	BS.CKI. Phan Ngọc Thủy		2012-2013	20	Góp phần nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên Điều dưỡng Trường ĐHTĐ
5.	Nghiên cứu ứng dụng quy trình Biofloc trong nuôi tôm Sú (Penaeus monodon)	Ths. Tạ Văn Phương		2012-2013	60	Góp phần nâng cao hiệu quả nuôi tôm Sú theo quy trình Biofloc
6.	Khảo sát sự hài lòng, kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên Trường Đại học Tây Đô	PGS.TS. Tô Anh Dũng Ths. La Thuận Bửu Ths. Lê Văn Nhất		2012-2013	40	Góp phần nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên Trường ĐHTĐ
7.	Nghiên cứu xây dựng hệ thống theo dõi sự thay đổi độ ẩm của vật liệu bằng cảm ứng điện từ sử dụng trong phòng thí nghiệm	TS.Phan Văn Thơm		2013-2014	58	Góp phần theo dõi sự thay đổi độ ẩm của vật liệu bằng cảm ứng điện từ sử dụng trong phòng thí nghiệm
8.	Phân lập và tuyển chọn vi khuẩn lactic có khả năng kháng vi sinh vật gây bội nhiễm mụn trứng cá	Ths.Dương Thị Bích PGs. TS. Nguyễn Văn Bá		2013-2014	70	Góp phần điều trị bệnh Mụn trứng cá có hiệu quả
9.	Nghiên cứu tính chất tập nghiệm của bài toán cân bằng và các vấn đề liên quan	Ths.Trần Ngọc Tâm		2013-2014	42	Góp phần phát triển nghiên cứu khoa học cơ bản của Trường ĐHTĐ
10.	Nghiên cứu chế tạo các hạt nano pt/c và pt-ru/c nhằm giảm giá thành cho pin nhiên liệu dùng methanol trực tiếp (dmfc)	Ths.Nguyễn Lê Hoài Phương		2013-2014	63	Góp phần giảm giá thành cho pin nhiên liệu dùng methanol trực tiếp (dmfc)
11.	Nghiên cứu tình hình chăm sóc tại nhà 30 ngày đầu sau sinh của bà mẹ và trẻ em trên địa bàn Quận Cái Răng, Thành Phố Cần Thơ	Ths.Nguyễn Thị Hồng Nguyên		2013-2014	58	Cung cấp kiến thức chăm sóc sức khỏe sau sinh của bà mẹ và trẻ em trên địa bàn Quận Cái Răng, Thành Phố Cần Thơ
12.	Nhận dạng điểm viết tay trên bảng điểm	Ths. Lê Thanh Trúc		2014-2015	30	Góp phần nâng cao hiệu quả quản lý đào tạo

13.	Nghiên cứu chiết xuất, phân lập và tinh sạch Stevioside và Rebaudioside A từ cây cỏ ngọt (Stevia Rebaudiana) làm chất tạo ngọt trong thực phẩm và dược phẩm	Ths. Nguyễn Kim Đông Ths. Lâm Thị Kim Ngân	2014-2015	75	Phục vụ trong ngành công nghệ thực phẩm và thảo dược
14.	Nghiên cứu sự ổn định nghiệm của các mô hình bài toán cân bằng	Ths. Nguyễn Hữu Danh	2014-2015	30	Góp phần phát triển nghiên cứu khoa học cơ bản của Trường ĐHTĐ
15.	Nghiên cứu khả năng diệt nấm và ký sinh trùng gây bệnh trên cá của cây Bạch hoa xà (Plumbago zeylanica)	Ths. Nguyễn Lê Hoàng Yến Ths. Trần Ngọc Huyền	2014-2015	63	Góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất
16.	Nghiên cứu khả năng ương cá tra từ cá hương tới cá giống ở độ mặn khác nhau	PGS.TS. Nguyễn Văn Kiểm Ths. Trần Ngọc Huyền	2014-2015	54	Góp phần phát triển kỹ thuật ương cá tra từ cá hương tới cá giống đạt hiệu quả cao
17.	Ứng dụng quy trình công nghệ boifloc trong nuôi tôm Thẻ chân trắng thâm canh tại Thạnh Phú – Bến Tre	TS. Tạ Văn Phương Ths. Nguyễn Văn Kinh PGS.TS. Nguyễn Văn Hòa	2014-2015	63	Góp phần phát triển công nghệ boifloc trong nuôi tôm Thẻ chân trắng thâm canh tại Thạnh Phú – Bến Tre
18.	Ảnh hưởng một số yếu tố môi trường đất và nước đến khả năng tích lũy carbon của rừng ngập mặn ở biển Đông và biển Tây tại huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau	Ths. Nguyễn Hà Quốc Tín Ths. Trần Ngọc Huyền	2014-2015	45	Cung cấp dữ liệu ban đầu cho việc thực hiện các dự án chống suy thoái và mất rừng
19.	Nghiên cứu tình hình hướng thú học tập đối với các phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm của sinh viên khoa Dược – Điều dưỡng, Trường Đại học Tây Đô	Ths. Nguyễn Thị Hồng Nguyên Ths. Lê Phú Nguyên Thảo	2014-2015	30	Góp phần nâng cao chất lượng dạy và học tại Trường ĐHTĐ
20.	Nghiên cứu kiến thức, thái độ, hành vi về chăm sóc sức khỏe sinh sản của sinh viên nữ từ 18 đến 24	Ths. Nghị Ngô Lan Vi	2014-2015	30	Cung cấp kiến thức chăm sóc sức khỏe sinh sản của sinh viên

	tuổi tại trường đại học Tây Đô năm 2014 – 2015					nữ
21.	Bức tranh ngôn ngữ về sông nước trong tri nhận của người Nam Bộ	TS. Tăng Tấn Lộc Ths. Nguyễn Thị Mỹ Nhung		2014-2015	30	Góp phần trong việc giảng dạy ngôn ngữ học
22.	Nâng cao hiệu quả tài chính trong quảng bá tư vấn tuyển sinh của Trường Đại học Tây Đô	TS. Nguyễn Tiến Dũng TS. Nguyễn Phước Quý Quang TS. Trần Hữu Xinh CN. Phan Thị Kim Tuyền TS. Lương Lễ Nhân		2015-2016	130	Góp phần nâng cao hiệu quả tài chính trong quảng bá tư vấn tuyển sinh của Trường Đại học Tây Đô
23.	Khảo sát thực vật học của một số loài đing lãg thuộc chi polyscias tại Thành phố Cần Thơ và Tỉnh An Giang.	Cao Thị Thu Thảo		2015-2016	35	Bài báo cáo khoa học đăng trên tạp chí khoa học
24.	Đánh giá hiệu quả kinh tế của mô hình canh tác cây trồng kết hợp nuôi thủy sản tại Huyện An Biên, Kiên Giang	Nguyễn Hồ Lệ Huỳnh		2015-2016	56	Báo cáo tổng kết mô tả đặc điểm hình thái và so sánh với những tài liệu đã có mô tả, đồng thời cũng so sánh giữa các loài với nhau và so sánh giữa các dạng cây trong cùng một loài.
25.	Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo trường Đại học Tây Đô	TS. Nguyễn Ngọc Minh TS.LS. Nguyễn Tiến Dũng TS. Nguyễn Phước Quý Quang TS. Nguyễn Quốc Nghi Ths. Nguyễn Thị Ngọc Yên Ths. Khru Ngọc Huyền Ths. Lê Thị Anh Thư Trần Văn Nhuộm		2016-2017	130	Góp phần nâng cao chất lượng đào tạo trường Đại học Tây Đô

		Ths. Trương Thanh Loan Hàng Văn Kiềng				
26.	Xây dựng mô hình đào tạo kỹ năng thực hành tiền lâm sàng cho sinh viên điều dưỡng – Trường Đại học Tây Đô giai đoạn 2 từ tháng 5-2015 đến tháng 5-2016	BS.CKI. Phan Ngọc Thủy DS. Nguyễn Thị Lại Ths. Nguyễn Thị Hồng Nguyễn Ths. Trần Trúc Linh		2016-2017	90	Góp phần đào tạo sinh viên chuyên ngành Điều dưỡng
27.	Phần mềm quản lý thông tin học sinh, sinh viên trong trường đại học, cao đẳng và trung cấp	Trần Minh Tấn Trần Kiều Diễm		2016-2017	60	Góp phần quản lý thông tin học sinh, sinh viên trong trường đại học, cao đẳng và trung cấp hiệu quả
28.	Nghiên cứu và sàng lọc những cây thuốc có đáp ứng hoạt tính chống oxy hóa trên địa bàn TP. Cần Thơ	Ths. Đỗ Văn Mãi Ths. Đỗ Văn Mãi DS. Trì Kim Ngọc DS Dương Than Khiết Ths. Huỳnh Ngọc Trung Dung		2016-2017	105	Góp phần phát triển nguồn dược liệu có hoạt tính chống oxy hóa trên địa bàn TP. Cần Thơ
29.	Ảnh hưởng của bột bắp với tỷ lệ khác nhau lên tăng trưởng, tỷ lệ sống và màu sắc cơ thịt của cá trê vàng	Ths. Trần Ngọc Tuyền		2016-2017	84	Góp phần trong nuôi cá trê vàng hiệu quả
30.	Xây dựng hệ thống chính trị cơ sở Trường Đại học Tây Đô	Lê Văn Sơn		2016-2017	120	Góp phần xây dựng hệ thống chính trị cơ sở Trường Đại học Tây Đô hiệu quả
31.	Cải thiện độ phì nhiêu đất và năng suất lúa trên đất bị mất tầng đất mặt tại huyện Mỹ Xuyên- Sóc Trăng và Châu Thành- Trà Vinh	GS.TS. Võ Thị Gương		2016-2017	240	Góp phần cải thiện độ phì nhiêu đất và năng suất lúa trên đất bị mất tầng đất mặt tại huyện Mỹ Xuyên- Sóc Trăng và Châu Thành- Trà Vinh
32.	Nghiên cứu sản xuất cồn tuyệt đối bằng phương pháp hồi lưu nhiều bậc	PGS.TS. Phan Văn Thơm		2016-2017	35	Sản xuất cồn tuyệt đối hiệu quả cao

33.	Đánh giá hiệu quả sử dụng chế phẩm sinh học lên men từ vi khuẩn lactic trong điều trị mụn trứng cá ở thể nhẹ và trung bình	ThS. Dương Thị Bích PGS.TS. Nguyễn Văn Bá	2016-2017	40	Góp phần điều trị bệnh Mụn trứng cá có hiệu quả
34.	Khảo sát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (imidacloprid) trên một số dược liệu ở địa bàn Thành phố Cần Thơ	ThS. Nguyễn Phước Định Ths. Đỗ Văn Mãi Nguyễn Chí Toàn	2016-2017	79	Cung cấp dữ liệu cho việc nghiên cứu dược liệu
35.	Khảo sát thực vật học và nghiên cứu thành phần hóa học của lá cây Đinh lăng (Polyscias fruticosa (L.) Harms) trồng tại ĐBSCL	Ths. Đỗ Văn Mãi	2016-2017	250	Góp phần phát triển nguồn dược liệu từ cây Đinh lăng
36.	Hiệu quả của phân hữu cơ và cung cấp cân đối dưỡng chất trong cải thiện một số đặc tính đất và năng suất trái thanh long (Hylocereus Undatus)	TS. Võ Văn Bình	2016-2017	300	Góp phần cải thiện một số đặc tính đất và năng suất trái thanh long (Hylocereus Undatus)
37.	Khảo sát tình hình xâm nhập mặn ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long năm 2016-2017	Trần Thị Huỳnh Như		25	Báo cáo tổng kết đưa ra những giải pháp giúp người dân có thể ứng phó với hạn mặn, nếu còn xảy ra.
38.	An Example of Project-Based Learning: Local Specialties in Several Provinces in the Sub-Mekong Area, Viet Nam	ThS. Lý Thị Trà My Lý Nguyễn Anh Khoa Trần Huỳnh Quốc Khánh Tô Duy Thọ Diệp Hồng Ngọc Trần Quốc Mẫn Nguyễn Thanh Danh Huỳnh Hồng Ngọc Hà Tường Vy Nguyễn Ngọc Kiều Trần Yến Nhi Trà Tố Quyên Nguyễn Phương Như Trần Đức Huy Huỳnh Trọng Thức Phạm Anh Khiết Bùi Minh Hiếu Phạm Thị Mỹ Chi Phạm Thị Diễm Linh Lê Mỹ Dung Nguyễn Thị Diệu Thảo		205	Báo cáo kết quả, dự án đã giới thiệu được một số món ăn nổi tiếng của các tỉnh An Giang, Thành phố Cần Thơ, Cà Mau, Sóc Trăng và Hà Tiên – Kiên Giang

		Trần Nguyễn Tú Uyên Lê Thị Trang Tiền Thị Thế My Nguyễn Thị Diễm Kiều Lâm Thị Thái Nguyên Trần Ý Nhi Nguyễn Bùi Thanh Đắc Quách Thị Xiểu Xuyên Nguyễn Thiên Phú Trương Nguyễn Huyền Anh Trương Thị Huệ Thiện Trần Thị Ngọc Bích Lê Phương Thúy Nguyễn Thị Quỳnh Giao Lê Thị Bích Ngân Võ Nguyễn Phương Duy Dương Việt Anh Võ Thanh Phong Huỳnh Hoài Nhân Văn Thị Ngọc Tiến Nguyễn Thị Kim Ngân				
39.	Nghiên cứu ảnh hưởng của mật độ và độ mặn khác nhau lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của cá Bống tượng (<i>Oxyeleotris marmoratus</i>) giai đoạn ương cá hương lên cá giống	Ths. Trần Ngọc Tuyền		2017-2018		
40.	Thử hoạt tính chống oxy hóa và phân lập hợp chất tinh khiết từ lá Cà na (<i>Canarium album</i> (Lour.) Raeusch họ Trám <i>Burseraceae</i>)	DS. Trì Kim Ngọc		2017-2018		
41.	Ứng dụng công cụ quản trị tinh gọn để nâng cao hiệu quả làm việc tại các đơn vị thuộc Trường Đại học Tây Đô	TS. Nguyễn Ngọc Minh		2017-2018		
42.	Nghiên cứu, tính toán, thiết kế cải tiến và chế tạo hệ thống sản xuất cồn tuyệt đối làm việc đạt hiệu quả cao	PGS.TS. Phan Văn Thơm		2017-2018		
43.	Dùng tinh dầu thực vật làm chế phẩm đuổi muỗi ứng dụng trong vệ sinh phòng dịch	PGS.TS. Nguyễn Văn Bá		2017-2018		

44.	Thử nghiệm nuôi cá rô đồng (<i>Anabas Testiduneus</i>) trong độ mặn khác nhau	Ths. Trần Ngọc Huyền		2017-2018		
45.	Tính liên tục của ánh xạ nghiệm bài toán cân bằng	Ths. Nguyễn Hữu Danh		2017-2018		
46.	Nghiên cứu vi sinh vật hữu ích trong hệ thống Biofloc để cải thiện môi trường và năng suất nuôi tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>)	TS. Tạ Văn Phương PGS.TS. Nguyễn Văn Bá ThS. Phạm Thị Mỹ Xuân ThS. Trần Ngọc Tuyền		2018-2019	30	
47.	Nghiên cứu chiết xuất và tinh sạch Gluten từ phụ phẩm bột lúa mì và sản xuất màng thực phẩm dùng làm bao bì ăn được	ThS. Nguyễn Kim Đông ThS. Lâm Thị Kim Ngân		2018-2019	30	
48.	Ảnh hưởng của đặc tính đất, biện pháp canh tác đến lượng ly trích Alkaloid trong cây Lá Cánh trên đất bạc màu	TS. Võ Văn Bình		2018-2019	30	
49.	Nghiên cứu nuôi Hàu Thái Bình Dương (<i>Crassostrea gigas</i> Thunberg, 1793) và tôm Sú kết hợp.	ThS. Tăng Minh Khoa ThS. Nguyễn Lê Hoàng Yến ThS. Trần Ngọc Huyền		2018-2019	30	
50.	Đánh giá tác dụng cải thiện môi trường ao nuôi tôm của nhóm vi khuẩn nitrate hóa (<i>Nitrosomonas</i> và <i>Nitrobacteria</i>) ở các độ mặn khác nhau.	ThS. Nguyễn Lê Hoàng Yến PGS. TS. Nguyễn Văn Bá ThS. Tăng Minh Khoa ThS. Võ Thị Kiên Hào ThS. Nguyễn Thị Thu Thảo		2018-2019	30	
51.	Khảo sát hiện trạng và đề xuất giải pháp quản lý nước thải phòng thí nghiệm của trường Đại học Tây Đô.	Ths. Nguyễn Hà Quốc Tín Đặng Hồng Tươi (sinh viên ngành Quản lý Tài nguyên và môi trường khóa 9)		2018-2019	30	
52.	Phá sản ngân hàng và quyền lợi của người gửi tiền	PGS.TS. Võ Khắc Thường Ths. Tất Duyên Thư Ths. Lý Thị Phương Thảo Ths. Thái Thị Bích Trân Ths. Lê Thị Ngọc Em		2018-2019	15	
53.	Phân tích các yếu tố ảnh	Ths. Nguyễn Trí Dũng		2018-2019	15	

	hường đến thời gian tự học của sinh viên: Trường hợp của sinh viên Trường Đại học Tây Đô	Ths. Thái Kim Hiền Nhân Ths. Võ Ngọc Hải				
54.	Nhân tố ảnh hưởng đến cấu trúc tài chính của các Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam	TS. Trần Kiều Nga Ths. Lê Thị Ngọc Em Ths. Trần Thuý Hằng		2018-2019	15	
55.	Quản trị công ty, cơ cấu vốn và mức độ chấp nhận rủi ro: trường hợp các doanh nghiệp niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM	Ths. Phan Ngọc Bảo Anh Ths. Trần Thuý Hằng Ths. Lê Cảnh Bích Thơ		2018-2019	15	
56.	Nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên Trường Đại học Tây Đô hiện nay.	TS. Nguyễn Việt Hùng Ths. Nguyễn Thị Thúy Vân Ths. Lê Thị Ngân		2018-2019	15	
57.	Tính chất của tập nghiệm xấp xỉ bài toán tựa cân bằng.	Ths. Nguyễn Hữu Danh PGS.TS. Lâm Quốc Anh Ths. Trần Ngọc Tâm		2018-2019	15	
58.	Ứng dụng các phương pháp thống kê trong phân tích thương hiệu Trường Đại học Tây Đô	PGS.TS Tô Anh Dũng Ths. Nguyễn Thị Tuyết Mai Ths. Nguyễn Thị Thúy An Ths. Trương Thị Mỹ Dung Ths. Võ Thị Mộng Thúy		2018-2019	15	
59.	Chiết xuất, phân lập hợp chất saponin và xây dựng quy trình định lượng đồng thời 2 hợp chất saponin từ lá cây Đinh lăng [Polyscias fruticosa (L.) Harms].	Ths. Đỗ Văn Mãi		2018-2019	30	
60.	Tổng hợp và đánh giá hoạt tính kháng khuẩn của một số dẫn xuất có cấu trúc dị vòng 1,3,4-oxadiazole	Ths. Nguyễn Phú Quý		2018-2019	30	
61.	Thực trạng nhiễm khuẩn vết mổ và các yếu tố liên quan trên bệnh nhân hậu phẫu tại Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ năm 2018	Ths. Nguyễn Thị Hồng Nguyên BS.CKI. Phan Ngọc Thủy		2018-2019	30	

62.	Nghiên cứu, thiết kế bộ điều khiển từ xa thông qua mạng internet bằng giọng nói trên phần mềm điện thoại android	Đỗ Chí Tâm Trương Thái Ngọc Nguyễn Thiện Phúc		2018-2019	30	
63.	Cải tiến chức năng gợi ý lượng phân đạm trong hệ thống hỗ trợ nông dân trên thiết bị di động module: so màu lá lúa	Lâm Tấn Phương Huỳnh Thanh Danh Nguyễn Minh Hiếu		2018-2019	30	
64.	Ứng dụng android quản lý quy trình sản xuất theo tiêu chí vietgap cho mô hình sản xuất rau sạch	Lê Thị Thu Lan Quách Luyl Đa Lâm Minh Thuận Quách Hoàng Long		2018-2019	30	
65.	Quản lý các khảo sát tại trường Đại học Tây Đô	Thạc sĩ Nguyễn Chí Cường Thạc sĩ Lê Thanh Trúc Sinh viên 1 Sinh viên 2		2018-2019	30	
66.	Phân tích ảnh hưởng hiệu ứng chốt chặn đến ứng xử và khả năng kháng cắt dằm BTCT gia cường tấm GFRP	Ths. Lã Hồng Hải		2018-2019	30	
67.	Thực trạng và giải pháp nâng cao động lực học tập của sinh viên Khoa Kỹ thuật – Công nghệ trường Đại học Tây Đô	Ths. Huỳnh Thanh Danh Ths. Lâm Tấn Phương		2018-2019	30	
68.	Thiết kế mô hình thực hành cảm biến và khí nén để giảng dạy cho sinh viên ngành điện – điện tử Trường Đại Học Tây Đô	Ths. Nguyễn Duy Ninh		2018-2019	30	
69.	Nghiên cứu xử lý ảnh để nhận dạng biển số xe	Ths. Bùi Xuân Tùng		2018-2019	30	
70.	Phân tích các yếu tố đến việc chọn ngành du lịch của sinh viên ĐH Tây Đô	Ths. Trần Minh Hùng Ths. Nguyễn Phúc Khánh Ths. Nguyễn Tương Lai Ths. Đào Duy Tùng		2018-2019	15	
71.	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học của học sinh phổ thông tại các tỉnh khu vực ĐBSCL	Ths. Phòng Thị Huỳnh Mai Ths. Thái Ngọc Vũ Nguyễn Kim Thắm Ths. Võ Khắc Huy Lê Thị Kiều Diễm		2018-2019	15	

72.	Xây dựng chiến lược phát triển du lịch thành phố Cần Thơ đến năm 2030	Ths. Nguyễn Huỳnh Phước Thiện Ths. Đinh Vũ Long Ths. Trịnh Bửu Nam Ths. Nguyễn Thị Thanh Trúc		2018-2019	15	
73.	Nghiên cứu, tính toán, thiết kế và chế tạo hệ thống chung cất loại tháp chóp	PGS.TS. Phan Văn Thơm Ths. Đỗ Văn Mãi		2018-2019	30	
74.	Nghiên cứu thành tố văn hóa thời Pháp thuộc qua địa danh của Quận Cái Răng – Thành phố Cần Thơ	Ths. Nguyễn Thúy Diễm		2018-2019	15	
75.	Văn hóa tộc người Khmer Nam Bộ qua địa danh Sóc Trăng	Ths. Nguyễn Minh Ca		2018-2019	15	
76.	Phát triển du lịch cộng đồng dựa vào loại hình du lịch homestay tại thành phố Cần Thơ	Ths. Dương Thanh Xuân Ths. Lê Văn Hiệu		2018-2019	15	
77.	Effectiveness of project-based learning approach in English language learning in Tay Do University (Hiệu quả của phương pháp dạy học bằng dự án trong việc học Ngôn Ngữ Anh trong trường Đại học Tây Đô)	Ths. Lý Thị Trà My Ths. Đặng Thị Bảo Dung Ths. Nguyễn Thị Thúy Hằng Ths. Mai Thành Hiệp Ths. Ngô Thị Ngọc Thảo		2018-2019	15	
78.	Đảng Bộ cơ sở Trường Đại học Tây Đô lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Thực trạng và những kinh nghiệm, giải pháp từ thực tiễn	Lê Văn Sơn Ths. Phạm Phi Hùng Ths. Nguyễn Hà Quốc Tín		2018-2019	15	
79.	Giải pháp đào tạo thực hành kỹ năng cơ bản cho sinh viên Kinh tế và Khoa học xã hội tại cơ sở giáo dục	Ths. Triệu Thái Dương Ths. Lê Hoàng Lệ Thùy Ths. Trần Văn Nhuộm		2018-2019	15	
80.	Cải thiện độ phì nhiêu đất liếp vườn trồng cam sành và kiểm soát bệnh vàng lá thối rễ nhằm nâng cao	GS.TS. Võ Thị Gương Ths. Nguyễn Ngọc Thanh CN. Võ Văn Sĩ		2018-2019	30	

	năng suất trái vườn cam sành					
81.	Nghiên cứu chiết xuất Pectin từ vỏ dưa hấu dùng làm phụ gia trong chế biến thực phẩm	Nguyễn Hùng Mạnh ThS. Nguyễn Kim Đông		2018-2019	10	
82.	Ảnh hưởng của đặc tính đất, biện pháp canh tác đến lượng ly trích dược tính trong cây Lá Cách trên đất phù sa	Ngũ Thị Trúc Mai TS. Võ Văn Bình		2018-2019	10	
83.	Bước đầu đánh giá khả năng đào thải dư lượng kháng sinh trong cơ thịt động vật thủy sản bằng dịch chiết Bạch hoa xà	Huỳnh Tấn Khanh Trần Quang Khải ThS. Nguyễn Lê Hoàng Yến		2018-2019	10	
84.	Thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trường Đại học Tây Đô	Lê Thuý Diệu Trần Hồ An Thịnh Nguyễn Hoàng Thành Trần Văn Minh Trần Duy Linh Huỳnh Ngọc Trọng Mai Thanh Sử Ths. Lê Cảnh Bích Thơ		2018-2019	10	
85.	Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin trong báo cáo tài chính của các doanh nghiệp thủy sản niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM	Nguyễn Thị Kim Ngọc Khoẻ Ths. Huỳnh Thị Cẩm Thơ		2018-2019	10	
86.	Ứng dụng mô hình kinh tế lượng để dự báo lượng vốn FDI vào TP. Cần Thơ	Lý Minh Chánh Phạm Hoàng Minh Huỳnh Tấn Nguyên Ths. Phan Ngọc Bảo Anh		2018-2019	10	
87.	Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh Cà Mau.	Nguyễn Thuý Linh Ths. Lê Cảnh Bích Thơ		2018-2019	10	
88.	Các yếu tố ảnh hưởng đến tính thanh khoản của các công ty ngành tài chính được niêm yết trên Sở	Lại Thị Nguyệt Anh Ths. Nguyễn Đình Khôi		2018-2019	10	

	giao dịch Chứng khoán TP.HCM					
89.	Ảnh hưởng của thông tin kế toán đến giá của các cổ phiếu từ Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM	Thiều Thị Yến Nhi Ths. Huỳnh Trung Kiên		2018-2019	10	
90.	Đánh giá sự hài lòng của sinh viên về chất lượng dịch vụ tại thư viện trường Đại học Tây Đô	Nguyễn Hoàng Giang TS. Trần Kiều Nga		2018-2019	10	
91.	Bắt cập về việc thu thuế đối với bán hàng online	Chung Thiên Trí Phan Kim Ngọc		2018-2019	10	
92.	Những bắt cập trong việc thu mua lúa gạo	Nguyễn Nhật Quang Nguyễn Quý Tường		2018-2019	10	
93.	Khảo sát đặc điểm vi học và tác dụng chống oxy hóa của cây Dây Vác [Cayratia trifolia (L.) Domin].	Lê Kim Huyền Ths. Đỗ Văn Mãi		2018-2019	10	
94.	Xây dựng phương pháp định lượng Eucalyptol trong chế phẩm viên nang mềm Eugica bằng phương pháp sắc ký khí ghép khối phổ	Trần Thị Phương Thảo Ths. Nguyễn Kim Đông		2018-2019	10	
95.	Sản xuất và sử dụng phân sinh học hữu cơ tại nông hộ cho rau màu, cây ăn trái đạt năng suất và chất lượng cao	PGS.TS. Nguyễn Văn Bá		2010-2013	166	Sản xuất và sử dụng phân sinh học hữu cơ tại nông hộ cho rau màu, cây ăn trái đạt năng suất và chất lượng cao
96.	Nghiên cứu vấn đề lao động việc làm người dân quận Cái Răng - TP Cần Thơ	Ths. Võ Minh Sang		2011-2012	86	Kết quả của đề tài phục vụ cho quy hoạch phát triển nguồn nhân lực Quận Cái Răng và TP Cần Thơ
97.	Nghiên cứu đề xuất giải pháp để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế tỉnh Hậu Giang theo hướng cạnh	PGS.TS. Đào Duy Huân		2012-2014	263	Đề xuất giải pháp để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng

	tranh trong giai đoạn năm 2012 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2025					kinh tế tỉnh Hậu Giang theo hướng cạnh tranh trong giai đoạn năm 2012 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2025
98.	Nghiên cứu phát triển mô hình Aquaponics cho hộ gia đình ở quận Cái Răng - Thành phố Cần Thơ	Ths. Nguyễn Thành Tâm		2012-2014	386	Phát triển mô hình Aquaponics cho hộ gia đình ở quận Cái Răng - Thành phố Cần Thơ
99.	Xây dựng mô hình nuôi thủy sản thâm canh trong bể nhựa ở quận Cái Răng - Thành phố Cần Thơ	PGS.TS. Nguyễn Văn Bá		2013-2015	351	Xây dựng mô hình nuôi thủy sản thâm canh trong bể nhựa ở quận Cái Răng - Thành phố Cần Thơ
100.	Nghiên cứu đề xuất mô hình sản xuất - phân phối - tiêu thụ rau an toàn trên địa bàn quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ	Ths. Võ Minh Sang		2014-2015	200	Đề xuất mô hình sản xuất - phân phối - tiêu thụ rau an toàn trên địa bàn quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ
101.	Nghiên cứu, đánh giá thành phần hóa học và sinh học kết hợp sản xuất thực phẩm chức năng từ cây Đinh lăng lá nhỏ tại huyện Tri Tôn, Tỉnh Biên, tỉnh An Giang (Polyscias fruticosa (L.) Harms)	PGS.TS. Trần Công Luận		2015-2017	1.098	

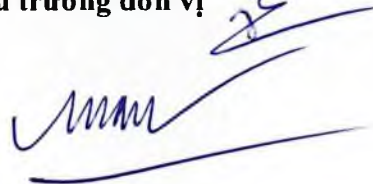
K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1	Trường Đại học Tây Đô	Từ 21/12/2017 đến 25/12/2017	82%	Nghị quyết số 14/NQHĐKĐCL ngày 28/02/2018 về việc thẩm định kết quả đánh giá chất	Đạt	30/3/2018	30/3/2023

				lượng giáo dục Trường Đại học Tây Đô của Hội đồng KDCLGD			
--	--	--	--	---	--	--	--

Cần Thơ, ngày 31 tháng 10 năm 2018

Thủ trưởng đơn vị



Trần Công Luận